BAOVIET
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

BÌNH THƯỜNG MỚI
TÂM THẾ MỚI



BÁO CÁO TÍCH HỢP 2020

BÌNH THƯỜNG MỚI
TÂM THẾ Mới

2020 là một năm đặc biệt. Có lẽ, sẽ cần cả một bộ phim để ghi lại những hình ảnh có một không hai trong năm vừa qua mà cả thế giới đã phải đối mặt.

Đại dịch COVID-19 xảy ra khiến cả thế giới chao đảo, tác động và làm thay đổi cấu trúc chính trị, kinh tế, xã hội. Dịch bệnh hiện chưa có điểm kết thúc nhưng hầu như tất cả đều đồng thuận với nhận định cuộc sống giai đoạn hậu COVID-19 sẽ rất khác so với trước đây, đó là cuộc sống trong trạng thái "Bình thường mới". Trạng thái "Bình thường mới" (the New Normal) được hiểu là trạng thái sau các biến cố với các tác động, hệ quả nặng nề như khủng hoảng kinh tế hay đại dịch bệnh.

Trong trạng thái đó, làm sao để thích ứng và phát triển?

Nhằm truyền tải một thông điệp mang tính thời sự, bao trùm đời sống kinh tế, xã hội trong năm qua, Bảo Việt đã lựa chọn **"Bình thường mới – Tâm thế mới"** là thông điệp chủ đạo xuyên suốt Báo cáo thường niên 2020. Trước thách thức khó lường định của thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là sự ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 năm vừa qua lên tình hình kinh tế, chính trị, hành vi, nhu cầu của khách hàng và cách thức vận hành, quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp, trong trạng thái **"Bình thường mới"**, doanh nghiệp cần chuẩn bị cho mình một **"Tâm thế mới"** như thế nào để thích ứng nhanh và ứng phó với những thay đổi trong trạng thái mới là điều vô cùng quan trọng.

> Với Bảo Việt, chúng tôi đã chuẩn bị cho mình một tâm thế chủ động, linh hoạt, không ngừng học hỏi, vận dụng, sáng tạo, đổi mới cách thức quản trị điều hành, tăng cường chuyển đổi số, thay vì bó hẹp trong những lối đi truyền thống, Bảo Việt đã đón đầu và làm chủ công nghệ, tham gia thế giới phẳng để thích ứng trước những thay đổi trong trạng thái mới để không ngừng tăng trưởng và phát triển bền vững.

Điểm nhấn
BÁO CÁO TÍCH HỢP 2020



#TÍCH HỢP ĐA NỀN TẢNG
#CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI
#THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG
#TÍCH HỢP ESG
BÁO CÁO TƯƠNG TÁC

Truy cập vào website:
baoviet.com.vn/baocaotichhop2020

Tải ứng dụng báo cáo tích hợp tại:

Download on the App Store | GET IT ON Google Play

Nhập từ khóa "Baoviet Integrated Report 2020"
hoặc "Báo cáo tích hợp Bảo Việt 2020"

Chúng tôi mong muốn lắng nghe ý kiến
từ các Quý vị để nâng cao chất lượng nội dung báo cáo.
Vui lòng liên hệ Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư
✉ | investorbvh@baoviet.com.vn
☎ | (+84) 24 3928 9999

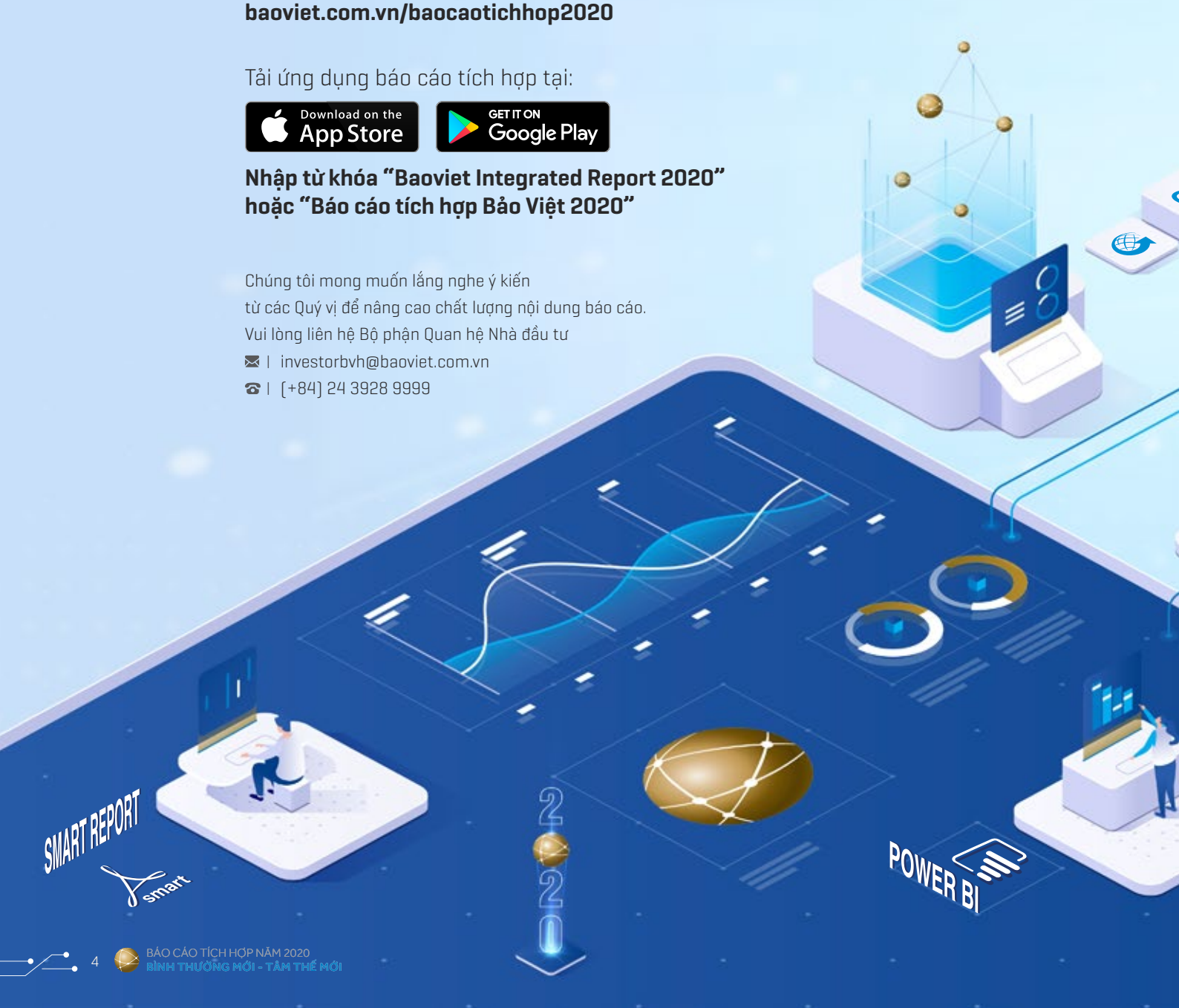

ỨNG DỤNG POWER BI
Giải pháp phân tích kinh doanh cho phép trực quan hóa dữ liệu.

ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI KIỂM TOÁN NỘI BỘ
Với các chỉ tiêu Phi tài chính.

TÍCH HỢP ESG
trong Chiến lược, Quản trị, điều hành hướng đến phát triển bền vững

INTEGRATED REPORTING
Báo cáo tích hợp theo chuẩn mực IIRC quốc tế.

GẮN KẾT 17 MỤC TIÊU
Phát triển bền vững của Thế giới vào Hoạt động của Bảo Việt.

GLOBAL REPORTING INITIATIVE
Báo cáo phát triển bền vững theo GRI standards.

CSI
Bộ tiêu chuẩn đánh giá, xếp hạng Doanh nghiệp bền vững Việt Nam.

ỨNG DỤNG GRI DIGITAL PLATFORM
trong việc lập báo cáo.

IFRS
Báo cáo tài chính theo chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

QR CODE
Nâng cao trải nghiệm người đọc trên ứng dụng đa nền tảng.



ĐIỀU GÌ Ở CỔ PHIẾU BVH HẤP DẪN NHÀ ĐẦU TƯ?

BVH

- CỔ PHIẾU DẪN ĐẦU NGÀNH BẢO HIỂM
- ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC RÕ RÀNG, QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THEO CHUẨN MỰC QUỐC TẾ
- TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG CAO
- THÔNG TIN MINH BẠCH
- LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ



Tiên phong xây dựng hệ sinh thái Bảo hiểm - Đầu tư - Tài chính - Ngân hàng trên nền tảng kỹ thuật số

Tập đoàn Bảo Việt tăng cường đầu tư và củng cố nền tảng công nghệ thông tin hiện đại đáp ứng tốt hơn nhu cầu kinh doanh của toàn hệ thống; tập trung mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, triển khai nghiên cứu ra mắt chuỗi sản phẩm tích hợp đa dạng và ưu đãi vượt trội cho khách hàng nhằm giữ vững vai trò doanh nghiệp dẫn đầu thị trường. Cùng với việc tiên phong triển khai các sản phẩm tích hợp, ưu việt, trở thành niềm tự hào thương hiệu Việt (mới đây nhất có thể kể tới: Bảo Việt Tâm An, An Phát Cát Tường...), Bảo Việt cũng liên tục nâng cấp hình thức mua bảo hiểm trực tuyến linh hoạt, thuận tiện, thể hiện tinh thần tiên phong trong chuyển dịch số của một Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.



CỔ PHIẾU TIỀM NĂNG NGÀNH BẢO HIỂM

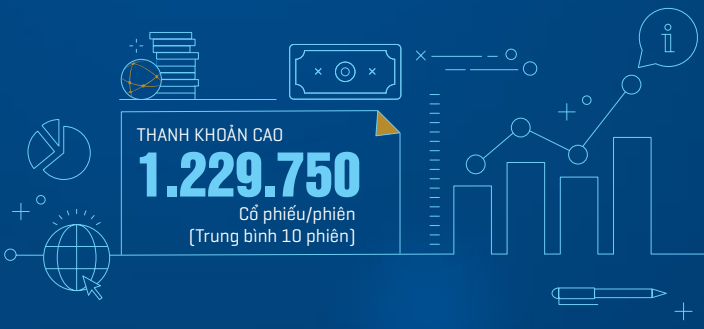

> Kiến tạo thị trường bảo hiểm, đồng hành cùng thị trường chứng khoán

Là DN quy mô tổng tài sản hàng đầu trên thị trường bảo hiểm, Tập đoàn Bảo Việt đã tăng cường đầu tư trở lại nền kinh tế với định hướng đầu tư trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng cũng như các bên liên quan. Hơn 56 năm qua, với khẩu hiệu "niềm tin vững chắc - cam kết vững bền", Bảo Việt đã và đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ để trở thành một Tập đoàn tài chính - bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ với các trụ cột như: Bảo hiểm, đầu tư, tài chính, ngân hàng.

Tổng tài sản **147.283** TỶ ĐỒNG
tăng 14,9%

Tổng doanh thu **48.949** TỶ ĐỒNG
tăng 9,1%

Lợi nhuận sau thuế **1.597** TỶ ĐỒNG
tăng 28,5%

CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT ỔN ĐỊNH
Dành tối thiểu 50% lợi nhuận hàng năm để trả cổ tức.

TÍCH CỰC ĐÓNG GÓP TRỞ LẠI NỀN KINH TẾ
Đóng góp hơn 22.561 tỷ đồng vào Ngân sách Nhà nước kể từ khi cổ phần hóa đến nay.

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG CAO



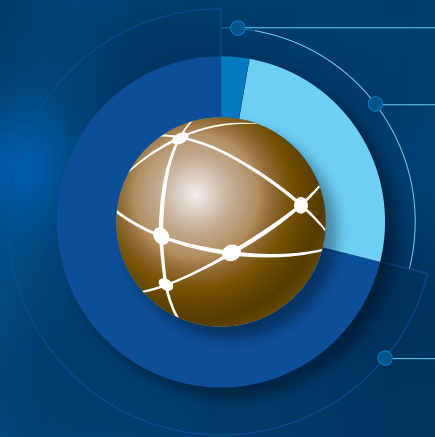

Lĩnh vực dịch vụ tài chính và khác **3%**

Lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm phi nhân thọ **26%**

Lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm nhân thọ **71%**

Với tỷ lệ thâm nhập doanh thu phí bảo hiểm/GDP thấp như hiện nay, lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, đặc biệt là lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đang trở thành lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cao, thu hút sự quan tâm của đông đảo nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC RÕ RÀNG, QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THEO CHUẨN MỰC QUỐC TẾ

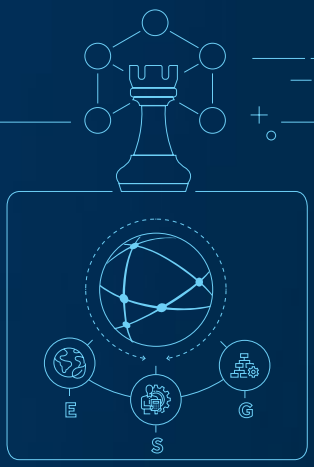

CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ TRỌN GÓI



Danh mục sản phẩm đa dạng và ưu việt

80
SẢN PHẨM BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

55
SẢN PHẨM BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Hệ thống phân phối quy mô lớn

200
CHI NHÁNH

1.000
PHÒNG GIAO DỊCH TRÊN 63 TỈNH THÀNH

Vị thế số 1 thị trường bảo hiểm (tỷ đồng)

28.046
DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM NHÂN THỌ

10.943
DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ

Thế mạnh từ việc đón đầu xu hướng CMCN 4.0
Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ
trên nền tảng công nghệ số.



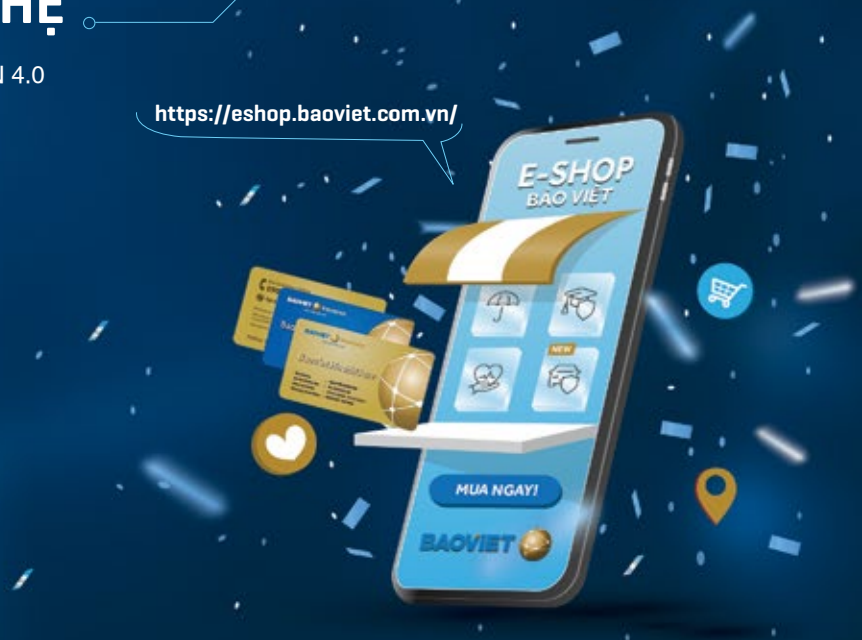

BÁO CÁO ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI KIỂM TOÁN NỘI BỘ

BAOVIET Holdings
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Số: 533/2021/TĐBV-KTKTNB
V/v: Đảm bảo một số chỉ tiêu Phát triển bền vững

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

Kính gửi:
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

> Để đảm bảo độ tin cậy của một số chỉ tiêu trên Báo cáo Phát triển bền vững năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện đảm bảo một số chỉ tiêu Phát triển bền vững năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt.

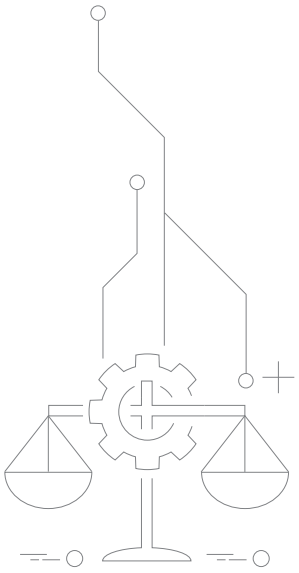

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo Phát triển bền vững năm 2020 theo Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI). Đồng thời Ban Điều hành chịu trách nhiệm về việc thiết kế và thực thi các kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo sự hợp lý của thông tin, số liệu trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt.

Trách nhiệm của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ

Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm đưa ra các ý kiến đánh giá độc lập, khách quan về các chỉ tiêu Phát triển bền vững được lựa chọn năm 2020 dựa trên quy trình, phương pháp đã được quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ, Quy chế/Quy trình Kiểm toán nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt, các hướng dẫn thực hành Chuẩn mực Kiểm toán nội bộ quốc tế và các thông lệ quốc tế. Quy định này yêu cầu các kiểm toán viên của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ tuân thủ Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, phương pháp đánh giá dựa trên rủi ro cho các bước tiến hành từ khâu lập kế hoạch, triển khai nhằm đưa ra kết luận.

Việc triển khai dịch vụ đảm bảo được tiến hành chủ yếu thông qua phương pháp phỏng vấn và thực hiện đối chiếu thông tin, dữ liệu.

Kết quả đảm bảo đã được thảo luận với Ban Điều hành và lãnh đạo các Ban chức năng/đơn vị có liên quan.

Phạm vi rà soát và đảm bảo

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ cung cấp dịch vụ đảm bảo có giới hạn cho một số chỉ tiêu Phát triển bền vững tại Báo cáo Phát triển bền vững năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt dựa trên Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của GRI bao gồm:



GRI 202-1	GRI 404-1	GRI 413-1	GRI G4 - FS7
Tỷ lệ mức lương thỏa thuận của lao động tuyển dụng mới theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng;	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi lao động;	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển;	Giá trị (bằng tiền) của sản phẩm và dịch vụ được thiết kế phục vụ một lợi ích xã hội nhất định cho từng lĩnh vực kinh doanh phân theo mục đích.

Kết luận

Dựa trên các thủ tục đảm bảo đã nêu trên, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ nhận thấy các chỉ tiêu Phát triển bền vững được lựa chọn trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt đã được trình bày trung thực và phù hợp trên các khía cạnh trọng yếu theo quy định tại Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của GRI.

Trần Thị Diệu Hằng
Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán Nội bộ

Bảo Việt tin tưởng rằng khi có niềm tin và cùng chung một chí hướng "Đoàn kết – Chia sẻ – Hợp lực – Đổi mới – Tiên phong", chúng tôi sẽ vượt qua mọi thách thức để cùng đưa Bảo Việt vươn xa, phát triển hiệu quả, bền vững và hiện thực hóa tầm nhìn tới 2030 của Bảo Việt là "Bền vững là Tập đoàn uy tín, lớn nhất trong lĩnh vực Tài chính – Bảo hiểm tại Việt Nam".



Nội dung

BÁO CÁO TÍCH HỢP
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT NĂM 2020

04 Điểm nhấn Báo cáo tích hợp 2020
10 Báo cáo được đảm bảo bởi kiểm toán nội bộ
14 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
16 Thông điệp của Tổng Giám đốc
18 Thông điệp của cổ đông chiến lược Sumitomo Life

1 NĂNG ĐỘNG

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

22 Tổng quan Tập đoàn Bảo Việt
30 Cơ cấu quản trị Tập đoàn
32 10 sự kiện tiêu biểu
34 10 giải thưởng tiêu biểu
36 Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs)

2 HỢP LỰC

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

40 Môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức
44 Mô hình hoạt động kinh doanh và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng
50 Gắn kết các bên liên quan
54 Xác định các lĩnh vực trọng yếu
58 Xu hướng công nghệ tác động đến ngành bảo hiểm
70 Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt
78 Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2016-2020

3 ĐỔI MỚI

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

86 Báo cáo và đánh giá của Ban Điều Hành
135 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về mọi mặt hoạt động
138 Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông
142 Báo cáo hoạt động của các đơn vị thành viên
144 Báo cáo hoạt động Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
152 Báo cáo hoạt động Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ
160 Báo cáo hoạt động Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
164 Báo cáo hoạt động Công ty TNHH Đầu tư Bảo Việt
168 Báo cáo hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

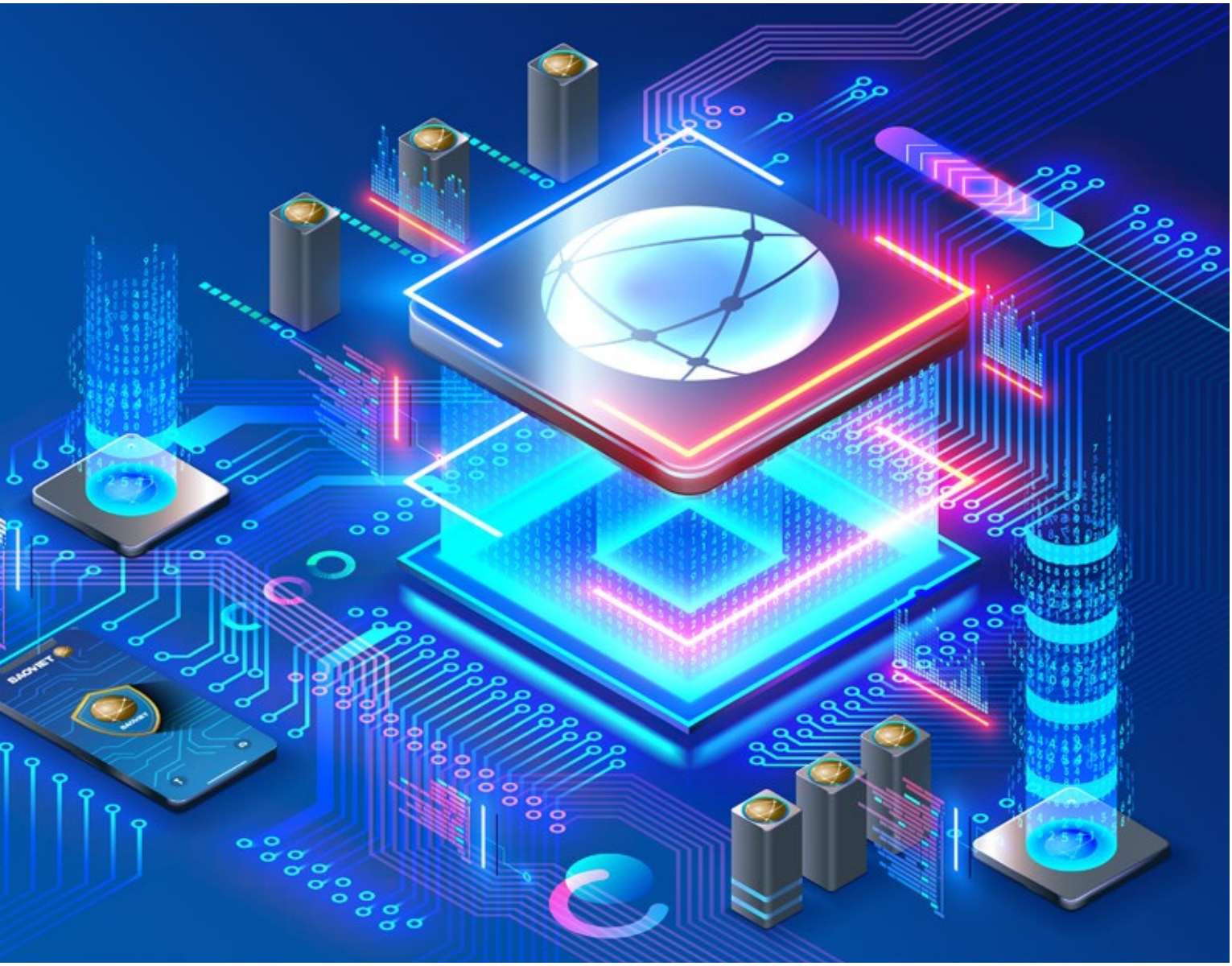

MINH BẠCH 4

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

174 Tích hợp ESG trong quản trị hướng đến phát triển bền vững
176 Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt
188 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
200 Báo cáo hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị
212 Báo cáo của Ban Kiểm soát
220 Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát
223 Chính sách quan hệ cổ đông
231 Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ
245 Quản lý rủi ro
255 Pháp chế và tuân thủ
260 Báo cáo đánh giá tình hình quản trị công ty năm 2020

BỀN VỮNG 5

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

282 Con số và sự kiện tiêu biểu năm 2020
284 Tổng quan hoạt động phát triển bền vững tại Bảo Việt
286 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
290 Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động
298 Sự kiện và hoạt động thuộc trọng tâm phát triển bền vững của Bảo Việt
298 Cộng đồng địa phương
308 An toàn và sức khỏe của khách hàng

CHUẨN MỰC 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

312 Báo cáo tài chính riêng (tóm tắt) theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)
318 Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)
Báo cáo tài chính hợp nhất (tóm tắt) theo chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS)

THÔNG ĐIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

> Năm 2020 là mốc giai đoạn quan trọng với các sự kiện trọng đại như Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, năm cuối thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm năm 2016 – 2020. Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19 bùng nổ toàn Thế giới, đã và đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế- xã hội của các quốc gia trên toàn thế giới nói chung, và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Bên cạnh đó, năm 2020 là năm then chốt kết thúc Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Bảo Việt. Thận trọng với những khó khăn, rủi ro, đồng thời nắm bắt cơ hội để Tập đoàn Bảo Việt hướng tới dịch vụ tài chính - bảo hiểm toàn diện tốt nhất cho thị trường, nâng cao phương thức tiếp cận, chất lượng dịch vụ, ra mắt các sản phẩm tích hợp dành cho khách hàng, nâng cao tính cạnh tranh thị trường với mục tiêu "Học hỏi – Vận dụng – Sáng tạo".

Kính gửi các Quý cổ đông, khách hàng và đồng nghiệp,

Năm 2020, trước ảnh hưởng nặng nề của thiên tai và đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, nhiều ngành kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề, trong đó có ngành tài chính – bảo hiểm. Trước điều kiện kinh doanh khó khăn như trên, năm 2020 khép lại, với những nỗ lực và quyết tâm của Ban Lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên Tập đoàn Bảo Việt, chúng ta vô cùng tự hào thông báo Tập đoàn Bảo Việt đã tiếp tục đạt được mức tăng trưởng và phát triển ổn định, cơ bản hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã đặt ra và thực hiện triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trên toàn hệ thống, khẳng định uy tín của Bảo Việt với lịch sử gần 60 năm phát triển, tiên phong kiến tạo giá trị thương hiệu của doanh nghiệp Việt vươn tầm khu vực.

RÀ SOÁT, TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Các đơn vị thành viên trong lĩnh vực kinh doanh nòng cốt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ giữ đà tăng trưởng mạnh mẽ, giữ vững vị trí số 1 trên cả thị trường bảo hiểm phi nhân thọ và thị trường bảo hiểm nhân thọ; Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt tiếp tục là doanh nghiệp quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam; Công ty CP chứng khoán Bảo Việt thuộc Top 10 công ty có thị phần môi giới lớn nhất. Năm 2020, với những nền tảng được xây dựng vững chắc, với sự nỗ lực của toàn hệ thống, Bảo Việt tiếp tục đạt được nhiều kết quả khả quan, được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước đánh giá cao. Những giải thưởng này đã góp phần nâng cao giá trị thương hiệu Bảo Việt.

Bên cạnh những mục tiêu kinh tế, chúng tôi hiểu rằng mục tiêu bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội chính là các yếu tố nền tảng cho sự thành công lâu dài, bền vững của Bảo Việt. Hơn bao giờ hết, trước tình hình dịch bệnh Sars-Covid-2 liên tục có những diễn biến phức tạp, việc thay đổi khí hậu đã có ảnh hưởng vô cùng nghiêm trọng trên kinh tế và xã hội toàn cầu, các hoạt động cộng đồng, an sinh xã hội gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững của thế giới trong hoạt động kinh doanh đã và đang là yếu tố sống còn của các doanh nghiệp, trong đó, Bảo Việt đã và đang rất tích cực trong việc triển khai. Thành quả đó đã được ghi nhận qua việc Tập đoàn Bảo Việt vinh dự 8 lần liên tiếp đứng trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam (Tạp chí Forbes Việt Nam); là doanh nghiệp Việt tỷ đô, dẫn đầu lĩnh vực bảo hiểm trong danh sách Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam (Tạp chí Nhịp cầu đầu tư). Bảo Việt - "Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam" và "Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam" năm 2020 do Anphabe bình chọn. Với những đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững, minh bạch, chuẩn mực của thị trường chứng khoán Việt Nam, Tập đoàn Bảo Việt (BVH) đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) ghi nhận tại Lễ vinh danh các thành viên thị trường.



BẢO VIỆT
THƯƠNG HIỆU SỐ 1 VIỆT NAM
VƯƠN TẦM QUỐC TẾ

Thương vụ Bảo Việt phát hành riêng lẻ thành công cho Sumitomo Life được thành phố Hà Nội và Thủ tướng Chính phủ ghi nhận là 1 trong 5 Dự án đầu tư tiêu biểu của TP Hà Nội. Theo tổ chức Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report), Bảo Việt đứng số 1 ở cả 2 danh sách "Top 10 công ty bảo hiểm nhân thọ uy tín nhất Việt Nam" và "Top 10 công ty Bảo hiểm phi nhân thọ uy tín nhất Việt Nam".

Tất cả những thành công trên là nhờ sự nỗ lực, sáng tạo và tận tụy của tập thể ban lãnh đạo, cán bộ nhân viên, tư vấn viên của Bảo Việt cũng như sự quan tâm chỉ đạo của các cơ quan quản lý và sự hỗ trợ, đồng hành của các quý cổ đông, khách hàng và đối tác của Bảo Việt trong suốt năm qua.

Bước sang năm 2021 – năm tiền đề cho chiến lược kinh doanh giai đoạn 2021 – 2025 của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, quyết tâm phát triển Bảo Việt thành một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm có tiềm lực tài chính vững mạnh, trên cơ sở đẩy mạnh xây dựng những nền tảng bền vững trên các lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, ứng dụng công nghệ thông tin, và không ngừng hướng đến các chuẩn mực quốc tế, phát triển bền vững.

Tạo hóa, thiên nhiên cho ta những thử thách, khó khăn mới chưa từng kinh qua. Tuy nhiên, với kinh nghiệm 60 năm hình thành và phát triển, Bảo Việt tự tin bước vào "trạng thái bình thường mới" với "tâm thế mới", tiếp tục phát triển và lớn mạnh cho giai đoạn tiếp theo.

Với uy tín thương hiệu và lịch sử phát triển của Bảo Việt trong suốt nửa thế kỷ qua, cùng với việc phát huy tinh thần "Đoàn kết – Chia sẻ – Hợp lực – Đổi mới – Tiên phong", Tôi tin tưởng rằng toàn hệ thống Bảo Việt sẽ tiếp tục hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kinh doanh và phát triển mạnh mẽ trong năm 2021, tạo nền tảng vững chắc thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển 2021 - 2025. Từ đó, khẳng định vị thế và vai trò dẫn đầu, định hướng thị trường bảo hiểm Việt Nam, vươn tầm quốc tế.

Trân trọng cảm ơn./.

Đào Đình Thi
Bí thư Đảng ủy,
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

> Với Bảo Việt, chúng tôi đã chuẩn bị cho mình một tâm thế chủ động, linh hoạt, không ngừng học hỏi, vận dụng, sáng tạo, đổi mới cách thức quản trị điều hành, tăng cường chuyển đổi số. Bảo Việt đã đón đầu xu hướng và làm chủ công nghệ, tham gia thế giới phẳng để thích ứng trước những thay đổi, không ngừng tăng trưởng và phát triển bền vững trong bối cảnh mới.

Thân gửi các quý cổ đông, khách hàng và đồng nghiệp,

Năm 2020 có lẽ đã trở thành một cột mốc quan trọng nữa trong lịch sử loài người, đánh dấu thời điểm mà thế giới trải qua một biến cố lớn đầy bất ngờ, làm thay đổi mọi thứ trong cuộc sống của tất cả mọi người từ cách chúng ta giao tiếp, học tập, làm việc cho đến mua sắm – đó là trạng thái "bình thường mới" sau đại dịch Covid 19. Tại Tập đoàn Bảo Việt, năm 2020 còn là năm then chốt kết thúc Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020. Với những nỗ lực và quyết tâm của Ban Lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên Tập đoàn Bảo Việt, chúng ta vô cùng tự hào thông báo Tập đoàn Bảo Việt đã tiếp tục đạt được mức tăng trưởng và phát triển ổn định, cơ bản hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã đặt ra và tiếp tục giữ vững vị trí số 1 thị trường bảo hiểm nhân thọ về thị phần Doanh thu phí bảo hiểm và phi nhân thọ về doanh thu phí bảo hiểm gốc. Tổng doanh thu hoạt động bảo hiểm nhân thọ đạt 36.151 tỷ đồng, tăng trưởng 12,5% so với năm 2019. Doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ giữ nhịp tăng trưởng, đạt gần 29.700 tỷ đồng, tăng 5,8% so với cùng kỳ. Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ ghi nhận tổng doanh thu đạt 11.526 tỷ đồng tổng doanh thu, vượt kế hoạch 6,9%; trong đó doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 9.692, vượt kế hoạch 4,2%.

Năm 2020, Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế thương hiệu hàng đầu với nhiều danh hiệu, giải thưởng danh giá. Các giải thưởng trong nước và quốc tế góp phần nâng cao Giá trị thương hiệu Bảo Việt" doanh nghiệp dẫn đầu ngành Bảo hiểm trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do Forbes Việt Nam xếp hạng... đồng thời liên tục ghi dấu ấn tại các Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững năm 2020.

TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ NĂM 2020 **11.503** TỶ ĐỒNG

TỔNG DOANH THU LĨNH VỰC BẢO HIỂM NHÂN THỌ NĂM 2020 **36.151** TỶ ĐỒNG

Với phương châm "Làm chủ công nghệ cao - Khác biệt tạo hiệu quả", Bảo Việt tập trung nguồn lực tiếp tục nghiên cứu để phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, hiệu quả để phục vụ hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành, chủ động bắt nhịp và tiến những bước dài trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Song song với hiện đại hóa công nghệ, Bảo Việt không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng các kênh phân phối, mang lại niềm tin và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Năm 2020, Tập đàn Bảo Việt đã ứng phó linh hoạt với tình hình chung và chủ động triển khai các giải pháp không để kinh doanh bị gián đoạn, ảnh hưởng bởi dịch Covid 19. Các hình thức hoạt động kinh doanh đã nhanh chóng được chuyển đổi, ứng dụng công nghệ số vào kinh doanh từ văn bản giấy tờ truyền thống sang số hóa – chứng từ điện tử đang dần dần thay thế chứng từ giấy, ứng dụng thương mại điện tử, chuyển đổi số hóa để thích ứng với hoàn cảnh, tiết kiệm chi phí, thời gian đồng thời nâng cao hiệu quả trong hoạt động điều hành. Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng linh hoạt trong cách tiếp cận khách hàng, trong đó ứng dụng công nghệ là chủ đạo, tiếp cận khách hàng từ trực tiếp sang trực tuyến như các cuộc họp, huấn luyện và tư vấn trực tuyến với khách hàng, kết nối toàn hệ thống. Với sự chủ động, kịp thời và sáng tạo, Bảo Việt đã nâng cao hiệu quả, giảm chi phí đồng thời bảo đảm an toàn trong bối cảnh toàn thế giới bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch.

Sự đồng lòng, quyết tâm và linh hoạt của tất cả mỗi người Bảo Việt chúng ta đã tạo nên một Bảo Việt 2020 – "bình thường mới" những gam màu tươi sáng trong bối cảnh bức tranh ảm đạm của Covid 19, tạo tiền đề để Bảo Việt tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới trong giai đoạn 2021-2025 tiếp theo. Trạng thái "bình thường mới" sẽ tạo ra cả cơ hội và thách thức đan xen, đòi hỏi toàn xã hội, cộng đồng Doanh nghiệp nói chung và Tập đoàn Bảo Việt nói riêng phải chuẩn bị một **"tâm thế mới"** với những cách tiếp cận mới, những cách thức và biện pháp mới trong chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách, cũng như trong xây dựng và tổ chức triển khai các chiến lược, kế hoạch về phát triển kinh doanh. Điều đó càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi Bảo Việt chuẩn bị bước vào giai đoạn mới (2021-2025) với việc triển khai các Chiến lược và Kế hoạch phát triển kinh tế hướng tới sự phát triển nhanh, mạnh và bền vững.



NĂM 2021:

BÌNH THƯỜNG MỚI TÂM THẾ MỚI

Năm 2021, nhiều khả năng bức tranh chung và chiều hướng diễn biến chung của tăng trưởng kinh tế và thương mại thế giới về cơ bản sẽ như trong năm 2020. Năm 2021 sẽ là một năm của những thời cơ để ngành bảo hiểm đẩy mạnh sự thích ứng với trạng thái bình thường mới với nhiều phát triển đột phá trên thị trường bảo hiểm về sản phẩm, kênh phân phối, dịch vụ khách hàng, và ứng dụng công nghệ số...

Thận trọng với những khó khăn, rủi ro, đồng thời nắm bắt cơ hội để Tập đoàn Bảo Việt hướng tới dịch vụ tài chính – bảo hiểm toàn diện tốt nhất cho thị trường, nâng cao phương thức tiếp cận, chất lượng dịch vụ, ra mắt các sản phẩm tích hợp dành cho khách hàng, nâng cao tính cạnh tranh thị trường với mục tiêu **"Bình thường mới – Tâm thế mới"**. Từ những bài học qua cuộc chiến "chống dịch như chống giặc" trong suốt năm qua giúp cho mỗi cán bộ nhân viên, mỗi đơn vị thành viên và Tập đoàn Bảo Việt nhận rõ những ưu điểm, những thế mạnh và cả những sức ỳ, điểm yếu trong cơ chế, trong bộ máy, trong mỗi con người. Từ đó, chúng tôi luôn trong đặt mình trong tâm thế sẵn sàng, uyển chuyển, linh hoạt và sáng tạo... Bảo Việt hiểu rằng cân bằng tĩnh chỉ sự đứng yên, muốn phát triển thì phải cân bằng động, điều mà ta thường nói tới là phát triển bền vững.

Quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thách thức, nắm bắt cơ hội phát triển và bứt phá, năm 2021, Bảo Việt sẽ quyết liệt thực hiện đồng bộ các giải pháp trọng tâm như nâng cao hiệu quả của các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi; đẩy mạnh chuyển đổi số; hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin; tích cực nghiên cứu và phát triển các sản phẩm tích hợp bảo hiểm - đầu tư – tài chính; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên toàn hệ thống nhằm giữ vững vị thế Tập đoàn tài chính – bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

Với tinh thần **"Bình thường mới – Tâm thế mới"**, tôi kêu gọi mỗi người Bảo Việt hãy cùng chung tay xây dựng một Bảo Việt năng động, sáng tạo, phát triển, bền vững. Trên nền tảng công nghệ đã được trang bị, phát huy sức mạnh trí tuệ con người Bảo Việt, Bảo Việt sẽ tiếp tục lớn mạnh hơn trong năm 2021 – mở đầu một giai đoạn chiến lược phát triển mới với niềm tin vững chắc về một Bảo Việt phát triển vững mạnh và vươn xa. Những giá trị Bảo Việt tạo dựng không chỉ là niềm tự hào của mỗi cán bộ công nhân viên, mà còn là chữ TÍN Bảo Việt đã, đang giữ trọn với khách hàng, đối tác và cả cộng đồng.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt, tôi xin trân trọng cảm ơn các Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác, các cơ quan quản lý Nhà nước cùng toàn thể cán bộ nhân viên, đại lý, tư vấn viên trong toàn hệ thống đã luôn đồng hành cùng Bảo Việt trong suốt thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị trong thời gian tới để Bảo Việt luôn vững bước tiên phong trên con đường chinh phục những đỉnh cao.

Kính chúc toàn thể Quý vị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn.

Đỗ Trường Minh

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

THÔNG ĐIỆP
CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC SUMITOMO LIFE



Ông Masahiro Hashimoto
Tổng giám đốc Sumitomo Life

> **Sumitomo Life đã có cơ hội tuyệt vời khi đầu tư thêm vào Bảo Việt trong năm 2019. Chúng tôi tin tưởng rằng việc tăng cường sức mạnh tài chính cho Bảo Việt thông qua đợt tăng vốn này là rất cần thiết và hiệu quả để Bảo Việt thực hiện chiến lược phát triển, tạo thêm lợi thế cạnh tranh trong môi trường cạnh tranh khắc nghiệt. Sumitomo Life cũng tin tưởng rằng điều này sẽ giúp cho mối quan hệ đối tác giữa hai bên ngày càng bền chặt và thân thiết hơn, đóng góp vào sự phát triển của Bảo Việt.**

Từ năm 2012, Bảo Việt và Sumitomo Life luôn hợp tác cùng nhau nhằm xây dựng mối quan hệ đối tác giá trị và bền vững. Sumitomo Life có sự tương tác chặt chẽ với Bảo Việt thông qua việc phái cử Thành viên Hội đồng quản trị và các chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật, sẵn sàng tiếp nhận các đoàn cán bộ Bảo Việt sang Nhật Bản tập huấn, hợp tác nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau.

TỔNG TÀI SẢN **302,7** TỶ USD

Thật đáng khích lệ khi Bảo Việt đã giữ vững vị thế là thương hiệu số một trên thị trường bảo hiểm đang phát triển nhanh chóng tại Việt Nam và vẫn tiếp tục tăng trưởng, bất chấp điều kiện thị trường bất lợi hiện nay đang trở nên cạnh tranh hơn và phải đối mặt với cuộc khủng hoảng chưa từng có của COVID-19.

Mong muốn chân thành của Sumitomo Life là đóng góp cho sự phát triển của Bảo Việt và người dân Việt Nam thông qua việc tích cực hỗ trợ cho Bảo Việt trong quá trình trở thành Tập đoàn Đầu tư - Tài chính - Bảo hiểm có lịch sử lâu dài trong tương lai. Trong nhiều năm tiếp theo, điều mà Sumitomo Life hướng tới chính là trở thành một công ty có tiềm lực hơn nữa để song hành cùng sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của Bảo Việt.



Empowering your future

SUMITOMO LIFE

NĂM THÀNH LẬP	**Tháng 5 năm 1907**
TRỤ SỞ CHÍNH	**Tokyo và Osaka, Nhật Bản**
MẠNG LƯỚI	
Tại Nhật Bản	**87** văn phòng chi nhánh **1.449** văn phòng quận
Trên thế giới	Các công ty bảo hiểm nhân thọ tại Mỹ, Việt Nam, Indonesia, Singapore và Trung Quốc.
Các văn phòng đại diện tại New York, London, Bắc Kinh và Hà Nội	

XẾP HẠNG TÍN NHIỆM	Moody's	S&P
	A1	**A+**





SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG (Các hợp đồng cá nhân và hưu trí) **11,5** TRIỆU HỢP ĐỒNG

TỔNG TÀI SẢN RÒNG **15** TỶ USD

SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN **10.962** NHÂN VIÊN

TỔNG DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM **20,4** TỶ USD

ĐỘI NGŨ BÁN HÀNG **32.206** ĐẠI LÝ

NĂNG ĐỘNG



1

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

22 Tổng quan Tập đoàn Bảo Việt

30 Cơ cấu quản trị Tập đoàn

32 10 sự kiện tiêu biểu

34 10 giải thưởng tiêu biểu

36 Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs)



TỔNG QUAN TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

TẦM NHÌN

Giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng hiệu quả và bền vững

+

SỨ MỆNH

Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng



TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU VỚI LỊCH SỬ 56 NĂM TIÊN PHONG KHAI MỞ VÀ ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM

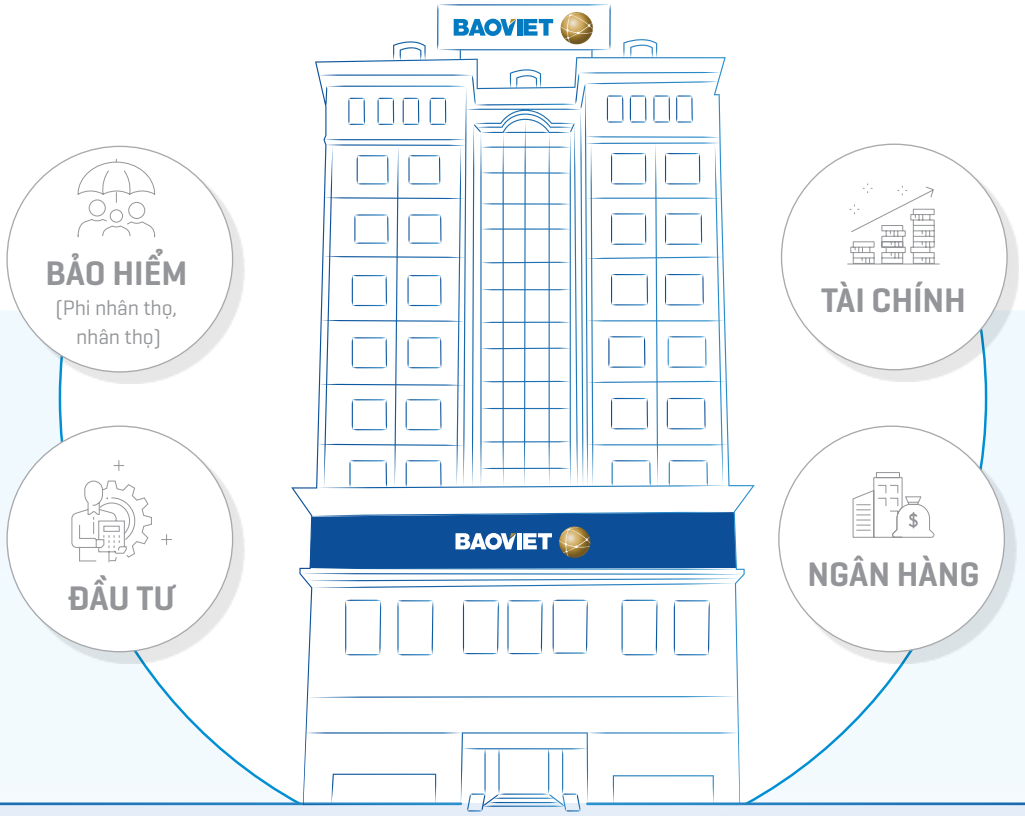

Tên giao dịch: TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Địa chỉ: Số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Vốn điều lệ: 7.423.227.640 VNĐ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt được đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 09/01/2020.

15/01/1965
NGÀY THÀNH LẬP TẬP ĐOÀN

>6.500
CBNV TOÀN HỆ THỐNG BẢO VIỆT

17.000.000
KHÁCH HÀNG

250.000
ĐẠI LÝ VÀ TƯ VẤN VIÊN

179
CHI NHÁNH

1.000
PHÒNG GIAO DỊCH

80
SẢN PHẨM BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

>40
SẢN PHẨM BẢO HIỂM NHÂN THỌ

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ CÁC DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN, QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG

TỔNG QUAN
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

HÀNH TRÌNH NỬA THẾ KỶ
KIẾN TẠO GIÁ TRỊ VỮNG BỀN

1965

Công ty Bảo hiểm Việt Nam chính thức đi vào hoạt động ngày 15/01/1965



1999

Thành lập Công ty Chứng khoán Bảo Việt, là công ty chứng khoán đầu tiên trên thị trường



2008

Thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt



1965 — 1989-1996 — 1999 — 2005-2007 — 2008 — 2009-2010



1989

Công ty Bảo hiểm Việt Nam chuyển đổi thành Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

1996

Thành lập công ty bảo hiểm nhân thọ đầu tiên trên thị trường

Trở thành công ty bảo hiểm hỗn hợp đầu tiên tại Việt Nam



2005

Thành lập Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt

2007

IPO và thành lập Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt

HSBC Insurance mua 10% cổ phần tại Bảo Việt



2009

Cổ phiếu BVH được niêm yết trên HOSE.

Thành lập Công ty Đầu tư Bảo Việt.

HSBC Insurance tăng vốn góp tại Bảo Việt lên 18%

2010

Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới

2011

Tập đoàn Bảo Việt tăng vốn điều lệ lên 6.805 tỷ đồng thông qua phát hành riêng lẻ cho các cổ đông hiện hữu

2012

Sumitomo Life trở thành cổ đông chiến lược của Bảo Việt.

Ngân hàng Bảo Việt hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng



2011-2012

2013-2015



2013

Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng

2015

Hoàn thành Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt giai đoạn 2011-2015

2016

Tập đoàn tài chính - bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam vượt mốc doanh thu 1 tỷ USD

2017

Khai trương Siêu thị Tài chính đầu tiên của Bảo Việt, tái định vị thương hiệu để vươn tầm quốc tế



2016-2017

2018-2019



2018

Tiên phong trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

2019

Thực hiện thành công dự án Phát hành riêng lẻ với đối tác Sumitomo Life, nâng tổng số vốn điều lệ của Bảo Việt lên mức 7.423 tỷ đồng, giúp Tập đoàn hoàn thành chiến lược tăng vốn 2016-2020

2020

Hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh trong điều kiện dịch bệnh Covid ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn toàn cầu



2020

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ





VỊ THẾ KHÁC BIỆT VÀ VƯỢT TRỘI

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, Bảo Việt có lịch sử lâu đời với hơn nửa thế kỷ phát triển, thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm nhất trên thị trường tài chính bảo hiểm với hơn 250.000 cán bộ, đại lý, tư vấn viên.

Mạng lưới phân phối quy mô lớn, gồm 179 chi nhánh, hơn 1.000 phòng giao dịch bảo hiểm bao phủ rộng khắp các tỉnh thành của Việt Nam mà không một tập đoàn tài chính - bảo hiểm nào tại Việt Nam có thể so sánh được.

Là Tập đoàn tài chính - bảo hiểm dẫn đầu các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác với tổng doanh thu hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ năm 2020 đạt hơn 11.526 tỷ đồng, tiếp tục giữ số 1 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam; tổng doanh thu lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ năm 2020 đạt 36.169 tỷ đồng, tiếp tục giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm nhân về tổng doanh thu.

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG LỚN

Bảo Việt đã xây dựng nền tảng tạo đà cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai và chuẩn bị sẵn sàng khai thác các cơ hội to lớn trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam.

Kết quả kinh doanh tăng trưởng bền vững, hiệu quả

Bảo Việt đạt kết quả tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định vững chắc qua các năm trên các mảng Bảo hiểm – Đầu tư – Dịch vụ tài chính

Năm 2020, Tập đoàn Bảo Việt hoàn thành kế hoạch kinh doanh trong điều kiện dịch bệnh Covid ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn toàn cầu.

Luôn thuộc nhóm dẫn đầu các tổ chức tài chính có tỷ lệ sinh lời ROE, ROA cao nhất.





CỔ PHIẾU BVH HẤP DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Tập đoàn Bảo Việt là công ty niêm yết có vốn hóa thị trường lớn, cổ phiếu BVH đóng vai trò dẫn dắt trong nhóm ngành tài chính bảo hiểm, thanh khoản cao và luôn nằm trong danh mục sở hữu của các quỹ ETFs nước ngoài tại Việt Nam.

Là doanh nghiệp nhà nước đầu tiên thành công trong việc tìm kiếm cổ đông chiến lược nước ngoài.

Thuộc nhóm dẫn đầu trong các tổ chức tài chính có tỷ lệ cổ tức cao và ổn định qua các năm.

VAI TRÒ TẠO LẬP VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Bảo Việt tích cực tham gia tạo lập thị trường bảo hiểm và thị trường vốn trên thị trường tài chính Việt Nam.

Bảo Việt là mắt xích quan trọng và thành công điển hình trong tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đã gặt hái nhiều thành quả đổi mới toàn diện và đang tiếp tục đẩy mạnh bước tiếp theo của quá trình cổ phần hóa thông qua giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước, tìm kiếm thêm cổ đông nước ngoài mới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Bảo Việt luôn đi đầu trong các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội, chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm khai thác thủy sản,...

LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tập đoàn Bảo Việt hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100111761, đăng ký lần đầu ngày 15/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 09/01/2020, hoạt động trong các lĩnh vực Bảo hiểm - Đầu tư - Tài chính - Ngân hàng.

BẢO HIỂM

- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ: Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng không; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm Y tế sức khỏe; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm nông nghiệp...;
- Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: Bảo hiểm trọn đời;
  Bảo hiểm sinh kỳ; Bảo hiểm tử kỳ;
  Bảo hiểm hỗn hợp, Bảo hiểm liên kết chung, Bảo hiểm hưu trí...;
- Kinh doanh tái bảo hiểm.

ĐẦU TƯ

- Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết;
- Quản lý ủy thác danh mục đầu tư,;quản lý các quỹ đầu tư;
- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán,đầu tư kinh doanh bất động sản.

TÀI CHÍNH

- Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

NGÂN HÀNG

- Huy động vốn: nhận tiền gửi; phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá trị khác để huy động vốn;
- Hoạt động tín dụng: cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, cho thuê tài chính...;
- Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ.



63
Tỉnh thành

135
Sản phẩm

600
Phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm phi nhân thọ

362
Phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm nhân thọ

MẠNG LƯỚI

Mạng lưới phân phối rộng khắp Việt Nam với gần 200 chi nhánh và công ty thành viên hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ tại 63 tỉnh thành, 600 phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm phi nhân thọ, và 362 phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm nhân thọ.

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Sản phẩm dịch vụ phong phú, đa dạng với trên 80 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, 55 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và các sản phẩm ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ.

ĐỊA BÀN KINH DOANH TRỌNG ĐIỂM

Các đơn vị thành viên đóng trụ sở tại các địa bàn trọng điểm kinh tế của cả nước như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An, Hải Phòng, Bình Dương luôn khẳng định là các đơn vị kinh doanh quan trọng, chiếm doanh thu lớn của Bảo Việt.

KHÁCH HÀNG

Phục vụ mọi đối tượng khách hàng cá nhân và tổ chức trên khắp các tỉnh thành.

> Bảo Việt là doanh nghiệp đầu tiên cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ và chứng khoán tại Việt Nam. Hiện nay, Bảo Việt cung cấp các dịch vụ tài chính toàn diện bao gồm bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ và đầu tư với mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành trên toàn quốc, phục vụ hàng triệu khách hàng.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

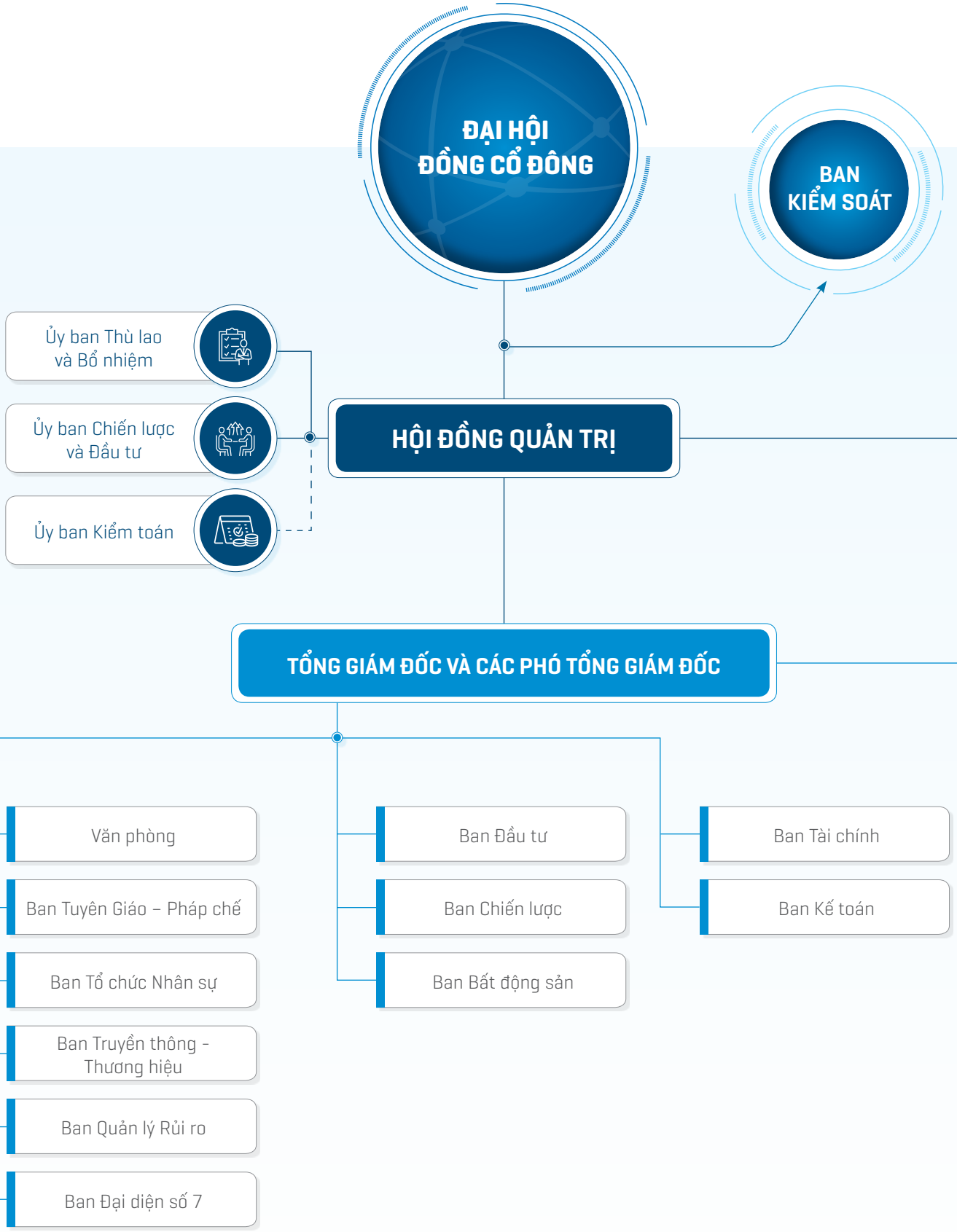

(Từ ngày 19/3/2020)



Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ

- Ban Kiểm toán Bảo hiểm Phi nhân thọ
- Ban Kiểm toán Bảo hiểm Nhân thọ
- Ban Kiểm toán Đầu tư
- Tổ giúp việc Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ

Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin

- Ban Quản lý dịch vụ Công nghệ thông tin
- Ban Phát triển ứng dụng
- Ban Vận hành và quản trị hệ thống
- Ban Hỗ trợ dịch vụ CNTT
- Ban An ninh bảo mật và Tuân thủ CNTT
- Ban Tài chính - Tổng hợp

Trung tâm Đào tạo Bảo Việt

- Ban Đào tạo
- Ban Quản lý Đào tạo
- Ban Kế toán - Tổng hợp

10
SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2020





Tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp



Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, nâng cao hiệu quả kinh doanh, quản trị, điều hành

2

4

1

Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị trí số 1 trên thị trường bảo hiểm Việt Nam trên cả hai lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ





3

Nâng cao năng lực quản trị với Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý cấp Khối của Tập đoàn Bảo Việt



5

Bảo Việt và Đơn vị thành viên ứng phó linh hoạt, chủ động triển khai các giải pháp đảm bảo hiệu quả kinh doanh trước tác động của Dịch Covid-19





Đơn vị thành viên ra mắt các sản phẩm mới, ưu việt, gia tăng quyền lợi khách hàng



Thương vụ Bảo Việt - Sumitomo Life được bình chọn là "Thương vụ đầu tư và M&A tiêu biểu Việt Nam 2019-2020"

7

9

6

Hợp lực bán chéo cán đích thành công



8

Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế thương hiệu hàng đầu với nhiều danh hiệu, giải thưởng danh giá



10

Công tác ASXH hướng đến mục tiêu môi trường và xã hội, phát triển bền vững





10
GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Trải qua gần 60 năm phát triển và liên tục khẳng định vị thế là doanh nghiệp quốc gia số 1 trên thị trường bảo hiểm tại Việt Nam, Bảo Việt đến nay đã ngày càng vươn xa hơn, xứng tầm thế giới khi vinh dự nhận nhiều giải thưởng danh giá mang tầm cỡ châu lục – danh hiệu mà rất nhiều doanh nghiệp mong chờ được ghi nhận.



1.

Bảo Việt
10 năm liên tục dẫn đầu
tại Cuộc bình chọn
Doanh nghiệp niêm yết 2020



2.

Top 10
Doanh nghiệp Bền vững
xuất sắc nhất Việt Nam
5 năm liên tiếp



3.

Top 50
Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam
năm thứ 8 liên tiếp



4.

Bảo Việt
dẫn đầu ngành bảo hiểm
năm 2020



5.

Giải Bạch kim Báo cáo tích hợp
và Báo cáo phát triển bền vững
xuất sắc nhất trong ngành tài chính
- bảo hiểm (LACP)



6.

TOP 50 Thương hiệu
có giá trị nhất
Việt Nam



7.

Thương hiệu bảo hiểm
tốt nhất Việt Nam do Global Brands
Magazine (Vương quốc Anh)
bình chọn



8.

Chứng khoán Bảo Việt
được vinh danh "Tổ chức tư vấn
M&A tiêu biểu Việt Nam
năm 2019 – 2020"



9.

Top 10 "Thương hiệu Tiêu biểu
Châu Á - Thái Bình Dương 2020"
và Doanh nghiệp hoạt động
trách nhiệm xã hội tốt nhất Việt Nam



10.

Công ty
Quản lý quỹ tốt nhất
Việt Nam năm 2020

CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN (KPIs)

ĐƠN VỊ TÍNH: TỶ ĐỒNG

	BẢO HIỂM BẢO VIỆT	BẢO VIỆT NHÂN THỌ
TỔNG TÀI SẢN	12.978 TỶ ĐỒNG	120.173 TỶ ĐỒNG
VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.151 TỶ ĐỒNG	6.244 TỶ ĐỒNG
TỔNG DOANH THU	11.526 TỶ ĐỒNG	36.169 TỶ ĐỒNG

QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT	ĐẦU TƯ BẢO VIỆT	CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
176 TỶ ĐỒNG	**306** TỶ ĐỒNG	**3.413** TỶ ĐỒNG
161 TỶ ĐỒNG	**222** TỶ ĐỒNG	**1.875** TỶ ĐỒNG
114 TỶ ĐỒNG	**311** TỶ ĐỒNG	**594** TỶ ĐỒNG

2

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

40 Môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức

44 Mô hình hoạt động kinh doanh và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng

50 Gắn kết các bên liên quan

54 Xác định các lĩnh vực trọng yếu

58 Xu hướng công nghệ tác động đến ngành bảo hiểm

70 Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

78 Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2016-2020


HỢP LỰC

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Trong bối cảnh kinh tế và thị trường tài chính toàn cầu biến động khó lường, môi trường kinh doanh ở Việt Nam diễn biến phức tạp, với nhiều rủi ro tiềm ẩn, Bảo Việt đã chủ động thực hiện công tác dự báo, phân tích sự thay đổi của môi trường kinh doanh và nhận diện các cơ hội, thách thức đối với Bảo Việt trong ngắn, trung và dài hạn.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG DÀI HẠN (ĐẾN NĂM 2025)

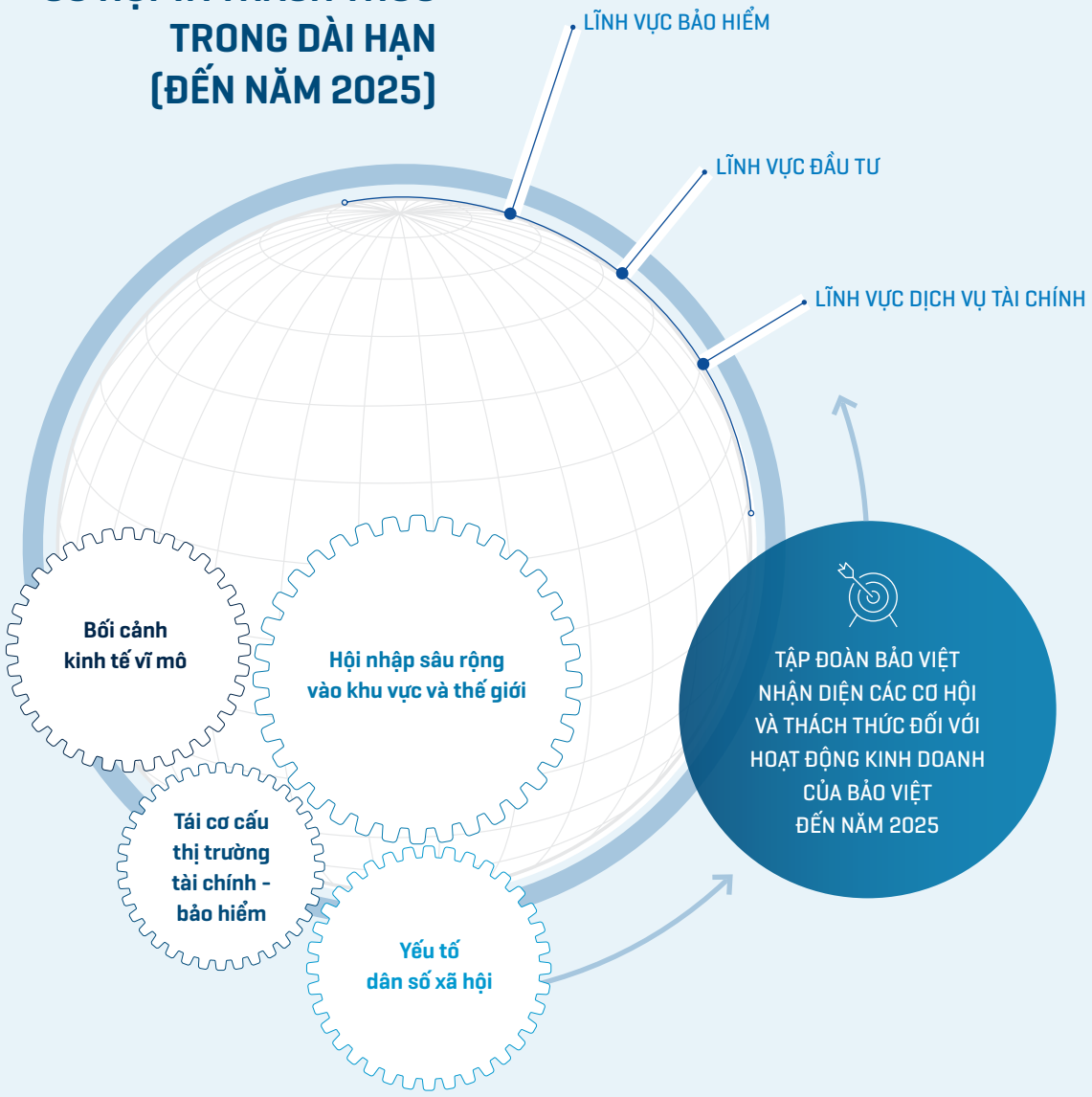

Triển vọng kinh tế toàn cầu dự báo vẫn còn nhiều khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro khó đoán định, tốc độ hồi phục kinh tế sẽ tiếp tục ở mức khiêm tốn do những khó khăn, thách thức vẫn còn nhiều. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt nhận diện các cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đến năm 2020 bao gồm:

Yếu tố tác động chính	Các nhân tố ảnh hưởng	Lĩnh vực Bảo hiểm	Lĩnh vực Đầu tư	Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính
Bối cảnh kinh tế vĩ mô	Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công tuy nhiên giảm đầu tư các dự án mới		●	●
	DN hồi phục sau giai đoạn gặp nhiều khó khăn	●	●	
	Kiểm soát lạm phát	●	●	
	Mặt bằng lãi suất thấp	●	●	●
	Gia tăng tiết kiệm và giảm thiểu chi tiêu	●		
	Trục lợi và nợ phí bảo hiểm	●		
	Biến động tỷ giá	●	●	●
	Thắt chặt tín dụng và tiền tệ			●
	Nợ xấu tăng cao			●
Tái cơ cấu thị trường tài chính - bảo hiểm	Áp lực tăng vốn, yêu cầu chặt chẽ hơn trong quy định giám sát của cơ quan quản lý	●	●	●
	Lành mạnh hóa thị trường theo hướng minh bạch và chuyên nghiệp hơn	●	●	●
	Tái cơ cấu ngành tài chính		●	●
Hội nhập sâu rộng vào khu vực và thế giới	Gia tăng cạnh tranh với DN nước ngoài	●	●	●
	Thúc đẩy hoạt động thương mại	●	●	●
	Gia tăng dòng vốn đầu tư nước ngoài		●	●
Yếu tố dân số xã hội	Tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm/GDP thấp	●		
	Cơ cấu dân số vàng, tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh chóng	●	●	●
	Nhận thức và hiểu biết của người dân về bảo hiểm ngày càng tăng	●		
	Áp lực nghiên cứu kỹ thị trường	●	●	●

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

Cách mạng công nghệ 4.0 tạo ra sự thay đổi to lớn trong đời sống kinh tế - xã hội và tác động tới sự phát triển của mỗi doanh nghiệp, tạo ra rất nhiều cơ hội và thách thức mới, trong đó có các rủi ro liên quan tới an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu; những yêu cầu mới về kỹ năng của người lao động... Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con luôn chủ động đánh giá các rủi ro một cách hệ thống, đảm bảo tất cả các rủi ro được kiểm soát kịp thời, hiệu quả.



Chú thích:

Mức độ	***Xu hướng: (dự báo)***
Rủi ro cao; Rủi ro trung bình; Rủi ro thấp	↑ Rủi ro tăng; ⟷ Rủi ro ổn định; ↓ Rủi ro giảm

Rủi ro	Nhận diện	Mức độ, xu hướng	Giám sát và Quản lý rủi ro
1. Rủi ro bảo hiểm	• Chi phí bồi thường bảo hiểm có biến động mạnh; • Nghĩa vụ chi trả các sự kiện bảo hiểm phát sinh vượt quá các giả định thiết kế sản phẩm.	↑	• Đánh giá rủi ro trong thiết kế sản phẩm bảo hiểm mới, khai thác, giám định và trả tiền/ bồi thường bảo hiểm; đánh giá rủi ro tích tụ theo từng nghiệp vụ, nhóm sản phẩm, địa phương... • Thường xuyên rà soát các giả định quan trọng (bảng tỷ lệ tử vong, lãi suất kỹ thuật; số liệu về tổn thất), rà soát các rủi ro chấp nhận bảo hiểm và đối tượng bảo hiểm; chuyển giao rủi ro thông qua nghiệp vụ tái bảo hiểm.
2. Rủi ro tín dụng	• Rủi ro phát sinh các khoản nợ xấu hoặc các khoản đầu tư trái phiếu, tiền gửi quá hạn. • Rủi ro từ hoạt động bảo hiểm, hoạt động giao dịch ký quỹ.	⟷	• Giám sát, theo dõi việc tuân thủ hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro. • Quản lý thông qua quy định nội bộ về đánh giá tín nhiệm các ngân hàng thương mại và công ty tài chính. • Định kỳ đánh giá tài sản đảm bảo của trái phiếu doanh nghiệp.
3. Rủi ro thị trường	• Các biến động lãi suất tiền gửi, lãi suất trái phiếu chính phủ. • Biến động giá cổ phiếu và/ hoặc giá của các hàng hoá khác.	↑	• Quản lý, đo lường bằng thước đo Value at risk (VaR), phân tích độ nhạy lãi suất PV01. • Giám sát thông qua các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý.

Rủi ro	Nhận diện	Mức độ, xu hướng	Giám sát và Quản lý rủi ro
4. Rủi ro thanh khoản	• Các rủi ro gây mất cân đối về kỳ hạn của dòng tiền để thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến trạng thái cân đối thanh khoản của toàn Tập đoàn.	↔	• Theo dõi dòng tiền tài sản và trách nhiệm theo từng kỳ hạn, tỷ lệ tài sản thanh khoản của các tài sản. • Quản lý bằng hạn mức, chỉ số GAP thanh khoản, và phân tích kịch bản.
5. Rủi ro hoạt động	• Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin ảnh hưởng đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh; thất thoát tài sản thông tin... • Rủi ro phát sinh trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật; tổn thất, thiệt hại mà doanh nghiệp có thể phải gánh chịu trong trường hợp xảy ra tranh chấp.	↓	• Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố rủi ro đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh, ảnh hưởng về mặt tài chính, danh tiếng. • Giám sát, theo dõi bằng các chỉ số hoạt động (KPI), báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý.. • Quản lý bằng Khung quản lý rủi ro hoạt động, các quy định về an ninh bảo mật, an toàn thông tin và các quy trình, thủ tục giám sát, kiểm tra kiểm soát nội bộ.
6. Rủi ro danh tiếng	• Rủi ro phát sinh khi các phương tiện thông tin đại chúng đưa các thông tin bất lợi hoặc các sản phẩm, dịch vụ chưa đáp ứng kỳ vọng của khách hàng, nhà đầu tư. • Các hoạt động của doanh nghiệp, các hành vi, thái độ của nhân viên hoặc bên thứ ba làm ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh doanh nghiệp.	↔	• Giám sát, theo dõi bằng các tin, bài viết từ cơ quan báo chí, khách hàng và người lao động. • Quản lý bằng các quy trình, thủ tục, sổ tay hướng dẫn, Quy chế xử lý khủng hoảng truyền thông. • Tổ chức đào tạo và truyền thông cho các cán bộ và lãnh đạo trong Tập đoàn về Xử lý khủng hoảng truyền thông và các khóa đào tạo chuyên đề về quản lý rủi ro danh tiếng.
7. Rủi ro chiến lược	• Kế hoạch kinh doanh xây dựng hàng năm có thể chưa gắn kết với các mục tiêu chiến lược đã đặt ra. • Chưa dự báo hết được các yếu tố chủ quan, khách quan hoặc các thay đổi của môi trường kinh doanh. • Những tác động của công nghệ thông tin trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0	↑	• Theo dõi bằng hệ thống báo cáo phân tích hàng tháng, hàng quý các nhân tố tế vĩ mô, kết quả kinh doanh, kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược hàng năm. • Quản lý bằng việc phân tích kịch bản của sự biến động các nhân tố vĩ mô, nhân tố nội tại để xem xét tính khả thi của chiến lược hàng năm. • Đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, an toàn và hiệu quả.
8. Rủi ro phát triển bền vững	• Các rủi ro tác động đến sự phát triển bền vững trong hệ thống Bảo Việt; • Các rủi ro của môi trường, xã hội tác động đến Bảo Việt; • Các rủi ro từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt tác động đến môi trường, xã hội.	↔	• Theo dõi định kỳ các chỉ số tài chính và phi tài chính. • Quản lý bằng quy trình, quy chế; thực hiện kiểm toán nội dung Phát triển bền vững bởi Kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ.

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Là doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho hàng triệu người dân Việt Nam, Bảo Việt xác định doanh nghiệp chỉ có thể thực hiện chiến lược phát triển bền vững khi thực hiện kết hợp mục tiêu tăng trưởng, lợi nhuận kinh tế với thực hiện phát triển xã hội, bảo vệ môi trường. Trên cơ sở nhận diện các vấn đề trọng yếu và mối quan tâm của các bên liên quan, Bảo Việt đã xây dựng mô hình kinh doanh nhằm khai thác tối đa hiệu quả của **các yếu tố nội lực** (nguồn nhân lực, vốn, sở hữu trí tuệ, uy tín thương hiệu...) và **các yếu tố bên ngoài** như xu hướng phát triển bền vững, nhân khẩu học, trách nhiệm xã hội nhằm tạo ra các giá trị đầu ra bao gồm các sản phẩm dịch vụ, các giá trị kinh tế (doanh thu, lợi nhuận, cổ tức) nhằm mang lại giá trị gia tăng cho các bên liên quan.

Các nội dung này được khái quát hóa theo mô hình dưới đây:

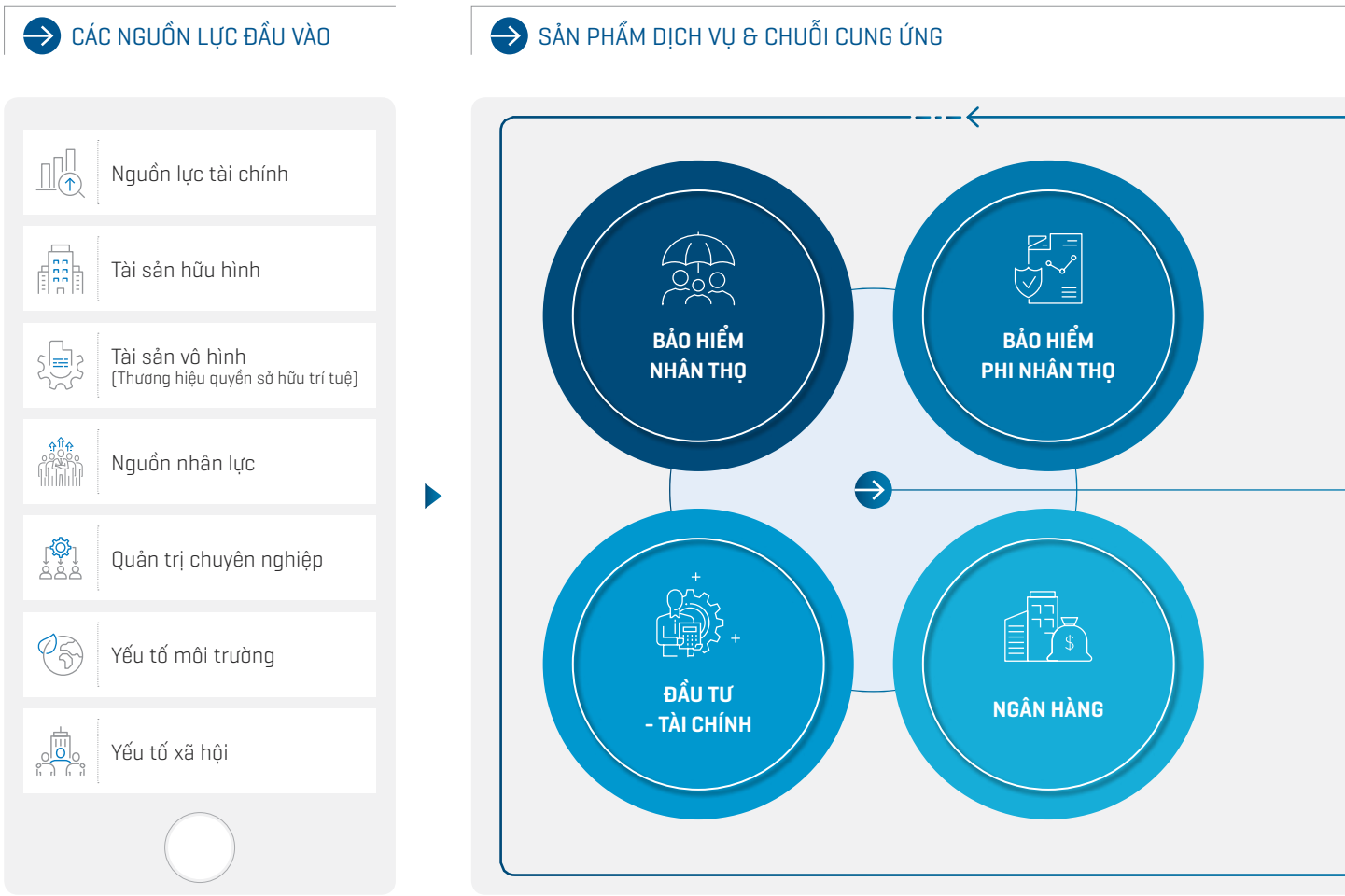

YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

YẾU TỐ NỘI LỰC

1. **Nguồn lực tài chính**
   Tiềm lực tài chính vững mạnh, khai thác cơ hội thị trường.
2. **Nguồn lực sản xuất và tài sản hữu hình**
   Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, hệ thống phân phối quy mô lớn.
3. **Tài sản vô hình và sở hữu trí tuệ**
   Năng lực phát triển sản phẩm tích hợp, hỗ trợ kỹ thuật từ cổ đông chiến lược.
4. **Quản trị doanh nghiệp**
   Năng lực quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quản trị quốc tế.

YẾU TỐ BÊN NGOÀI

1. **Yếu tố xã hội**
   Cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững và yếu tố nhân khẩu học.
2. **Yếu tố môi trường**
   Biến đổi khí hậu và xanh hóa hoạt động kinh doanh.



GIÁ TRỊ MANG LẠI CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Khách hàng
- Cổ đông và nhà đầu tư
- Đối tác, nhà cung cấp
- Người lao động
- Cơ quan ban ngành
- Cộng đồng
- Môi trường

TỐI ƯU HÓA CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG VỚI BẢO VIỆT

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào sao cho hiệu quả là nhân tố quyết định đến việc tạo ra giá trị và giá trị bao gồm:

1. **Giá trị kinh tế** (Tăng trưởng vững chắc về doanh thu và lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông)
2. **Giá trị gia tăng cho khách hàng** (Sản phẩm và dịch vụ vượt trội)
3. **Giá trị vật chất và tinh thần cho Người lao động** (Phúc lợi, môi trường làm việc, thu nhập)
4. **Lợi ích cho các bên liên quan khác** (xã hội, môi trường,...)

Các yếu tố đầu vào	Cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào trong quá trình hoạt động kinh doanh để tạo ra giá trị
NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông); Vốn từ nguồn dự phòng phí bảo hiểm (chủ hợp đồng bảo hiểm).	• Sử dụng vốn hiệu quả thông qua việc đầu tư vào các tài sản an toàn (tỷ trọng trái phiếu chính phủ và tiền gửi luôn chiếm trên 90% tổng danh mục đầu tư); • Tìm kiếm các kênh đầu tư mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư.
NGUỒN NHÂN LỰC Nhân viên; Văn hóa doanh nghiệp.	• Đầu tư cho hoạt động đào tạo (theo bản đồ học tập), phát triển nguồn nhân lực; • Nâng cao chất lượng của đội ngũ tư vấn viên/đại lý bảo hiểm; • Tuyển dụng và thu hút nhân tài; • Bồi dưỡng nhân tài, tăng cường sự gắn kết của người lao động; • Chính sách phúc lợi ưu việt, cơ hội thăng tiến theo năng lực.
NGUỒN LỰC SẢN XUẤT VÀ TÀI SẢN HỮU HÌNH Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại; Hệ thống phân phối quy mô lớn; Hệ thống call-center 24/7; Hệ thống bảo lãnh viện phí lớn nhất Việt Nam.	• Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại theo chuẩn quốc tế (LIPA..), chuyển hướng tích hợp công nghệ điện toán đám mây; • Đa dạng hóa kênh phân phối: Online, bancassurance, digital,...; • Vận hành hệ thống call-center hoạt động ổn định 24/7; • Vận hành hệ thống bảo lãnh viện phí hiệu quả, kiểm soát trục lợi bảo hiểm.

> Việc xác định các yếu tố tạo động lực tăng trưởng đối với Doanh nghiệp là vô cùng quan trọng, điều này sẽ giúp Doanh nghiệp đưa ra quyết định phù hợp liên quan đến phân bổ hoặc tập trung nguồn lực vào phát triển những yếu tố nào để thúc đẩy sự phát triển của Doanh nghiệp.



Các yếu tố đầu ra (kết quả kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ...)	Gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan
• Đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định và vững chắc về doanh thu, lợi nhuận, cán mốc doanh thu trên 2 tỷ USD năm 2020; • Chi trả cổ tức với tỷ lệ 8%/ mệnh giá cổ phiếu; • Năng lực tài chính vững mạnh, tăng cường đầu tư trở lại nền kinh tế; Đóng góp trên 22.561 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước kể từ sau cổ phần hóa.	• **Cổ đông/Nhà đầu tư;** • **Chủ hợp đồng bảo hiểm;** • **Khách hàng đang sử dụng các dịch vụ tài chính khác;** • **Cơ quan quản lý nhà nước;** • **Người lao động.**
• Xây dựng môi trường gắn kết - văn hóa vững mạnh; • Tạo được sự gắn kết người lao động trong các hoạt động doanh nghiệp; • Bổ sung nhiều chương trình phúc lợi mới (K-care, Hưu trí) nhằm mang lại quyền lợi cao hơn cho người lao động; các chương trình bảo hiểm, tiết kiệm, tích lũy và gia tăng giá trị từ đầu tư tài chính.	• **Người lao động;** • **Đại lý, tư vấn viên bảo hiểm.**
• Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại; • Tiếp cận khách hàng thông qua hệ thống phân phối đa kênh; Đẩy mạnh triển khai các sản phẩm mới trên nền thương mại điện tử như Life Care, Flight Delay, Bảo hiểm thiết bị điện tử, Bảo hiểm xe máy, ô tô • Chất lượng dịch vụ khách hàng vượt trội nhờ hệ thống call-center giúp giải quyết yêu cầu của khách hàng nhanh chóng, chính xác; • Tăng cường quản lý rủi ro, kiểm soát bồi thường; • Tái định vị thương hiệu, tạo cho khách hàng cảm giác tin cậy, gần gũi, thân thiện, chuyên nghiệp.	• **Khách hàng;** • **Đối tác.**

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

TỐI ƯU HÓA CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG VỚI BẢO VIỆT

Các yếu tố đầu vào	Cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào trong quá trình hoạt động kinh doanh để tạo ra giá trị
TÀI SẢN VÔ HÌNH VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ Dẫn đầu thị trường về năng lực phát triển sản phẩm; Giá trị thương hiệu; Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực từ các cổ đông chiến lược nước ngoài.	• Đầu tư phát triển sản phẩm đa dạng, phù hợp với nhu cầu của nhiều phân khúc khách hàng khác nhau; • Ra mắt 05 sản phẩm bảo hiểm mới và nhiều sản phẩm tài chính tích hợp; • Nâng cao giá trị thương hiệu thông qua các giải thưởng uy tín; • Tận dụng thế mạnh của cổ đông chiến lược để tạo nên sức mạnh cộng hưởng trong quản trị, điều hành và các mảng kinh doanh cốt lõi.
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP Mô hình quản trị theo thông lệ quốc tế; Hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ được chuẩn hóa.	• Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế (Thẻ điểm quản trị ASEAN, Nguyên tắc quản trị OECD...); • Tăng cường vai trò Kiểm soát nội bộ, Quản lý rủi ro tuân thủ, phát huy sức mạnh hợp lực và nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành.
YẾU TỐ XÃ HỘI Các mối quan hệ xã hội; Các yếu tố nhân khẩu học; Xu hướng phát triển bền vững; Trách nhiệm xã hội.	• Các yếu tố nhân khẩu học (cơ cấu dân số vàng, tốc độ già hóa dân số nhanh) mở ra cơ hội phát triển các sản phẩm mới; • Nắm bắt cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững: Đầu tư có trách nhiệm, nghiên cứu phát triển các sản phẩm tài chính xanh; • Thực hiện trách nhiệm xã hội: Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; Phát triển cộng đồng địa phương; Tri ân người có công, xóa đói giảm nghèo.
YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG Biến đổi khí hậu; Giảm phát thải và hiệu ứng nhà kính.	• Giảm khí thải nhà kính thông qua các dự án trồng cây xanh; • Giảm phát khí thải nhà kính từ các tòa nhà văn phòng, điều hòa và tủ lạnh; • Giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc, triển khai thực hành 5S *(Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Săn sóc - Sẵn sàng)*.

Các yếu tố đầu ra (kết quả kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ...)	Gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan
• Cung cấp giỏ sản phẩm đa dạng với 80 sản phẩm phi nhân thọ và 55 sản phẩm nhân thọ, ra mắt các sản phẩm mới chuyên biệt, ưu việt và áp dụng công nghệ mới trong kinh doanh: Ứng dụng tích hợp quản lý giải pháp Bảo hiểm số - Baoviet Direct; ứng dụng My BVLife; sản phẩm "An phát cát tường" với 12 nhóm quyền lợi ưu việt; • Thương hiệu Bảo Việt nằm trong top các thương hiệu bảo hiểm tốt nhất khu vực Châu Á – Thái Bình Dương; • Triển khai hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, giám sát tuân thủ, nâng cao năng lực khai thác bảo hiểm với sự hỗ trợ từ cổ đông chiến lược Sumitomo Life.	• **Khách hàng;** • **Đối tác;** • **Cổ đông.**
• Tăng cường vai trò của Công ty mẹ, tăng cường hợp lực giữa các ĐVTV. Công ty Mẹ đóng vai trò điều phối, là hạt nhân của cả hệ thống Tập đoàn, chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành hoạt động toàn Tập đoàn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.	• **Cổ đông;** • **Người lao động.**
• Cung cấp các sản phẩm hưu trí tự nguyện, ung thư kết hợp các lợi ích bảo vệ, tích lũy, đảm bảo sự an tâm cho người lao động khi về già; • Phát triển các sản phẩm y tế, chăm sóc sức khỏe phục vụ nhu cầu ngày càng gia tăng của xã hội: Life Care – sản phẩm chuyên biệt dành cho ung thư và đột quỵ, K-Care sản phẩm chuyên biệt dành cho bệnh ung thư, One Storm - Bảo hiểm bão nhiệt đới, bảo hiểm cá nhân và hộ gia đình; • Đầu tư xây dựng trạm y tế, trường học, xóa đói giảm nghèo, phát triển cộng đồng bền vững.	• **Các bên liên quan (cơ quan quản lý);** • **Cộng đồng dân cư;** • **Môi trường.**
• Triển khai hoạt động quan trắc định kỳ hàng quý tại trụ sở làm việc; • Xanh hóa hoạt động kinh doanh: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, giảm rác thải nhựa trong văn phòng; • Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững; • Tiết giảm nước thải và tiết kiệm năng lượng.	• **Môi trường kinh doanh;** • **Môi trường sống.**

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan là những đối tác quan trọng, phản hồi từ các đối tác này là nguồn thông tin quý giá để chúng tôi tiếp tục phát triển và củng cố hoạt động của doanh nghiệp. Với mỗi nhóm đối tượng, Bảo Việt sử dụng cách thức tiếp cận thông tin khác nhau. Phản hồi từ các bên được chúng tôi thận trọng xem xét, nghiên cứu và nỗ lực để đưa các phản hồi này vào các chính sách và các hoạt động của Công ty.

CÁC BÊN LIÊN QUAN TRỌNG YẾU ĐỐI VỚI BẢO VIỆT

Chúng tôi xác định các bên liên quan dựa trên những ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của Bảo Việt đến họ hoặc những người có mối quan tâm, sức ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của Bảo Việt. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của Doanh nghiệp.

Theo đó, 7 bên liên quan trọng yếu đối với Bảo Việt bao gồm:



NGUYÊN TẮC CƠ BẢN TRONG GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chúng tôi tiếp cận với các bên liên quan thông qua nhiều nguồn kênh thông tin khác nhau một cách phù hợp nhằm lắng nghe ý kiến và mối quan tâm của từng bên đối với hoạt động của Bảo Việt, đặc biệt là các vấn đề quản trị công ty, phát triển nguồn nhân lực, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường. Quá trình trao đổi với các bên cũng giúp Bảo Việt chủ động nhận diện được các vấn đề mang xu hướng, thời sự cũng như giúp Bảo Việt nhìn nhận một cách khách quan về những chính sách, báo cáo và công bố thông tin ra bên ngoài mà chúng tôi thực hiện.

Bảo Việt xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Bảo Việt theo tỷ trọng như sau:

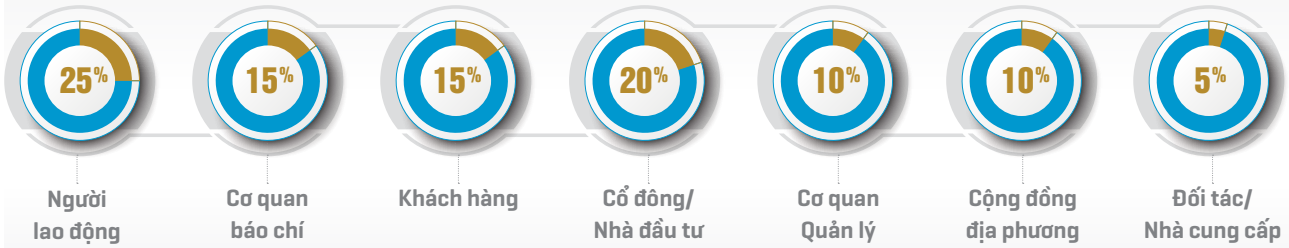

● Mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Bảo Việt.

HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT CỦA BẢO VIỆT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Năm 2020, Bảo Việt tiếp tục gắn kết các bên liên quan thông qua các kênh thông tin đa chiều qua đó các vấn đề phát triển bền vững được Bảo Việt đề cập sâu hơn nhằm lắng nghe ý kiến của các bên đối với hoạt động của Doanh nghiệp liên quan đến Kinh tế - Xã hội - Môi trường.

Năm 2020, chúng tôi cũng tiến hành lấy ý kiến rộng rãi trên mạng xã hội và website của Bảo Việt thông qua phiếu khảo sát về phát triển bền vững của Bảo Việt tại chuyên mục *Phát triển bền vững/Khảo sát các bên liên quan.*

Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, chúng tôi đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của Bảo Việt. Đây cũng là cơ sở để chúng tôi xây dựng nội dung của Báo cáo Phát triển bền vững 2020.

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề, chúng tôi thực hiện đầu tư, phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Doanh nghiệp.



Người lao động

Hội nghị Người lao động thường niên/Ấn phẩm nội bộ: Kênh Workplace, Bản tin nội bộ xuất bản định kỳ, Tạp chí nghiên cứu của Bảo Việt; Các chương trình đào tạo.

Khách hàng

Đội ngũ đại lý, tư vấn viên tiếp xúc trực tiếp với Khách hàng; Trung tâm chăm sóc Khách hàng và số hotline hoạt động 24/7; Kênh giải đáp Khách hàng tích hợp trên hệ thống website.

Cơ quan Quản lý

Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Chính phủ, Bộ tổ chức; Tham gia các tổ chức, Hiệp hội: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam; Hội đồng Doanh nghiệp Vì sự phát triển bền vững; Diễn đàn Kinh tế Thế giới;...

Đối tác/Nhà cung cấp

Gặp gỡ trao đổi trực tiếp: Bổ sung trong quy chế đấu thầu, hợp đồng hợp tác với Nhà cung cấp.

Cơ quan báo chí

Gặp gỡ báo chí trao đổi thông tin phỏng vấn Lãnh đạo, Chuyên gia; Các chương trình giao lưu, hợp tác báo chí, thông cáo báo chí về hoạt động Doanh nghiệp.

Cổ đông/Nhà đầu tư

Gặp gỡ trực tiếp Nhà đầu tư/ Đại hội đồng Cổ đông; Bản tin IR newletters; Website Bảo Việt; Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu Nhà đầu tư.

Cộng đồng địa phương

Phối hợp với Chính quyền Địa phương tiếp xúc, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của Người dân địa phương.

GẮN KẾT
CÁC BÊN LIÊN QUAN

NGƯỜI LAO ĐỘNG



Chủ đề được các bên quan tâm

- Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp;
- Gia tăng quyền lợi, phúc lợi cho người lao động;
- Chế độ đãi ngộ và cơ hội thăng tiến.

Hành động của Bảo Việt năm 2020

- Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, thái độ, làm việc tích cực, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại;
- Tổ chức các phong trào rèn luyện sức khỏe.

Kết quả

- Triển khai mua bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm bệnh ung thư cho CBNV;
- Gần **6.500** cán bộ được tham gia đào tạo chuyên môn nghiệp vụ;
- Xây dựng phòng tập Yoga, Zumba, tạo điều kiện cho cán bộ tập luyện ngoài giờ;
- Duy trì chương trình tập thể dục giữa giờ.

CƠ QUAN BÁO CHÍ



Chủ đề được các bên quan tâm

- Cung cấp, chia sẻ thông tin cởi mở, chủ động, thường xuyên để báo chí có thể phản ánh chân thực, khách quan về hoạt động của doanh nghiệp đến công chúng.

Hành động của Bảo Việt năm 2020

- Kết nối chặt chẽ với cơ quan báo chí, đảm bảo tin tức hoạt động của Bảo Việt được cập nhật kịp thời và phản ánh một cách chân thực, khách quan;
- Tăng cường số lượng thông tin gửi tới báo chí thông qua các thông cáo báo chí, tin tức, các bài viết phân tích chuyên sâu nội bộ gửi tới các cơ quan báo chí.

Kết quả

- Phối hợp với VTV, VOV thực hiện các bài phỏng vấn, phóng sự ngắn để cung cấp thông tin về Bảo Việt đến công chúng;
- Trên **250** tin, bài viết về hoạt động PTBV của Bảo Việt được đăng tải trên các báo tại Việt Nam và quốc tế.

KHÁCH HÀNG



Chủ đề được các bên quan tâm

- Uy tín doanh nghiệp, chất lượng sản phẩm, dịch vụ;
- Sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu khách hàng..

Hành động của Bảo Việt năm 2020

- Xây dựng các sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng khách hàng; bảo vệ khách hàng trước các rủi ro, đem đến cho khách hàng các cơ hội để hiện thực hóa ước mơ, đảm bảo sự bình an và thịnh vượng cho khách hàng;
- Ứng dụng AI (Artificial Intelligence) và machine learning để xây dựng AdviserBot phục vụ khách hàng;
- Tổ chức khảo sát lấy ý kiến khách hàng online và tại quầy dịch vụ khách hàng.

Kết quả

- Ra mắt **05** sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, chứng chỉ quỹ và các sản phẩm tích hợp tài chính, bảo hiểm khác; Ra mắt nền tảng giao dịch B-Wise.
- Triển khai ưu đãi phí cho khách hàng khi tham gia các gói bảo hiểm, hỗ trợ khách hàng khi bùng phát dịch bệnh Covid-19; Triển khai chương trình Customer Loyalty;
- Hơn **600** khách hàng phản hồi tích cực qua kênh online, fanpage, tổng đài 24/7 và quầy dịch vụ khách hàng Bảo Việt.

CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ



Chủ đề được các bên quan tâm

- Hoạt động kinh doanh tăng trưởng hiệu quả, bền vững;
- Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông;
- Thông tin minh bạch.

Hành động của Bảo Việt năm 2020

- Thực thi chính sách bình đẳng giữa các cổ đông lớn và cổ đông nhỏ về cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho mọi cổ đông thực hiện quyền biểu quyết;
- Chi trả cổ tức đầy đủ, công bố thông tin minh bạch.

Kết quả

- Tiếp đón **120** lượt nhà đầu tư;
- Tham gia **05** Hội thảo Virtual Conference qua zoom với các nhà đầu tư lớn tại thị trường trong nước và quốc tế
- Trên **100** Cuộc gọi từ nhà đầu tư cá nhân được giải quyết;
- Chi trả cổ tức với tỷ lệ **8%**/ mệnh giá cổ phiếu.

CƠ QUAN QUẢN LÝ



Chủ đề được các bên quan tâm

- Thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của chính phủ;
- Chung tay cùng cơ quan quản lý thực hiện các chính sách nhằm hỗ trợ cho sự phát triển của nên kinh tế, thị trường, cộng đồng dân cư.

Hành động của Bảo Việt năm 2020

- Thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của Chính phủ;
- Chung tay cùng cơ quan quản lý thực hiện các chính sách nhằm hỗ trợ cho sự phát triển của nên kinh tế, thị trường, cộng đồng dân cư.

Kết quả

- Tăng cường tuyển dụng lao động địa phương, gia tăng việc làm và thu nhập cho người dân tại địa bàn nơi Bảo Việt đang hoạt động hoặc các địa bàn khó khăn

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Chủ đề được các bên quan tâm

- Hỗ trợ người dân nâng cao các điều kiện sống cơ bản.
- Hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương.

Hành động của Bảo Việt năm 2020

- Hỗ trợ cộng đồng thông qua đóng góp xây dựng các điều kiện sống căn bản, giúp người dân tập trung lao động sản xuất, đảm bảo kinh tế gia đình, qua đó thúc đẩy kinh tế địa phương, tạo ra các cơ hội phát triển kinh doanh cho Bảo Việt;
- Đánh giá tác động môi trường; Giảm tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính.

Kết quả

- Tổ chức nhiều chương trình khám chữa bệnh, tặng quà cho bà con vùng núi; tặng sách vở và quần áo, học bổng cho các em học sinh, sinh viên;
- Đầu tư gần **400** tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội;
- Thực hiện báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý tại trụ sở chính Bảo Việt.

ĐỐI TÁC/NHÀ CUNG CẤP



Chủ đề được các bên quan tâm

- Đối xử bình đẳng với các nhà cung cấp.

Hành động của Bảo Việt năm 2020

- Bổ sung 02 tiêu chí đánh giá và rà soát về môi trường và xã hội trong Quy trình đầu tư dự án và Quy trình đầu tư góp vốn cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt.

Kết quả

- Áp dụng bộ tiêu chí đánh giá nhà cung cấp trên **5** phương diện trong đó có yếu tố môi trường;
- Các nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu quản lý, tuân thủ yêu cầu pháp luật và quá trình hoạt động không gây tổn hại đến môi trường và xã hội.

XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

> Trên cơ sở việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt xây dựng "Ma trận các vấn đề trọng yếu" nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan.

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Đánh giá lĩnh vực trọng yếu là nguyên tắc yêu cầu báo cáo nhưng đồng thời là quá trình xác định nội dung trọng tâm phù hợp với Chiến lược PTBV đã được xây dựng. Quá trình thực hiện đánh giá trọng yếu tại Bảo Việt được tiến hành theo đúng các bước của quy trình và phương pháp luận đánh giá lĩnh vực trọng yếu theo GRI Standards.

Trên cơ sở phân tích tác động theo các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường cho các hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt, chúng tôi xác định các lĩnh vực trong yếu quy chiếu theo GRI Standards. Chúng tôi thực hiện tổng hợp mức độ quan tâm theo các lĩnh vực đã được xác định đối với từng bên liên quan chủ yếu dựa trên kết quả gắn kết tham vấn các bên liên quan. Sau đó, chúng tôi tổng hợp đánh giá lĩnh vực trọng yếu trên ma trận theo các kết quả đánh giá mức độ quan trọng với các bên liên quan và doanh nghiệp.

Quy trình xác định các lĩnh vực trọng yếu

Xác định các lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới Bảo Việt

- Nghiên cứu, rà soát các thông tin từ thị trường và ngành;
- Phân tích thông tin báo chí;
- Đánh giá, khảo sát từ khách hàng Thông tin từ các Hiệp hội ngành;
- Các thảo luận nội bộ với người lao động;
- Các buổi tiếp xúc với lãnh đạo địa phương.

GRI

Xây dựng Bộ tập hợp các vấn đề có liên quan đến phát triển bền vững trong năm 2020 (Tham chiếu theo tiêu chuẩn GRI Standards)

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm

- Sàng lọc các lĩnh vực quan trọng cần được ưu tiên;
- Xác thực lĩnh vực trọng yếu từ Lãnh đạo cấp cao;
- Lựa chọn các vấn đề được coi là trọng yếu với Bảo Việt.

Phân loại các lĩnh vực trọng yếu theo 3 nội dung:

Kinh tế | Xã hội | Môi trường

XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Bảo Việt thực hiện tham khảo ý kiến của những chuyên gia trong lĩnh vực phát triển bền vững đối với các lĩnh vực được coi là trọng yếu mà Bảo Việt cần phải xem xét và cân nhắc tại thời điểm hiện tại. Đồng thời, chúng tôi cũng cân nhắc đến ý kiến của người lao động thông qua việc rà soát các đề xuất, các bình luận được nêu ra thông qua các kênh tương tác nội bộ.

Việc đánh giá các lĩnh vực trọng yếu đối với doanh nghiệp được căn cứ trên các phân tích chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, các phân tích thông tin báo chí và môi trường kinh doanh ngành. Từ đó chúng tôi lựa chọn các lĩnh vực và vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm. Mức độ quan trọng và phạm vi thực hiện của các vấn đề tiếp tục được sàng lọc, phân tích và làm rõ trong các buổi họp thảo luận với các Khối/Ban liên quan và trình lên Lãnh đạo cấp cao để xác định những vấn đề ưu tiên thực hiện trong năm 2020.



Năm 2020, Khối Kiểm toán Nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành tư vấn đánh giá quy trình quản lý vấn đề trọng yếu đối với phát triển bền vững của Bảo Việt theo phương pháp đánh giá dựa trên mô hình trưởng thành năng lực với 04 mức độ trưởng thành phù hợp với thông lệ quốc tế. Từ đó, Khối Kiểm toán nội bộ đã đề xuất các giải pháp với Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt nhằm cải thiện quy trình quản lý các vấn đề trọng yếu theo tiêu chuẩn quốc tế.

Xác định các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới Bảo Việt

Phân tích ảnh hưởng tới các bên liên quan

- Xác định trọng số của các bên liên quan;
- Đánh giá mức ảnh hưởng của vấn đề lên các bên;
- Tính điểm trung bình theo trọng số và mức ảnh hưởng các bên.

Phân tích các ảnh hưởng đến hoạt động của Bảo Việt

- Đánh giá cho điểm ảnh hưởng lên doanh số, chi phí các quy định, uy tín doanh nghiệp.

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm

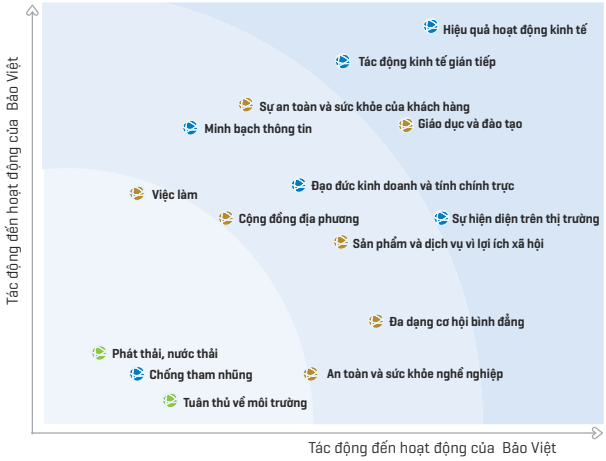

Đánh giá và rà soát nội bộ

MA TRẬN CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU NĂM 2020

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các lĩnh vực xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt xây dựng "Ma trận các lĩnh vực trọng yếu" nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

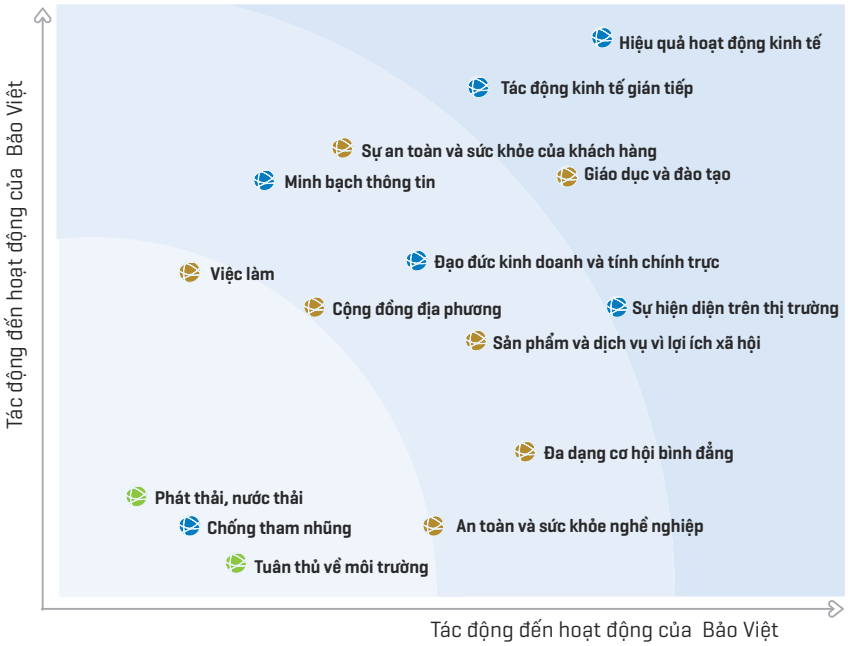

Sau quá trình tìm hiểu và đánh giá mức độ quan tâm của các bên liên quan với các vấn đề trọng yếu, kết hợp với các thông tin khuyến nghị bởi kiểm toán nội bộ sau quá trình đảm bảo với một số chỉ tiêu, trong năm 2020 Bảo Việt đã rà soát, phân tích và đối chiếu theo tiêu chuẩn GRI Standards. Cùng với việc tham vấn các bên liên quan, có một số các vấn đề mà các bên liên quan gia tăng sự quan tâm nên Bảo Việt đã tập trung phân tích trong báo cáo 2020 cụ thể như sau:



1. ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ

Sau khi tham vấn, chúng tôi nhận thấy các bên liên quan có sự gia tăng mức độ quan tâm đối với hiệu quả hoạt động kinh doanh và vị thế của Bảo Việt trên thị trường. Các bên liên quan bày tỏ sự quan tâm đối với việc Bảo Việt cần tăng tốc trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động và vị thế chiếm lĩnh thị trường sau khi đã tập trung đổi mới mô hình kinh doanh.



2. ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ VỀ QUẢN TRỊ, MINH BẠCH THÔNG TIN

Là một doanh nghiệp niêm yết có giá trị vốn hóa lớn, Bảo Việt thu hút sự quan tâm của nhiều bên liên quan bao gồm nhà đầu tư trong và ngoài nước, cơ quan báo chí, cơ quan quản lý... Do vậy, việc công bố thông tin minh bạch và đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin ra công chúng được các bên rất quan tâm. Năm 2020, Bảo Việt tập trung nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin công bố (mở rộng phạm vi kiểm toán các chỉ tiêu phi tài chính, tiếp tục soát xét báo cáo tài chính định kỳ hàng quý (theo quy định việc soát xét báo cáo tài chính chỉ yêu cầu thực hiện đối với báo cáo bán niên); tăng cường tham dự và chia sẻ thông tin tại các diễn đàn quốc tế (Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản), chủ động đáp ứng nhu cầu thông tin của các bên liên quan.





3. SỰ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE CỦA KHÁCH HÀNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính nên vấn đề an toàn và sức khỏe của khách hàng được Bảo Việt lồng ghép ngay từ khâu nghiên cứu, thiết kế sản phẩm nhằm mang đến cho khách hàng giải pháp bảo vệ toàn diện.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid – 19, Bảo Việt đã phát triển sản phẩm tích hợp và chuyên biệt để kịp thời hỗ trợ khách hàng không may bị nhiễm bệnh, đồng thời duy trì các sản phẩm bảo hiểm vi mô cho người lao động thu nhập thấp, Bảo Việt có thể hiện thực hóa cam kết mang đến giải pháp tài chính và bảo vệ toàn diện cho khách hàng và cộng đồng. Sự ra đời liên tục của các sản phẩm hưu trí tự nguyện, các sản phẩm bảo hiểm chuyên biệt , sản phẩm bảo hiểm vi mô bao gồm các sản phẩm với mức phí đóng thấp dành cho số đông người dân là cách để Bảo Việt hỗ trợ cải thiện cuộc sống của các hộ dân nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn và thành thị.

ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU



Các vấn đề trọng yếu đã được nhận diện và đánh giá theo hướng tích hợp mối quan tâm của các bên liên quan và của Bảo Việt cụ thể theo 5 lĩnh vực: Kinh tế, Xã hội, Môi trường, Quản trị, An toàn và Sức khỏe khách hàng, từ đó Bảo Việt có thể phân bổ nguồn lực hợp lý, đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Các vấn đề nêu trên được trình bày trong các phần tiếp theo của báo cáo này.

Nội dung liên quan đến các vấn đề trọng yếu cũng được phân tích và trình bày chi tiết tại Báo cáo phát triển bền vững năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt được lập theo Bộ tiêu chuẩn GRI Standards.

XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGÀNH BẢO HIỂM

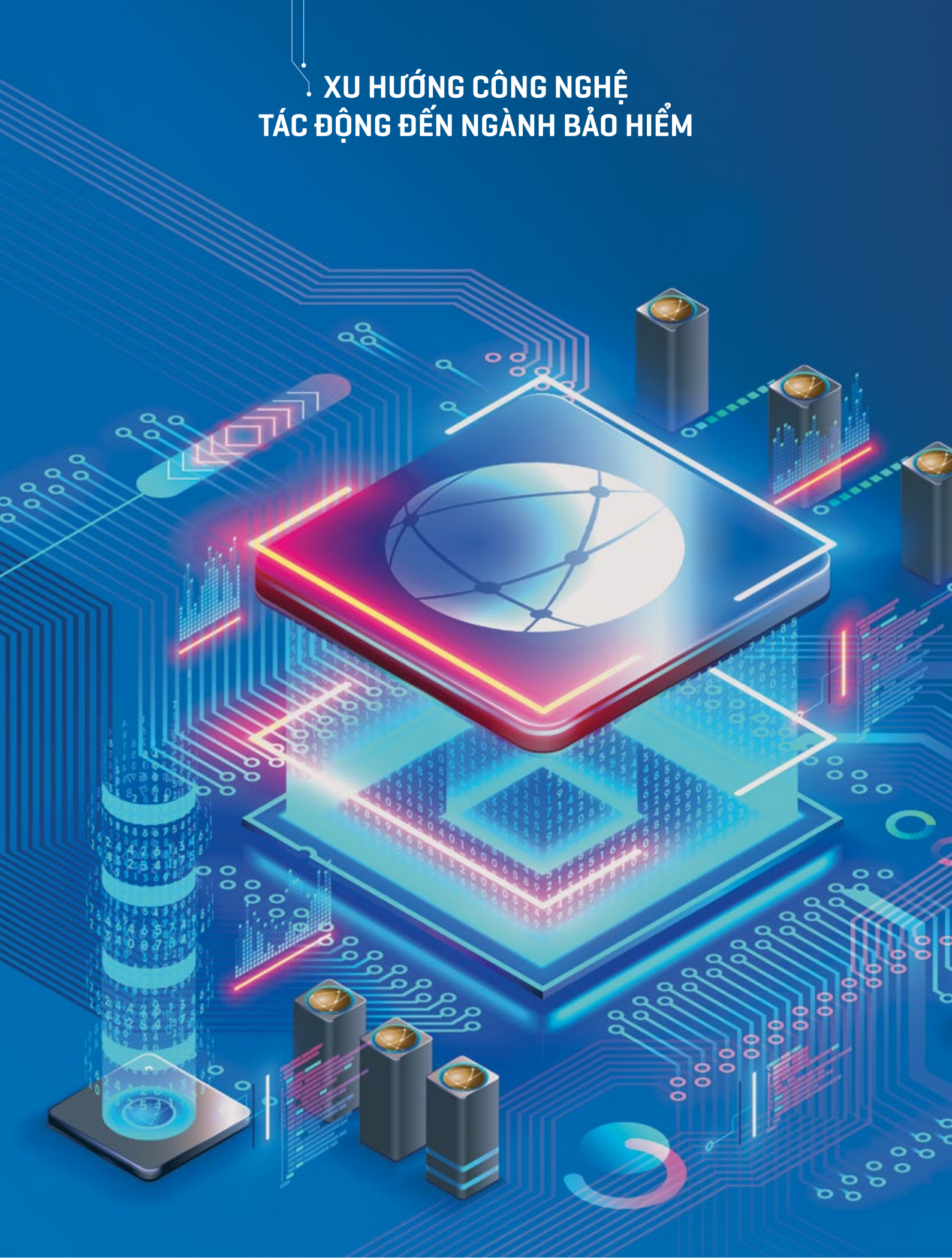

> Theo các đơn vị tư vấn hàng đầu thế giới là Gartner và EY dự báo ngành bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ sẽ tiếp tục tăng cường tập trung vào kỹ thuật số trong thời gian tới. Các công ty bảo hiểm sẽ ưu tiên chuyển đổi mô hình kinh doanh (business model change), ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu (data and analytics), nâng cao trải nghiệm khách hàng (customer experience), hiện đại hóa hệ thống core bảo hiểm.



CƠ HỘI VÀ RỦI RO TỪ XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ ĐẾN NGÀNH BẢO HIỂM VÀ BẢO VIỆT

Công nghệ phát triển mạnh mẽ mang đến cơ hội cho ngành bảo hiểm nói chung và Bảo Việt nói riêng khả năng gia tăng cơ hôi tiếp cận, tương tác với khách hàng, khả năng cải thiện mô hình phân phối, đa dạng kênh bán hàng cũng như khả năng thay đổi hoàn toàn hành trình trải nghiệm của khách hàng với dịch vụ tài chính, bảo hiểm.

Đi kèm với các cơ hôi cũng là những rủi ro, thách thức cho ngành bảo hiểm. Một loạt các tiến bộ công nghệ đột phá (như AI, Big Data, Cloud, IoT, BlockChain, Robotic...) dự báo trong 5-10 năm tới sẽ buộc ngành bảo hiểm phải thích nghi hoặc bị áp đảo bởi các mô hình kinh doanh thay thế. Đây là những nhân tố đang làm thay đổi ngành bảo hiểm cũng như đẩy sự cạnh tranh giữa các đối thủ truyền thống và những đối thủ mới ngày càng quyết liệt, đồng thời cũng nắm giữ tiềm năng lớn nhất cho tăng trưởng và chuyển đổi.

HÀNH ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT ĐÃ THỰC HIỆN ĐỂ NẮM BẮT XU HƯỚNG ĐÓ TRONG NĂM 2020

> Trước những xu hướng công nghệ đó, Bảo Việt đã tập trung vào xây dựng hệ thống CNTT từ các hệ thống phần mềm core (lõi) phục vụ các công ty thành viên đến các hệ thống vệ tinh, thực hiện liên thông, kết nối toàn bộ dữ liệu xuyên suốt từ khâu bán hàng, dịch vụ khách hàng, bồi thường, kế toán... hình thành một hệ sinh thái số hoàn chỉnh cho Tập đoàn Bảo Việt.



CÁC HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ CỦA BẢO VIỆT BAO GỒM:

1. Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp Hệ thống các phần mềm core (lõi) như: Hệ thống phần mềm phục vụ bảo hiểm Bảo Việt InsureJ, Hệ thống quản lý hợp đồng bảo hiểm nhân thọ phục vụ Bảo Việt Nhân Thọ, Hệ thống core Fund phục vụ cho công ty quản lý quỹ Bảo Việt.

2. Nâng cao trải nghiệm khách hàng, đại lý bằng cách triển khai các chương trình khách hàng thân thiết (Loyalty), cung cấp thêm những công cụ cho đại lý dành cho bán hàng, tương tác (MyAP, BaoViet Digital Platform), ...

3. Tập trung kết nối các hệ thống nhằm hoàn thiện hệ sinh thái số của Bảo Việt.

4. Thực hiện chiến lược chuyển đổi số thông qua công tác số hóa các quy trình của Bảo Việt như quy trình bồi thường, quy trình quản lý tờ trình, công văn... tiến tới một Bảo Việt "Paperless".

5. Đẩy mạnh triển khai các sản phẩm mới trên nền thương mại điện tử như Life Care, Flight Delay, Bảo hiểm thiết bị điện tử, Bảo hiểm xe máy, ô tô... cũng như thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính (fintech) và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính bảo hiểm.

6. Ứng dụng nền tảng phân tích dữ liệu lớn (Bigdata) để xây dựng công cụ định phí xe cơ giới "Pricing Engine".

Trong năm 2020, Tập đoàn Bảo Việt đã cơ bản hoàn thành được mục tiêu đề ra: đẩy mạnh việc chuyển đổi số thông qua việc phát triển các ứng dụng trên nền tảng kỹ thuật số như Baoviet eClaim, Bao Viet Office, Bao Viet Direct, MyBVLife. Nâng cao trải nghiệm của khách hàng, đại lý và tư vấn viên với các chương trình chăm sóc khách hàng Customer Loyalty, bán hàng trực tuyến Baoviet Digital Platform, cổng thông tin tư vấn viên MyAP... Tập trung xây dựng hệ thống hệ thống phần mềm core (lõi) cho BVNT, nâng cấp hệ thống core InsureJ của BHBV, hệ thống Core Fund của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt, kết nối và liên thông giữa các ứng dụng core với các ứng dụng phát triển mới cũng như toàn bộ dữ liệu xuyên suốt từ khâu bán hàng, dịch vụ khách hàng, bồi thường, kế toán... hình thành một hệ sinh thái số hoàn chỉnh cho Tập đoàn Bảo Việt.

KẾ HOẠCH 2021 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2025 ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA BẢO VIỆT

"Tiếp tục hành trình chuyển đổi số của Tập đoàn và các công ty thành viên, năm 2021 là năm đầu tiên của giai đoạn chiến lược 5 năm 2021-2025, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục củng cố, hoàn thiện các phần mềm để hỗ trợ quá trình số hóa toàn diện các lĩnh vực hoạt động của toàn Tập đoàn. Cụ thể, Tập đoàn Bảo Việt sẽ chuyển đổi và số hóa các quy trình và sản phẩm hướng tới một Bảo Việt không giấy tờ (paperless); triển khai ứng dụng AI vào OCR (Nhận dạng ký tự quang học) nhằm năng suất lao động; triển khai eKYC (định dạng khách hàng điện tử); ứng dụng công nghệ Bigdata để phân tích và ra quyết định; tiếp tục nâng cấp hệ thống để nâng cao trải nghiệm khách hàng; hoàn thiện nền tảng bán hàng trực tuyến; bổ sung thêm các công cụ dành cho đại lý; ..."



Định hướng CNTT của Bảo Việt đến năm 2025 là đi tắt, đón đầu, triển khai các hệ thống CNTT tiên tiến, hiện đại đẩy mạnh việc chuyển đổi số toàn diện trong mọi hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt

CÁC ỨNG DỤNG INSURTECH SẼ ĐƯỢC TRIỂN KHAI SÂU VÀ RỘNG

HỆ SINH THÁI KỸ THUẬT SỐ CÓ SỰ THAM GIA CỦA BẢO VIỆT, SẼ ĐƯỢC MỞ RỘNG VÀ CỦNG CỐ VỮNG CHẮC VỚI HẦU HẾT CÁC KHÁCH HÀNG THAM GIA

NÂNG CAO TÍNH HIỆU QUẢ CHUYÊN NGHIỆP ĐỂ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CUNG CẤP CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ VƯƠN TẦM QUỐC TẾ.

Bảo Việt sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ để hoàn thiện hệ thống CNTT, nắm bắt, ứng dụng kịp thời những xu thế công nghệ mới đang thịnh hành trên thế giới, tạo nền tảng để có khả năng kết nối, liên thông, tích hợp và chia sẻ thông tin, thực sự đưa CNTT là thế mạnh của Bảo Việt nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trong thời đại mới, thời đại của cách mạng công nghiệp 4.0

VỀ PHẦN MỀM

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp các hệ thống công nghệ thông tin hiện có.
- Tập trung hoàn thiện các hệ thống nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng như hệ thống Baoviet Direct, MyBvlife, bảo hiểm trực tuyến - eCommerce, eClaim, Baoviet Pay.
- Đẩy mạnh việc ứng dụng các nền tảng, kiến trúc công nghệ tiên tiến theo đúng xu thế trên thế giới cho các hệ thống phần mềm của Bảo Việt để tăng cường hiệu năng ứng dụng, phát triển nhanh và đảm bảo an toàn bảo mật
- Đẩy mạnh việc áp dụng các công nghệ mới như: Trí tuệ nhân tạo, học máy, học sâu, xử lý dữ liệu lớn vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, tự động hóa các quy trình đánh giá rủi ro, giám định, bồi thường để nâng cao năng suất lao động.

VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG

- Tiếp tục chuyển đổi hạ tầng sang nền tảng công nghệ điện toán đám mây để tối ưu hoá chi phí đầu tư.
- Đẩy mạnh việc ứng dụng các nền tảng công nghệ tiên tiến trong hoạt động vận hành ứng dụng CNTT của Bảo Việt, từ đó nâng cao năng suất lao động, rút ngắn thời gian đưa các ứng dụng phần mềm vào hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị.

VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH BẢO MẬT

- Tiếp tục tăng cường và gia cố hệ thống công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế: ISO 27001, OWASP, SANS, NIST, CIS... bảo vệ hệ thống CNTT theo cấp độ hệ thống và phòng thủ nhiều lớp.
- Chủ động giám sát, thu thập và phân tích lỗ hổng ANBM để kịp thời phản ứng, ứng phó với sự cố an toàn thông tin trong tình hình tội phạm an ninh công nghệ cao ngày một phức tạp.
- Xây dựng bảng chỉ số và đánh giá xếp hạng an toàn thông tin tại Tập đoàn và từ các Tổng công ty tới các Công ty thành viên.

Để thực hiện các định hướng chiến lược trên, Tập đoàn Bảo Việt sẽ thực hiện tập trung xây dựng một đội ngũ cán bộ chất lượng cao, chủ động, sáng tạo; để chiếm lĩnh công nghệ trong một thế giới phẳng, khẳng định vị trí dẫn đầu: thương hiệu Việt đẳng cấp quốc tế.



Khi sự phục hồi kinh tế toàn cầu chưa bền vững, còn những rủi ro khó lường; sự gia tăng của dịch bệnh, chiến tranh thương mại, nợ công toàn cầu, biến đổi khí hậu ngày càng đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong xu hướng phát triển bền vững, Bảo Việt nhìn nhận một số rủi ro và thách thức có thể tác động tới hoạt động của Bảo Việt. Các thách thức và rủi ro này được đánh giá theo mức độ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Bảo Việt và lợi ích của các bên liên quan.

THÁCH THỨC DỊCH BỆNH GIA TĂNG VÀ THÍCH ỨNG TRONG TRẠNG THÁI "BÌNH THƯỜNG MỚI"

DỊCH BỆNH GIA TĂNG, ẢNH HƯỞNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU VÀ VIỆT NAM

Trong năm qua, dịch Covid-19 xuất hiện và diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các quốc gia trên thế giới. Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng nên chịu nhiều tác động tiêu cực của dịch bệnh trong các lĩnh vực kinh tế – xã hội. Các hoạt động sản xuất, cung ứng và lưu chuyển thương mại, hàng không, du lịch, lao động và việc làm bị đình trệ, gián đoạn do ảnh hưởng của dịch bệnh. Doanh nghiệp là đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề, nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động hoặc phá sản, giải thể, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh.

Sự đứt gãy của không ít hoạt động kinh tế dựa trên nền tảng truyền thống buộc các cơ quan, doanh nghiệp Việt Nam phải mạnh dạn hơn trong nghiên cứu, ứng dụng nền tảng số hóa trong các hoạt động quản lý, sản xuất - kinh doanh.

Thế giới đang chứng kiến những chuyển biến nhanh như vũ bão của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0. CMCN 4.0 xuất phát từ đột phá trên nhiều lĩnh vực, trong đó có làn sóng số hóa của lĩnh vực sản xuất. Nhận thức được

tầm quan trọng đó, nhiều nước đã quan tâm và cụ thể hóa các ưu tiên phát triển kinh tế số. Đặc biệt, bối cảnh đại dịch COVID-19 càng khiến Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam quan tâm đến kinh tế số nhiều hơn.

Mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch, doanh nghiệp Việt Nam vẫn có thể thấy được những cơ hội để phát triển và cải thiện năng lực. Việc đẩy lùi được dịch bệnh giúp nước ta trở thành địa chỉ tin cậy của các nhà đầu tư nước ngoài, điểm đến tiềm năng, an toàn cho sự phân bổ lại dòng vốn đầu tư trên thế giới, đặc biệt là xu hướng chuyển dịch nhà máy sản xuất ra khỏi Trung Quốc của các tập đoàn trên thế giới. Với lực lượng lao động đông đảo và giá nhân công rẻ, cơ sở hạ tầng khá tốt, vị trí địa lý gần Trung Quốc, Việt Nam sẽ được các tập đoàn có nhu cầu dịch chuyển ngày càng chú ý hơn. Giai đoạn bị ảnh hưởng của dịch



Covid-19 cũng là cơ hội để các doanh nghiệp kiểm chứng lại sức chịu đựng và khả năng thích nghi với tình hình mới; tự đánh giá về thực trạng sản xuất kinh doanh, điểm mạnh, điểm yếu và lợi thế cạnh tranh, trên cơ sở đó cải tiến mô hình sản xuất kinh doanh theo hướng hiệu quả và bền vững.

Trong trạng thái "Bình thường mới", Bảo Việt đã chuẩn bị cho mình một tâm thế chủ động, linh hoạt, không ngừng học hỏi, vận dụng, sáng tạo, đổi mới cách thức quản trị điều hành, tăng cường chuyển đổi số, thay vì bó hẹp trong những lối đi truyền thống, Bảo Việt đã đón đầu và làm chủ công nghệ, tham gia thế giới phẳng để thích ứng trước những thay đổi trong trạng thái mới để không ngừng tăng trưởng và phát triển bền vững.

THÁCH THỨC TỪ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

VIỆT NAM HỨNG CHỊU NHIỀU TÁC ĐỘNG TỪ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Biến đổi khí hậu là một thách thức lớn, tác động mạnh mẽ đến sản xuất, đời sống và môi trường. Nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng gây ngập lụt, nhiễm mặn nguồn nước, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và các hoạt động kinh tế - xã hội.

Rõ ràng các hoạt động của con người đã gây tác động rộng rãi hơn lên cả hành tinh, làm suy thoái các hệ sinh thái tự nhiên, cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, gây ô nhiễm không khí, nước, đất..., và đặc biệt đã làm cho khí hậu toàn cầu bị biến đổi. Bão tố, lũ lụt, hạn hán bất thường đang tăng dần lên, cả về tần số và mức độ, gây thiệt hại về nhiều mặt ở tất cả các vùng trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia sẽ bị ảnh hưởng nặng nề do biến đổi khí hậu, trong đó thiên tai, lũ ống, lũ quét và sạt lở đất gây thiệt hại lớn nhất và ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt là ở các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc. Báo cáo cho biết những năm



gần đây, thiên tai có chiều hướng gia tăng về số lượng, tần suất, diễn biến khó lường và tính tàn phá cũng ngày càng khốc liệt hơn do biến đổi khí hậu.

Khi hạn hán nắng nóng kết hợp với xâm nhập mặn dẫn đến thiếu nước ngọt cung cấp cho cây lúa, ảnh hưởng đến năng suất. Khi xâm nhập mặn kéo dài còn gây ảnh hưởng đến lịch thời vụ của vụ tiếp theo do không chủ động được nguồn nước ngọt.

Nếu như 1 thế kỷ nữa, nhiệt độ nước biển tại Việt Nam tăng 3 độ C. Mực nước biển vùng ĐBSCL tăng từ 55 – 75 cm, sẽ khiến cho 40% tổng diện tích ĐBSCL bị ngập nước. Việc nước biển dâng, xâm mặn sẽ khiến cho 45% diện tích vùng ĐBSCL bị nhiễm mặn vào năm 2030.

BẢO VIỆT CHUNG TAY GÓP PHẦN GIẢI QUYẾT CÁC THÁCH THỨC TOÀN CẦU

ĐỐI VỚI CÁC THÁCH THỨC TỪ DỊCH BỆNH GIA TĂNG

Trước tình hình diễn biến phức tạp và khó lường của Covid-19, Bảo Việt đã có các chính sách đặc biệt dành cho khách hàng tham gia sản phẩm bảo hiểm như: Chi trả chi phí y tế cho các khách hàng tham gia bảo hiểm sức khỏe bị nhiễm Covid-19, giảm phí bảo hiểm 20% đối với sản phẩm Bảo Việt An Gia, Bảo Việt Intercare. Các quyền lợi được chi trả bao gồm chi phí xét nghiệm, chi phí điều trị, chi phí trợ cấp nằm viện nội trú, giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong do Covid-19.

Bảo Việt Nhân thọ áp dụng chính sách đặc biệt cho khách hàng bị nhiễm Covid-19, cam kết chi trả quyền lợi bảo hiểm đối với tất cả các sản phẩm hiện hành cho các khách hàng, bao gồm các quyền lợi trợ cấp viện phí, quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng và quyền lợi tử vong theo phạm vi bảo hiểm của điều khoản sản phẩm.

Để hỗ trợ khách hàng kịp thời trong trường hợp không may gặp rủi ro do nhiễm Covid-19, Bảo Việt Nhân thọ còn áp dụng chính sách đặc biệt: đối với khách hàng nằm viện cách ly do nhiễm Covid-19 theo chẩn đoán xác định của cơ quan y tế có thẩm quyền. Dù người nhiễm Covid-19 đã được điều trị và chăm sóc miễn phí theo chính sách của Nhà nước, khi đã tham gia bảo hiểm nhân thọ, khách hàng vẫn được nhận trợ cấp viện phí đặc biệt (chi trả 200% số tiền bảo hiểm của quyền lợi trợ cấp viện phí thông thường theo điều khoản và phạm vi của hợp đồng.



> Trong trạng thái "Bình thường mới", Bảo Việt tăng cường chuyển đổi số thông qua công tác số hóa các quy trình của Bảo Việt như quy trình bồi thường, quy trình quản lý tờ trình, công văn... tiến tới một Bảo Việt "Paperless".

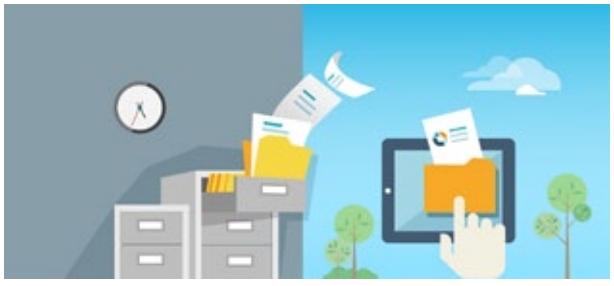

Đồng thời, Bảo Việt tập trung nâng cao trải nghiệm khách hàng, đại lý bằng cách triển khai các chương trình khách hàng thân thiết (Loyalty), cung cấp thêm những công cụ bán hàng dành cho đại lý, tăng tính tương tác trên các nền tảng mới (MyAP, BaoViet Digital Platform); Đẩy mạnh triển khai các sản phẩm mới trên nền thương mại điện tử như Life Care, Flight Delay, Bảo hiểm thiết bị điện tử, Bảo hiểm xe máy, ô tô... cũng như thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính (fintech) và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính bảo hiểm.

ĐỐI VỚI CÁC THÁCH THỨC TỪ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Biến đổi khí hậu tác động gián tiếp lên sức khỏe con người thông qua nguồn gây bệnh, làm tăng khả năng bùng phát và lan truyền các bệnh dịch, gây ra các rủi ro từ gói bảo hiểm y tế và bảo hiểm sức khỏe của Bảo Việt. Các rủi ro về con người, tài sản cũng ảnh hưởng tới Bảo Việt với các chi phí bồi thường gia tăng.

Những thiệt hại của biến đổi khí hậu đối với nền kinh tế của quốc gia gây ra rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Bảo Việt xét ở khía cạnh thu nhập của người dân giảm và các ưu tiên dành cho bảo hiểm có thể được thay thế cho những nguy cơ khác cấp bách hơn của khách hàng nhằm phục vụ cho các mục tiêu ngắn hạn.



> Việc thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề mang tính toàn cầu nhưng đây cũng có thể là cơ hội nếu biết khai thác, tận dụng. Bảo Việt nhìn nhận trách nhiệm của mình trong việc chung tay giải quyết các thách thức thông qua việc phát triển các sản phẩm chuyên biệt như One-storm – bảo hiểm bão nhiệt đới, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm cây lúa... góp phần giảm nhẹ thiệt hại và hậu quả của biến đổi khí hậu.



KINH TẾ TUẦN HOÀN
CƠ HỘI LỚN ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một trong những Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, Bảo Việt nhận thức rõ vai trò không chỉ là đầu tàu kinh tế mà còn là doanh nghiệp tiên phong trong việc tuyên bố và hiện thực hóa Chiến lược Phát triển bền vững bằng các hành động cụ thể trong việc ra quyết định kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả về kinh tế, bảo vệ môi trường, góp phần bảo đảm sự bình an, thịnh vượng của cộng đồng trên cơ sở nắm bắt các xu hướng quốc tế về phát triển bền vững và đón đầu các cơ hội trên thị trường.

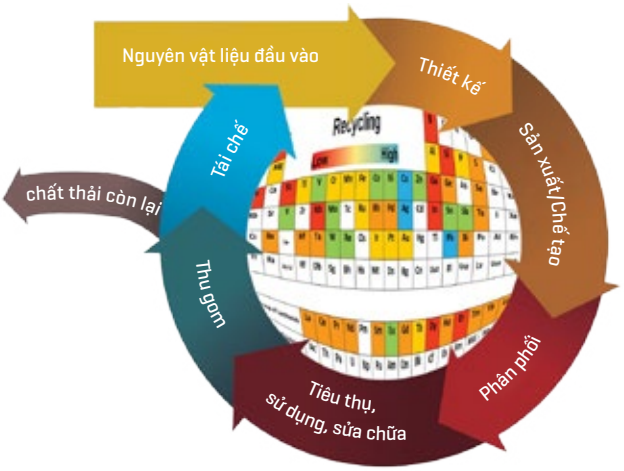

Việc chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn là một cơ hội lớn để phát triển bền vững, không chỉ đạt mục tiêu kinh tế, xã hội, môi trường mà còn ứng phó với biến đổi khí hậu. Các nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng áp dụng các mô hình kinh doanh theo định hướng kinh tế tuần hoàn có thể mở ra cơ hội thị trường khổng lồ trị giá 4,5 nghìn tỷ USD vào năm 2030, tạo ra hàng trăm triệu việc làm mới, mang đến những lợi thế cạnh tranh chưa từng có cho doanh nghiệp thông qua việc giảm bớt các rủi ro đến từ việc khan hiếm tài nguyên biến động giá nguyên vật liệu, giúp doanh nghiệp đón đầu các chính sách mới của các cơ quan quản lý trong tương lai.

Trong nền kinh tế tuần hoàn, các nhà sản xuất chú trọng kéo dài thời hạn và tận dụng tối đa giá trị sử dụng của tài nguyên, sau đó quản lý và tái tạo những sản phẩm và tài nguyên này vào cuối vòng đời sử dụng. Như vậy, việc áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn sẽ giúp giảm phát thải, thúc đẩy sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, góp phần giải quyết các vấn đề về khan hiếm và bảo tồn tài nguyên, đồng thời hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế thế giới và Việt Nam.

Hoàn thành các Mục tiêu Toàn cầu mở ra cơ hội thị trường trị giá ít nhất 12 nghìn tỷ USD được Ủy ban Kinh doanh và Phát triển bền vững khảo sát, chiếm khoảng 60% giá trị của nền kinh tế thực và có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện các Mục tiêu Toàn cầu. Để nắm bắt được tất cả các cơ hội, doanh nghiệp cần phải theo đuổi sự phát triển bền vững về xã hội và môi trường một cách mạnh mẽ và rõ ràng như cách họ theo đuổi thị phần và giá trị cổ đông. Càng nhiều doanh nghiệp tham gia trong quá trình này ngay từ bây giờ, chúng ta sẽ cùng nhau trở thành một lực lượng hùng mạnh và sớm đạt được những mục tiêu phát triển bền vững Bảo Việt nhìn nhận quá trình xây dựng nền kinh tế tuần hoàn đòi hỏi công nghệ và khả năng đổi mới nhằm tái sử dụng các nguồn lực hiệu quả, không chỉ tốt cho môi trường mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Do vậy, doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc chung tay cùng Chính phủ và các cơ quan hữu quan nâng cao nhận thức của cộng đồng để khai thác và tái sử dụng nguồn tài nguyên hợp lý.

Bảo Việt hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng tôi từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này. Và để làm được, chúng tôi cũng cần xây dựng lộ trình cụ thể nhằm bù đắp lại những thiếu hụt về nguồn lực tài nguyên mà con người đã khai thác quá mức trong quá khứ và trong hiện tại.

GẮN KẾT MỤC TIÊU TOÀN CẦU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (SDGS) TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

> Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp quốc về Phát triển bền vững thông qua Chương trình nghị sự 2030 với trọng tâm là các Mục tiêu Phát triển bền vững cho giai đoạn 2015 - 2030, trong đó nhấn mạnh vai trò của doanh nghiệp trong việc hiện thực hoá các mục tiêu phát triển bền vững. Các công ty có thể đóng góp vào quá trình này thông qua những hoạt động cốt lõi của họ và Liên Hợp quốc kêu gọi các công ty trên toàn thế giới đánh giá tác động của mình, đặt ra những mục tiêu tham vọng với quyết tâm mạnh mẽ và công bố kết quả thực hiện một cách minh bạch.



Mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp quốc đến năm 2030 gồm 17 mục tiêu với 169 chỉ tiêu được cụ thể hóa.

Chương trình nghị sự 2030 tập trung vào kết hợp và cân bằng ba vấn đề lớn của sự bền vững, đó là những nội dung liên quan đến các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường. Ba vấn đề này được giải quyết trong một khung các cam kết có liên quan tới hành động được thành lập theo 5 yếu tố "P" gồm:

Bảo vệ hành tinh khỏi sự suy thoái; thúc đẩy tiêu dung và sản xuất bền vững; quản lý tài nguyên thiên nhiên.

Thúc đẩy xã hội hòa bình, công bằng và rộng mở, không còn sợ hãi và bạo lực.

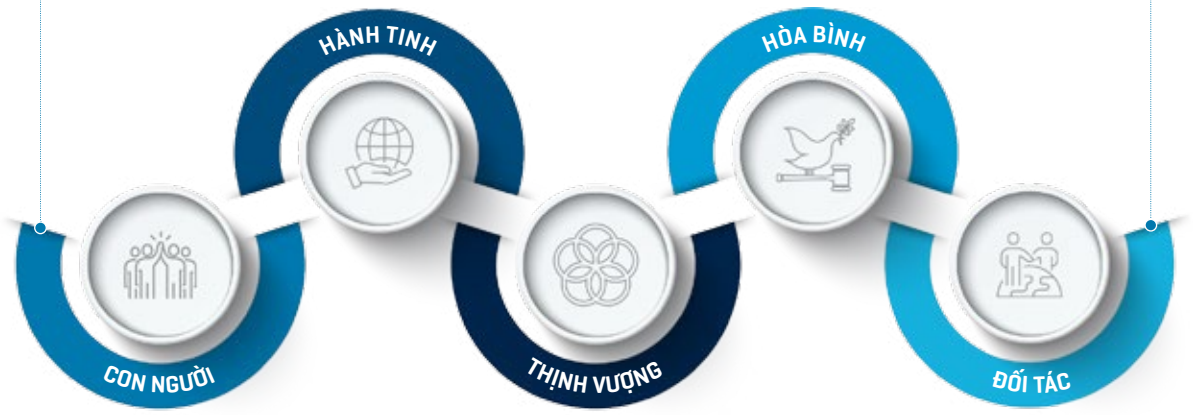

Chấm dứt đói nghèo dưới mọi hình thức và mọi khía cạnh; phát huy tiềm năng và nhân phẩm của con người và tăng cường bình đẳng.

Đảm bảo tất cả mọi người có cuộc sống đầy đủ và thịnh vượng.

Huy động các phương tiện cần thiết để thực hiện Chương trình nghị sự này thông qua quan hệ đối tác toàn cầu đầy sức sống,... với sự tham gia của tất cả các nước, tất cả các bên liên quan và tất cả mọi người.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT TRONG TRUNG VÀ DÀI HẠN

> Nhận diện các ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn, Bảo Việt đã gắn kết các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp quốc trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 trên cơ sở đánh giá các hoạt động đã triển khai và phân tích các tác động đối với Bảo Việt.



ĐỊNH HƯỚNG



Việc thực hiện mục tiêu kinh tế được kết hợp với thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Bảo Việt.

Bảo Việt luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Bảo Việt vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

CAM KẾT TỪ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Chiến lược phát triển của doanh nghiệp gắn liền với sự cam kết và quyết định của Ban lãnh đạo. Tại Bảo Việt, việc định hướng và cam kết thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, cũng như việc gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh nhận được sự đồng thuận từ cấp Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, lãnh đạo quản lý cấp trung đến cán bộ nhân viên.

Bảo Việt cũng cử đại diện tham gia Ban Điều hành Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) nhiệm kỳ 2020-2022, qua đó Bảo Việt có cơ hội cập nhật các xu hướng mới về phát triển bền vững để gắn kết trong chiến lược và hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn, đồng thời cam kết sẽ chung tay cùng Ban Điều hành VBCSD trong các hoạt động thường niên về phát triển bền vững nhằm thúc đẩy kinh doanh theo hướng phát triển bền vững; Thúc đẩy nhân rộng áp dụng bộ chỉ số bền vững trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng thành lập Tổ thường trực về phát triển bền vững gồm 45 thành viên, trong đó Ban chỉ đạo bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động, Giám đốc Khối Quản lý Tài chính, Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ, trong đó có sự phân quyền rõ ràng cho các thành viên đối với từng nhóm mục tiêu căn cứ trên 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc và các lĩnh vực mà Bảo Việt có thể tác động lớn nhất khi triển khai các mục tiêu đó.

VẬN DỤNG SDG COMPASS & GRI STANDARDS TRONG VIỆC HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

Trên cơ sở đối chiếu và kết nối các chỉ tiêu GRI Standards với các Mục tiêu Phát triển bền vững toàn cầu (SDGs), doanh nghiệp có thể xác định được các chủ đề trọng yếu, quản lý được mức độ gắn kết giữa hoạt động của doanh nghiệp với các mục tiêu SDGs, đồng thời đo lường các kết quả triển khai Chiến lược Phát triển bền vững tại doanh nghiệp. Theo đó, Bảo Việt đã áp dụng quy trình 05 bước theo hướng dẫn tại La bàn SDGs (SDG Compass) để xác định và quản trị các vấn đề trọng yếu; Báo cáo và giám sát quá trình hiện thực hoá các mục tiêu, cam kết phát triển bền vững theo SDGs và GRI Standards hiệu quả hơn.

SDG Compass

GRI

Quy trình 05 bước theo hướng dẫn tại La bàn SDGs (SDG Compass) được Bảo Việt áp dụng cụ thể như sau:

Bước 1
HIỂU VỀ SDGs

Bảo Việt tiến hành nghiên cứu, phân tích, hiểu về các Mục tiêu SDGs để gắn kết vào hoạt động của doanh nghiệp.

Bước 2
XÁC ĐỊNH ƯU TIÊN

Xác định các ưu tiên của doanh nghiệp dựa trên đánh giá về tác động tích cực và tiêu cực, hiện tại và tiềm năng của mình đối với SDGs trong chuỗi giá trị.



Bước 3
XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU

Bằng cách sắp xếp các mục tiêu của doanh nghiệp và gắn kết với SDGs, ban lãnh đạo có thể thể hiện cam kết của mình đối với sự phát triển bền vững.

Bước 4
LỒNG GHÉP TÍNH BỀN VỮNG

Lồng ghép tính bền vững vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, quản trị, chiến lược: Tích hợp tính bền vững vào hoạt động kinh doanh và quản trị cốt lõi, đưa các mục tiêu phát triển bền vững vào tất cả các chức năng trong công ty, là chìa khóa để đạt được các mục tiêu đã đề ra. Thông qua việc gắn kết tính bền vững vào chiến lược và hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt có thể theo đuổi các mục tiêu chung hoặc giải quyết các thách thức mang tính hệ thống.

Bước 5
BÁO CÁO VÀ TRUYỀN ĐẠT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Với việc áp dụng các hướng dẫn của SDG Compass, Bảo Việt có thể sử dụng một số KPIs và tham khảo các nhóm ưu tiên chung của cộng đồng quốc tế trong việc đo lường và báo cáo về tính hiệu quả triển khai phát triển bền vững, đồng thời thực hiện báo cáo và truyền đạt tới các bên liên quan.

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN - TRUNG VÀ DÀI HẠN



Trong quá trình định hình các cơ hội thị trường do các Mục tiêu Toàn cầu về phát triển bền vững mang lại trên nền tảng các triết lý kinh doanh dựa trên sự chia sẻ (shared value), tuần hoàn (circular economy), dịch vụ tinh gọn (Smart service), dữ liệu lớn (Big data) và đầu tư có trách nhiệm (Responsible investment), Bảo Việt hiểu rằng thực hiện thành công các Mục tiêu Toàn cầu là chìa khóa mở ra cánh cửa tới phát triển kinh doanh lâu dài.





NGẮN HẠN (2019 - 2020)

- Giữ vị trí hàng đầu trên thị trường bảo hiểm;
- Đảm bảo chính sách chi trả cổ tức đều đặn, tối thiểu 50% lợi nhuận sau thuế;
- Chiến lược đầu tư thận trọng đảm bảo an toàn tài sản trên nguyên tắc vốn đầu tư phân bổ theo hiệu quả và khả năng sinh lời của các đơn vị;
- Triển khai nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong các dự án đầu tư;
- Mở rộng hoạt động kinh doanh, đóng góp cho kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương tại các địa bàn Bảo Việt đang hoạt động;
- Đẩy mạnh mô hình sản phẩm tài chính - bảo hiểm tích hợp, thúc đẩy tiêu dùng có trách nhiệm.

Để điều chỉnh hoạt động kinh doanh phù hợp với Mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu, Bảo Việt không chỉ lồng ghép các mục tiêu vào quá trình lập kế hoạch chiến lược, đổi mới phát triển kinh doanh mà còn vào mọi khía cạnh trong hoạt động của doanh nghiệp, từ đầu tư, vận hành hoạt động đến marketing, truyền thông thương hiệu, quản lý và phát triển nguồn nhân lực... Việc áp dụng một phương pháp tích hợp toàn diện này sẽ mở rộng tầm nhìn chiến lược của doanh nghiệp, thúc đẩy các quyết định và các hoạt động đầu tư với kỳ vọng mang lại lợi ích trong dài hạn khi xu hướng phát triển bền vững trở thành xu hướng tất yếu và bước vào chu kỳ tăng tốc.

Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, Bảo Việt đã phân tích, lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững đến năm 2025 của doanh nghiệp bao gồm:



DÀI HẠN (2021-2025)

- Phát triển gói sản phẩm dịch vụ tài chính - bảo hiểm mới đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư, khách hàng, cộng đồng;
- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận; tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt trên 8%, đảm bảo quyền lợi cổ tức cho cổ đông theo cam kết;
- Quản lý rủi ro, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Đóng góp vào ngân sách nhà nước thông qua nộp thuế và cổ tức, đóng góp gián tiếp cho việc thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội của Chính phủ;
- Duy trì vị trí hàng đầu trong việc tái đầu tư trở lại nền kinh tế từ nguồn phí bảo hiểm .

GIẢI PHÁP

- Tăng cường chuyển đổi số trên nền tảng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng hỗ trợ nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Chú trọng đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính, đón đầu nhu cầu thị trường;
- Tập trung triển khai đẩy mạnh bán hàng và thúc đẩy tăng trưởng doanh thu;
- Tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm - đầu tư - tài chính - ngân hàng;
- Đẩy mạnh hợp lực, bán chéo, nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Triển khai Bảo hiểm hưu trí tự nguyện; bảo hiểm chuyên biệt cho bệnh hiểm nghèo, đẩy mạnh bảo hiểm vi mô cho người thu nhập thấp.

MỤC TIÊU
NGẮN HẠN - TRUNG HẠN - DÀI HẠN

ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA XÃ HỘI

NGẮN HẠN (2019 - 2020)

- Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn thông qua việc đầu tư tại các địa bàn khó khăn, tập trung cho các huyện nghèo vùng cao.
- Hỗ trợ các điều kiện sống cơ bản cho người dân vùng khó khăn nhằm giúp họ tập trung lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình tốt hơn.
- Đầu tư phát triển các gói sản phẩm bảo hiểm vi mô và sản phẩm đáp ứng các nhu cầu bảo vệ cho khách hàng thông qua gói sản phẩm đa dạng với tính năng ưu việt, linh hoạt.
- Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến.
- Đầu tư cho công tác giáo dục, phát triển thế hệ trẻ, góp phần xây dựng thế hệ tri thức tương lai của đất nước.

Gắn kết SDGs



Tiêu chuẩn GRI





CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

NGẮN HẠN (2019 - 2020)

- Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm số hóa các giao dịch hoạt động, giảm lượng giấy thải ra môi trường.
- Sử dụng năng lượng hiệu quả tại các tòa nhà văn phòng thông qua việc sử dụng hợp lý, có ý thức các nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên.
- Tăng cường sử dụng các sản phẩm tái chế và sử dụng các thiết bị được dán nhãn "xanh".Tạo sự chuyển biến từ ý thức bảo vệ môi trường đến việc đồng hành cùng Bảo Việt trong các hoạt động vì môi trường đối với khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên.
- Thực hiện đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp căn cứ trên các cam kết trách nhiệm đối với xã hội và môi trường.
- Áp dụng các nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong các dự án đầu tư, nhằm đảm bảo thực hiện chuỗi giá trị bền vững của Bảo Việt.

Gắn kết SDGs



Tiêu chuẩn GRI





DÀI HẠN (2021-2025)	GIẢI PHÁP
• Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn; • Đầu tư hỗ trợ các huyện nghèo xây dựng cơ sở hạ tầng, từng bước đem lại điều kiện sống tốt và cuộc sống khỏe mạnh hơn cho người dân; • Đảm bảo lợi ích và môi trường làm việc cho người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống và thu nhập cho tư vấn viên để tăng sự gắn bó lâu dài; • Đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển thế hệ trẻ, hỗ trợ công tác khuyến học.	• Triển khai các hoạt động xóa nghèo, đầu tư xây thêm các nhà bán trú dân nuôi, trạm y tế, trường học tại các địa phương khó khăn; • Tổ chức các chương trình mang thông điệp "He for She" - Nam giới vì Phụ nữ tại công sở nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và quyền phụ nữ • Dành ngân sách 1% lợi nhuận sau thuế cho các hoạt động cộng đồng khác như đầu tư cho thế hệ trẻ, khắc phục hậu quả thiên tai và tri ân anh hùng liệt sỹ; • Đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; • Hoàn thiện cơ chế đánh giá và trả lương theo hiệu quả; • Gắn kết người lao động trong các hoạt động vì cộng đồng thông qua tổ chức các sự kiện đi bộ gây quỹ, mang hơi ấm tới vùng cao, trồng cây xanh,...

DÀI HẠN (2021-2025)	GIẢI PHÁP
• Giảm thiểu việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính; • Giảm 10% lượng xăng và điện tiêu thụ; • Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững: áp dụng 100% chỉ tiêu đo lường năng lượng và nước tiêu thụ trên toàn hệ thống; • Tiết kiệm văn phòng phẩm, giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc; • Giảm tối đa lượng rác thải nhựa trong sinh hoạt văn phòng. • Giảm thiểu các hoạt động gây phát sinh chất thải và ô nhiễm môi trường, góp phần cải tạo môi trường và sức khỏe của con người.	• Giảm phát khí thải nhà kính thông qua giảm tiêu thụ năng lượng các tòa nhà văn phòng do Bảo Việt quản lý; • Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 18h00; • Thực hiện kiểm soát hệ thống xử lý chất thải tại các tòa nhà của Bảo Việt - đảm bảo đạt các tiêu chuẩn môi trường cho phép; • Thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng; • Thay thế việc sử dụng các bình đun nước nóng cục bộ bằng việc sử dụng các trung tâm cấp nước nóng sử dụng dầu D.O; • Tăng tỷ lệ rà soát và thỏa thuận về môi trường xã hội với nhà cung cấp và dự án đầu tư.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2016-2020



5,9%/năm
Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020

Quy mô vốn hóa thị trường chứng khoán đến năm 2020 2020 dự báo tương đương
100% GDP

2,91%
Tốc độ tăng trưởng năm 2020

Thị trường bảo hiểm Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định giai đoạn 2016 - 2020, tổng doanh thu tăng bình quân
20% đến năm 2020

Tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm đến năm 2020 khoảng
3,5% GDP

Năm 2020 trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, Việt Nam thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới

Giai đoạn 2016-2020, kinh tế thế giới và khu vực diễn biến phức tạp hơn dự báo. Khủng hoảng nợ công, kinh tế thế giới phục hồi chậm, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ gia tăng, nhiều nước tăng cường bảo hộ thương mại. Năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tăng trưởng kinh tế. Khoa học, công nghệ phát triển nhanh, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kinh tế số trở thành một trong những xu hướng phát triển chủ yếu.

Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2016-2019 của Việt Nam đạt 6,8%/năm. Năm 2020 trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tốc độ tăng trưởng đạt 2,91%; bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 5,9%/năm, Việt Nam thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới, tuy nhiên thấp hơn các giả định đầu vào xây dựng chiến lược năm 2015. Với nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng kinh tế khả quan với các yếu tố lạm phát, tỷ giá được điều hành linh hoạt và kiểm soát chặt chẽ, thị trường chứng khoán tăng trưởng tích cực. Quy mô vốn hóa thị trường chứng khoán đến năm 2020 dự báo tương đương 100% GDP. Lãi suất huy động trái phiếu Chính phủ (TPCP) giai đoạn 2016 - 2019 đã giảm đáng kể, lãi suất huy động vốn trung bình đã giảm 3-5%/năm trên tất cả các kỳ hạn, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm. Thị trường bảo hiểm Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định giai đoạn 2016 - 2020, tổng doanh thu tăng bình quân 20% đến năm 2020, tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm đến năm 2020 khoảng 3,5% GDP, các sản phẩm bảo hiểm ngày càng đa dạng; thị trường bảo hiểm nhân thọ duy trì tăng trưởng cao trên hai con số.

> **Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn thách thức để thực hiện thành công các mục tiêu đề ra theo Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020, giữ vững vị thế là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, tích cực tham gia và có vai trò quan trọng trong việc là công cụ để Chính phủ điều tiết, ổn định kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính, bảo hiểm.**

MỤC TIÊU TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2020, hoạt động kinh doanh của Bảo Việt gặp khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19 làm lãi suất huy động tiền gửi, lãi suất trái phiếu chính phủ, cũng như thị trường chứng khoán giảm mạnh. Chi phí trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán tại Tập đoàn tăng cao, hiệu quả đầu tư bị ảnh hưởng, tác động tới lợi nhuận sau thuế Tập đoàn năm 2020. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của toàn hệ thống, Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, giai đoạn 2016-2020, cơ bản hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu đề ra, cụ thể như sau:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận hợp nhất toàn Tập đoàn (theo số liệu trước soát xét) đều vượt mục tiêu chiến lược đã đặt ra, cụ thể:



147.283 TỶ ĐỒNG - NĂM 2020

Tổng tài sản hợp nhất giai đoạn 2016-2020
tăng trưởng bình quân 20,3%/năm, cao hơn mức tăng trưởng bình quân nhiệm kỳ 2010 - 2015 (5,5%).



1.597 TỶ ĐỒNG - NĂM 2020

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất giai đoạn 2016-2020
tăng trưởng bình quân 6,3%/năm.



48.949 TỶ ĐỒNG - NĂM 2020

Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn giai đoạn 2016-2020
tăng trưởng bình quân 18,7%/năm, cao hơn mức tăng trưởng bình quân nhiệm kỳ 2010 - 2015 (10%) và vượt chỉ tiêu chiến lược.



9% /NĂM

Tốc độ tăng trưởng tổng nguồn vốn chủ sở hữu Hợp nhất
bình quân giai đoạn 2016 - 2020

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2016-2020

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt năm 2020

Doanh thu năm 2020 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt

1.410 TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận năm 2020 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt

1.012 TỶ ĐỒNG

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ

13,6% NĂM 2020

Tỷ lệ chia cổ tức hàng năm đều hoàn thành mục tiêu chiến lược

CHI TRẢ TỐI THIỂU BẰNG **50%** LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Về chiến lược vốn

HUY ĐỘNG VỐN NĂM 2020 (Tỷ đồng)

5.000

TẬP ĐOÀN BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ CHO BHBV (Tỷ đồng)

900

TẬP ĐOÀN BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ CHO BVNT (Tỷ đồng)

3.000

TẬP ĐOÀN BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (Tỷ đồng)

700



Huy động vốn: Tính đến cuối năm 2020, Tập đoàn Bảo Việt đã huy động được hơn 5.000 tỷ đồng, cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu vốn kinh doanh của Tập đoàn giai đoạn 2016 - 2020. Ngoài ra, phần lợi nhuận còn lại hàng năm cũng đóng góp vào nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn.

Sử dụng vốn: Tập đoàn tập trung tăng cường năng lực tài chính cho các đơn vị trong lĩnh vực bảo hiểm và đầu tư công nghệ thông tin. Cụ thể, giai đoạn 2016 - 2020, Tập đoàn bổ sung thêm 900 tỷ đồng vốn điều lệ cho Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV), tăng tổng vốn của BHBV lên 2.900 tỷ đồng vào cuối năm 2020; bổ sung thêm 3.000 tỷ đồng vốn điều lệ cho Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT), tăng tổng vốn của BVNT lên 5.000 tỷ đồng vào cuối năm 2020, đảm bảo biên khả năng thanh toán, mở rộng hoạt động kinh doanh, phát triển sản phẩm mới, làm cơ sở để thúc đẩy hoạt động bán hàng và nâng cao dịch vụ khách hàng. Gần 700 tỷ đồng đã được bổ sung trong giai đoạn 2016 - 2020 cho hoạt động đầu tư công nghệ thông tin giúp Tập đoàn và các đơn vị nâng cao chất lượng quản trị, phát triển kinh doanh, hiện đại hóa hoạt động theo xu hướng công nghệ 4.0.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

> Tập đoàn Bảo Việt đã thành công trong việc đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực, khẳng định và duy trì các lợi thế cạnh tranh trên thị trường Việt Nam về thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường.

Đội ngũ nhân sự
6.000+
CÁN BỘ

cơ sở dữ liệu khách hàng lớn
17.000.000
KHÁCH HÀNG

280.000+
ĐẠI LÝ VÀ TƯ VẤN VIÊN

200
CHI NHÁNH

1.000
PHÒNG GIAO DỊCH

MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI RỘNG KHẮP



CUNG CẤP CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ TÀI CHÍNH VỀ BẢO HIỂM, NGÂN HÀNG, CHỨNG KHOÁN VÀ QUẢN LÝ QUỸ

Trong lĩnh vực bảo hiểm



Bảo Việt giữ vững vị trí số 1 thị trường về doanh thu và thị phần trong cả lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ (trên tổng số 18 công ty bảo hiểm nhân thọ và 32 công ty bảo hiểm phi nhân thọ tại thị trường Việt Nam). Trong giai đoạn 2016 - 2020, BHBV và BVNT tiếp tục vận hành mô hình quản lý tập trung trên nền tảng công nghệ. Bảo Việt liên tục nghiên cứu và triển khai các ứng dụng công nghệ hiện đại, phát triển công cụ hỗ trợ công tác quản lý, điều hành, bán hàng trên nền tảng web/Mobile nhằm mang đến các tiện ích tốt nhất, trải nghiệm tốt nhất cho cán bộ, khách hàng như: Hệ thống phần mềm Core mới cho Bảo Việt Nhân thọ, Báo cáo nhanh, Baoviet Direct, Baoviet Pay, Eclaim, My BVLife, MyAP, BaoViet Digital Platform...

BHBV và BVNT ra mắt nhiều sản phẩm bảo hiểm mới, đột phá, lần đầu tiên có mặt tại thị trường Việt Nam (An Bình Thịnh Vượng, An Hưng Phát Lộc, Bảo hiểm Tai nạn toàn diện và Chăm sóc Y tế, Bảo hiểm bão nhiệt đới, Bảo Việt Inter Care, Bệnh Ung thư và Tim mạch...). Nghiên cứu và xây dựng chiến lược sản phẩm dành cho các kênh mới như Banca, Digital sales, Telesales....

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2016-2020



Trong lĩnh vực đầu tư

Bảo Việt duy trì vị trí hàng đầu thị trường quản lý quỹ về tổng tài sản quản lý, AUM năm 2020 đạt 78.457 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận của các danh mục ủy thác đều vượt tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng của khách hàng hoặc benchmark giai đoạn 2016 - 2020. Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF) được Tạp chí Global Banking & Finance Review - Tạp chí uy tín hàng đầu về tài chính ngân hàng của Anh quốc bình chọn là "Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam năm 2018". Trong hoạt động đầu tư ở công ty mẹ và các đơn vị thành viên, Bảo Việt tăng cường quản lý rủi ro, nâng cao hiệu quả đầu tư và phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn chất lượng, đảm bảo tính an toàn và hiệu quả trong giai đoạn biến động của thị trường.

Trong lĩnh vực chứng khoán

Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) là công ty tư vấn tiêu biểu và tốt nhất hạng mục tư vấn M&A trên thị trường trong nhiều năm. BVSC đã tăng cường quản trị tập trung các nghiệp vụ có tính rủi ro cao, quản lý danh mục đầu tư với ưu tiên tiêu chí an toàn và chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường.

Triển khai các đề án, chương trình trọng tâm

Về triển khai Đề án Hợp lực toàn Tập đoàn: từ năm 2015, Bảo Việt đã tập trung triển khai Đề án Hợp lực toàn Tập đoàn Bảo Việt nhằm khơi thông nguồn lực và khơi dậy các tiềm năng sẵn có của Bảo Việt về con người, mạng lưới, khả năng phát triển các sản phẩm tích hợp hội tụ đặc trưng riêng có của Bảo Việt, giúp Bảo Việt phát huy sức mạnh tổng thể trên một nền tảng bền vững.

Tập đoàn đã chỉ đạo đẩy mạnh triển khai việc bán chéo sản phẩm trong nội bộ, nhất là giữa Bảo Việt Nhân thọ với Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Bank; tăng cường chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh phát triển các kênh phân phối, đẩy mạnh thiết kế sản phẩm mới và phát triển bán chéo sản phẩm, sử dụng dịch vụ của nhau, nhiều sản phẩm bán chéo đã được phát triển như Easy Car, Easy Life, BV Happy Life, BV Easy Car, BV Happy house; Bảo An Gia Đình Việt, Bảo Việt Tâm An...

Về đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin:

Giai đoạn 2016 – 2020, Bảo Việt đã tập trung vào xây dựng hệ thống CNTT từ các hệ thống phần mềm core (lõi) phục vụ các công ty thành viên đến các hệ thống vệ tinh, thực hiện liên thông, kết nối toàn bộ dữ liệu xuyên suốt từ khâu bán hàng, dịch vụ khách hàng, bồi thường, kế toán... hình thành một hệ sinh thái số hoàn chỉnh cho các Tổng Công ty và Tập đoàn Bảo Việt. Trong đó có thể kể đến một số hệ thống tiêu biểu như sau:

- **Hệ thống các phần mềmcore (lõi):** Hệ thống phần mềm InsureJ phục vụ BHBV, Hệ thống quản lý hợp đồng bảo hiểm nhân thọ phục vụ Bảo Việt Nhân Thọ, Hệ thống core Fund phục vụ cho Công ty quản lý quỹ Bảo Việt;
- **Hệ thống phục vụ bán hàng:** Baoviet Digital Platform của Bảo hiểm Bảo Việt, Sale Platform của Bảo Việt Nhân Thọ, AP - Cổng thông tin đại lý của Bảo Việt Nhân Thọ, Hệ thống bán bảo hiểm trực tuyến của Bảo hiểm Bảo Việt ...;
- **Hệ thống phục vụ giám định bồi thường:** eClaim, BVcare...;
- **Hệ thống phục vụ quản lý các kênh phân phối:** Agency Management System – AMS cho cả BHBV và BVNT;
- **Hệ thống cổng thông tin khách hàng:** Baoviet Direct, MyBVlife.



Đổi mới, nâng cao năng lực quản trị

Tập đoàn tiếp tục tập trung hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, bổ sung hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn với trên 100 quy chế, quy trình đã được sửa đổi/ban hành mới trong giai đoạn 2016 - 2020; thực hiện các giải pháp nhằm tăng cường vai trò của Công ty Mẹ, tăng cường phối hợp liên kết giữa các đơn vị thành viên, hoàn thiện bộ máy tổ chức và giảm thiểu chồng chéo trong bộ máy quản trị, quản lý trong toàn hệ thống; kiện toàn đội ngũ lãnh đạo cấp cao, có kinh nghiệm, trẻ tuổi, tâm huyết và năng lực chuyên môn cao, đem lại tâm thế mới cho sự phát triển bền vững của Bảo Việt.

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt tiếp tục triển khai tổ chức quản lý tập trung từ Công ty Mẹ tập đoàn đến các đơn vị thành viên; thực hiện luân chuyển cán bộ, nâng cao hiệu quả và năng suất lao động của cán bộ nhân viên... Đội ngũ lãnh đạo cấp cao và cấp trung được kiện toàn, có lộ trình quy hoạch và phát triển.

Hằng năm, Tập đoàn đã tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản trị điều hành, trong đó chú trọng đào tạo kỹ năng lãnh đạo trong kỷ nguyên số gắn với định hướng ứng dụng fintech/insurtech tại Tập đoàn; xây dựng và triển khai đào tạo theo bản đồ học tập chung, bản đồ học tập chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo online các chứng chỉ quốc tế về chuyên môn nghiệp vụ (LOMA, Anzip); chuẩn hóa bản đồ năng lực, bản đồ học tập chung trong toàn hệ thống; quy định mức lương, dải lương trả tương ứng với từng cấp bậc công việc, hiệu quả công việc; thực hiện đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ, người lao động theo tiêu chuẩn chức danh, bậc công việc và lộ trình thăng tiến.

Công tác quản lý rủi ro

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhằm đổi mới mô hình quản trị nói chung và mô hình quản lý rủi ro (QLRR) nói riêng theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, Tập đoàn Bảo Việt đã từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro từ Tập đoàn đến các đơn vị thành viên, cụ thể như: hoàn thiện tổ chức, bộ máy thực thi nhiệm vụ QLRR; ban hành chiến lược, chính sách và các quy định nội bộ về QLRR như: tuyên bố Khẩu vị rủi ro, Quy chế, Quy định về quản lý rủi ro...; tăng cường nhận thức của cán bộ, nhân viên tại Tập đoàn về vai trò của QLRR trong hoạt động kinh doanh; duy trì công tác QLRR hiệu quả nhằm tối đa hóa các lợi ích, góp phần đảm bảo thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Tập đoàn, hướng tới phát triển bền vững.

Công tác truyền thông và marketing

Bảo Việt - thương hiệu đứng đầu ngành tài chính - bảo hiểm, trong các năm qua được đánh giá trong Top 50 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam. Theo Brand Finance - hãng tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới, năm 2015, thương hiệu Bảo Việt đạt 79 triệu USD; đến năm 2019, giá trị thương hiệu Bảo Việt đạt 267 triệu USD, tăng 338%.

Là một doanh nghiệp được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán hơn 10 năm qua, Bảo Việt luôn chủ động và minh bạch trong công bố thông tin, truyền thông ra bên ngoài, nhằm tạo điều kiện để khách hàng, đối tác, nhà đầu tư, cổ đông được tiếp cận thông tin về hoạt động của Bảo Việt một cách nhanh chóng, kịp thời với đa dạng các kênh truyền thông. Từ năm 2018, Bảo Việt tiên phong phát triển kênh Workplace trên phạm vi toàn Tập đoàn, cùng với việc tạo ra kênh làm việc, đã góp phần phát triển kênh truyền thông nội bộ xuyên suốt tới các cán bộ, các đại lý, tư vấn viên trên toàn hệ thống.

3

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

86 Báo cáo và đánh giá của Ban Điều Hành

135 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về mọi mặt hoạt động

138 Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông

142 Báo cáo hoạt động của các đơn vị thành viên

144 Báo cáo hoạt động Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

152 Báo cáo hoạt động Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ

160 Báo cáo hoạt động Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

164 Báo cáo hoạt động Công ty TNHH Đầu tư Bảo Việt

168 Báo cáo hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt


ĐỔI MỚI

BÁO CÁO &
ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

> Việt Nam đã chứng kiến mức tăng trưởng GDP 2020 ở mức thấp nhất trong vòng 20 năm qua. Dù vậy, sự hồi phục của ngành nông nghiệp, hoạt động sản xuất và đặc biệt tiêu dùng nội địa trong nửa cuối năm 2020 là điểm sáng và giúp Việt Nam trở thành một trong số ít quốc gia hiếm hoi trên thế giới vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng dương. Thành quả trên đến từ những nỗ lực chống dịch của Chính phủ, cùng với chính sách mở rộng tiền tệ và tài khóa phù hợp, giúp hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhưng vẫn kiểm soát tốt lạm phát và duy trì tỷ giá ổn định.

KINH TẾ VĨ MÔ, THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH BẢO HIỂM VIỆT NAM 2020

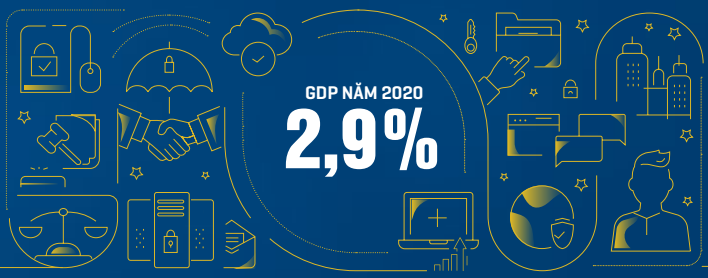

552.403 TỶ ĐỒNG (21,5%)
Tổng tài sản các DNBH năm 2020

184.662 TỶ ĐỒNG (15%)
Doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường năm 2020

460.457 TỶ ĐỒNG (22,3%)
Tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế của các DNBH năm 2020

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020



TÀI CHÍNH
48.999 TỶ ĐỒNG (9%)
TỔNG DOANH THU HOÀN THÀNH VƯỢT KẾ HOẠCH

NGUỒN NHÂN LỰC
6.574 NGƯỜI (3,28%)
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN

QUY MÔ
146.413 TỶ ĐỒNG (14,9%)
TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN

ĐẦU TƯ
113.686 TỶ ĐỒNG (15,5%)
TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CỦA TOÀN TẬP ĐOÀN

Empowering your future

SUMITOMO LIFE

Cổ đông chiến lực SUMITOMO LIFE xếp hạng tín nhiệm:

A1 Moody's | **A+** S&P

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG NĂM 2021

5 NĂM

6,5-7% TỶ ĐỒNG

Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân trên các lĩnh vực

8-10% TĂNG TRƯỞNG

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ

15-18% TĂNG TRƯỞNG

Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ

DIỄN BIẾN CỦA CỔ PHIẾU BVH SO VỚI THỊ TRƯỜNG



Nhận định diễn biến cổ phiếu BVH — Giá trị mua | Giá trị bán | Chênh lệch

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

TỔNG DOANH THU (TỶ ĐỒNG) **11.527**

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

TỔNG DOANH THU (TỶ ĐỒNG) **36.169**

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

TỔNG DOANH THU (TỶ ĐỒNG) **113,6**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

TỔNG DOANH THU (TỶ ĐỒNG) **594**

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

TỔNG DOANH THU (TỶ ĐỒNG) **311**

KINH TẾ VĨ MÔ, THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH BẢO HIỂM VIỆT NAM 2020



KINH TẾ VIỆT NAM ĐÃ PHỤC HỒI TỐT HƠN KỲ VỌNG TRONG NỬA CUỐI NĂM VÀ LÀ MỘT TRONG NHỮNG QUỐC GIA HIẾM HOI TRÊN THẾ GIỚI GHI NHẬN MỨC TĂNG TRƯỞNG GDP DƯƠNG

Kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện đáng kể. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện; Hiệu quả đầu tư và năng suất lao động được nâng lên rõ rệt. Tăng trưởng kinh tế giảm dần phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, mở rộng tín dụng; từng bước dựa vào ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thị trường tiền tệ, ngoại hối cơ bản ổn định; bảo đảm vốn tín dụng cho nền kinh tế, tập trung cho lĩnh vực sản xuất, nhất là các ngành ưu tiên.

Việc kiểm soát tốt dịch bệnh đồng thời tận dụng được các yếu tố nội tại (tiêu dùng nội địa và đầu tư công) và lợi thế nằm trong chuỗi giá trị (xuất khẩu) là nhân tố giúp Việt Nam trở thành điểm sáng trong khu vực và thế giới. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê (TCTK), GDP 2020 ước tính tăng 2.9% YoY, mức tăng trưởng thấp nhất trong vòng 20 năm trở lại đây. Mặc dù vậy, tính riêng theo Quý, tăng trưởng GDP Quý 4 đạt 4.5%, tích cực hơn kỳ vọng và tăng mạnh so với mức tăng 0.4% và 2.7% lần lượt vào Quý 2 và Quý 3. Về cơ cấu nền kinh tế, tiếp tục chuyển dịch tích cực theo xu hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ. Năm 2019, tỷ trọng khu vực công nghiệp tăng và tỷ trọng khu vực nông nghiệp co hẹp chủ yếu do yếu tố chuyển dịch cơ cấu kinh tế tích cực.

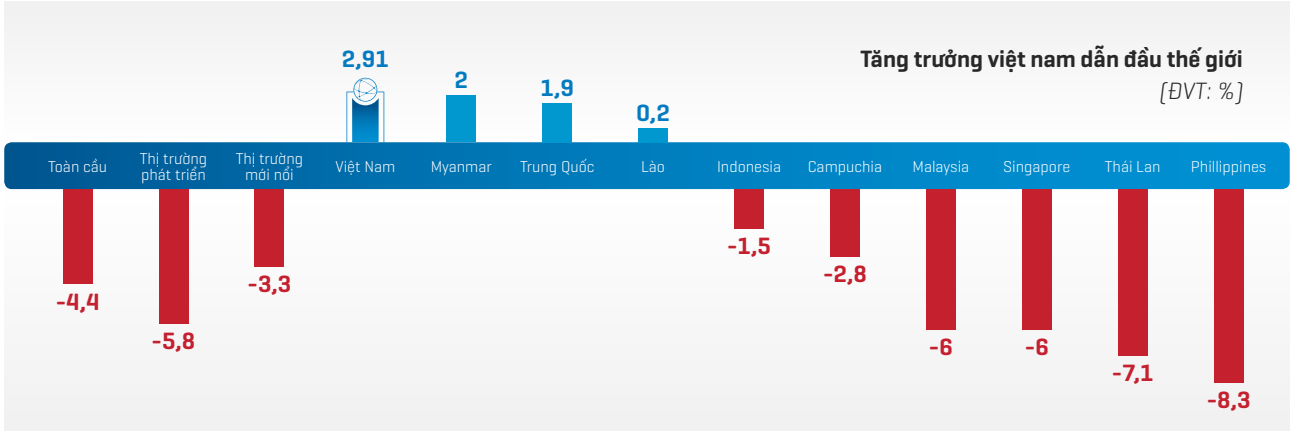

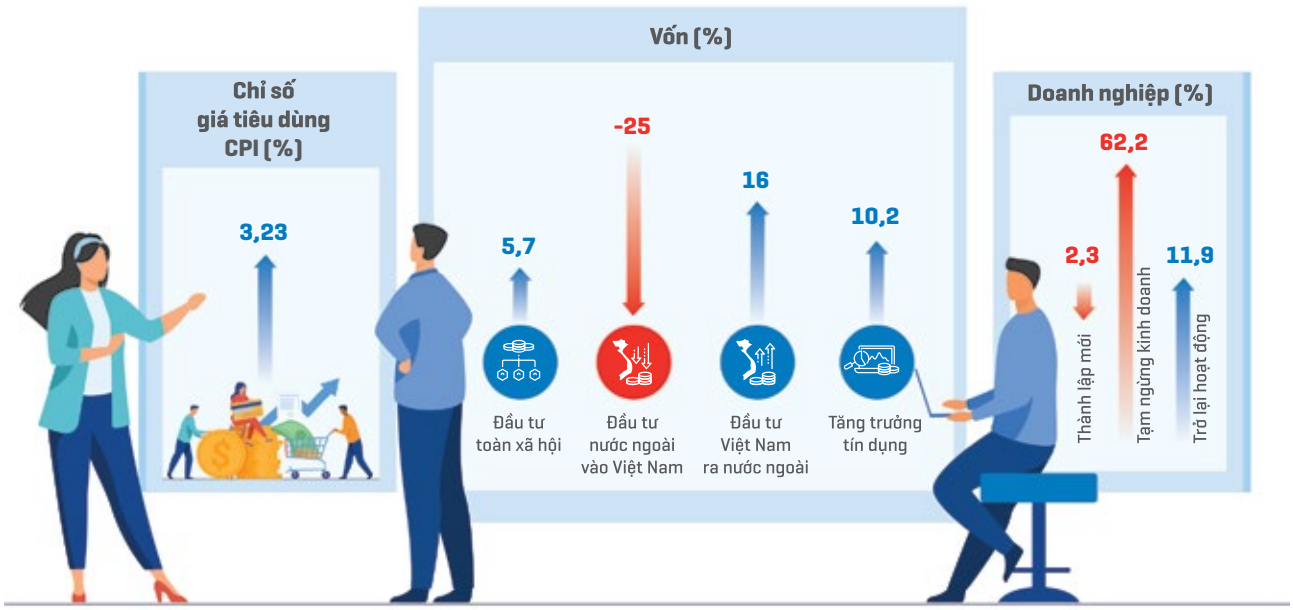

Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa tăng từ 19% năm 2010 lên khoảng 50% năm 2020. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng tính chung 10 năm 2011 - 2020 đạt 39,0%. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 5,8%/năm.

Hiệu quả đầu tư được cải thiện với nhiều năng lực sản xuất mới bổ sung cho nền kinh tế. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (hệ số ICOR) của Việt Nam giảm từ 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017; 5,98 năm 2018 và 6,08 năm 2019. Bình quân giai đoạn 2016-2019, hệ số ICOR đạt 6,13, thấp hơn so với hệ số 6,25 của giai đoạn 2011-2015. Riêng năm 2020, hệ số ICOR đạt 14,28, bình quân giai đoạn 2016-2020 hệ số ICOR đạt 7,04.

Điểm sáng về đầu tư trong năm 2020 thuộc về khu vực nhà nước. Tốc độ tăng vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước (NSNN) luôn duy trì mức tăng trưởng tích cực trong năm 2020, đặc biệt trong 6 tháng cuối năm phản ánh kết quả việc quyết tâm thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công của Chính phủ nhằm hỗ trợ tăng trưởng. Theo số liệu từ Bộ Tài chính, tiến độ giải ngân chuyển biến tích cực, tính chung 11 tháng, giải ngân đầu tư công đạt 79.3% kế hoạch, tăng 34.0% so với cùng kỳ và là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2020.

LẠM PHÁT DƯỚI MỤC TIÊU QUỐC HỘI ĐẶT RA

Trong những năm gần đây, tỉ lệ lạm phát có xu hướng giảm rõ rệt, CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4% và cả giai đoạn 2016-2020 tăng khoảng 3,2%, giảm mạnh so với giai đoạn 2011-2015 (7,65%). Nguyên nhân lạm phát tiếp tục được duy trì ổn định là do NHNN đã chủ động điều hành chính sách tiền tệ theo hướng thận trọng và ổn định.

CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

Kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước được tăng cường. Cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước chuyển biến tích cực theo hướng tăng tỷ trọng thu nội địa, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển và giảm tỷ trọng chi thường xuyên. Bội chi ngân sách nhà nước giảm từ mức bình quân 5,4% GDP giai đoạn 2011 - 2015 xuống còn 3,5% GDP giai đoạn 2016 - 2019; riêng năm 2020 tỷ lệ bội chi là 4,99% GDP. Tỷ lệ nợ công so với GDP tăng từ 51,7% cuối năm 2010 lên 63,7% năm 2016, do huy động thêm nguồn lực để thực hiện đột phá chiến lược về kết cấu hạ tầng. Tỷ lệ nợ công đến năm 2019 giảm còn 55% GDP, năm 2020 nợ công tăng lên 56,8%, nhưng vẫn giữ được ổn định kinh tế vĩ mô và cải thiện hệ số tín nhiệm quốc gia.

Bên cạnh diễn biến tích cực của các chỉ số kinh tế như bội chi ngân sách, nợ công giảm xuống, cán cân thương mại chuyển sang xuất siêu, tỷ lệ lạm phát duy trì ở mức thấp, nền kinh tế đã có những cải thiện trong hiệu quả đầu tư và năng lực cạnh tranh.

Những nhân tố này tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới và duy trì vai trò quan trọng đối với ổn định vĩ mô.



CÁC CHỈ SỐ CỦA NỀN KINH TẾ 5 NĂM QUA

Tốc độ tăng trưởng

ĐVT: %

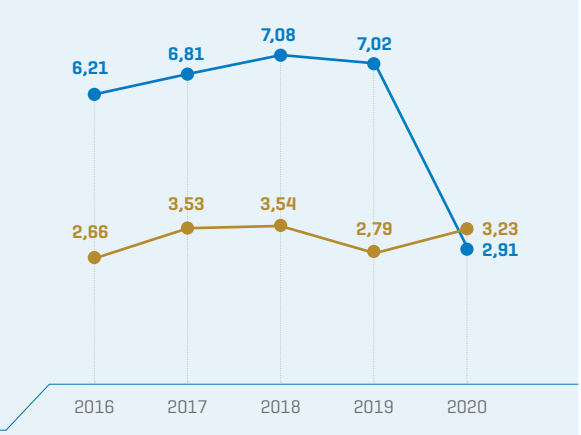

Kim ngạch xuất nhập khẩu

ĐVT: Tỷ USD

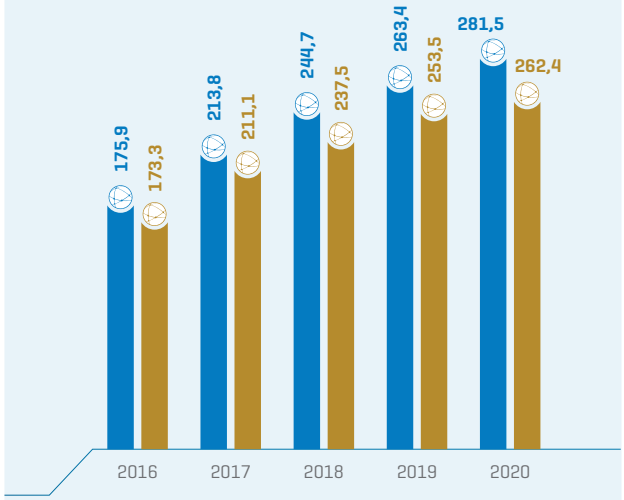

Vốn đầu tư toàn xã hội

ĐVT:Nghìn tỷ đồng

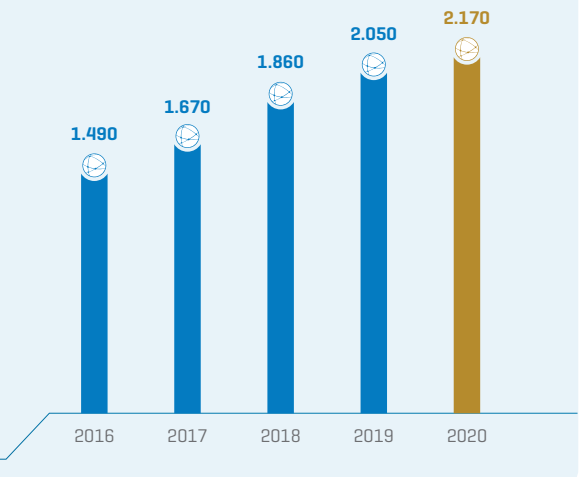

Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới

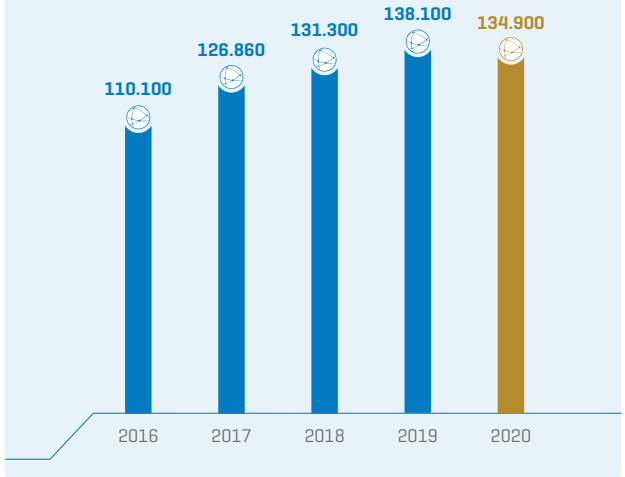

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM



Trong bối cảnh tác động của dịch Covid-19, thị trường bảo hiểm năm 2020 vẫn giữ được nhịp tăng trưởng nhờ hỗ trợ của cơ quan quản lý và nỗ lực của các DNBH.

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM
TOÀN THỊ TRƯỜNG NĂM 2020
(Tỷ đồng)

184.662

TĂNG TRƯỞNG **15%** SO VỚI NĂM 2019

TỔNG SỐ TIỀN ĐẦU TƯ TRỞ LẠI
NỀN KINH TẾ CỦA CÁC DNBH NĂM 2020
(Tỷ đồng)

460.457

TĂNG TRƯỞNG **22,3%** SO VỚI NĂM 2019

Tháng 11/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2020/TT-BTC sửa đổi, bổ sung 4 Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh BH, trong đó có nội dung sửa đổi về trích lập dự phòng nghiệp vụ giúp các DNBH giảm sức ép về vốn trong ngắn hạn và có khoảng thời gian phù hợp để thực hiện các phương án tài chính tổng thể, ổn định kinh doanh trong bối cảnh lãi suất đầu tư, lãi suất trái phiếu Chính phủ giảm mạnh và dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến khó lường. Bộ Tài chính cũng đã thực hiện các giải pháp hỗ trợ thị trường bảo hiểm như giảm mức trích nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm năm 2020 từ mức 0,15% xuống 0,05% tổng DTPBH; giãn, hoãn kế hoạch kiểm tra các DN sang năm 2021...

Năm 2020, các DNBH đã chủ động thích nghi trong tình hình mới: rà soát, cắt giảm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, bổ sung vốn điều lệ để tăng cường năng lực tài chính và mở rộng các kênh phân phối... Các DNBH cũng tăng cường đầu tư công nghệ thông tin và chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm của khách hàng.

Theo số liệu của Cục Quản lý Giám sát BH – Bộ Tài chính, doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường năm 2020 ước đạt 184.662 tỷ đồng, tăng trưởng 15% so với năm 2019, bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng trưởng đạt 20,5%/năm.

Thị trường bảo hiểm hiện có 70 doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, trong đó có 32 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, 18 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, 02 doanh nghiệp tái bảo hiểm và 18 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và 01 chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Giai đoạn 2016-2020, năng lực tài chính, khả năng điều hành và quản trị rủi ro của các DNBH không ngừng được nâng cao.

Tổng tài sản năm 2020 ước đạt 552.403 tỷ đồng, tăng 21,5% so với năm 2019, trong đó, tổng tài sản các DNBH phi nhân thọ ước đạt 95.949 tỷ đồng, chiếm 17,4%, các DNBH nhân thọ ước đạt 456.454 tỷ đồng, chiếm 82.6%.

Tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế của các DNBH năm 2020 ước đạt 460.457 tỷ đồng, tăng 22,3% so với năm 2019.

Tổng dự phòng nghiệp vụ BH ước đạt 355.240 tỷ đồng, tăng 24,2% so với năm trước; tổng nguồn vốn chủ sở hữu của các DNBH ước đạt 113.523 tỷ đồng, tăng 27% so với năm 2019.

Tổng số tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm của các DNBH năm 2019 ước đạt 48.233 tỷ đồng, trong đó các DNBH phi nhân thọ chi trả ước đạt 23.108 tỷ đồng, các DNBH nhân thọ chi trả ước đạt 25.115 tỷ đồng.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ TIẾP TỤC TĂNG TRƯỞNG KHẢ QUAN

Bảo hiểm Bảo Việt đứng số 1 thị trường về doanh thu phí bảo hiểm gốc, tiếp tục khẳng định vai trò của 1 doanh nghiệp bảo hiểm dẫn đầu thị trường.



Theo số liệu của Cục Quản lý Giám sát BH – Bộ Tài chính, doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường năm 2020 ước đạt 57.102 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2019. Giai đoạn 2016-2020, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng bình quân 11,5%/năm.

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM PNT TOÀN THỊ TRƯỜNG NĂM 2020
(Tỷ đồng)

57.102

TĂNG TRƯỞNG **8%** SO VỚI NĂM 2019

ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN NÀY ĐẾN TỪ CÁC NGHIỆP VỤ BÁN LẺ:



Động lực tăng trưởng chính của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam trong giai đoạn này đến từ các nghiệp vụ bán lẻ là BHSK và bảo hiểm xe cơ giới. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2019 của BHSK và xe cơ giới lần lượt là 21,4% và 10,5%. Thị phần của nghiệp vụ BHSK và bảo hiểm xe cơ giới chiếm hơn 63% thị phần doanh thu phí toàn thị trường.

Các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại vẫn gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn 2019-2020 như bảo hiểm tài sản thiệt hại, bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm thân tàu nên thị phần có xu hướng giảm.

Trong năm 2020, hầu hết các DNBH trong Top 5 đã nới room ngoại lên 100%, bao gồm PVI, Bảo Minh, PJICO và PTI. Trong năm vừa qua, PVI đã tăng VĐL lên 3.100 tỷ đồng, lớn nhất thị trường phi nhân thọ.

Về thị phần doanh thu phí bảo hiểm gốc, BHBV giữ vững vị trí số 1 thị trường. Theo số liệu ước tính của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, thị phần của BHBV năm 2020 chiếm khoảng 17%, tiếp tục giữ khoảng cách với vị trí thứ 2 là Bảo hiểm PVI (thị phần chiếm 13,8%).

Ưu thế vượt trội của BHBV so với các đối thủ cạnh tranh là hệ thống mạng lưới bao gồm 79 công ty thành viên trải rộng toàn quốc với nguồn nhân lực hiểu biết thị trường, có kinh nghiệm và thâm niên công tác trong nghành.

BHBV đã tập trung củng cố, chuyển đổi sang mô hình quản lý tập trung, tinh gọn bộ máy, thành công trong đầu tư công nghệ và phát triển các ứng dụng. BHBV là một trong các DNBH dẫn đầu về nghiên cứu và ứng dụng công nghệ số theo chuỗi giá trị (Baoviet Direct, Baoviet Digital Platform, hệ thống eClaim, Baoviet Agency, ...) nhằm thúc đẩy tăng trưởng, gia tăng sự khác biệt trên thị trường, đồng thời tăng khả năng tiếp cận với nhu cầu đa dạng của khách hàng trong thời đại số, hỗ trợ hoạt động kinh doanh.



Các DNBH phi nhân thọ đẩy mạnh đầu tư ứng dụng công nghệ số trong hoạt động kinh doanh, quản trị nhằm tối ưu hóa năng lực quản trị, điều hành, giảm thiểu rủi ro, nâng cao chất lượng DVKH, tiếp cận khách hàng nhanh chóng. BHBV và PTI là 02 DN đi đầu trong đầu tư phát triển và ứng dụng CNTT.

BHBV nghiên cứu và triển khai nhiều ứng dụng công nghệ mới như hệ thống quản lý BH số Baoviet Direct, ứng dụng Baoviet Pay, Baoviet Eclaim.... giúp tra cứu, truy cập thông tin nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm thời gian cho khách hàng đồng thời gia tăng bảo mật và quản lý hệ thống. Hợp tác với các đối tác công nghệ, đối tác nước ngoài để cung cấp BH CSSK trên nền tảng kỹ thuật số (Baoviet Mydoc), phát triển nhiều sản phẩm mới ứng dụng công nghệ 4.0 (BH du lịch -Travel Easy, BH Trễ chuyến bay -Flight Easy, BH Thiết bị điện tử -Gadget Easy và BH hàng hóa -E-cargo Policy)... Đối với sản phẩm Bảo hiểm hàng hóa E-cargo Policy, khách hàng sẽ hoàn toàn chủ động trong việc mua, đăng ký, quản lý và theo dõi các đơn hàng bảo hiểm của mình thông qua phần mềm trực tuyến.

PTI thành lập PTI Digital kinh doanh trên 2 nền tảng: telesales và cybermarketing; Hợp tác với INSO – Insurtech sở hữu ứng dụng mua bảo hiểm, yêu cầu bồi thường trực tuyến; Hợp tác với ứng dụng gọi xe FASTGO tích hợp bảo hiểm cho khách hàng và lái xe. Ngoài ra, PTI hợp tác triển khai bancassurance với LienVietPostBank phân phối bảo hiểm nhà và xe cơ giới với quy trình hoàn toàn trực tuyến. Triển khai ứng dụng MyPTI: ứng dụng công nghệ định vị để điều phối giám định viên đến hiện trường hỗ trợ khách hàng thông qua hệ thống tự động, giảm thiểu thời gian chờ đợi của khách hàng, từ đó giảm thiểu thời gian giải quyết hồ sơ bồi thường (15 phút).





THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ DUY TRÌ ĐÀ TĂNG TRƯỞNG CAO TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục đứng đầu về tổng doanh thu phí.

Tổng doanh thu phí thị trường nhân thọ ước đạt (Tỷ đồng)

127.560

tăng trưởng **19,6%** so với năm 2019

Doanh thu khai thác mới ước đạt (Tỷ đồng)

40.179

tăng trưởng **19,5%** so với năm 2019

GIAI ĐOẠN 2016-2020

tổng doanh thu phí tăng trưởng bình quân đạt

26,1% /NĂM

doanh thu khai thác mới tăng trưởng bình quân khoảng

23% /NĂM



Các DNBH nhân thọ tiếp tục đẩy mạnh khai thác các sản phẩm bảo hiểm đầu tư, nhất là các sản phẩm "liên kết đầu tư" (universal life). Dòng sản phẩm unit-linked cũng được các DNBH bước đầu khai thác. Tỷ trọng sản phẩm đầu tư chiếm 41,8% năm 2016 đã tăng lên 61% trong 9 tháng 2020.

Xu hướng lãi suất giảm trong giai đoạn 2016-2020 đã tác động lớn đến hoạt động của các DNBH nhân thọ

Các DNBH đã chuyển dịch cơ cấu sản phẩm sang các dòng sản phẩm có độ nhạy cảm ít hơn với biến động lãi suất, đồng thời thực hiện điều chỉnh giảm lãi suất cam kết đối với cả các hợp đồng đang có hiệu lực và các hợp đồng mới, điều chỉnh lại đặc tính của sản phẩm để giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra.

Các DNBH cũng chú trọng đẩy mạnh làm mới/phát triển sản phẩm bổ trợ liên quan đến sức khỏe, hỗ trợ nằm viện và hỗ trợ bệnh hiểm nghèo để tăng tính cạnh tranh và hấp dẫn cho sản phẩm chính.

Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) tiếp tục duy trì vị trí số 1 thị trường về tổng doanh thu phí. Theo số liệu ước tính của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, thị phần năm 2020 của BVNT chiếm khoảng 21,2%, của Prudential là 19,8% và Manulife là 15,4%. Giai đoạn 2016-2020, BVNT tăng trưởng bình quân trên 19%/năm, theo sau là Prudential với vị trí thứ 2 về thị phần có mức tăng trưởng bình quân trên 17%/năm.

Về doanh thu khai thác mới (KTM), Manulife nổi trội trong giai đoạn 2016-2020 với mức tăng trưởng bình quân lên đến 35%/năm, theo sau là Dai-ichi và AIA với mức tăng trưởng bình quân trên 23%/năm.

Để vừa đạt mục tiêu tăng trưởng doanh thu, mở rộng thị phần, đáp ứng các quy định mới của cơ quan quản lý và ứng phó trong môi trường lãi suất thấp, các DNBH nhân thọ đã và đang thực hiện nhiều các giải pháp chính như:

1. Tăng vốn
2. Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm
3. Quản lý chi phí
4. Thay đổi chiến lược đầu tư
5. Rà soát, điều chỉnh chương trình tái bảo hiểm nhằm tăng cường biên khả năng thanh toán
6. Sử dụng quỹ chủ sở hữu chuyển sang quỹ chia lãi để đảm bảo đủ khả năng thanh toán...

Năm 2020 chứng kiến nhiều thương vụ tăng vốn lớn và hợp tác bancassurance của các DNBH nhân thọ (FWD, Manulife và Sunlife).



FWD tăng VĐL từ 3.675 tỷ đồng lên 13.937 tỷ đồng vào tháng 3/2020, mua lại VCLI và ký kết hợp tác bancassurance độc quyền 15 năm với Vietcombank. Vào cuối tháng 12/2020, FWD đã tiếp tục tăng VĐL lên 15.174 tỷ đồng, lớn nhất thị trường.

Tháng 4/2020, Manulife tăng VĐL lên 13.095 tỷ đồng từ mức 9.695 tỷ đồng, ký hợp tác bancassurance độc quyền 16 năm với Vietinbank vào thời điểm tháng 12/2020.

Sunlife tăng VĐL từ 2.570 tỷ đồng lên 5.070 tỷ đồng vào đầu năm 2020, ký kết hợp tác bancassurance độc quyền 15 năm với ngân hàng ACB vào tháng 11/2020. Tháng 1/2021, Sunlife đã tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 14.380 tỷ đồng. Với số vốn tăng lần này, Sunlife trở thành một trong những công ty bảo hiểm có vốn lớn nhất đang hoạt động tại Việt Nam.

Vốn điều lệ các DNBH nhân thọ tại Việt Nam

STT	Tên	31/12/2017	Tháng 1/2021
1	FWD	2,015	15.174
2	Sun Life	1,520	14,380
3	Manulife	5,720	13,095
4	Dai-ichi Life	5,400	7,700
5	Generali	3,523	6,852
6	Cathay life	3,343	6,121
7	Bao Viet Life	2,500	5,000
8	Prudential	1,136	4,949
9	Hanwha Life	1,891	4,891
10	AIA	3,224	3,224
11	Aviva Việt Nam	2,557	2,856
12	Mirae Asset Prevoir	1,079	2,158
13	Phu Hung life	888	1,523
14	MB Ageas Life	1,100	1,500
15	Fubon Vietnam	1,400	1,400
16	Chubb Life VN	1,245	1,384
17	BIDV Metlife	1,000	1,094
	Tổng	**39,541**	**93,301**

Nguồn: Tổng hợp

Giai đoạn 2016-2020 chứng kiến sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của các kênh phân phối, đặc biệt là kênh truyền thống đại lý, kênh bancassurance và kênh số, tạo ra động lực phát triển rất lớn cho tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ.

Số lượng đại lý nhân thọ ước tăng trưởng bình quân 13,8%/năm giai đoạn 2016-2020. Kênh bancassurance ngày càng trở thành một kênh phân phối quan trọng trên thị trường BHNT.

9 tháng năm 2020, doanh thu KTM qua kênh banca chiếm 30% doanh thu KTM toàn thị trường, tăng 20,7% so với cùng kỳ 2019. Những DNBH có số lượng HĐ KTM qua kênh banca cao là các DNBH như Prudential, Manulife, AIA và các DNBH là công ty con của ngân hàng (BIDV Metlife, MB Ageas). Doanh thu phí đến từ kênh bancassurance được dự báo sẽ ngày càng gia tăng tỷ trọng.



Số lượng đại lý (nghìn người)

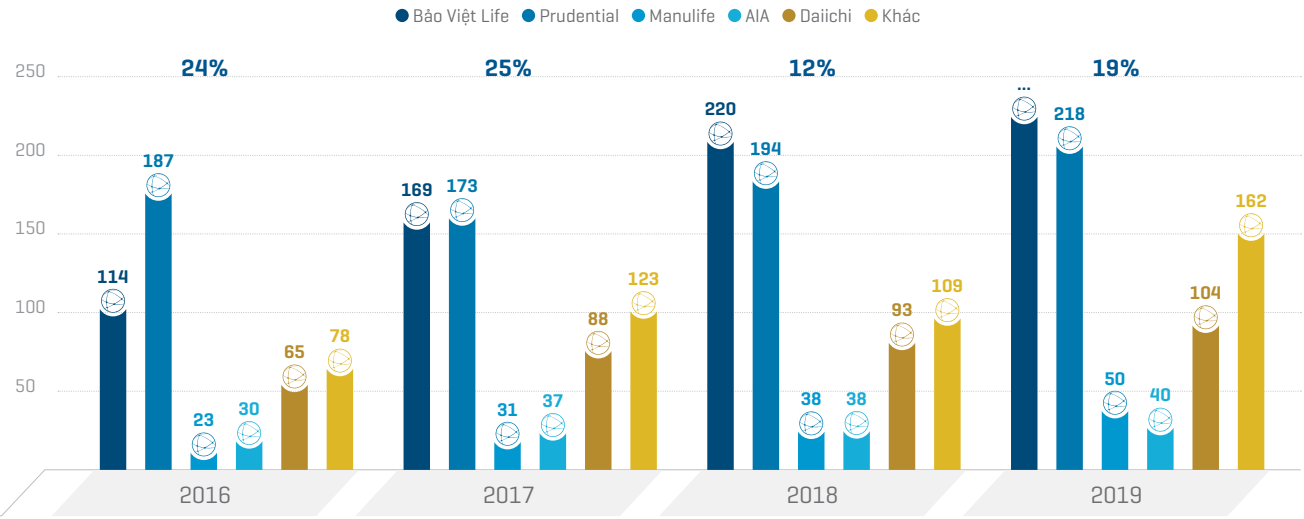

Tỷ trọng doanh thu KTM bancasurance/ DT KTM 2019

DNBH	Số lượng HĐ KTM qua kênh banca 2019	DT KTM qua banca 2019 (triệu đồng)	Tỷ trọng DT KTM qua banca/DT KTM
BVL	3,348	34,344	0.6%
Prudential	151,305	2,008,622	36.9%
AIA	92,912	1,576,788	40.3%
Manulife	62,373	1,694,795	27.7%
Dai ichi	181,337	1,630,135	34.8%
Mirae Asset Prevoir	172,265	228,458	99.2%
BIDV Metlife	19,082	360,859	99.7%
MB Ageas	446,739	1,480,382	91.5%
Thị trường	1,231,478	10,144,364	29.4%

Nguồn: BH



CÁC DNBH NHÂN THỌ, NHẤT LÀ NHÓM DN DẪN ĐẦU KHAI THÁC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG THIẾT KẾ SẢN PHẨM, LỰA CHỌN RỦI RO, TIẾP CẬN KHÁCH HÀNG, ĐÀO TẠO, QUẢN LÝ ĐẠI LÝ, QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG, ĐÓNG PHÍ TRỰC TUYẾN, CHI TRẢ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM.. ĐỂ PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG TỐT HƠN.

Các DNBH hiện nay gần như đã hoàn tất quy trình khép kín trên nền tảng công nghệ từ bán sản phẩm, thẩm định hợp đồng, cấp đơn, theo dõi quá trình bồi thường..., nhờ đó đem lại trải nghiệm toàn diện cho khách hàng. Một số dịch vụ chăm sóc khách hàng được công nghệ hóa với sự đầu tư qua các trang web, mạng xã hội hay chatbox...

BVNT đã số hóa quy trình yêu cầu BH và phát hành hợp đồng, giảm tối đa thời gian phát hành hợp đồng, quy trình giải quyết quyền lợi BH được rút ngắn với thời gian 15 phút - ngắn nhất hiện nay, ra mắt chương trình Loyalty dựa trên công nghệ blockchain, gia tăng trải nghiệm khách hàng.

Prudential hoàn thiện hệ sinh thái số với ứng dụng CSSK Pulse by Prudential; Manulife với eClaims tự động hóa nhận diện và đánh giá thông tin khách hàng; Sunlife với công cụ SunSmart và SunFast hỗ trợ TVV ký hợp đồng BH không tiếp xúc; Chubb Life với trợ lý ảo SmartAgency hỗ trợ TVV; FWD phát hành hợp đồng bảo hiểm điện tử và ngừng phát hành hợp đồng giấy; Tiến tới mục tiêu 100% không giấy cũng là chiến lược của Manulife, Chubb Life và Prudential trong năm 2021.

THỊ TRƯỜNG NGÂN HÀNG - TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

> NHNN điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, NHNN thực hiện cắt giảm lãi suất điều hành nhằm hỗ trợ nền kinh tế.



LÃI SUẤT ĐIỀU HÀNH VNĐ (12/2020)

LÃI SUẤT TÁI CẤP VỐN

4%

LÃI SUẤT TÁI CHIẾT KHẤU

2,5%

TRẦN LÃI SUẤT TIỀN GỬI

0,2%

TRẦN LÃI SUẤT TIỀN GỬI

4,25%



Chính sách tiền tệ trong năm 2020 đã dịch chuyển theo hướng nới lỏng rõ nét hơn.

Để đối phó với dịch Covid-19 và kích cầu tín dụng, NHNN quyết định hạ lãi suất điều hành 3 lần liên tiếp vào tháng 3, tháng 5 và 10 với tổng mức giảm là 150 bps đối với lãi suất tái cấp vốn, cũng như hạ trần lãi suất huy động dưới 6 tháng từ 80- 100bps. Bên cạnh đó, NHNN hoãn siết tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn thêm 1 năm để cho các ngân hàng không bị chịu áp lực cơ cấu lại nguồn vốn trong bối cảnh các NHTM phải hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn về mặt thanh khoản, thông qua việc giảm lãi suất cho vay, giãn nợ và cơ cấu lại nợ. Xét về tổng thể, các chính sách tiền tệ nhằm đối phó với dịch Covid-19 của NHNN vẫn ở mức nhẹ hơn so với các nước trong khu vực và chủ yếu sử dụng nguồn lực từ các NHTM, do vậy mức tác động đến cung tiền là không nhiều như các quốc gia khác. Chúng tôi đánh giá đây là những chính sách tương đối phù hợp với điều kiện kinh tế của NHNN, mang tính chất nới lỏng có kiểm soát nhằm tránh những hệ lụy về sau như nợ xấu và bong bóng giá tài sản như giai đoạn 2009 – 2011.

Thanh khoản hệ thống năm 2020 duy trì dồi dào, đặc biệt trong 6 tháng cuối năm với mức chênh lệch phần tăng thêm M2 và tín dụng luôn duy trì ở mức cao. Diễn biến này chủ yếu là do: 1) dịch bệnh khiến cầu tín dụng yếu đi rõ rệt do các doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn, phải thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh. Tăng trưởng tín dụng tính đến ngày 21/12/2020 đạt 10.1%, thấp hơn so với mức hơn 12.4% cùng kỳ năm 2019 và 2) NHNN thực hiện nghiệp vụ mua ngoại tệ bổ sung dự trữ ngoại hối với ước tính đạt 15 tỷ USD, tương đương với bơm ra thị trường gần 350 nghìn tỷ đồng. Thanh khoản dư thừa đã khiến lãi suất liên ngân hàng và suất TPCP duy trì ở mức thấp trong vòng kể từ tháng 5/2020. Mặt bằng lãi suất huy động nhờ đó cũng giảm mạnh, với mức giảm từ 150 – 300bps cho các kỳ hạn. Lãi suất cho vay có mức giảm nhẹ hơn, khoảng 50 – 100bps, chủ yếu do yêu cầu giảm từ NHNN nhằm hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn sau dịch.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

> Quy mô thị trường cổ phiếu giữ vững đà tăng trưởng đạt gần 5,3 triệu tỉ đồng (228 tỉ USD), tăng 11% so với cuối năm 2019, vượt chỉ tiêu 70% GDP đề ra tại Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

Diễn biến chỉ số VN-Index và HNX index năm 2020 *Nguồn: HNX*

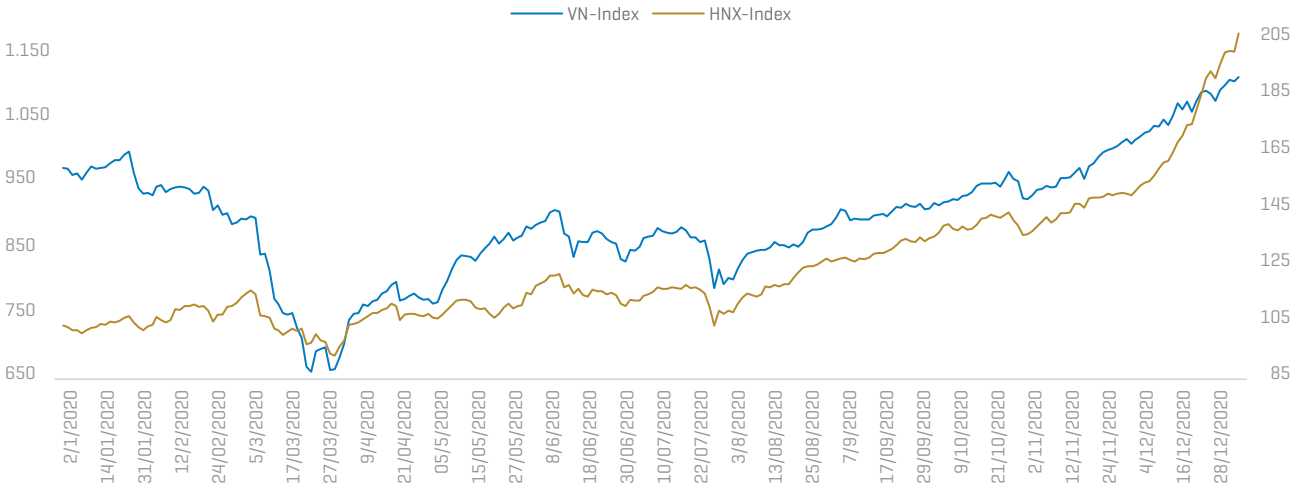

Đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng của năm 2020 (31/12), chỉ số VN-Index đạt 1.103,87 điểm; chỉ số HNX-Index đạt 203,12 điểm. Như vậy, so với phiên cuối cùng của năm 2019, chỉ số VN-Index và HNX-Index lần lượt tăng tới 14,87% và 98,15% so với cuối năm 2019. So với phiên VN-Index tạo đáy trong năm 2020 (24/3, VN-Index đạt 659,21 điểm) thì chỉ số này đã hồi phục tới 67,5%; còn so với phiên HNX-Index tạo đáy (ngày 30/3, HNX-Index đạt 93,28 điểm), thì chỉ số này hồi phục tới 117,8%.

Tại phiên giao dịch cuối cùng của năm 2020, vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam đạt gần 5,3 triệu tỉ đồng (228 tỉ USD), tăng 523.594 tỉ đồng (11%)

Quý 1/2020 là quý giảm mạnh nhất của VN Index kể từ tháng 8/2001 do Covid-19 trở thành đại dịch toàn cầu. Tuy nhiên, nhờ thành công trong việc kiểm soát dịch bệnh và kết thúc cách ly xã hội sớm khiến xu hướng hồi phục chiếm chủ đạo trong suốt Quý 2, 3 và Quý 4, điểm số tăng cùng thanh khoản cải thiện cho thấy sự lạc quan của nhà đầu tư vào triển vọng kinh tế. Việc VnIndex giảm điểm mạnh trong tháng 2 và tháng 3 đã tạo ra yếu tố cổ phiếu ở mức giá hấp dẫn. 2 yếu tố cổ phiếu giá rẻ và lãi suất giảm đã thu hút nhiều nhà đầu tư mới tham gia thị trường, giúp chỉ số Vnindex nhanh chóng hồi phục và vượt mức đóng cửa của năm 2019.

Với mức độ phục hồi mạnh mẽ của TTCK và lãi suất duy trì thấp kỷ lục, dòng tiền đã chảy mạnh vào kênh đầu tư chứng khoán. Thị trường ghi nhận quy mô tham gia của nhà đầu tư mới cao chưa từng thấy trong lịch sử. Sự tham gia mạnh mẽ của các nhà đầu tư mới cũng đẩy thanh khoản thị trường tăng lên ngưỡng kỷ lục với phiên giao dịch đạt gần 23.562 tỷ đồng hai sàn ngày 15-6-2020. Giá trị khớp lệnh cũng liên tục đạt hơn 10.000 tỷ đồng/phiên trong tháng 12-2020.

Vốn hóa thị trường (%)

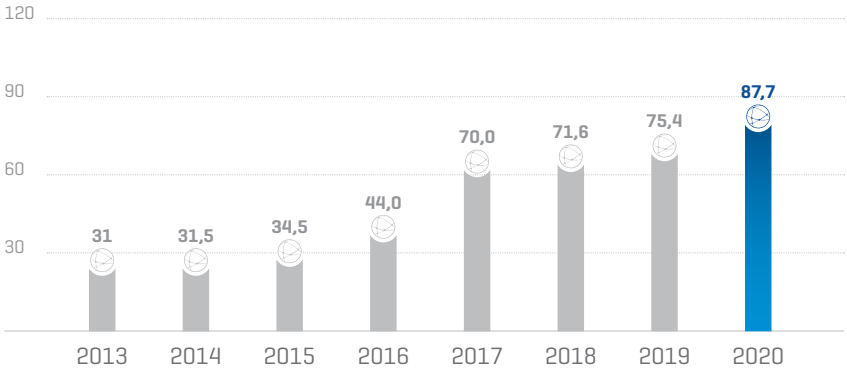

Từ đầu tháng 12-2020, TTCK Việt Nam chính thức trở thành thị trường có tỷ trọng lớn nhất trong rổ các thị trường cận biên (Frontier Markets) theo hệ thống phân loại của MSCI. Có được điều này là do thị trường Kuwait được nâng hạng lên nhóm "mới nổi". Theo lộ trình tăng tỷ trọng, thị trường Việt Nam cuối năm 2020 sẽ đạt 15,76%, lớn nhất trong nhóm các thị trường cận biên của MSCI. Đến hết năm 2021, tỷ trọng của thị trường Việt Nam sẽ đạt 28,76%. Việc TTCK Việt Nam chiếm tỷ trọng cao nhất trong nhóm thị trường cận biên của MSCI sẽ thu hút một lượng vốn lớn từ các quỹ đầu tư bám theo chỉ số MSCI Frontier Markets 100 Index.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Nhìn chung, thị trường trái phiếu năm 2020 tiếp tục nhận được hỗ trợ rất lớn từ chính sách tiền tệ khi NHNN bơm một lượng tiền đồng đáng kể vào hệ thống.

Lãi suất trúng thầu giảm mạnh. KBNN hoàn thành vượt kế hoạch phát hành sau điều chỉnh tăng. KBNN đẩy mạnh phát hành kỳ hạn dài 10Y và 15Y

Cơ cấu các loại trái phiếu đang lưu hành tính đến cuối tháng 12.2020

Tổng giá trị lưu hành (100%) Trái phiếu Chính phủ (89,3%)
Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh (9,83%) Trái phiếu chính quyền địa phương (0,87%)



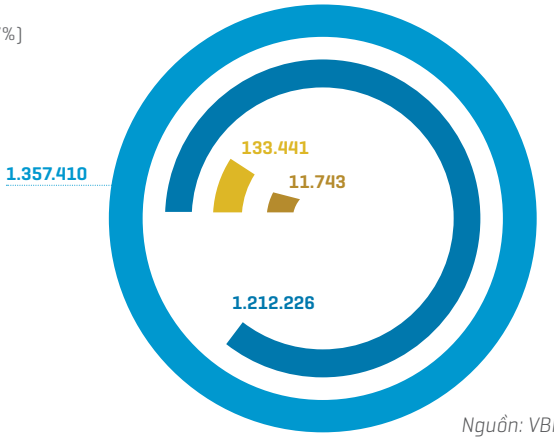

Nguồn: VBMA, KBNN

Thống kê năm 2020 có 350.227 tỷ đồng (+62,69% yoy) trái phiếu được huy động. Cụ thể, lượng phát hành của trái phiếu Kho Bạc Nhà Nước, trái phiếu Ngân Hàng Phát Triển Việt Nam, trái phiếu Ngân Hàng Chính Sách Xã Hội lần lượt đạt 323.953tỷ đồng,(+63,8% yoy), 21.900 tỷ đồng (+58,73% yoy), và 4.375 tỷ đồng (+18,18% yoy). Nhu cầu đầu tư TPCP tăng cao trong năm 2020, thể hiện qua khối lượng đặt thầu toàn thị trường gấp 2,54 lần so với khối lượng gọi thầu, dù giảm nhẹ so với mức 3,22 lần của năm 2019 nhưng vẫn cao hơn so với mức 2,23 lần của năm 2018. Kỳ hạn 10 và 15 năm là các kỳ hạn được huy động phổ biến

Tỷ đồng	Kế hoạch phát hành 2020	Khối lượng đã phát hành	% Hoàn thành kế hoạch 2020
5 năm	15.000	13.670	91.13%
7 năm	10.000	1.730	17.30%
10 năm	127.000	135.648	106.81%
15 năm	125.000	131.563	105.25%
20 năm	29.000	27.915	96.26%
30 năm	24.000	22.561	93.82%
Tổng	**330.000**	**333.042**	**100.92%**

Lãi suất có bước giảm rất mạnh trong năm 2019, quy mô phát hành thu hẹp

Lãi suất trên thị trường TPCP sơ cấp bắt đầu chu kỳ giảm liên tục. Lãi suất huy động vốn trung bình đã giảm từ 4 đến 6%/năm trên tất cả các kỳ hạn. Trong đó, đặc biệt giảm mạnh tại các kỳ hạn 5 năm (giảm từ 10,49%/năm trong 2009 xuống còn 1,35%/năm tại thời điểm giữa tháng 12/2020; kỳ hạn 10 năm (giảm từ mức 9,7%/năm trong 2009 xuống còn 2,32%/năm tại thời điểm giữa tháng 12/2020). Các kỳ hạn dài trên 15Y cũng đang duy trì ở mức lãi suất thấp.

Lãi suất trên thị trường TPCP sơ cấp sẽ vẫn tiếp tục được duy trì giảm khi:

(1)
Thanh khoản liên ngân hàng ổn định;

(2)
Lạm phát được kiểm soát;

(3)
Số lượng trái phiếu chính phủ đáo hạn tiếp tục ở mức tương đối cao;

(4)
Nhu cầu đầu tư vào các tài sản phi rủi ro tiếp tục tăng trong bối cảnh các yếu tố bất định hiện hữu.

KBNN tiếp tục thành công trong đẩy tăng kỳ hạn phát hành, đồng thời giảm lãi suất trung bình trên danh mục TP (2020 kỳ hạn TB: 10.48Y ; LS TB: 4.98% Xu hướng giảm chiếm ưu thế chủ đạo đặt trong bối cảnh nới lỏng chính sách tiền tệ toàn cầu cùng xu hướng tăng giá các kênh tài sản.

Diễn biến lãi suất trúng thầu trung bình 2014-2020 (%)

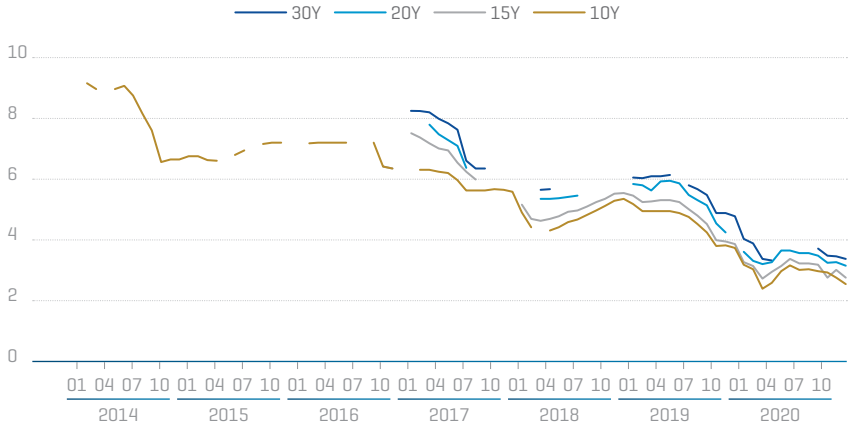

Nguồn: HNX

Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Năm 2020, tổng giá trị TPDN phát hành thành công là 368 nghìn tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2019.

Kì hạn bình quân của trái phiếu phát hành năm 2020 là 4.07, không có nhiều thay đổi so với năm 2019. Các tổ chức tín dụng (TCTD) và các công ty bất động sản vẫn là 2 loại hình có giá trị phát hành trái phiếu lớn nhất trong năm.

Các DNBĐS là tổ chức phát hành nhiều nhất trên thị trường do:

(1) Định hướng của NHNN trong việc đẩy mạnh sự chuyển dịch sang cơ cấu tín dụng bền vững, giữ tỷ trọng vừa phải với khu vực cho vay BĐS;

(2) Các doanh nghiệp BĐS muốn tăng tính tự chủ động về nguồn vốn thông qua các hình thức phát hành trái phiếu;

(3) Ưu điểm của huy động thông qua trái phiếu là nguồn huy động tập trung cao và không bị phụ thuộc vào tiến độ dự án.



Các NHTM đẩy mạnh phát hành trái phiếu để đáp ứng các chỉ số an toàn:

(1) Yêu cầu đáp ứng các tiêu chuẩn Basel II khiến nhiều NHTM tiếp tục lựa chọn phương án phát hành trái phiếu để tăng vốn cấp 2, từ đó cải thiện hệ số CAR. Theo thống kê, các ngân hàng phát hành khối lượng trái phiếu lớn nhất với kỳ hạn từ 5-15 năm;

(2) Đồng thời cải thiện vốn trung – dài hạn, từ đó đáp ứng tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung – dài hạn.

Quy mô thị trường TPDN Việt Nam (%GDP)

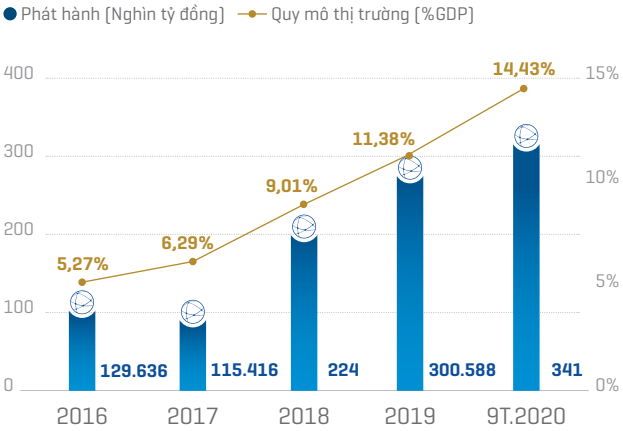

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Năm 2020, nền kinh tế Việt Nam cũng như toàn cầu chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid-19. Bất động sản, xây dựng cũng nằm trong nhóm ngành nghề gặp nhiều khó khăn cần hỗ trợ. Tuy nhiên, thị trường bất động sản cũng dần thích ứng với những thử thách của bối cảnh để cầm cự và nắm lấy cơ hội, tiếp tục tạo sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư.

Theo các chuyên gia, thị trường BĐS năm 2020 suy giảm chứ không phải suy thoái về nguồn cung cũng như giao dịch BĐS; Điều chỉnh trong khó khăn có điều chỉnh về phân khúc, quy mô, chất lượng để thích ứng thị trường; trong khó khăn, các chủ thể tham gia BĐS đã có kinh nghiệm trước đây do đó tư thế sẵn sàng bứt phá khi điều kiện hết dịch, và khi ổn định tổ chức Đảng và chính quyền.

Từ tháng 11/2020, BĐS du lịch, nghỉ dưỡng đã có những tín hiệu giao dịch trở lại và đang trên đà phục hồi, nhất là tại những địa phương có nhiều tiềm năng và dư địa phát triển như Vân Đồn, Hạ Long, Quy Nhơn, Ninh Thuận...

Ngoài niềm tin của thị trường, thì việc các ngân hàng đẩy mức lãi suất huy động xuống thấp đến mức kỷ lục đã khiến dòng tiền chảy mạnh sang kênh đầu tư BĐS. Đồng thời, ngân hàng còn kết hợp với các chủ đầu tư tung ra hàng loạt ưu đãi hấp dẫn ở các dự án lớn, có giá trị thực, thanh khoản lớn của những chủ đầu tư uy tín. Ngoài ra, cuối năm là thời điểm tăng tốc để các tập đoàn BĐS hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh được đề ra. Đó là những lý do chính khiến thị trường BĐS đang trở nên sôi động sau thời gian dài trầm lắng.





TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG NĂM 2021

Kinh tế toàn cầu năm 2021 dự báo sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn, các nền kinh tế lớn rơi vào suy thoái, khó phục hồi được trong ngắn hạn và kinh tế thế giới cần thời gian ít nhất từ 2-3 năm để khôi phục lại được nhịp độ tăng trưởng ở thời trước khi dịch bệnh bùng phát và lây lan. Năm 2021, dịch bệnh vẫn còn dai dẳng trên thế giới, nhưng tác động sốc của nó không còn hoặc suy giảm đáng kể. Những tác nhân khác tác động tới tăng trưởng kinh tế và thương mại thế giới cũng chưa thể trở lại hoàn toàn như thời trước dịch bệnh. Vì thế, nhiều khả năng bức tranh chung và chiều hướng diễn biến chung của tăng trưởng kinh tế và thương mại thế giới trong năm 2021 về cơ bản sẽ như trong năm 2020.

Trong báo cáo tháng 1/2021, Worldbank hạ dự báo tăng trưởng nền kinh tế thế giới xuống chỉ còn 4% trong năm 2021. Dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp và có thể trở nên nghiêm trọng hơn khi biến chủng Covid-19 đã xuất hiện với tốc độ lây lan nhanh hơn, khó khống chế hơn, trong khi đó các chiến dịch tiêm chủng vắcxin ngừa COVID-19 bị đình trệ.

Trong nước, năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và là năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và các kế hoạch 5 năm trên các lĩnh vực theo các nghị quyết của Đảng, Quốc hội. Trong kế hoạch 5 năm tới, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân 6,5-7%. Điều đáng lưu ý là quy mô GDP giai đoạn này được điều chỉnh, khác với các giai đoạn trước đây (điều chỉnh quy mô GDP làm cho GDP cao hơn 27% trong năm 2020 do khu vực kinh tế chưa được quan sát được đưa vào để tính GDP), do đó mức tăng trưởng dựa trên cơ sở cao này được dự báo là rất khả quan.

Kế hoạch 5 năm sẽ có 2 giai đoạn: 2021-2022 (giai đoạn phục hồi) và 2023-2025 (giai đoạn tăng tốc). Do vậy, đối với năm 2021, Chính phủ vẫn tiếp tục việc nới lỏng chính sách tiền tệ và thực hiện chính sách tài khóa mở rộng. Thâm hụt ngân sách sẽ tiếp tục ở mức cao, kể cả theo số tuyệt đối do GDP theo giá hiện hành được điều chỉnh tăng.

Trong bối cảnh đó,

Tập đoàn Bảo Việt nhận diện kinh tế vĩ mô và thị trường có tác động đến hoạt động kinh doanh của Bảo Việt như sau:

KINH TẾ VĨ MÔ

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN



KINH TẾ VĨ MÔ

Theo Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, mục tiêu: GDP Kế hoạch năm 2021 Quốc hội giao tăng 6%, Mục tiêu phấn đấu năm 2021 của Chính phủ tăng khoảng 6,5% so với 2020, CPI bình quân kiểm soát dưới 4%.

Trước tình hình dịch dịch bệnh Covid-19 vẫn còn phức tạp, có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Tập đoàn Bảo Việt đưa ra 2 kịch bản tăng trưởng cho kinh tế Việt Nam:

Kịch bản cơ sở: kỳ vọng dịch Covid vẫn được kiểm soát tương đối tốt ở Việt Nam. Vắc-xin hiện tại đã phân phối nhưng chưa rộng rãi. Do vậy, hoạt động dịch vụ, du lịch, lưu trú chưa thể hồi phục như thời điểm trước dịch và việc mở cửa cho các đường bay quốc tế cũng sẽ giới hạn trọng nhóm các quốc gia kiểm soát tốt dịch. Dự báo tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam đạt 6,5-6,8%. Các yếu tố hỗ trợ tăng trưởng bao gồm tiêu dùng nội địa, hồi phục hoạt động sản xuất chế biến chế tạo, các hiệp định FTAs, và sự quay lại của dòng vốn FDI. Trong khi đó, rủi ro sẽ đến từ việc áp thuế bổ sung của Mỹ và nguy cơ bị hạ xếp hạng tín nhiệm do nợ công cao.

Kịch bản tiêu cực: Dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp và có thể trở nên nghiêm trọng hơn khi biến chủng Covid-19 đã xuất hiện với tốc độ lây lan nhanh hơn, khó khống chế hơn. Tại Việt Nam, dịch bệnh bùng phát diễn biến phức tạp chỉ được khống chế vào nửa sau 2021, bệnh dịch ở nhiều quốc gia trên thế giới không có nhiều cải thiện, dù các nỗ lực đưa vaccine vào đời sống đã diễn ra, nhưng hiệu quả tới người dân chưa đạt quy mô lớn trên toàn thế giới. Các hoạt động giao thương tiếp tục bị ngưng trệ, tiêu dùng nội địa giảm khi người dân ưu tiên tiết kiệm, thay đổi hành vi tiêu dùng trong bối cảnh kinh tế khó khăn. Việc đi lại trên thế giới chưa phục hồi. Do đó, dịch vụ lưu trú và ăn uống không có động lực hồi phục do thiếu khách du lịch nước ngoài, trong khi nhu cầu trong nước bị hạn chế do bệnh dịch. Việt Nam đã bị Mỹ đưa vào danh sách theo dõi về "thao túng tiền tệ" - Currency Manipulator. Dự báo tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam đạt 4-4,5%.

Động lực kinh tế Việt Nam duy trì tăng trưởng cao và ổn định trong thời gian tới:

(1) Dân số trẻ, tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh chóng, tốc độ đô thị hóa đến 2030 là 43%;

(2) Đầu tư: đầu tư tư nhân thay nhà nước đóng vai trò then chốt;

(3) VN nằm trong top 3 điểm đến của NĐT nước ngoài;

(4) Hội nhập kinh tế: Việt Nam là top 8 nền kinh tế mở cửa nhất Thế giới;

(5) Chuyển đổi nhanh hơn của mô hình tăng trưởng theo năng suất, chất lượng và hiệu quả với động lực chính là khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

> Với tình hình kiểm soát Covid-19 có nhiều kết quả tích cực hiện nay và dự kiến Việt Nam sẽ có 90 triệu liều vaccine Covid-19 trong năm 2021 (theo Bộ Y tế), dự báo năm 2021, thị trường BHPNT tăng trưởng ở mức 8-10%, thị trường BHNT tăng trưởng khoảng 15-18%.

Trong giai đoạn tới, bảo hiểm sức khỏe tiếp tục được đánh giá là có nhiều tiềm năng tăng trưởng ở Việt Nam do nhu cầu của người dân lớn trong khi phạm vi bảo hiểm của chương trình BHYT của nhà nước vẫn hạn chế. Bộ Y tế, Bộ Tài chính, BHXH Việt Nam đang nghiên cứu, bàn thảo về cách thức triển khai các gói liên kết và sự tham gia của DNBH thương mại vào chương trình BHYT nhà nước, hỗ trợ mở rộng và duy trì tính bền vững của chương trình thông qua các gói bảo hiểm sức khỏe bổ sung và nâng cao cho BHYT nhà nước.

Đối với lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm xe cơ giới được đánh giá tiếp tục là nghiệp vụ chủ đạo, các DNBH đã và đang chú trọng khai thác hiệu quả mảng bảo hiểm xe. Các DNBH tăng cường liên kết với các gara, nhà cung cấp phụ tùng xe, xây dựng danh mục phụ tùng với đơn giá tiêu chuẩn; Đầu tư và ứng dụng công nghệ để quản lý chuỗi giá trị bảo hiểm xe, kiểm soát bồi thường, quản lý giám định bồi thường tại chỗ, quản lý nhà cung cấp; Hợp tác, đầu tư liên kết với các start-up công nghệ để phát triển các ứng dụng bảo hiểm trực tuyến chuyên biệt cho bảo hiểm xe. Ngoài ra, các DNBH đã và đang triển khai chiến lược khai thác các phân khúc khách hàng mới từ loại hình vận tải mới như Grab, Go-viet, Be ... phát triển sản phẩm bảo hiểm xe mới cho các phân khúc mới này.

Bảo hiểm du lịch cũng được đánh giá là phân khúc nhiều tiềm năng ở Việt Nam nhờ mức sống của người dân ngày càng cải thiện, nhu cầu đi du lịch ngày càng cao. Để cạnh tranh thu hút khách hàng và cung cấp sản phẩm dịch vụ tiện lợi, nhanh chóng, các DNBH đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hỗ trợ, hợp tác với các đối tác, cổng thanh toán điện tử để khai thác bảo hiểm du lịch qua kênh trực tuyến. Bảo hiểm Bảo Việt ra mắt phần mềm bảo hiểm du lịch Bảo Việt với nhiều tính năng tiện lợi nhằm đón đầu tiềm năng của bảo hiểm du lịch.

Về kênh phân phối, đầu tư số hóa các kênh phân phối bảo hiểm diễn ra tích cực ở thị trường bảo hiểm Việt Nam. Các DNBH phi nhân thọ hiện đang cạnh tranh đầu tư chuyên nghiệp hóa kênh phân phối nhằm cải thiện hiệu quả chi phí, giảm thời gian tiếp thị và tăng cường trải nghiệm khách hàng. Phát triển kênh phân phối trực tuyến nhằm đón đầu cơ hội thị trường trong tương lai đang được nhiều DN triển khai. Chính phủ đã ban hành Nghị định 165/2018/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính tạo điều kiện cho các DNBH phát triển kênh trực tuyến, sáng tạo các loại hình sản phẩm mới ứng dụng công nghệ. Nghị định 03/2021/NĐ-CP của Chính phủ mới ban hành ngày 15/01/2021 có hiệu lực từ ngày 01/03/2021, khi mua bảo hiểm bắt buộc, ngoài bản giấy chứng nhận bảo hiểm được cấp như thường lệ, chủ xe có thể được cấp Giấy chứng nhận điện tử, hầu hết các công ty bảo hiểm như Bảo Việt, PJICO, BIC, PTI... đều đã sẵn sàng triển khai và thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự điện tử cho các chủ xe cơ giới.

Đối với lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, có nhiều tiềm năng tăng trưởng nhờ tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm vẫn đang ở mức thấp, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm nhân thọ mới đạt khoảng 10% dân số. Phân khúc khách hàng trung lưu và khách hàng thế hệ Millenials là các phân khúc khách hàng tiềm năng. World Bank nhận định Việt Nam là một trong năm quốc gia trong khu vực có nhóm người trung lưu gia tăng mạnh mẽ (trung bình mỗi năm có khoảng 1,5 triệu người gia nhập nhóm trung lưu).

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng, trong thời gian tới, các DNBH sẽ chú trọng đến thiết kế các yếu tố chăm sóc sức khỏe trực tiếp vào sản phẩm chính cũng như đẩy mạnh phát triển các sản phẩm BHSK chuyên biệt. Ngoài ra, thị trường bảo hiểm nhân thọ còn có tiềm năng phát triển sản phẩm mới liên quan tới "living benefits" nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu đa dạng trong vòng đời của khách hàng.

Cạnh tranh về kênh bancassurance và tương lai là kênh trực tuyến sẽ tăng khốc liệt khi các tập đoàn/doanh nghiệp nước ngoài mua được các DNBH nhân thọ yếu trong ngành, biến các công ty mới mua này thành đối thủ cạnh tranh mới nhiều tham vọng tranh đoạt thị phần, tái cơ cấu nghành do được hỗ trợ tài chính tốt. Sự hỗ trợ vốn, hệ thống công nghệ thông tin từ công ty mẹ của các DNBH nước ngoài, cũng gây sức ép không nhỏ đến các DNBH trong nước, buộc các DNBH phải liên tục đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực quản lý để đạt được mục tiêu tăng trưởng hiệu quả, bền vững. Nhu cầu vốn của các DNBH nhân thọ dự báo sẽ ngày càng lớn nhằm đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và mở rộng thị trường.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG

Với chính sách điều hành linh hoạt của NHNN, thị trường tiền tệ dự báo tiếp tục ổn định trong năm 2021.

Dự báo lãi suất huy động có giảm thêm dù dư địa giảm không nhiều khi:

(1) Chính sách tiền tệ nới lỏng kéo theo đó là xu hướng dư thừa thanh khoản thêm vào đó là lạm phát được kiểm soát, cán cân thương mại thặng dư hỗ trợ ổn định tỷ giá;

(2) Cần có độ trễ giữa việc giảm mặt bằng lãi suất huy động và giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Và để hỗ trợ việc giảm lãi suất cho vay thì mặt bằng lãi suất huy động cần duy trì mặt bằng thấp hơn ổn định trong thời gian đủ lâu;

(3) Mặc dù số dư tiền gửi Kho bạc tại hệ thống ngân hàng giảm. Nguồn lực này có thể trở lại hệ thống sau đó với hệ số nhân tiền lớn hơn khi Chính phủ đang thể hiện định hướng tăng cường khu vực đầu tư công để kích thích khu vực tư nhân hồi phục.



Dự báo lãi suất huy động có thể giảm thêm 0,3%-1% trước khi đi vào trạng thái ổn định kéo dài phù hợp với xu thế thị trường thế giới.

Không loại trừ khả năng lãi suất chịu áp lực tăng xung quanh các điểm:

(1) Yếu tố thời vụ;

(2) Tăng trưởng tín dụng tăng trở lại;

(3) Lượng tiền gửi của KBNN tại hệ thống các NHTM cũng như tiến độ giải ngân vốn đầu tư công gia tăng.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Thị trường chứng khoán toàn cầu tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ yếu tố tiền rẻ đến từ việc các ngân hàng trung ương các nước trên thế giới duy trì nới lỏng định lượng nhằm hỗ trợ nền kinh tế.

Dòng tiền ngoại: Với việc các ngân hàng trung ương các ngân hàng lớn trên thế giới tiếp tục đưa ra chính sách nới lỏng tiền tệ, nhiều khả năng môi trường tiền rẻ sẽ tiếp tục được duy trì đến hết năm 2021, qua đó tiếp tục hỗ trợ xu hướng bơm ròng vào TTCK khu vực mới nổi. Trong đó Việt Nam – 1 nền kinh tế mới nổi được dự báo sẽ là 1 điểm sáng do chỉ số VnIndex của P/E đang được giao dịch mức P/E thấp hơn so với các thị trường khác với ROE ở mức thuộc nhóm cao.

Dự báo thị trường Việt Nam sẽ sớm được nâng hạng trong kỳ xem xét nâng hạng của FTSE trong 2 kỳ review diễn ra vào năm 2022. Thị trường thường sẽ tăng điểm trong khoảng 9 tháng trước khi công bố nâng hạng được đưa ra. Do vậy, nhiều khả năng TTCK Việt Nam có thể sẽ có sóng tăng điểm trong nửa cuối năm 2021.



Dòng tiền trong nước: Lãi suất tiết kiệm ổn định ở mức thấp tiếp tục tạo ra động lực thu hút dòng tiền từ các nhà đầu tư cá nhân đổ vào thị trường chứng khoán.

Dự báo VnIndex sẽ đóng cửa năm 2021 từ 1.150-1.200. Vnindex trung bình năm 2021 sẽ trong khoảng 900-1.000 điểm.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Thị trường lãi suất cố định: mặt bằng lãi suất dự báo ổn định và duy trì ở mức thấp cùng với xu hướng lạm phát kiểm soát ở mức thấp. Lãi suất cho vay khó giảm khi hiện tại mặt bằng lãi suất phụ thuộc vào cung cầu thị trường.

Thị trường trái phiếu Chính phủ tiếp tục là kênh đầu tư ổn định và an toàn với mặt bằng lãi suất phát hành duy trì ở mức thấp tương đương với giai đoạn 2019-2020 và khó có sự biến động mạnh.

Dự báo năm 2021: Với chủ trương của NHNN giữ mặt bằng lãi suất thị trường 1 ở mức thấp hợp lý. Vốn khả dụng hệ thống dự báo dồi dào, trong điều kiện cầu vẫn vượt cung, lãi suất TPCP sẽ cơ bản duy trì mặt bằng thấp như hiện tại, với biên độ điều chỉnh nhỏ. Lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm quanh mức 2-2,5%/năm.



Các yếu tố hỗ trợ cho xu hướng giảm duy trì là:

[1] Thanh khoản trên thị trường liên ngân hàng không thiếu hụt;

[2] Quan điểm tăng cường quản lý đối với một số sản phẩm đầu tư thay thế TPCP như TPDN, trái phiếu TCTD trong một số văn bản dưới luật Thông tư và dự thảo thông tư được đưa ra lấy ý kiến giai đoạn vừa qua. Do đó, không loại trừ khả năng nhu cầu đầu tư TPCP sẽ có mức tăng đáng kể trong giai đoạn tới nhờ yếu tố này;

[3] Đẩy mạnh đầu tư công đến cuối năm.

Thị trường TPDN: Kỳ vọng thị trường TPDN tiếp tục là kênh đầu tư sôi động với nhiều đợt phát hành và nhiều cấu trúc mới

Dự báo, trường TPDN sẽ tiếp tục mở rộng với tốc độ vừa phải. Dự báo đối tượng phát hành sẽ vẫn chủ yếu là các NHTM, các công ty chứng khoán và các doanh nghiệp trong các nhóm ngành có nhu cầu vốn lớn như bất động sản, cơ sở hạ tầng... Mặt bằng lãi suất huy động kỳ vọng sẽ thấp hơn khi cầu huy động ít khả năng tăng mạnh, đặc biệt trong bối cảnh tình hình kinh tế sẽ phục hồi chậm. Hoạt động xếp hạng tín nhiệm TPDN sẽ được đẩy mạnh triển khai.

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Thị trường bất động sản Việt Nam đã chứng kiến những khó khăn trong nửa đầu năm 2020. Tuy nhiên, giai đoạn cuối năm đã có sự hồi phục "thần tốc", không chỉ trụ vững một cách ấn tượng mà còn phát triển khá tốt ở một số phân khúc. Nhiều chuyên gia cho rằng, thị trường bất động sản sẽ tiếp tục phục hồi và sôi động trong năm 2021.

Có 2 kịch bản đối với thị trường BĐS Việt Nam 2021:

Kịch bản cơ sở: các chỉ tiêu vĩ mô được đảm bảo thì thị trường BĐS sẽ phát triển ở mức cao hơn năm 2019, thậm chí sẽ có sự bùng nổ ở một vài phân khúc và thị trường khu vực nhất định. Chắc chắn sẽ tiếp tục có những siêu dự án với quy mô lớn và rất lớn được đầu tư dưới dạng các tổ hợp du lịch, nghỉ dưỡng, giải trí với hạ tầng tốt, được khai thác, vận hành một cách đồng bộ, xây dựng theo hướng xanh – thông minh. Đó sẽ là những dự án tạo ra sức nóng và sự dẫn dắt trên thị trường. Năm 2021, thị trường có thể hy vọng vào một bức tranh tươi sáng hơn.

Kịch bản thứ hai, kịch bản tiêu cực khi các chỉ tiêu vĩ mô trên không được đảm bảo (tình hình dịch bệnh trong nước và trên thế giới không thể kiểm soát), thị trường BĐS năm 2021 vẫn sẽ giữ được mức như năm 2020, dù một số phân khúc và thị trường (phụ thuộc nhiều vào khách du lịch) sẽ gặp nhiều trở ngại. Và nếu như không có sự can thiệp của Chính phủ và sự chủ động, thích ứng của doanh nghiệp, về lâu dài, có thể dẫn đến tình trạng đóng băng của thị trường BĐS.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

> Năm 2020, vượt qua rất nhiều khó khăn và thách thức to lớn khi đại dịch Covid -19 bùng nổ và lan rộng trên khắp thế giới, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trên cả hai mảng kinh doanh chính là bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ nhờ chiến lược phát triển bền vững cũng như nhờ sự đồng lòng và nỗ lực của toàn hệ thống trong việc ứng dụng và triển khai đồng bộ các giải pháp công nghệ 4.0, giúp phát huy tối đa sức mạnh hợp lực toàn Tập đoàn.

TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH TOÀN TẬP ĐOÀN TRONG NĂM 2020

Năm 2020, trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid - 19, thị trường tài chính biến động không thuận lợi, thị trường bảo hiểm, đặc biệt là lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, ghi nhận sự cạnh tranh gay gắt trong khi mức tăng trưởng của thị trường giảm, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành vượt kế hoạch cả về Doanh thu và Lợi nhuận, với Tổng Doanh thu đạt gần 50.000 tỷ VND, Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 1.950 tỷ, vượt lần lượt 9% và 36% so với kế hoạch.



Là một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu, hoạt động bảo hiểm đóng vai trò cốt lõi trong việc mang lại kết quả kinh doanh khả quan cho Tập đoàn Bảo Việt, với doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2020 đạt 34.524 tỷ đồng, tăng trưởng gần 4% so với năm 2019. Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế số 1 trên cả thị trường bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ.

Cùng với hoạt động bảo hiểm, trong năm hoạt động tài chính đạt hiệu quả cao: doanh thu đạt 9.496 tỷ, lợi nhuận đạt 7.654 tỷ đồng, là kết quả rất khả quan trong bối cảnh thị trường biến động không thuận lợi, góp phần quan trọng vào kết quả kinh doanh chung ấn tượng của Tập đoàn.

ĐVT: Tỷ đồng

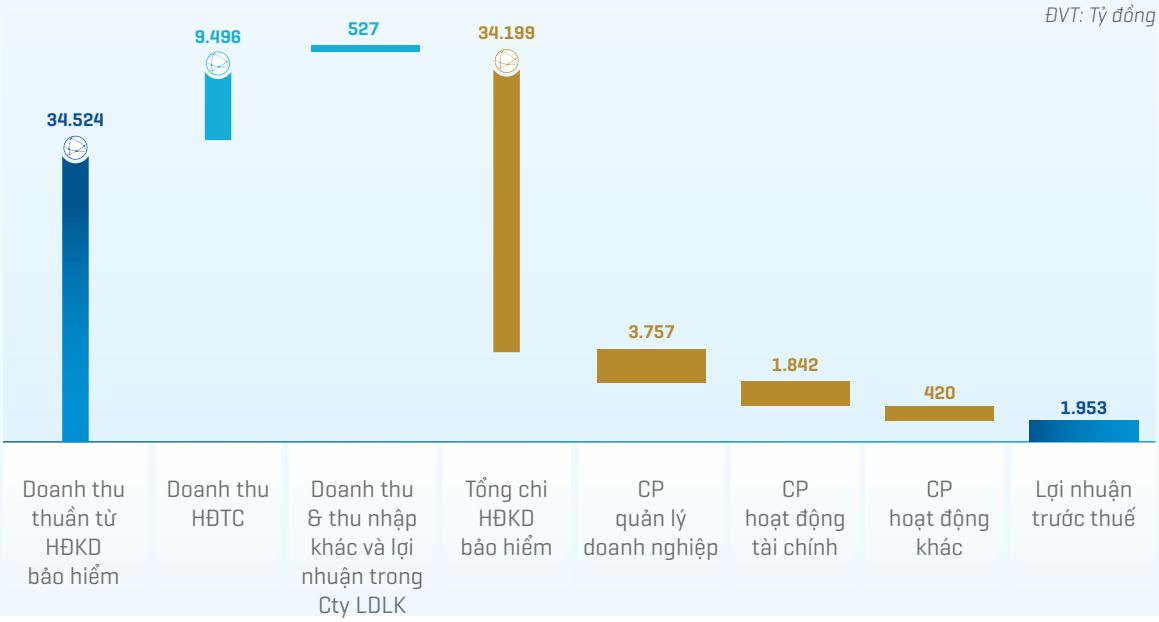

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
ĐÃ VỮNG VÀNG VƯỢT QUA
ĐẠI DỊCH COVID 19
ĐỒNG THỜI TIẾP TỤC GIỮ VỮNG
NGÔI VỊ SỐ 1 TRÊN CẢ THỊ TRƯỜNG
BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ
VÀ BẢO HIỂM NHÂN THỌ



KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN

TỔNG DOANH THU LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ (TỶ ĐỒNG)
36.169

TỔNG DOANH THU LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ (TỶ ĐỒNG)
11.526

TÀI SẢN HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)
146.413

TỔNG DOANH THU (TỶ ĐỒNG)
48.986

LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ ĐỒNG)
1.650

VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ ĐỒNG)
20.822



KHÉP LẠI NĂM CUỐI CÙNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016-2020 VỚI KẾT QUẢ KINH DOANH ĐÁNG TỰ HÀO, TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT ĐÃ VỮNG VÀNG VƯỢT QUA ĐẠI DỊCH COVID 19 ĐỒNG THỜI HOÀN THÀNH XUẤT SẮC CÁC MỤC TIÊU ĐỀ RA.

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN

DOANH THU



Lĩnh vực kinh doanh nòng cốt - Vững vàng ở ngôi vị số 1 Việt Nam

Doanh thu hợp nhất GĐ 2016-2020

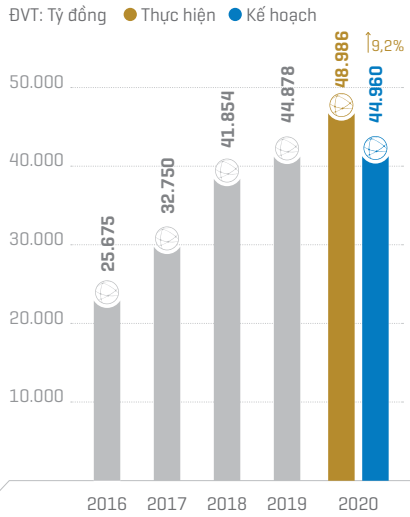

Doanh thu theo các lĩnh vực cốt lõi năm 2019-2020

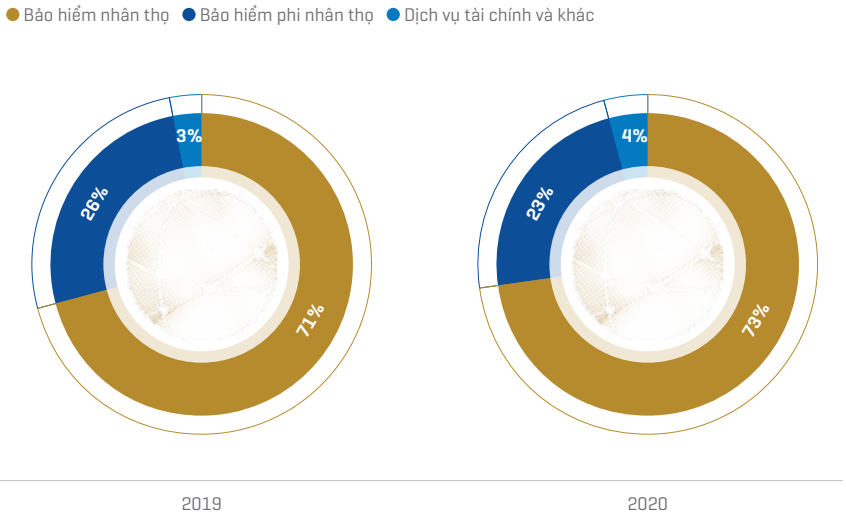

> Khép lại năm cuối cùng thực hiện chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020 với kết quả kinh doanh đáng tự hào, Tập đoàn Bảo Việt đã vững vàng vượt qua đại dịch Covid 19 đồng thời hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đề ra. Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 48.999 tỷ đồng, vượt 8,9% so với mục tiêu chiến lược, tăng trưởng 9,2% so với năm 2019. Các thành tựu này là kết quả của chiến lược phát triển bền vững đã được Tập đoàn xây dựng từ nhiều năm trước, với hệ sinh thái số được đầu tư phát triển trên nền tảng công nghệ thông tin vững chắc để sẵn sàng đón đầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Kết quả kinh doanh khả quan được ghi nhận ở tất cả các lĩnh vực kinh doanh nòng cốt của Tập đoàn, cụ thể:

Tổng doanh thu lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ (Tỷ đồng)

36.169

tăng trưởng **12,5%** so với năm 2019

Doanh thu phí bảo hiểm (Tỷ đồng)

28.046

tăng trưởng **5,8%** so với cùng kỳ

LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ xuất sắc vượt qua khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid 19, tiếp tục giữ vững ngôi vị số 1 trên thị trường, với tổng doanh thu đạt 36.169 tỷ đồng, tăng trưởng 12,5% so với năm 2019, vượt kế hoạch 7,6%. Doanh thu phí bảo hiểm giữ vững nhịp tăng trưởng, đạt 28.046 tỷ đồng, tăng 10,2% so với cùng kỳ; trong đó doanh thu từ các hợp đồng đang có hiệu lực tăng trưởng 11,9%. Lĩnh vực này tiếp tục có đóng góp lớn nhất (73%) vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn.

Tổng doanh thu lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ (Tỷ đồng)

11.526

vượt **6,9%** so với kế hoạch

Doanh thu phí bảo hiểm gốc (Tỷ đồng)

9.692

vượt **4,2%** so với kế hoạch

LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ nhiều năm liên tiếp khẳng định vị trí số 1 thị trường Việt Nam. Năm 2020, tổng doanh thu đạt 11.526 tỷ đồng, vượt kế hoạch 6,9%, đóng góp 23% vào tổng doanh thu toàn Tập đoàn; trong đó doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 9.692, vượt kế hoạch 4,2%. Tỷ lệ bồi thường trên phí gốc là 54,7%, ghi nhận mức giảm khả quan so với năm 2019 (giảm 8,7%) và so với kế hoạch (thấp hơn 5,1%) qua đó hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid – 19, các khó khăn của thị trường bảo hiểm năm 2020 càng trở nên khắc nghiệt, mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt. Với tinh thần tiên phong trong chuyển dịch số, đặc biệt trong trạng thái "**bình thường mới**", giảm thiểu tiếp xúc xã hội, Bảo Việt không chỉ tập trung nghiên cứu đổi mới, cập nhật giỏ sản phẩm phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu đa dạng của thị trường mà còn tăng cường đầu tư củng cố nền tảng công nghệ, vận dụng linh hoạt và hiệu quả công nghệ 4.0, biến thách thức thành cơ hội, ra mắt nhiều sản phẩm trực tuyến. Đa dạng sản phẩm, hệ sinh thái số phát triển, năng lực và hiệu quả quản lý nâng cao đã giúp cho hiệu quả kinh doanh và chất lượng dịch vụ khách hàng của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt không ngừng cải thiện, tạo nên kết quả ấn tượng như trên.

Tổng doanh thu lĩnh vực Dịch vụ tài chính và khác (Tỷ đồng)

1.880

tăng trưởng **26,7%** so với cùng kỳ

Tổng doanh thu lĩnh vực kinh doanh chứng khoán (Tỷ đồng)

594

tăng trưởng **5,4%** so với cùng kỳ

LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH VÀ KHÁC

Lĩnh vực Dịch vụ tài chính và khác, với tổng doanh thu đạt 1.880 tỷ đồng, tăng trưởng 26,7%, đã đóng góp 4% vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn. Năm 2020, hoạt động đầu tư tài chính đã chịu ảnh hưởng đáng kể bởi sự sụt giảm lãi suất trái phiếu, tiền gửi, tuy nhiên, với việc chủ động nắm bắt, nhận định thời cơ, cùng với các giải pháp linh hoạt, kịp thời, hoạt động tài chính của toàn Tập đoàn vẫn tiếp tục ghi nhận tăng trưởng. Tổng doanh thu lĩnh vực kinh doanh chứng khoán ghi nhận mức tăng trưởng 5,4% so cùng kỳ, đạt 594 tỷ đồng. Lĩnh vực quản lý quỹ tiếp tục có sự tăng trưởng ổn định với tổng doanh thu đạt 114 tỷ đồng. Tổng tài sản quản lý bởi Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt năm 2020 đạt 78.578 tỷ đồng, tăng trưởng 25,5%.

Hoạt động quản lý và cho thuê văn phòng, xây lắp và kinh doanh bất động sản với mức tăng trưởng tổng doanh thu là 18,4%, đạt 311 tỷ đồng, góp phần vào kết quả kinh doanh khả quan chung toàn Tập đoàn.

Lợi nhuận hợp nhất tăng trưởng, hoàn thành vượt mục tiêu chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020

Năm 2020, môi trường kinh doanh gặp nhiều khó khăn và thách thức: chi phí duy trì và phát triển mạng lưới, hệ thống công nghệ thông tin vẫn còn ở mức cao; hoạt động đầu tư tài chính chịu ảnh hưởng lớn của việc sụt giảm lãi suất và các diễn biến phức tạp trên thị trường chứng khoán ...

Trong bối cảnh đó, Tập đoàn đã nhanh nhạy nắm bắt cơ hội trên thị trường bảo hiểm, nhận định trước xu hướng lãi suất trên thị trường tài chính, tận dụng nhịp phục hồi trên thị trường chứng khoán trong nửa sau năm 2020, đồng thời phát huy tối đa nền tảng công nghệ trong hoạt động quản lý và kinh doanh. Nỗ lực hết mình vượt qua mọi khó khăn thông qua tối ưu hóa nguồn lực, sức mạnh tổng thể toàn Tập đoàn trên cơ sở các nền móng vững chắc về công nghệ, mạng lưới kinh doanh rộng khắp, Bảo Việt đã vượt qua các khó khăn do dịch bệnh, hoàn thành xuất sắc mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016-2020 với Lợi nhuận sau thuế Hợp nhất năm 2020 đạt 1.650 tỷ đồng, tăng trưởng 32,8% so với năm 2019, vượt 39,8% mục tiêu chiến lược.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất giai đoạn 2016-2020

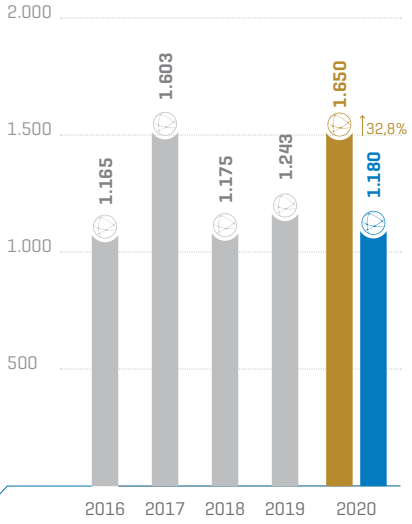

Trong cơ cấu lợi nhuận, lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm duy trì là lĩnh vực có tỷ trọng đóng góp cao nhất (59%), các lĩnh vực dịch vụ tài chính và khác chiếm 41%. Hiệu quả đầu tư tăng mạnh so với cùng kỳ tại Công ty Mẹ -Tập đoàn Bảo Việt nhờ tối ưu hóa nguồn tiền thu được từ đợt phát hành riêng lẻ cuối năm 2019, do vậy đã góp phần nâng cao tỷ trọng của lĩnh vực dịch vụ tài chính và khác trong cơ cấu lợi nhuận.

Cơ cấu Lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo lĩnh vực năm 2019 – 2020

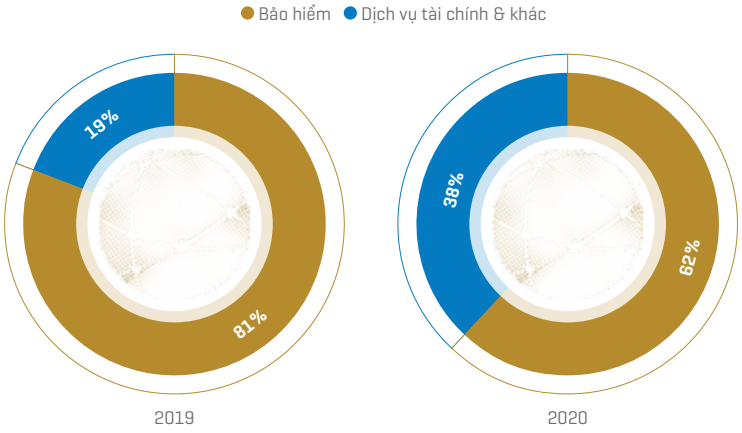

TÀI SẢN HỢP NHẤT

Năm 2020, tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 146.413 tỷ đồng, tăng hơn 18.000 tỷ đồng so với năm 2019. Nhằm đảm bảo được các trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm đồng thời tận dụng tốt các diễn biến của thị trường, Tiền gửi và trái phiếu duy trì là kênh đầu tư chính với tỷ trọng đầu tư dài hạn cao.

Tổng tài sản hợp nhất giai đoạn 2016-2020

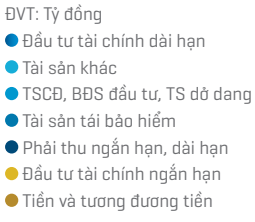

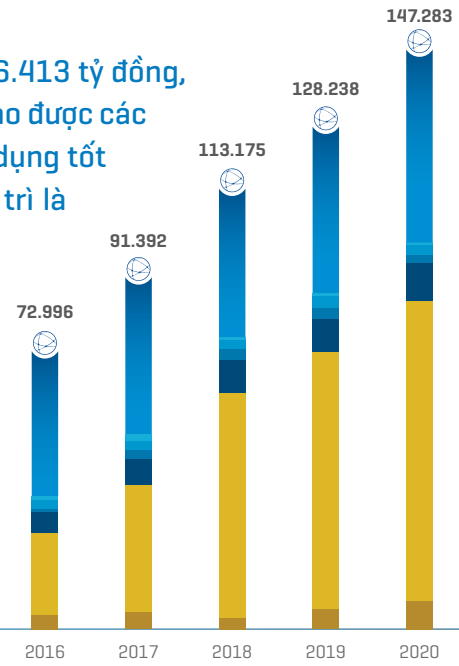

Tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2020 (Tỷ đồng)

146.413

Tăng hơn **18.000 tỷ đồng** so với năm 2019

Quy mô tài sản hợp nhất

Tổng tài sản tăng trưởng cao (hơn 18.000 tỷ đồng, tương ứng với 14,2%) chủ yếu nhờ nguồn tiền từ hoạt động bảo hiểm. Phần Tài sản tăng lên tập trung chủ yếu ở danh mục đầu tư tài chính ngắn hạn, trong đó tiền gửi ghi nhận mức tăng hơn 9.000 tỷ đồng. Tận dụng các cơ hội lãi suất tiền gửi ngắn hạn tốt trong bối cảnh lãi suất Trái phiếu Chính phủ giảm và duy trì ở mức thấp, nguồn vốn dồi dào từ hoạt động bảo hiểm được tập trung dưới hình thức tiền gửi, đặc biệt với kỳ hạn ngắn, vừa giúp tối ưu được các cơ hội lãi suất tốt vừa đảm bảo tính linh động khi thị trường khởi sắc, có các cơ hội tốt hơn về dài hạn.

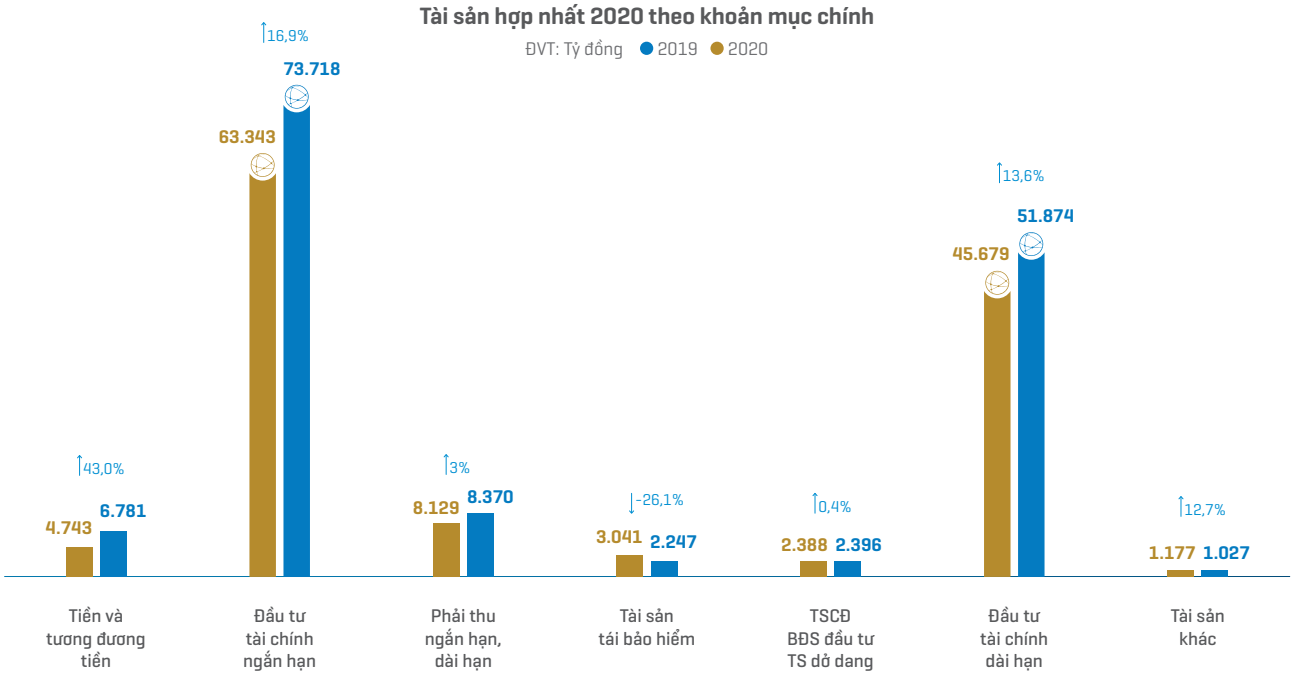

Bên cạnh đó, đầu tư tài chính dài hạn luôn được Bảo Việt duy trì là kênh đầu tư trọng yếu nhằm đảm bảo cân đối giữa tài sản và trách nhiệm bảo hiểm dài hạn (đặc thù của hoạt động bảo hiểm nhân thọ), đạt 51.874 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2020, tăng hơn 6.000 tỷ so với năm 2019. Năm 2020, trong bối cảnh thị trường lãi suất trái phiếu dài hạn biến động không thuận lợi, so với năm 2019, danh mục đầu tư tiền gửi dài hạn tăng hơn 4.000 tỷ đồng - cao hơn so với mức tăng của danh mục đầu tư trái phiếu (gần 1.900 tỷ), tuy nhiên kênh đầu tư trái phiếu vẫn duy trì là kênh đầu tư dài hạn chính với tỷ trọng hơn 70%.

Danh mục tiền và tương đương tiền tại thời điểm cuối năm 2020 duy trì khá cao, chủ yếu từ các hợp đồng tiền gửi dưới 3 tháng, tạm thời duy trì để hướng tới các các cơ hội đầu tư dài hạn hơn.

Cơ cấu tài sản hợp nhất

Về cơ bản, cơ cấu tài sản năm 2020 nhìn chung không có biến động nhiều so với năm 2019, đầu tư tài chính luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, trong đó tỷ trọng đầu tư ngắn hạn (chủ yếu là đầu tư tiền gửi) tiếp tục được nâng cao hơn so với năm 2019 và là kênh đầu tư có tỷ trọng cao nhất, nhằm tận dụng các diễn biến thị trường hiện tại khi mặt bằng lãi suất trái phiếu dài hạn vẫn đang ở mức thấp, các kênh đầu tư dài hạn tốt còn hạn chế.

Đầu tư tài chính dài hạn duy trì tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, đứng thứ hai với 35%. Tỷ trọng các danh mục khác cơ bản không thay đổi so với năm 2019.

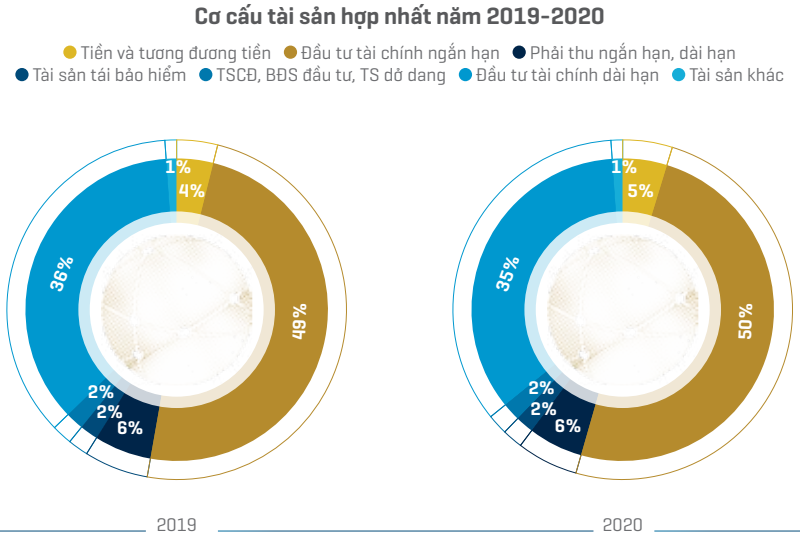

NGUỒN VỐN HỢP NHẤT

Quy mô Nguồn vốn

Năm 2020 tổng nguồn vốn hợp nhất tăng 14,2% so với năm 2019, đạt 146.413 tỷ đồng, trong đó quy mô quỹ dự phòng nghiệp vụ tăng 18.498 tỷ đồng, tương ứng 21,3%, chủ yếu từ quỹ dự phòng tại Bảo Việt Nhân thọ. Quy mô doanh thu bảo hiểm tăng mạnh cùng với tác động của lãi suất trái phiếu Chính phủ duy trì thấp khiến quỹ dự phòng nghiệp vụ tăng, góp phần chủ yếu vào phần tăng thêm của nguồn vốn trong năm 2020.

Nguồn vốn hợp nhất giai đoạn 2016-2020

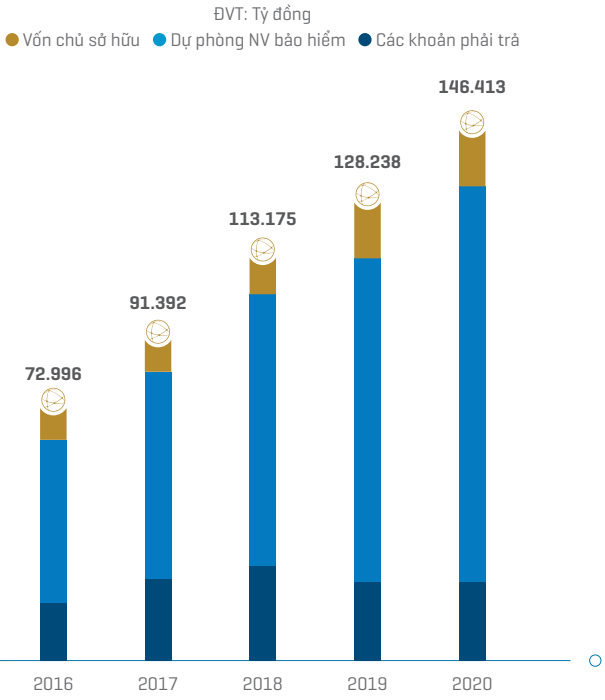

Nguồn vốn hợp nhất theo các khoản mục chính

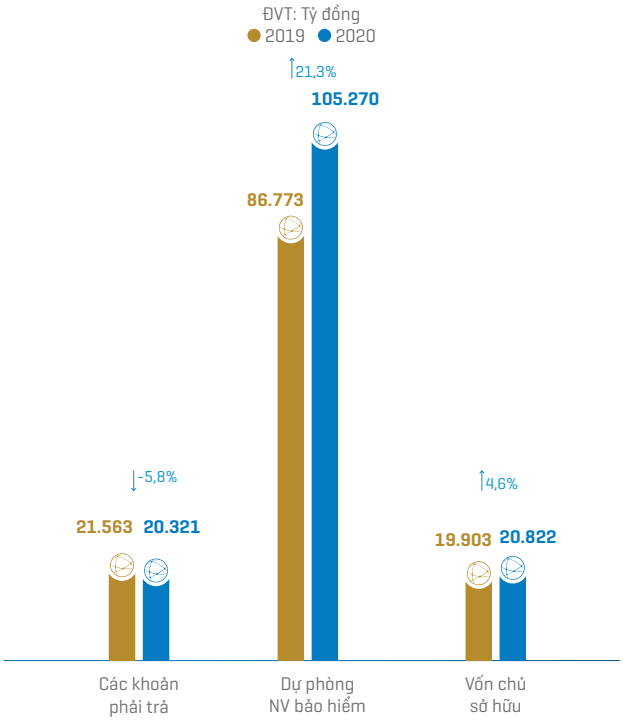

Ngoài sự biến động của quỹ dự phòng nghiệp vụ, các khoản mục chính khác của nguồn vốn về cơ bản không thay đổi so với năm 2019. Vốn chủ sở hữu tăng 4,6% chủ yếu từ nguồn lợi nhuận để lại và quỹ đầu tư phát triển.

Cơ cấu Nguồn vốn

So với năm 2019, cơ cấu nguồn vốn năm 2020 duy trì khá ổn định. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tiếp tục là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 72% vào cuối năm 2020. Điều này thể hiện năng lực tài chính vững mạnh, không ngừng được gia tăng cũng như cam kết vững chắc về việc đảm bảo quyền lợi ổn định, lâu dài cho khách hàng của Bảo Việt. Các khoản phải trả giảm nhẹ so với năm 2019 (từ 17% xuống 14%) do khoản vay dài hạn được trả dần. Mức tăng cao của Tổng nguồn vốn khiến tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn giảm mặc dù giá trị vốn chủ sở hữu tăng hơn 900 tỷ so với năm 2019.

Cơ cấu nguồn vốn năm 2019-2020

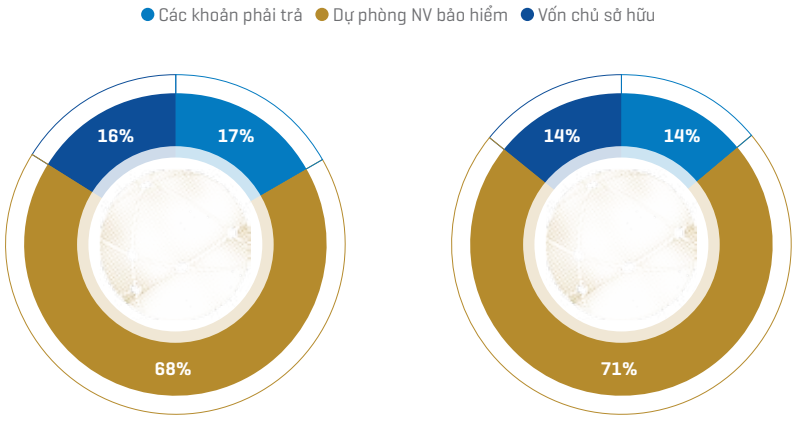

CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN LUÔN ĐƯỢC ĐẢM BẢO VƯỢT MỨC QUY ĐỊNH

Hệ số thanh toán của các đơn vị luôn được duy trì tốt (từ 2,0 lần trở lên) và cơ bản có xu hướng tăng trưởng, đảm bảo tốt nghĩa vụ thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn, trong đó, các hệ số của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt và Công ty Đầu tư Bảo Việt được cải thiện đáng kể trong năm 2020. Để tăng cường vai trò trên thị trường, năm 2020 BVSC đã tận dụng một số đòn bẩy tài chính nhằm tham gia sâu hơn các nghiệp vụ chứng khoán, khiến Nợ ngắn hạn tăng, hệ số thanh toán dù giảm nhẹ so với năm 2019 song vẫn ở mức an toàn cao.

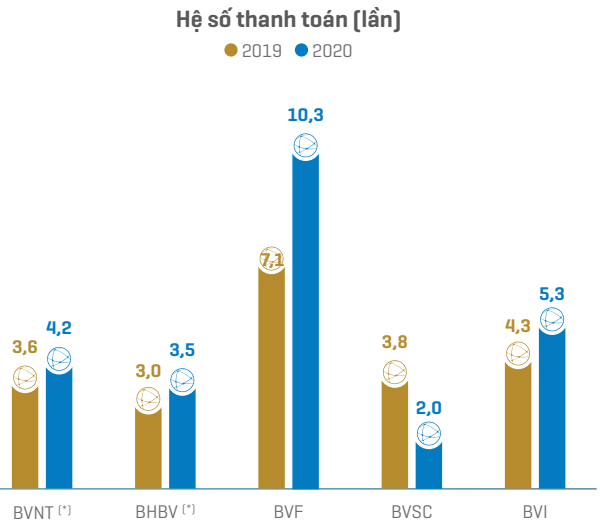

(*): Đối với Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, nợ ngắn hạn dùng để tính hệ số thanh toán đã loại trừ Dự phòng nghiệp vụ.

Tại ngày 31/12/2020, hệ số an toàn vốn/tỷ lệ an toàn tài chính của các thành viên trong Tập đoàn luôn đảm bảo mức an toàn cao và tuân thủ quy định của Pháp luật, đặc biệt là Công ty Chứng khoán Bảo Việt và Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt, với tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tương ứng lên đến 518% và 511%, cao hơn nhiều lần so với quy định (180%).

Tương tự, tỷ lệ biên khả năng thanh toán tại thời điểm cuối năm của Bảo hiểm Bảo Việt (143,5%) và Bảo Việt Nhân thọ là (106,9%) đều ở mức an toàn, cao hơn mức quy định của Bộ Tài chính (100%).

TỐI ƯU MỌI NGUỒN LỰC, VỮNG VÀNG VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, BẢO VIỆT NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG, GIA TĂNG KHẢ NĂNG SINH LỜI

> Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam năm 2020 ghi nhận nhiều khó khăn và thử thách do dịch bệnh, Tập đoàn Bảo Việt đã phát huy nền tảng công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại để ứng dụng công nghệ thông minh vào hoạt động kinh doanh, khắc phục khó khăn, đáp ứng các yêu cầu đặt ra trong điều kiện "bình thường mới", đồng thời không ngừng cải thiện chất lượng các dịch vụ cung cấp cho khách hàng nhằm giữ vững và nâng cao hiệu quả hoạt động, chủ động và vững vàng vượt qua đại dịch.

Hiệu quả sử dụng nguồn vốn tăng thêm từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2019 bước đầu đã ghi nhận những kết quả rất tích cực với các chỉ số sinh lời (ROE và ROCC) năm 2020 đều tăng trưởng tốt so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 hoàn thành ở mức cao là yếu tố chính giúp các chỉ số sinh lời đạt được kết quả trên.

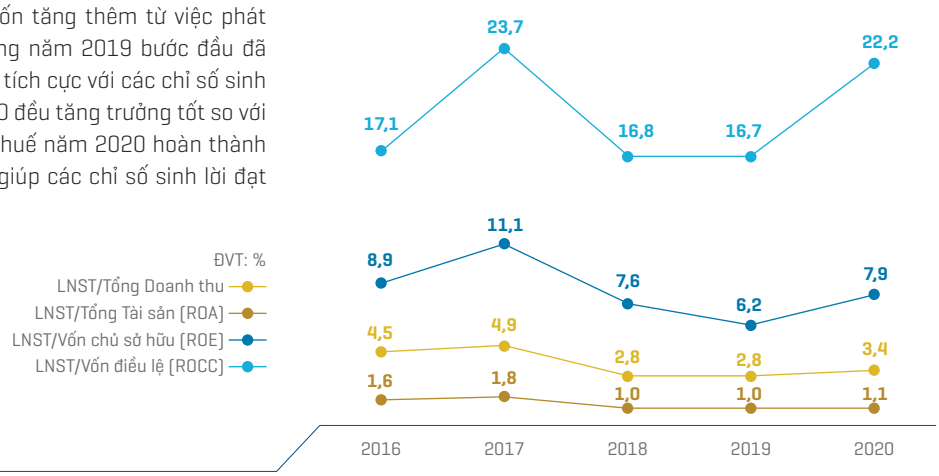



KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ TRONG NĂM 2020

> Trong bối cảnh thị trường năm 2020 ghi nhận nhiều khó khăn và thách thức, cùng với toàn Tập đoàn, Công ty Mẹ vẫn ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan với các chỉ tiêu về Lợi nhuận trước và sau thuế đều hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Là công ty có ngành nghề kinh doanh chính là đầu tư vốn, doanh thu đầu tư tài chính của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt chiếm tỷ trọng chủ yếu (76%) trong tổng doanh thu, đạt 1.066 tỷ đồng. Tối ưu hạ tầng công nghệ thông tin đã được đẩy mạnh đầu tư từ các năm trước, nhằm hỗ trợ tối đa các mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi, doanh thu cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin phát huy thế mạnh, tăng trưởng vượt bậc, đạt hơn 270 tỷ đồng trong năm 2020, tăng trưởng 50% so với năm 2018, tăng tỷ trọng đóng góp vào tổng doanh thu từ 12% (năm 2019) lên 19% trong năm 2020.

Bên cạnh các nỗ lực bám sát kế hoạch doanh thu trong bối cảnh dịch bệnh, Công ty Mẹ Tập đoàn không ngừng ứng dụng, khai thác công nghệ, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý, tối ưu hóa nguồn lực nhằm giảm thiểu chi phí, đặc biệt trong điều kiện "bình thường mới", từ đó góp phần hoàn thành tốt mục tiêu kế hoạch đề ra. Kết thúc năm, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2020 được giao với 1.067 tỷ lợi nhuận trước thuế và 1.012 tỷ lợi nhuận sau thuế.

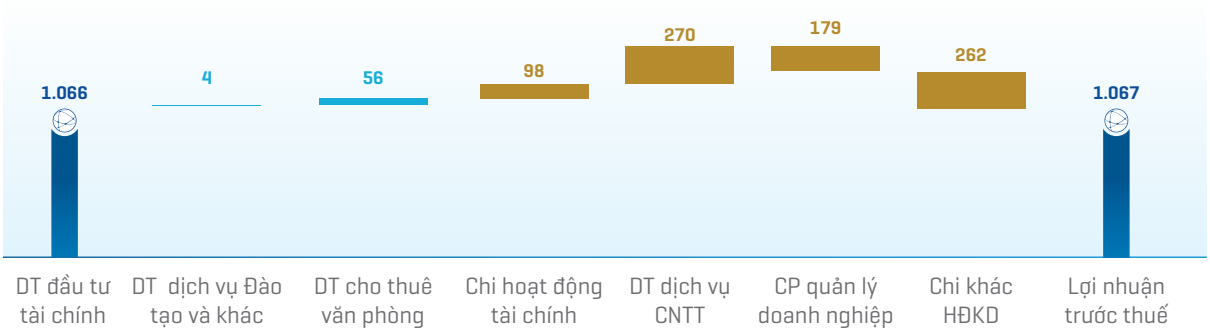

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÔNG TY MẸ NĂM 2020 HOÀN THÀNH VƯỢT KẾ HOẠCH ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG GIAO

Năm 2020 nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức do dịch bệnh: thị trường tài chính không thuận lợi với mặt bằng lãi suất tiếp tục duy trì ở mức thấp ; hoạt động kinh doanh của các Công ty Con gặp nhiều khó khăn do việc tiếp xúc với khách hàng bị hạn chế bởi giãn cách xã hội... Trong bối cảnh doanh thu chịu tác động không nhỏ từ các yếu tố này, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã tăng cường ứng dụng công nghệ, nỗ lực hỗ trợ các đơn vị thúc đẩy kinh doanh, chủ động tìm kiếm, linh hoạt lựa chọn cơ hội đầu tư, đồng thời chú trọng quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả để xuất sắc hoàn thành kế hoạch lợi nhuận được giao. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế năm 2020 lần lượt 1.067 tỷ và 1.012 tỷ đồng, hoàn thành vượt kế hoạch.

Trên cơ sở nguồn vốn điều lệ được tăng lên từ năm 2019, năm 2020, Công ty Mẹ tiếp tục duy trì tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn ở mức cao với 13,6%, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức đã cam kết với cổ đông.

CƠ CẤU TÀI SẢN CÔNG TY MẸ

Tổng tài sản năm 2020 đạt 18.600 tỷ đồng, tăng nhẹ 2,1% so với năm 2019, tập trung chủ yếu ở khoản đầu tư vào các công ty Con. Với định hướng đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, năm 2020, Công ty Mẹ tiếp tục tăng thêm 850 tỷ đồng vốn điều lệ cho Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, tăng cường năng lực tài chính cho đơn vị, đồng thời góp phần gia tăng giá trị danh mục đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty Con. Nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh và từ việc phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược cuối năm 2019 tiếp tục được đầu tư vào các tài sản tài chính ngắn hạn và dài hạn; vào các dự án công nghệ thông tin theo định hướng chiến lược nhằm chủ động bắt nhịp và vận dụng các công nghệ mới trong hoạt động kinh doanh.

Việc tăng vốn cho các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn góp phần quan trọng trong việc củng cố và gia tăng tiềm lực tài chính cho đơn vị thành viên trong bối cảnh nền kinh tế đang trải qua nhiều khó khăn và thử thách, cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, đồng thời tạo tiền đề cho các đơn vị thực hiện các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn tiếp theo của Tập đoàn.

Tổng tài sản Công ty Mẹ

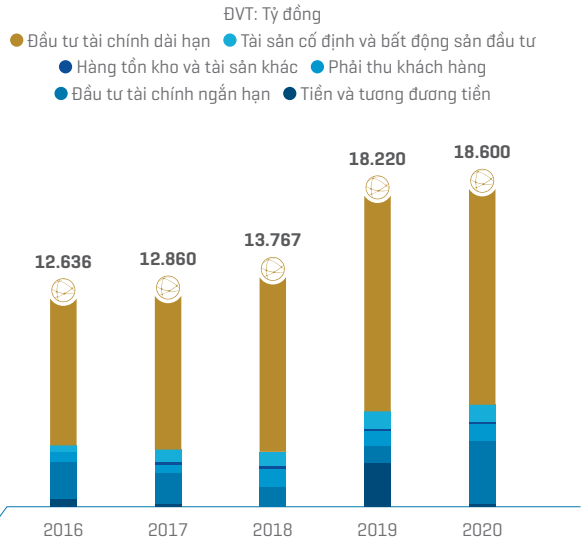

CƠ CẤU TÀI SẢN CÔNG TY MẸ

Tổng quan về kỳ hạn, tài sản dài hạn duy trì là danh mục có quy mô và tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tổng tài sản với 75% tỷ trọng, trong đó chủ yếu là các tài sản đầu tư tài chính (đầu tư vào công ty con và các công ty liên doanh, liên kết).

Theo khoản mục đầu tư, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết tiếp tục được gia tăng cả về giá trị và tỷ trọng trong cơ cấu tổng tài sản - từ 61% (năm 2019) lên 65% (năm 2020) – duy trì là danh mục chiếm tỷ trọng cao nhất. Bên cạnh đó, cơ cấu tài sản của Công ty Mẹ ghi nhận sự chuyển dịch từ các khoản tiền & tương đương tiền sang đầu tư tiền gửi, giúp danh mục đầu tư tiền gửi tăng từ 9% lên 19%. Việc chuyển dịch này chủ yếu tập trung tại danh mục tiền gửi kỳ hạn ngắn, vừa giúp tối ưu được các cơ hội đầu tư ngắn hạn với lãi suất tốt vừa đảm bảo tính linh động khi thị trường khởi sắc, có các cơ hội tốt hơn về dài hạn, đặc biệt với sự đóng góp từ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành riêng lẻ thành công cuối năm 2019 theo chiến lược đã được đề ra.

Cơ cấu nguồn vốn năm 2019-2020

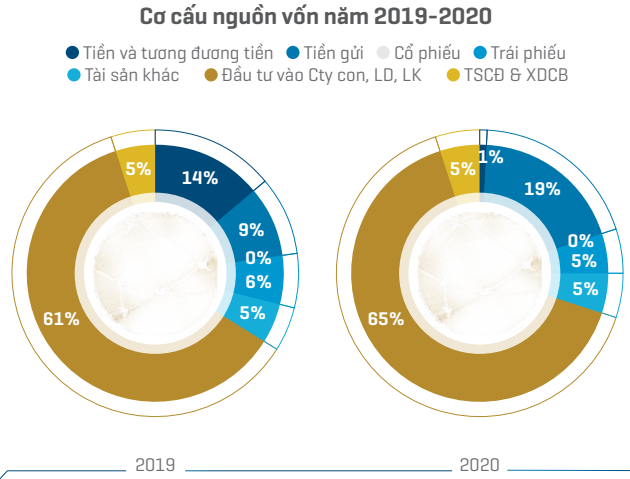

NGUỒN VỐN

> Vững vàng trong dịch bệnh, kết quả kinh doanh ổn định, tiềm lực tài chính của Công ty Mẹ tiếp tục được củng cố, tỷ lệ Vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn duy trì ổn định ở mức cao.

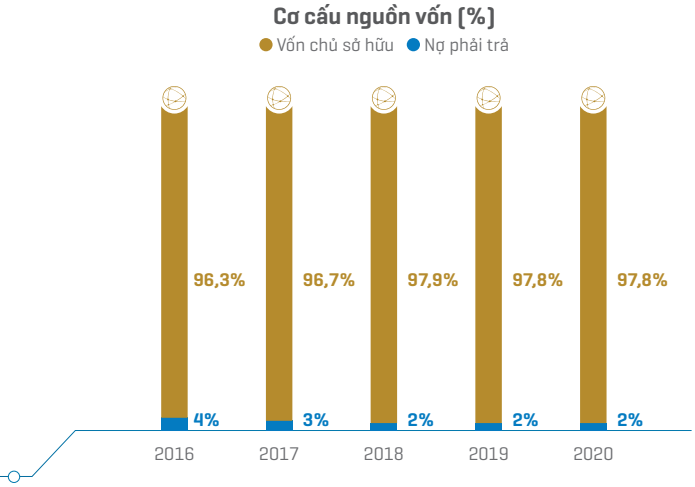

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng nguồn vốn Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đạt 18.600 tỷ đồng, tăng 2,1% so với năm trước, trong đó tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn tiếp tục được duy trì ổn định cao. Cùng với năm 2019, tỷ lệ này tại thời điểm cuối năm 2020 đạt mức cao nhất trong 05 năm qua - đạt 97,8% - dù phải đối mặt với những tác động không nhỏ của tình hình dịch bệnh kéo dài tới nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính - bảo hiểm nói riêng.

Năm 2020 Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục tận dụng các đòn bẩy tài chính để giải ngân vốn đầu tư cho một số dự án công nghệ thông tin trọng điểm. Tỷ lệ Nợ dài hạn/Vốn Chủ sở hữu và tỷ lệ Nợ dài hạn/Vốn điều lệ của Công ty Mẹ ở mức rất thấp (lần lượt là 1,2% và 2,9%), giảm nhẹ so với năm 2019, cho thấy cơ cấu vốn của Công ty Mẹ luôn duy trì ở mức tốt. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ phải trả (bao gồm nợ ngắn hạn và nợ dài hạn)/ Tổng nguồn vốn duy trì ổn định quanh mức 2,2% từ năm 2018 cũng thể hiện tiềm lực tài chính ổn định và vững mạnh của Công ty Mẹ.

Khả năng thanh toán của Công ty Mẹ luôn duy trì ở mức cao

Nợ ngắn hạn của Công ty Mẹ được duy trì ở mức thấp và chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nguồn vốn, trong khi danh mục tài sản ngắn hạn ở mức cao trong các năm gần đây, nhờ đó hệ số thanh toán luôn ổn định ở mức cao, đảm bảo tốt khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn của Công ty Mẹ.



Trong bối cảnh nhiều thách thức, các tỷ suất sinh lời duy trì khả quan

Cùng với Tập đoàn, các chỉ tiêu sinh lời của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt luôn duy trì ở mức cao nhiều năm qua. Năm 2020, trong bối cảnh nền kinh tế đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (ROCC) và Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) của Công ty Mẹ lần lượt đạt 13,6% và 5,6%. Với mức vốn điều lệ mới (7.423 tỷ đồng từ cuối 2019), các chỉ tiêu sinh lời này là khá khả quan, đặc biệt trong điều kiện kinh tế năm 2020 có nhiều biến động không thuận lợi. Tỷ suất ROCC và ROE được duy trì tương đối ổn định qua các năm cho thấy sự ổn định mang tính lâu dài và bền vững trong hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Mẹ.



Ảnh hưởng từ chênh lệch tỷ giá đến hoạt động kinh doanh

Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Năm 2020, với giả định các yếu tố khác không đổi, tỷ giá ngoại tệ giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam biến động khoảng (+/-) 10% thì lợi nhuận trước thuế Hợp nhất biến động khoảng (+/-) 6 tỷ đồng.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

Hoạt động đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động. Bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2016 - 2020 của Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2020, Tập đoàn Bảo Việt đã phát huy vai trò trung tâm quản lý, điều phối hoạt động đầu tư của toàn Tập đoàn thông qua các chính sách đầu tư và quản lý rủi ro, tiếp tục áp dụng mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng để xác định hạn mức đầu tư tại các định chế tài chính mà Bảo Việt được phép đầu tư, tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các quy trình, quy chế liên quan đến hoạt động đầu tư. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Nhờ vậy mà hoạt động đầu tư của Tập đoàn đảm bảo an toàn, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh chung của toàn Tập đoàn và của từng đơn vị.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TOÀN TẬP ĐOÀN 2020

Tại 31/12/2020, tổng nguồn vốn đầu tư của toàn Tập đoàn đạt 134.420 tỷ đồng, tăng 16,5% so với thời điểm 31/12/2019. Trong đó, đầu tư lãi suất cố định (tiền gửi, trái phiếu) đạt 124.281 tỷ đồng, chiếm 93,9% tổng nguồn vốn đầu tư và tăng 17,7% so với cùng kỳ. Đầu tư cổ phiếu, góp vốn đạt 5.972 tỷ đồng, chiếm 4,5% tổng nguồn vốn đầu tư và giảm 6,1% so với năm 2019.

Cơ cấu danh mục đầu tư của toàn Tập đoàn tại 31/12/2020

STT	Chỉ tiêu *(ĐVT: Tỷ đồng)*			Tại 31/12/2019		So sánh 2020/2019
				Số tiền	Tỷ trọng	
I.	**Đầu tư lãi suất cố định**	**124.281**	**93,9%**	**105.587**	**92,9%**	**17,7%**
1.	Tiền gửi	88.804	67,1%	72.952	64,2%	21,7%
2.	Trái phiếu	35.477	26,8%	32.635	28,7%	8,7%
II.	**Đầu tư cổ phiếu. góp vốn**	**5.972**	**4,5%**	**6.358**	**5,6%**	**-6,1%**
III.	**Đầu tư tài chính khác**	**2.167**	**1,6%**	**1.741**	**1,5%**	**24,5%**
	Tổng cộng	**132.420**	**100%**	**113.686**	**100%**	**16,5%**

Nguồn: BCTC hợp nhất trước soát xét 2020

Cơ cấu danh mục đầu tư của toàn Tập đoàn

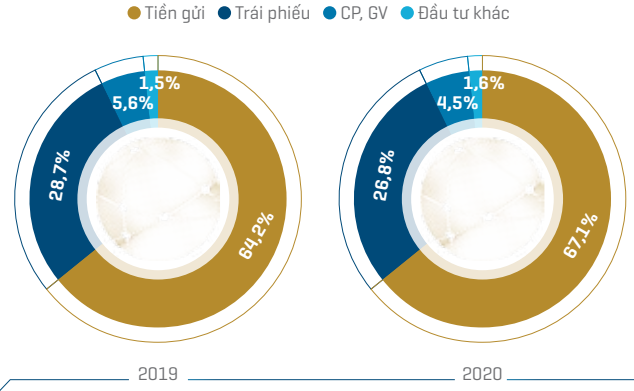

Cơ cấu danh mục đầu tư Công ty Mẹ

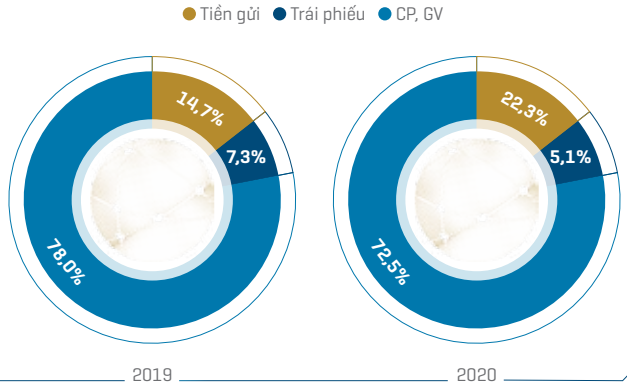

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CÔNG TY MẸ 2020

Tại 31/12/2020, tổng nguồn vốn đầu tư của Công ty Mẹ đạt 16.766 tỷ đồng, tăng 15,6% so với 31/12/2019. Khoảng 90% tỷ trọng danh mục đầu tư cổ phiếu, góp vốn tập trung vào các ngành bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính - những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn Bảo Việt. Tổng doanh thu hoạt động đầu tư năm 2020 đạt 1.066 tỷ đồng.

Cơ cấu danh mục đầu tư Công ty Mẹ tại 31/12/2020

STT	Chỉ tiêu *(ĐVT: Tỷ đồng)*			Tại 31/12/2019		So sánh 2020/2019
				Số tiền	Tỷ trọng	
I.	**Đầu tư lãi suất cố định**	**4.604**	**27%**	**3.190**	**22,0%**	**44,3%**
1.	Tiền gửi	3.744	22,3%	2.131	14,7%	75,7%
2.	Trái phiếu	860	5,1%	1.059	7,3%	-18,8%
II.	**Đầu tư cổ phiếu, góp vốn**	**12.163**	**72,5%**	**11.313**	**78,0%**	**7,5%**
	Tổng cộng	**16.766**	**100%**	**14.502**	**100%**	**15,6%**

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2020

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀO 04 CÔNG TY CON TẬP ĐOÀN SỞ HỮU 100% VỐN ĐIỀU LỆ: Tăng cường năng lực tài chính các Công ty con

Năm 2020, Tập đoàn tiếp tục ưu tiên tập trung vào các ngành nghề core lõi, tăng cường năng lực tài chính cho các Công ty con qua hình thức tăng vốn điều lệ để đảm bảo biên khả năng thanh toán, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, phát triển bền vững của các đơn vị.

Kết thúc năm 2020 Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục giữ vững vị trí đứng đầu thị trường bảo hiểm ở cả 2 lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ. Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục dẫn đầu Top 10 "Công ty bảo hiểm nhân thọ uy tín Việt Nam" trong nhiều năm liên tiếp. Bảo hiểm Bảo Việt cũng nhận giải "Thương hiệu bảo hiểm được tín nhiệm nhất châu Á" do Global Brand Magazine trao tặng. Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt tự hào lần thứ 4 được Tạp chí Global Banking & Finance – Tạp chí uy tín hàng đầu về tài chính ngân hàng của Anh quốc bình chọn là Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam, góp phần vào sự phát triển lớn mạnh của Tập đoàn.



HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH: Vượt kế hoạch



> Năm 2020, trong bối cảnh khó khăn do dịch COVID-19, hoạt động đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được những kết quả kinh doanh khả quan, với mức tăng trưởng cao về doanh thu, góp phần quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016 – 2020.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ LÃI SUẤT CỐ ĐỊNH

- Tập đoàn đã bám sát diễn biến lãi suất thị trường, kế hoạch dòng tiền để thực hiện tái đầu tư các khoản tiền nhàn rỗi với kỳ hạn phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư;
- Doanh thu đầu tư lãi suất cố định 2020 hoàn thành vượt kế hoạch: doanh thu lãi suất cố định cả năm 2020 đạt **346,7** tỷ đồng, vượt **31%** kế hoạch năm.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU, GÓP VỐN

- Doanh thu CP, GV tự doanh đạt **119,7** tỷ đồng, vượt **17**% kế hoạch năm 2020. Đây là doanh thu ghi nhận từ cổ tức được nhận từ các dự án và lợi nhuận thanh hoán cổ phiếu.

Danh mục các dự án góp vốn của Công ty Mẹ tại 31/12/2020

STT	Ngành	Vốn góp *(Tỷ đồng)*		Tỷ trọng	
		31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019
1	Bảo hiểm	8.117	7.267	66,7%	64,3%
2	Ngân hàng	1.599	1.599	13,1%	14,1%
3	CK, QLQ	1.260	1.260	10,4%	11,1%
4	BĐS	462	462	3,8%	4,1%
5	Khác	724	724	6,0%	6,4%
6	**Tổng cộng**	**12.163**	**11.313**	**100%**	**100%**

Trong các dự án lớn Bảo Việt đã tham gia đầu tư, góp vốn không có dự án nào không đạt được tiến độ đã công bố hoặc cam kết. Khoản đầu tư lớn nhất trong năm 2020 có thể kể đến là việc Tập đoàn Bảo Việt thực hiện tăng vốn điều lệ cho Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ từ 4.150 tỷ đồng lên mức 5.000 tỷ đồng nhằm tăng cường năng lực tài chính cho doanh nghiệp cốt lõi.

TẬP ĐOÀN PHÁT HUY VAI TRÒ TRUNG TÂM QUẢN LÝ, ĐIỀU PHỐI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

> Hoạt động đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động.



Bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2016 - 2020 của Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2020, Tập đoàn Bảo Việt tăng cường phát huy vai trò trung tâm quản lý, điều phối hoạt động đầu tư của toàn Tập đoàn thông qua các chính sách đầu tư và quản lý rủi ro, tiếp tục áp dụng mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng để xác định hạn mức đầu tư tại các định chế tài chính mà Bảo Việt được phép đầu tư. Tập đoàn cũng tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các quy trình, quy chế liên quan đến hoạt động đầu tư và thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Nhờ vậy mà hoạt động đầu tư của Tập đoàn đảm bảo an toàn, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh chung của toàn Tập đoàn và của từng đơn vị.

GẮN KẾT YẾU TỐ ESG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ



Bảo Việt tin rằng các vấn đề về cơ chế quản trị công ty, môi trường và xã hội là một phần quan trọng để đánh giá các giá trị và hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn. Do đó, bên cạnh các chỉ tiêu hiệu quả, chúng tôi cũng luôn chú trọng tới các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình thẩm định, lựa chọn phương án đầu tư và tiếp tục duy trì việc áp dụng Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm khi rà soát các dự án đầu tư vốn lớn.

Là một doanh nghiệp niêm yết với sự tham gia góp vốn của nhiều nhà đầu tư, chúng tôi hiểu phát triển bền vững sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh trong việc hút vốn. Chính vì vậy, Bảo Việt – với tư cách của nhà đầu tư, muốn gắn kết các yếu tố bền vững trong quá trình xem xét các dự án tiềm năng.

> **Với quy mô tổng tài sản hàng đầu trên thị trường bảo hiểm, Bảo Việt tăng cường đầu tư trở lại nền kinh tế với định hướng đầu tư trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả, đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và các bên liên quan.**

Bảo Việt tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi với 90% danh mục đầu tư cổ phần, góp vốn của chúng tôi tập trung vào các ngành bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Đây cũng là những ngành nghề thân thiện với môi trường. Trong năm qua, chúng tôi luôn tuân thủ các tiêu chí liên quan đến vấn đề Quản trị - Xã hội – Môi trường trong quá trình quản lý dự án đầu tư và đầu tư cổ phần, góp vốn.

Nếu trước đây, vấn đề Quản trị được tập trung xem xét trong các dự án đầu tư góp vốn thì theo quy trình mới ban hành của Bảo Việt, các xem xét về vấn đề sử dụng lao động, đóng góp cộng đồng, các ý thức về môi trường cũng trở thành tiêu chí đánh giá và cộng điểm cho dự án. Trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục định hướng ưu tiên phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi – vừa để đảm bảo sự phát triển bền vững của Bảo Việt, vừa góp phần giảm thiểu những tác động gây hại tới môi trường.

Việc gắn kết yếu tố bền vững đối với nhà cung cấp cũng như các dự án đầu tư giúp Bảo Việt tiến gần tới mục tiêu xây dựng chuỗi giá trị bền vững, mang lại lợi ích cho Bảo Việt và các đối tác tham gia.

05 NGUYÊN TẮC

ĐẦU TƯ CÓ TRÁCH NHIỆM MÀ BẢO VIỆT ĐANG ÁP DỤNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ BAO GỒM

NGUYÊN TẮC 1	NGUYÊN TẮC 2	NGUYÊN TẮC 3	NGUYÊN TẮC 4	NGUYÊN TẮC 5
Gắn kết vấn đề ESG trong các quy trình phân tích đầu tư và đưa ra quyết định đầu tư	Gắn kết ESG trong các vấn đề liên quan đến quyền lợi của chủ đầu tư	Xây dựng quy chế công bố thông tin phù hợp đối với vấn đề ESG tại các doanh nghiệp mà Bảo Việt đầu tư	Hợp tác với các tổ chức tài chính khác để đẩy mạnh hiệu quả triển khai	Thực hiện báo cáo các hoạt động triển khai

THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

NHẬN DIỆN THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Tăng trưởng xanh được xác định là điểm nhấn quan trọng trong chính sách phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới nhằm hướng tới sự phát triển bền vững. Không đứng ngoài nỗ lực này, thị trường tài chính Việt Nam đang nỗ lực nghiên cứu chính sách, tìm kiếm các giải pháp khả thi nhằm thúc đẩy phát triển thị trường vốn xanh. Sự chuyển dịch từ các thị trường vốn truyền thống sang thị trường vốn xanh được xem là bước tiến quan trọng, nhằm tạo ra kênh tài chính có sức ảnh hưởng lớn phục vụ tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam và hướng tới phát triển bền vững.

“Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp lớn tiên phong nghiên cứu và tìm kiếm các cơ hội hỗ trợ về tài chính hướng đến tăng trưởng xanh thông qua việc cắt giảm khí phát thải nhà kính, ô nhiễm môi trường, sản xuất xanh...”



BẢO VIỆT VÀ THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Bảo Việt mong muốn tham gia cùng Ủy Ban chứng khoán và các bên liên quan xây dựng và triển khai được một khuôn khổ định hướng về tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh cho các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, để doanh nghiệp vừa duy trì được hoạt động kinh doanh hiệu quả, vừa đảm bảo lợi ích môi trường và xã hội. Trên cơ sở đó giúp thị trường vốn xanh phát triển bền vững.

Hoạt động đầu tư tại Bảo Việt tuân thủ các nguyên tắc cơ bản về đầu tư có trách nhiệm của Liên hợp quốc (không đầu tư vào các dự án gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, các dự án sử dụng lao động trẻ em...), lựa chọn đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết được HOSE công bố có chỉ số đo lường PTBV theo VNSI đạt điểm cao. Bảo Việt tự hào là doanh nghiệp bảo hiểm niêm yết duy nhất nằm trong nhóm các cổ phiếu thuộc rổ chỉ số phát triển bền vững (VNSI). Ngoài ra, Bảo Việt cũng đang nắm giữ nhiều cổ phiếu khác thuộc rổ chỉ số VNSI này như VCB, MBB, BID, VNM, REE...

ĐỊNH HƯỚNG 2021

Bám sát định hướng chiến lược đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt, căn cứ những dự báo tình hình thị trường tài chính, tiền tệ, năm 2020 Tập đoàn tiếp nối và mở rộng định hướng đầu tư trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động.

Năm 2021, Bảo Việt định hướng tham gia tích cực vào thị trường vốn xanh thông qua việc cân nhắc lựa chọn một số sản phẩm, công cụ tài chính xanh có ý nghĩa quan trọng như: Danh mục dự án xanh do Ngân hàng Nhà nước xây dựng, hay trái phiếu xanh chính quyền địa phương được phát hành thí điểm, đầu tư vào các dự án trong lĩnh vực điện gió, điện mặt trời, xây dựng các tòa nhà xanh.... Tại Việt Nam thị trường trái phiếu gần đây đã phát triển rất ấn tượng, nhưng thị trường trái phiếu xanh vẫn còn sơ khai. Với tư cách là thành viên trong Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA), Bảo Việt cam kết tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, hội thảo liên quan đến thị trường trái phiếu xanh và mong muốn cộng tác cùng các bên liên quan nghiên cứu sửa đổi các chính sách để thị trường trái phiếu xanh ngày càng phát triển hơn.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



CHÍNH SÁCH DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CỦA BẢO VIỆT

> Luôn xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển lớn mạnh và bền vững của doanh nghiệp, trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của mình, Bảo Việt chú trọng cho việc xây dựng, huấn luyện, đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực then chốt; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, phúc lợi hấp dẫn; triển khai hệ thống đánh giá chất lượng công việc theo hiệu quả làm việc và được liên kết với nhau chặt chẽ, dựa trên tầm nhìn, quy tắc đạo đức ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của Bảo Việt.



Từ nhiều năm nay, Bảo Việt luôn trân trọng và ý thức rằng những giá trị do các thành viên tạo ra đều đóng góp vào thành công, không phân biệt vị trí, độ tuổi, giới tính, trình độ, địa vị xã hội, tính cách, phong cách sống, quá trình tư duy, kinh nghiệm làm việc, nguồn gốc dân tộc... Chính triết lý đó là nền tảng để Bảo Việt xây dựng một môi trường làm việc năng động, công bằng, mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện để hướng đến sự thành công và phát triển sự nghiệp tại Bảo Việt.



LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TẠI BẢO VIỆT

Năm 2020, tổng số lao động của Bảo Việt là 6.519 người. Về cơ cấu lao động năm 2020 theo giới tính khá đồng đều: Tỷ lệ lao động Nam chiếm 52,5%, lao động Nữ 47,5%. Về cơ cấu theo độ tuổi, tỷ lệ lao động dưới 30 tuổi chiếm 23,5%, lao động có độ tuổi trung niên từ 30 đến dưới 50 tuổi chiếm 67,2% và lao động từ 50 tuổi trở lên có thâm niên công tác lâu năm tại Bảo Việt chiếm 9,3%. Về dân tộc, lao động thuộc dân tộc Kinh chiếm đa số là 6.378 người (tỷ lệ 97,8%) và lao động dân tộc thiểu số là 140 người (chiếm tỷ lệ 2,1%), tăng 80 người so với năm 2019.

Về trình độ lao động, với mục tiêu xây dựng, duy trì đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, năm 2020, lao động của Bảo Việt tiếp tục duy trì tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học ở mức cao. Lao động có trình độ đại học chiếm đa số với tỷ lệ 81,9%, trên đại học chiếm 8,8% và lao động có trình độ dưới đại học chỉ chiếm 9,3% (giảm 0,4% so với năm trước).

Về cơ cấu cán bộ quản lý, năm 2020, tổng số cán bộ quản lý của Bảo Việt là 592 người, chiếm tỷ lệ 9,1% (tăng 0,1% so với năm 2019), nhân viên là 5.927 người, chiếm 91%. Về cơ cấu quản lý, cán bộ quản lý cấp cao là 48 người, chiếm 0,7% và cán bộ quản lý cấp trung là 544 người, chiếm 8,3%.

Về khu vực, lao động tại miền Bắc chiếm đa số với số lượng 3.348 người tương ứng 51,4%, miền Trung có 1.807 người tương ứng 27,7% còn lại số lượng lao động tại miền Nam là 1.364 người, chiếm 20,9%.

THU HÚT LAO ĐỘNG



Nằm trong top 50 thương hiệu tuyển dụng do Anphabe bình chọn, Bảo Việt vẫn không ngừng chú trọng đầu tư chiều sâu trên nhiều lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực, trong đó các chính sách tuyển dụng nhằm thu hút lực lượng lao động trẻ, trình độ chuyên môn cao, năng động, sáng tạo, giàu nhiệt huyết và được trang bị kiến thức công nghệ thông tin cơ bản và nâng cao để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong bối cảnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản trị doanh nghiệp và kinh doanh tài chính và bảo hiểm.

Năm 2020, Bảo Việt tuyển dụng được 513 người, trong đó có phần lớn ứng viên thuộc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Công ty Đầu tư Bảo Việt do các đơn vị gia tăng dịch vụ, đòi hỏi lượng lao động đông đảo hơn so với các năm trước.

Trong tổng số ứng viên được tuyển dụng, ứng viên Nam chiếm 61%, Nữ chiếm 39%; ứng viên trẻ có tuổi đời dưới 30 tuổi được Bảo Việt tuyển dụng chiếm tỷ trọng cao nhất 68%, tiếp đến là ứng viên trong độ tuổi từ 30 đến 50 tuổi chiếm 31% và ứng viên trên 50 tuổi là 1%. Tính theo vùng miền, các đơn vị thuộc miền Bắc tuyển dụng nhiều nhất chiếm 52%, tiếp đến là miền Nam 28% và miền Trung là 19%.

BIẾN ĐỘNG LAO ĐỘNG

Năm 2020, thị trường kinh doanh có nhiều thay đổi dẫn đến nhiều thách thức đối với doanh nghiệp trong việc duy trì đội ngũ hiện có. Người lao động có nhiều cơ hội để lựa chọn việc làm tốt hơn, phù hợp với định hướng trong sự nghiệp và nhu thay đổi môi trường làm việc của bản thân. Tuy nhiên, với các chính sách nhằm đầu tư chiều sâu, phát triển và duy trì nguồn nhân lực nên năm 2020, Bảo Việt có biến động lao động giảm nhiều so với năm trước, cụ thể: tổng số lao động thôi việc tại Bảo Việt năm 2020 là 533 người (giảm 253 so với năm 2019), tương đương tỷ lệ thôi việc 8,2% (giảm 3,8% so với năm 2019). Về cơ cấu lao động thôi việc năm 2020, tỷ lệ thôi việc của Nam là 9,2%, của Nữ là 7,6%; về nhóm tuổi, tỷ lệ thôi việc của lao động trên 50 tuổi (chủ yếu là nghỉ hưu trí) chiếm 3,5%, lao động trẻ (dưới 30 tuổi) chiếm 19,2% và lao động từ 30-50 tuổi chỉ chiếm 5,4%. Về khu vực địa lý, các đơn vị thuộc khu vực miền Bắc và miền Nam có tỷ lệ thôi việc cao so với các đơn vị ở miền Trung, cụ thể tỷ lệ thôi việc ở 3 miền Bắc, Trung, Nam lần lượt là 8,8%, 4,6% và 12,8%.

Tỷ lệ thôi việc	Ngành	Độ tuổi			Giới tính		Khu vực			Tổng
		<30	30-50	>50	Nam	Nữ	Bắc	Trung	Nam	
Số lượng lao động thôi việc năm 2020	Số lượng (người)	295	235	21	316	237	295	84	174	533
	Tỷ lệ (%)	19,2%	5,4%	3,5%	9,2%	7,6%	8,8%	4,6%	12,8%	8,2%
Số lượng lao động thôi việc năm 2019	Số lượng (người)	451	260	75	425	361	436	177	173	786
	Tỷ lệ (%)	25,4%	6,2%	12,1%	13,5%	10,5%	12,2%	12,0%	11,3%	12%

HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH CỦA BẢO VIỆT

> Bảo Việt luôn nỗ lực cải thiện hệ thống chính sách phúc lợi, đem tới môi trường làm việc bình đẳng, thân thiện, chuyên nghiệp và nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn lao động và an toàn tài chính cho đội ngũ cán bộ nhân viên.

Cụ thể:

Các loại hình bảo hiểm Phi nhân thọ để bảo vệ sức khỏe và an toàn tài chính trước các rủi ro về sức khỏe cho cán bộ nhân viên và người thân bao gồm:



HEALTHCARE
Bảo hiểm sức khỏe
và bảo hiểm kết hợp con người.



K-CARE
Bảo hiểm sức khỏe cho người thân,
Bảo hiểm kết hợp con người và Bảo hiểm Bệnh ung thư.

Các loại hình bảo hiểm Nhân thọ đã triển khai bao gồm: Bảo hiểm An nghiệp thành công, Bảo hiểm An phát trọn đời và Hưu trí vững nghiệp tại Tập đoàn Bảo Việt và một số đơn vị thành viên nhằm thu hút, duy trì, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, đảm bảo nguồn nhân lực của Tập đoàn phát triển bền vững, gắn bó lâu dài, yên tâm phát triển sự nghiệp tại Tập đoàn, đồng thời giúp cho người được bảo hiểm nâng cao đời sống, có thêm thu nhập bổ sung ổn định ngoài phần lương hưu, đảm bảo cuộc sống thư thái, độc lập về tài chính, có khả năng tiếp tục trợ giúp người thân sau khi nghỉ hưu và bảo vệ trước những rủi ro trong cuộc sống và trong quá trình làm việc.



Với thế mạnh về sản phẩm bảo vệ khách hàng trước các rủi ro về sức khỏe, Bảo Việt thường xuyên tổ chức các chương trình tư vấn với sự tham gia của các chuyên gia và bác sỹ dành cho khách hàng nội bộ và cán bộ nhân viên nhằm tăng cường các kiến thức bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là đối với lao động nữ.

Năm 2020, Bảo Việt vẫn tiếp tục thể hiện sự quan tâm đến sức khỏe của người lao động thông qua việc thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các cơ sở khám, chữa bệnh uy tín và có chất lượng dịch vụ cao.

Đối với các cán bộ đã nghỉ hưu, ngoài việc tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp Quốc tế Người cao tuổi; Tết Âm lịch, Bảo Việt vẫn duy trì mua bảo hiểm kết hợp con người hàng năm với mức trách nhiệm bồi thường là 20.000.000 đồng/người.

CHẾ ĐỘ NGHỈ THAI SẢN DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bảo Việt áp dụng chính sách nghỉ thai sản đối với người lao động (cả nam và nữ) tuân thủ quy định của pháp luật lao động và vận dụng chính sách khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm sức khỏe và các loại bảo hiểm gia tăng khác; đồng thời người lao động vẫn được bình xét thi đua hằng năm, xét nâng lương định kỳ và được đánh giá hiệu quả làm việc làm cơ sở xét thưởng hiệu quả làm việc hằng năm và các chế độ phúc lợi có liên quan.

Năm 2019, số lao động thực tế nghỉ thai sản là 187 người; trong đó, lao động Nam có vợ sinh con được nghỉ thai sản là 34 người, lao động Nữ nghỉ sinh con là 153 người. Tính đến hết ngày 31/12/2019, đã có 140 lao động quay trở lại làm việc sau kỳ nghỉ thai sản, đạt 74,9%; trong đó, lao động Nam quay trở lại làm việc 100% và số lao động Nữ quay trở lại làm việc là 107 người, đạt 69,9%. Số lao động Nữ còn lại sẽ trở lại làm việc trong năm 2019 sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản theo chế độ. Bảo Việt cam kết và luôn đảm bảo việc làm đầy đủ cho số lao động nghỉ thai sản được trở lại làm việc tại vị trí cũ sau khi kết thúc thời gian nghỉ.

Ngoài việc đảm bảo cho người lao động yên tâm nghỉ ngơi và phục hồi sức khỏe sau khi sinh và để có đủ sức khỏe cần thiết để tiếp tục làm việc theo yêu cầu của tổ chức sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản, chính sách nghỉ thai sản còn giúp người lao động yên tâm về tài chính và tạo điều kiện tốt nhất hỗ trợ người lao động chăm sóc con cái.

Bên cạnh đó, để tạo điều kiện tối đa cho người lao động để có thời gian chăm sóc con cái, sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản và đi làm lại, lao động nữ được Bảo Việt tạo điều kiện rút ngắn thời gian làm việc 1 giờ/ngày so với các lao động khác đến khi nuôi con đủ 12 tháng tuổi. Lao động nữ có thể đăng ký đi làm muộn hoặc về sớm so với thời gian làm việc tiêu chuẩn theo quy định của Bảo Việt và đảm bảo rằng tổng số giờ đi muộn và/hoặc về sớm không vượt quá 1 giờ theo quy định của Bảo Việt và pháp luật lao động.

THỰC HIỆN CÔNG TÁC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT



Căn cứ điều 74, Luật An toàn vệ sinh lao động 2015, mỗi Ban chức năng trong Tập đoàn Bảo Việt cần phải có ít nhất 01 cán bộ kiêm nhiệm công tác an toàn, vệ sinh viên. An toàn vệ sinh viên (WHSO) là người kiêm nhiệm công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ ở Ban chức năng. An toàn vệ sinh viên là người lao động trực tiếp, am hiểu chuyên môn và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động; tự nguyện và gương mẫu trong việc chấp hành các quy định an toàn, vệ sinh lao động.

> Trong năm 2019, Bảo Việt đã triển khai thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả, đem lại sự an tâm, an toàn đối với người lao động.

Các công việc đã triển khai trong năm bao gồm:

- Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động của năm
- Bố trí Người làm công tác an toàn lao động
- Thành lập mạng lưới An toàn, vệ sinh viên
- Ký hợp đồng cơ sở khám bệnh để chăm sóc sức khỏe người lao động
- Tổ chức huấn luyện về an toàn về sinh lao động cho người sử dụng lao động, người lao động
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về công tác An toàn vệ sinh lao động, Báo cáo định kỳ tình hình tai nạn 6 tháng đầu năm và hàng năm gửi cơ quan quản lý nhà nước về lao động theo đúng quy định.

QUẢN LÝ HIỆU QUẢ LÀM VIỆC

Chính sách quản lý hiệu quả làm việc

> Chính sách quản lý hiệu quả làm việc của Bảo Việt được duy trì từ năm 2009 đến nay nhằm thiết lập, kiểm soát, đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, phân loại hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân, làm căn cứ xem xét điều chỉnh lương hằng năm và thưởng hiệu quả làm việc đối với cá nhân người lao động dựa trên thành tích, mức độ đóng góp vào thành công của tổ chức; góp phần tạo cơ chế thu nhập công bằng, cạnh tranh trong chính sách lương của Bảo Việt.

Năm 2020, cá nhân được đề nghị xếp HQLV loại 1 (hoàn thành xuất sắc) phải trình bày báo cáo và bảo vệ thành tích đạt được trong năm trước Hội đồng đánh giá HQLV của Tập đoàn. Những thành tích này phải có tầm ảnh hưởng, mang lại lợi ích ở quy mô toàn Tập đoàn và được đa số cá nhân, tập thể ghi nhận. Trường hợp đạt được số phiếu tán thành của trên 50% thành viên Hội đồng, cá nhân sẽ được Hội đồng đề xuất Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt xếp loại HQLV Loại 1. Đối với cá nhân được đề nghị xếp HQLV loại 2 (hoàn thành tốt), Người đứng đầu đơn vị phải trình bày báo cáo và bảo vệ thành tích đạt được trong năm của các cá nhân đó trước Hội đồng.

Những thành tích này phải có mức độ ảnh hưởng và mạng lại lợi ích ở quy mô Khối/Trung tâm và được đa số cá nhân, tập thể trong Khối/Trung tâm ghi nhận. Trường hợp đạt được số phiếu tán thành của trên 50% ủy viên Hội đồng, cá nhân sẽ được Hội đồng đề xuất Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt HQLV Loại 2. Các cá nhân còn lại được xem xét, xếp HQLV Loại 3 (hoàn thành) hoặc/và Loại 4 (không hoàn thành) tùy theo mức độ hoàn thành mục tiêu làm việc trong năm và việc thể hiện thái độ, hành vi trong công việc của các cá nhân.

Quy trình quản lý hiệu quả làm việc của Bảo Việt

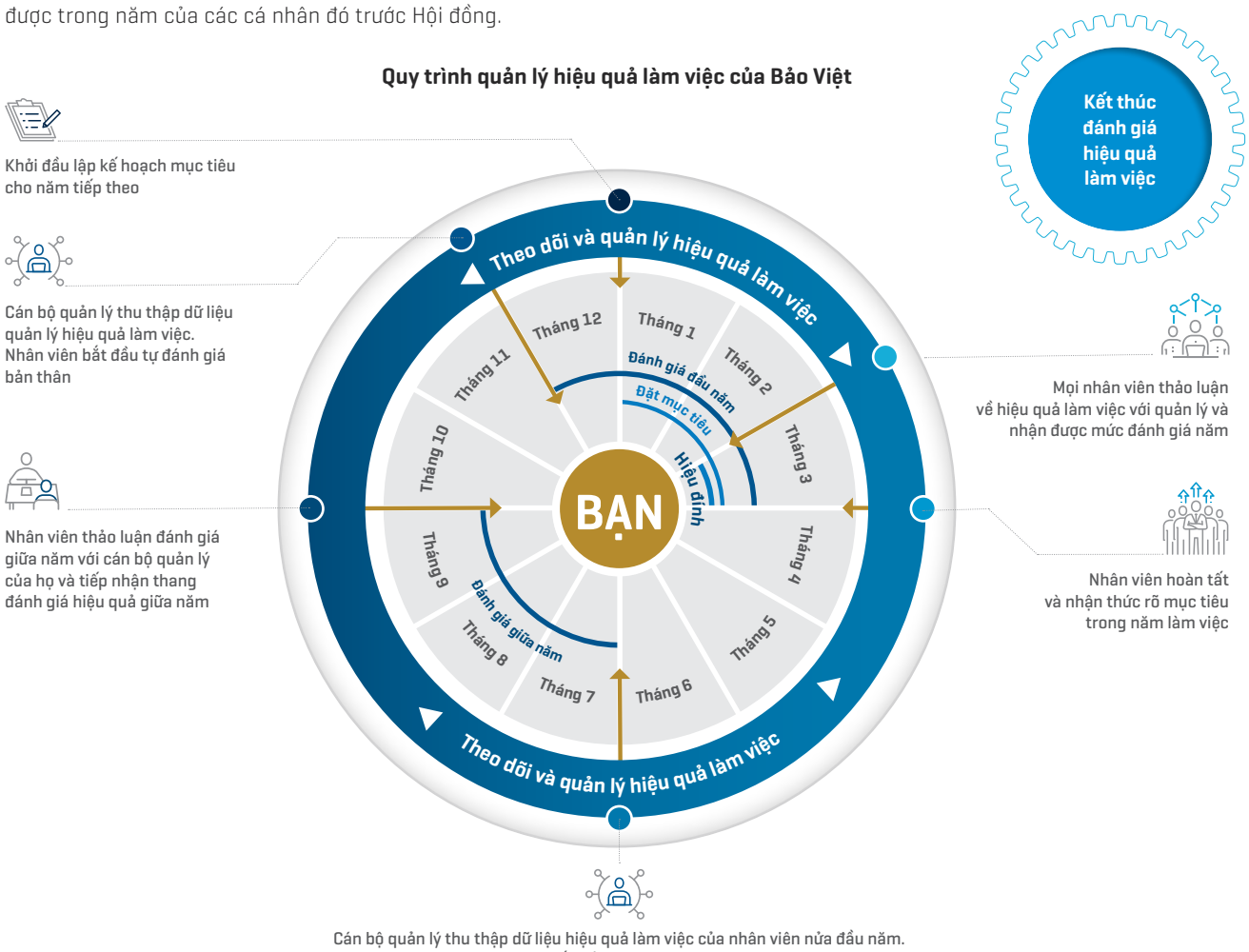

Năm 2020, bên cạnh việc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Bảo Việt liên tục cập nhật các xu thế mới về chính sách lương thưởng của thị trường để có thể nâng cao lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân lực, dễ dàng thu hút, gìn giữ nguồn lao động có chất lượng cao, tạo động lực làm việc và nâng cao năng suất lao động.

Với chiến lược phát triển nguồn nhân lực đã được Hội đồng Quản trị thông qua, năm 2020, Bảo Việt tiếp tục triển khai chính sách thu nhập gắn liền với hiệu quả làm việc, tham gia khảo sát, điều tra tiền lương thị trường để xác định dải lương, mức lương trả cho người lao động tương ứng với từng cấp bậc công việc, hiệu quả công việc đạt được, đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với bên ngoài.

Năm 2020, tổng số lao động được đánh giá HQLV định kỳ theo quy định của Bảo Việt là 3.498 người, tương đương 94% tổng số lao động thuộc đối tượng đánh giá; trong đó, lao động Nữ được đánh giá HQLV là 1.640 người, chiếm 46,88% tổng số lao động đủ điều kiện đánh giá, lao động Nam được đánh giá HQLV là 1.858 người, chiếm 53,12% tổng số lao động đủ điều kiện đánh giá. Theo nhóm tuổi, lao động dưới 30 tuổi được đánh giá HQLV là 1.125 người, chiếm 32,16%, lao động từ 30 đến 50 tuổi được đánh giá HQLV là 2.105 người, chiếm 60,18%, lao động trên 50 tuổi được đánh giá HQLV 268 người, chiếm 7,66%.

Các lao động còn lại trong tổng số lao động tính đến thời điểm 31/12/2019 của Bảo Việt được đánh giá, ghi nhận thành tích làm việc trong năm 2019 theo các chính sách riêng của từng đơn vị thuộc Bảo Việt, phù hợp với từng vị trí, đặc thù công việc; và được xét thưởng HQLV theo thành tích cụ thể đạt được.



Đơn vị: Người

STT	Đơn vị	Tỉ lệ % lao động (LĐ) được đánh giá HQLV			Lao động được đánh giá HQLV				
		Tổng LĐ	Tổng LĐ được đánh giá HQLV	% LĐ được đánh giá	Nhóm tuổi			Giới tính	
					< 30 tuổi	30-50 tuổi	>50 tuổi	Nam	Nữ
1	BVH	267	262	98%	27	225	10	160	102
2	BHBV [*]	558	558	16%	85	391	82	381	177
3	BVNT	2.265	2.068	91%	758	1.143	167	1.041	1.027
4	BVF	49	48	97,96%	9	39	-	27	21
5	BVSC	247	239	97%	71	163	5	114	125
6	BVInvest	323	323	100%	175	144	4	135	188
	Tổng cộng	**3.709**	**3.498**	**94%**	**1.125**	**2.105**	**268**	**1.858**	**1.640**

[*] Số liệu của BHBV tính trên tổng số lao động tại Trụ sở chính

CHÍNH SÁCH TRẢ LƯƠNG THEO HIỆU QUẢ LÀM VIỆC

Mô hình nền tảng cơ bản hình thành chính sách tiền lương của Bảo Việt

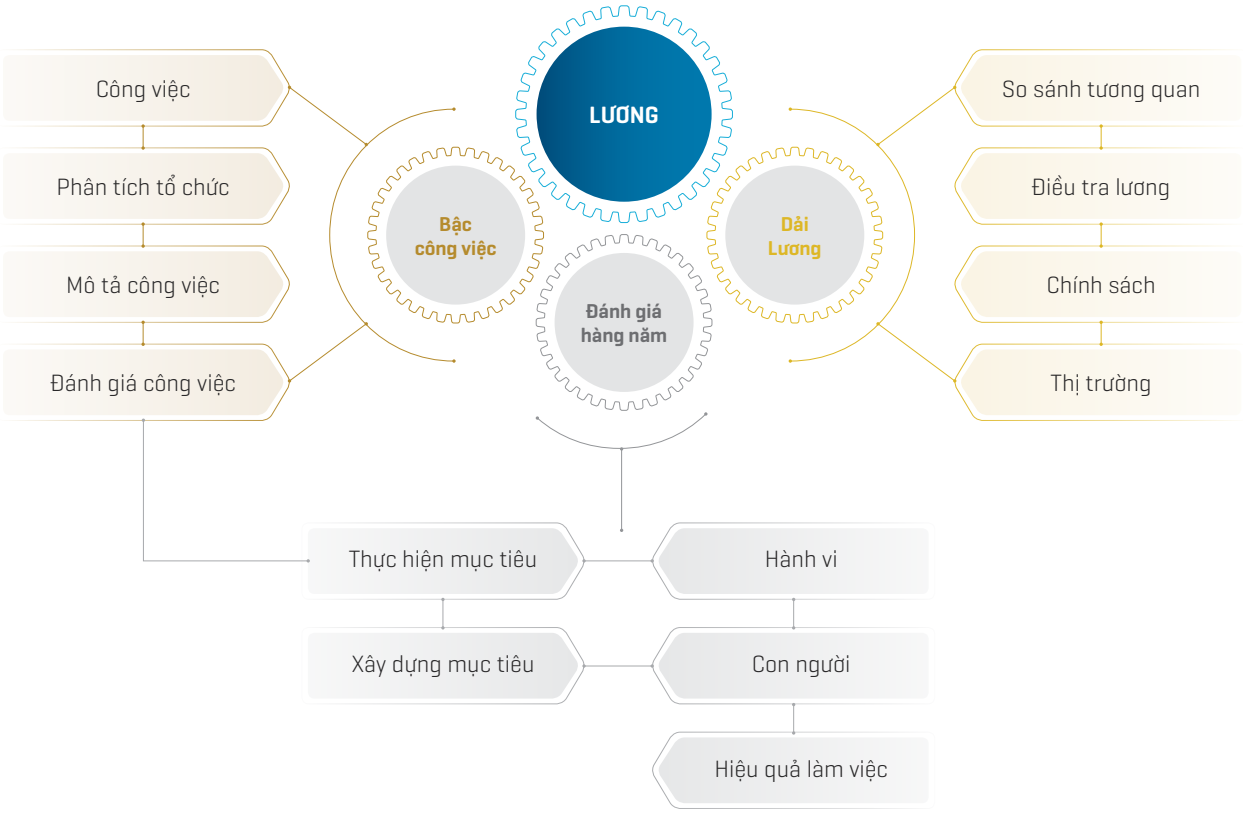

Tiền lương và các khoản tiền thưởng từ quỹ lương của người lao động tại Bảo Việt trong năm 2020

TIỀN LƯƠNG

- Mức lương theo công việc/ vị trí chức danh và các khoản phụ cấp lương
- Mức lương bổ sung
- Lương cho các ngày nghỉ hằng năm mà người lao động chưa nghỉ.

TIỀN THƯỞNG

- Thưởng tháng lương thứ 13
- Thưởng theo hiệu quả làm việc của cá nhân trong năm.

KẾT QUẢ ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG NĂM 2020

Năm 2020, Bảo Việt có 843/939 lao động được nâng lương theo vị trí công việc/chức danh định kỳ hằng năm, tương ứng 29,2% tổng số lao động và bằng 111% so với năm 2018; trong đó, lao động nam được nâng lương là 476 người, tương ứng 15,1% tổng số lao động nam và lao động nữ được nâng lương là 463 người, tương ứng 13,5% tổng số lao động nữ. Đối với việc điều chỉnh lương bổ sung theo HQLV, lao động được đánh giá HQLV trong năm 2019 đạt từ mức Loại 3 trở lên được các đơn vị trong Bảo Việt điều chỉnh lương bổ sung phù hợp với ngân sách và quy chế, quy định hiện hành.



KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài chính và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, ngày 19/3/2020, Hội đồng Quản trị Tập đoàn đã ban hành quyết định về việc kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý cấp Khối, trong đó có việc thành lập các cơ quan hợp nhất thực hiện đồng thời chức năng tham mưu giúp việc Đảng ủy Tập đoàn và Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn.

Cụ thể như sau:

1. Bỏ mô hình tổ chức quản lý cấp Khối thuộc Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn;

2. Thành lập Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ, Văn phòng và các Ban chức năng tham mưu, giúp việc Đảng ủy, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn.

Trong đó 04 cơ quan hợp nhất, thực hiện đồng thời chức năng tham mưu, giúp việc Đảng ủy Tập đoàn về công tác tổ chức, kiểm tra, tuyên giáo, dân vận và văn phòng; giúp Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn về công tác chuyên môn gắn với chức năng hoạt động của Tập đoàn.

Đánh giá chung kết quả kiện toàn tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức bộ máy mới đáp ứng các yêu cầu của Đảng, Nhà nước, thông lệ quản trị doanh nghiệp và yêu cầu kinh doanh của Tập đoàn. Các cơ quan hợp nhất có đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Tập đoàn và cơ quan chuyên môn giúp việc Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn.

Bộ máy quản lý mới được xây dựng bám sát các mục tiêu và yêu cầu đã đề ra; tiếp tục theo cơ cấu trực tuyến, chức năng nhưng đã giảm bớt cấp trung gian (cấp Khối), tập trung tính chủ động và trách nhiệm cho các Ban chức năng, Văn phòng trực thuộc Tổng Giám đốc.

Sau kiện toàn, mô hình của các Ban hợp nhất đã giảm bớt các đầu mối quản lý, tập trung nguồn lực, đảm bảo tinh gọn bộ máy, hợp lý về cơ cấu, kế thừa, phát huy hiệu quả hoạt động của mô hình Khối trước đây.

Việc phân công nhiệm vụ giữa các Ban rõ ràng, chuyên môn hóa cao, thuận lợi trong việc đào tạo, kế thừa kinh nghiệm của cá nhân khác. Không có sự trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan hợp nhất.

Nhân sự làm công tác Đảng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, rút ngắn thời gian, quy trình giải quyết công việc, nâng cao chất lượng tham mưu, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG

Tổng doanh thu hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt (Tỷ đồng)

48.999

Tăng trưởng **9,2%** so với cùng kỳ năm 2019

tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn (Tỷ đồng)

146.413

Tăng hơn **18.000** tỷ đồng so với năm 2019

Lợi nhuận trước thuế Cty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt (Tỷ đồng)

1.067

ROCC: **7.423** tỷ đồng đạt **13,6%**

Lợi nhuận sau thuế Cty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt (Tỷ đồng)

1.012

ROE đạt **5,6%**



"Năm 2020 là năm then chốt trong việc rà soát, thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Bảo Việt. Dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng Giám đốc, sự nỗ lực của tập thể Ban Điều hành, Tập đoàn Bảo Việt với tinh thần hợp lực, đoàn kết, cùng các ĐVTV quyết liệt triển khai đồng bộ các giải pháp trọng tâm hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2020. Bảo Việt tiếp tục khẳng định Thương hiệu số 1 trên thị trường Tài chính bảo hiểm Việt Nam, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế Quản trị nội bộ và các quy định pháp lý hiện hành."

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2020

VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Tổng doanh thu hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt đạt 48.999 tỷ đồng, hoàn thành 109% kế hoạch năm, tăng trưởng 9,2% so với cùng kỳ 2019. Trong đó, lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ xuất sắc vượt qua khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid 19, tiếp tục giữ vững ngôi vị số 1 trên thị trường, với tổng doanh thu đạt 36.169 tỷ đồng, tăng trưởng 12,5% so với năm 2019, hoàn thành vượt kế hoạch 7,6%. Doanh thu phí bảo hiểm đạt hơn 28.000 tỷ đồng, tăng 10,2% so với cùng kỳ.

Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ nhiều năm liên tiếp khẳng định vai trò nhà bảo hiểm số 1 thị trường Việt Nam. Năm 2020, tổng doanh thu đạt 11.526 tỷ đồng, vượt kế hoạch 6,9%, đóng góp 23% vào tổng doanh thu toàn Tập đoàn; trong đó doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 9.692, vượt kế hoạch 4,2%.

Năm 2020, tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 146.413 tỷ đồng, tăng hơn 18.000 tỷ đồng so với năm 2019.

VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông giao với 1.067 tỷ lợi nhuận trước thuế và 1.012 tỷ lợi nhuận sau thuế.

Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ 7.423 tỷ đồng (ROCC) đạt 13,6%. Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 5,6%, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức đã cam kết với cổ đông.

Bên cạnh các nỗ lực bám sát kế hoạch doanh thu trong bối cảnh dịch bệnh, Công ty Mẹ Tập đoàn không ngừng ứng dụng, khai thác công nghệ, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý, tối ưu hóa nguồn lực nhằm giảm thiểu chi phí, đặc biệt trong điều kiện "bình thường mới", từ đó góp phần hoàn thành tốt mục tiêu kế hoạch đề ra.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐÃ ĐỀ RA TRONG NĂM 2020

Bên cạnh những kết quả đạt được về các chỉ tiêu kinh doanh, năm 2020, với thông điệp "Học hỏi – Vận dụng – Sáng tạo", Tập đoàn Bảo Việt đã quyết liệt thực hiện những giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả của các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tăng cường hợp tác nội bộ, nâng cao tính chuyên nghiệp và khẳng định thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu của Bảo Việt.

Các kết quả đã đạt được trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2020 như sau:

- Hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh doanh năm 2020 đã đề ra theo hướng hiệu quả, bền vững; Hoàn thành chiến lược vốn giai đoạn 2019 -2020; Nâng cao năng lực tài chính cho Tập đoàn và các ĐVTV.
- Kết quả đề án hợp lực ghi nhận sự thành công của dự án bán chéo, các dự án ứng dụng công nghệ thông tin, trụ sở dùng chung, và truyền thông thương hiệu.
- Nắm bắt cùng xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, Bảo Việt đã nghiên cứu, triển khai Chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại.
- Hoạt động truyền thông thương hiệu, marketing hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động bán hàng, quản lý tốt khủng hoảng truyền thông. Đặc biệt, Tập đoàn và các đơn vị nhận được nhiều giải thưởng danh giá trong và ngoài nước.
- Bộ máy tổ chức được tinh gọn theo hướng hiệu quả, chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao, thực hiện đánh giá hiệu quả công việc bằng các chỉ tiêu KPI, xây dựng chính sách lương, thưởng công bằng, hiệu quả
- Đa dạng hóa sản phẩm và các kênh phân phối, mở rộng mạng lưới, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, tạo sự khác biệt.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021



Với phương châm **"Bình thường mới – Tâm thế mới"**, Bảo Việt tự tin hành động, không ngừng học hỏi kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng sáng tạo các công nghệ mới vào hoạt động kinh doanh, tiếp tục giữ vững vị trí số 1, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, vượt qua các khó khăn, thử thách do thiên tai, đại dịch Sars-Covid-2 gây ra, hướng tới phát triển hiệu quả và bền vững, bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2021 - 2025 bằng các giải pháp trọng tâm sau:

1. Tất cả các đơn vị hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh doanh năm 2021 đã đề ra theo hướng bền vững, an toàn; xây dựng Chiến lược giai đoạn 2021 - 2025trình ĐHĐCĐ.

2. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghệ thông tin trọng điểm.

3. Tiếp tục phát triển và triển khai Dự án Chuyển đổi số, trong đó:
   - Ứng dụng công nghệ trong quản trị, quản lý, điều hành;
   - Phát triển các phần mềm trong bán hàng, dịch vụ khách hàng.

4. Nâng cao vai trò quản trị, quản lý của HĐQT, Ban Điều hành; vai trò tham mưu tư vấn của các Ủy ban, Hội đồng.
   - Xây dựng văn hóa, môi trường doanh nghiệp hiện đại, tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo về quản trị doanh nghiệp
   - Hoàn thiện hành lang pháp lý: Điều lệ, hệ thống Quy chế, quy trình
   - Nâng cao vai trò của Tập đoàn đối với các đơn vị để hoàn thành các mục tiêu chung.

5. Phủ kín hình ảnh Bảo Việt thống nhất trên toàn quốc; Đẩy mạnh Marketing, truyền thông hỗ trợ hoạt động kinh doanh. Tiếp tục phát triển, gia tăng giá trị thương hiệu Bảo Việt.

6. Tái cơ cấu tổ chức bộ máy tinh gọn hiệu quả; nghiên cứu, ứng dụng về chuyển đổi số, tăng cường điều động, luân chuyển, xây dựng đội ngũ kế cận; xây dựng cơ chế lương, thưởng phù hợp; tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

7. Phát triển sản phẩm mới, đa dạng, ưu việt, mở rộng mạng lưới, kênh phân phối.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG



LOẠI CỔ PHIẾU: **PHỔ THÔNG**

VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY

7.423.227.640.000

ĐỒNG

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU TỰ DO CHUYỂN NHƯỢNG

738.239.417

CỔ PHIẾU

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

742.322.764

CỔ PHIẾU

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG [*]

4.083.347

CỔ PHIẾU

CỔ PHIẾU QUỸ: **0** CỔ PHIẾU

MỆNH GIÁ: **10.000** ĐỒNG/1 CỔ PHIẾU

CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH TẠI NƯỚC NGOÀI:
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT KHÔNG CÓ CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH TẠI NƯỚC NGOÀI TRONG NĂM 2020

[*] Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng là số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ tháng 05/2018.

DIỄN BIẾN CỦA CỔ PHIẾU BVH SO VỚI THỊ TRƯỜNG

Đánh giá tổng quan về thị trường

> Năm 2020, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng điểm nhờ việc kiểm soát tốt dịch bệnh trong nước giúp nhiều doanh nghiệp hồi phục nhanh chóng sau giai đoạn bị ảnh hưởng do giãn cách xã hội. Nền kinh tế toàn cầu cũng dần phục hồi nhờ việc dần khống chế được dịch bệnh cùng các chính sách hỗ trợ nền kinh tế liên tục được tung ra. Những yếu tố vĩ mô tích cực đã tạo động lực giúp thị trường chứng khoán tăng điểm liên tục và kết thúc năm 2020 trên mức 1.100 điểm. Thị trường chứng khoán hồi phục tích cực đã khiến các quỹ ETF đều mua ròng trở lại mạnh mẽ trong quý IV/2020.

Nhận định diễn biến cổ phiếu BVH

Về tổng thể, diễn biến của BVH trong 12 tháng cùng nhịp với diễn biến thị trường chung. Sau giai đoạn khó khăn đầu năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh, thị trường đã bắt đầu phục hồi trở lại khi dịch bệnh dần được kiểm soát, các biện pháp hỗ trợ nền kinh tế liên tục được đưa ra.

Đặc biệt là trong Quý IV năm 2020, thị trường tiếp tục duy trì đà tăng từ vùng đáy cuối tháng 3, theo đó, cổ phiếu BVH cũng không nằm ngoài xu hướng này. Trong khi VnIndex tăng 21,95% thì BVH tăng tới 37,50%. Các cổ phiếu các doanh nghiệp trong ngành bảo hiểm đều tăng giá trong giai đoạn cuối năm 2020. Với vị thế dẫn đầu ngành bảo hiểm, BVH cũng là cổ phiếu có mức tăng mạnh nhất. Thanh khoản của BVH trong cả quý IV đạt 78,79 triệu cổ phiếu, tăng 71,13% so với mức 46,04 triệu cổ phiếu của quý trước. Khối lượng giao dịch trung bình phiên trong quý đạt 1.193.747 cổ phiếu mỗi phiên, tăng 68,54% so với mức 708.296 cổ phiếu/phiên của quý III. Đồng thời, giá trị giao dịch trung bình phiên trong quý IV của BVH cũng tăng 97,97% so với quý trước, lên mức 66,4 tỷ đồng/phiên.

Về mặt xu hướng, trên góc độ biến động dài hạn, xu hướng tăng trưởng dài hạn của BVH vẫn đang được duy trì.

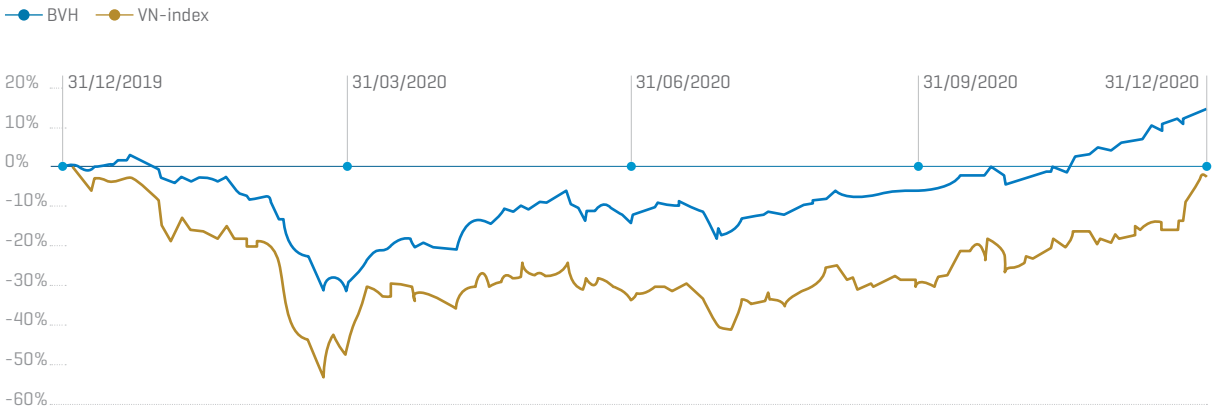

Trong năm 2020, với kỳ vọng sẽ có thêm dòng tiền từ các quỹ ETF mới tham gia vào thị trường, các chuyên gia phân tích kỳ vọng sự hấp dẫn của 1 bluechip đầu ngành như BVH sẽ thu hút được khá nhiều sự quan tâm và thanh khoản trung bình phiên của cổ phiếu sẽ được đẩy lên cao hơn. Cổ phiếu BVH có thể vẫn tiếp tục điều chỉnh tích lũy với đường giá dao động trong biên độ hẹp. Khi tích lũy đủ và tạo được nền giá vững chắc, chúng tôi kỳ vọng cổ phiếu BVH sẽ có hồi phục và tăng trưởng trở lại.

Hiện nay, BVH là cổ phiếu với giá trị vốn hóa và thanh khoản dẫn đầu ngành bảo hiểm Việt Nam. Với kết quả kinh doanh ổn định, bền vững và duy trì tính thanh khoản tốt đã góp phần duy trì sức hấp dẫn của cổ phiếu BVH đối với quỹ đầu tư quốc tế, quỹ ETF tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

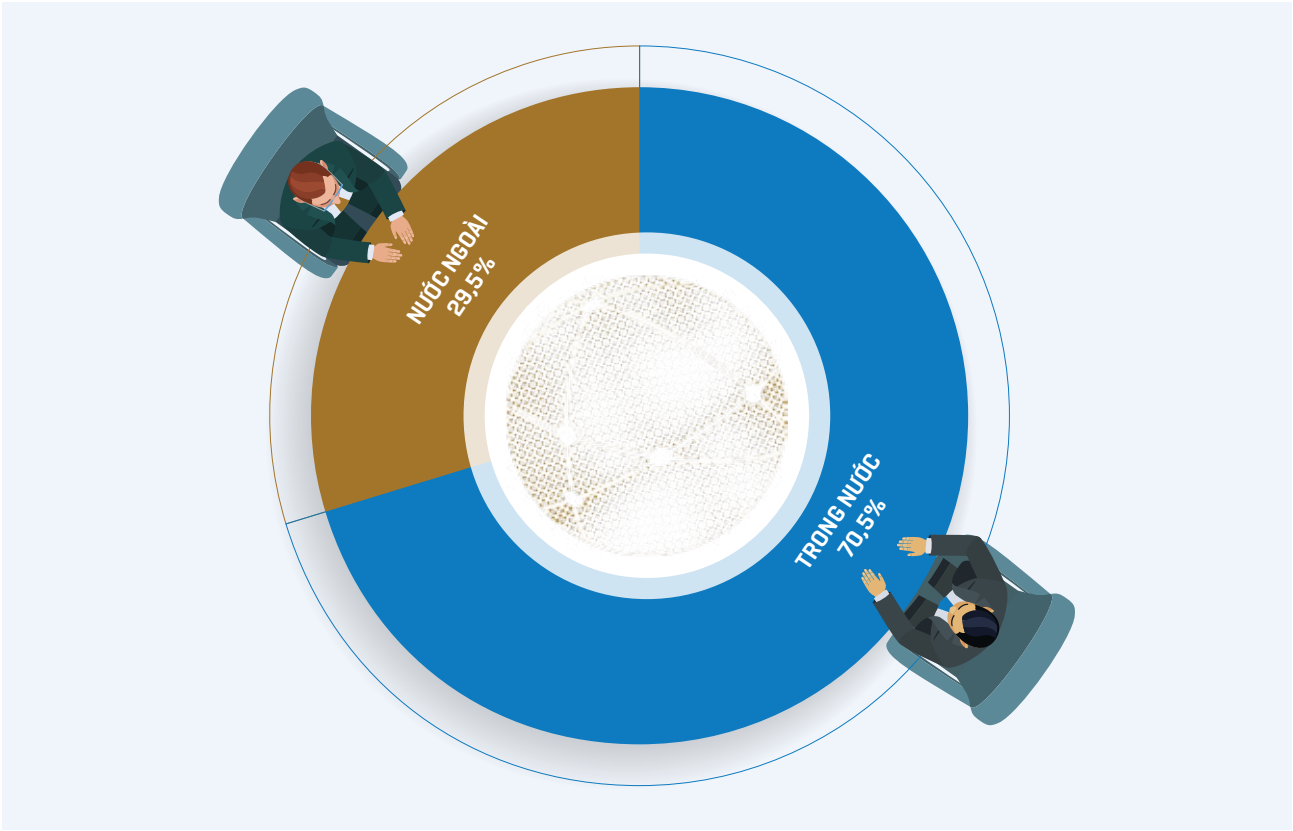

STT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước [*]	504.664.200	67,98%	2	2	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI [**]	482.509.800	65%	1	1	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% CP trở lên) [***]	646.455.221	87,09%	2	2	0
4	Công đoàn Công ty	140.759	0,02%	1	1	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông khác	73.572.384	9,91%	9.282	165	9.117
	Tổng cộng	**742.322.764**	**100%**	**9.286**	**169**	**9.117**
	Trong đó: - Trong nước	*523.366.726*	*70,5%*	*8.634*	*62*	*8.572*
	- Nước ngoài	*218.956.038*	*29,5%*	*652*	*107*	*545*

Ghi chú:

[*]: bao gồm Bộ Tài chính, SCIC

[**]: bao gồm Bộ Tài chính

[***]: bao gồm Bộ Tài chính và Sumitomo Life

THÔNG TIN VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Cổ phiếu thường	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Cổ phiếu thường
Số vốn góp của cổ đông	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807
	14.733.686.382.807	**14.733.686.382.807**

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Tập đoàn Bảo Việt không phát sinh giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ trong năm 2020.

Các chứng khoán khác

Ngày 07/01/2020, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện niêm yết bổ sung 41.436.330 cổ phiếu sau khi thực hiện thành công đợt phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 29/06/2019 của Đại hội đồng thường niên Tập đoàn Bảo Việt.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

1. TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT
2. TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ
3. CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT
4. CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ BẢO VIỆT
5. CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

5.

BAOVIET Securities

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

4.

BAOVIET Invest

ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

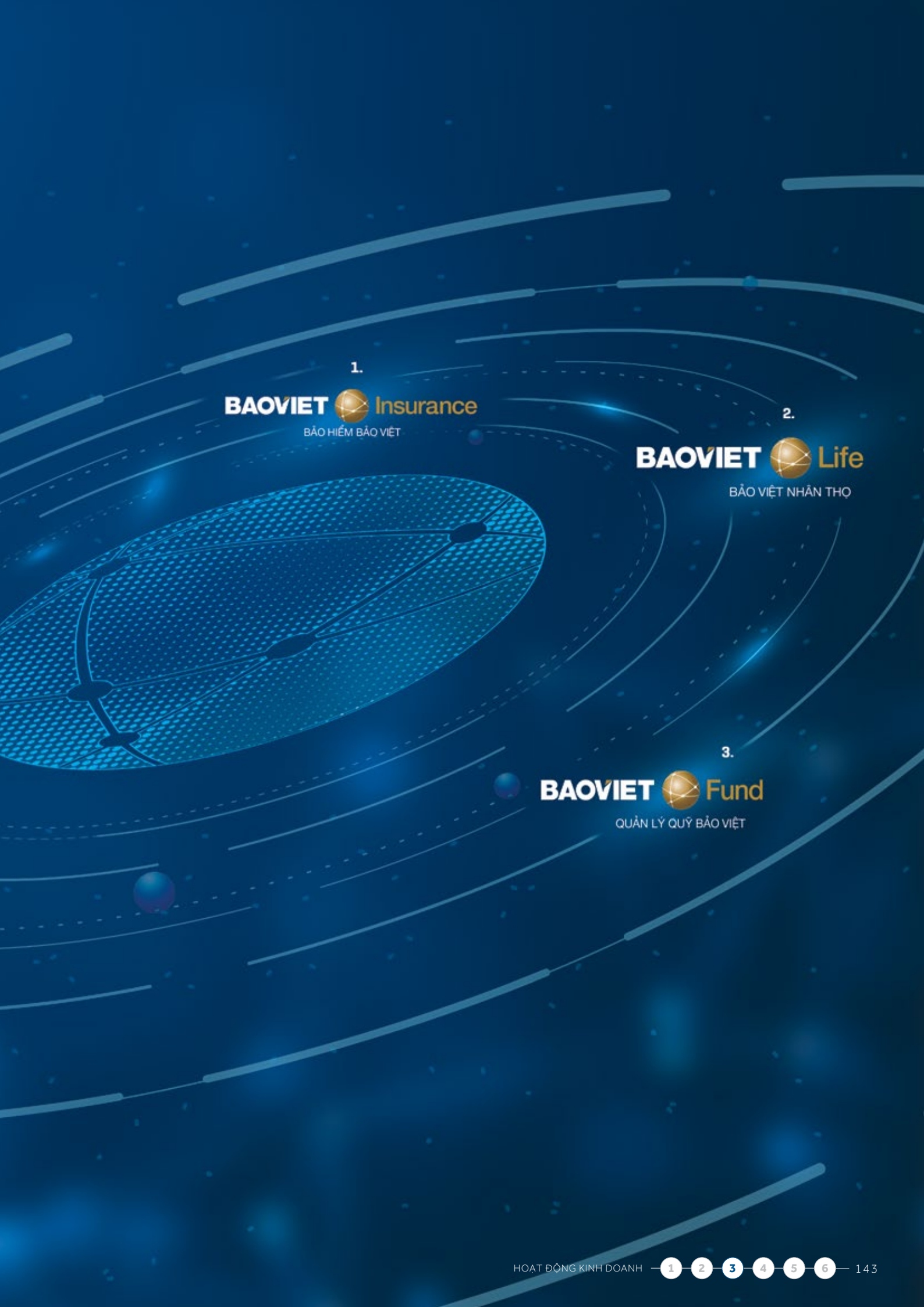
1.
BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT
2.
BAOVIET Life
BẢO VIỆT NHÂN THỌ
3.
BAOVIET Fund
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT



Định hướng chiến lược của Bảo hiểm Bảo Việt là đẩy mạnh ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0 trong các hoạt động kinh doanh cũng như công tác quản trị nhằm mang lại dịch vụ sản phẩm có tính linh hoạt cao, thân thiện với nhu cầu sử dụng của Khách hàng; xây dựng và triển khai các sản phẩm mới, cấu trúc lại sản phẩm phù hợp với từng đối tượng và xây dựng các giải pháp để tăng trưởng doanh thu tại các địa bàn trọng điểm; tiếp tục tận dụng lợi thế và phát triển các kênh đối tác bán chéo sản phẩm; đẩy mạnh các hoạt động marketing, bán hàng online, các chương trình thi đua khen thưởng cho cán bộ nhân viên nhằm tạo động lực và khích lệ các hoạt động kinh doanh; đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hiệu quả và bền vững.

Ông **Nguyễn Xuân Việt**
Tổng giám đốc

TỔNG QUAN VỀ BẢO HIỂM BẢO VIỆT

> Là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đầu tiên trên thị trường Việt Nam với hơn năm mươi năm phát triển mạnh mẽ, liên tiếp đứng trong vị trí top đầu thị trường cả về doanh thu, thị phần, tăng trưởng, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt luôn tiên phong ứng dụng công nghệ và các giải pháp thành tựu của cách mạng công nghệ 4.0 không chỉ trong khâu bán hàng, quản lý nghiệp vụ, quản lý bồi thường, kiểm soát dữ liệu khách hàng mà còn trong việc tương tác với khách hàng để mang lại sự thuận tiện cao nhất.

Các quy trình và giao dịch được chuyển đổi qua công nghệ số, giúp việc tra cứu và truy cập thông tin nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm thời gian hơn cho khách hàng; thông tin dữ liệu được quản lý có hệ thống, tăng tính bảo mật và được dự phòng cẩn thận. Với mạng lưới kinh doanh, phân phối đa dạng trải rộng tại khắp các tỉnh thành phố trên toàn quốc, Bảo hiểm Bảo Việt hiện tiếp tục mở rộng kênh tương tác thông qua trang bán hàng trực tuyến (baovietonline.com.vn) và các kênh đối tác số, ngân hàng, ... nhằm mang lại nhiều sự lựa chọn tối ưu cho khách hàng và thị trường. Bảo hiểm Bảo Việt hiện là doanh nghiệp bảo hiểm có vốn điều lệ lớn, năng lực tài chính vững mạnh, sản phẩm đa dạng, chất lượng dịch vụ vượt trội và đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao.



ĐVT: Tỷ đồng

TỔNG DOANH THU

11.526

Lợi nhuận trước thuế	**88**
Lợi nhuận sau thuế	**71**
Vốn điều lệ	**9.692**
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	**9.690**
Thị phần	**17,4%**

QUY MÔ MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI, CƠ SỞ KHÁCH HÀNG (TÍNH ĐẾN 31/12/2020)

79	**Số lượng chi nhánh**
702	**Số lượng phòng giao dịch/Phòng khu vực/ Phòng chăm sóc khách hàng**
92.687	**Số lượng đại lý/Tư vấn viên/môi giới chứng khoán**
>10 TRIỆU	**Số lượng khách hàng/lượt khách hàng**



Năm 2020, Bảo hiểm Bảo Việt nhận được rất nhiều các các giải thưởng uy tín, trong đó có:

- **Thương hiệu Bảo hiểm Phi nhân thọ được tín nhiệm nhất Châu Á 2020**
- **Doanh nghiệp Bảo hiểm phi nhân thọ đạt chất lượng dịch vụ khách hàng tốt nhất Châu Á 2020** (Best Brand Magazine)
- **Doanh nghiệp Bảo hiểm phi nhân thọ chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam 2020**
- **Doanh nghiệp Bảo hiểm Phi nhân thọ mang lại sự hài lòng và hạnh phúc cho Khách hàng 2020** (Global Banking and Finance Review)
- **Top 10 Công ty bảo hiểm phi nhân thọ uy tín nhất Việt Nam** (Vietnam Report)

Và cùng với rất nhiều các giải thưởng khác nữa trong nước và khu vực đã nhiều năm liên tiếp được trao tặng chính là minh chứng rõ ràng cho định hướng của Bảo hiểm Bảo Việt khi lấy khách hàng làm trung tâm như kim chỉ nam cho các hoạt động của mình. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Bảo hiểm Bảo Việt luôn khẳng định vai trò là nhà bảo hiểm đóng vai trò dẫn dắt và kiến thiết thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam, với nguồn lực mạnh mẽ và thực hiện đúng cam kết của mình trước khách hàng, nhằm mang lại các lợi ích cao nhất cho khách hàng và cộng đồng.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

> Năm 2020, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục giữ vững vị trí Top đầu trên thị trường ngành, đảm bảo hiệu quả kinh doanh, cũng như được đánh giá là doanh nghiệp phát triển bền vững và uy tín nhất trên thị trường ngành. Định hướng chiến lược của Bảo hiểm Bảo Việt trong các năm qua, đặc biệt là năm 2020 khi đứng trước đại dịch toàn cầu, là đẩy mạnh ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0 trong các hoạt động kinh doanh cũng như công tác quản trị nhằm mang lại dịch vụ sản phẩm có tính linh hoạt cao, thân thiện và thuận tiện với nhu cầu sử dụng của Khách hàng.



Đứng trước những ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid 19 tác động đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam nói chung cũng như toàn ngành nói riêng, BHBV vẫn hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.

Doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt	Lợi nhuận sau thuế đạt	Tỷ suất LNST /vốn điều lệ đạt	Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp đạt	tỷ lệ biên khả năng thanh toán đạt
104%	71 TỶ ĐỒNG	2,4%	2.096 TỶ ĐỒNG	143,5%
kế hoạch Tập Đoàn giao	Các chỉ tiêu an toàn tài chính được duy trì và tăng trưởng.			Năm 2019 là 108,3%

Năm 2020 với phương châm **"Quản trị hiệu quả - Công nghệ tiên phong"**, BHBV tập trung kiểm soát rủi ro, sàng lọc dịch vụ để đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Kết quả thực tế trong năm cho thấy tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc giảm 8,7% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó tỷ lệ bồi thường các nghiệp vụ bán lẻ như bảo hiểm xe cơ giới, y tế và con người,... đều giảm. Bên cạnh đó, BHBV tiếp tục duy trì chính sách tái bảo hiểm để san sẻ rủi ro, đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững của BHBV nói riêng, cũng như của Tập đoàn nói chung.

1. Nghiên cứu và xây dựng các chương trình bảo hiểm mới, linh hoạt, đa dạng về quyền lợi và có thể tham gia trực tuyến mọi lúc, mọi nơi.

2. Thúc đẩy triển khai các kênh bán đa dạng từ trực tiếp đến gián tiếp để khách hàng dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu và chủ động lựa chọn các gói bảo hiểm phù hợp.

3. Tạo dựng hệ sinh thái bảo hiểm trọn vẹn với các chương trình đa dạng dành cho cá nhân (như bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm du lịch, bảo hiểm xe cơ giới ...), dành cho doanh nghiệp (như bảo hiểm tài sản, bảo hiểm nhà, bảo hiểm doanh nghiệp ...) để mang lại sự an tâm tới Khách hàng trên mọi phương diện.

4. Hoạt động hợp lực bán chéo giữa TCT BHBV và các đơn vị trong hệ thống, đặc biệt là TCT BVNT tiếp tục khẳng định tiềm năng định hướng đúng đắn. Tổng doanh thu ước đạt gần 1.000 tỷ đồng, mang lại những giá trị bền vững cho doanh nghiệp và cho thị trường ngành.

5. Liên tiếp mở rộng hợp tác bảo lãnh với rất nhiều các đối tác trong lĩnh vực y tế như các bệnh viện lớn (Bệnh viện Việt Đức, Bệnh viện Quân đội 108, Bệnh viện Nội tiết Trung Ương, Bệnh viên Y dược Tp. Hồ Chí Minh, BV Nhi đồng TP. Hồ Chí Minh, ...), các cơ sở khám chữa bệnh uy tín, hiện đại ..., tăng số lượng các cơ sở bảo lãnh viện phí của Bảo hiểm Bảo Việt lên tới gần 200 đơn vị trên toàn quốc.

6. Đẩy mạnh phát triển, mở rộng các kênh phân phối mới, nhiều tiềm năng qua mô hình B2B2C như Bancassurance, Bảo hiểm trực tuyến (Online), hợp tác cùng các đối tác thương mại điện tử,...

Luôn sẵn sàng đổi mới và hợp tác để chinh phục được hoàn toàn khách hàng cũng như thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đang phát triển từng ngày, Bảo hiểm Bảo Việt qua nhiều năm đều được các tổ chức trong và ngoài nước ghi nhận là thương hiệu bảo hiểm uy tín và đạt chất lượng dịch vụ tốt nhất Châu Á.

Đứng trước tình hình chung đối mặt với những thách thức của kinh tế thế giới, trong nước nói chung và thị trường ngành nói riêng, Bảo hiểm Bảo Việt đã không chỉ giữ vững tôn chỉ "Khách hàng là trung tâm" là kim chỉ nam cho các hoạt động kinh doanh, mà còn biến thách thức đó thành nguồn lực và cơ hội phát triển để hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra, làm tốt sứ mệnh của một nhà doanh nghiệp bảo hiểm là mang đến sự an tâm, bền vững tới các thế hệ gia đình Việt cũng như doanh nghiệp trong và ngoài nước.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Giữ vững vị trí dẫn đầu về doanh thu và phát triển bền vững

> Nhiều năm liên tiếp, Bảo hiểm Bảo Việt khẳng định vai trò nhà bảo hiểm số 1 trên thị trường với tổng doanh thu tăng trưởng bền vững qua các năm tài chính.

Cùng với đó là đứng đầu về thị phần trong TOP 5 Doanh nghiệp lớn toàn ngành với xấp xỉ 20%. Các nghiệp vụ bảo hiểm đều đạt mức tăng trưởng nhất định, trong đó phải kể đến bảo hiểm y tế vẫn là một trong những trọng tâm phát triển của Bảo hiểm Bảo Việt trong năm 2020.

Tính đến hết năm 2020, tổng doanh thu của Bảo hiểm Bảo Việt đạt mức hơn 11 nghìn tỷ đồng, cũng là mức tăng trưởng duy trì trong nhiều năm gần đây. Bảo hiểm Bảo Việt hiện được các tổ chức đánh giá uy tín ghi nhận là doanh nghiệp bảo hiểm có vốn điều lệ lớn, năng lực tài chính vững mạnh, sản phẩm đa dạng, chất lượng dịch vụ vượt trội và đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao.

Khẳng định ưu thế về quy mô mạng lưới, đưa dịch vụ thân thiện đến gần hơn với khách hàng



Bảo hiểm Bảo Việt khẳng định ưu thế vượt trội về mạng lưới kinh doanh, với tổng số CTTV trên toàn hệ thống là 79, cùng trên 3.000 nhân viên, hơn 85.000 đại lý và gần 700 phòng bảo hiểm khu vực trải rộng khắp các tỉnh, thành phố trên toàn quốc – là doanh nghiệp bảo hiểm có quy mô lớn nhất trên thị trường ngành tính đến thời điểm hiện tại. Bảo hiểm Bảo Việt không những là đơn vị bảo hiểm số 1 đối với khách hàng cá nhân hộ gia đình mà còn là nhà bảo hiểm hàng đầu cung cấp các giải pháp bảo hiểm trọn gói, tổng thể, chương trình quản lý rủi ro, hạn chế thấp nhất những thiệt hại cho các khách hàng tổ chức và doanh nghiệp. Với những thay đổi mạnh mẽ hướng đến hệ sinh thái số đa dạng, toàn diện, thân thiện với khách hàng, Bảo hiểm Bảo Việt đã và đang mang đến cho khách hàng một hành trình trải nghiệm mới hơn, tốt hơn với quy trình bảo hiểm dễ hiểu hơn bao giờ, được khách hàng nhiệt tình đón nhận.

Năm 2020, Bảo hiểm Bảo Việt đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong các hoạt động kinh doanh, quản trị, từ đó nâng cao uy tín thương hiệu, tính bền vững và khả năng dẫn dắt thị trường; đảm bảo hiệu quả trong doanh thu và lợi nhuận đóng góp vào bức tranh chung của Tập đoàn.

Môi trường làm việc "Tốt nhất Việt Nam" đảm bảo phát triển và lộ trình thăng tiến

Song song với các hoạt động thúc đẩy kinh doanh, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt cũng luôn đi đầu trong việc tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, mang đến cơ hội phát triển, thăng tiến và chế độ đãi ngộ tốt đối với toàn thể hơn 3.000 cán bộ nhân viên của Bảo hiểm Bảo Việt. Xuất phát từ việc luôn luôn lắng nghe để thấu hiểu những quan tâm của nhân viên, Bảo hiểm Bảo Việt đã xây dựng một tiêu chuẩn mới về nơi làm việc lý tưởng, nơi mà tất cả nhân viên nhận được cam kết quan tâm toàn diện và phát triển tối đa trong một lộ trình nghề nghiệp cá nhân, tương thưởng xứng đáng cho những đóng góp, thông qua những trải nghiệm đa dạng, những thử thách trong công việc, cơ hội học hỏi để hoàn thiện và phát triển bản thân.



KẾ HOẠCH 2021

NĂM 2021, BẢO HIỂM BẢO VIỆT TIẾP TỤC ĐƯA RA MỤC TIÊU DẪN DẮT THỊ TRƯỜNG VỚI THÔNG ĐIỆP

Quản trị hiệu quả - Công nghệ tiên phong

CAM KẾT MẠNH MẼ VIỆC CỦNG CỐ NGUỒN LỰC NỘI TẠI,
ÁP DỤNG HIỆU QUẢ CÔNG NGHỆ 4.0 VÀO CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH,
QUẢN TRỊ CŨNG NHƯ CÁC CÔNG TÁC LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ,
CÔNG TÁC SAU BÁN ĐỂ CUNG CẤP CHO KHÁCH HÀNG NHỮNG SẢN PHẨM,
DỊCH VỤ CÓ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU CAO NHẤT THEO ĐÚNG ĐỊNH HƯỚNG
"KHÁCH HÀNG LÀ TRUNG TÂM".

KẾ HOẠCH 2021

Một số giải pháp sẽ được triển khai để giúp hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2021, cụ thể như sau:

1. **Quản lý tập trung**

Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý tập trung trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên môn hóa các hoạt động kinh doanh bảo hiểm từ quản lý nghiệp vụ bồi thường, bán hàng, dịch vụ sau bán hàng.

2. **Phát triển kinh doanh - quản lý và nâng cao hiệu quả nghiệp vụ, thúc đẩy hoạt động kinh doanh toàn hệ thống**

Đẩy mạnh công tác phân tích dữ liệu, đưa vài trò actuary vào công tác quản lý nghiệp vụ; tiếp tục triển khai mô hình quản lý tập trung về định phí, quản lý nghiệp vụ, chào phí, hướng dẫn khai thác, phân cấp phân quyền; điều chỉnh và xây dựng biểu phí phù hợp với mục tiêu kinh doanh; điều chỉnh các chính sách bán hàng nhằm đảm bảo mục tiêu hiệu quả; thực hiện phân tích đánh giá kết quả kinh doanh hàng tháng để có điều chỉnh chính sách khai thác kịp thời; rà soát, điều chỉnh, cập nhật các hướng dẫn nghiệp vụ; đẩy mạnh công tác phát triển sản phẩm mới phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, đảm bảo tính đa dạng của sản phẩm; đẩy mạnh công tác bán chéo với Bảo Việt Nhân thọ.

3. **Công tác giám định bồi thường – Quản lý hiệu quả, nâng cao doanh thu**

Tiếp tục triển khai mô hình quản lý tập trung đối với công tác Giám định bồi thường theo lộ trình phù hợp với thực tiễn. Thực hiện các giải pháp công tác giám định bồi thường của tất cả các nghiệp vụ: xe cơ giới, tài sản kỹ thuật, hàng hải, sức khỏe, con người..., bao gồm: Điều chỉnh, áp dụng mô hình hoạt động tiên tiến; tăng cường công tác xác minh, giám định; phê duyệt giá sửa chữa, phương án bồi thường; đánh giá, đám phán nhà cung cấp (gara, bệnh viện ...); đào tạo, áp dụng KPI cho GĐV; ứng dụng CNTT.

4. **Công nghệ thông tin - Đẩy mạnh triển khai các ứng dụng mới, đảm bảo dữ liệu hợp chuẩn, kịp thời**

Đảm bảo hoạt động phần mềm lõi quản lý nghiệp vụ bảo hiểm InsureJ (đối với các nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới, hàng hải, tài sản kỹ thuật) và BV Care (các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe); Hoàn thiện các báo cáo phục vụ cho quản trị; xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng tập trung hỗ trợ công tác khai thác, quản lý nghiệp vụ, giám định bồi thường, chăm sóc khách hàng; hoàn thành việc kết nối InsureJ với Sunaccount; tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp và triển khai các phần mềm khác thuộc hệ sinh thái công nghệ thông tin của Bảo hiểm Bảo Việt; đẩy mạnh chuyển đổi số hóa hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

5. **Kênh phân phối – chú trọng phát triển kênh còn nhiều tiềm năng**

Củng cố kênh đại lý chuyên nghiệp phi nhân thọ qua các hoạt động đào tạo, chương trình thi đua, ứng dụng phần mềm trong quản lý lực lượng đại lý. Kịp thời cảnh báo và kiểm soát các hoạt động mà đại lý thực hiện không đúng với quy định; tiếp tục đẩy mạnh kênh bán chéo, thực hiện các điều chỉnh để đảm bảo hiệu quả của kênh (điều chỉnh sản phẩm, chi phí); phát triển kênh còn nhiều tiềm năng như Bancassurance; tiếp tục phát triển các kênh phân phối mới như kênh online, telesales, kênh đối tác.. ứng dụng công nghệ thông tin.



6.

Công tác tài chính – chính sách linh hoạt, nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả

Giao, điều chỉnh chi phí bán hàng theo hiệu quả nghiệp vụ; đôn đốc việc xử lý công nợ; kiểm soát chi phí ngoài bồi thường như chi phí hoạt động, quản lý, bán hàng; phối hợp với BVF thực hiện hiệu quả hoạt động đầu tư.

7.

Phát triển nguồn nhân lực

Tuyển dụng, khai thác sử dụng nguồn lực phù hợp, đảm bảo chất lượng lao động, tiết kiệm chi phí; tiếp tục mở rộng việc triển khai áp dụng KPI để nâng cao năng suất lao động của cán bộ, nhân viên; thực hiện giao đơn giao tiền lương theo hướng tăng tỷ trọng theo hiệu quả nghiệp vụ.

8.

Marketing - Truyền thông

Tập trung các hoạt động xúc tiến bán hàng với nhóm khách hàng mục tiêu; xây dựng quan hệ hợp tác đối tác với các đối tác điện tử nhằm; giới thiệu và xúc tiến việc bán hàng trên các kênh truyền thông đến khách hàng cá nhân; triển khai các chiến dịch truyền thông về sản phẩm, dịch vụ mang lại hiểu biết và thông tin đa dạng tới khách hàng.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

BAOVIET Life
BẢO VIỆT NHÂN THỌ



Năm 2020 – năm đầu tiên của thập kỷ mới đã khép lại, đánh dấu sự thành công của Bảo Việt Nhân thọ trong hành trình kiến tạo những giá trị bền vững tới khách hàng. Trên chặng đường 25 năm thành lập và phát triển, Bảo Việt Nhân thọ đã liên tục tăng trưởng với tiềm lực tài chính ổn định và vững chắc, phát huy sức mạnh hợp lực của toàn Tập đoàn Bảo Việt, song hành với ứng dụng công nghệ 4.0 nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng và quản trị doanh nghiệp để tiếp tục hướng tới mục tiêu tăng trưởng hiệu quả và bền vững.

Ông **Phạm Ngọc Sơn**
Tổng giám đốc

TỔNG QUAN VỀ BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ là Công ty thành viên 100% vốn của Tập đoàn Bảo Việt – Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) liên tục khẳng định là doanh nghiệp có tiềm lực tài chính ổn định, vững mạnh và là công ty bảo hiểm nhân thọ duy nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ có hệ thống mạng lưới đơn vị thành viên, các văn phòng khu vực trải dài khắp toàn quốc, trở thành thương hiệu uy tín, tin cậy của người dân Việt.

> Là doanh nghiệp Việt duy nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam, BVNT luôn duy trì mức tăng trưởng về Doanh thu phí bảo hiểm và doanh thu khai thác mới. Theo số liệu của Cục Quản lý giám sát bảo hiểm, năm 2020 BVNT tiếp tục duy trì vị trí SỐ 1 về thị phần Doanh thu phí bảo hiểm.



ĐVT: Tỷ đồng

TỔNG DOANH THU

36.169

Lợi nhuận trước thuế	1.078
Lợi nhuận sau thuế	875
Vốn điều lệ	5.000
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	28.038
Thị phần	21,5%

QUY MÔ MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI, CƠ SỞ KHÁCH HÀNG (TÍNH ĐẾN 31/12/2020)

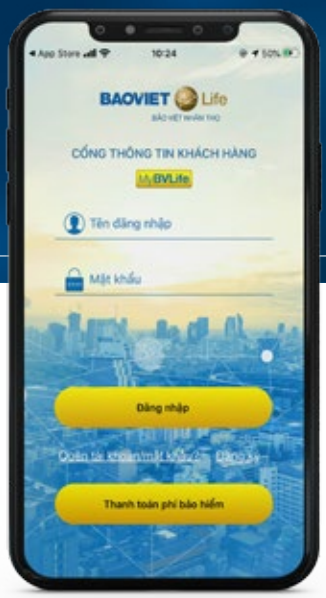

76	Số lượng chi nhánh
362	Số lượng văn Phòng khu vực
170.000	Số lượng đại lý/Tư vấn viên
>6 TRIỆU	Số lượng khách hàng/lượt khách hàng sản phẩm chính

BVNT cũng liên tục được các cơ quan nhà nước ghi nhận là doanh nghiệp bảo hiểm đứng đầu thị trường về đóng thuế thu nhập doanh nghiệp cho Ngân sách Nhà nước cũng như thực thi định hướng phát triển chiến lược của Chính phủ trong việc xây dựng hệ thống an sinh xã hội thông qua phát triển bảo hiểm nhân thọ. BVNT luôn kiên tâm với sứ mệnh "Bảo vệ Gia đình Việt - Bảo vệ Lợi ích Việt", thực hiện trách nhiệm xã hội, góp phần xây dựng một cộng đồng khỏe mạnh, an lành và thịnh vượng.

Vinh danh cho những nỗ lực không ngừng nghỉ đó, BVNT đã nhận được nhiều giải thưởng uy tín trong và ngoài nước như:

- **Thương hiệu Tiêu biểu Châu Á – Thái Bình Dương**
  do Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương bình chọn.
- **Công ty bảo hiểm nhân thọ uy tín năm 2020**
  giải thưởng do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam bình chọn. Đây cũng là lần thứ 4 liên tiếp Bảo Việt Nhân thọ vinh dự được trao tặng giải thưởng này.
- **Nơi làm việc tốt nhất Châu Á năm 2020**
  giải thưởng được Tạp chí Nguồn Nhân lực Châu Á trao tặng 03 năm liên tiếp cho BVNT.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2020

> Năm 2020 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của BVNT do tác động từ dịch bệnh Covid-19 và tình hình thiên tai bão lũ tại các tỉnh miền Trung. Tuy nhiên, với định hướng áp dụng công nghệ 4.0 vào chiến lược phát triển kinh doanh và mở rộng thị trường, Tổng Công ty BVNT đã hoàn thành xuất sắc kết quả kinh doanh với mức tăng trưởng cao so với năm 2019.

Cụ thể như sau:

Tổng doanh thu năm 2020 đạt (Tỷ đồng)

36.169

Tăng trưởng **12,5%** so với năm 2019

Lợi nhuận trước thuế đạt (Tỷ đồng)

1.078

Lợi nhuận sau thuế đạt (Tỷ đồng)

875

Tỷ suất LNST/ Vốn điều lệ đạt

17,5%

Trong đó:

- Doanh thu phí bảo hiểm gốc *(ĐVT: Tỷ đồng)* **28.038**

Tăng trưởng **10,2%** so với năm 2019. Với kết quả này, BVNT tiếp tục duy trì vị trí DẪN ĐẦU thị trường về thị phần Doanh thu phí bảo hiểm.

- Doanh thu tài chính *(ĐVT: Tỷ đồng)* **8.096**

Định hướng chung và xuyên suốt trong hoạt động đầu tư của BVNT là đảm bảo an toàn, hiệu quả, chú trọng quản lý rủi ro, quản lý thanh khoản, đảm bảo quyền lợi cho chủ hợp đồng.



Là doanh nghiệp bảo hiểm nội địa duy nhất trên thị trường, BVNT đã khẳng định vị trí dẫn đầu là doanh nghiệp Việt. Thành công từ kết quả kinh doanh giúp BVNT tăng cường tiềm lực tài chính với tổng tài sản hơn 120 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 18,8% so với năm 2019.

Để đạt được kết quả trên, BVNT đã nỗ lực thực hiện các giải pháp tổng thể trong lĩnh vực kinh doanh, tiếp tục định hướng tăng trưởng và phát triển bền vững thông qua mở rộng mạng lưới kinh doanh, nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ tư vấn viên, đổi mới sản phẩm và áp dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động kinh doanh, dịch vụ khách hàng và quản lý doanh nghiệp.

Phát triển hệ thống và mạng lưới kinh doanh

Với định hướng chiến lược mở rộng và phát triển, BVNT tiếp tục thực hiện chủ trương đầu tư để mở rộng thị trường. Tính đến hết 31/12/2020, BVNT đã phát triển lực lượng với gần 2.300 cán bộ, 76 Công ty thành viên, và 362 văn phòng khu vực trải rộng khắp 63 tỉnh thành, giúp BVNT tiếp cận và cung cấp dịch vụ đa dạng cho khách hàng trên cả nước.



Duy trì và tiếp tục phát triển kênh đại lý truyền thống là kênh chủ đạo theo định hướng chuyên nghiệp và trẻ hóa đội ngũ, duy trì mục tiêu mở rộng mạng lưới về số lượng tư vấn viên thông qua tuyển dụng tư vấn viên mới, chú trọng tới chất lượng và hiệu quả của các chương trình đào tạo để đáp ứng được những thay đổi của môi trường kinh doanh, hướng tới phát triển bền vững. Tổng số tư vấn viên toàn hệ thống của BVNT đạt gần 170.000 người, trong đó có hơn 1.000 Tư vấn viên đạt danh hiệu "Triệu phú bàn tròn" (MDRT).

Phát triển kênh phân phối mới, tăng cường hợp tác



Bên cạnh kênh phân phối truyền thống, BVNT cũng liên tục đẩy mạnh khai thác thông qua phân phối đa kênh: bancassurance, telesales, digital sales, online, khai thác khách hàng doanh nghiệp... nhằm đa dạng hóa hình thức bán hàng cũng như tăng cường tư vấn cho các khách hàng về các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

Với định hướng áp dụng công nghệ 4.0 vào việc phát triển kênh phân phối, nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng, BVNT đã triển khai thành công kênh bán hàng online và ra mắt thị trường sản phẩm online đầu tiên của BVNT "Lifecare – Ung thư và đột quỵ". Bước đi này thể hiện quyết tâm của BVNT trong việc đẩy mạnh số hóa, ứng dụng công nghệ hiện đại vào hoạt động kinh doanh.

Với mục tiêu phát triển đa dạng các kênh phân phối, nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng, BVNT đã hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước như Diamond Star, Asahi, Fe Credit, Viettel Store... nhằm phân phối sản phẩm của BVNT đến các khách hàng tiềm năng của đối tác.

Gia tăng thêm các tiện ích phục vụ khách hàng

Với phương châm **"Công nghệ tiên phong - Hiệu quả bền vững"**, BVNT luôn chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư và ứng dụng công nghệ 4.0 trong quy trình vận hành và hoạt động kinh doanh để mang đến sự hài lòng cho khách hàng. Năm 2020 bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện, nâng cao tiện ích cho khách hàng sử dụng dịch vụ hiện tại, BVNT đã tiến hành cải tiến, phát triển ứng dụng mới được triển khai để phục vụ khách hàng như:

- Hoàn thành quy trình bảo hiểm online để triển khai sản phẩm được phân phối hoàn toàn trực tuyến trên nền tảng công nghệ số đầu tiên của BVNT, góp phần mở rộng và đa dạng hóa mạng lưới phân phối sản phẩm của BVNT;
- Bên cạnh mô hình thu phí bảo hiểm bằng ứng dụng Mobile App, MPOS và hóa đơn điện tử, BVNT đã triển khai thêm các dịch vụ thu phí khác như thông qua ứng dụng BaoVietPay, ví điện tử Momo... để đa dạng hóa hình thức nộp phí khách hàng và giúp việc nộp phí bảo hiểm của khách hàng trở nên thuận tiện hơn;
- Triển khai phần mềm hỗ trợ bán hàng SalesPlatform với các tính năng quản lý thông tin khách hàng, tạo minh họa quyền lợi bảo hiểm, nhập giấy yêu cầu bảo hiểm online, nộp và bổ sung hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, tra cứu thông tin giấy yêu cầu... đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng;
- Gia tăng quyền lợi cho các khách hàng thân thiết thông qua chương trình tích điểm mỗi dịp kỷ niệm sinh nhật, kỷ niệm hợp đồng hay mỗi giao dịch đóng phí bảo hiểm để nhận được nhiều ưu đãi đặc biệttừ chương trình Baoviet Loyalty.

Xây dựng Hệ thống bảo vệ toàn diện, gia tăng sức mạnh thương hiệu

Với nỗ lực xây dựng một hệ thống bảo vệ toàn diện nhằm mang tới một cuộc sống an lành, mạnh khỏe, tạo dựng lối sống tích cực cho các quý khách hàng, Bảo Việt Nhân thọ triển khai trên diện rộng mô hình Hội nghị sức khỏe với chủ đề "Tầm soát Ung thư và đột Quỵ", kết hợp chương trình khám và tư vấn sức khỏe cho khách hàng tiềm năng của BVNT.

Tổng đài Bảo vệ sức khỏe Việt - 18006966/nhánh số 2 tiếp tục được triển khai nhằm cung cấp tư vấn cho khách hàng và cả gia đình từ các bác sỹ uy tín và giàu kinh nghiệm với ưu đãi không giới hạn thời gian gọi, không giới hạn cuộc gọi. Đây cũng là quyền lợi đặc biệt duy nhất hiện có trên thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam, chỉ dành riêng cho khách hàng của BVNT.

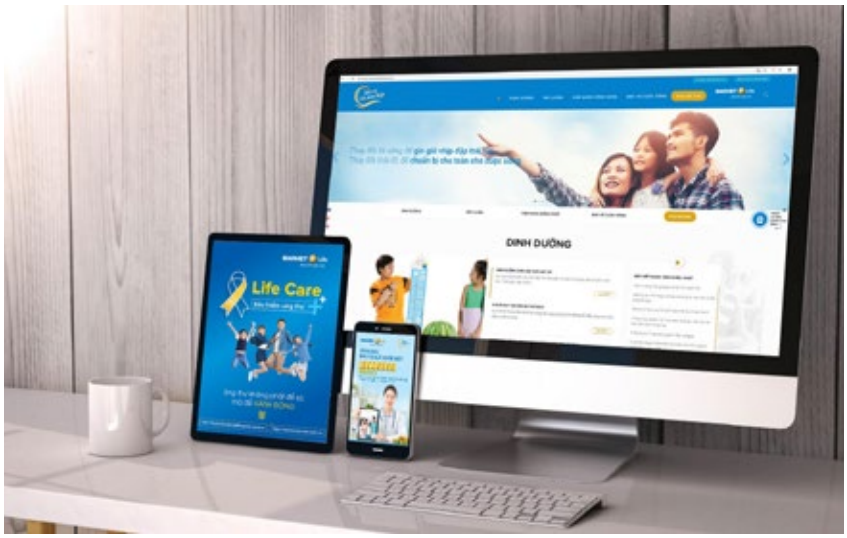

Bên cạnh đó, trang thông tin Bảo Vệ sức khỏe Việt, Bảo vệ Gia đình Việt cũng được tiếp tục đồng hành cùng khách hàng của BVNT, cung cấp các kiến thức hữu ích nâng cao chất lượng cuộc sống của khách hàng, chăm sóc sức khỏe cho khách hàng.

Phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường



Công tác nghiên cứu, phát triển và hoàn thiện sản phẩm liên tục được thực hiện và đẩy mạnh để giới thiệu ra thị trường các sản phẩm mới ưu việt. Tháng 01 năm 2020, BVNT đã ra mắt sản phẩm bảo hiểm nhân thọ mới dành cho trẻ em mang tên "An Khoa Trạng Nguyên". Với các quyền lợi mới hấp dẫn, tích lũy và bảo hiểm toàn diện, "An Khoa Trạng Nguyên" là giải pháp tài chính ưu việt, là món quà ý nghĩa giúp cha mẹ hiện thực hóa các kế hoạch vững chắc cho con đường học tập và sự nghiệp tương lai của con trẻ, bảo vệ trước các rủi ro, bệnh tật của cuộc sống, bao gồm cả các dịch bệnh...



Tháng 12 năm 2020, BVNT tiếp tục ra mắt sản phẩm bảo hiểm mới ưu việt "Life Care – bảo hiểm bệnh ung thư tích hợp đột quỵ" duy nhất trên thị trường, lan tỏa thông điệp sống chủ động "Ung thư không phải để sợ, mà để hành động". Sản phẩm bảo hiểm bệnh ung thư ngay từ giai đoạn đầu, bảo vệ lên đến 122% số tiền bảo hiểm, mức chi trả cao nhất trên thị trường hiện nay. Đặc biệt hơn, đây là sản phẩm được phân phối online có hình thức tham gia đơn giản, nhanh chóng và hoàn toàn được thực hiện trực tuyến đáp ứng xu hướng phát triển của công nghệ trong thời đại 4.0.





> Với vai trò là thương hiệu quốc gia, Bảo Việt Nhân thọ luôn nỗ lực thực hiện sứ mệnh "Bảo vệ Gia đình Việt - Bảo vệ Sức khỏe Việt - Bảo vệ Tương lai Việt".

Các hoạt động cộng đồng xã hội

Năm 2020, chương trình "Hành trình xanh – Trái tim vàng" của Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục đi khắp các tỉnh thành khám bệnh miễn phí và chia sẻ về cách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho hơn 2.500 hộ dân nghèo. "Hành trình xanh" của Bảo Việt Nhân thọ không chỉ huy động sự tham gia tận tụy của hơn 200.000 "Trái tim vàng" - các tình nguyện viên, tư vấn viên Bảo Việt Nhân thọ, mà còn kêu gọi được sự chung tay góp sức của đội ngũ các y, bác sĩ tận tâm đến từ các bệnh viện Trung ương phối hợp khám bệnh miễn phí, giúp người dân phát hiện bệnh tình và nâng cao nhận thức phòng ngừa bệnh tật. "Hành trình xanh – Trái tim vàng" cũng dành tặng 2.000 suất học bổng xe đạp cho các em học sinh giỏi có hoàn cảnh khó khăn trên khắp các tỉnh thành và trao tặng quà cho các gia đình chính sách, có công với Cách mạng.





Năm 2020 là một năm có nhiều biến động với người dân trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Dịch bệnh bùng phát đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống, sức khỏe của cả xã hội. Nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong việc chủ động bảo vệ sức khỏe của bản thân và gia đình, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục phối hợp với Đại Sứ quán Ấn Độ tổ chức Ngày Quốc tế Yoga. Thông qua chủ đề "YOGA - Refresh your life", Yoga cho Khởi đầu mới, Bảo Việt Nhân thọ mong muốn lan toả thông điệp sống chủ động, lạc quan để sẵn sàng đương đầu với mọi thách thức. Hơn 5.000 người yêu mến bộ môn Yoga tại Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Phú Yên, ... đã cùng Bảo Việt Nhân thọ trở thành đại sứ lan tỏa tinh thần, năng lượng tích cực, sẵn sàng đối phó với dịch bệnh. Chương trình được tổ chức đảm bảo quy định phòng chống dịch bệnh, an toàn cho người tham gia.

Cuối tháng 10/2020, các cơn bão từ biển Đông liên tiếp đổ bộ vào miền Trung đã gây thiệt hại lớn về người và tài sản. "Không để ai bị bỏ lại phía sau", Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đã nhanh chóng phối hợp với các cấp chính quyền tại 4 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế để trao tặng các suất quà cho các gia đình chịu hậu quả nặng nề sau bão lũ. Đồng thời, các cán bộ, tư vấn viên của Bảo Việt Nhân thọ tại 63 tỉnh/thành cũng đã tình nguyện ủng hộ để chia sẻ những mất mát, đau thương cùng người dân các vùng "rốn lũ", góp phần hỗ trợ bà con khắc phục hậu quả, sớm ổn định cuộc sống.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2021



> Với tiềm lực tài chính ổn định và vững chắc, dựa trên nền tảng kết quả kinh doanh liên tục tăng trưởng trong những năm qua, BVNT tiếp tục hướng tới mục tiêu tăng trưởng doanh thu, song hành với gia tăng chất lượng chăm sóc và tư vấn, đảm bảo các quyền lợi cho khách hàng, giữ vững vị thế là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ hàng đầu trên thị trường.

Để đạt các mục tiêu trên, BVNTxây dựng các giải pháp đồng bộ và xuyên suốt dựa trên phát huy truyền thống của doanh nghiệp Việt Nam tiên phong khai mở thị trường nhân thọ Việt Nam và nền tảng Hợp lực Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể:

1. **Củng cố và mở rộng mạng lưới kinh doanh, các văn phòng giao dịch phục vụ khách hàng**

Duy trì và tiếp tục phát triển hệ thống kênh phân phối đa dạng bao gồm kênh đại lý truyền thống, kênh Bancasurrance, kênh Telesales, khách hàng doanh nghiệp, kênh Online, digital sales (bán hàng online, giao dịch thương mại điện tử, bán hàng qua các tổ chức phi ngân hàng).

2. **Phát triển sản phẩm mới**

BVNT liên tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thị trường, thiết kế và phát triển các gói sản phẩm đa dạng, phù hợp với thay đổi của thị trường, đáp ứng nhu cầu và các phân khúc khách hàng, có tính cạnh tranh cao đồng thời phù hợp với các định hướng chiến lược chung của Chính phủ và Bộ Tài chính trong cải cách hệ thống an sinh xã hội. Trong năm 2021, Bảo Việt Nhân thọ sẽ tiếp tục giới thiệu ra thị trường các sản phẩm mới phù hợp để tạo thêm sự phong phú cho giỏ sản phẩm của BVNT.



3.

Chiến lược đầu tư hiệu quả

Trong điều kiện lãi suất thị trường tiếp tục duy trì ở mức thấp, BVNT sẽ có chiến lược đầu tư linh hoạt, tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư với các diễn biến của thị trường tài chính để mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, đảm bảo cam kết với chủ hợp đồng. Đồng thời, để tiếp tục đóng góp cho sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam, BVNT cũng tích cực đầu tư trở lại nền kinh tế và tham gia vào thị trường trái phiếu chính phủ. Chú trọng xây dựng và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm đầu tư hiệu quả; thiết lập mạng lưới thông tin, hợp tác đồng bộ, có hệ thống, phát huy sức mạnh tập thể trong Tập đoàn Bảo Việt.

4.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Định hướng "số hóa" công tác dịch vụ khách hàng, tăng cường các giải pháp nhằm hỗ trợ tối đa cho hoạt động kinh doanh trong công tác phát hành hợp đồng, giải quyết quyền lợi bảo hiểm tự động, mở rộng triển khai các dịch vụ số đến khách hàng, mở rộng mạng lưới cộng tác viên y tế, chuyển đổi dữ liệu nhằm quản lý tập trung dữ liệu khách hàng, nâng cao chất lượng quản lý và phục vụ khách hàng.

Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc và phục vụ khách hàng với việc đa dạng hóa các hình thức chăm sóc khách hàng, tận dụng tối đa ứng dụng của công nghệ thông tin nhằm đáp ứng kịp thời các nhu cầu về tư vấn của các khách hàng, nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

5.

Tối ưu hóa ứng dụng Công nghệ hiện đại

Nắm bắt xu thế tiêu dùng và sự phát triển như vũ bão của công nghệ 4.0, trong năm 2021, BVNT tiếp tục phát triển và nâng cấp các phiên bản phần mềm đáp ứng các hoạt động kinh doanh cốt lõi (phát triển sản phẩm, phát triển kinh doanh, dịch vụ khách hàng và quản trị nội bộ), tiếp tục triển khai kế hoạch số hóa các quy trình của BVNT, ưu tiên số hóa cho dịch vụ khách hàng và quản lý doanh nghiệp.

6.

Đẩy mạnh hoạt động hợp lực toàn Tập đoàn

Phát huy thế mạnh của Tập đoàn Bảo Việt – Tập đoàn tài chính, bảo hiểm hàng đầu Việt Nam với lĩnh vực kinh doanh đa dạng: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, quản lý quỹ đầu tư, ngân hàng, chứng khoán... trong năm 2021, BVNT tiếp tục phát huy sức mạnh tổng thể, tăng cường các hoạt động hợp tác, hợp lực nội bộ, nhằm cung cấp các giải pháp bảo hiểm – tài chính – ngân hàng tích hợp vượt trội, tối đa hóa các tiện ích đối với dịch vụ cung cấp cho khách hàng...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

BAOVIET Fund
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT



Năm 2020 là cột mốc quan trọng, đánh dấu chặng đường 15 năm hình thành và phát triển của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt. Công ty đã cho thấy sự chuyển mình và đổi mới mạnh mẽ ở nhiều mảng hoạt động. Với kết quả kinh doanh khả quan cùng chất lượng hoạt động đầu tư ngày càng được nâng cao, Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt đã, đang và sẽ tiếp tục đảm nhiệm tốt vai trò là một trong ba trụ cột kinh doanh chính của Tập đoàn Bảo Việt.

Ông **NGUYỄN ĐÌNH AN**
Tổng giám đốc

TỔNG QUAN VỀ
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Tháng 11/2020, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã kỷ niệm 15 năm thành lập, đánh dấu những bước phát triển vượt bậc, khẳng định được vị thế là nhà đầu tư tài chính chuyên nghiệp hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam với quy mô tổng tài sản quản lý tăng trưởng 25,5% so với 31/12/2019, đạt 78.578 tỷ đồng. Lĩnh vực hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt bao gồm dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán. Với kinh nghiệm quản lý nguồn vốn lớn và dài hạn, cùng khả năng cung cấp các dịch vu tài chính đa dạng, trọn gói theo chuẩn mực quốc tế, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt cam kết mang đến lợi ích cao nhất cho các Nhà đầu tư và khách hàng.

Hiện nay, Công ty đang quản lý 5 danh mục, 3 quỹ mở và 1 quỹ thành viên. Với vai trò là nòng cốt trong hoạt động đầu tư của hệ thống Bảo Việt, năm 2020 các danh mục đầu tư của Công ty đều đạt kết quả tốt, đáp ứng kỳ vọng của khách hàng. Năm 2020, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt tiếp tục được Tạp chí Global Banking & Finance Reviews bình chọn là "Công ty Quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam năm 2020".



ĐVT: Tỷ đồng

TỔNG DOANH THU

113,6

NĂM THÀNH LẬP

2005



Tổng tài sản quản lý	**78.578**
Lợi nhuận sau thuế	**42,4**
Vốn điều lệ	**100**
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ	**42,4%**
Tăng trưởng NAV/CCQ	**14,4%**

Quỹ mở BVBF trở thành quỹ mở trái phiếu hoạt động tốt nhất thị trường.

HIỆN NAY, CÔNG TY ĐANG QUẢN LÝ:

5	danh mục
3	quỹ mở
1	quỹ thành viên

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2020

Với các giải pháp, nỗ lực trong các từng mảng hoạt động, hướng tới mục tiêu chuẩn hóa, lấy yêu cầu của khách hàng làm kim chỉ nam để vận hành các danh mục, năm 2020 mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt vẫn đạt được kết quả kinh doanh đầy khả quan, cụ thể:

Tổng tài sản quản lý

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng tài sản quản lý của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đạt **78.578** tỷ đồng, tăng trưởng **25%** so với năm 2019.

Tổng doanh thu

đạt **113,6** tỷ đồng, đạt **100,5%** so với kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế

đạt **42,4** tỷ đồng, vượt **10,4%** kế hoạch năm và tăng trưởng **4,6%** so với năm 2019.

Các chỉ tiêu tài chính khác

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ đạt **42,4%**.

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại thời điểm 31/12/2020 đạt **511%**.

Tất cả các danh mục quản lý đầu tư cho khách hàng đều vượt mức kỳ vọng của khách hàng.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Hoạt động đầu tư được triển khai hiệu quả, đảm bảo an toàn nguồn vốn, đáp ứng kỳ vọng của khách hàng

Hoạt động đầu tư của Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt được triển khai trên nguyên tắc đảm bảo bám sát các yêu cầu của khách hàng, đồng thời có sự linh hoạt trong việc áp dụng các giải pháp để kịp thời ứng phó với điều kiện thị trường và hoàn thành các chỉ tiêu đã thống nhất.

Trong năm 2020, hầu hết các danh mục đầu tư đều vượt kỳ vọng của khách hàng. Đặc biệt, hoạt động repo được BVF triển khai hiệu quả góp phần rất lớn trong việc nâng cao hiệu quả danh mục đầu tư của khách hàng. Các Quỹ mở do BVF quản lý đều đạt được kết quả đầu tư khả quan, cụ thể:



Giao dịch quỹ mở sôi động, vốn huy động có sự tăng trưởng

Với mức tăng trưởng đầy khả quan, năm 2020 được coi là một năm giao dịch sôi động của các quỹ mở. Hiệu quả đầu tư tốt là một yếu tố quan trọng góp phần thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư đối với quỹ mở. Tính đến cuối năm 2020, tổng số vốn huy động mới của 3 quỹ mở (BVBF, BVFED và BVPF) đạt hơn 70 tỷ đồng. Đây là dấu hiệu đáng mừng cho thấy các nhà đầu tư đã quan tâm hơn tới kênh đầu tư thông qua quỹ và là cơ hội tốt để Công ty tiếp tục phát triển các sản phẩm quỹ đại chúng trong tương lai.

Nâng cao tính chuyên nghiệp trên mọi mảng hoạt động

Nhiều dự án đầu tư phần mềm, nền tảng Công nghệ thông tin được triển khai trong năm 2020 nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, hỗ trợ hoạt động đầu tư như báo cáo quản trị Power BI, hiệu chỉnh phần mềm IMS; thiết lập một số công cụ và giải pháp để tạo ra các báo cáo tự động, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty và khách hàng. Công tác quản lý rủi ro được thực hiện bài bản với các quy chế giám sát chặt chẽ, góp phần đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty cũng như kết quả đầu tư của các danh mục ủy thác.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021

Kế hoạch kinh doanh năm 2021

Năm 2021 được dự báo sẽ còn nhiều khó khăn, thử thách. Với mục tiêu tăng trưởng bền vững, tận dụng thế mạnh và cơ hội để tạo đà bứt phá trong giai đoạn tiếp theo, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đề ra chỉ tiêu kinh doanh như sau:



Mục tiêu và giải pháp trọng tâm năm 2021

Trên cơ sở các mục tiêu kinh doanh, cùng những đánh giá về thị trường và thế mạnh của mình, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã đưa ra những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trong năm 2020 như sau:

1.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả đầu tư trước điều kiện khó khăn của thị trường

Năm 2021, Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt sẽ chú trọng triển khai một số giải pháp để nâng cao hiệu quả đầu tư, bao gồm: (1) tái cấu trúc danh mục đầu tư theo hướng dịch chuyển các lớp tài sản, đảm bảo phù hợp với diễn biến thị trường và yêu cầu của khách hàng; (2) tận dụng cơ hội thị trường cho các hoạt động gia tăng hiệu quả danh mục như mua bán cổ phiếu, trái phiếu, repo...

2.

Tiếp tục đưa Công nghệ thông tin vào tất cả các mảng hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành

Tập trung phát triển hệ thống phần Core nhằm đáp ứng các yêu cầu về nghiệp vụ cũng như quản trị. Bên cạnh đó, phần mềm giao dịch quỹ mở trực tuyến cũng sẽ được nâng cấp, hoàn thiện để đảm bảo tính bảo mật cao nhất cũng tăng trải nghiệm người dùng.

3.

Củng cố các hoạt động mang tính nền tảng để tạo đà bứt phá trong tương lai

Hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp sẽ là mục tiêu trọng tâm của Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt trong năm 2021. Ngoài ra, Công ty sẽ rà soát và củng cố hệ thống giám sát rủi ro, tăng tính chủ động của các chủ thể rủi ro. Tiếp tục phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm có sự kết nối với sản phẩm của các đơn vị thành viên.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

BAOVIET Invest
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT



Ông **NGUYỄN MINH TUẤN**
Tổng giám đốc

Sau hơn 10 năm hoạt động, Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt đã không ngừng nâng cao tính chuyên nghiệp, năng lực tài chính dồi dào, kinh nghiệm phong phú, nguồn nhân lực tinh nhuệ và tinh thần trách nhiệm cao đáp ứng được nhu cầu về đầu tư bất động sản và cung cấp các dịch vụ xây dựng và tư vấn đầu tư xây dựng với các đối tác trong và ngoài nước.

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm – Bảo Việt, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Công ty Đầu tư Bảo Việt (BVI) được thành lập trên cơ sở tổng hợp các nguồn lực tài chính, con người, chức năng, nhiệm vụ và những thành tựu to lớn trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng của Tập đoàn Bảo Việt, nhằm chuyên nghiệp hóa hoạt động đầu tư, xây dựng để phát huy hơn nữa vị thế, vai trò của một Tập đoàn Nhà nước trong nền kinh tế quốc gia.



Năm 2020 Công ty Đầu tư Bảo Việt đã hoàn thành vượt kế hoạch đề ra; tổng doanh thu đạt 311 tỷ đồng, tăng 18,4% so với kết quả thực hiện năm 2019; lợi nhuận sau thuế đạt 7,5 tỷ đồng, vượt 32% so với kế hoạch.

Năm 2021, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu cung cấp các giải pháp toàn diện về đầu tư, khai thác nguồn tài nguyên bất động sản cho Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt.

ĐVT: Tỷ đồng

TỔNG DOANH THU

311

NĂM THÀNH LẬP

2009

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
Đạt 132% kế hoạch năm

7,5

DOANH THU HOẠT ĐỘNG CHÍNH

302

Trong đó:

Doanh thu xây lắp và quản lý dự án	36
Doanh thu quản lý tòa nhà	115
Doanh thu kinh doanh bất động sản	03
Doanh thu thương mại dịch vụ	148

SẢN PHẨM DỊCH VỤ

- Đầu tư bất động sản
- Khai thác và dịch vụ quản lý bất động sản
- Quản lý dự án



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

Trong năm 2020, Công ty đã cung cấp hoạt động quản lý tòa nhà tại 8 tòa nhà mới so với năm 2019; nâng số tòa nhà quản lý lên 35 tòa nhà trên cả nước. Công ty đã hoàn thành xây dựng và đưa vào khai thác vận hành 2 tòa nhà trụ sở dùng chung của các đơn vị thành viên Tập đoàn Bảo Việt là Tòa nhà Bảo Việt Đắk Nông và Tòa nhà Bảo Việt Lào Cai.

Năm 2020 Công ty Đầu tư Bảo Việt đã hoàn thành vượt kế hoạch đề ra, cụ thể:

Tổng doanh thu
đạt **311** tỷ đồng, tăng **18,4%**
so với kết quả thực hiện năm 2019

Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ
đạt **3,8%**

Lợi nhuận sau thuế
đạt **7,5** tỷ đồng, vượt **32%** so với kế hoạch

Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
đạt **3,4%**

Sau hơn 10 năm hoạt động, Công ty Đầu tư Bảo Việt đã xây dựng được bộ máy hoạt động chính trong 3 lĩnh vực:

1. Đầu tư bất động sản
2. Khai thác và dịch vụ quản lý bất động sản
3. Quản lý dự án

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

BVI đã xác định rõ lĩnh vực khai thác và quản lý bất động sản là một trong những mục tiêu kinh doanh chính nằm trong định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới và sẽ đẩy mạnh xây dựng các kế hoạch để đạt được mục tiêu này. Đồng thời BVI luôn tập trung gia tăng giá trị doanh nghiệp tại "Đề án hợp lực BAOVIET" cũng như đầu tư trọng tâm vào cơ sở hạ tầng; sử dụng hiệu quả quỹ đất; Khai thác – Hợp tác với các đối tác bán lẻ dịch vụ.

Với sự chuyên nghiệp, năng lực tài chính dồi dào, kinh nghiệm phong phú, nguồn nhân lực tinh nhuệ và tinh thần trách nhiệm cao với các cam kết, Công ty Đầu tư Bảo Việt luôn đáp ứng được nhu cầu về đầu tư bất động sản và các dịch vụ xây dựng và tư vấn đầu tư xây dựng với tất cả các đối tác trong và ngoài nước.



MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020

Năm 2021, BVI tiếp tục duy trì mục tiêu, định hướng chiến lược hoạt động là: Quản lý hiệu quả nguồn tài sản bất động sản trong nội bộ Tập đoàn; nghiên cứu quy hoạch tổng thể quỹ đất của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên; Với hướng đi dài hạn như vậy, BVI đặt mục tiêu tăng trưởng bền bững, với các chỉ tiêu tài chính như sau:



Giải pháp trọng tâm trong năm 2021

1. **Hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản**

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đối với các dự án theo chương trình hợp lực như dự án Tòa nhà Bảo Việt tại Tô Hiệu (Hà Đông), dự án căn hộ tại Phan Chu Trinh (Vũng Tàu), dự án Tòa nhà Bảo Việt tại Long Thành (Đồng Nai), Trà Vinh, Hậu Giang.
- Đánh giá thị trường và thực hiện kinh doanh thương mại căn hộ chung cư để gia tăng lợi nhuận trong ngắn hạn.
- Đẩy nhanh công tác thu hồi vốn tại hai dự án Eco - Green và Landmark 51.

2. **Hoạt động quản lý tòa nhà**

Mở rộng cung cấp dịch vụ quản lý tòa nhà tại các địa phương trên cả nước của Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ (18 tòa).

3. **Quản lý nguồn nhân lực**

- Ưu tiên sử dụng nhân lực nội bộ để đáp ứng yêu cầu công việc.
- Tổ chức các khóa đào tạo cho người lao động.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT



Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, với vai trò Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập và tiên phong trên thị trường chứng khoán, BVSC đã liên tục nâng cao năng lực tài chính, củng cố hoạt động, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng dịch vụ và trở thành công ty chứng khoán uy tín trên thị trường. BVSC liên tiếp được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá của các tổ chức lớn có uy tín trong và ngoài nước.

Ông **NHỮ ĐÌNH HÒA**
Tổng giám đốc

TỔNG QUAN VỀ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam. Công ty cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.

> Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, với vai trò Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập và tiên phong trên thị trường chứng khoán, BVSC đã liên tục nâng cao năng lực tài chính, củng cố hoạt động, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng dịch vụ và trở thành công ty chứng khoán uy tín trên thị trường. Trong những năm qua, BVSC liên tiếp được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá cao của các tổ chức lớn có uy tín trong và ngoài nước và của các Cơ quan quản lý.

ĐVT: Tỷ đồng

TỔNG DOANH THU

594,5

QUY MÔ MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI, CƠ SỞ KHÁCH HÀNG (TÍNH ĐẾN 31/12/2020)

Lợi nhuận trước thuế	154,3
Lợi nhuận sau thuế	132,4
Vốn điều lệ	722,3
Thị phần	2,62%



01	Số lượng chi nhánh
08	Số lượng phòng giao dịch
424	nhân viên môi giới chứng khoán (người)
69.317	Số lượng khách hàng

ĐIỂM NHẤN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thích ứng nhanh của công ty trước thách thức của đại dịch Covid – 19: Ngay khi Việt Nam có dấu hiệu bùng phát dịch Covid – 19, BVSC đã nhanh chóng đánh giá rủi ro và đưa ra các biện pháp ứng phó và phòng chống dịch nghiêm ngặt nhằm đảm bảo giữ vững hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn. Việc khai thác triệt để ứng dụng công nghệ, nhanh chóng đưa ra các quyết định thay đổi chiến lược đầu tư, cách thực triển khai 1 số nghiệp vụ, BVSC đã có những chuyển mình "biến nguy thành cơ", vượt qua khó khăn thách thức của đại dịch Covid – 19 một cách hiệu quả.

BVSC nâng cấp nền tảng web trading mới với tên gọi B-WISE: Nền tảng giao dịch trực tuyến B-Wise đã chính thức ra mắt vào ngày 26/11/2020, thay thế hệ thống BVS@Trade là phiên bản web trading đầu tiên của BVSC. B-Wise là sự kết hợp giữa phần lõi CNTT bảo mật, hiện đại và giao diện trải nghiệm liền mạch, xuyên suốt, hỗ trợ quá trình đầu tư chứng khoán của khách hàng. Với B-Wise, khách hàng có thể Đặt lệnh ngay trên bảng giá BVS@LiveBoard cùng với các tính năng vượt trội là công cụ hỗ trợ KH quản lý tài sản hiệu quả. Đây là nền tảng quan trọng cho việc phát triển các ứng dụng số dành cho khách hàng trong thời gian tới.

Ra mắt sản phẩm mới iDeposit: Tháng 10/2020 vừa qua, Công ty đã chính thức cung cấp sản phẩm mới iDeposit nhằm giúp khách hàng tối ưu hiệu quả quản lý sử dụng nguồn vốn đầu tư, linh hoạt phân bổ tài sản phù hợp với diễn biến TTCK. Sự ra đời của sản phẩm iDeposit đã làm đa dạng hóa thêm danh mục sản phẩm cung cấp cho khách hàng, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh và chất lượng dịch vụ khách hàng của công ty

Triển khai chương trình Future Broker 2020 – nền tảng xây dựng thế hệ nhân sự mới: Chương trình Future Broker 2020 là một chương trình đào tạo nội bộ nổi bật nhất trong năm. Chương trình được thiết kế với 03 giai đoạn Đào tạo – Huấn luyện – Thực chiến cùng 24 chuyên đề dành cho đối tượng sinh viên sắp ra trường, có mong muốn và đam mê làm việc tại vị trí môi giới chứng khoán. Thông qua chương trình này, BVSC sẽ thực hiện xây dựng đội ngũ thế hệ nhân sự kế cận được kiểm soát chất lượng ngay từ ban đầu.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2020

Năm 2020 là một năm có nhiều biến động đối với thị trường chứng khoán nói chung và hoạt động kinh doanh của các Công ty chứng khoán nói riêng trước ảnh hưởng của đại dịch Covid -19. Quý 1/2021, thị trường chứng khoán có sự sụt giảm mạnh về chỉ số VN Index khi các thông tin về dịch bệnh xuất hiện khiến tâm lý nhà đầu tư lo lắng. Điều này khiến cho kết quả kinh doanh của đa số các công ty chứng khoán đều lỗ trong quý 1, chủ yếu bởi hoạt động tự doanh, trong đó có BVSC. Tuy nhiên, đến cuối quý 2/2020, cùng với sự kiểm soát tốt dịch bệnh của Chính phủ, mặt bằng lãi suất giảm, cùng sự xuất hiện của làn sóng nhà đầu tư F0, khiến cho dòng tiền liên tục được đổ vào thị trường chứng khoán. Giá trị giao dịch bứt phá mạnh và tạo các kỷ lục mới. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động môi giới của Công ty. Đồng thời, trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh, BVSC đã nhanh chóng quyết định thay đổi chiến lược đầu tư từ linh hoạt sang thận trọng, giảm tối đa tỷ trọng đầu tư cổ phiếu, chuyển nguồn vốn sang triển khai các nghiệp vụ kinh doanh khác. Với quyết định đúng đắn này, cộng hưởng với điều kiện thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty đã có sự cải thiện đáng kể và thuận lợi hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Tổng doanh thu — Đạt **594,46** tỷ đồng,
bằng **123%** so với kế hoạch và **105,4%** so cùng kỳ năm trước.
Trong đó doanh thu thực hiện là **518,23** tỷ đồng bằng **121,8%** so với kế hoạch và bằng **103,6%** so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận trước thuế — đạt **154,33** tỷ đồng,
bằng **169%** so với kế hoạch và **102,1%** so cùng kỳ năm trước.
Trong đó, lợi nhuận thực hiện trước thuế là **124,5** tỷ đồng bằng **120,5%**.

Lợi nhuận sau thuế — đạt **132,3** tỷ đồng,
bằng **166,93%** so với kế hoạch.
Trong đó lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt **105** tỷ đồng, bằng **115%** kế hoạch.

Tổng tài sản năm 2020 — đạt **3.413** tỷ đồng,
tăng **1.015** tỷ đồng, tương ứng tăng **42,3%** so với cùng kỳ năm trước.
Tài sản của Công ty tăng chủ yếu từ các khoản đầu tư tài sản tài chính và các khoản cho vay để đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh đầu tư tự doanh và triển khai dịch vụ cho vay margin - ứng trước phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty.

Chỉ tiêu tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức cao so với tỷ lệ quy định (180%) của UBCK. Năm 2020, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng đạt 518%. Tỷ lệ này vẫn vượt xa mức an toàn cho phép và ở mức cao so với các công ty cùng ngành, thể hiện Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: năm 2020, Công ty đã đẩy mạnh việc tận dụng các nguồn vốn vay với lãi suất thấp trong ngắn hạn, giảm nguồn vay nợ dài hạn từ phát hành trái phiếu nhằm giảm chi phí vốn cho Công ty. Theo đó, cơ cấu vốn của Công ty đã có sự chuyển dịch đáng kể giữa Vốn chủ sở hữu và các khoản Nợ phải trả. Điều này cho thấy, năm 2020, BVSC đã đẩy mạnh việc tận dụng các nguồn vốn vay giá rẻ, lãi suất thấp trong ngắn hạn để để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chính, nâng cao đòn bẩy tài chính giúp gia tăng khả năng tăng trưởng của Công ty.

Chỉ tiêu khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu ROE đạt 7,06% giảm nhẹ 0,44% so với cùng kỳ năm trước do Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm nay có suy giảm nhẹ 0,02% so với năm 2019 trong khi Vốn chủ sở hữu lại tăng 3,77% so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tài sản ROA đạt 3,88% giảm 1,77% so với cùng kỳ năm trước do Lợi nhận sau thuế của Công ty giảm nhẹ trong khi đó tổng tài sản lại tăng cao (tăng 1.015,14 tỷ đồng tương ứng mức tăng 42,34% so với cùng kỳ năm trước) đến từ việc Công ty chuyển dịch cơ cấu, huy động nguồn vốn vay để bổ sung cho các hoạt động tự doanh, cho vay margin, ứng trước, cùng một số hoạt động kinh doanh khác.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2021

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 dự kiến trình ĐHĐCĐ 2021 thông qua

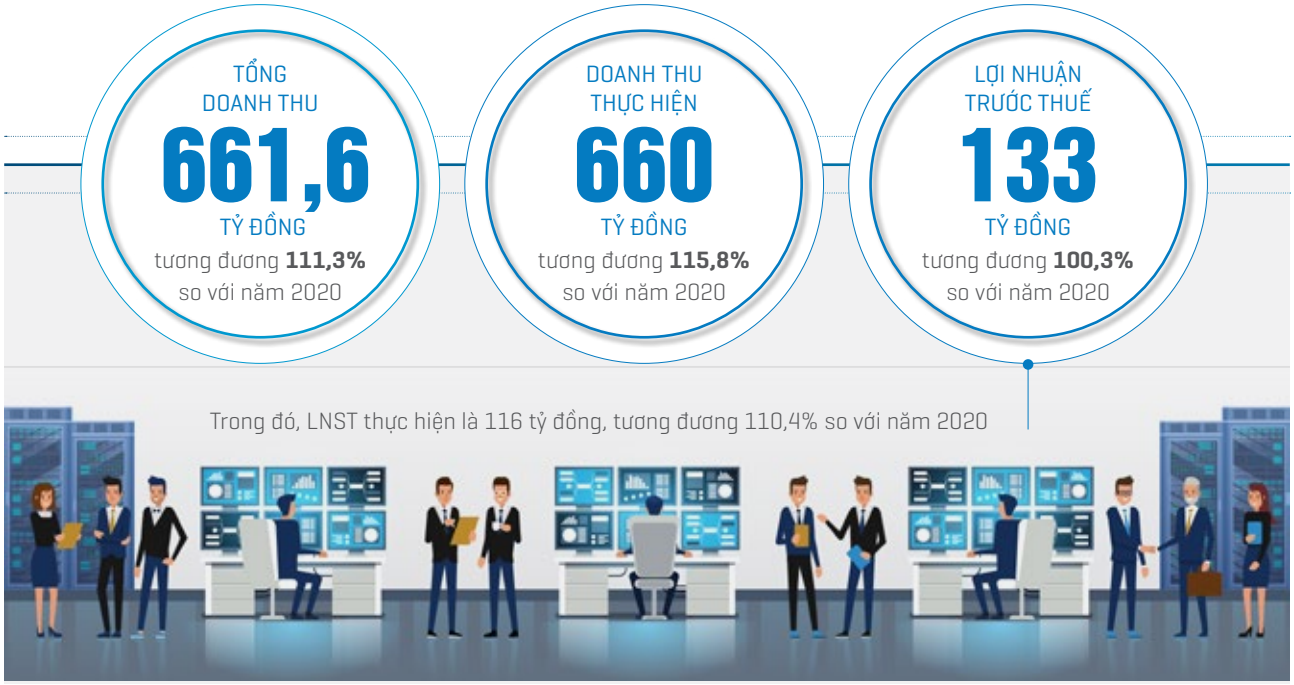

Định hướng kinh doanh năm 2021

1. **Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động môi giới**

   Theo định hướng chiến lược phát triển của Công ty, năm 2021, BVSC vẫn sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới thông qua các giải pháp đồng bộ về sản phẩm dịch vụ, nguồn vốn, con người, và giải pháp công nghệ thông tin.

2. **BVSC đẩy mạnh hoạt động tư vấn thu xếp vốn thông qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp**

   Song song triển khai các mảng tư vấn vốn là thế mạnh của BVSC như: M&A, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành và niêm yết cổ phiếu gắn với hoạt động IR

3. **Giải pháp công nghệ thông tin**

   Để bắt kịp với xu hướng chuyển đổi chung của toàn thị trường, trên nền tảng hệ thống giao dịch trực tuyến mới B -wise, năm 2021, BVSC sẽ thực hiện nâng cấp và hoàn thiện các ứng dụng mới như nâng cấp ứng dụng Mobile Trading; triển khai mở tài khoản trực tuyến trên nền tảng eKYC; bổ sung nâng cấp các hệ thống quản lý, hỗ trợ giao dịch trái phiếu, ETF cũng như triển khai các sản phẩm có liên quan đến hoạt động giao dịch, quản lý danh mục có sự hỗ trợ của AI...

4

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

174 Tích hợp ESG trong quản trị hướng đến phát triển bền vững

176 Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

188 Báo cáo của Hội đồng Quản trị

200 Báo cáo hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

212 Báo cáo của Ban Kiểm soát

220 Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát

223 Chính sách quan hệ cổ đông

231 Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

245 Quản lý rủi ro

255 Pháp chế và tuân thủ

260 Báo cáo đánh giá tình hình quản trị công ty năm 2020




MINH BẠCH

TÍCH HỢP ESG TRONG QUẢN TRỊ HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Bối cảnh thực tiễn với các thách thức đang đặt ra yêu cầu cho doanh nghiệp phải tích hợp các yếu tố (ESG - Môi trường, Xã hội và Quản trị) vào chiến lược kinh doanh cho mục tiêu đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, bền vững.

Cuộc khủng hoảng do đại dịch Covid-19 và các hiện tượng thiên nhiên ngày càng cực đoan đã khiến gia tăng tầm quan trọng của việc ứng phó với các vấn đề liên quan đến ESG. Theo Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu của Liên Hợp quốc (IPCC), ngay cả khi con người cố gắng hạn chế mức tăng nhiệt độ toàn cầu dưới 2^0C so với thời kỳ tiền công nghiệp, vốn là mục tiêu của Hiệp định Paris năm 2015, băng vĩnh cửu sẽ vẫn tan chảy và giảm 25% diện tích vào năm 2100.

Nhận thức được những thách thức và cơ hội đó, Bảo Việt đã thực hiện bổ sung các tiêu chí ESG, đưa thêm những quy trình, tiêu chí về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu vào trong hoạt động quản trị và vận hành hoạt động kinh doanh của mình để đảm bảo doanh nghiệp tăng trưởng, nhưng sự phát triển này phải bền vững. Dưới góc nhìn của một Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, đầu tư, chúng tôi cũng nhận định danh mục đầu tư ESG sở hữu ít rủi ro hơn trước các biến động môi trường - xã hội, trong khi mang lại lợi suất tốt trong dài hạn, nhất là khi các vấn đề biến đổi khí hậu ngày càng trở nên nghiêm trọng.

Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng triển khai báo cáo tích hợp theo thông lệ quốc tế, theo đó thông tin tài chính và phi tài chính được tổng hợp phân tích và báo cáo theo mô hình quản lý các nguồn lực để tạo ra giá trị cho doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và cộng đồng.



TIẾT GIẢM

6.500 m^3

LƯỢNG NƯỚC THẢI RA MÔI TRƯỜNG
TRÊN TOÀN HỆ THỐNG BẢO VIỆT

1.200

POSTER TRUYỀN THÔNG VỀ VIỆC SỬ DỤNG HỢP LÝ NGUỒN NĂNG LƯỢNG
TRÊN TOÀN HỆ THỐNG BẢO VIỆT

MÔI TRƯỜNG

E



G

QUẢN TRỊ

105.365

GIỜ ĐÀO TẠO
CHO CÁN BỘ NHÂN VIÊN

96.714

GIỜ ĐÀO TẠO
CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ

S

XÃ HỘI

2.700

ĐƠN VỊ MÁU
ĐƯỢC HIẾN TẶNG CHO BỆNH NHÂN

3.700

HỘ NGHÈO
ĐƯỢC KHÁM CHỮA BỆNH MIỄN PHÍ



TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

> Bảo Việt tiên phong áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tập đoàn, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy và tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh trên toàn Tập đoàn.



NGUYÊN TẮC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tại Tập đoàn Bảo Việt, Quản trị Công ty được xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn và là yếu tố then chốt để gia tăng hình ảnh, giá trị thương hiệu của Tập đoàn trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu rộng và mạnh mẽ.

Trong những năm vừa qua, dưới sự định hướng và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong việc áp dụng các thông lệ tốt trong quản trị công ty, bao gồm các Quy tắc Quản trị Công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN. Các nguyên tắc quản trị liên quan đến: (i) Quyền của cổ đông, (ii) Đối xử bình đẳng với cổ đông, (iii) Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, (iv) Công bố thông tin và minh bạch, và (v) Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, đã được Tập đoàn Bảo Việt chủ động tham chiếu trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tập đoàn, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy, tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh trên toàn Tập đoàn. Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt cũng nghiêm túc thực hiện các quy định về quản trị công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Để vận hành hiệu quả mô hình quản trị, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Các Nguyên tắc quản trị tại Tập đoàn Bảo Việt

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả
2. Đảm bảo quyền lợi cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông
3. Đảm bảo vai trò, quyền lợi của các bên liên quan
4. Đảm bảo minh bạch trong mọi hoạt động của doanh nghiệp
5. Đảm bảo Hội đồng quản trị và ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp có hiệu quả

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Mô hình quản trị doanh nghiệp của Bảo Việt được thực hiện dựa trên 5 giá trị cốt lõi sau:

CÔNG BẰNG

Bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông nhỏ lẻ và các cổ đông nước ngoài.

MINH BẠCH

Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề quan trọng liên quan tới doanh nghiệp bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, quyền sở hữu, và các cơ cấu kiểm soát luôn được thực hiện một cách kịp thời và chính xác.

TRÁCH NHIỆM

Công nhận quyền lợi của các bên có quyền lợi liên quan theo duy định của pháp luật và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, công ăn việc làm và đảm bảo tính bền vững về mặt tài chính của Bảo Việt.

TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Đảm bảo việc cung cấp định hướng chiến lược cho công ty, đảm bảo việc giám sát có hiệu lực từ HĐQT, đảm bảo việc giải trình của HĐQT trước công ty và các cổ đông.

BỀN VỮNG

Đảm bảo mang lại lợi ích lâu dài và bền vững cho cổ đông và đảm bảo hài hòa các yếu tố quản trị liên quan đến phát triển kinh tế-xã hội và môi trường.

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

> Trong định hướng phát triển bền vững, Bảo Việt đã tuyên bố sự cam kết của Lãnh đạo cấp cao (từ cấp HĐQT, Ban Điều hành) về việc đảm bảo thực hiện 3 mục tiêu kinh tế - xã hội và môi trường (ESG) trong Chiến lược phát triển của Bảo Việt. Định hướng chiến lược này được hiện thực hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng Ban chức năng và đơn vị thành viên. Các mục tiêu này được lượng hóa theo chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs), trong đó bao gồm các chỉ tiêu tài chính (kinh tế) và phi tài chính (môi trường và xã hội).

Mô hình Quản trị công ty Bền vững của Bảo Việt được thực hiện dựa trên các sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố sau:

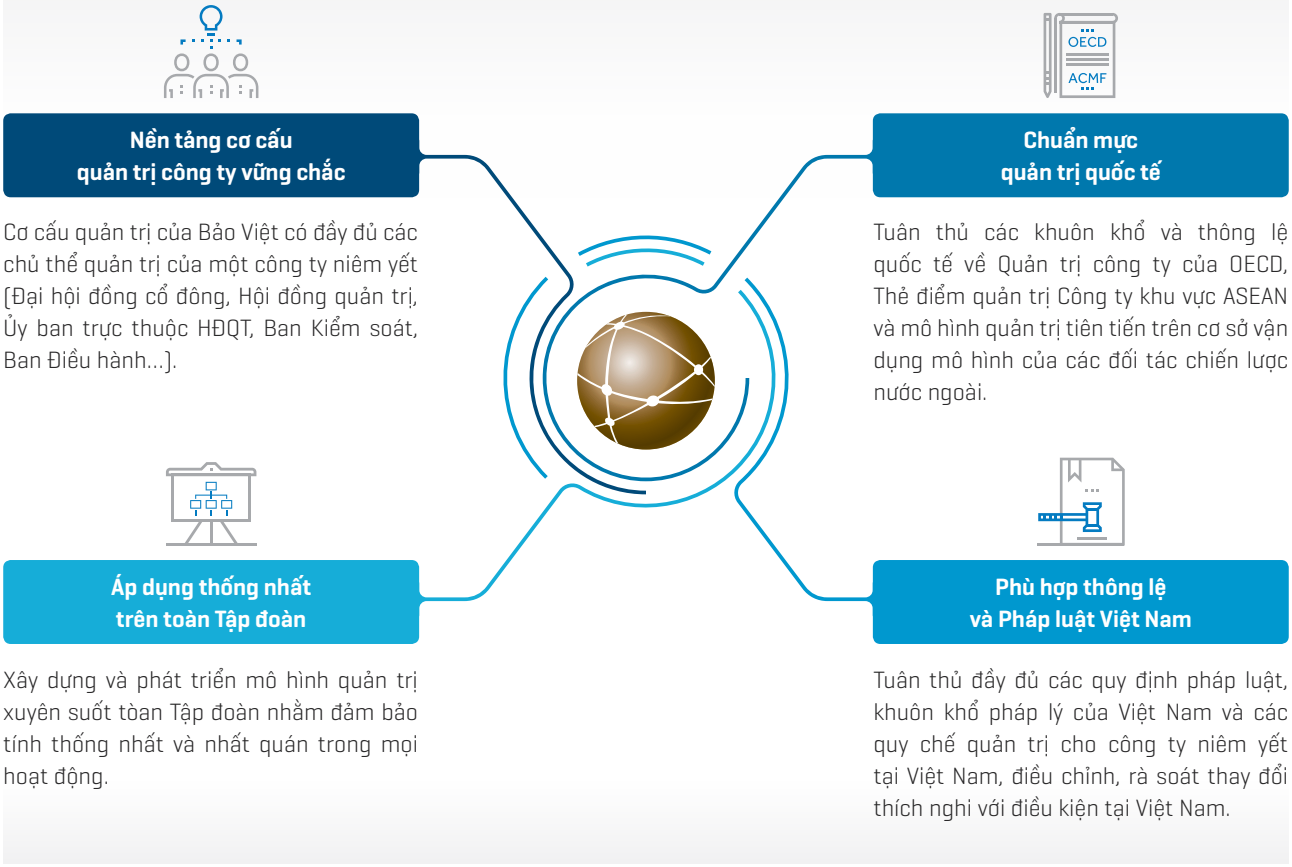

Nền tảng cơ cấu quản trị công ty vững chắc

Cơ cấu quản trị của Bảo Việt có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban trực thuộc HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành...).

Chuẩn mực quản trị quốc tế

Tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ quốc tế về Quản trị công ty của OECD, Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN và mô hình quản trị tiên tiến trên cơ sở vận dụng mô hình của các đối tác chiến lược nước ngoài.

Áp dụng thống nhất trên toàn Tập đoàn

Xây dựng và phát triển mô hình quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn nhằm đảm bảo tính thống nhất và nhất quán trong mọi hoạt động.

Phù hợp thông lệ và Pháp luật Việt Nam

Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho công ty niêm yết tại Việt Nam, điều chỉnh, rà soát thay đổi thích nghi với điều kiện tại Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VÀ CÁCH THỨC TRIỂN KHAI LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bảo Việt triển khai định hướng phát triển bền vững từ Lãnh đạo cấp cao đến các Ban thực hiện đánh giá các KPIs này và báo cáo lên Hội đồng Quản trị. Có thể nói, hoạt động kinh doanh của Bảo Việt gắn kết ngày một chặt chẽ hơn với các vấn đề xã hội và môi trường.

Các định hướng chiến lược và kế hoạch hành động liên quan đến vấn đề kinh tế – xã hội – môi trường được đưa ra tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức hàng năm. Theo đó, HĐQT tổ chức triển khai các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Ban điều hành chỉ đạo cụ thể hóa thành các hành động thông qua hoạt động tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên.

Thực hiện rà soát các ảnh hưởng, rủi ro và cơ hội liên quan đến Kinh tế – Xã hội – Môi trường

Trong các văn bản chỉ đạo, HĐQT thường xuyên yêu cầu Ban Điều hành tập trung công tác dự báo, cập nhật và theo dõi sát sao diễn biến thực tiễn về tình hình kinh tế, xã hội và môi trường trong hoạt động kinh doanh, để chủ động điều chỉnh linh hoạt và kịp thời đưa ra các định hướng, quyết sách, giải pháp cho phù hợp, hiệu quả, đảm bảo chỉ đạo triển khai thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm và chiến lược kinh doanh.

Giám sát việc tổ chức triển khai các quyết định, nghị quyết và chính sách của Tập đoàn do Hội đồng Quản trị ban hành liên quan đến phát triển bền vững và các vấn đề môi trường, xã hội.

Chỉ đạo thực hiện báo cáo phát triển bền vững

HĐQT giám sát việc triển khai chiến lược của Bảo Việt, trong đó bao gồm chiến lược phát triển bền vững. HĐQT có trách nhiệm phê duyệt chủ trương thực hiện và phê chuẩn các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua. Hội đồng Quản trị giao Ban điều hành và Bộ phận chịu trách nhiệm về báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo xây dựng nội dung phù hợp với chuẩn mực thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam.

KHUNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Khung quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt bao gồm các cấu phần sau:

1 Thành phần & Cơ cấu của HĐQT

(Tham chiếu Nội dung Chương IV: Báo cáo của HĐQT và Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát)

- Thành phần và tổ chức
- Hướng dẫn và đào tạo
- Thù lao cho HĐQT
- Kế hoạch kế nhiệm

2 Hoạt động & Hiệu quả của HĐQT

(Tham chiếu nội dung Chương IV: Báo cáo của HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT)

- Đạo đức và mối quan hệ của các thành viên HĐQT
- Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO)
- Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm
- Ủy ban Chiến lược và Đầu tư
- Ủy ban Kiểm toán

3 Chiến lược, Kế hoạch & Giám sát

(Tham chiếu báo cáo tại Chương II của Báo cáo thường niên)

- Tầm nhìn và sứ mệnh
- Kế hoạch chiến lược, kế hoạch kinh doanh
- Giám sát hiệu quả hoạt động của Tập đoàn và hiệu quả quản trị
- Chiến lược CNTT
- Quản lý nhân lực

4 Các quy trình quản lý rủi ro và Tuân thủ hiệu quả

(Tham chiếu nội dung Chương IV: Hệ thống kiểm soát nội bộ)

- Hệ thống quản lý rủi ro
- Hệ thống kiểm soát nội bộ

5 Minh bạch & Công bố thông tin

(Tham chiếu nội dung tại Chương VI Báo cáo thường niên)

- Báo cáo tài chính và phi tài chính
- Tăng cường công tác báo cáo

Trách nhiệm của Tập đoàn Bảo Việt (xã hội, đạo đức & môi trường)

(Tham chiếu nội dung tại Chương V Báo cáo thường niên)

- Quy tắc ứng xử
- Đạo đức kinh doanh
- Quan hệ giữa các nhân viên/ An toàn và sức khỏe
- Trách nhiệm xã hội

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐÀO ĐÌNH THI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1974
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế
Kinh nghiệm	: 24 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018)

Chức vụ công tác đã qua:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2012-2017 (từ ngày 23/12/2014)
- Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam;
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viglacera kiêm Giám đốc Ban Tài chính kế toán Tổng Công ty Viglacera;
- Kế toán trưởng Tổng Công ty Viglacera kiêm Giám đốc Ban Tài chính đầu tư Tổng Công ty kiêm Giám đốc Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera.



Ông ĐỖ TRƯỜNG MINH
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1971
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm	: 26 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 27/06/2018).

Chức vụ công tác đã qua:

- Thành viên Hội đồng Thành viên, Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt;
- Giảng viên Đại học Hàng hải.

Tại thời điểm 01/03/2021



Bà THÂN HIỀN ANH

Thành viên Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1974
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Cử nhân ngân hàng Cử nhân bảo hiểm.
Kinh nghiệm	: 23 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Ủy viên Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm Tập đoàn;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Chức vụ công tác đã qua:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2012-2017 (từ ngày 23/12/2014)
- Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Giám đốc Khối Chiến lược và Quản lý rủi ro;
- Giám đốc Khối Xây dựng chiến lược;
- Giám đốc Dự án Tái cấu trúc Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Dự án chuyển đổi chiến lược; Giám đốc Khối Truyền thông kiêm Giám đốc dự án chuyển đổi thương hiệu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI);



Ông NGUYỄN XUÂN VIỆT

Thành viên Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1970
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Kinh nghiệm	: 25 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Chủ nhiệm Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm Tập đoàn;
- Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Tái bảo hiểm quốc gia (VinaRe)

Chức vụ công tác đã qua:

- Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Trưởng ban Phát triển ứng dụng 2, Khối Công nghệ thông tin (và Trung tâm Công nghệ thông tin), Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng ban Vận hành và bảo trì ứng dụng, Khối Công nghệ thông tin, Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng phòng, phòng Công nghệ tin học, Bảo hiểm Bảo Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà TRẦN THỊ DIỆU HẰNG
Thành viên Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1973
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm	: 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm, kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán Tập đoàn Bảo Việt;
- Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua:

- Giám đốc Khối Kiểm toán nội Tập đoàn Bảo Việt;
- Trưởng phòng Phát triển thị trường, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính;
- Trưởng phòng Quản lý, giám sát bảo hiểm phi nhân thọ, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính;



Ông NGUYỄN ĐÌNH AN
Thành viên Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1981
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ kinh tế - tài chính, chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCK Nhà nước cấp ngày 25/12/2017
Kinh nghiệm	: 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 29/6/2020);
- Chủ nhiệm Ủy ban Chiến lược và đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.
- Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua:

- Thành viên Hội đồng thành viên, Quyền Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Trưởng Ban Thư ký - Tổng hợp, Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt

Tại thời điểm 01/03/2021



Ông TERUO SHIMMEN

Thành viên Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1969
Quốc tịch	: Nhật Bản
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Nghiên cứu Quốc tế
Kinh nghiệm	: 29 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Trưởng Văn phòng đại diện Sumitomo Life tại Hà Nội.

Chức vụ công tác đã qua tại Sumitomo Life:

- Trưởng phòng phụ trách, Phòng Kế hoạch, Công ty Sumitomo Life Information System;
- Trợ lý trưởng phòng, Phòng Kinh doanh quốc tế;
- Trợ lý đặc biệt của Trưởng phòng, Phòng Kế hoạch, bộ phận Xây dựng kế hoạch;
- Trợ lý đặc biệt của Trưởng phòng, Phòng Hệ thống thông tin.



Ông KENJI YONEDA

Thành viên Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1966
Quốc tịch	: Nhật Bản
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Luật
Kinh nghiệm	: 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Avia Singlife Hodings Pte. Ltd.;
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Bảo hiểm nhân thọ Singlife, Singapore;
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Aviva Ltd,;
- Giám đốc Khối Kinh doanh quốc tế Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo Life, Nhật Bản.

Chức vụ công tác đã qua:

- Giám đốc Khối Xúc tiến độ hài lòng của khách hàng;
- Phó Giám đốc Khối Tuân thủ;
- Trưởng Văn phòng đại diện Sumitomo Life tại Hà Nội;
- Trưởng Văn phòng đại diện Sumitomo Life tại Luân Đôn, Anh;
- Phó phòng Marketing dành cho Đại lý bảo hiểm là tổ chức;
- Trưởng phòng Kế hoạch Marketing khai thác thị trường mới.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



Ông ĐỖ TRƯỜNG MINH
Tổng Giám đốc
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1971
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm	: 26 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 27/06/2018).

Chức vụ công tác đã qua:

- Thành viên Hội đồng Thành viên, Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt;
- Giảng viên Đại học Hàng hải.



Ông NGUYỄN XUÂN HÒA
Kế toán trưởng
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1977
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ kinh tế - tài chính, chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCK Nhà nước cấp ngày 25/12/2017
Kinh nghiệm	: 21 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 13/01/2016),
- Ủy viên Ủy ban Chiến lược và đầu tư Tập đoàn,
- Giám đốc Ban Kế toán, Giám đốc Ban Tài chính Tập đoàn,
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt,
- Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC).

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Trưởng ban Tài chính, Kế hoạch – Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Trưởng ban Kế hoạch – Tài chính Tập đoàn Bảo Việt.

Tại thời điểm 01/03/2021



Ông NGUYỄN THANH HẢI

Giám đốc Trung tâm Đào tạo
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1972
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm	: 24 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, đào tạo

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Giám đốc Trung tâm Đào tạo Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 13/01/2016).

Chức vụ công tác đã qua:

- Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Trưởng ban, Trưởng ban Kế hoạch Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Giám đốc, Quyền Giám đốc, Giám đốc Bảo Việt Nhân thọ Quảng Ninh;
- Trưởng phòng Tài chính kế toán, Bảo Việt Nhân thọ Hà Nội.



Ông TRƯƠNG TUẤN LÂM

Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1973
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ kinh tế
Kinh nghiệm	: 25 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 05/02/2020);
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC.

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 08/3/2018 đến 05/02/2020)
- Phó Giám đốc Chi nhánh Trung tâm CNTT Tập đoàn Bảo Việt
- Phó Giám đốc Khối CNTT - Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng ban Vận hành và Quản trị hệ thống CNTT - Tập đoàn Bảo Việt
- Phó Trưởng ban Công nghệ Tin học - Tập đoàn Bảo Việt
- Phó Giám đốc Trung tâm thông tin - Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Ông ÔNG TIẾN HÙNG
Trưởng Ban kiểm soát
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1964
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Chứng chỉ Kế toán viên, Bộ Tài chính
Kinh nghiệm	: 31 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Trưởng Ban kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 29/6/2019)

Chức vụ công tác đã qua:

- Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Thành viên Ban kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2012-2017 từ ngày 29/11/2012;
- Giám đốc Ban Tổ chức - Nhân sự, Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Trưởng phòng, Giám đốc Ban Kiểm tra nội bộ và Quản lý rủi ro, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng Thanh tra nội bộ ngành; Thanh tra viên chính, Thanh tra Bộ Tài chính.



Ông VŨ THANH HẢI
Kiểm soát viên
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1983
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kiểm toán Chứng chỉ Kiểm toán viên, Bộ Tài chính
Kinh nghiệm	: 16 năm trong lĩnh vực kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 29/6/2019);
- Trưởng nhóm Kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua:

- Kiểm toán viên Ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Kiểm toán viên, trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – chi nhánh Hà Nội.

Tại thời điểm 01/03/2021

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN



Bà TRẦN THỊ PHƯƠNG

Kiểm soát viên
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1988
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kế toán Chứng chỉ Kiểm toán viên (CPA), Bộ Tài chính
Kinh nghiệm	: 10 năm trong lĩnh vực kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018),
- Trưởng nhóm Kiểm toán hoạt động đầu tư, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua:

- Chuyên viên Ban Kiểm toán hoạt động đầu tư, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt,
- Kiểm toán viên, Trợ lý kiểm Công ty TNHH Kiểm toán VACO.



Bà LƯƠNG THỊ BÍCH NGỌC

Người Phụ trách quản trị Tập đoàn kiêm Thư ký Tập đoàn
(Người phụ trách chung)

Năm sinh	: 1982
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ tài chính ngân hàng, Chứng chỉ Kiểm toán viên, Bộ Tài chính
Kinh nghiệm	: 16 năm trong lĩnh vực tài chính, thư ký công ty

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Người Phụ trách quản trị Tập đoàn kiêm Thư ký Tập đoàn (từ ngày 11/7/2018),
- Phó Chánh Văn phòng Tập đoàn.

Chức vụ công tác đã qua:

- Trưởng ban Thư ký - Tổng hợp, Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn
- Phó Trưởng ban phụ trách, Phó Trưởng ban Thư ký - Tổng hợp, Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn
- Kiểm toán viên - Công ty cổ phần kiểm toán tư vấn thuế (ATC).

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

> Năm 2020, Hội đồng quản trị đã phát huy hiệu quả vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2020; rà soát và hoàn thành chiến lược giai đoạn 2016 - 2020 với trọng tâm là "học hỏi – vận dụng – sang tạo"; đồng thời tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của toàn Tập đoàn, đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp hướng tới thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững.

CƠ CẤU THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt tại thời điểm 31/12/2020

STT	Họ và tên	Chức danh	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn Bảo Việt	Chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty Cổ phần khác tại Việt Nam
1	Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách	**24,46%** *(Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 174.119.770 Sở hữu cá nhân: 55.045)*	Không có
2	Ông Đỗ Trường Minh	Thành viên HĐQT	Điều hành	**15.11%** *(Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 112.141.830 Sở hữu cá nhân: 15.000)*	Không có
3	Bà Thân Hiền Anh	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**6,62%** *(Trong đó:Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 49.062.050 Sở hữu cá nhân: 44.630)*	Không có
4	Bà Trần Thị Diệu Hằng	Thành viên HĐQT	Điều hành	**6,61%** *(Trong đó:Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 49.062.050 Sở hữu cá nhân: 0)*	
5	Ông Nguyễn Xuân Việt	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**6,62%** *(Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 49.062.050 Sở hữu cá nhân: 83.835)*	
6	Ông Nguyễn Đình An	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**6,62%** *(Trong đó:Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 49.062.050 Sở hữu cá nhân: 83.835)*	
7	Ông Teruo Shimmen	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**11,04%** *(Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn Sumitomo Life: 81.972.710 cổ phần)*	
8	Ông Kenji Yoneda	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**11,04%** *(Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn Sumitomo Life: 81.972.711 cổ phần)*	



HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

TỔ CHỨC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN VÀ BÁO CÁO XIN Ý KIẾN ĐHĐCĐ VỀ CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐHĐCĐ

Năm 2020, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đã triệu tập 01 cuộc họp (ĐHĐCĐ) thường niên vào ngày 29/6/2020. ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt đã thảo luận và thông qua các nội dung:

1. Báo cáo của Tổng Giám đốc về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt (TĐBV);
2. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo Tài chính riêng năm 2019 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt;
3. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị TĐBV tại ĐHĐCĐ thường niên 2020 của TĐBV;
4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát TĐBV tại ĐHĐCĐ thường niên 2020 của TĐBV;
5. Tờ trình phê duyệt thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên năm tài chính 2019 và đề xuất mức thù lao năm tài chính 2020;
6. Tờ trình phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2019 và kế hoạch sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2020 của TĐBV;
7. Tờ trình về việc Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các Báo cáo Tài chính năm 2021, 2022, 2023 của TĐBV.

ĐHĐCĐ thường niên 2020 của Tập đoàn Bảo Việt ("Đại hội") đã diễn ra theo đúng trình tự các bước quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt cũng như các quy định khác đối với công ty niêm yết. Trước khi tổ chức Đại hội, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện việc công bố thông tin về việc tổ chức Đại hội, thông báo chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội; thông báo mời họp; công bố các tài liệu sẽ trình tại Đại hội và thực hiện công bố Báo cáo tài chính theo đúng quy định.

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 HĐQT đã triển khai thực hiện các vấn đề được ĐHĐCĐ thông qua.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỌP HĐQT ĐỊNH KỲ NHẰM ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐƯA RA CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2020, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. HĐQT đã tổ chức 06 (sáu) cuộc họp trong đó có 05 (năm) cuộc họp định kỳ hàng quý và 01 (một) cuộc họp mở rộng liên quan đến các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và triển khai xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2021 cho Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.

Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT hoặc ủy quyền cho các thành viên HĐQT dự họp và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong năm 2020

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	*Ông Đào Đình Thi*	Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 23/12/2014	06/06	100%	
2	*Ông Đỗ Trường Minh*	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 27/6/2018	06/06	100%	
3	*Bà Thân Hiền Anh*	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 23/12/2014	06/06	100%	
4	*Ông Nguyễn Xuân Việt*	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 27/6/2018	06/06	100%	
5	*Bà Trần Thị Diệu Hằng*	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 27/6/2018	06/06	100%	
6	*Ông Nguyễn Đình An*	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 29/6/2020	03/06	100%	
7	*Ông Kenji Yoneda*	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 29/6/2019	06/06	100%	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 29/6/2019
8	*Ông Teruo Shimmen*	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 29/6/2019	06/06	100%	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 29/6/2019

Các cuộc họp HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2020 và rà soát, hoàn thành chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020 theo phê duyệt của ĐHĐCĐ; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trên toàn hệ thống Bảo Việt và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020... Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Tập đoàn hiệu quả.

LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HĐQT BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA CÁC QUYẾT ĐỊNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HĐQT

Ngoài các phiên họp trực tiếp của HĐQT, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các sự vụ cụ thể thuộc thẩm quyền của HĐQT theo tờ trình của Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Ủy ban thuộc HĐQT. Trong năm 2020, HĐQT đã giải quyết hơn 110 vấn đề có liên quan đến các định hướng lớn về quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện và ban hành các quy chế quản trị nội bộ, đầu tư phát triển nguồn nhân. lực, kiện toàn bộ máy lãnh đạo, định hướng hoạt động đầu tư tập trung trên toàn hệ thống v.v...; chỉ đạo điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản trị, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được ban hành dựa trên tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên Hội đồng Quản trị vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2020

(Bao gồm các Nghị quyết được thông qua tại các kỳ họp HĐQT định kỳ hàng Quý và các Nghị quyết thông qua theo phương thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản).

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
1.	*01/2020/NQ-HĐQT*	03/01/2020	NQ chấp thuận bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
2.	*02/2020/NQ-HĐQT*	03/01/2020	NQ chấp thuận bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
3.	*03/2020/NQ-HĐQT*	13/01/2020	NQ tham gia bảo hiểm trách nhiệm nhà quản lý D&O của Tập đoàn Bảo Việt
4.	*04/2020/NQ-HĐQT*	13/01/2020	NQ phê duyệt Đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP để báo cáo Bộ Tài chính (BẢN MỚI - bổ sung tài liệu)
5.	*05/2020/NQ-HĐQT*	14/01/2020	NQ phê duyệt Đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP để báo cáo Bộ Tài chính
6.	*06/2020/NQ-HĐQT*	16/01/2020	NQ Chấp thuận bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
7.	*07/2020/NQ-HĐQT*	16/01/2020	NQ phê duyệt chủ trương quyết toán gói thầu hoàn thành, gói thầu 2: Mua sắm và triển khai thiết bị phần cứng cho phần mềm quản lý hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - LIPA, thuộc dự án "Trang bị mới hệ thống Quản lý hợp đồng bảo hiểm nhân thọ"
8.	*08/2020/NQ-HĐQT*	31/01/2020	NQ Chấp thuận bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt (ông Nguyễn Minh Tuấn)
9.	*09/2020/NQ-HĐQT*	31/01/2020	NQ Phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý cấp Khối của Tập đoàn và Phương án bố trí, sắp xếp nhân sự hiện tại vào tổ chức bộ máy mới
10.	*10/2020/NQ-HĐQT*	13/2/2020	NQ Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 09 tháng kết thúc ngày 30/9/2019 của Tập đoàn Bảo Việt theo Chuẩn mực lập Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS)
11.	*11/2020/NQ-HĐQT*	2/3/2020	NQ phê duyệt đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà đất của TCT BVNT theo NĐ 167/2017/NĐ-CP để báo cáo Bộ Tài chính
12.	*12/2020/NQ-HĐQT*	9/3/2020	NQ Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý cấp Khối của Tập đoàn và Phương án bố trí, sắp xếp nhân sự theo mô hình mới
13.	*13/2020/NQ-HĐQT*	10/3/2020	NQ thông qua quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
14.	*14/2020/NQ-HĐQT*	10/3/2020	NQ thông qua quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
15.	*15/2020/NQ-HĐQT*	10/3/2020	NQ Phân loại đầu tư chiến lược và đầu tư tài chính
16.	*16/2020/NQ-HĐQT*	11/3/2020	NQ Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt
17.	*17/2020/NQ-HĐQT*	12/3/2020	NQ về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt
18.	*18/2020/NQ-HĐQT*	25/3/2020	NQ Phiên họp HĐQT quý I năm 2019 của Tập đoàn Bảo Việt
19.	*19/2020/NQ-HĐQT*	24/03/2020	NQ Phê duyệt Kế hoạch Giám sát tài chính năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt đối với các Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
20.	*20/2020/NQ-HĐQT*	30/03/2020	Phê duyệt chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư và các bước thực hiện khi điều chỉnh dự án đầu tư dự án "Thiết lập hệ thống quản lý hạ tầng máy trạm tập trung"
21.	*21/2020/NQ-HĐQT*	30/03/2020	NQ phê duyệt Báo cáo tài chính riêng năm tài chính 2019 của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được kiểm toán
22.	*22/2020/NQ-HĐQT*	30/3/2020	NQ phê duyệt kế hoạch kinh phí an sinh xã hội từ nguồn chi phí năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt
23.	*23/2020/NQ-HĐQT*	30/3/2020	NQ Tạm quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2019 của Công ty Đầu tư Bảo Việt
24.	*24/2020/NQ-HĐQT*	26/03/2020	NQ điều chỉnh kế hoạch và quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
25.	*26/2020/NQ-HĐQT*	31/3/2020	NQ chế độ làm việc tại Văn phòng trong giai đoạn dịch Covid-19
26.	*27/2020/NQ-HĐQT*	07/4/2020	NQ về thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Tập đoàn Bảo Việt
27.	*28/2020/NQ-HĐQT*	10/4/2020	NQ Chấp thuận chủ trương Danh mục hợp đồng, giao dịch giữa TĐBV với người có liên quan
28.	*29/2020/NQ-HĐQT*	28/4/2020	NQ Thay đổi tên thương hiệu Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine (BVTM)
29.	*30/2020/NQ-HĐQT*	14/5/2020	NQ Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt (29/6/2020)
30.	*31/2020/NQ-HĐQT*	18/5/2020	NQ về việc tăng vốn điều lệ cho Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ giai đoạn 2020 - 2021
31.	*32/2020/NQ-HĐQT*	19/5/2020	NQ thông qua quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2019 của Công ty Đầu tư Bảo Việt
32.	*33/2020/NQ-HĐQT*	21/5/2020	NQ Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 của các công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
33.	*34/2020/NQ-HĐQT*	22/5/2020	NQ về việc phê duyệt Báo cáo Tài chính hợp nhất năm tài chính 2019 của Tập đoàn Bảo Việt theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được kiểm toán
34.	*35/2020/NQ-HĐQT*	1/6/2020	NQ thay đổi thời hạn tăng vốn điều lệ cho Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ năm 2020
35.	*36/2020/NQ-HĐQT*	09/6/2020	Nghị quyết của HĐQT về việc Chương trình, tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của BVSC
36.	*37/2020/NQ-HĐQT*	19/6/2020	NQ về việc Công tác nhân sự tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt nhiệm kỳ 2020 - 2025
37.	*38A/2020/NQ-HĐQT*	19/6/2020	NQ Phiên họp HĐQT Tập đoàn Bảo Việt quý II năm 2020 ngày 19 tháng 6 năm 2020
38.	*38/2020/NQ-HĐQT*	19/6/2020	NQ của HĐQT về Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Tập đoàn Bảo Việt
39.	*39/2020/NQ-HĐQT*	29/6/2020	NQ về phiên họp HĐQT ngày 29/6/2020
40.	*40/2020/NQ-HĐQT*	02/7/2020	NQ về việc phê duyệt Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tập đoàn Bảo Việt theo Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế (IFRS) đã được kiểm toán

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
41.	*41/2020/NQ-HĐQT*	15/7/2020	NQ của HĐQT về việc công tác cán bộ Ban Bất động sản Tập đoàn Bảo Việt (không bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Ban BĐS đối với bà Nguyễn Hồng Minh)
42.	*42/2020/NQ-HĐQT*	24/7/2020	Chấp thuận bổ nhiệm lại chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
43.	*43/2020/NQ-HĐQT*	24/7/2020	Đề xuất mở rộng phạm vi hoạt động (bổ sung nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe) của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
44.	*44/2020/NQ-HĐQT*	28/7/2020	NQ về việc thông qua quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
45.	*45/2020/NQ-HĐQT*	28/7/2020	NQ Phê duyệt Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31/03/2020 của Tập đoàn Bảo Việt theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam được soát xét.
46.	*46/2020/NQ-HĐQT*	17/8/2020	Kiện toán nhân sự Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm, Ủy Ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt
47.	*46A/2020/NQ-HĐQT*	10/8/2020	Trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 của TĐBV
48.	*47/2020/NQ-HĐQT*	18/8/2020	Kế hoạch kinh phí ASXH 2020 từ LNST của Tập đoàn Bảo Việt
49.	*48/2020/NQ-HĐQT*	19/8/2020	NQ triển khai lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các Báo cáo Tài chính năm 2021, 2022, 2023 của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị
50.	*49/2020/NQ-HĐQT*	24/8/2020	NQ về việc phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt
51.	*50/2020/NQ-HĐQT*	28/8/2020	NQ Phê duyệt Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2020 của Tập đoàn Bảo Việt theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được soát xét.
52.	*51/2020/NQ-HĐQT*	03/09/2020	NQ của HĐQT về chấp thuận bổ nhiệm lại chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
53.	*52/2020/NQ-HĐQT*	04/9/2020	NQ và biên bản phiên họp HĐQT quý III năm 2020, phiên họp ngày 28/8/2020 (bản mới)
54.	*53/2020/NQ-HĐQT*	09/9/2020	NQ Phê duyệt Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 của Tập đoàn Bảo Việt theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được soát xét
55.	*54/2020/NQ-HĐQT*	11/9/2020	Nghị quyết và biên bản họp HĐQT Tập đoàn Bảo Việt tháng 9 năm 2020
56.	*55/2020/NQ-HĐQT*	11/9/2020	NQ về việc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
57.	*56/2020/NQ-HĐQT*	14/10/2020	NQ của HĐQT về việc cử người chủ trì thực hiện các công việc của Bên mời thầu gói thầu "Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023 của Tập đoàn Bảo Việt" (ông Nguyễn Xuân Hòa)
58.	*57/2020/NQ-HĐQT*	18/09/2020	NQ phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt theo Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) đã được soát xét
59.	*58/2020/NQ-HĐQT*	29/9/2020	NQ của HĐQT về việc Thông qua quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của Tổng Công ty Bảo Hiểm Bảo Việt
60.	*59/2020/NQ-HĐQT*	06/10/2020	NQ về việc phê duyệt chủ trương triển khai Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực giữa Tập đoàn Bảo Việt, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo giai đoạn 8

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
61.	*60/2020/NQ-HĐQT*	07/10/2020	NQ Phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức năm tài chính 2019 Tập đoàn Bảo Việt
62.	*61/2020/NQ-HĐQT*	22/10/2020	NQ của HĐQT về công tác cán bộ tại Văn phòng Tập đoàn Bảo Việt (bà Lê Thị Thanh Châu)
63.	*62/2020/NQ-HĐQT*	06/11/2020	NQ về việc thông qua quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
64.	*63/2020/NQ-HĐQT*	13/11/2020	NQ phê duyệt gia hạn Hợp đồng thuê văn phòng tại Tòa nhà Bảo Việt 233 Đồng Khởi giữa Tập đoàn Bảo Việt và Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt
65.	*64/2020/NQ-HĐQT*	06/11/2020	NQ chấp thuận chủ trương điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Tháp Tài chính Quốc tế (IFT)
66.	*65/2020/NQ-HĐQT*	18/11/2020	Cung cấp hồ sơ cho SCIC
67.	*66/2020/NQ-HĐQT*	18/11/2020	NQ phê duyệt một số nội dung liên quan đến dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng - Trụ sở làm việc ở số 07 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
68.	*67/2020/NQ-HĐQT*	19/11/2020	NQ về việc thông qua quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của Công ty Đầu tư Bảo Việt
69.	*68/2020/NQ-HĐQT*	07/12/2020	NQ sử dụng dịch vụ của Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (giao dịch với người có liên quan)
70.	*69/2020/NQ-HĐQT*	07/12/2020	NQ Phiên họp HĐQT Tập đoàn Bảo Việt quý IV/2020
71.	*70/2020/NQ-HĐQT*	14/12/2020	NQ về việc chấp thuận bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
72.	*71/2020/NQ-HĐQT*	22/12/2020	NQ đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT năm 2020
73.	*72/2020/NQ-HĐQT*	24/12/2020	NQ phê duyệt Báo cáo Tài chính hợp nhất bán niên cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 của Tập đoàn Bảo Việt theo chuẩn mực lập Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) đã được soát xét
74.	*73/2020/NQ-HĐQT*	28/12/2020	NQ của HĐQT về việc Điều chỉnh cách xác định mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2020 của Người quản lý Tổng Công ty chuyên trách là đại diện vốn nhà nước tại Tập đoàn (BVNT)
75.	*74/2020/NQ-HĐQT*	28/12/2020	NQ của HĐQT về việc Điều chỉnh cách xác định mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2020 của Người quản lý Tổng Công ty chuyên trách là đại diện vốn nhà nước tại Tập đoàn (BHBV)
76.	*75/2020/NQ-HĐQT*	28/12/2020	NQ của HĐQT về việc Điều chỉnh cách xác định mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2020 của Người quản lý Công ty chuyên trách là đại diện vốn nhà nước tại Tập đoàn (QLQ)
77.	*76/2020/NQ-HĐQT*	30/12/2020	NQ thông qua tầm nhìn đến 2030, mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021-2025 của Tập đoàn tài chính BHBV; mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021-2025 của CTM và các CTC của TĐBV
78.	*77/2020/NQ-HĐQT*	31/12/2020	NQ phiên họp HĐQT Tập đoàn Bảo Việt tháng 12 năm 2020
79.	*78/2020/NQ-HĐQT*	31/12/2020	NQ của HĐQT về việc Chương trình hoạt động của HĐQT Tập đoàn Bảo Việt năm 2021



NGHIÊM TÚC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT, CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT NĂM 2020 THEO CÁC THÔNG LỆ TỐT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÊN THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC

Nhằm nâng cao công tác đánh giá hoạt động của HĐQT theo các thông lệ tốt về quản trị công ty trên thế giới và khu vực, năm 2020, HĐQT đã triển khai Quy chế hoạt động của HĐQT, hoàn thành công tác đánh giá Quy trình và các Tiêu chí đánh giá cụ thể đối với hoạt động của HĐQT, của từng thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT, cụ thể như sau:

Tiêu chí đánh giá hoạt động của HĐQT bao gồm 40 tiêu chí đánh giá về

- [i] Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT;
- [ii] Cơ cấu HĐQT;
- [iii] Quy trình của HĐQT;
- [iv] Kết quả hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT; và
- [v] Đánh giá thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và kế hoạch kinh doanh hàng năm.

Tiêu chí đánh giá hoạt động của từng thành viên HĐQT bao gồm 17 tiêu chí đánh giá về

- [i] Mức độ tương tác giữa các thành viên HĐQT;
- [ii] Chất lượng các ý kiến/đề xuất của các thành viên HĐQT;
- [iii] Thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HĐQT; và
- [iv] Vai trò của Chủ tịch HĐQT. Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm và Thư ký Công ty chịu trách nhiệm tham mưu cho HĐQT trong quá trình thực hiện đánh giá.

Các Tiêu chí đánh giá nêu trên được xây dựng trên cơ sở tham chiếu các chuẩn mực tại Phần E - Trách nhiệm của HĐQT tại Bộ câu hỏi cấp 1 - Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, Quy tắc Quản trị Công ty của OECD và tham khảo thông lệ về đánh giá hoạt động của HĐQT và thành viên HĐQT ở các nước phát triển trên thế giới.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong tháng 12 năm 2020, HĐQT đã thực hiện đánh giá kết quả hoạt động năm 2020 của HĐQT, các Ủy ban thuộc HĐQT và các thành viên HĐQT với một số kết quả cụ thể như sau:

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HĐQT VÀ CÁC ỦY BAN CỦA HĐQT

Kết quả đánh giá hoạt động của từng thành viên HĐQT

Căn cứ 13 tiêu chí đánh giá về **3** nhóm vấn đề

(i) Mức độ tương tác của các thành viên HĐQT;

(ii) Chất lượng các ý kiến/đề xuất của các thành viên HĐQT;

(iii) Thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT đã tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời đánh giá chéo hoạt động của các thành viên HĐQT khác.

Yếu | TB/Cần cải thiện | Khá | Tốt | Rất tốt

1	**Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT**	**4,5**		
2	**Thành phần và cơ cấu HĐQT**	**4,7**		• **Tính độc lập giữa thành viên HĐQT với Ban Điều hành và cổ đông lớn của Tập đoàn** • **Bổ sung thành viên HĐQT độc lập theo quy định đối với công ty đại chúng niêm yết.**
3	**Quy trình HĐQT**	**4,6**		
	3.1. Họp và tham dự họp HĐQT	4,6		
	3.2. Tiếp cận thông tin	4,6		
	3.3. Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản	4,3		
	3.4. Bổ nhiệm và bầu lại HĐQT (nếu có)	4,7		
4	**Kết quả hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT**	**4,4**		
	4.1. Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm	4,3		• Thành viên trong Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%). • Chủ nhiệm Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm là thành viên HĐQT độc lập
	4.2. Ủy ban Kiểm toán	4,2		• Ủy ban Kiểm toán bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên HĐQT độc lập. • Chủ nhiệm của Ủy ban Kiểm toán là thành viên HĐQT độc lập
	4.3. Ủy ban Chiến lược & Đầu tư	4,6		
	4.4. Ủy ban Tài sản nợ - Tài sản có (ALCO)	4,5		
5	**Đánh giá thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và kế hoạch kinh doanh hàng năm**	**4,5**		

Kết quả đánh giá: 09/09 thành viên HĐQT đều đạt từ 4,4 đến 4,8 điểm (điểm tối đa 5 điểm) – đạt mức RẤT TỐT và TỐT.

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT VÀ CÁC THÀNH VIÊN HĐQT:

1. HĐQT đã phát huy được vai trò và trách nhiệm của mình trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, đảm bảo cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tập đoàn.

2. HĐQT đã triển khai thực hiện nghiêm túc và hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2020.

3. Các Ủy ban thuộc HĐQT đã góp phần quan trọng trong việc tham mưu cho HĐQT các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Ủy ban như: chiến lược, đầu tư, bổ nhiệm nhân sự cấp cao, thù lao lương thưởng, kiểm toán và quản lý tài sản nợ - tài sản có...

4. Các thành viên HĐQT có mức độ chia sẻ thông tin rất tốt, chủ động đưa ra những đánh giá, phân tích chuyên sâu về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Tập đoàn.

5. Chủ tịch HĐQT phát huy vai trò trong việc triển khai hiệu quả các hoạt động của HĐQT, khuyến khích thành viên HĐQT tham gia ý kiến vào các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT; đảm bảo xây dựng các kế hoạch hoạt động của HĐQT trước năm tài chính và gửi tài liệu họp, tài liệu lấy ý kiến thành viên HĐQT tối thiểu 5 ngày trước ngày họp/ngày cho ý kiến.

Để tăng cường trách nhiệm của HĐQT, tuân thủ các chuẩn mực về Trách nhiệm của HĐQT tại Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN, HĐQT cần tiếp tục đẩy mạnh các công tác sau:

1. Tiếp tục tăng cường truyền thông sứ mệnh/tầm nhìn của Tập đoàn, xem xét chiến lược kinh doanh hàng năm để phù hợp diễn biến mới;

2. Xem xét bổ sung quy định về việc tổ chức cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành tại Quy chế Quản trị/Quy chế hoạt động của HĐQT;

3. Tăng cường tính độc lập giữa thành viên HĐQT với Ban Điều hành và cổ đông lớn của Tập đoàn qua việc bầu các thành viên HĐQT độc lập tham gia hoạt động của HĐQT, và tham gia vào hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT;

4. Tiếp tục nâng cao chất lượng báo cáo, tham mưu cho HĐQT các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của các Ủy ban thuộc HĐQT;

5T. Tăng cường hơn nữa việc chia sẻ thông tin giữa các thành viên HĐQT qua việc tăng cường cung cấp, cập nhật các thông tin về lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn, về tình hình thị trường và các cơ hội phát triển kinh doanh; khuyến khích thành viên HĐQT có những đánh giá, phân tích chuyên sâu về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cung cấp những đề xuất có tính thực tiễn và khả thi đối với các vấn đề trong chương trình nghị sự để HĐQT thảo luận quyết định.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

> Trong năm 2021, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ hàng Quý theo quy định và tổ chức các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020, thực hiện các vấn đề liên quan đến quản trị công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2021 trên toàn Tập đoàn, cụ thể như sau:

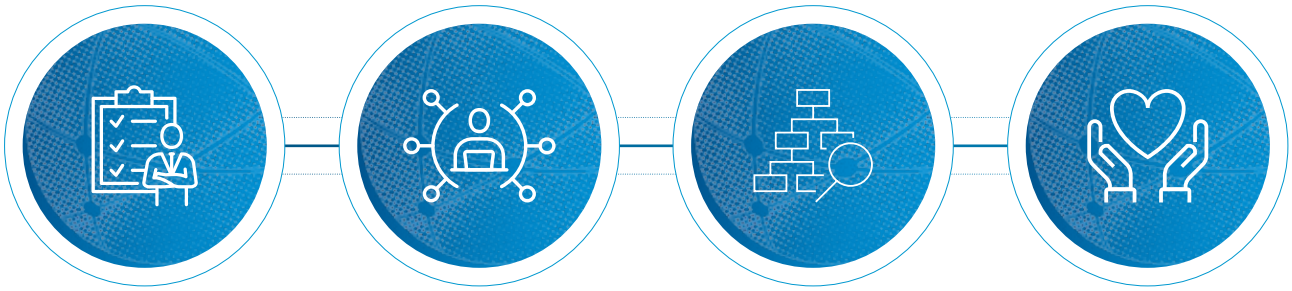

Triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, trong đó tập trung hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2020 và bám sát, phấn đấu hoàn thành tốt chiến lược giai đoạn 2016-2020, xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn 2030;

Tiếp tục phát huy những giá trị đã xây dựng và phát triển trong thời gian vừa qua, quyết liệt triển khai các giải pháp kinh doanh với phương châm "bình thường mới, tâm thế mới" trong năm 2021, trong đó tập trung đến các vấn đề:

- (i) Hiện đại hóa hệ thống giao tiếp với khách hàng trên nền tảng công nghệ số, trực tuyến. Nghiên cứu, áp dụng, học hỏi để Làm chủ công nghệ cao, tạo ra những khác biệt về dịch vụ, sản phẩm. Chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, điều hành;
- (ii) Tiếp tục thực hiện các bước Quy hoạch nhân sự cấp cao; Thực hiện luân chuyển nội bộ, tận dụng nguồn lực sẵn có; Thực hiện đánh giá hiệu quả công việc bằng các chỉ tiêu KPI rõ ràng;
- (iii) Đa dạng hóa sản phẩm và các kênh phân phối, mở rộng mạng lưới, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, tạo sự khác biệt.

Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp;

Phối hợp với các cơ quan quản lý của nhà nước xây dựng hành lang pháp lý, phát triển thị trường, sản phẩm mới; tiếp tục chú trọng triển khai các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng theo chủ trương của Đảng và Chính phủ, là doanh nghiệp tiên phong trong công tác bảo vệ môi trường, hướng tới thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt.


BAOVIET
KHẲNG ĐỊNH
THƯƠNG HIỆU VIỆT
267
TRIỆU USD
Theo danh sách Top 50 thương hiệu công ty có giá trị nhất Việt Nam
do Brand Finance công bố.
BAOVIET Holdings
BAOVIET Insurance
BAOVIET Life
BAOVIET Fund
BAOVIET Securities
BAOVIET Invest
BAOVIET Bank

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT





ỦY BAN KIỂM TOÁN

ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ (ALCO)

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY



ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ủy ban Kiểm toán (UBKT) là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, trực thuộc Hội đồng Quản trị (HĐQT), do HĐQT quyết định thành lập từ năm 2008. Đến nay, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của UBKT được sửa đổi phù hợp hơn với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt, nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ủy ban. Theo đó, UBKT có chức năng tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc:

1. Đảm bảo có được hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật một cách hiệu quả thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ.

2. Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về báo cáo tài chính ra bên ngoài (gồm các yêu cầu áp dụng cho việc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn) thông qua việc đánh giá các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (hoặc soát xét).

UBKT có các nhiệm vụ chính là:

- Quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đối với hoạt động của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ (KTKTNB), bao gồm: việc xây dựng Kế hoạch kiểm toán chiến lược và Kế hoạch kiểm toán hàng năm; các vấn đề về nghiệp vụ của KTKTNB trong báo cáo kết quả kiểm toán; Kiểm tra và giám sát kế hoạch kiểm toán nội bộ, tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ; Xem xét các kết quả trọng yếu thu được từ việc kiểm toán nội bộ và các phản hồi từ Tổng Giám đốc Tập đoàn, Lãnh đạo các Ban chức năng/Trung tâm của Tập đoàn và các Tổng Giám đốc Công ty con do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn.
- Đề xuất với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để đảm bảo KTKTNB có đủ nguồn lực tổ chức thực hiện việc kiểm toán.
- Đánh giá các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt hàng năm và giữa niên độ về việc tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán, các quy định về niêm yết và các yêu cầu của pháp luật liên quan đến báo cáo tài chính trình Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt. Thực hiện việc phối hợp với Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt về công tác liên quan đến lập báo cáo tài chính và kiểm toán độc lập.

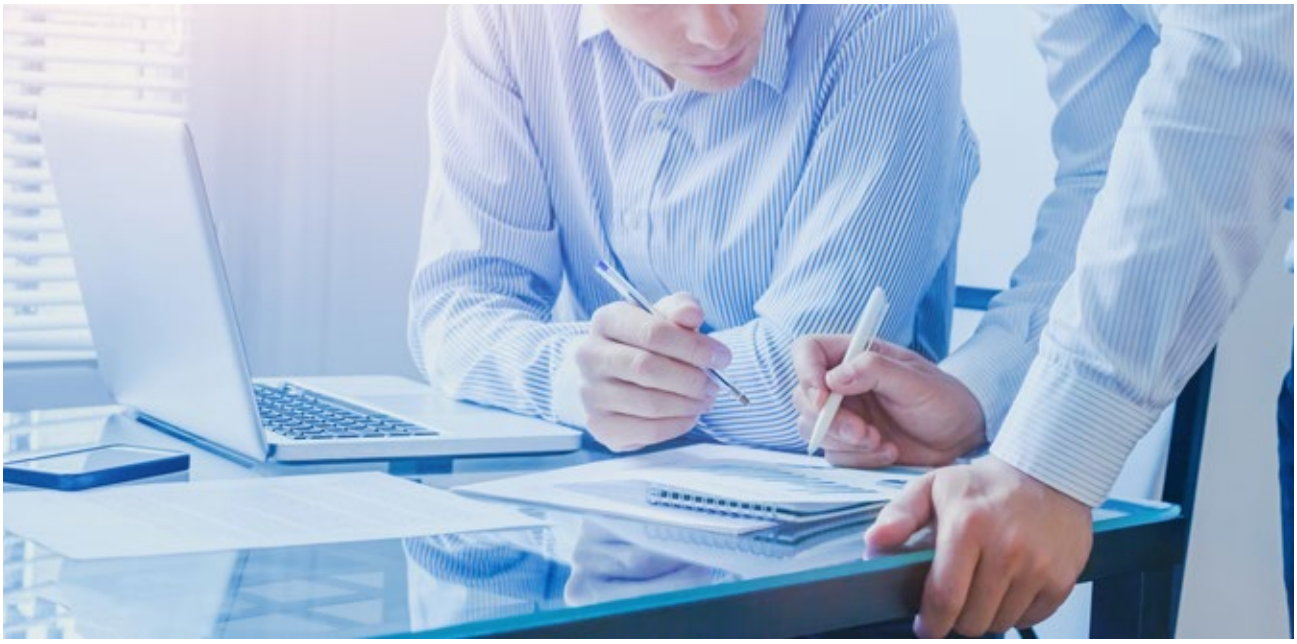

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

THÀNH PHẦN CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

"Năm 2020, UBKT tiếp tục hoạt động với thành phần bao gồm 01 Chủ nhiệm và 02 Ủy viên Ủy ban. Trong đó, Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên HĐQT, Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ; 01 Ủy viên là thành viên HĐQT, đại diện của Cổ đông chiến lược Sumitomo Life; 01 Ủy viên thường trực là Phó Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt. Các Ủy viên UBKT đều có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính, bảo hiểm và đầu tư."

Nhân sự Ủy ban Kiểm toán tại thời điểm 31/12/2020

Bà TRẦN THỊ DIỆU HẰNG
Thành viên HĐQT, Chủ nhiệm Ủy ban

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm, kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán Tập đoàn Bảo Việt;
- Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Ông NGUYỄN QUANG VINH
Phó Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ, Ủy viên thường trực

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm: 32 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Phó Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ, Ủy viên thường trực Ủy ban Kiểm toán

Ông TERUO SHIMMEN
Thành viên HĐQT, Ủy viên

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Nghiên cứu quốc tế

Kinh nghiệm: 29 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Trưởng Văn phòng đại diện Sumitomo Life tại Hà Nội.

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2020

Năm 2020, UBKT đã thực hiện các công việc chính theo chức năng và quyền hạn của mình như sau:

- Tham gia chỉ đạo việc lập kế hoạch KTNB và chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của KTKTNB nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, hoàn thành 100% kế hoạch KTNB năm 2020 được HĐQT phê duyệt; Chỉ đạo Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn thực hiện 37 cuộc kiểm toán, gồm 15 cuộc kiểm toán tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt, 14 cuộc kiểm toán tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ và 01 cuộc kiểm toán tại Trụ sở chính của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, 07 cuộc kiểm toán hoạt động Đầu tư. Các cuộc kiểm toán nội bộ đã phát hiện kịp thời những điểm yếu trong việc thực hiện các quy định nội bộ của Tập đoàn; quy chế, quy trình nghiệp vụ của các Tổng Công ty/Công ty, đưa ra các khuyến nghị phù hợp, khả thi. Bên cạnh đó KTKTNB còn có những đánh giá về việc thực hiện các quy định của nhà nước trong các lĩnh vực kinh doanh, giúp các đơn vị được kiểm toán tăng cường tính tuân thủ Pháp luật. Thông qua kết quả kiểm toán, HĐQT/ Tổng Giám đốc Tập đoàn đã có những chỉ đạo kịp thời nhằm tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả quản lý.

Công tác soát xét Báo cáo tài chính: Trong năm 2020, UBKT đã thực hiện phối hợp với Ban Kiểm soát, Công ty kiểm toán độc lập Ernst & Young và bộ phận tài chính các Tổng Công ty, Công ty con đối với Báo cáo tài chính năm 2020 đảm bảo các BCTC tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ công bố thông tin báo cáo tài chính của công ty niêm yết. Đồng thời, UBKT tiến hành đánh giá/ tư vấn ý kiến lưu ý và trình HĐQT phê duyệt đối với các báo cáo tài chính VAS đã kiểm toán của Công ty Mẹ và Hợp nhất của Tập đoàn năm 2020 theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS và Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS.

- UBKT đưa ra ý kiến về một số báo cáo/tờ trình của KTKTNB nhằm nâng cao chất lượng hoạt động KTNB; đồng thời tham gia ý kiến, đề xuất và báo cáo HĐQT/Tổng Giám đốc trong công tác tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy hoạt động của KTKTNB.

- Triển khai các hoạt động phối hợp của UBKT với các bộ phận của Công ty mẹ, các Tổng Công ty trong các công việc: tham gia ý kiến đối với các văn bản của Tập đoàn; tham gia ý kiến trong các cuộc họp RMC, ALCO và các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

- Để thực hiện nhiệm vụ trên, UBKT đã triển khai họp, thảo luận, tham gia ý kiến về các Báo cáo định kỳ cũng như các Báo cáo đánh giá Báo cáo tài chính của Ủy ban trước khi trình HĐQT.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Năm 2021, với nền tảng kinh nghiệm trong nước và quốc tế về kiểm toán, tài chính, bảo hiểm và đầu tư, UBKT tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT với mục đích:

1. Đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả;
2. Chỉ đạo công tác chuyên môn của KTKTNB đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2021 do HĐQT giao;
3. Thực hiện tốt nhiệm vụ liên quan đến Báo cáo tài chính và tổ chức kiểm toán độc lập;
4. Chỉ đạo công tác đảm bảo chất lượng KTNB: rà soát, cập nhật các văn bản quy định, quy trình đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Tập đoàn; bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Tập đoàn;
5. Phối hợp với các bộ phận của Công ty mẹ, các Tổng Công ty tham gia ý kiến trong các cuộc họp RMC, ALCO và các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT



ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM



CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là:

- Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt những vấn đề cơ bản về:
  - » Mô hình tổ chức bộ máy và mô hình quản trị doanh nghiệp;
  - » Chính sách quản lý lao động và tiền lương của Tập đoàn;
  - » Chính sách quản lý cán bộ của Tập đoàn.
  - » Những vấn đề liên quan đến tiền lương, tiền thưởng, qui hoạch và bổ nhiệm cán bộ, kiện toàn nhân sự do Hội đồng quản trị quản lý...

THÀNH PHẦN ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM

Dưới sự lãnh đạo của Chủ nhiệm Ủy ban, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm đã thực hiện tốt chức năng giúp việc cho HĐQT trong việc hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực (qui hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo tại Tập đoàn và các Công ty con có 100% vốn đầu tư của Tập đoàn) cũng như các chính sách nhân sự, tiền lương, tiền thưởng của cán bộ do Hội đồng Quản trị quản lý.

Nhân sự Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm làm việc tại thời điểm 31/12/ 2020:

Ông NGUYỄN XUÂN VIỆT
Thành viên HĐQT, Chủ nhiệm Ủy ban

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm: trên 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm, công nghệ thông tin

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Chủ nhiệm Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Tái bảo hiểm quốc gia (VinaRe).

Bà THÂN HIỀN ANH
Thành viên HĐQT, Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân ngân hàng, Cử nhân bảo hiểm

Kinh nghiệm: 23 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Ủy viên Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm Tập đoàn;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Ông PHÍ TRỌNG THẢO
Ủy viên chuyên trách

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ

Kinh nghiệm: 38 năm trong lĩnh vực bảo hiểm, giáo dục, đào tạo

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Ủy viên chuyên trách Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm Tập đoàn Bảo Việt.

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM NĂM 2020

Trong năm 2020, Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm đã tổ chức 03 cuộc họp trực tiếp với các nội dung:

1. Đánh giá công việc thực hiện năm 2019 và kế hoạch thực hiện công việc trong năm 2020;
2. Phân công nhiệm vụ các Ủy viên Ủy ban;
3. Thảo luận về định hướng xây dựng các Quy chế, Quy định của Tập đoàn Bảo Việt trong lĩnh vực quản trị nhân sự.

Bên cạnh đó, Ủy ban đã tiến hành 25 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thẩm định, đánh giá các đề xuất của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, để đề xuất Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định những vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân sự cấp cao sau đây:

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý cấp Khối của Tập đoàn Bảo Việt và Phương án bố trí, sắp xếp nhân sự tạm thời theo mô hình tổ chức bộ máy mới.
- Sửa đổi và bổ sung Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ủy ban TLBN theo mô hình tổ chức bộ máy mới .
- Việc quyết toán quĩ tiền lương năm 2019 và kế hoạch lao động tiền lương năm 2020 của Tập đoàn và các Công ty 100% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.
- Việc bổ nhiệm và bổ nhiệm lại Cán bộ quản lý Tập đoàn do Hội đồng Quản trị Quyết định.
- Việc kiện toàn nhân sự của các Ủy ban giúp việc Hội đồng Quản trị.
- Về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh quản lý tại Tập đoàn trong giai đoạn 2020 - 2025.
- Về việc đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt và các Thành viên HĐQT năm 2020.
- Việc điều chỉnh cách xác định mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2020 của Người quản lý chuyên trách Công ty con là đại diện vốn NN tại Tập đoàn.
- Về việc ban hành Quy chế trả lương của Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi bổ sung lần 6).



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Năm 2021, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm sẽ tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện chiến lược hoạt động kinh doanh của Tập đoàn giai đoạn 2016 – 2020. Tham gia việc xây dựng chiến lược kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025, đặc biệt vẫn quan tâm đến chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt, tư vấn tham mưu cho Hội đồng Quản trị chính sách về quản trị nhân sự trong phạm vi toàn Tập đoàn, nâng cấp hiệu quả quản trị điều hành tập trung trong thời kỳ cách mạng công nghệ 4.0.

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục chức năng và nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc hoàn thiện các chính sách chế độ, quy trình, quy định liên quan đến công tác quản trị nhân sự cấp cao, đặc biệt với mô hình quản trị mới áp dụng tại Tập đoàn và các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ (BVNT, BHBV, BVF, BVI).

Bên cạnh đó, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm đã và đang thực hiện công tác tham mưu cho HĐQT bổ sung thành viên HĐQT độc lập; tham mưu cho HĐQT kiện toàn mô hình quản trị của Tập đoàn, chú trọng quản trị mô hình kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro phù hợp các quy định mới (NĐ 05).

Đồng thời, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm cũng tham gia đóng góp vào việc thực hiện các Quy định của Ban Bí thư và của Chính phủ về đẩy mạnh cải tiến, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, cũng như những chính sách có liên quan đến việc triển khai thực hiện các văn kiện chính trị của Hội nghị Trung ương XIII.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT



ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ



CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn thông qua việc tư vấn và tham mưu về các nội dung liên quan đến lĩnh vực chiến lược và đầu tư, cụ thể:

- Tham mưu, tư vấn các vấn đề về chiến lược phát triển và chiến lược kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con.
- Tham mưu, tư vấn các vấn đề về chiến lược đầu tư, xây dựng chính sách và nguyên tắc đầu tư ngắn, trung và dài hạn; chiến lược, chính sách về quản lý rủi ro đầu tư; nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

THÀNH VIÊN ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trong năm 2020 hoạt động với 01 Chủ nhiệm – là Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt và là Thành viên HĐTV, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, 01 Ủy viên là đại diện của cổ đông Sumitomo Life; 01 Ủy viên là Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt. Các thành viên Ủy Ban đều có kinh nghiệm chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực xây dựng và quản trị chiến lược, triển khai thực hiện các dự án đầu tư, nâng cao vai trò tham mưu, tư vấn đề xuất HĐQT trong các quyết định liên quan tới chiến lược phát triển và các hoạt động đầu tư của Tập đoàn.

Nhân sự Ủy ban Chiến lược và Đầu tư làm việc tại thời điểm 31/12/2020:

Ông NGUYỄN ĐÌNH AN
Thành viên HĐQT, Chủ nhiệm Ủy ban

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ kinh tế - tài chính

Kinh nghiệm: 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 29/6/2020);
- Chủ nhiệm Ủy ban Chiến lược và đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.
- Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Ông NGUYỄN XUÂN HÒA
Kế toán trưởng, Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 21 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 13/01/2016),
- Ủy viên Ủy ban Chiến lược và đầu tư Tập đoàn,
- Giám đốc Ban Kế toán, Giám đốc Ban Tài chính Tập đoàn,
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt,
- Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC).

Ông TERUO SHIMMEN
Ủy viên chuyên trách

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Nghiên cứu quốc tế

Kinh nghiệm: 29 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Trưởng Văn phòng đại diện Sumitomo Life tại Hà Nội.

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NĂM 2020

Trong năm 2020, Ủy ban đã tiến hành 13 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản liên quan đến các nội dung sau:

1. Công tác xây dựng chiến lược phát triển và kinh doanh: tầm nhìn đến 2030, mục tiêu chiến lược tổng thể của Tập đoàn TC-BH Bảo Việt giai đoạn 2021 - 2025;
2. Chiến lược vốn của Tập đoàn và đơn vị thành viên: Chủ trương mua cổ phiếu quỹ của Tập đoàn Bảo Việt và Tăng vốn điều lệ cho Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ;
3. Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư mua sắm TSCĐ, XDCB, BĐS và CNTT;
4. Thẩm định và có ý kiến về hoạt động đầu tư: dừng bán chứng chỉ quỹ BVIF, Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực giữa TĐBV, BVNT và Sumitomo Life giai đoạn 8;
5. Thẩm định và có ý kiến về các quy chế quản lý về đầu tư: "Quy chế đầu tư và quản lý tài sản Công nghệ thông tin của Tập đoàn Bảo Việt"; Quy chế đầu tư và Quản lý tài sản CNTT của TĐBV; Sửa đổi Quy chế ALCO TĐBV.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Với vai trò và Ủy ban tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến chiến lược và đầu tư. Năm 2021, Ủy ban Chiến lược & Đầu tư sẽ tiếp tục tham mưu, cho ý kiến trong việc xây dựng và triển khai chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến 2030 của toàn Tập đoàn và các Đơn vị; cho ý kiến tư vấn đối với các khoản đầu tư chiến lược của Tập đoàn thuộc phân cấp của HĐQT theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT



ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ (ALCO)

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy Ban ALCO có chức năng tham mưu và tư vấn cho Hội đồng Quản trị trong việc:

1. Đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kết quả tài chính và việc phát triển kinh doanh, quản lý và phát triển vốn và tài sản tại Tập đoàn Bảo Việt và tại các Công ty Con.
2. Đánh giá và khuyến nghị các chính sách, biện pháp quản lý hiệu quả cơ cấu, tính cân đối và tốc độ tăng trưởng của Tài sản Nợ và Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và của Tập đoàn Bảo Việt đối với các Công ty Con với mục đích phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính và đảm bảo khả năng thanh toán khi đến hạn của doanh nghiệp cũng như đảm bảo các quy định về Biên khả năng thanh toán.
3. Theo dõi môi trường bên ngoài và xác định tác động lên mức độ sinh lời, Bảng Cân đối Kế toán và khả năng thanh toán theo các tình huống giả định.
4. Đánh giá và đưa ra các biện pháp triển khai thực hiện quản lý các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới Bảng Cân đối Kế toán và kết quả kinh doanh tại Tập đoàn Bảo Việt và của Tập đoàn Bảo Việt đối với các Công ty Con.

Ủy ban ALCO thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Khuyến nghị về các chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ, Tài sản Có, quản lý rủi ro liên quan đến Tài sản Nợ, Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con cho từng thời kỳ khác nhau.
2. Xem xét, đánh giá và khuyến nghị các giải pháp nhằm đảm bảo cơ cấu Tài sản Nợ, Tài sản Có và cân đối tốc độ tăng trưởng của Bảng Cân đối Kế toán với kế hoạch và chiến lược phát triển kinh doanh, quy mô vốn chủ sở hữu.
3. Xem xét, đánh giá và khuyến nghị về hiệu quả sử dụng Tài sản Nợ, Tài sản Có nhằm mục đích tối ưu hoá lợi nhuận và cân đối với rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con.
4. Phân tích và đánh giá khả năng thanh toán của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con theo thực tế, theo quy định của Tập đoàn Bảo Việt và của Pháp luật (nếu có), bao gồm đánh giá tác động của các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của đơn vị;

   Đánh giá tình hình đảm bảo an toàn vốn, cân đối giữa tài sản và trách nhiệm của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con.
3. Đánh giá và khuyến nghị các giải pháp quản lý các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và Bảng Cân đối Kế toán của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Khuyến nghị về các hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro, mức độ sinh lời và các chỉ tiêu khác đối với các cấp tại Tập đoàn Bảo Việt và tại các Công ty Con.

THÀNH PHẦN ỦY BAN ALCO

Ủy ban ALCO gồm các thành viên cơ cấu theo chức danh, trong đó: Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt là Chủ nhiệm Ủy ban, Giám đốc Ban Tài chính Tập đoàn Bảo Việt là Thành viên Thường trực Ủy ban, Thư ký Ủy ban gồm ba (3) thành viên. Các thành viên còn lại đến từ các Ban chức năng trong Tập đoàn và đại diện của các đơn vị thành viên *(Chủ tịch Hội đồng thành viên/Hội đồng Quản trị các Công ty thành viên)*.

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN ALCO NĂM 2020

Năm 2020, thực hiện phương châm "làm chủ công nghệ cao, khác biệt tạo hiệu quả", nhằm phát huy vai trò của công nghệ trong công tác thống kê, phân tích, báo cáo ALCO định kỳ đã được nghiên cứu chuyển đổi hệ thống dữ liệu và từng bước được xây dựng trên ứng dụng Power BI với các nội dung chính như sau:

1. **Báo cáo về biến động:**
   - Tình hình tài chính, Sự phù hợp Tài sản và Nợ phải trả;
   - Tình hình sử dụng vốn, nhu cầu vốn;
   - Biên khả năng thanh toán và Rủi ro thanh khoản.
2. Tóm tắt các vấn đề chính của các đơn vị thành viên.

Năm 2021, các báo cáo ALCO trên Power BI sẽ tiếp tục được hoàn thiện cả về hình thức và nội dung phục vụ mục đích quản trị của Tập đoàn.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN TRONG NĂM 2021



Năm 2021, Ủy ban ALCO Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục định hướng tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản, các khoản nợ của toàn Tập đoàn và tại các đơn vị thông qua việc đánh giá các tác động của thị trường, các rủi ro thanh khoản và các rủi ro có thể ảnh hưởng tới sự phù hợp giữa Tài sản Nợ và Tài sản Có; đưa ra khuyến nghị và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản, cũng như cung cấp các thông tin quản trị một cách đầy đủ kịp thời, cụ thể:

1. Tăng cường công tác đánh giá, quản lý, cân đối tài sản Nợ - tài sản Có tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên, cả về tần suất và chất lượng thực hiện;
2. Các Ban, đơn vị có liên quan thường xuyên trao đổi trực tiếp hoặc trực tuyến, hợp lực thực hiện các đánh giá và đề xuất khuyến nghị về chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên cho từng thời kỳ khác nhau; trên cơ sở xem xét, cập nhật các thay đổi trong kinh tế vĩ mô cũng như môi trường kinh doanh và tình hình thực tế tại đơn vị.
3. Xem xét, đánh giá các yếu tố tác động và đưa ra khuyến nghị về các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu hợp lý của Tài sản Nợ, Tài sản Có, cân đối tốc độ tăng trưởng của tài sản trên Bảng Cân đối Kế toán đảm bảo trách nhiệm với khách hàng, phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh bền vững của Tập đoàn;
4. Năm 2021, Ủy ban ALCO dự kiến tiếp tục nghiên cứu và đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ trong việc lập báo cáo ALCO, đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả của báo cáo, đồng thời tăng cường đẩy mạnh thực hiện đa dạng hóa các phương thức thông tin trao đổi; thảo luận, xin ý kiến qua thư điện tử, Workchat...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT



NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Người Phụ trách quản trị Tập đoàn ("NPTQTTĐ") là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của NPTQTTĐ là hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn về các hoạt động sau:

1. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
2. Tham dự các cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát và ghi chép biên bản;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp, các nội dung theo chỉ đạo của HĐQT;
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
5. Cung cấp các thông tin, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.
6. Tham mưu HĐQT, BKS trong việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quản trị nội bộ theo các quy định của Pháp luật liên quan.

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn, Quy chế quản trị của Tập đoàn, HĐQT đã bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Tập đoàn theo quy định. Đến thời điểm ngày 31/12/2020, NPTQTTĐ là Lãnh đạo Văn phòng Tập đoàn, có kinh nghiệm về tài chính, đầu tư; tham mưu, tư vấn đề xuất HĐQT trong các hoạt động của Hội đồng quản trị, trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Nhân sự Ủy ban Kiểm toán tại thời điểm 31/12/2020

Bà LƯƠNG THỊ BÍCH NGỌC
Thành viên HĐQT, Chủ nhiệm Ủy ban

Năm sinh: 1982

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ tài chính ngân hàng,
Chứng chỉ Kiểm toán viên, Bộ Tài chính

Kinh nghiệm: 16 năm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, thư ký công ty

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Người Phụ trách quản trị Tập đoàn kiêm Thư ký Tập đoàn.
- Phó Chánh Văn phòng Tập đoàn.

Chức vụ công tác đã qua:

- Trưởng Ban, Phó Trưởng ban phụ trách Ban Thư ký - Tổng hợp Tập đoàn; Phó Chánh Văn phòng Tập đoàn;
- Chuyên viên Ban Đầu tư/Đầu tư dự án/Đầu tư chiến lược Tập đoàn;
- Kiểm toán viên - Công ty cổ phần kiểm toán tư vấn thuế (ATC).

HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN NĂM 2020

Năm 2020, Người phụ trách quản trị Tập đoàn thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ và theo chỉ đạo, yêu cầu của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể như sau:

1. Tư vấn Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn Bảo Việt và cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông trong năm 2020 theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, phù hợp kế hoạch hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020 và tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt;
3. Tham dự và ghi chép, lập biên bản các cuộc họp HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ thường niên Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2020;
4. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ phù hợp với luật pháp; Phối hợp tổ chức triển khai, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, thông báo, kết luận của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông đảm bảo thời hạn theo quy định;
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
6. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn;
7. Nghiên cứu, đề xuất các khóa đào tạo cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các Ủy viên Ủy ban trực thuộc HĐQT Tập đoàn;
8. Thực hiện công tác lưu trữ, bảo mật các tài liệu, công văn ban hành của ĐHĐCĐ, Hội đồng Quản trị và các văn bản khác theo quy định;
9. Tham mưu, đề xuất HĐQT, BKS trong việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quản trị nội bộ của Tập đoàn phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của Tập đoàn;
10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Với vai trò là cơ quan tham mưu, tư vấn HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị, trong năm 2021, NPTQTTĐ sẽ tiếp tục chủ động tham mưu việc tổ chức các cuộc họp HĐQT hàng quý, các cuộc họp Ban Kiểm soát, tổ chức ĐHĐCĐ năm 2021 và các nội dung khác theo chức năng nhiệm vụ của NPTQTTĐ và theo chỉ đạo của HĐQT.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

> Bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư là nhiệm vụ vô cùng quan trọng của Ban Kiểm soát. Xác định được trọng trách của mình, Ban Kiểm soát đã không ngừng hoàn thiện các hoạt động để đáp ứng sự mong đợi của cổ đông và nhà đầu tư.



NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (BKS) là một bộ phận trong mô hình quản trị doanh nghiệp, được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt bầu ra, hoạt động của BKS tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật, quy định nội bộ có liên quan.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt, BKS có các quyền và nghĩa vụ chính như sau:

1. Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác của Tập đoàn trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn.
2. Thực hiện giám sát tình hình tài chính Tập đoàn, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và việc lập các báo cáo tài chính.
4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Tập đoàn; Báo cáo đánh giá công tác quản lý hàng năm và sáu tháng của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn.
6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
7. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tập đoàn.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn.

NHÂN SỰ CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS có 03 Kiểm soát viên, trong đó Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách và 02 Kiểm soát viên kiêm nhiệm. Các Kiểm soát viên đều đủ tư cách và đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Tập đoàn (hiện tại các Kiểm soát viên đều là kiểm toán viên hoặc kế toán viên; Trưởng Ban kiểm soát là kế toán viên chuyên nghiệp). Các Kiểm soát viên đều hoạt động độc lập, không giữ các chức vụ quản lý tại Tập đoàn, không làm việc tại bộ phận Kế toán của Tập đoàn hoặc Kiểm toán viên độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn.



Nhân sự của Ban kiểm soát trong năm 2020 gồm các thành viên sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bầu Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu BVH
1	Ông Ông Tiến Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	Ngày 29/11/2012 được bầu Kiểm soát viên Ngày 27/06/2018 được bầu lại Kiểm soát viên Ngày 29/06/2019 được bầu Trưởng Ban kiểm soát	**0,01%** (67.239 CP)
2	Bà Trần Thị Phương	Kiểm soát viên	Ngày 27/06/2018 được bầu Kiểm soát viên	**0,00%** (1.500 CP)
3	Ông Vũ Thanh Hải	Kiểm soát viên	Ngày 29/06/2019 được bầu Kiểm soát viên	**0,00%** (480 CP)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở quyền và nghĩa vụ đã được quy định và kế hoạch hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 Tập đoàn Bảo Việt thông qua, hoạt động của BKS trong năm 2020 đã đạt được các kết quả như sau:

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát
Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 phiên họp định kỳ với các nội dung chính như sau:

Ngày họp	Nội dung	Số KSV tham dự	Tỷ lệ
10/01/2020	• Thông qua Báo cáo và đánh giá kết quả hoạt động của BKS trong Quý III và Quý IV năm 2019. • Các công việc trọng tâm của BKS trong Quý I và Quý II năm 2020.	3/3	100%
24/06/2020	• Thông qua Báo cáo và đánh giá kết quả hoạt động của BKS trong Quý I và Quý II năm 2020 và các công việc trọng tâm của BKS Quý III và Quý IV năm 2020. • Thông qua dự thảo Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 Tập đoàn Bảo Việt. • Thông qua dự thảo Tờ trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 về chủ trương lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính TĐBV năm 2021, 2022, 2023 • Thông qua nội dung tham gia của BKS đối với Báo cáo quản trị công ty niêm yết, Báo cáo phát triển bền vững, Báo cáo thường niên năm 2019 của Tập đoàn (phần liên quan đến hoạt động của BKS). • Thông qua Công văn gửi HĐQT về một số nhận xét, đánh giá của BKS đối với Dự thảo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Tập đoàn Bảo Việt. • Thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2019 theo VAS và lập công văn gửi HĐQT Tập đoàn	3/3	100%
18/12/2020	• Thông qua Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 – 2021; • Thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên năm 2020 của Tập đoàn theo VAS và lập công văn gửi HĐQT Tập đoàn. • Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt trong Quý III và quý IV năm 2020; • Các công việc trọng tâm của BKS trong Quý I và Quý II năm 2021; • Thông qua kế hoạch sửa đổi Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 5 để phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020);	3/3	100%

Trong các cuộc họp, các Kiểm soát viên đều tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Việc tổ chức các cuộc họp và ban hành văn bản của BKS đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS.

Bên cạnh đó, để thực hiện các công việc của BKS, ngoài các cuộc họp trực tiếp, Trưởng BKS đã tổ chức lấy ý kiến của các Kiểm soát viên qua thư điện tử với các nội dung chính cụ thể như sau:

STT	Ngày/Tháng/Năm	Nội dung
1	27/08/2020	Ý kiến tham gia của BKS đối với BCTC riêng bán niên năm 2020 của Tập đoàn và một số đề xuất, kiến nghị
2	09/09/2020	Ý kiến tham gia của BKS đối với BCTC hợp nhất bán niên năm 2020 của Tập đoàn
3	21/09/2020	Tham gia ý kiến về Thành lập Hội đồng xử lý nợ tại VNS, VFC
4	22/09/2020	Tham gia ý kiến về phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu kiểm toán BCTC 2021,2022,2023.
5	20/10/2020	Tham gia ý kiến về phê duyệt Tờ trình của Bên mời thầu về Hồ sơ mời thầu gói thầu lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC 2021,2022,2023
6		Một số công việc thường xuyên khác BKS cần tham gia ý kiến theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS Tập đoàn.

GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN CỦA HĐQT



Năm 2020 là năm Tập đoàn gặp nhiều khó khăn (ngoài việc cạnh tranh khốc liệt trên thị trường, còn gặp phải đại dịch Covid bùng phát) đã ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh chung của Tập đoàn. Tuy nhiên dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, kịp thời, quyết liệt của HĐQT, TGĐ và những Người quản lý khác đã thực hiện thắng lợi Kế hoạch kinh doanh năm 2020. Cụ thể (theo số liệu Báo cáo tài chính trước soát xét): Doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2020 ước đạt 109% kế hoạch năm, tăng trưởng 9,2% so với cùng kỳ năm 2019; lợi nhuận hợp nhất (sau thuế) ước đạt 135,1% kế hoạch năm, tăng trưởng 28,3% so với cùng kỳ năm 2019. Tổng doanh thu Công ty Mẹ ước đạt 94,8% kế hoạch năm, giảm 9,8% so với thực hiện năm 2019; lợi nhuận sau thế đạt 101,1% kế hoạch năm, giảm 6,7% so với cùng kỳ năm 2019.

Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn qua số liệu BCTC đều hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh được giao. Trong đó: Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt hoàn thành 106,9% kế hoạch doanh thu, đạt 100,6% kế hoạch lợi nhuận, tiếp tục khẳng định vị trí số 1 về doanh thu trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ. Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ hoàn thành 104,9% kế hoạch doanh thu, đạt 95,1% kế hoạch lợi nhuận, tiếp tục khẳng định vị trí số 1 trên thị trường bảo hiểm nhân thọ về doanh thu.

Năm 2020, HĐQT đã tổ chức 06 phiên họp định kỳ, ngoài ra để ban hành kịp thời các nghị quyết, quyết định, HĐQT đã chủ động thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Trong năm 2020, HĐQT đã ban hành 78 Nghị quyết, 116 Quyết định để kịp thời chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, kiện toàn tổ chức bộ máy theo mô hình mới tại Công ty mẹ...; HĐQT đã tổ chức thành công Đại đội đồng Cổ đông thường niên 2020 và chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên; quyết định các công việc thuộc thẩm quyền HĐQT. Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy được kinh nghiệm, năng lực lãnh đạo của từng thành viên HĐQT. HĐQT đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Tập đoàn. Các Nghị quyết, Quyết định trong quản trị, điều hành của HĐQT ban hành phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh của Tập đoàn, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông được thực hiện đúng và đầy đủ.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

GIÁM SÁT CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN

Trong năm 2020, dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác đã có sự nỗ lực rất lớn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời đề ra và thực hiện các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Cụ thể:



- Kịp thời đề ra kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm công tác Phòng chống dịch Covid trong toàn Tập đoàn, qua đó đã hạn chế tối đa tác động tiêu cực của đại dịch đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.
- Chỉ đạo và hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2020 đối với Công ty Mẹ và toàn Tập đoàn theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao.
- Triển khai và thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy của Tập đoàn theo đúng kế hoạch. Đã rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành đầy đủ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị mới thành lập hoặc đơn vị có điều chỉnh về mô hình tổ chức.
- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc rà soát sửa đổi bổ sung Điều lệ, các quy chế quản trị nội bộ của Tập đoàn... để phù hợp với những thay đổi của Luật Doanh nghiệp mới có hiệu lực từ 1/1/2021 và các quy định của pháp luật có liên quan.
- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc xây dựng và tạm giao KHKD năm 2021; Thông qua tầm nhìn đến năm 2030, mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021-2025 của Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm Bảo Việt; mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021-2025 của Công ty mẹ và các Công ty con trong Tập đoàn Bảo Việt...

Trong quá trình điều hành Tổng Giám đốc đã tuân thủ theo phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế Quản trị, các quy chế nội bộ của Tập đoàn cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Năm 2020, Tập đoàn đã thực hiện kế hoạch kinh doanh với các chỉ tiêu chính như sau *(theo số liệu Báo cáo tài chính trước soát xét)*:

STT	Chỉ tiêu	KH 2020	Ước TH 2020	
1	Tổng doanh thu	1.488	1.410	94,8%
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000	1.012	101,1%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên vốn điều lệ (%)	13,5	13,6	100,74%

Trong năm 2020, Tập đoàn và các đơn vị thành viên đã tập trung thực hiện chuyển đổi số, đẩy nhanh triển khai tiến độ các dự án công nghệ thông tin trọng điểm và các ứng dụng Công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại vào phục vụ hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành, như:

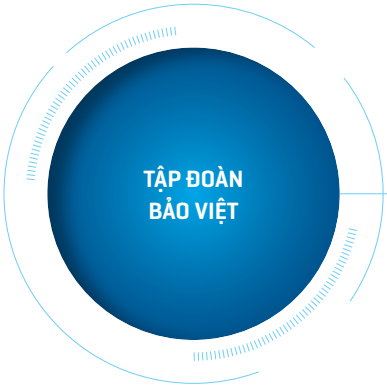

Tiếp tục triển khai Dự án Chuyển đổi số như: thử nghiệm và đánh giá phần mềm Voffice, triển khai phần mềm BVOffice, nghiên cứu triển khai chứng từ điện tử, chữ ký điện tử, triển khai bán hàng online qua kênh eshop.

Triển khai mở rộng kết nối InsureJ – SUN cho nghiệp vụ XCG; TSKT, Hàng hải (hàng hóa), tái bảo hiểm. BV Care: Giám sát CMC thực hiện gói BAGDV, tái tục và nghiên cứu phương án nâng cấp phần mềm BVCARE. Xem xét kết nối BVCare - SUN với Kế toán. Tiếp tục nâng cấp mở rộng: BV Direct, Eclaim, Agency, BVOffice; hóa đơn điện tử; nâng cấp website bán hàng; BaovietPay, phần mềm định giá. Triển khai dự án nâng cấp website bán hàng.



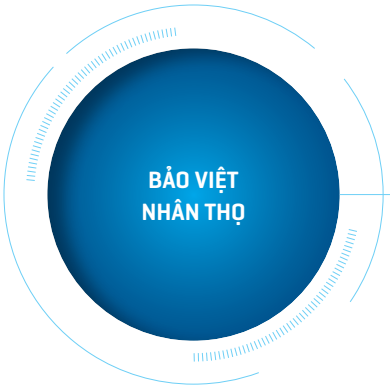

Hoàn thành dự án LIPA giai đoạn 1 và 1.5, triển khai giai đoạn 2 của dự án theo tiến độ đề ra, đảm bảo duy trì ổn định hiệu năng các hệ thống khác (A4Life, AID...); ứng dụng CNTT trong bán hàng để khắc phục ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Đảm bảo duy trì ổn định các công tác quản trị hệ thống mạng LAN, WAN, quản trị hệ thống giao dịch và các hệ thống kết nối giao dịch; Nâng cấp chương trình đặt lệnh ETF môi giới và tự doanh. Hoàn thành dự án SD - WAN...



Tiếp tục thực hiện Đề án hợp lực Tập đoàn Bảo Việt để phát huy các thế mạnh sẵn có của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt. Tăng cường hiện đại hóa hình ảnh, thương hiệu. Ra mắt thêm nhiều sản phẩm mới đột phá (BHBV, BVL, BVF, BVSC) để phù hợp với các kênh phân phối, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

GIÁM SÁT QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 VÀ VIỆC THÔNG QUA CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Qua giám sát BKS thấy rằng việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên và thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 tại Tập đoàn Bảo Việt đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Tập đoàn đã thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 với các nội dung như sau:

Năm 2020, Tập đoàn đã thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Tập đoàn thông qua với các nội dung như đã nêu trên.

Tập đoàn đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm tài chính 2019 theo tỷ lệ 8% (800 đồng/cổ phần) tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 đồng với tổng số tiền đã chi trả là 593.858.211.200 đồng và sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2019 để trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCD-TĐBV ngày 29/06/2020 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (BCTC) VÀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH

- Năm 2020, BKS đã thường xuyên trao đổi, phối hợp tốt với Ban Tài chính, Ban Kế toán, Kiểm toán viên độc lập và các bộ phận có liên quan để thẩm định việc lập, kiểm toán BCTC riêng của Công ty Mẹ và BCTC hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2019 và bán niên năm 2020.

- Qua thẩm định các BCTC riêng, BCTC hợp nhất bán niên năm 2020 của Tập đoàn đã được soát xét, kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập Ernst & Young Việt Nam (EY Việt Nam), Ban Kiểm soát nhận thấy: 1) Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên năm 2020 đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, thận trọng và phù hợp các quy định, các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam; 2) Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên năm 2020 đã được trình bày rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong 6 tháng đầu năm tài chính 2020 theo chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam; 3) BCTC riêng bán niên năm 2020 đã được soát xét bởi EY Việt Nam và không có kết luận ngoại trừ của kiểm toán, riêng BCTC bán niên hợp nhất có kết luận ngoại trừ của Kiểm toán độc lập (do một Công ty liên kết chưa cung cấp được đầy đủ thông tin về BCTC bán niên 2020) ; 4) BKS thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên năm 2020 của Tập đoàn đã được EY Việt Nam soát xét.

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ngoài các hoạt động như đã nêu trên, Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên đã tiến hành các hoạt động khác như:

1. Tham dự và thực hiện giám sát quá trình tổ chức các phiên họp Hội đồng Quản trị.
2. Báo cáo giám sát, đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Tổng Giám đốc, Báo cáo hoạt động của BKS giữa 02 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2019 - 2020 trình lên ĐHĐCĐ thường niên 2020.
3. Trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 về chủ trương lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập đồng thời phối hợp với Ban điều hành tổ chức đấu thầu lựa chọn xong Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC Tập đoàn Bảo Việt năm 2021, 2022, 2023.
4. Giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ soát xét và kiểm toán các BCTC năm 2020 theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán đã ký kết với EY Việt Nam.
5. Tham gia ý kiến với lãnh đạo Tập đoàn trong một số hoạt động quản lý, điều hành.

SỰ PHỐI HỢP CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Ban Kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tập đoàn và cổ đông, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và quy định nội bộ.
- Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, BKS thường xuyên trao đổi với các bộ phận chức năng: Ủy ban Kiểm toán, các Ban/Trung tâm/Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ của Tập đoàn để nắm bắt kịp thời các thông tin về việc quản trị, điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2021

Để hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, góp phần nâng cao năng lực trong quản trị, điều hành, nâng cao tính minh bạch nhằm mang lại quyền lợi hợp pháp, tối đa cho Tập đoàn và cổ đông, BKS sẽ tập trung thực hiện các nội dung sau:



1. Thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ mà Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát và các quy chế nội bộ của Tập đoàn, trong đó tăng cường công tác giám sát tình hình tài chính của Tập đoàn.
2. Nghiên cứu, cập nhật kịp thời các cơ chế chính sách mới ban hành, giám sát, đề xuất, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp để đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
3. Phối hợp tốt với HĐQT, Tổng Giám đốc và các Ban chức năng của Tập đoàn để kịp thời nắm bắt thông tin, tham gia ý kiến nhằm phục vụ tốt hơn nữa công tác quản trị điều hành của Tập đoàn Bảo Việt.

> Với trọng trách được cổ đông giao phó, với đội ngũ Lãnh đạo cấp cao trẻ, có trình độ, năng lực trong quản trị, điều hành và nhiệt huyết, sáng tạo trong công việc, năm 2020 mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và sự năng động, quyết liệt của Tổng Giám đốc, nên toàn Tập đoàn đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã giao. Trên cơ sở và nền tảng đã được gây dựng và với chủ trương **"Đoàn kết - Chia sẻ - Hợp lực - Đổi mới - Tiên phong"**, trong năm 2021, BKS tin tưởng rằng HĐQT, Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt hoàn thành tốt các mục tiêu, kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua.

TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT

VỀ CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG

Tiền lương của Thành viên chuyên trách Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được xác định theo quy định của Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ. Theo đó, tiền lương được gắn với mức độ hoàn thành chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn.

VỀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tiền thưởng năm 2020 của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được chi trả từ nguồn quỹ khen thưởng của người quản lý Tập đoàn. Quỹ khen thưởng của người quản lý Tập đoàn được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn và được ĐHĐCĐ thông qua tại nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 29/6/2020, bằng: 648,188 triệu đồng, tương đương 0,06% lợi nhuận sau thuế.



- Chế độ sử dụng ô tô của Tập đoàn
- Chế độ sử dụng điện thoại
- Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác
- Chế độ Khám sức khỏe định kỳ
- Chế độ công tác phí

VỀ CÁC CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ KHÁC ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT

1. Chế độ sử dụng ô tô của Tập đoàn

- Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Ban điều hành được sử dụng ô tô của Tập đoàn để thực hiện công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên tương ứng.
- Thành viên chuyên trách HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát được trang bị thẻ Taxi và/hoặc được cấp tài khoản Taxi công nghệ để phụ vụ đi lại giao dịch công tác theo định mức quy định của Tập đoàn

2. Chế độ sử dụng điện thoại

- Tập đoàn trang bị điện thoại di động tối đa 01 lần cho mỗi khoảng thời gian 02 năm liên tục đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
- Tập đoàn thanh toán cước phí điện thoại di động và khoán cước điện thoại cố định tại nhà riêng đối với Thành viên chuyên trách Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo mức quy định của Tập đoàn.

3. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác

- Ngoài tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát còn được tham gia Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm bệnh Ung thư, Bảo hiểm nhân thọ An Phát trọn đời, Hưu trí Tự nguyện, và bảo hiểm An nghiệp thành công.

4. Chế độ Khám sức khỏe định kỳ

- Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại bệnh viện y tế chất lượng cao tại Việt Nam và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế.

5. Chế độ công tác phí

- Thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát được sử dụng vé máy bay hạng thương gia và nghỉ tại khách sạn (trong và ngoài nước) theo tiêu chuẩn khách sạn 5 sao tại nơi công tác hoặc khoán theo chuyến công tác theo mức quy định của Tập đoàn.
- Kiểm soát viên được sử dụng hạng vé máy bay phổ thông và được thanh toán tiền phòng theo thực tế phát sinh hoặc khoán theo chuyến công tác nhưng không vượt quá mức quy định của Tập đoàn.

Ngoài các khoản chi phí nêu trên, Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát đi công tác được hưởng thêm phụ cấp lưu trú để bù đắp chi phí khác phát sinh.

TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT

NGUYÊN TẮC CHI TRẢ THÙ LAO

Việc chi trả thù lao hằng tháng đối với Thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên hằng năm của Tập đoàn Bảo Việt.

Quỹ thù lao năm 2020 của Thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát của Tập đoàn Bảo Việt do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt cụ thể như sau:



1. Mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị: 20 triệu đồng/người/tháng
2. Mức thù lao của Thành viên Kiểm soát viên: 10 triệu đồng/người/tháng

Quỹ thù lao thực hiện năm 2020 được xác định trên cơ sở số người quản lý không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc thực tế của từng thành viên và mức thù lao đảm bảo nguyên tắc không vượt quá 20% mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách Tập đoàn theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ.

THÙ LAO CHI TRẢ TRONG NĂM 2020

Căn cứ nguyên tắc xác định mức thù lao theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành của Tập đoàn, Quỹ thù lao thực hiện năm 2020 đối với thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát được xác định bằng: 1.754.413.793 đồng, trong đó:



1. Quỹ thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị: 1.514.413.793 đồng
2. Quỹ thù lao Thành viên Ban Kiểm soát: 240.000.000 đồng

BẢNG CHI TRẢ THÙ LAO ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TRÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

TT	Họ tên	HĐQT/BKS	Thù lao đã chi (VNĐ)
1	Đỗ Trường Minh	Thành viên HĐQT	228.000.000
2	Teruo Shimmen	Thành viên HĐQT	228.000.000
3	Kenji Yoneda	Thành viên HĐQT	228.000.000
4	Thân Hiền Anh	Thành viên HĐQT	228.000.000
5	Trần Thị Diệu Hằng	Thành viên HĐQT	228.000.000
6	Nguyễn Xuân Việt	Thành viên HĐQT	228.000.000
7	Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên HĐQT	32.413.793
8	Nguyễn Đình An	Thành viên HĐQT	114.000.000
9	Vũ Thanh Hải	Thành viên BKS	120.000.000
10	Trần Thị Phương	Thành viên BKS	120.000.000
	Tổng cộng		**1.754.413.793**

BẢNG CHI TRẢ TIỀN LƯƠNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Tiền lương sau thuế của Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác của Tập đoàn trong năm 2020 như sau:

TT	Tiền lương của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác	(VNĐ)
1	Ông Đào Đình Thi	1.188.203.387
2	Ông Đỗ Trường Minh	1.037.109.208
3	Ông Tiến Hùng	778.413.905
4	Ông Nguyễn Xuân Hòa	939.102.524

CHÍNH SÁCH QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

> Bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư là một trong những vấn đề cốt lõi được Bảo Việt tích hợp trong quản trị doanh nghiệp. Là doanh nghiệp niêm yết với gần 10.000 cổ đông, Bảo Việt luôn định hướng hoạt động quan hệ cổ đông hướng tới việc bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông, tuân thủ các qui định pháp luật, đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông.



BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẢM BẢO SỰ BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG

> Việc thực thi các chính sách bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo sự bình đẳng giữa cổ đông lớn và cổ đông thiểu số luôn được Bảo Việt chú trọng để đảm bảo các cổ đông được cung cấp thông tin như nhau, bao gồm các thông tin về thời gian và tỷ lệ chi trả cổ tức, thông tin về đợt phát hành, thông tin mời họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện quyền biểu quyết,...

CHUẨN HÓA QUY TRÌNH TỔ CHỨC ĐHĐCĐ THEO QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH VÀ CÁC THÔNG LỆ QUỐC TẾ

Trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty hiện nay như Thẻ điểm quản trị Asean, Nguyên tắc quản trị công ty của OECD và IFC, Bảo Việt tiếp tục chuẩn hóa quy trình về trình tự, thủ tục triệu tập họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, bố trí thời gian và địa điểm họp ở trung tâm, thuận tiện cho giao thông, đồng thời công bố đầy đủ tài liệu họp theo quy định trên website trước khi tổ chức họp 21 ngày và hướng dẫn cổ đông truy cập các tài liệu làm cơ sở thảo luận và biểu quyết thông tại Đại hội.

Bên cạnh đó, Bảo Việt luôn khuyến khích các cổ đông ý thức hơn về các quyền của mình bao gồm Quyền biểu quyết, quyền nhận cổ tức, quyền được đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, quyền thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyền tiếp cận các thông tin về hoạt động của Bảo Việt.

DUY TRÌ CHÍNH SÁCH CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT ĐỀU ĐẶN QUA CÁC NĂM

Năm 2020, chi trả cổ tức gần

600

[Tỷ đồng]



Tổng số tiền cổ tức Bảo Việt đã chi trả cho cổ đông kể từ khi niêm yết đến nay lên đến hơn

9.000

[Tỷ đồng]

Bảo Việt hiểu rằng một trong những quyền quan trọng nhất của cổ đông là quyền được nhận cổ tức. Thông qua chính sách cổ tức bằng tiền mặt đều đặn kể từ khi niêm yết, Bảo Việt mong muốn đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và đảm bảo thu nhập ổn định cho cổ đông. Năm 2020, với việc dành gần 600 tỷ đồng chi trả cổ tức đã nâng tổng số tiền cổ tức Bảo Việt đã chi trả cho cổ đông kể từ khi niêm yết đến nay lên đến hơn 9.000 tỷ đồng.

QUY TRÌNH CHI TRẢ CỔ TỨC TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



Bên cạnh đó, Bảo Việt đã thực hiện chuẩn hóa quy trình chi trả cổ tức với thủ tục đơn giản, cung cấp đầy đủ thông tin giúp cổ đông hiểu rõ thủ tục chi trả cổ tức, sử dụng công ty chứng khoán chuyên nghiệp làm dịch vụ chi trả cổ tức nhanh và đúng hạn đối với các cổ phiếu chưa lưu ký, tạo điều kiện cho cổ đông nhận tiền mặt trực tiếp hoặc nhận qua chuyển khoản với thủ tục đơn giản.

NÂNG CAO TÍNH MINH BẠCH VÀ MỨC ĐỘ TIN CẬY CỦA THÔNG TIN CUNG CẤP RA THỊ TRƯỜNG

Nhằm nâng cao mức độ tin cậy của số liệu, Bảo Việt đã duy trì việc lập Báo cáo tài chính theo hai chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực lập và trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Bên cạnh việc tuân thủ quy định về việc lập và soát xét đối với Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm, Bảo Việt còn thực hiện soát xét đối với báo cáo quý để đảm bảo mức độ tin cậy của các số liệu cung cấp ra thị trường.

Không chỉ thực hiện kiểm toán các thông tin tài chính - điều mà hầu hết các doanh nghiệp hiện nay đang làm, Bảo Việt còn tiên phong thực hiện kiểm toán đối với các chỉ tiêu phi tài chính để nâng cao mức độ tin cậy của thông tin khi được đảm bảo Khối Kiểm toàn nội bộ..

CÁC HOẠT ĐỘNG IR ĐÃ TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2020 NHẰM NÂNG CAO TÍNH MINH BẠCH VÀ MỨC ĐỘ TIN CẬY CỦA THÔNG TIN

NÂNG CAO MỨC ĐỘ TIN CẬY CỦA SỐ LIỆU

- Duy trì việc lập BCTC theo hai chuẩn mực VAS và IFRS;
- Soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm;
- Thực hiện soát xét đối với báo cáo quý.

CÔNG BỐ THÔNG TIN CHỦ ĐỘNG, MINH BẠCH

- CBTT theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC;
- Công bố kịp thời các thông tin được đánh giá là trọng yếu, có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư;
- Thường xuyên cập nhật chuyên mục dành riêng cho cổ đông trên website bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

TĂNG CƯỜNG ĐỐI THOẠI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

- Tăng cường gặp gỡ và tìm hiểu nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư;
- Giải đáp các vấn đề nhà đầu tư quan tâm.

Thông qua việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trọng yếu về công bố thông tin và thực thi các chính sách quan hệ cổ đông hiệu quả, kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định, giữ vị trí dẫn đầu thị trường bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ tại Việt Nam, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục được bình chọn vào Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất (Forbes 50), Doanh nghiệp bảo hiểm tốt nhất khu vực Châu Á Thái Bình Dương, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu cổ phiếu BVH.

CHÍNH SÁCH
QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

ĐA DẠNG HÓA CÁC KÊNH CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

> Thông tin là nền tảng của mọi quyết định đầu tư vì vậy Bảo Việt luôn nỗ lực đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các kênh cung cấp thông tin nhằm tạo điều kiện cho cổ đông và nhà đầu tư được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời về định hướng chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình quản trị doanh nghiệp...

Ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Bảo Việt còn chủ động công bố kịp thời các thông tin được đánh giá là trọng yếu, có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư; Chủ động công bố thông tin về các sản phẩm dịch vụ mới, các bước tiến trong hợp tác với cổ đông chiến lược để nhà đầu tư có thể nắm bắt kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động của Bảo Việt.

Việc duy trì phát hành Bản tin Nhà đầu tư (IR Newsletter) song ngữ Việt – Anh với nhiều thông tin phân tích về các chỉ tiêu nghiệp vụ đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đã nhận được nhiều phản hồi tích cực từ nhà đầu tư và chuyên gia phân tích do cung cấp cái nhìn cận cảnh về hoạt động kinh doanh tại Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.



ĐỊNH HƯỚNG 2021

Năm 2021, Bảo Việt đã xây dựng kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả và chuyên nghiệp hóa hoạt động quan hệ nhà đầu tư, trong đó tập trung và các hoạt động sau:

1. Tăng cường gặp gỡ, tìm hiểu nhu cầu của các nhà đầu tư, qua đó tìm kiếm các cơ hội hợp tác hiệu quả với nhà đầu tư tại Việt Nam và trên thế giới;
2. Cấu trúc lại giao diện chuyên trang dành cho cổ đông, nhà đầu tư trên website theo hướng thân thiện và tiếp cận hơn;
3. Tiếp tục thực hiện công bố thông tin song ngữ tiếng Anh – Việt đối với các tài liệu được đăng tải trên website Tập đoàn Bảo Việt;
4. Tăng cường số lượng và chất lượng các báo cáo phân tích về cổ phiếu BVH do tổ chức uy tín hàng đầu tại thị trường trong nước và khu vực.



GIAO DỊCH BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2020, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành giao dịch với các bên liên quan bao gồm các công ty con của Tập đoàn Bảo Việt thông qua hoạt động đầu tư, và cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ. Thông tin về các giao dịch được trình bày cụ thể tại bảng sau:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH
Bộ Tài chính	Cổ đông lớn	
Sumitomo Life Insurance	Cổ đông lớn	
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Công ty con	45/GPĐC15/ KDBH cấp ngày 29/3/2019 bởi Bộ Tài chính
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	Công ty con	46/GPDC9/KDBH cấp ngày 24/04/2019 tại Hà Nội bởi Bộ Tài chính
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	Công ty con	04/GPDC-UBCK cấp ngày 01/6/2017 tại Hà Nội bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Công ty con	36/GPHĐKD cấp ngày 02/08/2017 cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)	Công ty con	
Công ty TNHH Bảo Viêt Âu Lạc	Công ty con	

Ghi chú: Số liệu tại Bảng nêu trên được tổng hợp để phục vụ mục đích lập và công bố Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020 tại thời điểm 31/12/2020.

Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số tiền giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
Số 28 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	(386.007.840.000)	Tiền cổ tức năm 2019
7-18-24, Tsukiji, Chuo-ku, Tokyo, 104-8430, Japan	577.039.680	Doanh thu cho thuê văn phòng
	(131.156.336.800)	Tiền cổ tức năm 2019
	309.140.523	Doanh thu dịch vụ CNTT
	60.707.599.174	Doanh thu cho thuê văn phòng và khai thác bãi xe
	(6.283.601.336)	CP quản lý tòa nhà và chi phí tư vấn tiếp thị
	(6.115.261.350)	Chi phí năng lượng
	(4.005.250.930)	Chi phí sửa chữa tài sản và dịch vụ khác
104 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	48.405.000.000	Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn
	83.640.766.969	Doanh thu dịch vụ CNTT
	193.756.828	Doanh thu đào tạo
	66.339.414	PB CP sử dụng mặt bằng tầng 1- 72 THĐ
	2.714.445.574	PB chi phí biển tấm lớn
	2.216.255.584	Doanh thu cho thuê văn phòng
Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	520.160.000.000	Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn
	177.820.913.902	Doanh thu dịch vụ CNTT
	2.756.801.672	Doanh thu dịch vụ Đào tạo
	66.339.414	PB CP sử dụng mặt bằng tầng 1- 72 THĐ
	2.714.445.574	PB chi phí biển tấm lớn
	(850.000.000.000)	Tập đoàn chuyển tiền tăng vốn góp
Tầng 6, tòa nhà Bảo Việt, 72 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	30.435.000.000	Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn
	1.591.180.753	Doanh thu dịch vụ CNTT
	12.000.000	Doanh thu dịch vụ Đào tạo
72 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.045.329.432	Doanh thu dịch vụ CNTT
	16.000.000	Doanh thu dịch vụ đào tạo
	43.281.193.000	Cổ tức năm 2019
	(2.095.449.270)	Các chi phí tư vấn, lưu ký CK
	0	Không phát sinh giao dịch
	0	Không phát sinh giao dịch

THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Năm 2020, Tập đoàn Bảo Việt phát sinh một số giao dịch cổ phiếu của người nội bộ bao gồm giao dịch của Công đoàn công ty mẹ liên quan đến cổ phiếu ESOP. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán Trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin, Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị Công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên không phát sinh. Thông tin về sở hữu của cổ đông nội bộ năm 2020 được trình bày cụ thể tại Bảng sau:

STT	Họ tên Tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)/ Mối quan hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
I	**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**				
1	**Đào Đình Thi**	Chủ tịch HĐQT	174.174.815	23,46%	Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 174.119.770 Sở hữu cá nhân: 55.045
2	**Đỗ Trường Minh**	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	112.156.830	15,11%	Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 112.141.830 Sở hữu cá nhân: 15.000
3	**Kenji Yoneda**	Thành viên HĐQT	81.972.711	11,04%	Đại diện sở hữu phần vốn SML: 81.972.711 Sở hữu cá nhân: 0
4	**Teruo Shimmen**	Thành viên HĐQT	81.972.710	11,04%	Đại diện sở hữu phần vốn SML: 81.972.710 Sở hữu cá nhân: 0
5	**Thân Hiền Anh**	Thành viên HĐQT	49.096.953	6,61%	Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 49.062.050 Sở hữu cá nhân: 34.903
6	**Nguyễn Xuân Việt**	Thành viên HĐQT	49.146.005	6,62%	Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 49.062.050 Sở hữu cá nhân: 83.955
7	**Trần Thị Diệu Hằng**	Thành viên HĐQT, Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán Nội bộ	49.062.050	6,61%	Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 49.062.050 Sở hữu cá nhân: 0
8	**Nguyễn Đình An**	Thành viên HĐQT	49.072.010	6,61%	Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 49.062.050 Sở hữu cá nhân: 9.960
II	**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**				
1	**Ông Tiến Hùng**	Trưởng Ban Kiểm soát	67.239	0,01%	Sở hữu cá nhân
2	**Vũ Thanh Hải**	Kiểm soát viên	480	0,00%	Sở hữu cá nhân
3	**Trần Thị Phương**	Kiểm soát viên	1.500	0,00%	Sở hữu cá nhân
III	**THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH, KTT VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**				
1	**Nguyễn Xuân Hòa**	KTT - Người CBTT	40.314	0,01%	Sở hữu cá nhân
IV	**THƯ KÝ CÔNG TY KIÊM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ**				
1	**Lương Thị Bích Ngọc**	Người phụ trách Quản trị Công ty	98.800	0,01%	Sở hữu cá nhân

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Tập đoàn Bảo Việt áp dụng mô hình "Ba tuyến phòng thủ" để đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro được vận hành một cách hiệu quả và chặt chẽ:

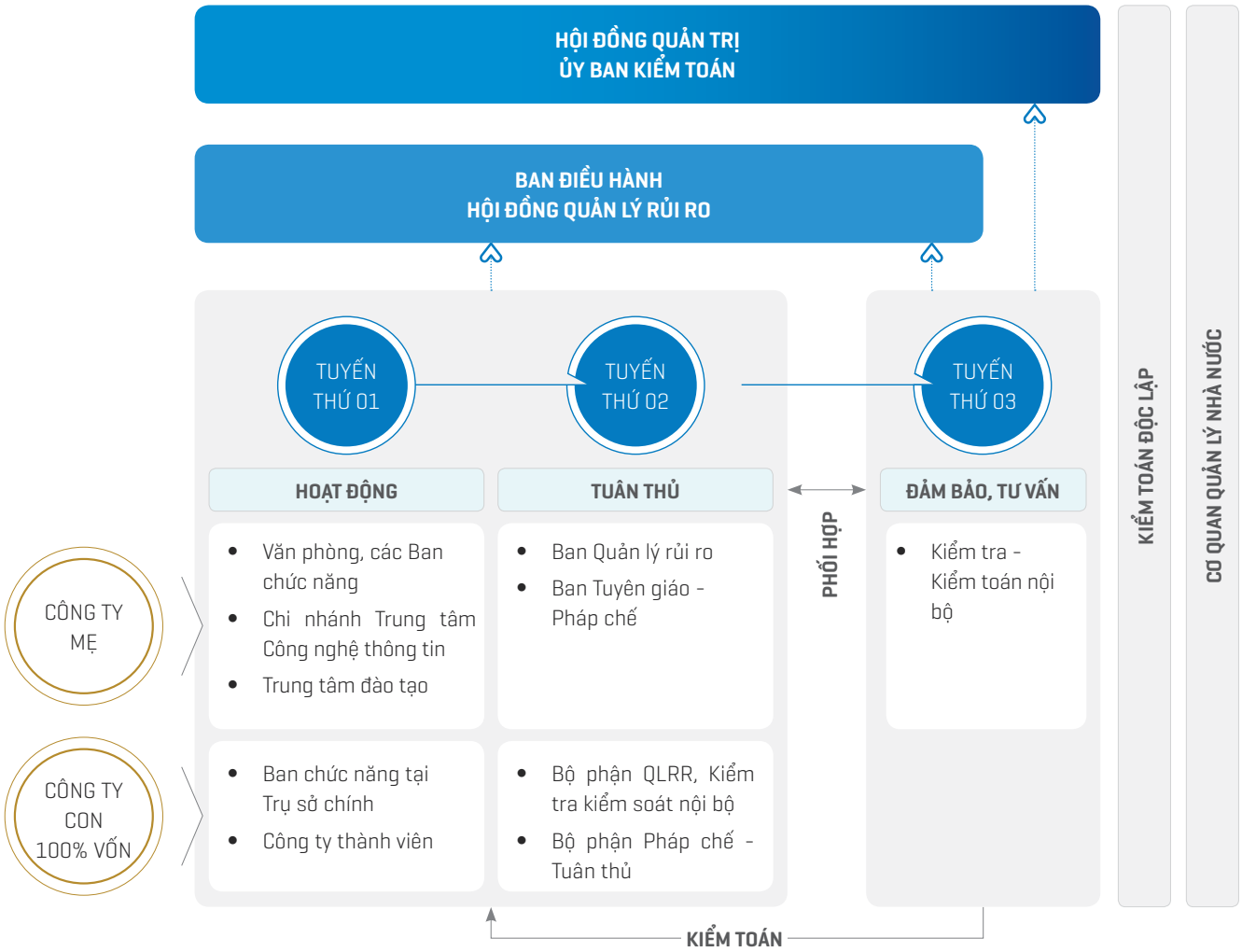

Tuyến phòng thủ thứ nhất là các bộ phận tác nghiệp, kinh doanh trực tiếp. Nhiệm vụ chính của các đơn vị này là xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác; bảo vệ lợi ích của đơn vị thông qua việc tự đánh giá, giám sát hiệu quả của biện pháp quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ tại đơn vị.

Tuyến phòng thủ thứ hai là bộ phận kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, pháp chế - tuân thủ. Nhiệm vụ của tuyến này là xây dựng chính sách và hướng dẫn về quản lý rủi ro và kiểm soát tuân thủ, cung cấp tư vấn, phản biện độc lập khách quan đối với Tuyến phòng thủ thứ nhất; quản lý rủi ro thông qua việc thiết lập khẩu vị rủi ro, hạn mức, xây dựng quy trình/hướng dẫn, theo dõi, cảnh báo sớm, quản lý danh mục rủi ro; thực hiện giám sát và kiểm tra tính tuân thủ thông qua hệ thống khung tuân thủ và biểu đồ tuân thủ của đơn vị.

Tuyến phòng thủ thứ ba là bộ phận Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ, đây là bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị, có nhiệm vụ kiểm tra độc lập, khách quan đối với tuyến phòng thủ thứ 1 và thứ 2 nhằm hỗ trợ các tuyến phòng thủ này cải thiện hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, qua đó hỗ trợ Hội đồng quản trị, Ban điều hành cải thiện công tác quản trị doanh nghiệp, bảo vệ tài sản, danh tiếng và sự bền vững của Tập đoàn.

Các bộ phận Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, pháp chế - tuân thủ tại Công ty Mẹ và các Công ty con là trợ thủ đắc lực của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban điều hành trong việc đảm bảo cho hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động một cách gắn kết, hiệu quả xuyên suốt toàn Tập đoàn.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

KHÁI NIỆM

Theo Quy chế Quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, kiểm soát nội bộ (KSNB) là quy trình do Tập đoàn Bảo Việt ban hành, được áp dụng trong phạm vi Tập đoàn Bảo Việt, được thực hiện và duy trì để tạo ra sự đảm bảo hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt.

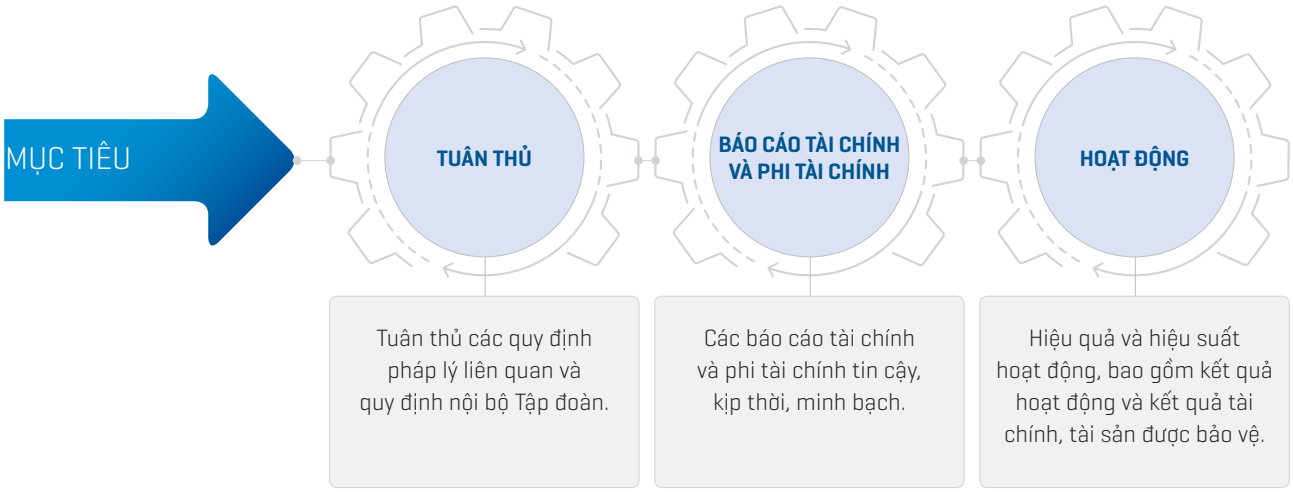

CÁC CẤU PHẦN CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA KIỂM TRA - KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt thực hiện đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ xuyên suốt toàn Tập đoàn theo tất cả các cấp độ dựa trên 17 nguyên tắc tương ứng với 05 cấu phần của khung kiểm soát nội bộ COSO 2013.

[[Bảng dưới đây mô tả phương pháp đánh giá của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ. Kết quả đánh giá chỉ có tính chất minh họa]

☑ *Có tồn tại/hiệu quả* ○ *Khu vực cải thiện tiềm năng* ○ *Hiệu lực*

Cấu phần và nguyên tắc		Đánh giá của Kiểm toán nội bộ		
Nguyên tắc	Mô tả kiểm soát tại Tập đoàn Bảo Việt	Kiểm soát có tồn tại không?	Kiểm soát có hoạt động hiệu quả không?	Kết luận
Tên cấu phần: Môi trường kiểm soát				
1. Cam kết về tính chính trực và các giá trị đạo đức	Đã ban hành Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp.	☑	☑	○
2. HĐQT độc lập với Ban điều hành và thực hiện giám sát việc xây dựng, triển khai và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ	Quy định rõ và thống nhất trách nhiệm kiểm soát nội bộ của HĐQT, Ban điều hành, các bộ phận, cá nhân trong Quy chế quản trị và các quy định có liên quan khác.	☑	☑	○
3. Ban điều hành, dưới sự giám sát của HĐQT, thiết lập cơ cấu tổ chức, cơ chế báo cáo và phân định quyền hạn, trách nhiệm trong việc thực hiện mục tiêu		☑	☑	○

Cấu phần và nguyên tắc		Đánh giá của Kiểm toán nội bộ		
Nguyên tắc	Mô tả kiểm soát tại Tập đoàn Bảo Việt	Kiểm soát có tồn tại không?	Kiểm soát có hoạt động hiệu quả không?	Kết luận
4. Cam kết thu hút, phát triển và duy trì các cán bộ có năng lực phù hợp với mục tiêu của Tập đoàn	Ban hành và thống nhất áp dụng Quy chế tuyển dụng nhân sự, Quy chế đào tạo, Quy chế bổ nhiệm, Quy chế luân chuyển cán bộ, Quy chế trả lương, Quy định về quản lý hiệu quả làm việc...	☑	☑	○
5. Đảm bảo các cá nhân chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ trong việc thực hiện mục tiêu	Tham chiếu nguyên tắc 2 và 3.	☑	☑	○
Tên cấu phần: Đánh giá rủi ro				
6. Xác định rõ các mục tiêu, làm cơ sở cho việc nhận diện và đánh giá các rủi ro liên quan đến mục tiêu	Ban hành Chiến lược quản lý rủi ro và thiết lập mục tiêu quản lý rủi ro hàng năm xuyên suốt từ Tập đoàn đến các Công ty con để đảm bảo hỗ trợ cho việc nhận diện, đánh giá, xử lý các rủi ro và đảm bảo tính gắn kết giữa mục tiêu và rủi ro ở mọi cấp độ (chiến lược, hàng năm, toàn Tập đoàn, từng đơn vị thành viên, từng bộ phận, quy trình, cá nhân).	☑	☑	○
7. Nhận diện rủi ro liên quan đến việc hoàn thành mục tiêu xuyên suốt toàn Tập đoàn và phân tích rủi ro làm cơ sở cho việc xác định cách thức quản lý rủi ro	Ban hành Quy chế quản lý rủi ro nhằm nhận diện, kiểm soát và báo cáo về các rủi ro chính, bao gồm: rủi ro bảo hiểm, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro danh tiếng, rủi ro chiến lược, rủi ro phát triển bền vững; Quy chế quản lý rủi ro quy định rõ cơ cấu tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm của các cấp trong công tác quản lý rủi ro; cách thức nhận diện các rủi ro trọng yếu và các chuẩn mực quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con Ban hành Chính sách quản lý rủi ro, Tuyên bố khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro chủ yếu của Tập đoàn Bảo Việt cho từng thời kỳ.	☑	☑	○
8. Xem xét nguy cơ gian lận khi đánh giá rủi ro liên quan đến việc hoàn thành các mục tiêu	Rủi ro gian lận là một trong số các loại rủi ro được nhận diện, đánh giá trong Quy chế quản lý rủi ro, Chính sách quản lý rủi ro.	☑	☑	○
9. Nhận diện và đánh giá các thay đổi có thể ảnh hưởng đáng kể đến hệ thống kiểm soát nội bộ	Các vấn đề liên quan đến rủi ro (ví dụ: các yếu tố tác động từ môi trường bên ngoài như chính sách, cơ chế, chính trị...) được phản ánh trong các Báo cáo Ban điều hành đồng thời được phân tích, đánh giá và xử lý tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) và Ủy ban Tài sản Nợ - Tài sản có (ALCO).	☑	☑	○
Tên cấu phần: Hoạt động kiểm soát				
10. Lựa chọn và phát triển các hoạt động kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro ở mức độ có thể chấp nhận được	Các biện pháp kiểm soát được thiết lập và vận hành đối với mọi hoạt động tại tất cả các cấp, được lồng ghép trong các tác nghiệp hàng ngày ở tất cả các quy trình nghiệp vụ.	☑	☑	○
11. Lựa chọn và phát triển các hoạt động kiểm soát chung về công nghệ thông tin để hỗ trợ thực hiện các mục tiêu	Các loại hình kiểm soát chính bao gồm: Kiểm soát định hướng, Kiểm soát phòng ngừa, Kiểm soát phát hiện; Kiểm soát thủ công, Kiểm soát tự động. Trong đó kiểm soát tự động thông qua hệ thống CNTT đóng vai trò quan trọng nhằm hạn chế sai sót và tác động của con người tới hiệu quả của kiểm toán.	☑	☑	○
12. Triển khai các hoạt động kiểm soát thông qua các chính sách và thủ tục	Các biện pháp kiểm soát chính bao gồm: rà soát kết quả hoạt động của Ban điều hành cấp cao, từng phòng ban; thẩm định, phê duyệt; phân tích các chỉ số KPIs...	☑	☑	○

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ & HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

☑ *Có tồn tại/hiệu quả* ○ *Khu vực cải thiện tiềm năng* ○ *Hiệu lực*

Cấu phần và nguyên tắc		Đánh giá của Kiểm toán nội bộ		
Nguyên tắc	Mô tả kiểm soát tại Tập đoàn Bảo Việt	Kiểm soát có tồn tại không?	Kiểm soát có hoạt động hiệu quả không?	Kết luận
Tên cấu phần: Thông tin và truyền thông				
13. Thu thập, tạo lập và sử dụng những thông tin thích hợp và có chất lượng để hỗ trợ cho hệ thống kiểm soát nội bộ	Các thông tin bên ngoài có liên quan hoặc ảnh hưởng đến Tập đoàn Bảo Việt được thường xuyên theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá và xử lý tại Ban Truyền thông - Thương hiệu.	☑	☑	○
14. Truyền thông trong nội bộ Tập đoàn các thông tin cần thiết, bao gồm thông tin về mục tiêu và trách nhiệm của các cá nhân đối với KSNB, nhằm hỗ trợ cho hệ thống kiểm soát nội bộ	Ban điều hành xây dựng một mạng xã hội chung (Workplace) trong toàn hệ thống Bảo Việt đảm bảo trao đổi thông tin cởi mở. Các thông tin cần thiết được truyền đạt một cách thông suốt, kịp thời và hiệu quả giữa các cấp, bộ phận và cá nhân có liên quan.	☑	☑	○
15. Truyền thông với các bên liên quan bên ngoài Tập đoàn về những vấn đề ảnh hưởng đến hệ thống kiểm soát nội bộ	Các thông tin cung cấp ra bên ngoài cho khách hàng, đối tác, cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua Người được ủy quyền Công bố thông tin của Tập đoàn Bảo Việt.	☑	☑	○
Tên cấu phần: Giám sát				
16. Lựa chọn, phát triển và thực hiện đánh giá liên tục và/hoặc độc lập để xác nhận sự hiện hữu và sự vận hành của các cấu phần của hệ thống kiểm soát nội bộ	Giám sát thường xuyên: lãnh đạo các bộ phận kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động kiểm soát của cán bộ, nhân viên dưới quyền trong các tác nghiệp hàng ngày. Xây dựng và triển khai hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo đầu tư real-time để giám sát thường xuyên tình hình kinh doanh và hoạt động đầu tư của Công ty Mẹ và các công ty con trong toàn hệ thống, hỗ trợ Ban điều hành trong việc ra quyết định.	☑	☑	○
17. Đánh giá và truyền thông kịp thời các điểm yếu của hệ thống kiểm soát nội bộ tới các bên chịu trách nhiệm thực hiện hành động khắc phục, bao gồm Ban điều hành và Hội đồng quản trị, nếu phù hợp	Giám sát độc lập/định kỳ: Việc giám sát định kỳ được thực hiện thông qua Ủy ban Kiểm toán. Ủy ban Kiểm toán cung cấp cho Hội đồng quản trị các đánh giá về tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn, của bộ phận Kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các Đơn vị thành viên, và của Kiểm toán độc lập.	☑	☑	○

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

> Năm 2020, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục tập trung tái cơ cấu và rà soát toàn bộ hệ thống văn bản quy định nội bộ cũng như thực tế hoạt động để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật mới của Nhà nước trong lĩnh vực kiểm toán nội bộ và phù hợp với bối cảnh có sự tác động của dịch Covid-19. Đồng thời, tính hiệu lực của các khuyến nghị của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ cũng được nâng cao hơn nữa thông qua việc tăng cường vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo các đơn vị được kiểm toán trong việc thực hiện khuyến nghị của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ.

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán cho Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt dựa trên hoạt động đảm bảo và tư vấn nhằm hỗ trợ Tập đoàn đạt được các mục tiêu.



NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

ĐỘC LẬP

Xây dựng, đề xuất với Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị phê chuẩn việc lựa chọn quy trình kiểm toán, đối tượng kiểm toán, phạm vi kiểm toán, tần suất kiểm toán, thời điểm kiểm toán

Thực thi hoạt động kiểm toán, đưa ra các phát hiện, kết luận, phát hành báo cáo kiểm toán

KHÁCH QUAN

Trung thực, công bằng, không định kiến khi thực hiện nhiệm vụ

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ & HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

CƠ CẤU TỔ CHỨC

TRƯỞNG KIỂM TRA - KTNB

PHÓ TRƯỞNG KIỂM TRA - KTNB

Ban Kiểm toán Bảo hiểm Phi Nhân thọ	Ban Kiểm toán Đầu tư	Ban Kiểm toán Bảo hiểm Nhân thọ
Thực hiện kiểm toán tại Trụ sở chính Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (ngoại trừ hoạt động đầu tư tài chính) và 79 công ty thành viên.	Thực hiện kiểm toán tại Tập đoàn Bảo Việt, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt, Công ty Đầu tư Bảo Việt, hoạt động đầu tư tài chính tại Trụ sở chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (không bao gồm hoạt động tạm ứng từ giá trị giải ước) và Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.	Thực hiện kiểm toán tại Trụ sở chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (ngoại trừ hoạt động đầu tư tài chính) và 76 công ty thành viên.

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro để thực hiện các hoạt động kiểm toán, theo đó Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro để xác định mục tiêu, đối tượng kiểm toán, phạm vi kiểm toán và cách thức thực hiện kiểm toán.

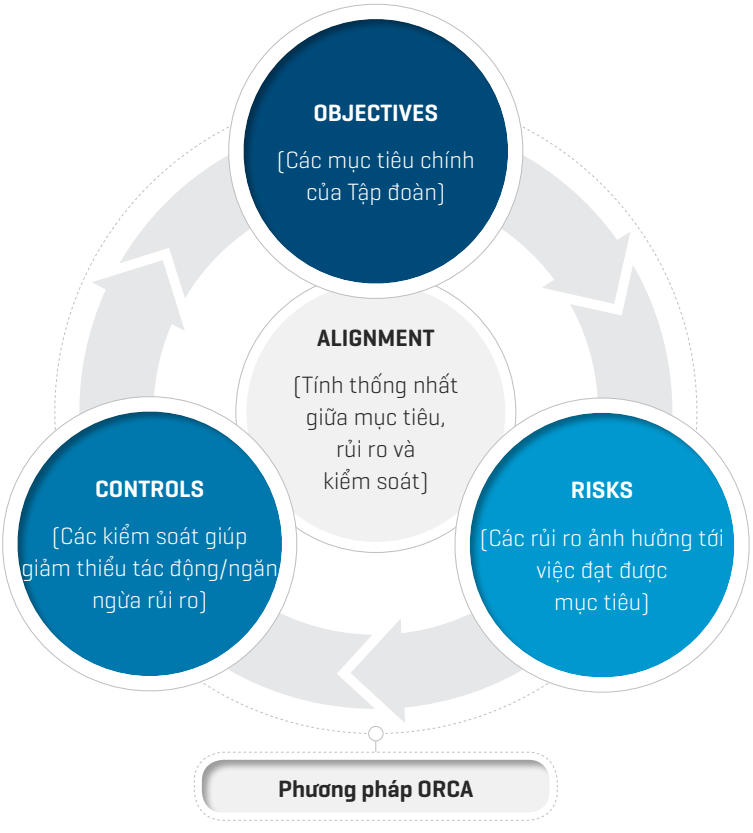

QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ



CÁC GIAI ĐOẠN TRONG QUÁ TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ

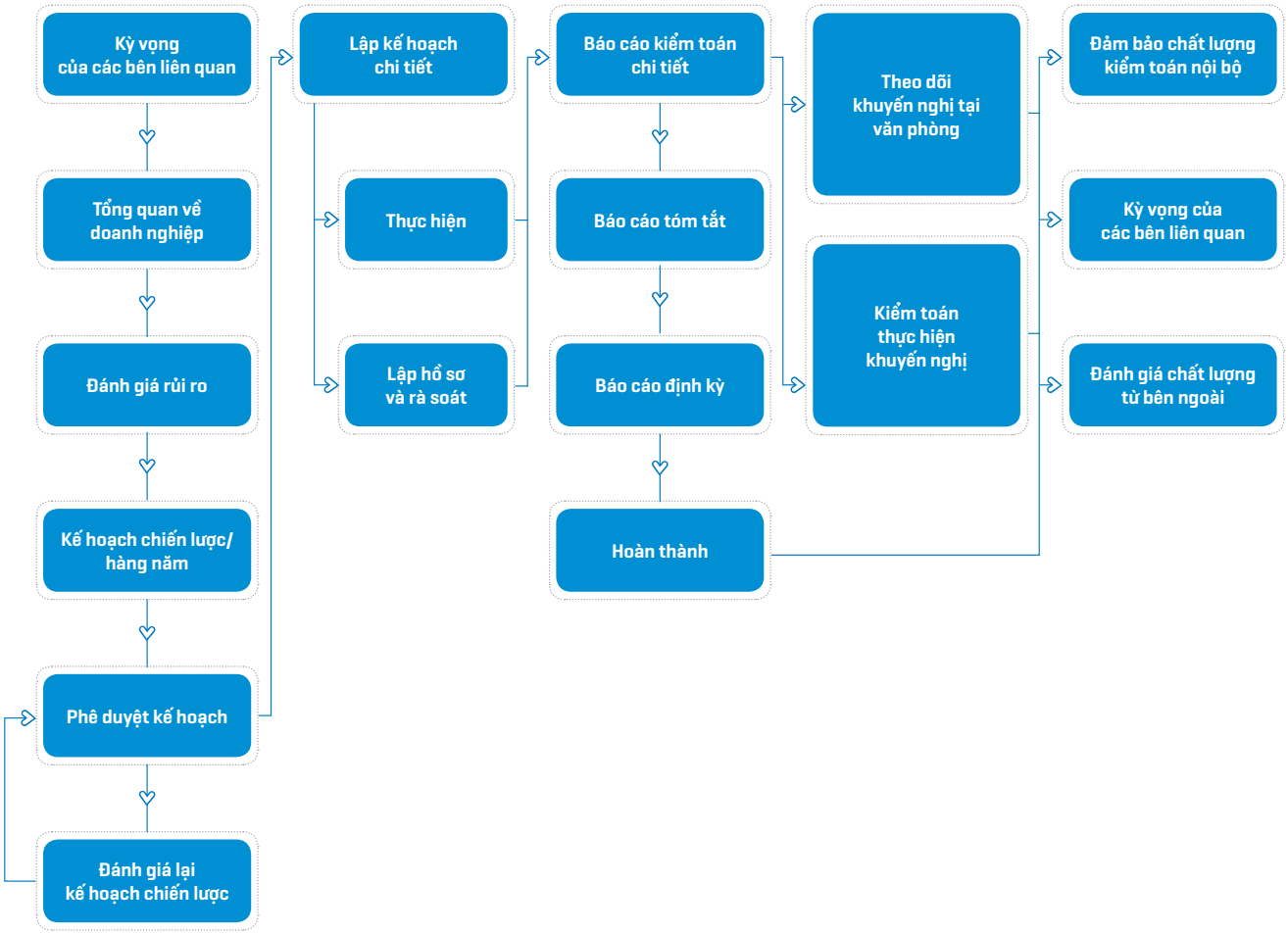

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ & HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

CHUẨN MỰC HOẠT ĐỘNG

Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các chuẩn mực, thông lệ quốc tế, hướng tới việc tuân thủ Khung thực hành nghề quốc tế chuyên nghiệp (International Professional Practices Framework – IPPF) của Viện Kiểm toán viên nội bộ Hoa Kỳ (The Institute of Internal Auditors – IIA).

Hầu hết các chuẩn mực kiểm toán nội bộ được quy định tại Thông tư số 08/2021/TT-BTC ngày 25/01/2021 đã được thực hiện bởi Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt. Dưới đây là minh họa việc thực hiện một số chuẩn mực:



Số hiệu chuẩn mực	Tiêu đề chuẩn mực	Thực hiện chuẩn mực
1000	**Mục đích, quyền hạn, và trách nhiệm**	Quy chế tổ chức hoạt động của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt do Hội đồng quản trị ban hành đã quy định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đối tượng và phạm vi kiểm toán, nguyên tắc hoạt động (tính độc lập và tính khách quan), trách nhiệm báo cáo, tiêu chuẩn cho hoạt động của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ.
1110	**Tính độc lập về tổ chức**	Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ và các chức danh quản lý của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp tới cấp quản trị cao nhất của Tập đoàn – Hội đồng quản trị. Kế hoạch kiểm toán, kế hoạch ngân sách, kế hoạch nguồn lực của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị phê duyệt.
1120	**Tính khách quan của người làm công tác kiểm toán nội bộ**	Quy chế tổ chức hoạt động của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành và Chuẩn mực đạo đức của Kiểm toán viên nội bộ do Ủy ban Kiểm toán ban hành đã quy định rõ về tính khách quan của Kiểm toán viên. Tính khách quan của Kiểm toán viên được quản lý và giám sát chặt chẽ thông qua việc đào tạo nâng cao nhận thức và bố trí sắp xếp nhân sự cho các cuộc kiểm toán.

Số hiệu chuẩn mực	Tiêu đề chuẩn mực	Thực hiện chuẩn mực
1210	**Năng lực chuyên môn**	Bản đồ học tập chuyên môn nghiệp vụ của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ được xây dựng và triển khai trên cơ sở tham khảo Khung năng lực Kiểm toán nội bộ toàn cầu của IIA. Các hình thức đạo tạo cho đội ngũ Kiểm toán viên nội bộ: • Đào tạo theo Bản đồ học tập chung của Tập đoàn; • Đào tạo thường xuyên 1-1 trên công việc; • Đào tạo tập trung cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ với các đối tác tư vấn, đào tạo uy tín thuộc các cơ quan quản lý nhà nước và Big 4. • Đào tạo thông qua các chứng chỉ nghề nghiệp (CIA, ANZIIF, LOMA, ACCA, CPIA, CPA Việt Nam...). • Tự đào tạo nội bộ cập nhật các rủi ro mới nổi, các xu hướng mới trong hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, quản trị doanh nghiệp, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực thuộc phạm vi kiểm toán của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ.
1300	**Chương trình đảm bảo và cải tiến chất lượng**	Đánh giá nội bộ thường xuyên thông qua tự đánh giá rút kinh nghiệm và khảo sát mức độ hài lòng của đơn vị được kiểm toán sau mỗi cuộc kiểm toán. Đánh giá nội bộ định kỳ thông qua việc rà soát, báo cáo kết quả hoạt động hàng quý tới Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng quản trị.
2010	**Lập kế hoạch**	Kế hoạch kiểm toán thường niên và kế hoạch kiểm toán chi tiết (cho từng cuộc kiểm toán) được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tổng thể và kết quả đánh giá rủi ro chi tiết đối với từng đơn vị được kiểm toán có gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển trung và dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, danh mục rủi ro trọng yếu của Tập đoàn và đơn vị được kiểm toán.
2050	**Phối hợp với các bộ phận đảm bảo nội bộ và đảm bảo độc lập**	Quy chế phối hợp giữa Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ với các bộ phận đảm bảo khác trong Tập đoàn (bao gồm Ban Kiểm soát, bộ phận Quản lý rủi ro, Pháp chế - Tuân thủ tại Công ty Mẹ, bộ phận Kiểm tra kiểm soát nội bộ tại các Công ty con 100% vốn, các Kiểm soát viên của Công ty Mẹ tại các Công ty con 100% vốn) đã được ban hành và triển khai. Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán độc lập của Tập đoàn.
2060	**Báo cáo Hội đồng quản trị và bộ phận quản lý cấp cao**	Báo cáo kiểm toán của từng cuộc kiểm toán được phát hành tới Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng giám đốc Tập đoàn. Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ định kỳ hàng quý báo cáo tình hình hoạt động của Kiểm tra – Kiểm toán nội bộ cho Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng giám đốc Tập đoàn trong các phiên họp Hội đồng quản trị. Các hạn chế về nguồn lực ảnh hưởng tới hoạt động của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ được báo cáo tới Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng quản trị.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NĂM 2020

37

CUỘC KIỂM TOÁN

PHI NHÂN THỌ	NHÂN THỌ	ĐẦU TƯ
15 CUỘC KIỂM TOÁN	**15** CUỘC KIỂM TOÁN	**7** CUỘC KIỂM TOÁN

Hoàn thành **100%** kế hoạch được HĐQT phê duyệt

"Trong năm 2020, trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 và yêu cầu hội nhập với xu hướng thế giới, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai các cuộc kiểm toán theo phương pháp kiểm toán từ xa (online). Bằng phương pháp này, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành 100% số cuộc kiểm toán đã được Hội đồng quản trị phê duyệt với chất lượng được đảm bảo và tiết kiệm nguồn lực về thời gian và chi phí."

- Tiết kiệm thời gian và chi phí
- Phù hợp trong tình hình dịch bệnh và thích ứng với xu hướng số hoá hoạt động KTNB
- Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm toán
- Đội ngũ kiểm toán viên được nâng cao chất lượng do đó đảm bảo được yêu cầu của hoạt động kiểm toán

Trong 4 năm liên tiếp thực hiện đảm bảo có giới hạn Báo cáo phát triển bền vững theo Tiêu chuẩn GRI, KTKTNB đã cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính chính xác, đầy đủ và thống nhất của số liệu trên Báo cáo Phát triển bền vững, qua đó thể hiện tính nghiêm túc và cam kết cao về Phát triển bền vững của Lãnh đạo Tập đoàn như thông điệp đưa ra. KTKTNB sử dụng phương pháp soát xét dựa trên vận dụng Chuẩn mực 3000 - Hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét thông tin tài chính quá khứ (ban hành kèm theo Thông tư số 66/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 của Bộ Tài chính) kết hợp sử dụng bộ tiêu chuẩn GRI để đưa ra ý kiến đảm bảo và các khuyến nghị nhằm cải thiện chất lượng Báo cáo Phát triển bền vững.

ĐẢM BẢO TÍNH ĐẦY ĐỦ, CHÍNH XÁC VÀ THỐNG NHẤT CỦA SỐ LIỆU 04 CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO PTBV

GRI 202-1

Tỷ lệ mức lương thỏa thuận của nhân viên tuyển dụng mới theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng

GRI 404-1

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên

GRI 413-1

Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển

GRI G4 – FS7

Giá trị (bằng tiền) của sản phẩm và dịch vụ được thiết kế phục vụ một lợi ích xã hội nhất định cho từng lĩnh vực kinh doanh phân theo mục đích

QUY TRÌNH ĐẢM BẢO CÓ GIỚI HẠN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1 LẬP KẾ HOẠCH

Họp khai mạc với các bên liên quan

Xác nhận phạm vi rà soát và thời gian triển khai

Thu thập và nghiên cứu tài liệu

Thực hiện đánh giá rủi ro, xây dựng chương trình rà soát, kế hoạch triển khai chi tiết

2 THỰC HIỆN

Đánh giá tính đầy đủ và hiệu lực của các kiểm soát thiết lập đối với việc:

- Lập Báo cáo PTBV
- Cập nhật nội dung dự thảo Báo cáo PTBV

3 PHÁT HÀNH BÁO CÁO VÀ THƯ ĐẢM BẢO

Lập dự thảo Báo cáo PTBV và thư đảm bảo

Trao đổi với các bên liên quan

Phát hành báo cáo và thư đảm bảo

4 THEO DÕI THỰC HIỆN KHUYẾN NGHỊ

Đánh giá việc thực hiện các khuyến nghị của KTKTNB trong kỳ trước

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ & HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Minh họa một số rủi ro có thể xảy ra trong quá trình lập Báo cáo Phát triển bền vững và một số biện pháp kiểm soát rủi ro trọng yếu:

Mô tả rủi ro	Mô tả biện pháp kiểm soát
Thu thập thông tin, số liệu	
Thông tin, số liệu của các chỉ số PTBV không được thu thập đầy đủ, kịp thời	Thành lập Nhóm thực hiện báo cáo PTBV bao gồm đầy đủ các bộ phận, cá nhân liên quan của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên, trong đó có Nhóm thành viên chủ chốt chịu trách nhiệm điều phối toàn bộ quá trình lập báo cáo.
Kiểm soát, tổng hợp thông tin, số liệu	
Thông tin, số liệu cung cấp không được rà soát để đảm bảo tính chính xác và thống nhất trước khi trình bày báo cáo	Nhóm thành viên chủ chốt rà soát thông tin, số liệu thu thập được về tính đầy đủ, tính chính xác cơ học (cộng ngang, cộng dọc, tỷ lệ %), tính so sánh (so sánh số liệu năm hiện tại với năm liền trước để xác định biến động lớn hoặc bất thường), tính thống nhất (với thông tin, số liệu đã được báo cáo ra bên ngoài).
Lập và trình bày báo cáo	
Thông tin, số liệu được trình bày trên báo cáo PTBV không đầy đủ, không chính xác, không thống nhất, không rõ ràng	1. Nhóm thành viên chủ chốt thực hiện nghiên cứu, ban hành và tổ chức hướng dẫn các thành viên cách thức trình bày báo cáo đối với từng nội dung thông tin, từng chỉ số. 2. Nhóm thành viên chủ chốt thực hiện rà soát toàn bộ nội dung trình bày trên báo cáo để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, thống nhất, rõ ràng của các thông tin, số liệu trên báo cáo.

Vai trò tư vấn của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ cũng được nâng cao thông qua việc đóng góp ý kiến cho các văn bản, quy trình, quy chế của Nhà nước và của Tập đoàn Bảo Việt.

Thông tư hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp

Quy chế tổ chức và hoạt động bộ phận Kiểm toán nội bộ BVSC

...

HÀNG CHỤC VĂN BẢN CÓ Ý KIẾN THAM GIA CỦA KTKTNB

Quy chế tuân thủ

Quy chế lựa chọn nhà thầu

Quy chế đầu tư và quản lý tài sản Công nghệ thông tin

...

Tình hình thực hiện khuyến nghị của đơn vị được kiểm toán:

90%

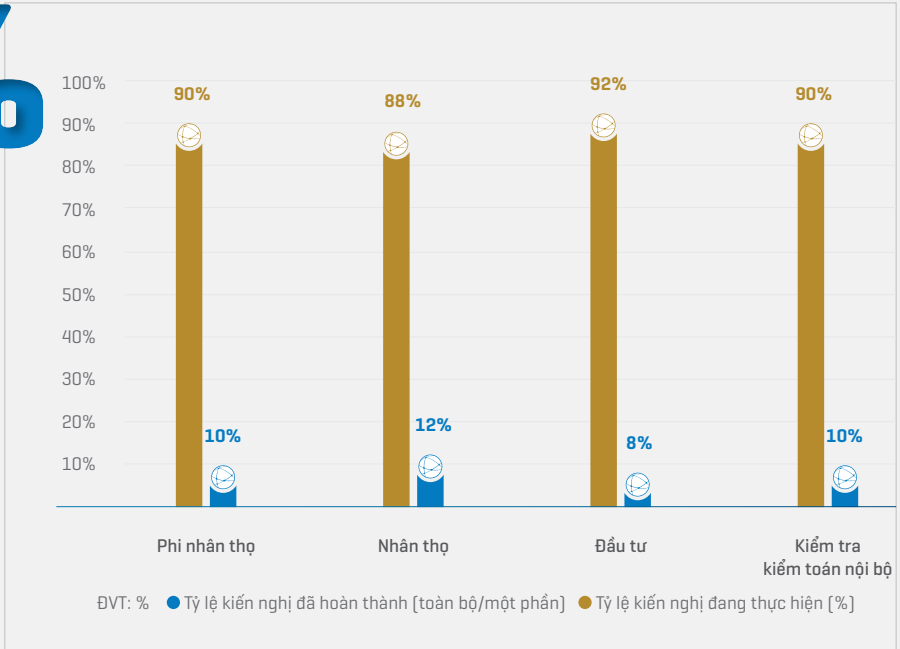

CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN

(Tổng số cán bộ đã hoàn thành hoặc đang theo học)

05	06	03	03	02	02
CPA	ANZIIF	CIA Certified Internal Auditor	ACCA	CPIA The Certified Professional Internal Auditor	LOMA

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ & HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN NĂM 2021 ĐƯỢC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ GIAO

TIẾP TỤC THAM GIA ĐÓNG GÓP Ý KIẾN CHO CÁC VĂN BẢN CỦA TẬP ĐOÀN

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KIỂM TOÁN



QUẢN LÝ RỦI RO

Năm 2020, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro; tuyên bố khẩu vị rủi ro và hạn mức các rủi ro chủ yếu; áp dụng những quy trình hoạt động theo thông lệ quốc tế; nâng cao nhận thức và hình thành văn hóa quản lý rủi ro, chủ động xem xét yếu tố rủi ro trong các hoạt động kinh doanh; sử dụng phù hợp các nguồn lực và chú trọng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp.



Hoạt động Quản lý rủi ro nổi bật năm 2020

(1) Xây dựng Chiến lược Quản lý rủi ro giai đoạn 2021-2025, rà soát Chính sách quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và Hạn mức rủi ro chủ yếu; thực hiện báo cáo rủi ro tháng/quý/năm.

(2) Tổ chức các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro định kỳ tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con.

(3) Sửa đổi, bổ sung: Quy chế Quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt; Quyết định thành lập Hội đồng quản lý rủi ro Tập đoàn bảo Việt; Quy định của Tập đoàn Bảo Việt về việc chấm điểm, phân loại và xác định hạn mức đầu tư tiền gửi đối với ngân hàng thương mại và công ty tài chính; Quy định về Quản lý rủi ro trong đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.

(4) Đánh giá tác động, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con; xây dựng các kịch bản tình huống để giảm thiểu các tác động bất lợi, nâng cao hiệu quả kinh doanh trong toàn hệ thống.

(5) Hỗ trợ các Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt xây dựng, hoàn thiện các quy định về quản lý rủi ro và rà soát chính sách quản lý rủi ro, khẩu vị rủi ro.

> Năm 2020, Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp để đánh giá, giám sát việc thực hiện QLRR trong toàn hệ thống, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về quản lý rủi ro, xác định các rủi ro trọng yếu cần tập trung quản lý, tăng cường các chính sách, biện pháp, mô hình để đánh giá và giảm thiểu rủi ro một cách tổng thể, bảo đảm tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả.

Thông qua những cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro, các vấn đề chủ yếu được đề cập, xử lý bao gồm:

1. Cập nhật các quy định về quản lý rủi ro, thảo luận nội dung mang tính chiến lược như: Chính sách quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và các Hạn mức rủi ro chủ yếu...
2. Rà soát, phân tích, đánh giá các loại rủi ro và đề xuất các biện pháp kiểm soát phù hợp như rủi ro bảo hiểm, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường và một số rủi ro trọng yếu khác.

Hoạt động kiểm soát rủi ro cũng được thực hiện thông qua việc phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng Quản lý rủi ro với các Ủy ban, Trung tâm, Ban chức năng tại Tập đoàn Bảo Việt cũng như giữa Tập đoàn Bảo Việt với các Công ty con:

1. Phối hợp với Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trao đổi thông tin, số liệu và đưa ra các kiến nghị, giải pháp liên quan đến quản lý rủi ro trong lĩnh vực chiến lược và đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt;
2. Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán rà soát các rủi ro trọng yếu tiềm ẩn, đặc biệt là những rủi ro liên quan đến tuân thủ chính sách, chuẩn mực, quy trình và các quy định pháp luật có liên quan để kịp thời đưa ra phương án xử lý phù hợp; phối hợp xây dựng hệ thống chỉ số đo lường rủi ro.
3. Phối hợp với Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) để trao đổi thông tin về rủi ro liên quan đến cân đối Tài sản Nợ - Tài sản Có tại các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro. Đại diện Hội đồng Quản lý rủi ro đã tham dự các cuộc họp định kỳ của ALCO để tham gia ý kiến và đưa ra các khuyến cáo về các rủi ro liên quan.





QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được triển khai tại hai Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ). Bảo hiểm là một trong những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn.

Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ

Bảo Việt Nhân thọ luôn chú trọng quản lý rủi ro bảo hiểm trong quá trình hoạt động kinh doanh, sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp phân tích kịch bản. Các lý thuyết xác suất được Bảo Việt Nhân thọ áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp.

Bảo Việt Nhân thọ thực hiện quy định, quy trình chặt chẽ về thiết kế và quản lý sản phẩm; theo dõi kinh nghiệm triển khai; định kỳ đánh giá doanh số, lợi nhuận sản phẩm; phân tích kịch bản; kịp thời hoàn thiện sản phẩm, định phí lại khi thực tế khác với giả định.

Ngoài ra, Bảo Việt Nhân thọ xây dựng các hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình phê duyệt các giao dịch có liên quan đến hợp đồng mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức được ban hành cụ thể và chặt chẽ; đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ và xác định nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và thực hiện chia sẻ rủi ro.

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ

Hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt được thực hiện thông qua các quy trình kiểm soát chặt chẽ như: đánh giá rủi ro khi nhận bảo hiểm, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, giải quyết bồi thường, tính toán, phân tích các tỉ lệ kinh nghiệm (theo dữ liệu quá khứ) và định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của sản phẩm bảo hiểm để điều chỉnh tỷ lệ phí bảo hiểm, điều chỉnh phạm vi bảo hiểm... bảo đảm tỷ lệ tổn thất trong mức độ chấp nhận được.

Bảo hiểm Bảo Việt áp dụng các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác thông qua đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm và chia sẻ rủi ro với chính người tham gia bảo hiểm, áp dụng mức miễn thường. Chương trình tái bảo hiểm được xây dựng căn cứ vào các yêu cầu luật pháp liên quan, năng lực tài chính, chiến lược kinh doanh, các yêu cầu về biên khả năng thanh toán, danh mục rủi ro, danh mục tổn thất... của Bảo hiểm Bảo Việt.

QUẢN LÝ RỦI RO TÍN DỤNG



Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tiền gửi:

Tập đoàn Bảo Việt đã ban hành Quyết định số 1018/2020/QĐ-TĐBV ngày 03/8/2020 sửa đổi, bổ sung lần 2 Quy định của Tập đoàn Bảo Việt về việc chấm điểm, phân loại và xác định hạn mức đầu tư tiền gửi đối với ngân hàng thương mại và công ty tài chính. Các hạn mức này được rà soát, cập nhật định kỳ hàng năm. Việc thực hiện hạn mức đầu tư tiền gửi toàn Tập đoàn giúp hạn chế rủi ro tín dụng phù hợp với tình hình kinh tế, tài chính, chính sách vĩ mô và các quy định của pháp luật.

Rủi ro tín dụng được theo dõi, đánh giá thường xuyên và định kỳ trong các Báo cáo rủi ro để đưa ra hành động kịp thời khi đối tác xuất hiện các dấu hiệu suy giảm chất lượng tín dụng.

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư trái phiếu:

Trong hoạt động đầu tư trái phiếu, rủi ro tín dụng chủ yếu xuất phát từ danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp. Tuy nhiên, trái phiếu Chính phủ vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng danh mục đầu tư trái phiếu (79,4%) nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp.

Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản; ban hành Quy định về Quản lý rủi ro trong đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (sửa đổi, bổ sung lần 1) kèm theo Quyết định số 1129/2020/QĐ-TĐBV ngày 27/8/2020 nhằm quản lý chặt hơn tình hình tài chính, phi tài chính của tổ chức phát hành và biến động giá trị tài sản đảm bảo.

Quản lý rủi ro tín dụng trong hoạt động bảo hiểm:

Rủi ro tín dụng trong hoạt động bảo hiểm chủ yếu phát sinh tại Bảo hiểm Bảo Việt. Để quản lý rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành các quy định, hướng dẫn và yêu cầu các bên liên quan tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về nợ phí bảo hiểm

Để quản lý rủi ro tín dụng đối với các nhà nhận tái bảo hiểm, việc nhượng tái bảo hiểm chỉ được thực hiện đối với các công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động giao dịch ký quỹ

Rủi ro tín dụng trong hoạt động giao dịch ký quỹ phát sinh khi khách hàng không thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của khoản vay ký quỹ dù đã bán hết chứng khoán là tài sản đảm bảo. BVSC tiếp tục duy trì các chính sách quản trị mà tính hiệu quả đã được kiểm chứng:

Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát nhóm các khách hàng có rủi ro tích tụ, tuân thủ theo hạn mức rủi ro BVSC đã ban hành.

Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch chứng khoán. Thường xuyên cập nhật thông tin cổ phiếu trên thị trường để sớm nhận diện và đưa ra cảnh báo sớm các mã có dấu hiệu mất thanh khoản, giảm giá kéo dài.

Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, thực hiện công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và tiến hành công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho BVSC trong quá trình cho vay ký quỹ.

QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG



Rủi ro lãi suất

Danh mục tiền gửi và trái phiếu của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con chịu ảnh hưởng của biến động lãi suất. Lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty bảo hiểm, quyền lợi của chủ hợp đồng và giá trị hợp lý của danh mục đầu tư, thu nhập lãi hoạt động tái đầu tư. Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư trái phiếu và tiền gửi có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp để đáp ứng các khoản phải trả trong tương lai.



Trong năm 2020, lãi suất trái phiếu chính phủ và lãi suất huy động của ngân hàng có xu hướng giảm.

Đối với các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Bên cạnh đó, công tác dự báo lãi suất thị trường luôn được chú trọng và thực hiện các báo cáo định kỳ để kịp thời đưa ra các quyết định quản lý và đầu tư.

Hiện tại, Tập đoàn sử dụng các thước đo Duration và PV01 để đánh giá độ nhạy của danh mục tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu đối với lãi suất.

Tập đoàn Bảo Việt thường xuyên rà soát và lựa chọn chiến lược đầu tư, kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn bảo đảm mục tiêu lợi nhuận và bảo đảm tính thanh khoản của Tập đoàn và các Công ty con.



Rủi ro giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu toàn Tập đoàn bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Danh mục cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động của thị trường chứng khoán. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết cũng có thể thay đổi theo điều kiện thị trường và tình hình tài chính của doanh nghiệp đầu tư. Danh mục cổ phiếu của Tập đoàn được đầu tư đa dạng hóa theo các ngành, lĩnh vực khác nhau và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu giữ ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư.

Tập đoàn Bảo Việt quản lý rủi ro giá cổ phiếu thông qua việc xây dựng hạn mức đầu tư vào một ngành, một công ty hoặc nhóm công ty; phân tích rủi ro ảnh hưởng đến danh mục khi có biến động lớn của thị trường. Tại thời điểm ngày 31/12/2020, tỷ trọng cổ phiếu chiếm 1,9% danh mục đầu tư tài chính toàn Tập đoàn.

Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con sử dụng thước đo Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro cổ phiếu niêm yết. Thước đo VaR dùng để ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động bất lợi trong khoảng thời gian nhất định (1 ngày, 1 tuần, 1 tháng), với mức độ tin cậy cho trước (95%).

Ngoài ra, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con sử dụng phương pháp phân tích kịch bản "stress-testing" để đánh giá những ảnh hưởng đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Các kịch bản này được cập nhật và theo dõi hàng tháng thông qua Báo cáo rủi ro hàng tháng.

Đối với danh mục cổ phiếu chưa niêm yết (OTC), Tập đoàn sử dụng phương pháp phân tích cơ bản, theo dõi, giám sát tình hình tài chính và phi tài chính của các doanh nghiệp mà Tập đoàn góp vốn đầu tư thông qua những Người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn tại các doanh nghiệp đó.

Các thông tin liên quan đến các doanh nghiệp trong danh mục cổ phiếu chưa niêm yết (bao gồm giá thị trường của cổ phiếu, nếu có) sẽ được cập nhật trong Báo cáo rủi ro hàng tháng, là cơ sở giúp Ban lãnh đạo đưa ra các quyết định kịp thời.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của rủi ro này là thấp.

Trong danh mục nợ của Bảo hiểm Bảo Việt, một phần công nợ tái bảo hiểm được quy đổi và chốt theo đồng Đô la Mỹ. Hình thức thanh toán được áp dụng chủ yếu là thanh toán bù trừ và chỉ thực chi phần chênh lệch. Vì vậy, mức độ ảnh hưởng của biến động tỷ giá đối với kết quả kinh doanh của Bảo hiểm Bảo Việt là không đáng kể.

Rủi ro giá chứng chỉ quỹ

Các chứng chỉ quỹ mà Tập đoàn và các Công ty con đầu tư chủ yếu được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt và được rà soát, đánh giá thường xuyên. Giá trị Tài sản ròng (NAV) trên mỗi chứng chỉ quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào Giá trị Tài sản và những khoản thanh toán của Quỹ phát sinh tùy từng thời điểm trong quá trình hoạt động của Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại chứng khoán như trái phiếu, cổ phiếu mà Quỹ đã đầu tư. Khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thị giá của chứng chỉ quỹ.

Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện thông qua các nghiên cứu, thẩm định thận trọng và tuân thủ tiêu chí hoạt động của quỹ nhằm lựa chọn cơ hội đầu tư hiệu quả, tăng trưởng cao với mức rủi ro phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt luôn theo dõi chặt chẽ những biến động và xu hướng của nền kinh tế, cập nhật thường xuyên kết quả kinh doanh và đánh giá triển vọng trong tương lai để xác định những chiến lược đầu tư hiệu quả.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN, KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đảm bảo mục tiêu cân đối các nguồn lực tài chính để duy trì khả năng thanh toán ở mức phù hợp, đáp ứng quy định hiện hành và nhu cầu kinh doanh. Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con tiến hành phân tích thời gian đáo hạn còn lại của các khoản nợ phải trả, thông tin về dòng tiền ước tính, các nhu cầu thanh toán trong quá khứ để phát hiện những biến động và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ rà soát và báo cáo Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) nhằm đưa ra các biện pháp phù hợp.

Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, các yêu cầu về bảo đảm khả năng thanh toán được quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 và Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 02/01/2019 của Bộ Tài chính. Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt luôn duy trì biên khả năng thanh toán phù hợp để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và tuân thủ các quy định của pháp luật.



QUẢN LÝ RỦI RO TÍCH TỤ



Rủi ro tích tụ có thể phát sinh từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động đầu tư tài chính.

- Rủi ro tích tụ được đo lường bằng cơ cấu tài sản, tổng giá trị đầu tư, doanh thu phí bảo hiểm, giá trị chi trả/ bồi thường theo đối tượng khách hàng, theo địa bàn và/ hoặc lĩnh vực kinh doanh.
- Rủi ro tích tụ được giám sát bằng hệ thống báo cáo từ bộ phận kinh doanh tới Ban điều hành, RMC Tập đoàn và RMC Công ty con.
- Rủi ro tích tụ được quản lý bằng các hạn mức đầu tư, quy trình nghiệp vụ và thẩm quyền quyết định đầu tư.

Quản lý rủi ro tích tụ từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Tại Bảo hiểm Bảo Việt, rủi ro tích tụ bảo hiểm có thể phát sinh từ các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm dầu khí, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người, bảo hiểm kỹ thuật... Do vậy, ngoài rủi ro tích tụ cùng loại rủi ro, Bảo hiểm Bảo Việt còn đối mặt với rủi ro tích tụ từ các loại rủi ro liên quan, như bảo hiểm đồng thời tàu và hàng, bảo hiểm đồng thời tài sản và con người... Bảo hiểm Bảo Việt đã có quy định về quản lý rủi ro tích tụ và mua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Tại Bảo Việt Nhân thọ, chiến lược khai thác bảo hiểm đảm bảo những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và quyền lợi bảo hiểm. Hoạt động khai thác bảo hiểm được triển khai ở tất cả các ngành, vùng lãnh thổ, đặc thù về sức khỏe, nghề nghiệp của những người làm việc trong từng ngành. Các vụ bồi thường thực tế và quy trình định giá các sản phẩm bảo hiểm, quy trình giải quyết bồi thường được rà soát thường xuyên. Đồng thời, các hạn mức khai thác bảo hiểm được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp. Ví dụ, Bảo Việt Nhân thọ có quyền không tái tục các hợp đồng bảo hiểm riêng lẻ có rủi ro cao, có thể áp dụng các mức khấu trừ hoặc từ chối thanh toán các khiếu nại gian lận.

Quản lý rủi ro tích tụ từ hoạt động đầu tư tài chính

Nhằm giảm thiểu rủi ro tích tụ trong đầu tư, chiến lược đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt dựa trên nguyên tắc đa dạng hóa danh mục đầu tư:

- Đa dạng hóa với nhiều loại tài sản đầu tư (ví dụ như đầu tư vào: cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi, chứng chỉ quỹ...);
- Đa dạng hóa với một loại tài sản (ví dụ đầu tư trái phiếu bao gồm: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp hoặc trái phiếu chính quyền địa phương...);
- Đa dạng hóa ngành nghề: mở rộng phạm vi đầu tư vào các công ty, lĩnh vực không có sự liên kết, sở hữu chéo với nhau...;
- Đa dạng hóa theo vốn hóa thị trường: Phân bổ danh mục đầu tư vào các cổ phiếu của công ty có quy mô khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động được báo cáo trong bảng đánh giá rủi ro tại các cuộc họp RMC Tập đoàn và RMC Công ty con. Mỗi loại rủi ro hoạt động chính đều có các tiêu chí nhận diện, đánh giá cụ thể, các rủi ro trọng yếu trong kỳ được phân tích và đưa ra hành động cần thực hiện nhằm giảm thiểu tổn thất từ rủi ro này.



Cách mạng công nghệ 4.0 tạo ra sự thay đổi to lớn trong đời sống kinh tế - xã hội và tác động tới sự phát triển của mỗi doanh nghiệp. Theo đó, một số công việc không cần đến sự tham gia của con người mà thay vào đó được thực hiện nhờ trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big data) và các kỹ thuật phân tích mới giúp nâng cao tính minh bạch, quy chuẩn hóa và tự động hóa việc cung cấp các báo cáo chuyên sâu về tài chính và phi tài chính.

Tuy nhiên, cách mạng công nghệ 4.0 cũng dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, dịch vụ công nghệ tài chính ngày càng mở rộng và phát triển khiến lĩnh vực tài chính sẽ có những biến đổi sâu sắc. Nhiều mô hình đầu tư tài chính mới ra đời tiềm ẩn nhiều rủi ro; các doanh nghiệp luôn phải đối mặt với các nguy cơ an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu. Thách thức cho các nhà quản lý khi nắm bắt tình hình tài chính và đưa ra những biện pháp xử lý phù hợp. Đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu mới về kỹ năng của người lao động.

Tập đoàn Bảo Việt đã chú trọng đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, hiệu quả và an toàn và thực hiện các giải pháp, chiến lược phù hợp nhằm theo kịp xu hướng phát triển và sự hội nhập của Việt Nam với thế giới.

QUẢN LÝ RỦI RO DANH TIẾNG

Tập đoàn Bảo Việt quản lý các rủi ro danh tiếng thông qua việc theo dõi thái độ, phản ứng của các bên liên quan gồm chính quyền, khách hàng, cơ quan truyền thông, báo chí và người lao động đối với uy tín, thương hiệu của Tập đoàn;

Rà soát, điều chỉnh các quy định nội bộ bảo đảm tuân thủ pháp luật và phù hợp với thực tiễn kinh doanh; xây dựng các biện pháp quản lý, kiểm soát an toàn hệ thống CNTT.

Tổ chức đào tạo và truyền thông cho các cán bộ và lãnh đạo trong Tập đoàn về Xử lý khủng hoảng truyền thông và các khóa đào tạo chuyên đề về quản lý rủi ro danh tiếng.

QUẢN LÝ RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Tập đoàn Bảo Việt quản lý rủi ro chiến lược thông qua việc đo lường, giám sát các chỉ số tài chính và phi tài chính kết quả thực hiện chiến lược; phân tích kịch bản sự biến động các nhân tố kinh tế vĩ mô và các nhân tố nội tại để kịp thời rà soát, điều chỉnh chiến lược phù hợp.

Định hướng hoạt động quản lý rủi ro năm 2021

Tăng cường phối hợp hoạt động quản lý rủi ro giữa Tập đoàn và các Công ty con để nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý rủi ro toàn Tập đoàn.

Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của các cuộc họp RMC tại Tập đoàn và các Công ty con; nâng cao hiệu quả của việc phối hợp hoạt động, trao đổi thông tin giữa ba tầng phòng thủ.

Sử dụng phương pháp định tính và định lượng để xác định, đánh giá và giảm thiểu rủi ro; nâng cao khả năng quản lý rủi ro tổng thể, hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính.

Nâng cao hiệu quả của các báo cáo rủi ro để tham mưu, tư vấn cho Ban Điều hành ra quyết định trong hoạt động kinh doanh; bảo đảm các rủi ro trọng yếu được quản lý và xử lý kịp thời.

Tăng cường quản lý rủi ro cho toàn hệ thống công nghệ thông tin tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Tiếp tục triển khai các biện pháp an ninh, bảo mật và nâng cao tính an toàn của hệ thống, giám sát và cảnh báo rủi ro đối với khách hàng, cán bộ nhân viên và các đơn vị liên quan.

Thực hiện diễn tập các tình huống giả định trong trường hợp hệ thống công nghệ thông tin xảy ra sự cố;

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỦI RO NĂM 2021

1. Thực hiện chiến lược Quản lý rủi ro giai đoạn 2021-2025, Chính sách quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro chủ yếu.
2. Tổ chức các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con theo kế hoạch.
3. Rà soát các mô hình quản lý rủi ro, chú trọng quản lý các rủi ro chủ yếu; ban hành báo cáo quản lý rủi ro.
4. Tiếp tục thực hiện chính sách An ninh bảo mật và an toàn hệ thống thông tin; diễn tập tình huống hệ thống công nghệ thông tin xảy ra sự cố.
5. Tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, đào tạo chuyên sâu về quản lý rủi ro tại các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.

PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ

Công tác pháp chế và tuân thủ tại Tập đoàn Bảo Việt được triển khai thực hiện ngay sau khi cổ phần hóa Tổng Công ty Bảo Hiểm Việt Nam vào năm 2007. Pháp chế và tuân thủ là một cấu phần quan trọng giúp tối ưu hóa hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua việc xây dựng và thực thi các cơ chế để doanh nghiệp có thể kiểm soát và giảm thiểu các nguy cơ phát sinh rủi ro trong quá trình tổ chức, điều hành mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp.



Bộ phận pháp chế và tuân thủ có vai trò bảo đảm mọi hoạt động quản lý và kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt đều thực hiện dựa trên quy định của pháp luật, từ đó giảm thiểu rủi ro pháp lý và bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của Tập đoàn. Đồng thời với xu thế công nghệ 4.0, đại dịch Covid 19 như hiện nay thì việc đảm bảo không vi phạm pháp luật là chưa đủ, do vậy bộ phận pháp chế còn cần phải đưa ra được các giải pháp, cách thức phù hợp nhất trong việc xử lý các tình huống pháp lý cụ thể.

Năm 2020, thực hiện chủ trương kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý cấp Khối của Tập đoàn Bảo Việt theo định hướng chỉ đạo của Đảng ủy Tập đoàn, Bộ phận pháp chế và tuân thủ nhận thêm chức năng, nhiệm vụ mới là công tác tuyên giáo và dân vận của Đảng, theo đó Ban pháp chế và tuân thủ đổi tên thành Ban tuyên giáo và pháp chế. Ban tuyên giáo pháp chế có vai trò góp phần xây dựng, truyền thông văn hóa tuân thủ pháp luật, tuân thủ quy định của Đảng và Nhà nước trong toàn hệ thống Bảo Việt

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Căn cứ Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý cấp Khối được ban hành kèm theo Quyết định số 287/2020/QĐ-HĐQT ngày 09/3/2020 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt; Quyết định số 322/2020/QĐ-HĐQT ngày 19/3/2020 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt về việc kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý cấp Khối của Tập đoàn Bảo Việt, Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt đã ban hành Quyết định số 908/2020/QĐ-TĐBV ngày 13/7/2020 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, theo đó, Ban Tuyên giáo và Pháp chế có các chức năng, nhiệm vụ chủ yếu sau:

1

CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN CỦA ĐẢNG

Tham mưu, giúp việc Đảng ủy Tập đoàn Bảo Việt mà trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy về công tác tuyên giáo, dân vận của Đảng; đồng thời thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tuyên giáo, dân vận của Đảng ủy Tập đoàn Bảo Việt.

2

CÔNG TÁC PHÁP CHẾ

- Chủ trì, phối hợp với các bộ phận liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tập đoàn, quy chế, quy định, hướng dẫn của Tập đoàn liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban Tuyên giáo - Pháp chế; thẩm định pháp lý đối với các văn bản quy phạm nội bộ của Tập đoàn trước khi trình Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị ban hành
- Tham mưu với lãnh đạo Tập đoàn, các Trung tâm/Chi nhánh/Văn phòng/Ban chức năng các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành, kinh doanh của Tập đoàn trong các lĩnh vực đầu tư, bất động sản, hoạt động đấu thầu và các hoạt động kinh doanh khác của Tập đoàn.
- Chủ trì hoặc/và phối hợp soạn thảo các mẫu hợp đồng quan trọng liên quan đến hoạt động quản lý, kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt; tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng và/hoặc có ý kiến về mặt pháp lý đối với các giao dịch do các đơn vị thuộc Tập đoàn soạn thảo trước khi trình Lãnh đạo Tập đoàn.
- Chủ trì thẩm định, trình Tổng Giám đốc và/hoặc Hội đồng Quản trị Tập đoàn đối với Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, các Công ty con do Tập đoàn sở hữu dưới 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp, quỹ đầu tư có vốn đầu tư của Tập đoàn liên quan theo quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt và quy định pháp luật.
- Chủ trì, phối hợp các bộ phận liên quan tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, tổ chức gửi xin ý kiến; tổng kết, đánh giá pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn.
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể của Tập đoàn Bảo Việt phổ biến, tuyên truyền pháp luật, điều lệ, nội quy, quy chế của doanh nghiệp cho người lao động.
- Tham gia giải quyết tranh chấp, khiếu kiện, tham gia tố tụng hoặc tham mưu thuê đơn vị tư vấn luật tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Tập đoàn.
- Xây dựng bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế chuyên nghiệp, có trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm đáp ứng các yêu cầu của Tập đoàn và các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

3

CÔNG TÁC TUÂN THỦ

- Xây dựng, trình Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị ban hành các quy định về công tác tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt.
- Tổ chức thực hiện các quy chế, quy định, chính sách, cơ chế, kế hoạch tuân thủ trong tổ chức và hoạt động của Tập đoàn.
- Theo dõi, đôn đốc, truyền thông việc thực hiện pháp luật, điều lệ, nội quy, quy chế nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.
- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức triển khai các quy định nội bộ của Tập đoàn và các quy định pháp luật liên quan tới phòng, chống rửa tiền.
- Phối hợp để tổ chức đào tạo cho người lao động về tuân thủ pháp luật.
- Đầu mối thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác ISO, 5S của Tập đoàn.



CÔNG TÁC PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ NĂM 2020

Với chức năng, nhiệm vụ như trên, trong năm 2020, Ban Tuyên giáo Pháp chế, đã hoàn thành các nhiệm vụ pháp chế, tuân thủ chủ yếu như sau:

1

VỀ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ

- Là đầu mối công tác văn bản với việc tham gia dự thảo hoặc thẩm định pháp lý khoảng trên 60 văn bản và giao dịch, trong đó có những văn bản quan trọng như Điều lệ Tập đoàn, Điều lệ Công ty con, Quy chế Đầu tư, Quy chế Người đại diện vốn, Quy chế quản lý rủi ro, Quy chế Đầu tư và Quản lý tài sản công nghệ thông tin và các quy chế, quy định khác... và 27 quy trình ISO điều chỉnh quá trình tác nghiệp của các nghiệp vụ quan trọng trong Tập đoàn, góp phần hoàn thiện hành lang "pháp lý" về quản trị, điều hành và tác nghiệp cơ bản cho Tập đoàn và Công ty con. Tập đoàn Bảo Việt đã được cấp chứng chỉ ISO 1910:2015 (được đánh giá, giám sát định kỳ hàng năm), Chứng chỉ thực hành tốt 5S...
- Tham mưu với lãnh đạo Tập đoàn, các Trung tâm/Chi nhánh/Văn phòng/Ban chức năng các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành, kinh doanh của Tập đoàn trong các lĩnh vực đầu tư, bất động sản, hoạt động đấu thầu và các hoạt động kinh doanh khác của Tập đoàn.
- Hỗ trợ về pháp lý, phối hợp công việc với các Trung tâm/Chi nhánh/Văn phòng/Ban chức năng của Tập đoàn Bảo Việt, giải quyết yêu cầu công việc, sự vụ tư vấn pháp lý, kịp thời, đảm bảo quyền và lợi ích của Tập đoàn theo chức năng nhiệm vụ của Ban, góp phần làm giảm chi phí thuê tư vấn pháp lý 2020.
- Rà soát các Hợp đồng, giao dịch của Tập đoàn đảm bảo hạn chế tối đa các rủi ro tài chính như phạt hành chính, phạt vi phạm hợp đồng.
- Nghiên cứu, cập nhật kịp thời các quy định, chính sách mới để từ đó tư vấn cho lãnh đạo Tập đoàn, các Khối, Trung tâm, Ban trước các vấn đề phát sinh.

2

VỀ CÔNG TÁC TUÂN THỦ

- Xây dựng và trình phê duyệt kế hoạch tuân thủ năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt; hướng dẫn xây dựng và ban hành kế hoạch tuân thủ năm 2020 của các Công ty con.
- Tiếp tục thực hiện việc sửa đổi Quy chế tuân thủ của Tập đoàn để đảm bảo phù hợp với tình hình thực hiện công tác tuân thủ tại Tập đoàn hiện tại và những năm tiếp theo trên cơ sở có sự thay đổi mô hình tổ chức của Tập đoàn theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020.
- Xây dựng và trình phê duyệt các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn đến các Công ty con trong việc xây dựng, triển khai kế hoạch tuân thủ hàng năm và các công việc khác có liên quan.
- Ban hành các bản tin pháp lý và truyền thông đến các cán bộ nhân viên Tập đoàn Bảo Việt thông qua Workplace.



NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2021

TRONG NĂM 2021 SẼ TẬP TRUNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NHƯ SAU:

- Tiếp tục phối hợp với các Trung tâm/Chi nhánh/Văn phòng/Ban chức năng của Tập đoàn Bảo Việt có liên quan trong việc hoàn thiện và ban hành đối với các văn bản quan trọng của Tập đoàn Bảo Việt như Quy chế đầu tư, Quy chế Người đại diện vốn...
- Phối hợp với các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% Vốn Điều lệ trong việc hoàn thiện sửa đổi bổ sung và ban hành Điều lệ Các Đơn vị.
- Cập nhật kịp thời các quy định, chính sách mới để từ đó tư vấn cho lãnh đạo Tập đoàn, Trung tâm/Chi nhánh/Văn phòng/Ban trước các vấn đề pháp lý phát sinh; thực hiện đào tạo pháp lý;
- Tham mưu, giúp việc Đảng ủy Tập đoàn Bảo Việt mà trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy về công tác tuyên giáo, dân vận của Đảng; đồng thời thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tuyên giáo, dân vận của Đảng ủy Tập đoàn Bảo Việt.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020



Là một trong những doanh nghiệp niêm yết lớn tại Việt Nam, Tập đoàn Bảo Việt xác định việc xây dựng một cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế là yếu tố quan trọng để phát triển bền vững trong dài hạn. Theo đó, Bảo Việt đã từng bước áp dụng các chuẩn mực quản trị công ty tốt trên thế giới như Quy tắc Quản trị Công ty của OECD và Thẻ điểm quản trị Asean trong việc nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị doanh nghiệp tại Bảo Việt.

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC SUMITOMO LIFE VỀ CÁC LĨNH VỰC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



> Với tư cách là những thành viên Hội đồng Quản trị và là đại diện của đối tác chiến lược Sumitomo Life tại Tập đoàn Bảo Việt, một trong những điều chúng tôi quan tâm nhất chính là hệ thống quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt. Theo quan sát của chúng tôi, hệ thống quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt đã được liên tục cải thiện trong những năm qua, nhằm từng bước đạt tới các tiêu chuẩn quốc tế.

Ông KENJI YONEDA - *Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt*

Chúng tôi xin bày tỏ sự ngưỡng mộ và đánh giá cao những nỗ lực của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn trong việc xây dựng Bảo Việt trở thành một trong những định chế tài chính tốt nhất trong khu vực, không chỉ về kết quả kinh doanh mà còn về hệ thống kiểm soát và quản trị nội bộ. Dưới đây là một vài quan điểm đánh giá của chúng tôi về các lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro và tuân thủ tại Tập đoàn Bảo Việt:

Quản trị doanh nghiệp

Tập đoàn Bảo Việt đã và đang hoạt động trên cơ sở tuân thủ tốt các quy định về việc minh bạch hóa và công bố các thông tin. Ví dụ, các nội dung họp, biên bản họp và nghị quyết của kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên đã được công bố bằng song ngữ trên website. Điều này giúp các cổ đông nước ngoài có thể nắm bắt thông tin dễ dàng hơn. Chúng tôi cũng nhận thấy Tập đoàn Bảo Việt luôn nhất quán trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế trong việc đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Hơn nữa, Tập đoàn Bảo Việt đã có nhiều nỗ lực trong việc đào tạo cho các thành viên Hội đồng quản trị và bộ phận thư ký trong việc cập nhật, nâng cao kiến thức thông qua những khóa đào tạo về Quản trị doanh nghiệp và thẻ điểm quản trị doanh nghiệp ASEAN. Việc sử dụng thẻ điểm này đã cho phép Tập đoàn Bảo Việt phát hiện ra những điểm còn thiếu sót và tìm cách cải thiện kể từ năm 2017. Chúng tôi tin rằng những nỗ lực này đã cải thiện năng lực Quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt, và Bảo Việt sẽ còn phát triển năng lực quản trị doanh nghiệp hơn nữa thông qua việc thực hiện chu trình PDCA.

Quản lý rủi ro và tuân thủ

Trong thời gian qua, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện rà soát hàng loạt các quy định, quy chế quản trị nội bộ, nhằm tăng cường quản lý đối với các nguy cơ rủi ro trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh hàng ngày. Chẳng hạn, Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai khung tuân thủ tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Song hành với các cơ chế quản trị nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro và tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt cũng liên tục được tăng cường. Chúng tôi rất hài lòng với những thành tựu này và mong rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục có những tiến bộ xa hơn trong tương lai.

Sumitomo Life, với tư cách là đối tác chiến lược nước ngoài, đang và sẽ hỗ trợ Tập đoàn Bảo Việt trong những lĩnh vực này bằng cách cung cấp những kinh nghiệm và kiến thức, và sẽ tiếp tục ủng hộ và hỗ trợ các sáng kiến của Tập đoàn Bảo Việt để trở thành một công ty toàn cầu được đánh giá tốt về Quản trị doanh nghiệp.. .

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN

Giới thiệu về thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

Là doanh nghiệp triển khai đánh giá tình hình quản trị công ty theo chuẩn mực tại Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực Asean (ACGS) từ năm 2012 đến nay, Bảo Việt luôn nằm trong nhóm doanh nghiệp niêm yết dẫn đầu có thực hành quản trị công ty tốt nhất Việt Nam. Dưới sự định hướng và chỉ đạo của HĐQT, trong những năm vừa qua, bên cạnh việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo pháp luật Việt Nam, Bảo Việt đã chủ động áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty trên thế giới và trong khu vực nhằm thúc đẩy cải thiện thực tiễn quản trị tại Bảo Việt và nâng cao nhận thức của các cán bộ quản lý và cán bộ nhân viên trong hệ thống Bảo Việt về các thông lệ quản trị công ty tốt. Các chuẩn mực về Quản trị công ty theo quy định tại ACGS đã được Bảo Việt tham chiếu trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp của mình.

Đánh giá chung về thực hành quản trị công ty trong năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt được ghi nhận như sau:

Thực hành tốt *Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện*

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG		
Quyền của cổ đông	✓	Cổ đông được tham gia vào quá trình phê duyệt và thông qua Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt; phát hành cổ phiếu của Tập đoàn; bầu HĐQT và Kiểm soát viên; thông qua các vấn đề nghị sự thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
Biểu quyết vắng mặt	✓	Cổ đông căn cứu các tài liệu Đại hội được đăng tải trên website để biểu quyết các vấn đề có liên quan và gửi về Tập đoàn Bảo Việt trước Đại hội, các biểu quyết này của cổ đông được coi là hợp lệ và được tính vào số phiếu tán thành/không tán thành/không có ý kiến khi kiểm phiếu tại Đại hội;
Chi trả cổ tức cho cổ đông	✓	Đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày HĐQT ra Nghị quyết về chi trả cổ tức và trong vòng 06 tháng kể từ ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.
Cung cấp Thông báo họp và Tài liệu họp ĐHĐCĐ	✓	Đã cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong tài liệu ĐHĐCĐ.
Đề cử và bầu cử thành viên HĐQT	✓	Cổ đông có quyền đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị bất kể là cổ đông lớn hay cổ đông thiểu số.
Tham dự ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và cổ đông	✓	Biên bản ĐHĐCĐ công bố đầy đủ về sự tham gia của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát. Tập đoàn Bảo Việt cũng khuyến khích sự tham gia của các cổ đông, đặc biệt là cổ đông tổ chức.
Công bố Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ	✓	• Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin song ngữ Anh - Việt trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc Đại hội; Biên bản ghi nhận tất cả các câu hỏi của cổ đông và trả lời của Chủ tịch Đoàn trong phần thảo luận tại Đại hội; • Nghị quyết ĐHĐCĐ bao gồm đầy đủ các nội dung kết quả biểu quyết: số phiếu thông qua, phản đối và phiếu trống cho mỗi nội dung nghị quyết.
Thời hạn công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ	✓	Tài liệu họp ĐHĐCĐ chưa được công bố đầy đủ 21 ngày trước ngày họp.



Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
VỀ ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG		
Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ	✓	• Công bố thông báo họp và các tài liệu liên quan song ngữ Anh – Việt trên website của Bảo Việt; • Cung cấp đầy đủ cơ sở, thông tin và giải trình cho các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội;
Công bố thông tin về ứng viên HĐQT, chính sách chi trả cổ tức	✓	Công bố đầy đủ trong tài liệu ĐHĐCĐ và Báo cáo thường niên.
Chất lượng và thời gian công bố tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Anh	✓	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất đã được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu tiếng Việt.
Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao	✓	Công ty chưa có quy định yêu cầu phải có một tiểu ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông.
	✓	Công ty chưa có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích, chỉ không.
	✓	Công ty quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty.
VỀ VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN		
Báo cáo phát triển bền vững	✓	Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục triển khai kiểm toán/đảm bảo Báo cáo Báo cáo phát triển bền vững 05 năm liên tiếp (từ năm 2016-2020) bởi Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn. Các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ đã được cải thiện qua các năm, đảm bảo độ tin cậy của thông tin cung cấp trong báo cáo.
Tương tác với cộng đồng, trách nhiệm xã hội, và chính sách cho nhân viên	✓	• Tập đoàn công bố chính sách và thực hành trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động, bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường và phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững. • Công bố chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, phúc lợi và chương trình đào tạo cho nhân viên.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
VỀ VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN		
Thông tin liên lạc cho cổ đông	✓	Tập đoàn cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty và Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (như: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ.
Hệ thống /quy trình khiếu nại về hành vi không hợp pháp (Whistle -blowing system)	✓	Bảo Việt đã xây dựng, ban hành, và công bố trên website Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, Quy chế phòng chống tham nhũng để định hướng văn hóa doanh nghiệp, chống các hành vi không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức. Ban Tổ chức Nhân sự, Khối Quản lý Hoạt động là đơn vị chịu trách nhiệm tiếp nhận các khiếu nại về các hành vi này.
Các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/ nhà thầu, bảo vệ quyền lợi của chủ nợ	✓	Đã xây dựng và công bố chi tiết trong Báo cáo phát triển bền vững hàng năm
Chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn	✓	Tập đoàn đã thực hiện phát hành ESOP cho cán bộ nhân viên với thời gian hạn chế chuyển nhượng trong 03 năm (05/2018-05/2021), tăng cường sự gắn kết của Người lao động và tri ân sự đóng góp của Người lao động đối với hoạt động kinh doanh của Bảo Việt.
VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH		
Báo cáo thường niên	✓	• Bảo Việt cung cấp đầy đủ các thông tin về cổ đông, về cấu trúc sở hữu của Công ty, hệ thống công ty con, công ty liên kết của Bảo Việt và các thông tin tài chính và phi tài chính trên Báo cáo thường niên của Bảo Việt. • Chất lượng của Báo cáo thường niên: cung cấp đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, đạt nhiều giải trong nước và quốc tế về bình chọn Báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững.
Công bố thông tin về GDBLQ và giao dịch cổ phiếu của người trong công ty thực hiện	✓	Đã cung cấp thông tin chi tiết đối với các giao dịch bên liên quan trọng yếu và giao dịch cổ phiếu của người trong Tập đoàn tại các thời điểm phát sinh hợp đồng/giao dịch theo Nghị quyết của HĐQT trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị công ty và trên Báo cáo thường niên.
Website	✓	• Đăng tải các thông tin cập nhật song ngữ Anh – Việt. • Cung cấp thông tin định kỳ và bất thường (trong vòng 24 giờ kể từ khi phát sinh) cho các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước về tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên có thể được tải về, báo cáo và tài liệu ĐHĐCĐ, tài liệu về quản trị công ty (Điều lệ, Quy chế Quản trị, Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp).
Họp báo và thông cáo báo chí	✓	Công bố các thông báo cáo chí có liên quan đến chiến lược và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
Hội nghị /Hội thảo chuyên gia phân tích/nhà đầu tư	✓	Bảo Việt đã tổ chức 02 Hội nghị Chuyên gia phân tích trong năm 2020 vào tháng 6 và tháng 11 (qua hình thức zoom) để trao đổi, chia sẻ và lắng nghe ý kiến của các chuyên gia phân tích đối về thị trường và hoạt động kinh doanh của Bảo Việt.

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
VỀ TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Vai trò, trách nhiệm của thành viên HĐQT và quy định về quản trị công ty		Quy định chi tiết tại Điều lệ, Quy chế Quản trị công ty.
Vai trò thành viên HĐQT tại các doanh nghiệp niêm yết khác		• Tập đoàn quy định giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác tại Quy chế Quản trị Tập đoàn. • Tập đoàn không có thành viên HĐQT điều hành nào đang nắm giữ hơn 2 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết khác ngoài Tập đoàn.
Cuộc họp HĐQT		• HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp trong năm 2020. • Tài liệu họp HĐQT được cung cấp cho các thành viên HĐQT 5 ngày trước ngày họp. • Đã công bố thông tin về việc tham dự họp HĐQT của từng thành viên HĐQT trên báo cáo thường niên.
Tính độc lập của thành viên HĐQT		• Số lượng thành viên độc lập HĐQT còn giới hạn, chưa có thành viên HĐQT độc lập • Chủ tịch HĐQT không phải thành viên độc lập HĐQT. • Không tổ chức cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm để đánh giá các mặt hoạt động liên quan đến hoạt động điều hành doanh nghiệp.
Các Ủy ban trực thuộc HĐQT		• Đã thành lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT theo khuyến nghị của ACGS (bao gồm Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm, Ủy ban Kiểm toán), có bộ phận Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ. • Quy chế hoạt động của các Ủy ban và tình hình tham dự cuộc họp của các thành viên Ủy ban được công bố trong Báo cáo thường niên.
		• Sự tham gia của các thành viên độc lập HĐQT trong các Ủy ban còn hạn chế. Chủ nhiệm các Ủy ban thuộc HĐQT không phải là thành viên độc lập HĐQT. • Các Ủy ban họp chủ yếu thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản, không tiến hành họp trực tiếp.
Đánh giá thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT		• Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm và HĐQT đã thực hiện đánh giá hoạt động của HĐQT, Ủy ban thuộc HĐQT và từng thành viên HĐQT dựa trên các tiêu được HĐQT thông qua tại Quy chế hoạt động của HĐQT. • Kết quả đánh giá đã được công bố trên Báo cáo thường niên.
Chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới và quy hoạch các vị trí lãnh đạo cấp cao		• Thiếu các thông tin công bố liên quan đến xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGĐ và Quản lý chủ chốt; • Chưa xây dựng các chương trình định hướng và đào tạo dành riêng cho thành viên HĐQT mới.

MỘT SỐ ĐIỂM BẢO VIỆT CẦN TIẾP TỤC CẢI THIỆN ĐỂ NÂNG CAO THỰC HÀNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Với mục tiêu tiên phong áp dụng và từng bước tiệm cận các chuẩn mực về quản trị công ty của khu vực và trên thế giới, trong thời gian tới Bảo Việt cần tiếp tục thực hiện một số công tác sau liên quan đến quản trị công ty:

KẾ HOẠCH NGẮN HẠN

Cải thiện các chuẩn mực liên quan đến "Công bố thông tin và minh bạch", và tăng cường "Vai trò của các Bên liên quan", cụ thể:

Tiếp tục duy trì việc tuân thủ các quy định về công bố và minh bạch thông tin theo yêu cầu tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về quản trị công ty đại chúng áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các chuẩn mực tại thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN; phấn đấu thực hiện tốt hơn các chuẩn mực quy định tại quy định hiện hành và thông lệ quốc tế để cung cấp các thông tin đến cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Nghiên cứu xây dựng chính sách, quy trình tố giác/khiếu nại sai phạm của Công ty ngoài các vấn đề chung đã được quy định tại Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của Bảo Việt.

Xây dựng kế hoạch kế nhiệm, các chương trình định hướng và đào tạo dành cho các thành viên HĐQT mới và các thành viên đương nhiệm để đảm bảo duy trì đội ngũ lãnh đạo kế cận của Bảo Việt có đủ kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết đảm nhận nhiệm vụ.

Đổi mới website Bảo Việt với giao diện và tính năng thân thiện hơn để cập nhật, công bố đầy đủ các thông tin cho các cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng tiếp cận.



KẾ HOẠCH TRUNG VÀ DÀI HẠN

Tăng cường Trách nhiệm của HĐQT

1. Xây dựng lộ trình cụ thể để tiệm cận yêu cầu về tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT theo yêu cầu tại Thẻ điểm quản trị ASEAN và quy định pháp luật Việt Nam.

2. Tăng cường sự tham gia của các thành viên độc lập trong các Ủy ban thuộc HĐQT nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ủy ban để tư vấn, tham mưu cho HĐQT; tăng cường tính độc lập của các Ủy ban thuộc HĐQT.

3. Nghiên cứu xây dựng/quy định một số chính sách liên quan đến phê duyệt của HĐQT đối với giao dịch với người có liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích của Tập đoàn, cụ thể:
   - Chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm Thành viên HĐQT độc lập rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông;
   - Chính sách về rà soát và phê duyệt giao dịch bên liên quan trọng yếu;
   - Chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích.

4. Nghiên cứu thực hiện thuê bên thứ ba độc lập đánh giá hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT theo các thông lệ tốt về quản trị trên thế giới.

5. Về việc tổ chức Họp và tham gia Họp HĐQT:
   - Tăng cường các cuộc họp HĐQT mở rộng ngoài các cuộc họp định kỳ để thảo luận các vấn đề trọng yếu liên quan đến định hướng hoạt động kinh doanh và giải pháp trọng tâm (Tổ chức ít nhất 06 cuộc/năm);
   - Xây dựng cơ chế có ít nhất một cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm để đánh giá các mặt hoạt động liên quan đến hoạt động điều hành doanh nghiệp.

6. Nghiên cứu thực hiện thuê bên thứ ba độc lập đánh giá, tư vấn hoạt động kiểm soát nội bộ/quản lý rủi ro và tuân thủ của Tập đoàn, đặc biệt là các lĩnh vực xây dựng Khẩu vị rủi ro, quản lý tuân thủ để có xác nhận của bên thứ 3 về hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.

7. Tiếp tục kiện toàn và tăng cường vai trò của Kiểm toán nội bộ, Quản lý rủi ro và Tuân thủ trong khung quản trị nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt với mục tiêu (i) đảm bảo hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác, (ii) góp phần quan trọng trong nâng cao thực hành quản trị doanh nghiệp và (iii) là các tuyến phòng thủ bảo vệ nguồn vốn đầu tư và kiến tạo các giá trị bền vững trong dài hạn cho cổ đông.

ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT VỀ THỰC HÀNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ — *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ*
Chưa thực hiện theo thông lệ — *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

PHẦN A - QUYỀN CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
A.1	**Quyền cơ bản của cổ đông**		
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được cổ đông thông qua tại các đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từngày công bố hay không?		
A.2	**Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi cơ bản của công ty**		
Cổ đông có quyền tham gia			
A.2.1	Sửa đổi quy chế (Điều lệ) công ty?		Đã quy định tại Điều lệ Công ty.
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?		
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?		
A3	**Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, và phải được thông tin về quy định họp ĐHĐCĐ, bao gồm cả thủ tục biểu quyết**		
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành		Chương trình nghị sự ĐHĐCĐ thường niên đều thể hiện nội dung này.
A.3.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ủy viên HĐQT?		Đã quy định tại Điều lệ Công ty
A.3.3	Cổ đông có quyền bỏ phiếu cho từng ứng cử viên HĐQT.		Quy chế bầu cử thành viên HĐQT quy định thể lệ bầu cử rõ ràng cho cổ đông.
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục đề cử và biểu quyết được sử dụng, công bố cả hai thủ tục này trước khi đại hội tiến hành		Công bố tại Tài liệu họp ĐHĐCĐ trước ngày Đại hội và trước khi Đại hội được tiến hành
A.3.5	Biên bản họp có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và nêu vấn đề tại ĐHĐCĐ.		• Bảo Việt đã ghi nhận và công bố các câu hỏi và trả lời trong phần thảo luận trong Biên bản ĐHĐCĐ • Công bố Biên bản họp bằng tiếng Anh
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?		Công bố đầy đủ tại Nghị quyết ĐHĐCĐ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	Công bố tại Biên bản họp ĐHĐCĐ
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGĐ có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	Công bố tại Biên bản họp ĐHĐCĐ
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	✓	Ghi nhận tại Điều lệ và Quy chế tổ chức Đại hội
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	✓	Công bố tại Quy chế tổ chức Đại hội.
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	✓	Công bố tại ĐHĐCĐ, thể hiện trong Biên bản ĐHĐCĐ
A.3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	✓	Bảo Việt đã công bố thông báo mời họp, các giấy tờ ủy quyền, chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đảm bảo quy định
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	✓	• Tài liệu tại ĐHĐCĐ của Bảo Việt đã cung cấp đầy đủ thông tin và cơ sở về các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua. • Đã công bố các tài liệu bằng tiếng Anh.
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	✓	Cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi cho Hội đồng Quản trị, kể cả câu hỏi liên quan tới kiểm toán độc lập hàng năm, kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông, và đề xuất các giải pháp trong giới hạn hợp lý. Ghi nhận trong Biên bản ĐHĐCĐ.
A.4	**Thị trường giao dịch thâu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch**		
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thâu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	✓	Tại Bảo Việt chưa xảy ra trường hợp này.
A.5	**Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức**		
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	✓	Bảo Việt đã công bố rất chi tiết nội dung này trên báo cáo thường niên (mục quan hệ cổ đông, các chính sách về việc khuyến khích cổ đông thực hiện các quyền của mình, tạo điều kiện cho cổ đông tham dự bỏ phiếu, biểu quyết các vấn đề quan trọng).
B.1	**Cổ phiếu và quyền biểu quyết**		
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết	✓	
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sở giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)?	✓	Bảo Việt công bố rõ nội dung "công ty chỉ có một loại cổ phiếu thường" trong thông báo chốt danh sách, website Bảo Việt, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên.
B.2	**Thông báo của ĐHĐCĐ**		
B.2.1	Mỗi một Nghị quyết được thông qua chỉ chứa một nội dung.	✓	
B.2.2	Tài liệu ĐHĐCĐ được dịch sang tiếng Anh và được công bố cùng ngày với tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Việt.	✓	Đã thực hiện đầy đủ từ ĐHĐCĐ thường niên 2016

PHẦN B - ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
Thông báo của ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:			
B.2.3	Tài liệu ĐHĐCĐ có công bố tiểu sử của các ứng cử viên cho HĐQT (bao gồm các thông tin: tuổi, bằng cấp, lần bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và các vị trí HĐQT đang nắm giữ tại các công ty niêm yết khác).		Bảo Việt đã thực hiện công bố SYLL của ứng viên.
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/ bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này theo Tờ trình ĐHĐCĐ về việc phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập.
B.2.5	Giấy ủy quyền ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng		Đính kèm Thông báo Họp ĐHĐCĐ gửi cổ đông và up lên website Bảo Việt
B.3	**Phải cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân**		
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài		Quy định tại Quy chế quản trị công ty và Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp
B.3.2	Thành viên HĐQT được yêu cầu báo cáo về giao dịch cổ phiếu của họ trong vòng 3 ngày làm việc.		Bảo Việt đã thực hiện tiêu chí này theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.
B.4	**Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao**		
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?		Quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Tập đoàn
B.4.2	Công ty có quy định yêu cầu phải có một tiểu ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?		Theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ hiện hành của Tập đoàn Bảo Việt, HĐQT có thể thành lập các uỷ ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Thành viên của ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. HĐQT sẽ nghiên cứu việc thành lập/có một tiểu ban có chức năng rà soát GDBLQ trong đó có sự tham gia của TV HĐQT độc lập.
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích		Theo quy định tại Điều 30.11 của Điều lệ hiện hành của TĐBV, TV HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn. TV HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng cac khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường	✓	Theo quy định tại Điều 40.4 của Điều lệ hiện hành, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Tập đoàn không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGĐ, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
B.5	**Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng**		
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	✓	Bảo Việt có nêu chính sách về việc đảm bảo công bằng và minh bạch trong giao dịch với các bên liên quan tại Báo cáo thường niên.
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	✓	Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên.

PHẦN C - VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
C.1	**Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng**		
Công ty có công bố chính sách và thực hành về:			
C.1.1	Công ty có công bố chính sách về bảo vệ lợi ích của khách hàng.	✓	Bảo Việt đã công bố chính sách này trên BCTN và Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	✓	Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này, chi tiết nêu trong báo cáo phát triển bền vững
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững ?	✓	Bảo Việt đã công bố chính sách này trong Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	✓	Bảo Việt đã công bố chiến lược và chính sách rõ ràng liên quan đến nội dung này trong Báo cáo phát triển bền vững

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?		Bảo Việt đã ban hành Quy tắc ứng xử và Quy chế Phòng chống rửa tiền.
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?		Đã ban hành bản tiếng Anh và tiếng Việt quy chế trên website.
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?		Bảo Việt sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu cho các hoạt động kinh doanh.
C.2	**Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm**		
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ		Bảo Việt đã nêu rõ đầu mối liên lạc và bộ phận Quan hệ cổ đông trên Báo cáo thường niên và website Tập đoàn.
C.3	**Cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng**		
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?		Bảo Việt đã nêu rõ trong BCTN và Báo cáo phát triển bền vững hàng năm
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?		
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?		Công ty đã thực hiện ESOP cho toàn thể cán bộ nhân viên trong Quý I/2018, hạn chế chuyển nhượng đến tháng 5/2021.
C.4	**Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên HĐQT và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ.**		
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên?		Quy định tại Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp. Đã upload bản Tiếng Anh và tiếng Việt Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trên website của Công ty.
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/ không phù hợp đạo đức?		Cần xây dựng quy trình cụ thể và chính sách bảo vệ người tố giác.

PHẦN D - CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.1	**Cấu trúc sở hữu minh bạch**		
D.1.1	Công bố thông tin sở hữu: danh tính cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên	✓	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo tóm tắt danh sách cổ đông gửi HOSE (sau mỗi lần chốt danh sách cổ đông); Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.
D.1.2	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà cổ đông lớn nắm giữ	✓	
D.1.3	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên hội đồng quản trị nắm giữ	✓	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.
D.1.4	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên ban điều hành nắm giữ	✓	
D.1.5	Công bố thông tin chi tiết của các công ty con, liên kết, liên doanh: cả tên và số cổ phần mà công ty nắm giữ ở các công ty này	✓	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên
D.2	**Chất lượng của báo cáo thường niên**		
Báo cáo thường niên có công bố:			
D.2.1	Mục tiêu của công ty	✓	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững, đăng tải trên website của Tập đoàn Bảo Việt
D.2.2	Các chỉ số tài chính, ví dụ như một trong các chỉ tiêu căn bản sau: ROI, ROS, ROE và EPS	✓	
D.2.3	Các chỉ số phi tài chính, ví dụ như thị phần hoặc chỉ số hài lòng khách hàng	✓	
D.2.4	Chính sách cổ tức, cụ thể về chính sách chi trả, tỷ lệ cổ tức dự kiến	✓	
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	✓	
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm	✓	Công bố trong chương Quản trị doanh nghiệp của Báo cáo thường niên.
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT	✓	
Tuyên bố khẳng định về quản trị công ty			
D.2.8	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	✓	Bảo Việt đã tuyên bố thực thi các quy định về quản trị công ty trong phần Báo cáo quản trị/ Báo cáo thường niên.
D.3	**Công bố giao dịch bên liên quan**		
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	✓	Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên và nội dung nghị quyết giao dịch với bên liên quan trong vòng 24 giờ từ khi Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	✓	
D.4	**Thành viên HĐQT và giao dịch cổ phiếu của công ty**		
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người người nội bộ của công ty thực hiện?	✓	Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.5	**Kiểm toán độc lập và báo cáo kiểm toán**		
Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phí phi kiểm toán			
D.5.1	Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai?		
D.5.2	Công ty có phí phi kiểm toán nhiều hơn phí kiểm toán		Công ty không có phí phi kiểm toán
D.6	**Phương tiện truyền thông**		
Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây:			
D.6.1	Báo cáo quý		Bảo Việt công bố rất đầy đủ
D.6.2	Trang web công ty		Bảo Việt đã bổ sung các nội dung tiếng Anh tại website của Công ty song song với các nội dung tiếng Việt
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích		Đã thực hiện 02 Hội nghị chuyên gia phân tích trong năm 2020
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/họp báo.		Bảo Việt đã quảng bá thông tin về doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng
D.7	**Nộp/công bố báo cáo thường niên/báo cáo tài chính đúng hạn**		
D.7.1	Báo cáo tài chính được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính		Bảo Việt thực hiện công bố báo cáo trong vòng 100 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
D.7.2	Báo cáo thường niên được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính		Bảo Việt thực hiện công bố báo cáo trong vòng 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
D.7.3	Lời xác nhận trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất từ HĐQT và các cá nhân liên quan		
D.8	**Website của Công ty** **Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:**		
Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:			
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quí gần nhất)		
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông		
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về		Cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật thường xuyên
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường		
D.8.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường		
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về		
D.9	**Quan hệ nhà đầu tư**		
D.9.1	Công bố chi tiết liên hệ của nhân viên phụ trách Quan hệ cổ đông (điện thoại, fax và email)		Bảo Việt đã công bố trên BCTN và website Công ty

PHẦN E - TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.1	**Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT**		
Trách nhiệm của HĐQT và chính sách quản trị công ty được xác định rõ ràng			
E.1.1	Công ty có công bố Quy chế Quản trị công ty, điều lệ hoạt động HĐQT	●	Bảo Việt đã công bố Quy chế quản trị công ty lên website (Tiếng Việt và tiếng Anh)
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai	●	Các Nghị quyết của HĐQT định được công bố công khai theo luật định, đồng thời báo cáo tại Báo cáo tại Báo cáo quản trị Công ty và Báo cáo thường niên
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của HĐQT có được quy định rõ ràng	●	Quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và báo cáo hàng năm tại Báo cáo thường niên.
Tầm nhìn/sứ mệnh của công ty			
E.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật	●	Bảo Việt có công bố đầy đủ nội dung này trong Báo cáo thường niên.
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	●	HĐQT Tập đoàn thực hiện rà soát chiến lược định kỳ hàng năm và được trình bày trong Báo cáo thường niên
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	●	Bảo Việt tuân thủ nội dung này, HĐQT chỉ đạo việc xây dựng chiến lược và giám sát việc thực hiện, rà soát chiến lược định kỳ tại các kỳ họp HĐQT.
E.2	**Cơ cấu Hội đồng Quản trị**		
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc ứng xử			
E.2.1	Công ty công bố chi tiết bộ Quy tắc đạo đức	●	Bảo Việt đã công bố nội dung Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trên website (tiếng Anh và tiếng Việt)
E.2.2	Công ty nêu rõ rằng: tất cả HĐQT, thành viên Ban điều hành và nhân viên được yêu cầu tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	●	
E.2.3	Công ty nêu rõ cách thực thi và kiểm soát việc tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	●	
Thành phần và cơ cấu của HĐQT			
E.2.4	HĐQT có tối thiểu 50% thành viên độc lập	●	Bảo Việt chưa đáp ứng được yêu cầu này.
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập? (Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011)	●	Bảo Việt thỏa mãn tiêu chí này. Theo quy định tại ..... (Điều lệ có quy định rõ tại điều khoản nào, đề nghị Văn phòng/ban Pháp chế bổ sung)
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác	●	Đã được quy định tại Điều 11.3 Quy chế Quản trị hiện hành của TĐBV, theo đó, Thành viên HĐQT của Tập đoàn không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá năm (05) công ty khác.
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào đang nắm giữ hơn 2 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết khác ngoài tập đoàn	●	Bảo Việt không có trường hợp này

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
Tiểu ban Nhân sự			
E.2.8	Công ty có tiểu ban nhân sự		Bảo Việt có Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm thuộc HĐQT
E.2.9	Thành viên trong Tiểu ban nhân sự phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%)		Bảo Việt chưa đảm bảo chuẩn mực này.
E.2.10	Chủ tịch tiểu ban nhân sự là thành viên HĐQT độc lập		
E.2.11	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban nhân sự		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.12	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban nhân sự		
Tiểu ban Thù lao/ Tiểu ban Lương thưởng			
E.2.13	Công ty có tiểu ban lương thưởng		Bảo Việt có Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm thuộc HĐQT
E.2.14	Thành viên trong Tiểu ban lương thưởng phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%)		Bảo Việt chưa đảm bảo chuẩn mực này.
E.2.15	Chủ tịch tiểu ban lương thưởng là thành viên HĐQT độc lập		
E.2.16	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban lương thưởng		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này trong Báo cáo thường niên.
E.2.17	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban lương thưởng		
Tiểu ban Kiểm toán [1]			
E.2.18	Công ty có Tiểu ban kiểm toán		Bảo Việt có Ban Kiểm soát
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có bao gồm toàn bộ thành viên không điều hành với đa số thành viên/ủy viên độc lập		
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có phải là thành viên độc lập		Trưởng Ban Kiểm soát là thành viên độc lập do ĐHĐCĐ bầu, không phải là đại diện vốn của cổ đông lớn và làm việc chuyên trách tại Tập đoàn Bảo Việt.
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.22	Có ít nhất 1 thành viên độc lập của Tiểu ban có chuyên môn về kế toán (bằng cấp hoặc kinh nghiệm kế toán)		
E.2.23	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có nhiệm vụ chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập		

1 *Tiêu chí này áp dụng cho Ban Kiểm soát đối với Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS (Theo tư vấn của Chuyên gia đánh giá ACGS của ASEAN)*

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.2	**Quy trình Hội đồng Quản trị**		
Họp và tham dự họp HĐQT			
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước năm tài chính		HĐQT đã thực hiện lập kế hoạch hoạt động, bao gồm lịch họp HĐQT trong năm trước năm tài chính kế tiếp
E.3.2	HĐQT họp ít nhất 6 lần trong năm		Năm 2020 HĐQT Bảo Việt thực hiện 6 cuộc họp HĐQT trực tiếp và hơn 70 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề trong năm. Đã báo cáo tại Báo cáo thường niên.
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT tham gia ít nhất 75% tổng số cuộc họp HĐQT trong năm đánh giá		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.3.4	Công ty có yêu cầu tỉ lệ biểu quyết thông qua là tối thiểu 2/3 trong các quyết định của HĐQT?		Hiện tại Bảo Việt đang yêu cầu tỷ lệ là quá bán theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, tuy nhiên trên thực tế, các nghị quyết của HĐQT đều được sự tán thành của ít nhất 7/9 thành viên HĐQT, đa số đạt được đồng thuận tuyệt đối 9/9 phiếu đồng ý.
E.3.5	Có ít nhất 1 cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm đánh giá		Bảo Việt chưa thực hiện quy định này.
Tiếp cận thông tin			
E.3.6	Tài liệu họp HĐQT được gửi tới các thành viên tối thiểu 5 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra		Bảo Việt tuân thủ quy định này, cung cấp các tài liệu bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt
E.3.7	Công ty có nêu rõ trách nhiệm quan trọng của thư ký công ty trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện vai trò của mình		Bảo Việt đã nêu rõ trong Điều lệ và BCTN
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?		Bảo Việt đảm bảo yêu cầu này
Bổ nhiệm và bầu lại HĐQT			
E.3.9	Công ty công bố tiêu chuẩn lựa chọn thành viên HĐQT mới		Theo thông báo của HĐQT về việc bầu thành viên HĐQT mới tại các kỳ họp ĐHĐCĐ.
E.3.10	Công ty công bố quy trình bổ nhiệm thành viên HĐQT mới		Bảo Việt có đưa ra quy chế bầu thành viên HĐQT.
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm một lần? (Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011)		Nhiệm kỳ thành viên HĐQT tại Tập đoàn Bảo Việt là 05 năm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
Các vấn đề thù lao			
E.3.12	Công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phí, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) đối với t/v HĐQT điều hành và TGĐ.		Cung cấp tại Báo cáo thường niên
E.3.13	Công bố cấu trúc thù lao của thành viên HĐQT ko điều hành		
E.3.14	Cổ đông và HĐQT có thông qua thù lao của ban điều hành		HĐQT thông qua mức lương thưởng của Ban Điều hành ĐHĐCĐ phê duyệt quỹ thưởng hoàn thành Kế hoạch kinh doanh cho Ban Điều hành
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deffered bonus)?		
Kiểm toán nội bộ			
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt		Bảo Việt có Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?		Bảo Việt đã thực hiện các nội dung này trong Báo cáo thường niên – công bố Giám đốc Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ, đồng thời đã thực hiện công bố thông tin lý lịch và người có liên quan của Giám đốc Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ.
E.3.18	Việc bổ nhiệm và bãi nhiệm của nhân viên kiểm toán nội bộ phải thông qua Tiểu ban Kiểm toán		Bảo Việt đã thực hiện các nội dung này đối với việc bổ nhiệm Lãnh đạo Khối/Ban thuộc Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ.
Giám sát rủi ro			
E.3.19	Công ty công bố quy trình kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thích hợp		
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này tại Báo cáo thường niên
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?		
E.3.22	BCTN của công ty có lời xác nhận từ HĐQT hoặc BKS về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?		Cung cấp tại Báo cáo thường niên (Phần Hệ thống kiểm soát nội bộ)

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.4	**Nhân sự trong Hội đồng Quản trị**		
Chủ tịch HĐQT			
E.4.1	Chủ tịch HĐQT và TGĐ không cùng 1 người đảm nhiệm		
E.4.2	Chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập		Bảo Việt chưa đáp ứng tiêu chí này
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?		Bảo Việt không có tình trạng này
E.4.4	Công ty công bố vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT		Bảo Việt công bố tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và Báo cáo thường niên
Trưởng Thành viên HĐQT độc lập			
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?		
Kỹ năng và năng lực			
E.4.6	Công ty có thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động chính của công ty		Bảo Việt đáp ứng tiêu chí này
E.5	**Hiệu quả Hội đồng Quản trị**		
Phát triển thành viên HĐQT			
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới		Bảo Việt đã có bản đồ học tập cho từng vị trí chuyên môn, và hiện đang rà soát cập nhật bổ sung các chương trình dành cho t/v HĐQT mới và các chương trình đạo tạo dành riêng cho t/v HĐQT
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích các thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn/quản trị cao hơn		
Bổ nhiệm và hiệu quả của TGĐ/Ban điều hành			
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGĐ/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?		HĐQT có thực hiện các công tác này, tuy nhiên chưa công bố công khai
E.5.4	HĐQT có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với TGĐ		
Đánh giá HĐQT			Quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của HĐQT, đã báo cáo kết quả đánh giá tại phần Báo cáo hoạt động của HĐQT tại BCTN 2020
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?		Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên
Đánh giá thành viên HĐQT			
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?		Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên
Đánh giá tiểu ban của HĐQT			
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?		Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên

5

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

282 Con số và sự kiện tiêu biểu năm 2020
284 Tổng quan hoạt động phát triển bền vững tại Bảo Việt
286 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
290 Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động
298 Sự kiện và hoạt động thuộc trọng tâm phát triển bền vững của Bảo Việt
298 Cộng đồng địa phương
308 An toàn và sức khỏe của khách hàng





CON SỐ VÀ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2020



MÔI TRƯỜNG

35 TỶ VNĐ
Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia

18 TỶ VNĐ
Đầu tư cho chương trình học bổng an sinh Giáo dục từ năm 2005

TIẾT GIẢM
7.000
M^3 LƯỢNG NƯỚC THẢI RA MÔI TRƯỜNG TRÊN TOÀN HỆ THỐNG BẢO VIỆT

5s
ĐẨY MẠNH THỰC HÀNH 5S TẠI MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

500
BẢN TIN NỘI BỘ TOÀN HỆ THỐNG TRUYỀN THÔNG VỀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.200
POSTER TRUYỀN THÔNG VỀ VIỆC SỬ DỤNG HỢP LÝ NGUỒN NĂNG LƯỢNG TRÊN TOÀN HỆ THỐNG BẢO VIỆT



TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI BẢO VIỆT

Thông qua quá trình trao đổi, tiếp xúc với các bên liên quan, phân tích các tác động của Bảo Việt, ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững, từ đó Bảo Việt đã hoàn thiện mô hình phát triển bền vững với tầm nhìn đến năm 2025.

TỔNG QUAN MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI BẢO VIỆT



Bảo Việt luôn gắn liền Tăng trưởng kinh tế với Bảo vệ môi trường và Trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Bảo Việt vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.



Hoạt động phát triển bền vững được Bảo Việt chia sẻ tích cực và chủ động với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này tiếp tục được chúng tôi đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong Báo cáo Phát triển bền vững 2020.

> Chúng tôi nhận thức được rằng cùng với việc đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo lợi ích của xã hội và cộng đồng, bảo vệ môi trường thì **"Quản trị doanh nghiệp"** và **"Phát triển nguồn nhân lực"** cũng là hai yếu tố quan trọng, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Bảo Việt. Chính vì vậy, Bảo Việt sẽ ưu tiên gắn kết 2 yếu tố này trong mô hình phát triển bền vững trung và dài hạn.

Báo cáo phát triển bền vững của Bảo Việt ghi lại những hoạt động quan trọng của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên của Bảo Việt liên quan đến các vấn đề về phát triển bền vững trong năm 2020. Cách tiếp cận với các vấn đề phát triển bền vững của Bảo Việt xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của doanh nghiệp kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và

Tại Báo cáo thường niên 2020, Bảo Việt đã tích hợp việc trình bày các nội dung về phát triển bền vững xuyên suốt từ định hướng chiến lược đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 đến các hoạt động kinh doanh hàng ngày tại Bảo Việt và các đơn vị thành viên. Nội dung Phát triển bền vững tại Chương V Báo cáo thường niên 2020 tập trung vào các hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường, bao gồm các chỉ tiêu thuộc các lĩnh vực trọng yếu được Bảo Việt ưu tiên triển khai trong năm 2020 được rà soát và đảm bảo bởi Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt.

Nội dung phát triển bền vững được Bảo Việt lập thành Báo cáo độc lập theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững mới nhất - GRI Sustainability Reporting Standards của

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

CAM KẾT VÀ ĐỊNH HƯỚNG TỪ BAN LÃNH ĐẠO

Nhằm đảm bảo thực hiện định hướng chiến lược về phát triển bền vững của Bảo Việt, trong năm 2020, Ban điều hành đã bám sát theo chỉ đạo và định hướng của Hội đồng Quản trị, tích cực triển khai các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Với mong muốn đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng, Bảo Việt cũng thực hiện đầu tư vào các dự án vì cộng đồng. Bảo Việt thay mặt các cổ đông thực hiện các dự án nhằm tối đa hóa giá trị mang lại cho người dân địa phương và gia tăng mức độ ảnh hưởng tích cực của Bảo Việt đối với con người và môi trường tại địa phương đó.

VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG, THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Bảo Việt triển khai sản phẩm chuyên biệt dành cho các bệnh hiểm nghèo như: sản phẩm K-Care - là sản phẩm bảo hiểm được thiết kế dành riêng cho bệnh ung thư, Bảo Việt K-Care mang đến bốn quyền lợi chi trả bảo hiểm đa dạng và hấp dẫn cho người mua bảo hiểm bao gồm: Quyền lợi bảo hiểm ung thư (giai đoạn sớm và giai đoạn trễ), quyền lợi trợ cấp nằm viện, quyền lợi khi tử vong do bệnh ung thư và quyền lợi khi tử vong do tai nạn. Đặc biệt, quyền lợi bảo hiểm ung thư sẽ được chi trả lên đến 1 tỷ đồng, nhằm giúp người mua bảo hiểm có thể chủ động tài chính điều trị ung thư sớm. Năm 2020, Bảo Việt ra mặt thêm sản phẩm Life – care, tích hợp cả quyền lợi ung thư, đột quỵ, là dòng sản phẩm bảo hiểm online có Quyền lợi ung thư CAO NHẤT trên thị trường), phí thấp chỉ từ 140.000 đồng/năm, phù hợp với cả người có thu nhập thấp.

Bảo Việt đầu tư phát triển các sản phẩm vi mô như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm học sinh, bảo hiểm xe cơ giới nhằm giúp khách hàng thu nhập thấp, ở các khu vực nông thôn có thể tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, nông nghiệp. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng san sẻ với xã hội khi nghiên cứu và phát triển sản phẩm bảo hiểm hưu trí nhằm đem lại nguồn thu nhập ổn định của người lao động sau khi về hưu, gắn kết doanh nghiệp với người lao động đồng thời góp phần giảm bớt áp lực về ngân sách bảo hiểm xã hội của Nhà nước.

VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, XANH HÓA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Nhận thức được tác động từ biến đổi khí hậu và hoạt động của con người đối với môi trường, Bảo Việt đã tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm số hóa các giao dịch, hoạt động để giảm thiểu tác động đến môi trường. Năm 2020, các vấn đề Quản trị - Xã hội và Môi trường được Bảo Việt chú trọng lồng ghép trong hoạt động đánh giá chuỗi cung ứng và đánh giá rủi ro hoạt động thông qua việc gắn kết các ràng buộc trách nhiệm trong các hợp đồng thương thảo với nhà thầu chính; Các quy trình quản lý đầu tư dự án và quy trình đầu tư góp vốn cổ phần.



BẢO VIỆT HIỂU RẰNG ĐỂ XÂY DỰNG NÊN MỘT TƯƠNG LAI TỐT ĐẸP, CẦN SỰ NỖ LỰC CỦA TẤT CẢ CHÚNG TÔI TỪ NGÀY HÔM NAY, TRONG ĐÓ DOANH NGHIỆP ĐÓNG VAI TRÒ NHƯ MỘT NHÂN TỐ TÍCH CỰC TRONG VIỆC HIỆN THỰC HÓA TƯƠNG LAI NÀY. VÀ ĐỂ LÀM ĐƯỢC, CHÚNG TÔI CŨNG CẦN XÂY DỰNG LỘ TRÌNH CỤ THỂ NHẰM BÙ ĐẮP LẠI NHỮNG THIẾU HỤT VỀ NGUỒN LỰC TÀI NGUYÊN MÀ CON NGƯỜI ĐÃ KHAI THÁC QUÁ MỨC TRONG QUÁ KHỨ VÀ TRONG HIỆN TẠI.



TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI KINH TẾ

- Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung
- Góp phần phát triển kinh tế địa phương
- Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

- Tạo công ăn việc làm
- Chia sẻ gánh nặng trước những bất trắc liên quan đến sức khỏe, tài sản của khách hàng
- Chung tay vì một cộng đồng phát triển

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

- Giảm thiểu tác động từ xả thải và tiêu thụ năng lượng
- Xanh hóa hoạt động kinh doanh
- Lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI KINH TẾ



Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung

Hoạt động trong lĩnh vực Bảo hiểm - Đầu tư - Tài chính - Ngân hàng, sự tăng trưởng của Bảo Việt có đóng góp quan trọng cho ngành tài chính - bảo hiểm nói riêng và nền kinh tế đất nước nói chung.

Góp phần phát triển kinh tế địa phương

Với gần 200.000 lao động, trên 200 chi nhánh và hơn 700 phòng giao dịch của bảo hiểm trên 63 tỉnh thành, Bảo Việt cung cấp sản phẩm cho người dân cả nước, góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp cho sự tăng trưởng của các nhà cung cấp địa phương và đóng góp cho ngân sách địa phương.

Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước

Bảo Việt luôn đi đầu trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước, thực hiện các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội, chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm khai thác thủy sản, bảo hiểm rủi ro thiên tai.

200.000
LAO ĐỘNG

>200
CHI NHÁNH

>700
PHÒNG GIAO DỊCH

BẢO VIỆT CUNG CẤP SẢN PHẨM CHO NGƯỜI DÂN CẢ NƯỚC

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG



Giảm thiểu tác động từ xả thải và tiêu thụ năng lượng

Với 90% danh mục đầu tư cổ phần, vốn góp của Bảo Việt tập trung vào các ngành kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm - đầu tư, tài chính, ngân hàng - những ngành nghề thân thiện với môi trường. Do vậy, các tác động đến môi trường của Bảo Việt chủ yếu thông qua hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại 200 chi nhánh và 700 điểm giao dịch,...

Nhằm giảm thiểu tác động này, Bảo Việt đã xây dựng đề án bảo vệ môi trường tại các trụ sở văn phòng của Bảo Việt và được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. Đề án này bao gồm các phân tích nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường, Bảo Việt cũng tiến hành lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý tại tòa nhà văn phòng làm việc của Bảo Việt và các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm.





TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI



Bảo Việt luôn chú trọng thực hiện mục tiêu phát triển cộng đồng vì một cộng đồng phát triển lành mạnh, an toàn và giàu có là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính như Bảo Việt có thể phát triển và phục vụ lâu dài.

Tạo công ăn việc làm và thúc đẩy các chính sách phát triển bền vững trong hệ thống

Với hoạt động rộng khắp cả nước, Bảo Việt góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Đồng thời những định hướng phát triển bền vững của Bảo Việt khi được triển khai xuống các đơn vị và thực hiện bởi các cán bộ sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa trên khắp cộng đồng.

Chia sẻ gánh nặng trước những bất trắc liên quan đến sức khỏe, tài sản của khách hàng

Với cơ sở hơn 17 triệu khách hàng, Bảo Việt cung cấp các sản phẩm bảo hiểm - tài chính đa dạng, đem lại sự an tâm cho khách hàng trước những rủi ro trong cuộc sống. Bên cạnh đó, các sản phẩm bảo hiểm vi mô vẫn được Bảo Việt triển khai hàng năm nhằm giúp khách hàng thu nhập thấp, ở các khu vực nông thôn có thể tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, nông nghiệp.

Chung tay vì một cộng đồng phát triển

Tính đến nay, Bảo Việt đầu tư gần 400 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội, tập trung cho công tác xóa đói giảm nghèo cho đồng bào tại địa bàn khó khăn; đầu tư xây dựng trường học, các chương trình học bổng dành cho trẻ em nghèo hiếu học. Với hành động thiết thực, Bảo Việt mong muốn chung tay cùng cộng đồng doanh nghiệp, các bộ, ngành triển khai tích cực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, hoàn thành các chỉ tiêu đã được Quốc hội giao.

GẮN KẾT
MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG





> Vấn đề môi trường được Bảo Việt đưa vào trong các nội dung trao đổi liên quan đến phát triển bền vững và đánh giá dựa trên mức độ quan tâm của các bên. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, các tác động trực tiếp đến môi trường trong quá trình vận hành của Bảo Việt là không đáng kể. Tuy nhiên, chúng tôi hiểu rằng việc giám sát quá trình sử dụng nguồn năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, ứng dụng công nghệ giảm thiểu tác động đến môi trường và triển khai các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu là những hành động nhỏ nhưng vô cùng cần thiết giúp xanh hóa hoạt động kinh doanh, bảo vệ môi trường chung của cộng đồng.

Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại thế kỷ 21. Theo các chuyên gia, cộng đồng doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong ứng phó biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, nhận thức về biến đổi khí hậu của các doanh nghiệp còn hạn chế, chưa đồng đều gây ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng xanh. Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ tài chính nên Bảo Việt tác động không đáng kể đến môi trường, tuy nhiên chúng tôi luôn chú trọng giám sát việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính và các tác động đến môi trường và cộng đồng.

Trong quá trình hoạt động, Bảo Việt hiểu rằng khi doanh nghiệp thay đổi, cân đối các nguồn năng lượng do doanh nghiệp trực tiếp hoặc gián tiếp tiêu thụ có thể giúp giảm thiểu tác động môi trường.

Chúng tôi tin rằng, mục tiêu môi trường của Bảo Việt sẽ trở nên dễ dàng hơn khi các bên liên quan, đặc biệt là các bên nằm trong chuỗi giá trị của Bảo Việt cùng tham gia thực hiện gắn kết mục tiêu môi trường trong các hoạt động kinh doanh. Từ đó giảm thiểu sử dụng các nguồn năng lượng, tài nguyên, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, góp phần bảo vệ môi trường.

GIẢI PHÁP GIÁM SÁT VÀ KIỂM SOÁT TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG



> Nhận thức được những tác động từ biến đổi khí hậu và hoạt động của con người đối với môi trường, Bảo Việt đã tăng cường truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ nhân viên thông qua việc tiết kiệm năng lượng tiêu thụ tại trụ sở chính và các chi nhánh trong toàn hệ thống. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm số hóa các giao dịch hoạt động, giảm lượng giấy thải ra môi trường.

Để giám sát và sử dụng năng lượng, bên cạnh việc nâng cao ý thức của cán bộ, Bảo Việt xác định việc ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến sẽ là công cụ hỗ trợ tiết kiệm năng lượng. Các Tòa nhà Bảo Việt đã áp dụng và phát huy hiệu năng của hệ thống BMS (Building Management System), là một hệ thống đồng bộ cho phép điều khiển và quản lý mọi hệ thống kỹ thuật trong toà nhà như hệ thống điện, hệ thống cung cấp nước sinh hoạt, điều hoà thông gió, cảnh báo môi trường, an ninh, báo cháy - chữa cháy v.v..., đảm bảo cho việc vận hành các thiết bị trong tòa nhà được chính xác, kịp thời.

Về không gian làm việc, các phòng làm việc tại Bảo Việt đều có khả năng mở cửa sổ kính hợp lý kết hợp các hình thức che nắng để vừa được thông thoáng, chiếu sáng tự nhiên và hạn chế nóng khi cần, hạn chế được ảnh hưởng của bức xạ mặt trời, vừa chống mất nhiệt khi có điều hòa không khí.

Khi tiến hành cải tạo các khu vực văn phòng, Bảo Việt đều yêu cầu đơn vị thi công cung cấp giải pháp hạn chế tăng nhiệt độ trong nhà do hiệu ứng nhà kính gây ra khi có mảng kính lớn, hoặc kết cấu bao che chủ yếu bằng kính.

Năm 2020, Bảo Việt tiếp tục duy trì Hợp đồng tư vấn đánh giá kiểm tra vận hành kỹ thuật và dịch vụ quản lý tòa nhà với Công ty Cổ phần Quản lý và khai thác Tòa nhà VNPT (PMC) - đơn vị vận hành quản lý tòa nhà chuyên nghiệp. Đơn vị tư vấn PMC định kỳ hàng Quý sẽ kiểm tra thực địa và lập báo cáo tư vấn chi tiết về việc vận hành hệ thống kỹ thuật và dịch vụ quản lý tòa nhà nhằm đưa ra các khuyến nghị giúp cho Bảo Việt có phương án vận hành tối ưu, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu nguy cơ hỏng hóc thiết bị, tiết giảm chi phí sửa chữa thay thế qua đó kéo dài tuổi thọ của Tòa nhà.

Giải pháp tiết kiệm năng lượng trong quá trình vận hành

1. Tổ chức quản lý, vận hành hợp lý theo nhu cầu sử dụng;
2. Chế độ bảo trì cho toàn bộ hệ thống sau khi đưa vào sử dụng;
3. Định kỳ làm vệ sinh các dàn trao đổi nhiệt, đặc biệt các giàn nóng giải nhiệt gió không để bám bụi bẩn làm giảm khả năng trao đổi nhiệt của giàn;
4. Đảm bảo chất lượng nước mềm cho các hệ thống máy lạnh giải nhiệt nước (water chiller);
5. Duy tu, sửa chữa các hỏng hóc kịp thời để tránh tổn thất năng lượng cho hệ thống;
6. Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp để quản lý và vận hành một cách đúng đắn, khoa học hệ thống điều hòa không khí và thông gió trong các công trình, mang lại hiệu quả cao về tiết kiệm năng lượng.

BIỆN PHÁP XỬ LÝ CÁC NGUỒN CHẤT THẢI TẠI NƠI LÀM VIỆC

Trong năm 2020, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện một số giải pháp tại các tòa nhà trụ sở chính, bao gồm:

1. Bổ sung hệ thống khử trùng nước thải sau xử lý cho hệ thống cũng như nuôi cấy vi sinh cho các bể hiếu khí để nâng cao quá trình xử lý hiếu khí;
2. Khử trùng nước bằng Clorin trước khi thải ra môi trường;
3. Vệ sinh bể chứa nước sạch để đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp cho các Tòa nhà;
4. Lắp đặt hệ thống đo đếm lượng nước xả thải ở hai Tòa nhà 71 Ngô Sỹ Liên và 72 Trần Hưng Đạo, Hà Nội để kiểm soát lưu lượng nước thải ra môi trường từ các Tòa nhà;
5. Thực hiện phân tích lượng nước thải định kỳ hàng Quý của các Tòa nhà để có biện pháp xử lý kịp thời nếu phát hiện có chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn quy định.

> Bên cạnh đó, Đề án bảo vệ môi trường của Bảo Việt tiếp tục được triển khai tại các Tòa nhà của Bảo Việt. Đề án này bao gồm các nội dung liên quan đến giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải thông qua việc bổ sung chế phẩm vi sinh, dọn dẹp hệ thống cống thoát nước để đảm bảo thông thoáng sạch sẽ; kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải tránh hiện tượng tắc nghẽn trên các dòng thải.

GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

TUÂN THỦ MÔI TRƯỜNG





TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2020, Tập đoàn Bảo Việt, bao gồm các Công ty thành viên, không ghi nhận các biên bản/thông báo nào liên quan đến việc vi phạm các điều Luật và Quy định về môi trường. Việc xác nhận không có trường hợp vi phạm cũng được Bảo Việt căn cứ dựa trên các thông tin dữ liệu từ kết quả kiểm toán (không ghi nhận số tiền phạt), các thông tin ghi nhận từ hệ thống giám sát tuân thủ, pháp chế và kết quả từ các cuộc quan trắc môi trường.

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI ĐỊNH KỲ

Năm 2020, Tập đoàn Bảo Việt tiến hành lắp đặt hệ thống đo đếm lượng nước xả thải ở hai Tòa nhà 71 Ngô Sỹ Liên và 72 Trần Hưng Đạo, Hà Nội để kiểm soát lưu lượng nước thải ra môi trường từ các Tòa nhà. Đồng thời, Tập đoàn Bảo Việt cũng tiến hành phân tích lượng nước thải định kỳ hàng Quý để từ đó có biện pháp xử lý kịp thời nếu phát hiện có chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn quy định.

Báo cáo quan trắc môi trường tại tòa nhà 71 Ngô Sỹ Liên và 72 Trần Hưng Đạo, Hà Nội năm 2017-2018 được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

1. Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam (Luật số: 72/2020/QH14)
2. Tiêu chuẩn và quy chuẩn Việt Nam;
3. Đơn vị tham gia quan trắc và chứng nhận kết quả có giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường VIMCERTS 006;
4. Đơn vị tham gia quan trắc và chứng nhận kết quả có Chứng chỉ công nhận Vilas số hiệu Vilas 372.





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

Bên cạnh các kết quả quan trắc về nước thải, đoàn kiểm tra cũng kiểm tra thêm về các yếu tố về môi trường không khí như các khí độc, nồng độ bụi tại nơi làm việc. Qua các kết quả khảo sát hiện trạng thực tế và đo đạc phân tích tại khu vực làm việc và xung quanh địa điểm tòa nhà, căn cứ vào báo cáo quan trắc năm 2020, đoàn kiểm tra đưa ra các nhận xét cụ thể như sau:

1. **CÁC KHÍ ĐỘC:** Giá trị nồng độ các khí độc tại các vị trí kiểm tra trong khu vực làm việc và xung quanh đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo TC 3733-2002/ BYT-QĐ, QCVN 05:2013/BTNMT.

   NỒNG ĐỘ BỤI: Giá trị nồng độ bụi tại các vị trí kiểm tra trong khu vực làm việc và xung quanh đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo TC 3733-2002/BYT- QĐ và QCVN 05:2013/BTNMT.

2. **MÔI TRƯỜNG NƯỚC:** Nước thải sinh hoạt: Giá trị hàm lượng các chỉ tiêu đã phân tích trong mẫu nước thải tại đơn vị đều nằm trong giuosi hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

3. **CÁC KIẾN NGHỊ:** Kiến nghị tiếp tục duy trì hệ thống kiểm soát, giảm thiểu tác động để đảm bảo chất lượng môi trường theo các quy định.

> Bên cạnh các hoạt động bảo vệ và gìn giữ môi trường được thực hiện bởi cá nhân doanh nghiệp, Bảo Việt còn phối hợp với các nhà cung cấp để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường một cách có hệ thống và chuyên nghiệp hơn. Trong năm 2020, Tập đoàn Bảo Việt đã đầu tư hơn 2 tỷ đồng ký kết các hợp đồng quan trắc, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và các hợp đồng bảo trì hệ thống đảm bảo an toàn lao động và sử dụng hiệu quả nguồn điện năng. Các hợp đồng với nhà cung cấp môi trường đã được Bảo Việt thực hiện hằng năm và sẽ được tiếp tục mở rộng trong các năm tiếp theo.

GẮN KẾT CÁN BỘ TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG XANH HÓA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA 5S TẠI MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC



Với quan điểm đem đến một môi trường làm việc lành mạnh, sạch đẹp, thoáng đãng, tiện lợi, từ đó đem lại tinh thần thoải mái cho người lao động, tăng năng suất lao động và áp dụng hệ thống quản lý hiệu quả, năm 2018, Tập đoàn Bảo Việt đã đẩy mạnh phong trào thi đua 5S tại môi trường làm việc bằng việc thành lập Tổ giám sát 5S thường niên, đánh giá quá trình thực hiện và tiến bộ trong việc quản lý tài liệu, sắp xếp không gian làm việc và hoạt động tái chế văn phòng phẩm.

Việc triển khai chương trình 5S thành công và định kỳ sẽ mang lại sự thay đổi kỳ diệu. Những thứ không cần thiết sẽ được loại bỏ khỏi nơi làm việc, những vật dụng cần thiết được xếp ngăn nắp, gọn gàng, đặt ở những vị trí thuận tiện cho người sử dụng, máy móc thiết bị trở nên sạch sẽ, được bảo dưỡng, bảo quản. Từ các hoạt động 5S sẽ nâng cao tinh thần tập thể, khuyến khích sự hoà đồng của mọi người, qua đó người làm việc sẽ có thái độ tích cực hơn, có trách nhiệm và ý thức hơn với công việc.

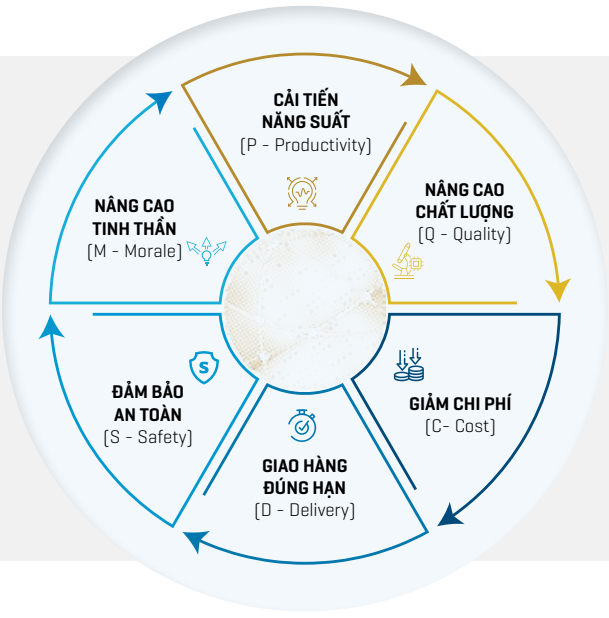

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

CHUYÊN NGHIỆP







TRIỂN KHAI HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÔNG VIỆC THEO HIỆU QUẢ LÀM VIỆC VÀ ĐƯỢC LIÊN KẾT VỚI NHAU CHẶT CHẼ, DỰA TRÊN TẦM NHÌN, QUY TẮC ĐẠO ĐỨC ỨNG XỬ, ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀ CÁC ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA CỦA BẢO VIỆT.



SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG THUỘC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

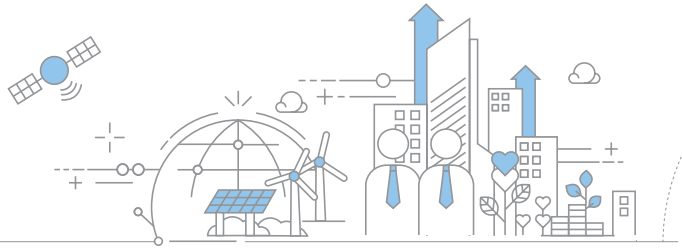



1. ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC VÀ THẾ HỆ TRẺ

"Bảo Việt xác định đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho tương lai và là đầu tư mang tính nền tảng. Trong những năm qua, Bảo Việt luôn dành ưu tiên ngân sách cho các hoạt động phát triển giáo dục như tặng học bổng cho các sinh viên xuất sắc, xây dựng trường học, tài trợ các dụng cụ học tập cho các địa bàn vùng sâu vùng xa, trao quà và học bổng cho các em có hoàn cảnh khó khăn."

TRAO TẶNG 1.880 XE ĐẠP CHO TRẺ EM NGHÈO HIẾU HỌC TẠI 27 TỈNH THÀNH



Nhằm "Bảo vệ lợi ích Việt - Bảo vệ tương lai Việt", năm 2020, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục trao tặng học bổng xe đạp cho 1.880 học sinh nghèo hiếu học tại 27 tỉnh thành trên cả nước: Gia Lai, Nghệ An, Bắc Ninh, Đồng Nai, Thái Nguyên, Quảng Trị, Tây Ninh, Thừa Thiên Huế, ... Đây là hoạt động thường niên được Bảo Việt Nhân thọ kiên tâm thực hiện trong nhiều năm qua, đã trao tặng tổng cộng 26.000 suất học bổng đến các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, động viên các em tiếp tục con đường học tập thành tài, lớn lên trở thành công dân có ích, xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp.





TIẾP NỐI HÀNH TRÌNH TRÁI TIM - "BẢO VIỆT CÙNG EM ĐẾN TRƯỜNG"



Là sự kiện hàng năm màTổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt tổ chức nhân dịp khai giảng năm học mới nhằm hỗ trợ các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hàng ngày phải trải qua nhiều thiếu thốn, vất vả để học tập, mưu sinh.

Năm 2020, được sự đồng ý và ủng hộ của Lãnh đạo TCT, Công đoàn Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã phối hợp với Câu lạc bộ Bảo Việt vì cộng đồng đồng, Đoàn thanh niên thực hiện chương trình "Bảo Việt cùng em đến trường" tại trường TH&THCS Vũ Muộn, tỉnh Bắc Kạn.

Vào đúng khai giảng năm học mới, sáng ngày 05/09, hòa chung vào không khí khai giảng trên cả nước, đại diện Lãnh đạo của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Công đoàn, Đoàn thanh niên và CLB Bảo Việt vì Cộng đồng và đại diện lãnh đạo Công ty Bảo Việt Bắc Kạn đã tham dự lễ khai giảng và trao tặng các phần quà trị giá 75 triệu đồng tới các thầy cô và học sinh trường TH&THCS Vũ Muộn, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Những món quà thiết thực gồm: 20 chiếc xe đạp, 50 bộ đồ dùng học tập, dụng cụ thể thao, máy lọc nước,... thay cho tấm lòng sẻ chia, thể hiện trách nhiệm, cam kết của Bảo hiểm Bảo Việt với cộng đồng, xã hội.

XUÂN YÊU THƯƠNG 2020 – BẢO HIỂM BẢO VIỆT TRAO QUÀ TỚI BỆNH NHÂN KHÓ KHĂN TẠI VIỆN TIM HÀ NỘI



Đại diện Ban lãnh đạo Tổng Công ty
Ông **Đỗ Hoàng Phương** đã chia sẻ

"Những món quà này chính là tấm lòng, là tình cảm của các CBNV Bảo hiểm Bảo Việt muốn gửi tới các bệnh nhân tại đây, hi vọng sẽ là động lực để họ vượt qua bệnh tật, sớm trở về với cuộc sống bình an cùng gia đình và người thân"

Sáng ngày 07/02/2020, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Bảo hiểm Bảo Việt đã phối hợp cùng Bảo Việt Tim Hà Nội tổ chức chương trình tặng quà từ thiện "Xuân yêu thương 2020" dành cho các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn đang lưu trú khám bệnh tại đây. Hơn 50 phần quà đã được chuẩn bị và trao đến tận tay gia đình người bệnh không chỉ là món quà chúc bình an đầu Xuân Canh Tý mà thông qua đó, phần nào đã chia sẻ những khó khăn của người bệnh và gia đình họ.

Đây cũng là chương trình thiện nguyện được tổ chức định kỳ hàng năm của Bảo hiểm Bảo Việt với mong muốn được đồng hành chung tay trong các hoạt động an sinh xã hội, góp phần hỗ trợ những gia đình/cá nhân có hoàn cảnh thiếu thốn.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

2. XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO VÀ HỖ TRỢ Y TẾ

"Với mục tiêu giảm bớt sự phát triển bất cân đối giữa các khu vực thành thị và nông thôn thông do tác động của nền kinh tế, Bảo Việt đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng trạm y tế, trường học, nhà ở cho đồng bào các tỉnh khó khăn, giúp họ yên tâm lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình. Bên cạnh các dự án xóa đói giảm nghèo tại các tỉnh như Nghệ An, Quảng Trị, Thái Nguyên, Quảng Bình, Tây Ninh, Phú Thọ, v.v...Bảo Việt vẫn sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động an sinh xã hội theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo của Chính phủ."

HỖ TRỢ 2.500 HỘ NGHÈO ĐƯỢC KHÁM BỆNH MIỄN PHÍ



Với mong muốn đóng góp cho cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân Việt Nam, năm 2020, chương trình "Hành trình xanh – Trái tim vàng" của Bảo Việt Nhân thọ đã đến với 5 tỉnh bao gồm: Đồng Nai, Gia Lai, Hải Phòng, Bắc Ninh và Nghệ An. Chương trình có sự đồng hành của các y, bác sĩ từ các bệnh viện Trung ương, khám bệnh miễn phí và chia sẻ về cách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho tổng cộng hơn 2.500 hộ dân nghèo.

"Hành trình xanh" của Bảo Việt Nhân thọ không chỉ huy động sự tham gia tận tụy của hơn 200.000 "Trái tim vàng" - các tình nguyện viên, tư vấn viên Bảo Việt Nhân thọ, mà còn kêu gọi được sự chung tay góp sức của đội ngũ các y, bác sĩ tận tâm đến từ các bệnh viện Trung ương phối hợp khám bệnh miễn phí, giúp người dân phát hiện bệnh tình và nâng cao nhận thức phòng ngừa bệnh tật.

LAN TỎA TINH THẦN YOGA ĐẾN HƠN 5.000 NGƯỜI DÂN, NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ SỨC KHỎE



Năm 2020 là một năm có nhiều biến động với người dân trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Dịch bệnh bùng phát đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống, sức khỏe của cả xã hội. Nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong việc chủ động bảo vệ sức khỏe của bản thân và gia đình, năm 2020, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục phối hợp với Đại Sứ quán Ấn Độ tổ chức Ngày Quốc tế Yoga. Thông qua chủ đề "YOGA - Refresh your life", Yoga cho Khởi đầu mới, Bảo Việt Nhân thọ mong muốn lan toả thông điệp sống chủ động, lạc quan để sẵn sàng đương đầu với mọi thách thức. Hơn 5.000 người yêu mến bộ môn Yoga tại Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Phú Yên, ... đã cùng Bảo Việt Nhân thọ trở thành đại sứ lan tỏa tinh thần, năng lượng tích cực, sẵn sàng đối phó với dịch bệnh. Chương trình được tổ chức đảm bảo quy định phòng chống dịch bệnh, an toàn cho người tham gia.



HỖ TRỢ 20 TRIỆU ĐỒNG/CA DƯƠNG TÍNH SARS-COV-2 DÀNH CHO 1 TRIỆU CÔNG DÂN VIỆT NAM

Tháng 3/2020, dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp (Covid-19) trở thành tâm điểm của toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng khi số lượng người nhiễm virus đang ngày một tăng lên nhanh chóng. Trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, với mục tiêu và sứ mệnh chăm sóc bảo vệ sức khỏe cộng đồng ngày một tốt hơn, Bảo Việt chính thức triển khai chương trình "TÀI CHÍNH TẶNG NGAY – CHUNG TAY VƯỢT DỊCH" , mong muốn được cùng xã hội chung tay phòng chống và đẩy lùi đại dịch. Theo đó, Bảo Việt đã ra chính sách hỗ trợ tài chính 20 triệu đồng/ ca dương tính Covid-19 dành cho một triệu công dân Việt Nam đầu tiên đăng ký tham gia chương trình.

Bên cạnh đó, Bảo Việt Nhân thọ cũng công bố chính sách đặc biệt, thực hiện chi trả 200% quyền lợi trợ cấp viện phí thông thường cho khách hàng không may nhiễm Covid-19, đồng thời miễn thời gian chờ với tất cả các sản phẩm khi khách hàng phải nằm viện, bị bệnh lý nghiêm trọng hoặc tử vong do Covid-19. Thời gian áp dụng đến hết 30/6/2021.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

BẢO VIỆT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, ĐỒNG HÀNH CÙNG CỘNG ĐỒNG: 2.700 ĐƠN VỊ MÁU ĐÃ ĐƯỢC HIẾN CHO NGƯỜI BỆNH

Ngày 11/12/2020, Tập đoàn Bảo Việt phối hợp với Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương đã tổ chức cho hàng trăm cán bộ, tư vấn viên tham gia hiến máu tình nguyện "Bảo Việt - Vì những niềm tin của bạn" lần thứ 7 tại Hà Nội.





Với tinh thần "Mỗi giọt máu cho đi, một cuộc đời ở lại", Bảo Việt hiểu rằng hoạt động hiến máu cứu người góp một phần rất quan trọng nhằm bổ sung lượng máu hằng năm cho các cơ sở y tế, giúp cứu sống hàng ngàn bệnh nhân. Chỉ trong ngày 11/12/2020, chương trình "Bảo Việt - Vì những niềm tin của bạn" lần thứ 7 đã đóng góp được 300 đơn vị máu quý giá.

Với truyền thống tương thân tương ái, từ năm 2013, chương trình hiến máu tình nguyện của Bảo Việt được tổ chức với mong muốn góp phần tiếp thêm niềm tin, tinh thần lạc quan cho các bệnh nhân cần truyền máu. Chương trình luôn nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của các cán bộ, tư vấn viên đối với một nghĩa cử cao đẹp, thể hiện lòng nhân ái và trách nhiệm của mỗi cá nhân với cộng đồng. Tính đến nay, chương trình hiến máu tình nguyện "Bảo Việt - Vì những niềm tin của bạn" đã đóng góp được 2.700 đơn vị máu, góp phần cùng cộng đồng cung cấp kịp thời nguồn máu, đem lại sự sống cho nhiều bệnh nhân.

Triển khai trong mùa dịch, quy trình hiến máu được kiểm soát chặt chẽ, các cán bộ, tư vấn viên hiến máu thực hiện kê khai tình trạng sức khoẻ, đo huyết áp, kiểm tra mức độ phù hợp để hiến tặng máu cũng như thực hiện các biện pháp an toàn trong mùa dịch Covid-19.

XÂY NHÀ TÌNH NGHĨA TẠI KIÊN GIANG VÀ HÀ GIANG

Thực hiện chương trình công tác của Công đoàn, năm 2020 Công đoàn TCT Bảo hiểm Bảo Việt phối hợp với Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt chung tay mang đến tấm lòng hảo tâm, trao tặng ngôi nhà "mái ấm công đoàn" cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn.



Nằm cách xa trung tâm xã, đường xá đi lại rất khó khăn, 2 căn nhà tại: Thôn Thống Nhất, xã Quang Minh, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang và Ấp Vĩnh Hưng xã Hoà Chánh, U Minh Thượng, Kiên Giang trong tình trạng dột nát, bị hư hỏng, xuống cấp nặng, hoàn cảnh gia đình các hội viên đang sinh sống tại 2 căn nhà cũng đặc biệt khó khăn. Phát huy truyền thống tốt đẹp "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc Việt Nam, Công đoàn TCT Bảo hiểm Bảo Việt đã làm việc với Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt và thống nhất xây tặng 02 nhà tình nghĩa cho 02 hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn như trên với tổng kinh phí hỗ trợ xây nhà là 130.000.000 đ

Qua đó, Bảo Việt Kiên Giang & Bảo Việt Hà Giang làm đầu mối phối hợp với chính quyền địa phương để tổ chức việc xây dựng, giám sát đảm bảo chất lượng và sử dụng nguồn tiền hỗ trợ đúng mục đích, minh bạch; báo cáo Công đoàn TCT sau khi hoàn thiện ngôi nhà.

3. KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI VÀ MÔI TRƯỜNG

"Thời gian gần đây do sự tác động từ biến đổi khí hậu, các hiện tượng thiên tai trở nên cực đoan hơn và để lại hậu quả nặng nề cho con người và môi trường. Nhận thức rõ vai trò không chỉ là đầu tàu kinh tế mà còn là doanh nghiệp tiên phong bảo đảm sự bình an và phát triển cộng đồng."

ĐOÀN CỨU TRỢ BẢO HIỂM BẢO VIỆT VƯỢT QUA BIỂN NƯỚC, TIẾN THẲNG VÀO VÙNG "RỐN LŨ" TRAO TẶNG MÓN ĐỒ THIẾT YẾU CHO ĐỒNG BÀO MIỀN TRUNG RUỘT THỊT





Chứng kiến "khúc ruột" miền Trung phải hứng chịu nhiều mất mát về người và của sau cơn bão lũ. Không nằm ngoài cuộc, Bảo hiểm Bảo Việt đã nhanh chóng đưa chuyến xe chở hàng cứu trợ từ Tổng Công Ty (Hà Nội) tiến thẳng về 03 tỉnh miền Trung chịu ảnh hưởng nặng nề nhất cả nước (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị) để kịp thời trao tận tay bà con những món đồ dùng thiết yếu nhất.

Trong các ngày từ 21.10.2020 cho đến nay, các Công ty Bảo Việt Hà Tĩnh, Bảo Việt Quảng Bình, Bảo Việt Quảng Trị đã nhanh chóng, kịp thời thực hiện công tác cứu trợ bà con. Giữa biển nước mênh mông miền Trung, các đoàn công tác không ngại đi thuyền, lội nước đến từng hộ gia đình để trao tận tay món quà thiết thực gồm có: 1610 chiếc áo phao và 1730 áo mưa bộ, nước uống đóng chai, đồ ăn cùng nhiều nhu yếu phẩm cần thiết khác.

Không chỉ dừng lại ở đó, các Công ty Bảo Việt miền Trung còn nêu cao tinh thần "lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều" bằng việc chủ động di chuyển đến các tỉnh lân cận và phối hợp Công ty Bảo Việt địa phương trao món quà cứu trợ bà con vô cùng ý nghĩa. Song song với đó, từ phía Tổng Công Ty và Công ty thành viên toàn hệ thống đã đồng loạt kêu gọi ủng hộ tiền mặt ít nhất một ngày lương với hi vọng phần nào san sẻ khó khăn, giúp người dân sớm ổn định cuộc sống sau thiên tai.

HỖ TRỢ 4 TỈNH MIỀN TRUNG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI LŨ LỤT



Cuối tháng 10/2020, các cơn bão từ biển Đông liên tiếp đổ bộ vào miền Trung đã gây thiệt hại lớn về người và tài sản, làm 192 người chết và 57 người mất tích, 1.531 ngôi nhà bị sập; 239.340 nhà bị hư hại, tốc mái và hơn 473.450 lượt nhà bị ngập nước. "Không để ai bị bỏ lại phía sau", Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đã nhanh chóng phối hợp với các cấp chính quyền tại 4 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế để trao tặng các suất quà cho các gia đình chịu hậu quả nặng nề sau bão lũ.

Đồng thời, các cán bộ, tư vấn viên của Bảo Việt Nhân thọ tại 76 tỉnh/thành cũng đã tình nguyện ủng hộ tối thiểu 1 ngày lương làm việc để chia sẻ những mất mát, đau thương cùng người dân các vùng "rốn lũ", góp phần hỗ trợ bà con khắc phục hậu quả, sớm ổn định cuộc sống.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

2.500
CÂY ĐƯỢC TRỒNG TRONG CHIẾN DỊCH
HÀNH TRÌNH VIỆT NAM XANH



Ngày 7.1, tại Nghinh Lương Đình (TP.Huế, Thừa Thiên – Huế) Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thừa Thiên - Huế đã tổ chức lễ phát động chiến dịch "Hành trình Việt Nam xanh" hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc "Trồng 1 tỉ cây xanh cho Việt Nam".

Ngay sau lễ phát động, hàng ngàn tình nguyện viên đến từ chi nhánh của Bảo Việt Nhân thọ ở 63 tỉnh, thành trong cả nước đã đến Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền (H. Phong Điền), trồng 2.500 cây gỗ bản địa đầu tiên trên 5 ha đất tại đây. Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Điền là khu bảo tồn với những khu rừng có giá trị đa dạng sinh học cao, được các nhà khoa học bảo tồn thế giới bình chọn là một trong 200 vùng sinh thái có quan trọng đặc biệt của toàn cầu với nhiều khu hệ động vật, thực vật quý hiếm. Ngoài ra, khu vực này còn có chức năng phòng hộ đầu nguồn cho lực vực sông Mỹ Chánh, Ô Lâu, Sông Bồ...





VỚI VIỆC TRỒNG 2.500 CÂY GỖ BẢN ĐỊA ĐẦU TIÊN TẠI ĐÂY,
BẢO VIỆT MONG MUỐN CHUNG TAY ĐÓNG GÓP,
BẢO VỆ CUỘC SỐNG BÌNH AN CỦA NGƯỜI DÂN TRƯỚC THIÊN TAI LŨ LỤT;
GIEO MẦM XANH CHO CUỘC SỐNG – CŨNG LÀ THỰC HIỆN SỨ MỆNH
BẢO VỆ TƯƠNG LAI VIỆT.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

4. TRI ÂN ANH HÙNG LIỆT SỸ, GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI ĐẤT NƯỚC

"Với đạo lý uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây, Bảo Việt luôn biết ơn sự hi sinh và tinh thần của các chiến sỹ đã chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc và thể hiện bằng những nỗ lực gìn giữ và bảo tồn những di tích lịch sử - minh chứng của một thời kỳ đấu tranh dân tộc hào hùng và mãi là niềm tự hào của các thế hệ Việt Nam. Chính vì vậy, các hoạt động tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử để góp phần tri ân các thế hệ đi trước, đồng thời các hoạt động giáo dục truyền thống cách mạng của đất nước cho các thế hệ sau cũng được Bảo Việt quan tâm thực hiện."



TẶNG QUÀ CHO CÁC GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH NHÂN DỊP NGÀY THƯƠNG BINH LIỆT SỸ

Nhân dịp kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7, Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt đã phối hợp với Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Móng Cái tri ân đối tượng chính sách, các gia đình có công với cách mạng nơi địa đầu Tổ quốc. Đoàn đã thăm hỏi, tặng quà hàng chục gia đình chính sách trên địa bàn Móng Cái, Quảng Ninh với tổng trị giá 40 triệu đồng. Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt cũng đã tặng quà tri ân các gia đình chính sách có con em hiện đang công tác tại Bảo Việt, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc ta.

Tích cực chung tay cùng Nhà nước tri ân những cựu binh và gia đình có công với Cách mạng, đóng góp vào công tác an sinh xã hội của đất nước, với sự ủng hộ của Tỉnh Ủy, Ủy Ban nhân dân tỉnh Thái Bình, ngày 27/7/2020, Bảo Việt Nhân thọ đã tổ chức Lễ khởi công xây dựng Trung tâm tẩy độc cho hội viên Hội nạn nhân chất độc da cam (CĐDC) tại tỉnh Thái Bình với tổng giá trị đầu tư 3 tỷ đồng, đồng thời tặng quà cho con em thương binh chất độc màu da cam tại Trung tâm.

5. KẾ HOẠCH AN SINH XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG NĂM 2021



Năm 2021, Tập đoàn Bảo Việt dự kiến tiếp tục dành khoảng 30 tỷ đồng kinh phí từ kinh phí hoạt động và 10 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế để thực hiện các nhiệm vụ an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng. Thông qua các dự án xây dựng trường học, trạm y tế, các hoạt động tri ân, tôn tạo các di tích lịch sử, xây dựng nhà tình nghĩa, thăm và tặng quà cho học sinh vùng cao, xây dựng bếp ăn, nhà bán trú... chung tay cùng cộng đồng, địa phương cải thiện đáng kể điều kiện sống, học tập của nhân dân và học sinh tại địa phương.



AN TOÀN & SỨC KHỎE CỦA KHÁCH HÀNG

BẢO VIỆT CHI TRẢ 20 TRIỆU ĐỒNG/CA NHIỄM SARS-COV-2 DÀNH CHO "MỘT TRIỆU CÔNG DÂN VIỆT NAM" ĐĂNG KÝ ĐẦU TIÊN



Ngay từ đầu năm 2020, tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do virus SARS-COV2(Covid-19) trở thành tâm điểm của toàn thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng khi số lượng người nhiễm virus ngày một tăng lên nhanh chóng. Trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, với mục tiêu và sứ mệnh chăm sóc bảo vệ sức khoẻ cộng đồng ngày một tốt hơn, Bảo hiểm Bảo Việt đã chính thức triển khai chương trình TÀI CHÍNH TẶNG NGAY - CHUNG TAY VƯỢT DỊCH, mong muốn được cùng xã hội chung tay phòng chống và đẩy lùi đại dịch. Chương trình đăng ký hoàn toàn miễn phí.

Chỉ sau 2 tuần ra mắt, chương trình đã ghi nhận đạt mức đăng ký 1 Triệu công dân đầu tiên với hàng loạt phản hồi tích cực, ủng hộ & nhận được vô vàn lời cảm ơn từ phias cộng đồng. Chỉ cần là công dân Việt Nam, mỗi cá nhân sau khi đăng ký bạn sẽ nhận được 01 Chương trình bảo vệ trị giá 20 triệu đồng nếu không may nhiễm virus SARS-COVID2.

RA MẮT SẢN PHẨM Life Care
BẢO HIỂM UNG THƯ VÀ ĐỘT QUỴ CÓ MỨC CHI TRẢ CAO NHẤT THỊ TRƯỜNG



Ung thư vẫn thường được gọi với những cái tên ám ảnh như "bệnh K", "án tử", "dấu chấm hết" bởi số lượng ca mắc mới và tử vong do ung thư hàng năm liên tục gia tăng. Cùng với ung thư, bệnh đột quỵ đang ngày càng trẻ hóa, thậm chí diễn ra rất sớm ở độ tuổi 20-30, dấy lên hồi chuông báo động về việc chủ động chăm sóc sức khỏe. Ngày nay, với sự tiến bộ của y học, người mắc ung thư và đột quỵ hoàn toàn có thể phục hồi nếu được phát hiện sớm và điều trị tích cực. Bên cạnh đó, các nghiên cứu khoa học cũng chỉ ra, ung thư và đột quỵ đều có thể phòng ngừa từ sớm với chế độ sinh hoạt khoa học và lành mạnh.

Nhằm thúc đẩy tinh thần sống chủ động,tháng 12/2020, Bảo Việt Nhân thọ đã cho ra mắt sản phẩm online ưu việt Life Care – Bảo hiểm bệnh Ung thư tích hợp Đột quỵ duy nhất trên thị trường, mang đến giải pháp tài chính chủ động và chu toàn, lan tỏa thông điệpý nghĩa "Ung thư không phải để sợ, mà để hành động". Sản phẩm dễ dàng tham gia, có mức phí thấp, bảo vệ ngay từ giai đoạn đầu và bảo hiểm lên đến 122% số tiền bảo hiểm, mức chi trả cao nhất trên thị trường hiện nay.

RA MẮT SẢN PHẨM An Khoa Trạng Nguyên
SẢN PHẨM BẢO HIỂM ƯU VIỆT DÀNH CHO TRẺ EM



Bảo hiểm nhận thọ là một hình thức bảo vệ vững chắc mà các giải pháp tài chính khác như tiết kiệm và đầu tư không thể mang đến, đảm bảo tài chính cho tương lai của con trong mọi hoàn cảnh. Nhằm đồng hành cùng các bậc phụ huynh trên hành trình cùng con trưởng thành, khôn lớn và sống một cuộc đời hạnh phúc, Bảo Việt Nhân thọ đã nghiên cứu và phát triển sản phẩm bảo hiểm nhân thọ "An Khoa Trạng Nguyên" đồng hành cùng cha mẹ chuẩn bị tương lai cho con trẻ.

Không chỉ kế thừa những quyền lợi ưu việt trong các sản phẩm dành cho trẻ em của Bảo Việt Nhân thọ, "An Khoa Trạng Nguyên" còn được bổ sung thêm các quyền lợi mới toàn diện và hấp dẫn nhất trong các sản phẩm dành cho trẻ em trên thị trường, giúp tích lũy và bảo vệ cho cả con và cha/mẹ trong cùng một hợp đồng, như: quyền lợi chăm sóc y tế toàn diện cho con, quyền lợi hỗ trợ tài chính đồng thời miễn đóng phí còn lại của Hợp đồng chính nếu không may cha mẹ mắc bệnh hiểm nghèo, quyền lợi quà tặng lập nghiệp hấp dẫn dành cho mọi trẻ em tham gia hợp đồng, ... Bên cạnh đó, "An Khoa Trạng Nguyên" có độ tuổi tham gia rộng từ 0 – 15 tuổi, và có lựa chọn thời hạn đóng phí ngắn 5 năm nhưng vẫn được bảo vệ trong 18 năm.



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

000 Báo cáo tài chính hợp nhất
theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)

312 Báo cáo tài chính riêng (tóm tắt)
theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)

000 Báo cáo tài chính hợp nhất (tóm tắt)
theo chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS)



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

THEO CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS)

314 Bảng cân đối kế toán riêng tóm tắt

316 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tóm tắt

317 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tóm tắt

Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt được đăng tải đầy đủ trên website. Vui lòng quét mã QR bên trên để xem chi tiết.

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1,
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 60780870/21917128-SMY

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt kèm theo, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 314 đến trang 317, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đầy đủ nói trên tại báo cáo kiểm toán lập ngày 31 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính riêng đầy đủ này và báo cáo tài chính riêng tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính riêng tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính riêng đầy đủ đã được kiểm toán của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tóm tắt của Tập đoàn, cho mục đích lập báo cáo thường niên theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng tóm tắt – được trích từ báo cáo tài chính riêng đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn đã được kiểm toán – đã được phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán, phù hợp với quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2071-2018-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

Mã số		TÀI SẢN	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**4.646.200.813.579**	**4.221.662.002.655**
110	***I.***	***Tiền và các khoản tương đương tiền***	***284.719.971.015***	***2.536.206.569.386***
111	1.	Tiền	34.719.971.015	2.007.706.569.386
112	2.	Các khoản tương đương tiền	250.000.000.000	528.500.000.000
120	***II.***	***Đầu tư tài chính ngắn hạn***	***3.439.334.361.164***	***835.348.340.000***
121	1.	Chứng khoán kinh doanh	55.334.361.164	55.334.361.164
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(1.986.021.164)
123	3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.384.000.000.000	782.000.000.000
130	***III.***	***Các khoản phải thu ngắn hạn***	***883.262.938.147***	***806.606.777.194***
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	873.006.663.712	795.953.747.025
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	198.791.000	661.735.640
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	10.057.483.435	9.991.294.529
150	***IV.***	***Tài sản ngắn hạn khác***	***38.883.543.253***	***43.500.316.075***
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	13.531.940.245	13.945.044.314
152	2.	Thuế GTGT được khấu trừ	24.051.688.981	24.124.624.683
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.299.914.027	5.430.647.078
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**13.953.916.461.231**	**13.997.899.824.048**
220	***I.***	***Tài sản cố định***	***628.630.158.436***	***696.946.985.439***
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	347.514.355.365	390.065.178.555
222		*Nguyên giá*	*819.944.770.140*	*804.392.195.140*
223		*Giá trị hao mòn lũy kế*	*(472.430.414.775)*	*(414.327.016.585)*
227	2.	Tài sản cố định vô hình	281.115.803.071	306.881.806.884
228		*Nguyên giá*	*435.221.676.501*	*417.183.772.501*
229		*Giá trị hao mòn lũy kế*	*(154.105.873.430)*	*(110.301.965.617)*
240	***II.***	***Tài sản dở dang dài hạn***	***308.693.071.956***	***284.336.380.960***
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	308.693.071.956	284.336.380.960
250	***III.***	***Đầu tư tài chính dài hạn***	***12.986.897.174.058***	***12.949.328.228.929***
251	1.	Đầu tư vào công ty con và BVIF	9.352.286.148.720	8.502.286.148.720
252	2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.138.200.000.000	2.138.200.000.000
253	3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	616.781.114.000	616.781.114.000
254	4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(89.940.967.187)	(186.994.966.564)
255	5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	969.570.878.525	1.879.055.932.773
260	***IV.***	***Tài sản dài hạn khác***	***29.696.056.781***	***67.288.228.720***
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	29.696.056.781	61.605.658.720
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	5.682.570.000
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**18.600.117.274.810**	**18.219.561.826.703**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**	**404.803.491.483**	**396.304.283.517**
310	***I.***	***Nợ ngắn hạn***	***189.735.656.269***	***165.273.045.017***
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	4.922.606.612	11.085.065.505
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	158.685.912	158.685.912
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18.423.969.606	8.778.385.576
314	4.	Phải trả người lao động	62.902.494.416	49.824.926.423
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	6.426.007.236	6.617.996.137
319	6.	Phải trả ngắn hạn khác	79.533.349.539	73.614.039.039
322	7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17.368.542.948	15.193.946.425
330	***II.***	***Nợ dài hạn***	***215.067.835.214***	***231.031.238.500***
338	1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	215.067.835.214	231.031.238.500
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**18.195.313.783.327**	**17.823.257.543.186**
410	***I.***	***Vốn chủ sở hữu***	***18.195.313.783.327***	***17.823.257.543.186***
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
411a		*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*7.423.227.640.000*	*7.423.227.640.000*
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807
418	3.	Quỹ đầu tư phát triển	890.113.816.478	727.465.816.478
421	4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.571.513.584.042	2.362.105.343.901
421a		*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*1.561.552.414.060*	*1.279.828.393.356*
421b		*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*	*1.009.961.169.982*	*1.082.276.950.545*
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**18.600.117.274.810**	**18.219.561.826.703**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
01	1.	Doanh thu hoạt động kinh doanh	1.408.926.396.582	1.561.636.708.767
11	2.	Chi phí hoạt động kinh doanh	(164.130.649.518)	(257.213.033.885)
20	**3.**	**Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh**	**1.244.795.747.064**	**1.304.423.674.882**
26	4.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(178.818.005.528)	(204.889.267.571)
30	**5.**	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**1.065.977.741.536**	**1.099.534.407.311**
31	6.	Thu nhập khác	1.011.348.941	859.954.758
32	7.	Chi phí khác	(72.345.516)	(191.414.087)
40	**8.**	**Lợi nhuận khác**	**939.003.425**	**668.540.671**
50	**9.**	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**1.066.916.744.961**	**1.100.202.947.982**
51	**10.**	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**(49.518.591.186)**	**(15.885.997.437)**
52	**11.**	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**(5.682.570.000)**	**-**
60	**12.**	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**1.011.715.583.775**	**1.084.316.950.545**

M.S.D.N: 0100111761 - CTCP TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**		
01	1.	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.372.549.631.597	1.751.875.279.653
		- Thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, lãi bán chứng khoán, cổ tức và lợi nhuận được chia	*1.065.847.991.080*	*1.430.682.841.719*
		- Tiền thu từ cung cấp dịch vụ khác	*306.701.640.517*	*321.192.437.934*
02	2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	(140.172.291.446)	(109.043.657.350)
03	3.	Tiền chi trả cho người lao động	(117.618.794.051)	(116.586.255.985)
04	4.	Tiền chi trả lãi vay	(12.508.071.470)	-
05	5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(32.001.600.000)	(19.042.101.993)
06	6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	25.191.578.523	34.239.919.870
07	7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(136.493.245.768)	(164.199.852.682)
20		**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**	**958.947.207.385**	**1.377.243.331.513**
	II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		
21	1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(59.641.462.036)	(141.571.487.906)
22	2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	15.850.000	207.500.000
23	3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.735.000.000.000)	(1.560.000.000.000)
24	4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.043.000.000.000	845.441.141.448
25	5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(850.000.000.000)	(1.450.000.000.000)
26	6.	Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	19.800.000.000
30		**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**	**(2.601.625.612.036)**	**(2.286.122.846.458)**
	III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**		
31	1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	-	4.011.741.161.610
33	2.	Tiền thu từ tiền vay	43.572.470.000	86.691.238.500
34	3.	Tiền chi trả nợ gốc vay	(59.535.873.286)	(1.360.000.000)
36	4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(592.843.450.920)	(700.031.543.900)
40		**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính**	**(608.806.854.206)**	**3.397.040.856.210**
50		**Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)**	**(2.251.485.258.857)**	**2.488.161.341.265**
60		**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**2.536.206.569.386**	**48.041.832.242**
61		Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(1.339.514)	3.395.879
70		**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**284.719.971.015**	**2.536.206.569.386**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2021

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THEO CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS)

319 Thông tin chung

321 Báo cáo của Hội đồng Quản trị

322 Báo cáo kiểm toán độc lập

323 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

317 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

329 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

331 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt được đăng tải đầy đủ trên website. Vui lòng quét mã QR bên trên để xem chi tiết.

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tập đoàn đã được đăng ký thay đổi 13 lần với lần thứ 13 được thực hiện vào ngày 09 tháng 01 năm 2020.

Toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ của Tập đoàn được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Một số thông tin về Tập đoàn theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 72, phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; dịch vụ hỗ trợ giáo dục và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh
Vốn điều lệ:	7.423.227.640.000 VND
Số cổ phần đã đăng ký:	742.322.764 cổ phần
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính; Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC"); HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Đỗ Trường Minh - Tổng Giám đốc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Đỗ Trường Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2018
Bà Thân Hiền Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2014
Bà Trần Thị Diệu Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2018
Ông Teruo Shimmen	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2019
Ông Nguyễn Đình An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2020
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 02 năm 2020
Ông Kenji Yoneda	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các kiểm soát viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ông Tiến Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2019
	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Vũ Thanh Hải	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2019
Ông Đinh Hoài Linh	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021
Bà Trần Thị Phương	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Trường Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2018
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2016 Thôi giữ chức vụ ngày 19 tháng 03 năm 2020
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 02 năm 2020
Ông Phạm Ngọc Tú	Phó Giám đốc Phụ trách Khối Quản lý Tài chính	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2015 Thôi giữ chức vụ ngày 19 tháng 03 năm 2020
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn vào ngày lập báo cáo này là Ông Đỗ Trường Minh – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Tập đoàn ("Ban Điều hành") chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Đào Đình Thi
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 08 năm 2021 và được trình bày từ trang 323 đến trang 409, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2071-2018-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 B01-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**91.841.581.344.776**	**79.755.413.497.351**
110	***I.***	***Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***6.780.742.363.756***	***4.742.602.123.821***
111	1.	Tiền		643.642.363.751	3.543.802.123.821
112	2.	Các khoản tương đương tiền		6.137.100.000.005	1.198.800.000.000
120	*II.*	*Đầu tư tài chính ngắn hạn*		*73.718.143.604.394*	*63.081.067.015.771*
121	1.	Chứng khoán kinh doanh	14.1	2.449.645.175.350	2.831.287.386.102
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	14.1	(156.221.229.549)	(262.206.190.001)
123	3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	71.424.719.658.593	60.511.985.819.670
130	***III.***	***Các khoản phải thu ngắn hạn***	***6.1***	***8.299.283.030.486***	***8.066.123.022.982***
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		6.147.086.149.110	6.577.734.150.730
131.1	*1.1*	*Phải thu về hoạt động bảo hiểm*		*1.754.864.348.632*	*2.745.438.129.380*
131.2	*1.2*	*Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính*		*4.392.221.800.478*	*3.832.296.021.350*
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn		63.469.950.921	51.656.014.873
135	3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn		2.238.592.447.282	1.547.244.188.647
136	4.	Phải thu ngắn hạn khác		270.591.778.388	286.158.420.320
137	5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(420.627.400.900)	(396.839.857.273)
139	6.	Tài sản thiếu chờ xử lý		170.105.685	170.105.685
140	***IV.***	***Hàng tồn kho***	***7***	***124.433.087.390***	***126.357.485.890***
150	***V.***	***Tài sản ngắn hạn khác***		***672.283.091.006***	***697.888.873.774***
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		634.419.485.710	649.777.273.875
151.1	*1.1*	*Chi phí hoa hồng chưa phân bổ*	*8*	*600.397.009.237*	*616.715.897.763*
151.2	*1.2*	*Chi phí trả trước ngắn hạn khác*	*9*	*34.022.476.473*	*33.061.376.112*
152	2.	Thuế GTGT được khấu trừ		24.620.422.132	26.054.243.448
153	3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		3.512.662.035	5.535.648.167
155	4.	Tài sản ngắn hạn khác		9.730.521.129	16.521.708.284
190	***VI.***	***Tài sản tái bảo hiểm***		***2.246.696.167.744***	***3.041.374.975.113***
191	1.	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	24	1.059.460.785.355	1.701.325.224.944
192	2.	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	24	1.187.235.382.389	1.340.049.750.169

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN		Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**54.571.219.473.584**	**48.482.824.687.136**
210	***I.***	***Các khoản phải thu dài hạn***	***6.2***	***70.801.065.457***	***63.160.764.211***
216	1.	Phải thu dài hạn khác		70.801.065.457	63.160.764.211
220	***II.***	***Tài sản cố định***		***1.788.655.050.662***	***1.898.098.756.584***
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	10	859.647.804.853	920.311.593.615
222		*Nguyên giá*		*2.316.960.202.591*	*2.255.435.055.545*
223		*Giá trị khấu hao luỹ kế*		*(1.457.312.397.738)*	*(1.335.123.461.930)*
227	2.	Tài sản cố định vô hình	11	929.007.245.809	977.787.162.969
228		*Nguyên giá*		*1.430.463.210.802*	*1.410.639.526.802*
229		*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(501.455.964.993)*	*(432.852.363.833)*
230	***III.***	***Bất động sản đầu tư***	***12***	***45.388.992.000***	***45.388.992.000***
240	***IV.***	***Tài sản dở dang dài hạn***		***561.928.499.811***	***444.112.950.657***
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	561.928.499.811	444.112.950.657
250	***V.***	***Đầu tư tài chính dài hạn***		***51.874.244.925.437***	***45.679.482.507.955***
252	1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.3.1	2.880.436.188.476	2.848.523.110.118
253	2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3.2	1.042.701.268.763	928.533.355.221
254	3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.3.2	(120.753.192.331)	(211.419.119.641)
255	4.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	48.071.860.660.529	42.113.845.162.257
260	***VI.***	***Tài sản dài hạn khác***		***230.200.940.217***	***352.580.715.729***
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	9	202.692.782.843	293.684.307.605
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16.2.1	12.137.474.250	43.189.496.624
268	3.	Tài sản dài hạn khác		15.370.683.124	15.706.911.500
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**			**146.412.800.818.360**	**128.238.238.184.487**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 B01-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**125.591.034.777.516**	**108.335.629.665.873**
310	***I.***	***Nợ ngắn hạn***		***19.747.437.592.781***	***20.707.174.565.073***
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	15	2.710.675.408.406	3.294.031.479.343
311.1	*1.1*	*Phải trả hoạt động bảo hiểm*		*2.651.844.948.296*	*3.248.053.120.718*
311.2	*1.2*	*Phải trả khác hoạt động tài chính*		*4.024.930.000*	*7.862.957.608*
311.3	*1.3*	*Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ*		*54.805.530.110*	*38.115.401.017*
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		14.895.367.272	7.152.477.309
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	122.177.355.612	49.605.595.640
314	4.	Phải trả người lao động		855.435.551.317	814.664.633.846
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn		52.220.043.380	64.033.683.035
318	6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	230.592.057.618	203.667.569.263
318.1	7.	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	18.1	87.737.943.073	157.084.170.856
319	8.	Phải trả ngắn hạn khác	19	939.865.915.372	486.461.542.047
320	9.	Vay ngắn hạn	20	895.634.463.715	106.634.758.994
322	10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	154.253.870.948	129.409.885.270
324	11.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu	22	13.683.949.616.068	15.394.428.769.470
330	***II.***	***Nợ dài hạn***		***105.843.597.184.735***	***87.628.455.100.800***
337	1.	Phải trả dài hạn khác	23	251.591.787.491	222.451.750.720
338	2.	Vay dài hạn	20	316.542.417.119	633.298.261.127
341	3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16.2.2	5.101.265.074	110.927.382
344	4.	Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	24	105.270.361.715.051	86.772.594.161.571
344.1	*4.1*	*Dự phòng toán học*		*93.090.719.199.763*	*75.546.683.412.605*
344.2	*4.2*	*Dự phòng phí chưa được hưởng*		*4.970.615.412.207*	*5.269.286.082.060*
344.3	*4.3*	*Dự phòng bồi thường*		*2.575.753.599.129*	*2.918.681.311.275*
344.4	*4.4*	*Dự phòng chia lãi*		*1.935.346.562.096*	*1.813.623.023.450*
344.5	*4.5*	*Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu*		*2.547.998.489.076*	*1.128.629.366.429*
344.6	*4.6*	*Dự phòng đảm bảo cân đối*		*133.720.703.795*	*95.648.400.780*
344.7	*4.7*	*Dự phòng dao động lớn*		*16.207.748.985*	*42.564.972*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**20.821.766.040.844**	**19.902.608.518.614**
410	***I.***	***Vốn chủ sở hữu***	***25***	***20.821.766.040.844***	***19.902.608.518.614***
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
411a		*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*7.423.227.640.000*	*7.423.227.640.000*
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		7.310.458.742.807	7.310.458.742.807
417	3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		15.445.192.000	15.445.192.000
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính		967.358.385.620	801.321.408.999
420	5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		103.568.802.818	103.568.802.818
421	6.	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối		3.723.310.113.726	3.037.187.232.453
421a		*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*2.186.864.003.123*	*1.912.595.219.719*
421b		*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*1.536.446.110.603*	*1.124.592.012.734*
423	7.	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm		523.523.906.834	476.227.833.633
429	8.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		754.873.257.039	735.171.665.904
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**146.412.800.818.360**	**128.238.238.184.487**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 B02-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
01	**Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 02 + 03 + 04)**		**38.204.891.722.825**	**35.814.544.336.644**
02	Phí bảo hiểm gốc	26.1	37.727.000.410.986	35.748.172.611.052
03	Phí nhận tái bảo hiểm	26.2	179.220.641.986	228.918.252.103
04	Giảm/(Tăng) dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		298.670.669.853	(162.546.526.511)
05	**Phí nhượng tái bảo hiểm (05 = 06 + 07)**		**(4.761.215.263.679)**	**(3.084.209.111.942)**
06	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	27	(4.119.350.824.090)	(3.374.388.930.705)
07	(Giảm)/Tăngdự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		(641.864.439.589)	290.179.818.763
08	**Doanh thu phí bảo hiểm thuần (08 = 01 + 05)**		**33.443.676.459.146**	**32.730.335.224.702**
09	**Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		**1.080.367.825.398**	**578.800.862.478**
15	**Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (15 = 08 + 09)**		**34.524.044.284.544**	**33.309.136.087.180**
16	**Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn**	**28.1**	**(12.800.823.934.349)**	**(13.994.053.438.788)**
17	**Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm**	**28.2**	**(132.653.130.239)**	**(239.973.867.981)**
18	**Các khoản giảm trừ chi phí (18 = 19 + 20)**		**3.179.894.839**	**4.092.472.480**
19	Thu đòi người thứ ba		1.561.404.451	3.236.476.683
20	Thu xử lý hàng bồi thường 100%		1.618.490.388	855.995.797
21	**Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**	**28.3**	**2.158.008.670.719**	**2.338.609.076.623**
22	**Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc (22 = 23 + 24 + 25 + 26)**		**(19.123.200.751.466)**	**(15.610.892.917.847)**
23	Tăng dự phòng toán học		(17.544.035.787.158)	(15.231.541.739.213)
24	Tăng dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu		(1.419.369.122.647)	(164.911.468.425)
25	Tăng dự phòng chia lãi		(121.723.538.646)	(234.467.860.898)
26	(Tăng)/Giảm dự phòng đảm bảo cân đối		(38.072.303.015)	20.028.150.689
27	**Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm**		**342.927.712.146**	**189.391.274.584**
28	**Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm**		**(152.814.367.780)**	**(396.604.312.873)**
29	**Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (29 = 16 + 17 + 18 + 21 + 22 + 27 + 28)**		**(29.705.375.906.130)**	**(27.709.431.713.802)**
30	**Tăng dự phòng dao động lớn**		**(41.472.073.431)**	**(143.305.387.775)**
31	**Sử dụng từ dự phòng dao động lớn**		**25.306.889.418**	**214.995.602.838**
32	**Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc (32 = 33 + 34 + 35)**		**(4.477.259.732.473)**	**(4.737.830.752.600)**
33	Chi hoa hồng		(3.094.850.217.854)	(2.989.068.074.142)
34	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	29	(1.382.409.514.619)	(1.748.762.678.458)
41	**Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 29 + 30 + 31 + 32)**		**(34.198.800.822.616)**	**(32.375.572.251.339)**

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
42	**Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42 = 15 + 41)**		**325.243.461.928**	**933.563.835.841**
43.1	Doanh thu hoạt động khác		433.287.152.651	336.730.885.525
43.2	Chi phí hoạt động khác		(417.934.268.486)	(340.737.730.666)
43	**Lãi/(Lỗ) thuần từ các hoạt động khác (43 = 43.1 + 43.2)**	**30**	**15.352.884.165**	**(4.006.845.141)**
44.1	Doanh thu hoạt động tài chính	31.1	9.495.658.687.333	7.870.747.650.846
44.2	Chi phí hoạt động tài chính	31.2	(1.841.912.602.607)	(2.184.189.260.231)
44	**Lợi nhuận hoạt động tài chính (44 = 44.1 + 44.2)**		**7.653.746.084.726**	**5.686.558.390.615**
45	**Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát**	**14.3.1**	**70.011.972.612**	**107.754.257.916**
46	**Chi phí bán hàng**	**32**	**(2.366.157.942.795)**	**(1.698.659.395.263)**
47	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**33**	**(3.756.517.474.608)**	**(3.517.026.355.581)**
48.1	Thu nhập khác		13.517.757.652	6.636.310.988
48.2	Chi phí khác		(1.910.935.621)	(3.092.014.766)
48	**Lợi nhuận khác (48 = 48.1 + 48.2)**	**34**	**11.606.822.031**	**3.544.296.222**
50	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (50 = 42 + 43 + 44 + 45 + 46 + 47 + 48)**		**1.953.285.808.059**	**1.511.728.184.609**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	**16.1**	**(267.396.475.068)**	**(269.693.437.322)**
52	**(Chi phí)/Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	**16.2**	**(36.042.360.066)**	**669.872.295**
60	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (60 = 50 + 51 + 52)**		**1.649.846.972.925**	**1.242.704.619.582**
61	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CHỦ SỞ HỮU TẬP ĐOÀN**		**1.597.588.285.269**	**1.188.459.508.500**
62	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**52.258.687.656**	**54.245.111.082**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**36**	**2.097**	**1.626**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 B03-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**1.953.285.808.059**	**1.511.728.184.609**
	2. Điều chỉnh cho các khoản		**9.683.183.505.884**	**8.879.630.993.134**
02	- Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11	206.997.738.211	181.146.935.314
03	- Các khoản dự phòng		18.324.904.209.345	15.681.395.633.664
04	- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.832.163.038)	3.870.364.981
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.547.259.680.419)	(7.969.281.795.376)
06	- Chi phí repo, lãi vay		702.373.401.785	982.499.854.551
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**11.636.469.313.943**	**10.391.359.177.743**
09	- Tăng các khoản phải thu		(13.288.642.669)	(109.801.140.574)
10	- Giảm hàng tồn kho		1.924.398.500	22.568.392.866
11	- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		105.126.771.747	(105.674.992.179)
12	- Giảm/(Tăng) chi phí trả trước		748.213.752.516	(6.254.733.517)
13	- Giảm chứng khoán kinh doanh		381.642.210.752	372.954.492.411
14	- Tiền lãi vay đã trả		(757.788.609.663)	(959.276.338.523)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(237.775.940.333)	(270.336.852.298)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(68.382.974.829)	(67.845.500.995)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**11.796.140.279.964**	**9.267.692.504.934**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(231.433.491.623)	(223.164.104.120)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.026.440.364	919.029.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(87.906.743.938.242)	(68.231.385.894.147)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		71.688.969.281.693	56.170.009.639.929
26	5. Tiền chi hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(29.535.895.500)	(196.000.000.000)
27	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	158.324.419.933
28	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia và lãi bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.717.737.729.146	7.198.647.190.833
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(7.759.979.874.162)**	**(5.122.649.718.299)**

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	4.011.741.161.610
33	2. Tiền thu từ đi vay (bao gồm hoạt động repo)		17.451.796.200.000	18.565.479.700.464
34	3. Tiền trả nợ gốc vay (bao gồm hoạt động repo)		(18.829.087.539.287)	(23.411.545.403.731)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(621.510.028.457)	(728.457.959.360)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(1.998.801.367.744)**	**(1.562.782.501.017)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**2.037.359.038.058**	**2.582.260.285.618**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**4.742.602.123.821**	**2.159.930.729.474**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		781.201.877	411.108.729
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**6.780.742.363.756**	**4.742.602.123.821**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 08 năm 2021

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Tập đoàn đã được đăng ký thay đổi 13 lần với lần thứ 13 được thực hiện vào ngày 09 tháng 01 năm 2020.

Toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ của Tập đoàn được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Một số thông tin về Tập đoàn theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 72, phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; dịch vụ hỗ trợ giáo dục và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh
Vốn điều lệ:	7.423.227.640.000 VND
Số cổ phần đã đăng ký:	742.322.764 cổ phần
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Đỗ Trường Minh - Tổng Giám đốc

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn trong năm và tại ngày lập báo cáo như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
- Bộ Tài chính	482.509.800	65,00
- Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo ("Sumitomo Life")	163.945.421	22,09
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC")	22.154.400	2,98
- Các cổ đông khác	73.713.143	9,93
Tổng cộng	**742.322.764**	**100,00**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có sáu (6) công ty con, một (1) quỹ đầu tư, bảy (7) công ty liên doanh, liên kết (do công ty mẹ nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con/quỹ đầu tư) và ba (3) đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi tiết như sau:

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn	Quyền biểu quyết của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	104 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm và giám định tổn thất	100%	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	Tầng 37 Keangnam Hà Nội Landmark Tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và kinh doanh tái bảo hiểm	100%	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư	100%	100%

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn	Quyền biểu quyết của Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng và cung cấp máy móc thiết bị	100%	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới và lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	59,92%	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%	60%

- Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập ngày 21 tháng 06 năm 2004 theo Quyết định số 1296/QĐ/BTC của Bộ Tài chính và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 01/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp cùng ngày. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45GP/KDBH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt là 2.900 tỷ VND theo Giấy phép điều chỉnh số 45/GPDC15/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 29 tháng 03 năm 2019.
- Bảo Việt Nhân thọ được thành lập ngày 04 tháng 12 năm 2003 theo Quyết định số 3668/QĐ/BTC của Bộ Tài chính. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Bảo Việt Nhân thọ dưới hình thức chuyển đổi từ Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 46/GP/KDBH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của Bảo Việt Nhân thọ là 5.000 tỷ VND theo Giấy phép điều chỉnh số 46/GPDC10/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 06 năm 2020. Trong Quý 1 năm 2021, Tập đoàn đã thực hiện chuyển tiền tăng vốn cho Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, theo đó, tại ngày lập báo cáo vốn điều lệ của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là 6.000 tỷ VND theo Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC11/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 13 tháng 04 năm 2021.
- BVF được thành lập vào ngày 22 tháng 08 năm 2005 theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HĐQT-BV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 08 tháng 11 năm 2005 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 04/GPĐC-UBCK ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của BVF là 100 tỷ VND.
- BVSC được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 36/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 8 năm 2017 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của BVSC là 722.339.370.000 VND.
- Bảo Việt - Âu Lạc được thành lập vào ngày 18 tháng 02 năm 2009 theo Quyết định số 2300373648 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của Bảo Việt - Âu Lạc là 60.660.000.000 VND.
- BVInvest được thành lập vào ngày 09 tháng 01 năm 2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034168 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Ngày 04 tháng 01 năm 2019, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103193730 được thay đổi lần thứ 8, chuyển đổi từ Công ty Cổ phần thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 100% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã góp của BVInvest là 200 tỷ VND.

BVInvest có 1 công ty con là Công ty TNHH MTV Xây dựng Bảo Việt ("BVC") hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, trụ sở chính tại 71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội. BVC được thành lập ngày 10 tháng 01 năm 2017 theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0107699334 của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty này là 5 tỷ VND, do BVInvest góp vốn 100%.

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt ("BVIF") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ thành viên đóng theo giấy phép số 223/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015. Thời gian hoạt động ban đầu của quỹ là tám (08) năm kể từ ngày được cấp giấy phép.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF) (tiếp theo)

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng lưu ký của Quỹ BVIF là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVIF như sau:

	Số vốn góp VND	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Đầu tư trực tiếp của Tập đoàn Bảo Việt	420.000.000.000	42%
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con		
- Bảo Việt Nhân thọ	350.000.000.000	35%
- Bảo hiểm Bảo Việt	150.000.000.000	15%
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	80.000.000.000	8%
	1.000.000.000.000	**100%**

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	*Địa chỉ*	*Hoạt động chính*
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ đào tạo
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Bảo Việt ("PMU")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Xây dựng và quản lý dự án
Chi nhánh Trung tâm Công nghệ Thông tin Tập đoàn Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, bán buôn phần mềm và phần cứng

Các công ty liên doanh, liên kết

Công ty được đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu: Nắm giữ bởi công ty mẹ %	Tỷ lệ sở hữu: Thông qua công ty con/quỹ %	Tỷ lệ sở hữu: Tổng %	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn %
Công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Việt ("Long Việt") (*)	Xây dựng	65.043.200.000	-	45,00	45,00	45,00
Công ty Cổ phần Đầu tư SCIC - Bảo Việt ("Bảo Việt SCIC")	Kinh doanh bất động sản	140.000.000.000	-	50,00	50,00	50,00
Ngân hàng TMCP Bảo Việt ("Bảo Việt Bank")	Dịch vụ ngân hàng	3.150.000.000.000	49,52	-	49,52	49,52
Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc ("Trung Nam Phú Quốc")	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	220.000.000.000	49,00	-	49,00	49,00

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Công ty được đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu			
			Nắm giữ bởi công ty mẹ	Thông qua công ty con/quỹ	Tổng	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn
		VND	%	%	%	%
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin PLT ("PLT")	Dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông	58.500.000.000	-	35,00	35,00	35,00
Công ty Cổ phần Hòn Tằm Biển Nha Trang ("Hòn Tằm Biển Nha Trang")	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	903.097.620.000	-	22,74	22,74	22,74
Công ty liên doanh						
Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam ("Tokio Marine Việt Nam")	Bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính	300.000.000.000	49,00	-	49,00	49,00

(*) Trong Quý 2 năm 2020, Tập đoàn đã công bố thông tin về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần mà Tập đoàn đang nắm giữ tại Long Việt (thông qua Bảo Việt Nhân thọ).

Trong tháng 01 năm 2021, thông qua Quỹ đầu tư Giá trị Bảo Việt, Tập đoàn đã mua 24,29% cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu ("Nậm Mu"). Theo đó, tại ngày lập báo cáo, Nậm Mu là công ty liên kết của Tập đoàn Bảo Việt.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các Công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty mẹ Tập đoàn là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính và lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Tuy nhiên, do các công ty con chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập dựa trên Thông tư 200, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") và có tham khảo đến các nội dung của Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 - Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm ("Thông tư 199") và Thông tư số 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012 - Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ("Thông tư 232").

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ, các công ty con và BVIF (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tập đoàn cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3, cho giai đoạn tài chính ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6, cho giai đoạn tài chính ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi thanh toán, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng Tập đoàn thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết; hoặc khoản nợ đã được Tập đoàn yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Tập đoàn khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án, mức trích lập dự phòng được ước tính trên cơ sở dự kiến tổn thất có thể xảy ra.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Tập đoàn chủ yếu bao gồm ấn chỉ của các công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm và hàng hóa bất động sản của BVInvest được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng tồn kho	*Phương pháp xác định giá trị*
Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa thiết bị xây dựng	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v...) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng hóa bất động sản của BVInvest

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của BVInvest, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 *Hàng tồn kho (tiếp theo)*

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu tính cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

4.4 *Thuê tài sản*

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

4.5 *Tài sản cố định*

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn hoặc lâu dài được ghi nhận là tài sản cố định vô hình căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 *Tài sản cố định (tiếp theo)*

Quyền sử dụng đất đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty mẹ, được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện.

4.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Phần mềm tin học	03 - 08 năm
Tài sản cố định vô hình khác	02 - 20 năm

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn theo quy định tại Thông tư số 45.

4.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

4.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.9 *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

4.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể mà không phải dưới hình thức công ty con hay công ty liên doanh. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận như sau:

- Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh gộp trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

- Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết được mua trong năm, Tập đoàn sử dụng giá mua (giá gốc) là giá trị tạm thời để hạch toán ghi nhận ban đầu đối với khoản đầu tư này. Giá trị của khoản đầu tư sẽ được điều chỉnh theo giá trị hợp lý trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày mua. Chênh lệch (nếu có) giữa giá trị hợp lý và giá gốc của khoản đầu tư sẽ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư đó.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Danh sách các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 14.3.1.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức được nhận/lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Tùy theo mục đích nắm giữ, các khoản đầu tư chứng khoán được phân loại thành các nhóm: chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

- Chứng khoán kinh doanh: bao gồm chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và các loại chứng khoán, công cụ tài chính khác nắm giữ cho mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 *Các khoản đầu tư (tiếp theo)*

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác (tiếp theo)

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Doanh nghiệp, các khoản tiền gửi kỳ hạn, cho vay kỳ hạn và các khoản đầu tư khác được nắm giữ tới ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá gốc và sau đó được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: bao gồm các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu được trình bày như dưới đây:

- Chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Tập đoàn đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh và được trích lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị;

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Tập đoàn sẽ đánh giá khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này và trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được;

- Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác: Các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế trong nước, không phải các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh mà Tập đoàn đang sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính quý có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm do với giá trị đầu tư của doanh nghiệp; việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của bên được đầu tư được lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính của Tập đoàn;

- Các khoản đầu tư mà Tập đoàn nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh); đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của bên được đầu tư được lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính quý của Tập đoàn (dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác).

4.11 *Tạm ứng từ giá trị hoàn lại*

Chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm vay khi hợp đồng bảo hiểm đáp ứng các điều kiện sau:

- Hợp đồng đã có giá trị giải ước;
- Hợp đồng có hiệu lực từ đủ 24 tháng trở lên (với các hợp đồng không phải là hợp đồng liên kết chung, liên kết đơn vị); và
- Hợp đồng không có khoản tạm ứng quyền lợi bảo hiểm.

Tạm ứng từ giá trị hoàn lại được ghi nhận theo giá gốc và được trình bày trong mục "Đầu tư ngắn hạn" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Bảo Việt Nhân thọ thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại này được hạch toán vào khoản mục "Doanh thu hoạt động tài chính" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.12 *Chứng khoán bán và mua lại theo hợp đồng có kỳ hạn ("hợp đồng repo và hợp đồng bán kết hợp mua lại")*

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) hoặc các hợp đồng bán kết hợp mua lại không được ghi giảm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào chi phí và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.14 Lợi ích nhân viên

Các khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội

Căn cứ Luật Bảo hiểm Xã hội 2014 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, hàng tháng Tập đoàn đã thực hiện việc đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo mức 14% trên quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động. Tập đoàn cũng trích nộp 3% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động để đóng vào quỹ ốm đau và thai sản; 0,5% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động để đóng vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Ngoài ra, từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Tập đoàn đã triển khai thực hiện mua sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho cán bộ, nhân viên. Theo đó, khi cán bộ, nhân viên nghỉ hưu trí sẽ được thêm quyền lợi từ giá trị Hợp đồng hưu trí theo số năm tham gia và mức đóng của cá nhân.

Trợ cấp bảo hiểm y tế

Căn cứ Luật Bảo hiểm Y tế 2014 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, hàng tháng Tập đoàn đã thực hiện việc đóng vào quỹ bảo hiểm y tế cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo mức 3% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động.

Trợ cấp thôi việc và trợ cấp mất việc

- *Trợ cấp thôi việc:* Tập đoàn có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương theo công việc hoặc chức danh và phụ cấp lương (nếu có). Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp (từ ngày 01 tháng 01 năm 2009) theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;

- *Trợ cấp mất việc làm:* theo quy định của Bộ Luật Lao động hiện hành, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc làm cho các nhân viên mất việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng tiền lương.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Căn cứ Luật Bảo hiểm Xã hội và Luật việc làm hiện hành, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thực hiện việc thu, chi và quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.15 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 ("Nghị định 73"), Thông tư số 50/2017/TT-BTC ("Thông tư 50") do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 05 năm 2017, Thông tư số 52/2016/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 ("Thông tư 52"), Thông tư số 115/2013/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2013 ("Thông tư 115"), Thông tư số 01/2019/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 02 tháng 01 năm 2019 ("Thông tư 01") và Thông tư 89/2020/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2020 ("Thông tư 89") sửa đổi bổ sung Thông tư 50 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tập đoàn bao gồm:

Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ	*Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ*
Dự phòng toán học	Dự phòng toán học
Dự phòng rủi ro bảo hiểm	Dự phòng phí chưa được hưởng
Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường
Dự phòng bồi thường	Dự phòng dao động lớn
Dự phòng chia lãi	Dự phòng đảm bảo cân đối
Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết	
Dự phòng đảm bảo cân đối	

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.15.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ

Chi tiết về các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ được trình bày dưới đây:

a) Dự phòng nghiệp vụ cho những sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống bao gồm dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường, dự phòng chia lãi và dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo Nghị định 73, Thông tư 50, Thông tư 01 và Thông tư 89 sửa đổi bổ sung Thông tư 50 do Bộ Tài chính ban hành:

- ***Dự phòng toán học*** trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ được tính toán dựa trên một trong các phương pháp sau: phương pháp dự phòng phí bảo hiểm toàn phần, phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần hoặc phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần điều chỉnh theo hệ số Zillmer. Phương pháp, cơ sở và giả định trích lập dự phòng được phê chuẩn bởi Bộ Tài chính khi trình sản phẩm hoặc trong các lần trình tiếp theo. Dự phòng nghiệp vụ công bố là giá trị lớn hơn giữa dự phòng trích lập theo phương pháp của Tổng Công ty và dự phòng tối thiểu theo luật định.

- ***Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng*** là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm (01) trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.

- ***Dự phòng bồi thườn***g bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.

  - Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (OSC): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

  - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR): chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống.

- ***Dự phòng chia lãi*** bao gồm dự phòng cho phần lãi tích luỹ chưa trả, bảo tức và dự phòng thặng dư chưa phân phối đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi.

- ***Dự phòng đảm bảo cân đối*** được trích lập bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm của Bảo Việt Nhân thọ.

b) Theo Thông tư 50, Thông tư 52 và dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm liên kết chung như sau:

- ***Dự phòng nghiệp vụ*** đối với phần liên kết chung là tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng liên kết chung, dự phòng cho quyền lợi duy trì hợp đồng được giữ lại trong quỹ liên kết chung và một số quyền lợi khác theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

- ***Dự phòng rủi ro bảo hiểm*** là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.

- ***Dự phòng bồi thường*** được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường từ doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

- ***Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu*** là dự phòng được trích lập trong trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, được tính trên mức chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của Bảo Việt Nhân thọ đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.15.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ (tiếp theo)

c) Theo Thông tư 50, Thông tư 115 và dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí như sau:

- ***Dự phòng nghiệp vụ*** đối với tài khoản bảo hiểm hưu trí là tổng giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí tại thời điểm trích lập.
- ***Dự phòng rủi ro bảo hiểm*** là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng và dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.
- ***Dự phòng bồi thường*** được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- ***Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết*** là dự phòng được trích lập trong trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, được tính trên mức chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của Tổng Công ty đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

  Trên mức độ tổng danh mục, cũng theo quy định tại Thông tư 50/2017/TT-BTC- Tổng Công ty còn phải trích lập Dự phòng đảm bảo cân đối bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Tổng Công ty.

4.15.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo Công văn số 2470/BTC-QLBH ban hành ngày 06 tháng 03 năm 2018 hiệu lực từ năm tài chính 2017 bao gồm a) nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và b) nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 50.

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa có thời hạn từ 1 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 25% tổng phí bảo hiểm.
- Đối với các loại hình bảo hiểm khác và các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm của nghiệp vụ hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của doanh nghiệp bảo hiểm phân bố đều giữa các tháng trong quý, hay nói một cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng	=	Phí bảo hiểm	X	Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

- Các khoản dự phòng phí chưa được hưởng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.15.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.
- Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

- Dự phòng dao động lớn được trích hàng năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại.
- Dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73 về việc quy định chi tiết thi hành luật kinh doanh bảo hiểm và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Tập đoàn căn cứ Điều 17, Thông tư 50 để trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 2% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

(i) Dự phòng toán học

- Đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm, trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập như sau:

$$\text{Dự phòng toán học} = \frac{\text{Phí bảo hiểm x Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

Dự phòng toán học được hạch toán vào tài khoản dự phòng phí chưa được hưởng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.Trong mọi trường hợp Bảo hiểm Bảo Việt đảm bảo kết quả trích lập dự phòng không thấp hơn kết quả trích lập theo phương pháp 1/8.

(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng

Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng trích lập theo phương pháp 1/8.

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.15.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

(iii) Dự phòng bồi thường (tiếp theo)

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.
- Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iv) Dự phòng đảm bảo cân đối

Mức trích lập hằng năm là 2% phí bảo hiểm giữ lại và được hạch toán vào tài khoản dự phòng đảm bảo cân đối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.16 Quỹ dự trữ bắt buộc

Các quỹ dự trữ bắt buộc dưới đây được trích lập phù hợp với các quy định hiện hành mà Tập đoàn và các Công ty con đang hoạt động trong từng lĩnh vực cụ thể:

Hoạt động bảo hiểm

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế mỗi đơn vị Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ mỗi kỳ kế toán và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ mỗi đơn vị trên theo quy định tại Nghị định 73.

Hoạt động chứng khoán, quản lý quỹ

BVSC và BVF là Công ty con của Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và quản lý quỹ, căn cứ lợi nhuận sau thuế hàng năm mỗi đơn vị để trích lập các quỹ theo Thông tư 146 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

4.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với Thông tư 50. Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm được hạch toán tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh. Các khoản phí đến hạn sau ngày lập báo cáo nhưng đã nhận được trước ngày kết thúc năm tài chính sẽ được ghi nhận là "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trừ trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản thanh toán phí tối thiểu, doanh thu từ hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được Bảo Việt Nhân thọ ghi nhận khi thu được phí bảo hiểm. Giá trị quỹ liên kết chung được các Chuyên gia định phí của Bảo Việt Nhân thọ tính toán và được ghi nhận thông qua "Dự phòng nghiệp vụ" trên bảng cân đối kế toan hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 *Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)*

Doanh thu phí bảo hiểm gốc (tiếp theo)

Bảo hiểm phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 50 hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Theo đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm, đồng thời bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (3) khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn). Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm phải được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Theo Thông tư 50, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Bảo hiểm Bảo Việt hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối kỳ kế toán năm được ghi nhận vào "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Những khoản hoàn hoặc giảm phí bảo hiểm gốc là các khoản giảm trừ doanh thu và được theo dõi riêng, cuối năm kết chuyển vào tài khoản doanh thu phí bảo hiểm gốc để tính doanh thu thuần.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Đối với trái phiếu, doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của trái phiếu khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu, doanh nghiệp phải phân bổ vào cả các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí lưu ký, phí thưởng hoạt động, phí môi giới, bảo lãnh phát hành, v.v... được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện được một phần và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được tính từ phần chênh lệch giữa giá bán và giá gốc bình quân của chứng khoán.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Theo quy định tại Thông tư 200, Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức được trả bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 *Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)*

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên như quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác", ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

4.18 *Ghi nhận chi phí*

Chi bồi thường và chi trả đáo hạn

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi bồi thường và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán đối với chủ hợp đồng theo điều khoản hợp đồng được xác lập.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Chi hoa hồng

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính và chi trả theo từng quyết định phê chuẩn sản phẩm của Bộ Tài chính và phù hợp với quy định tại Thông tư 50.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt tính toán hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phù hợp với các tỷ lệ quy định tại Thông tư 50 và chỉ ghi nhận vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong năm theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các kỳ tiếp theo.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối kỳ kế toán năm, khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm tương ứng với hoa hồng hoạt động bảo hiểm gốc chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Giá vốn đất đã chuyển nhượng bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất hoặc các chi phí có thể phân bổ/ước tính trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Toàn bộ các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí bắt buộc, không thu hồi được khác phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản liên quan đến các hoạt động phát triển đất hiện tại và trong tương lai của dự án.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Ghi nhận chi phí (tiếp theo)

Tài sản đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.19 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động nhượng tái bảo hiểm được hạch toán cùng kỳ với kỳ kế toán ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm gốc hoặc phí nhận tái bảo hiểm tương ứng. Chi phí từ hoạt động nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đúng theo quy định hiện hành đảm bảo có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc bằng chứng chứng minh.

Cuối kỳ kế toán năm, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động nhận tái bảo hiểm được hạch toán theo bản thanh toán về tái bảo hiểm được xác nhận. Chi phí từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận đúng theo quy định hiện hành đảm bảo có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc bằng chứng chứng minh.

Cuối kỳ kế toán năm, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu nhận tái chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

4.20 Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên các hóa đơn đã phát hành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản mục "Các khoản phải thu/phải trả" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ Đầu tư và Phát triển: được trích lập cho mục đích đầu tư mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư chiều sâu của Tập đoàn;
- Quỹ Khen thưởng Phúc lợi cho người lao động và Quỹ Khen thưởng cho người quản lý: được trích lập cho mục đích khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho người lao động và người quản lý, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Quỹ An sinh xã hội: được trích lập cho mục đích hỗ trợ các hoạt động an sinh, xã hội, vì cộng đồng.

4.23 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.24 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế có thể phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.25 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm, đầu tư, tài chính và hoạt động khác. Ban Điều hành xác định bộ phận theo hoạt động kinh doanh của từng đơn vị của Tập đoàn theo đặc điểm của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.26 *Các khoản mục ngoại bảng*

Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, các hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực.

Ngoài ra, Tập đoàn hoạt động trên các lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ,... do vậy một số thông tin liên quan đến các khoản mục như chứng khoán lưu ký và chưa lưu ký, cam kết ngoại bảng, danh mục ủy thác đầu tư,... cũng được trình bày cân đối kế toán hợp nhất theo các yêu cầu luật định áp dụng cho các hoạt động này.

4.27 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Tiền mặt tại quỹ	49.506.405.375	66.853.001.073
Tiền gửi ngân hàng	449.099.728.375	3.253.907.744.083
Tiền đang chuyển	145.036.230.001	223.041.378.665
Các khoản tương đương tiền (*)	6.137.100.000.005	1.198.800.000.000
Tổng	**6.780.742.363.756**	**4.742.602.123.821**

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tài chính có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng và được hưởng lãi suất từ 3,2%/năm đến 4,0%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

6.1 *Các khoản phải thu ngắn hạn*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm		
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	633.787.937.543	737.595.665.035
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	65.638.146.690	69.978.151.538
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	638.427.889.268	839.651.801.686
Phải thu khác nhượng tái bảo hiểm	271.136.799.519	863.121.225.969
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	141.004.900.147	222.564.378.366
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm	4.868.675.465	12.526.906.786
	1.754.864.348.632	**2.745.438.129.380**
Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính		
Phải thu cổ tức	6.269.389.950	3.967.889.500
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	2.955.624.573.146	2.283.302.096.980
Phải thu lãi trái phiếu	1.231.124.604.145	1.315.107.395.898
Lãi phải thu liên quan đến tạm ứng từ giá trị hoàn lại	197.428.548.101	200.678.299.618
Phải thu đầu tư khác	1.774.685.136	29.240.339.354
	4.392.221.800.478	**3.832.296.021.350**
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**63.469.950.921**	**51.656.014.873**
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Phải thu từ hoạt động margin và ứng trước	2.235.374.993.636	1.544.026.735.001
Phảu thu từ cho vay ủy thác	3.217.453.646	3.217.453.646
	2.238.592.447.282	**1.547.244.188.647**
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	21.717.958.132	31.515.624.293
Phải thu phí quản lý quỹ	3.794.160.924	4.137.320.364
Phải thu từ hoạt động xây lắp, quản lý tòa nhà, và cho thuê văn phòng	44.668.607.532	67.876.933.948
Tạm ứng khác	19.588.793.956	19.832.144.066
Phải thu ngắn hạn khác	180.822.257.844	162.796.397.649
	270.591.778.388	**286.158.420.320**
Tài sản thiếu chờ xử lý	**170.105.685**	**170.105.685**
Tổng cộng các khoản phải thu	**8.719.910.431.386**	**8.462.962.880.255**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(420.627.400.900)	(396.839.857.273)
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	**8.299.283.030.486**	**8.066.123.022.982**

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

6.2 *Các khoản phải thu dài hạn*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Ký quỹ		
- Hoạt động bảo hiểm nhân thọ	20.000.000.000	20.000.000.000
- Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	8.000.000.000	8.000.000.000
- Hoạt động kinh doanh chứng khoán	21.350.120.520	21.178.977.487
	49.350.120.520	**49.178.977.487**
Phải thu dài hạn khác		
- Phải thu dài hạn khác	21.450.944.937	13.981.786.724
	21.450.944.937	**13.981.786.724**
	70.801.065.457	**63.160.764.211**

7. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Ấn chỉ	31.656.766.750	36.160.384.626
Vật liệu, văn phòng phẩm	34.430.373.509	27.780.158.939
Thiết bị, dụng cụ	2.953.335.423	3.083.634.477
Hàng tồn kho tại BVInvest (*)	55.392.611.708	59.333.307.848
Tổng cộng hàng tồn kho	**124.433.087.390**	**126.357.485.890**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	**124.433.087.390**	**126.357.485.890**

(*) Bao gồm trong khoản mục này là các chi phí mua sắm và chi phí xây dựng dở dang của các bất động sản đầu tư của BVInvest. Các khoản này đang được ghi nhận là hàng tồn kho cho đến khi được bán và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỔ

	Bảo hiểm nhân thọ VND	Bảo hiểm phi nhân thọ VND	**Tổng cộng VND**
Ngày 31/12/2019	**-**	**616.715.897.763**	**616.715.897.763**
Phát sinh trong năm	1.925.698.634.220	1.152.832.695.108	3.078.531.329.328
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.925.698.634.220)	(1.169.151.583.634)	(3.094.850.217.854)
Ngày 31/12/2020	**-**	**600.397.009.237**	**600.397.009.237**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng	13.111.025.670	11.752.792.909
Chi phí công cụ, dụng cụ, bảo hành	4.451.974.154	10.775.409.794
Chi phí khác	16.459.476.649	10.533.173.409
	34.022.476.473	**33.061.376.112**
Chi phí trả trước dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng	128.609.331.984	202.126.672.290
Cải tạo thiết bị nội thất	20.375.607.162	27.078.793.964
Chi phí công cụ, dụng cụ, bảo hành	30.398.791.031	37.603.926.140
Chi phí khác	23.309.052.666	26.874.915.211
	202.692.782.843	**293.684.307.605**
	236.715.259.316	**326.745.683.717**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Công cụ, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Vào ngày 31/12/2019	1.148.774.052.985	252.184.152.667	523.687.715.507	326.936.915.561	3.852.218.825	2.255.435.055.545
- Mua sắm	634.007.450	2.931.166.000	28.888.930.837	23.353.768.354	-	55.807.872.641
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	26.267.374.670	-	171.818.182	129.690.000	-	26.568.882.852
- Tăng khác	-	2.546.248.767	2.597.572.448	961.920.549	-	6.105.741.764
- Thanh lý, nhượng bán	-	(101.300.000)	(7.129.099.438)	(4.331.203.381)	-	(11.561.602.819)
- Giảm khác	(15.395.747.392)	-	-	-	-	(15.395.747.392)
Vào ngày 31/12/2020	1.160.279.687.713	257.560.267.434	548.216.937.536	347.051.091.083	3.852.218.825	2.316.960.202.591
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31/12/2019	536.112.330.437	140.672.265.292	405.521.615.319	250.092.983.280	2.724.267.602	1.335.123.461.930
- Khấu hao trong năm	43.913.544.499	27.498.331.202	37.758.924.841	28.573.406.102	649.930.407	138.394.137.051
- Thanh lý, nhượng bán	-	(100.309.524)	(6.806.764.822)	(4.318.666.350)	-	(11.225.740.696)
- (Giảm)/Tăng khác	(5.736.197.648)	279.031.983	358.653.489	119.051.629	-	(4.979.460.547)
Vào ngày 31/12/2020	574.289.677.288	168.349.318.953	436.832.428.827	274.466.774.661	3.374.198.009	1.457.312.397.738
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31/12/2019	612.661.722.548	111.511.887.375	118.166.100.188	76.843.932.281	1.127.951.223	920.311.593.615
Vào ngày 31/12/2020	585.990.010.425	89.210.948.481	111.384.508.709	72.584.316.422	478.020.816	859.647.804.853

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	**Tổng cộng VND**
Nguyên giá:				
Vào ngày 31/12/2019	758.296.631.434	648.129.573.629	4.213.321.739	1.410.639.526.802
- Mua sắm	-	1.798.684.000	-	1.798.684.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	18.025.000.000	-	18.025.000.000
Vào ngày 31/12/2020	758.296.631.434	667.953.257.629	4.213.321.739	1.430.463.210.802
Giá trị hao mòn luỹ kế:				
Vào ngày 31/12/2019	94.138.987.474	334.597.193.519	4.116.182.840	432.852.363.833
- Hao mòn trong năm	7.963.618.947	60.551.588.939	88.393.274	68.603.601.160
Vào ngày 31/12/2020	102.102.606.421	395.148.782.458	4.204.576.114	501.455.964.993
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31/12/2019	664.157.643.960	313.532.380.110	97.138.899	977.787.162.969
Vào ngày 31/12/2020	656.194.025.013	272.804.475.171	8.745.625	929.007.245.809

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Là khoản đầu tư vào Dự án khu biệt thự nhà vườn Quang Minh tại khu vực Đồng Đìa, Cửa Cuồng, Mả Vàng thuộc thôn Gia Tân, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các dự án này vẫn đang được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc bán dự án.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Mua sắm (*)	307.562.843.478	271.608.559.746
Xây dựng cơ bản dở dang (**)	253.579.326.598	171.451.405.938
Sửa chữa lớn (***)	786.329.735	1.052.984.973
	561.928.499.811	**444.112.950.657**

(*) Chi tiết các tài sản mua sắm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Tòa nhà hợp khối tại số 8 Lê Thái Tổ	242.242.223.019	242.242.223.019
Các tài sản khác	65.320.620.459	29.366.336.727
	307.562.843.478	**271.608.559.746**

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG (tiếp theo)

(**) Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Tòa nhà Thanh Trì	37.677.417.451	38.658.920.214
Trụ sở Bảo Việt Hà Đông	25.588.694.226	25.588.694.226
Trụ sở Bảo Việt, số 7 Lý Thường Kiệt, Hà Nội	156.066.506.635	56.788.397.891
Các công trình khác	34.246.708.286	50.415.393.607
	253.579.326.598	**171.451.405.938**

(***) Sửa chữa lớn tài sản cố định gồm việc cải tạo, nâng cấp các tòa nhà, văn phòng hiện hữu.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Chứng khoán kinh doanh	**14.1**		
Cổ phiếu niêm yết		1.563.799.696.578	1.740.426.531.004
Cổ phiếu chưa niêm yết		244.398.855.678	594.221.355.844
Chứng chỉ quỹ		275.871.916.465	246.237.889.731
Trái phiếu		365.574.706.629	250.401.609.523
		2.449.645.175.350	**2.831.287.386.102**
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	**14.1**	**(156.221.229.549)**	**(262.206.190.001)**
		2.293.423.945.801	**2.569.081.196.101**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**14.2**		
Ngắn hạn		71.424.719.658.593	60.511.985.819.670
- Tiền gửi		*68.099.541.630.509*	*58.471.060.404.237*
- Trái phiếu		*1.158.100.608.311*	*300.000.000.000*
- Tạm ứng từ giá trị hoàn lại		*2.167.077.419.773*	*1.740.925.415.433*
Dài hạn		48.071.860.660.529	42.113.845.162.257
- Tiền gửi		*14.119.017.923.547*	*10.028.466.854.640*
- Trái phiếu		*33.952.842.736.982*	*32.085.378.307.617*
		119.496.580.319.122	**102.625.830.981.927**
Đầu tư tài chính dài hạn khác	**14.3**		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.3.1	2.880.436.188.476	2.848.523.110.118
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3.2	1.042.701.268.763	928.533.355.221
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn khác	14.3.2	(120.753.192.331)	(211.419.119.641)
		3.802.384.264.908	**3.565.637.345.698**
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính		**125.592.388.529.831**	**108.760.549.523.726**

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.1 *Chứng khoán kinh doanh*

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
	Giá gốc	Giá trị thuần	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị thuần	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết						
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	265.979.803.260	209.912.000.000	(56.067.803.260)	265.979.803.260	230.903.200.000	(35.076.603.260)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	318.830.560.512	318.830.560.512	-	286.288.379.066	284.364.647.027	(1.923.732.039)
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	310.735.756.074	308.623.506.474	(2.112.249.600)	187.054.804.911	141.382.424.500	(45.672.380.411)
Tổng Công ty Viglacera	-	-	-	265.670.160.664	249.522.400.000	(16.147.760.664)
Cổ phiếu niêm yết khác	668.253.576.732	615.719.507.253	(52.534.069.479)	735.433.383.103	625.411.136.512	(110.022.246.591)
	1.563.799.696.578	**1.453.085.574.239**	**(110.714.122.339)**	**1.740.426.531.004**	**1.531.583.808.039**	**(208.842.722.965)**
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Tổng Công ty Xây dựng số 1	160.400.110.254	160.400.110.254	-	118.863.045.654	117.895.445.654	(967.600.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Bắc 2	-	-	-	107.663.783.440	107.663.783.440	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	-	-	-	72.745.200.000	72.619.800.000	(125.400.000)
Tổng Công ty MBLand	28.800.000.000	13.200.000.000	(15.600.000.000)	28.800.000.000	21.360.000.000	(7.440.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	24.000.000.000	13.572.000.000	(10.428.000.000)	24.000.000.000	8.983.650.000	(15.016.350.000)
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	31.198.745.424	11.719.638.214	(19.479.107.210)	242.149.326.750	212.776.666.763	(29.372.659.987)
	244.398.855.678	**198.891.748.468**	**(45.507.107.210)**	**594.221.355.844**	**541.299.345.857**	**(52.922.009.987)**
Trái phiếu						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	120.026.959.200	120.026.959.200	-	120.026.959.200	120.026.959.200	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt	97.088.400.000	97.088.400.000	-	95.170.500.000	95.170.500.000	-
Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng	90.000.000.000	90.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-	-	-
Khác	18.459.347.429	18.459.347.429	-	35.204.150.323	35.204.150.323	-
	365.574.706.629	**365.574.706.629**	**-**	**250.401.609.523**	**250.401.609.523**	**-**
Chứng chỉ quỹ						
BVPF	77.000.000.000	77.000.000.000	-	77.000.000.000	77.000.000.000	-
BVBF	60.000.000.000	60.000.000.000	-	60.000.000.000	60.000.000.000	-
BVFED	55.000.000.000	55.000.000.000	-	55.000.000.000	55.000.000.000	-
E1VFVN30	57.292.853.111	57.292.853.111	-	29.961.457.049	29.520.000.000	(441.457.049)
Khác	26.579.063.354	26.579.063.354	-	24.276.432.682	24.276.432.682	-
	275.871.916.465	**275.871.916.465**	**-**	**246.237.889.731**	**245.796.432.682**	**(441.457.049)**
	2.449.645.175.350	**2.293.423.945.801**	**(156.221.229.549)**	**2.831.287.386.102**	**2.569.081.196.101**	**(262.206.190.001)**

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Giá gốc	**Giá trị ghi sổ**	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi (i)	68.542.141.630.509	68.099.541.630.509	58.913.660.404.237	58.471.060.404.237
Trái phiếu	1.832.852.924.813	1.158.100.608.311	974.752.316.501	300.000.000.000
- Trái phiếu doanh nghiệp (iii)	*1.724.395.245.470*	*1.049.642.928.968*	*874.752.316.501*	*200.000.000.000*
- Trái phiếu Chính phủ (iv)	*108.457.679.343*	*108.457.679.343*	*100.000.000.000*	*100.000.000.000*
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại (v)	2.167.077.419.773	2.167.077.419.773	1.740.925.415.433	1.740.925.415.433
	72.542.071.975.095	**71.424.719.658.593**	**61.629.338.136.171**	**60.511.985.819.670**
Dài hạn				
Tiền gửi (ii)	14.119.017.923.547	14.119.017.923.547	10.028.466.854.640	10.028.466.854.640
Trái phiếu (iv)	33.952.842.736.982	33.952.842.736.982	32.085.378.307.617	32.085.378.307.617
- Trái phiếu doanh nghiệp	*5.365.123.419.000*	*5.365.123.419.000*	*3.456.383.087.895*	*3.456.383.087.895*
- Trái phiếu Chính phủ	*28.587.719.317.982*	*28.587.719.317.982*	*28.628.995.219.722*	*28.628.995.219.722*
	48.071.860.660.529	**48.071.860.660.529**	**42.113.845.162.257**	**42.113.845.162.257**
	120.613.932.635.624	**119.496.580.319.122**	**103.743.183.298.428**	**102.625.830.981.927**

(i) Ngoài các hợp đồng tiền gửi tại ALCII, VFC đã quá hạn, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có thời hạn gốc trên ba (03) tháng và thời gian đáo hạn không quá một (01) năm và có mức lãi suất từ 3,50%/năm đến 7,70%/năm.

(ii) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn trên một (01) năm và được hưởng lãi suất từ 4,70%/năm đến 10,50%/năm.

(iii) Ngoài các trái phiếu Vinashin, các trái phiếu doanh nghiệp khác có lãi suất từ 8,30%/năm đến 10,83%/năm với kỳ hạn từ năm (05) đến mười lăm (15) năm.

(iv) Các trái phiếu Chính phủ mà Tập đoàn đầu tư có lãi suất từ 3,20%/năm đến 9,55%/năm với kỳ hạn từ mười (10) đến ba mươi (30) năm, trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ năm (05) đến hai mươi (20) năm và được hưởng lãi suất từ 6,85%/năm đến 10,45%/năm.

(v) Bao gồm khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc. Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị hoàn lại có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.3 *Đầu tư tài chính dài hạn khác*

14.3.1 *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Chi tiết biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

Đơn vị: VND

Đơn vị được đầu tư	Vốn góp của Tập đoàn	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020	Cổ tức thu được	Lợi nhuận/ (lỗ) trong năm thuộc về Tập đoàn	**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**
Long Việt	29.269.440.000	29.762.887.662	-	90.722.109	29.853.609.771
Tokio Marine Việt Nam	147.000.000.000	242.496.139.985	(38.098.894.254)	66.014.511.326	270.411.757.057
Bảo Việt SCIC	70.000.000.000	75.825.358.326	-	11.567.793	75.836.926.119
Bảo Việt Bank	1.560.000.000.000	1.763.104.100.146	-	23.449.160.627	1.786.553.260.773
Trung Nam Phú Quốc	431.200.000.000	431.200.000.000	-	(15.307.423)	431.184.692.577
Hòn Tầm Biển Nha Trang	196.000.000.000	198.882.048.914	-	(24.855.676.091)	174.026.372.823
PLT	97.650.000.000	107.252.575.085	-	5.316.994.271	112.569.569.356
	2.531.119.440.000	**2.848.523.110.118**	**(38.098.894.254)**	**70.011.972.612**	**2.880.436.188.476**

14.3.2 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá trị thuần**	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thuần
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	225.000.000.000	-	225.000.000.000	225.000.000.000	(79.945.751.561)	145.054.248.439
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	163.921.040.000	(443.182.000)	163.477.858.000	144.000.000.000	(8.376.585.100)	135.623.414.900
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	125.000.000.000	-	125.000.000.000	125.000.000.000	-	125.000.000.000
Dự án Tháp Tài chính Quốc tế (IFT)	168.163.853.956	-	168.163.853.956	118.937.361.454	-	118.937.361.454
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	79.450.000.000	(70.250.000.000)	9.200.000.000	79.450.000.000	(72.850.000.000)	6.600.000.000
Khác	281.166.374.807	(50.060.010.331)	231.106.364.476	236.145.993.767	(50.246.782.980)	185.899.210.787
	1.042.701.268.763	**(120.753.192.331)**	**921.948.076.432**	**928.533.355.221**	**(211.419.119.641)**	**717.114.235.580**

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Phải trả hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	*930.520.293.775*	*662.829.560.015*
Phải trả bồi thường và trả tiền bảo hiểm	117.710.801.390	92.507.297.518
Phải trả thu nhập đại lý	807.201.230.097	556.899.566.147
Lãi phải trả cho chủ hợp đồng	5.608.262.288	13.422.696.350
Bảo hiểm phi nhân thọ	*1.721.324.654.521*	*2.585.223.560.703*
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	148.734.773.104	111.766.498.311
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc phi nhân thọ	167.185.228.324	428.595.156.790
Phải trả nhận tái bảo hiểm phi nhân thọ	66.043.470.030	77.652.674.356
Phải trả nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	1.272.249.697.974	1.857.257.308.698
Phải trả đồng bảo hiểm	67.111.485.089	109.951.922.548
	2.651.844.948.296	**3.248.053.120.718**
Phải trả hoạt động tài chính		
Phải trả mua chứng khoán	4.024.930.000	7.862.957.608
	4.024.930.000	**7.862.957.608**
Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ		
Phải trả người bán, nhà cung cấp	54.206.035.291	37.563.151.464
Phải trả khác	599.494.819	552.249.553
	54.805.530.110	**38.115.401.017**
	2.710.675.408.406	**3.294.031.479.343**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	**Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND**
Thuế phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.504.005.120)	5.504.005.120	(2.125.067.026)	(2.125.067.026)
Thuế thu nhập				
cá nhân	(26.992.317)	684.268.736	(744.957.401)	(87.680.982)
Thuế khác	(4.650.730)	4.650.730	(1.299.914.027)	(1.299.914.027)
	(5.535.648.167)	**6.192.924.586**	**(4.169.938.454)**	**(3.512.662.035)**
Thuế phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(30.262.875.007)	481.854.948.907	(434.772.308.839)	16.819.765.061
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.514.566.645	261.961.568.497	(235.650.873.307)	74.825.261.835
Thuế thu nhập cá nhân	31.679.977.220	415.911.090.090	(416.922.334.267)	30.668.733.043
Tiền thuế đất	(1.730.933.022)	111.630.756.860	(110.265.807.917)	(365.984.079)
Các loại thuế khác	1.404.859.804	21.025.947.648	(22.201.227.700)	229.579.752
	49.605.595.640	**1.292.384.312.002**	**(1.219.812.552.030)**	**122.177.355.612**

Trong năm 2020, mức thuế suất áp dụng đối với các đơn vị trong Tập đoàn như sau:

Đơn vị	Thuế suất áp dụng
Bảo Việt - Âu Lạc	10%
Quỹ BVIF	Không thuộc đối tượng chịu thuế
Công ty mẹ và các công ty con khác	20%

Các báo cáo thuế của Công ty mẹ Tập đoàn và các Công ty con chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	267.396.475.068	269.693.437.322
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	36.042.360.066	(669.872.295)
	303.438.835.134	**269.023.565.027**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

16.1 *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.953.285.808.059**	**1.511.728.184.609**
Các điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chênh lệch tạm thời chi phí dự phòng tài chính	*-*	*174.896.214.860*
- Hoa hồng dự trả ước tính năm nay	*23.221.445.863*	*40.571.517.320*
- Hoàn nhập lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá năm trước	*554.636.910*	*7.353.581.873*
- Chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế	*31.936.967.895*	*23.172.645.356*
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Thu nhập không chịu thuế từ cổ tức, lợi nhuận được chia	*(173.768.233.230)*	*(140.884.402.311)*
- Hoàn nhập hoa hồng dự trả ước tính năm trước	*(35.218.162.708)*	*(44.855.592.961)*
- Hoàn nhập chênh lệch tạm thời chi phí dự phòng tài chính chưa được trừ các năm trước	*(222.371.446.511)*	*(94.950.463.300)*
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	*(25.504.985.854)*	*(561.240.708)*
- Các khoản hoàn nhập dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	*-*	*(24.257.298.493)*
Các khoản không chịu thuế phát sinh từ các bút toán điều chỉnh hợp nhất	(93.471.131.562)	(37.775.552.441)
Các khoản lỗ không tính thuế	-	-
Các khoản không chịu thuế	(106.388.428.190)	(66.751.676.683)
Tổng điều chỉnh đối với lợi nhuận trước thuế	**(601.009.337.387)**	**(164.042.267.488)**
Thu nhập chịu thuế ("TNCT") ước tính	**1.352.276.470.672**	**1.347.685.917.121**
- TNCT chịu thuế suất 10%	*516.551.497*	*461.657.392*
- TNCT chịu thuế suất 20%	*1.351.759.919.175*	*1.347.224.259.729*
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	**270.403.638.984**	**269.491.017.684**
Điều chỉnh số thuế phải nộp của các năm trước theo quyết định của cơ quan thuế	1.600.000	202.419.638
Điều chỉnh giảm thuế TNDN 30% theo Nghị quyết 116/2020/QH4 do Quốc hội ban hành ngày 19 tháng 06 năm 2020 của các công ty con	(3.008.763.916)	-
Thuế TNDN ước tính trong năm	**267.396.475.068**	**269.693.437.322**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	43.010.561.525	43.423.087.220
Điều chỉnh số thuế phải nộp của các năm trước theo quyết định của cơ quan thuế	69.098.549	230.889.281
Thuế TNDN đã trả trong năm	(237.775.940.333)	(270.336.852.298)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**72.700.194.809**	**43.010.561.525**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

16.2 *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND**	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12.137.474.250	43.189.496.624	(31.052.022.374)	(689.275.114)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(5.101.265.074)	(110.927.382)	(4.990.337.692)	1.359.147.409
(Chi phí)/Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			**(36.042.360.066)**	**669.872.295**

16.2.1 *Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	60.687.371.248	215.947.483.119
Trong đó:		
- Hoa hồng phải trả trên phí bảo hiểm phải thu	*28.574.800.461*	*40.571.517.311*
- Chi phí dự phòng thu hồi các khoản hoa hồng	*32.112.570.787*	*32.112.570.787*
- Dự phòng trái phiếu Vinashin trích trước	-	*142.425.694.953*
- Khác	-	*837.700.068*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**12.137.474.250**	**43.189.496.624**

16.2.2 *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	25.506.325.368	554.636.910
Trong đó:		
- Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm	*25.506.325.368*	*554.636.910*
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**5.101.265.074**	**110.927.382**

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	118.953.832.507	105.010.691.324
Bảo hiểm phi nhân thọ	105.363.731.909	91.637.233.576
	224.317.564.416	**196.647.924.900**
Hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi nhận trước	1.185.176.203	2.282.572.047
	1.185.176.203	**2.282.572.047**
Hoạt động khác		
Hoạt động quản lý bất động sản	5.037.544.216	4.452.156.237
Doanh thu đào tạo nhận trước	51.772.783	284.916.079
	5.089.316.999	**4.737.072.316**
	230.592.057.618	**203.667.569.263**

18. THU HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Bảo hiểm phi nhân thọ	18.1	519.549.787.848	352.280.288.082
Bảo hiểm nhân thọ		8.656.033.413	1.136.004.516
Tổng cộng		**528.205.821.261**	**353.416.292.598**

18.1 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

	Bảo hiểm phi nhân thọ VND
Số đầu năm	**157.084.170.856**
Phát sinh trong năm	450.203.560.065
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - Phân bổ vào doanh thu trong năm	(519.549.787.848)
Số cuối năm	**87.737.943.073**

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	2.854.403	2.854.403
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	9.101.405.291	9.253.959.301
Phải trả các nghiệp vụ chứng khoán (i)	425.247.261.328	2.810.129.998
Kinh phí cho các chương trình An sinh xã hội chờ giải ngân (ii)	20.783.479.912	15.221.413.041
Phải trả đối tác theo cam kết góp vốn vào Trung Nam Phú Quốc (iii)	34.320.000.000	34.320.000.000
Phải trả tiền đặt cọc của các đơn vị thuê trụ sở làm việc	12.876.859.548	12.173.614.760
Phải trả khác (iv)	437.534.054.890	412.679.570.544
	939.865.915.372	**486.461.542.047**

(i) Bao gồm các khoản phải trả liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh của Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt.

(ii) Chi phí chương trình 30A của Chính phủ và các chương trình An sinh xã hội đang chờ giải ngân theo tiến độ các công trình tài trợ.

(iii) Căn cứ theo các điều khoản của Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần, Tập đoàn sẽ thực hiện chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Thăng Long theo tiến độ và điều kiện cam kết để hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc.

(iv) Chủ yếu bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp nhằm phục vụ nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm của các đơn vị thành viên.

20. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019				Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	**Giá trị VND**	**Số có khả năng trả nợ VND**
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	106.634.758.994	106.634.758.994	1.653.082.440.722	(864.082.736.001)	895.634.463.715	895.634.463.715
	106.634.758.994	**106.634.758.994**	**1.653.082.440.722**	**(864.082.736.001)**	**895.634.463.715**	**895.634.463.715**
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	233.298.261.127	233.298.261.127	44.862.470.000	(61.618.314.008)	216.542.417.119	216.542.417.119
Trái phiếu phát hành (*)	400.000.000.000	400.000.000.000	-	(300.000.000.000)	100.000.000.000	100.000.000.000
	633.298.261.127	**633.298.261.127**	**44.862.470.000**	**(361.618.314.008)**	**316.542.417.119**	**316.542.417.119**
Tổng cộng	**739.933.020.121**	**739.933.020.121**	**1.697.944.910.722**	**(1.225.701.050.009)**	**1.212.176.880.834**	**1.212.176.880.834**

Trong đó các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ dưới một (01) năm đến năm (05) năm và chịu lãi suất từ 4,00%/năm đến 7,80%/năm.

(*) Trái phiếu dài hạn do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt phát hành bao gồm 1.000.000 trái phiếu BVSC_BOND_2019 với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu (tổng cộng mệnh giá 100.000.000.000 VND). Đây là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi do BVSC phát hành theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng Quản trị BVSC. Trái phiếu có kỳ hạn hai (02) năm được phát hành với lãi suất cố định 8,5%/năm. Trái phiếu do BVSC phát hành được đảm bảo bằng khoản phải thu khách hàng đối với dịch vụ giao dịch ký quỹ của BVSC.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	**129.409.885.270**
Tăng trong năm	93.226.960.507
Sử dụng trong năm	(68.382.974.829)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	**154.253.870.948**

22. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU

Hợp đồng repo (*)	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Bán trong năm VND	Mua lại trong năm VND	Chi phí repo đã phân bổ trong năm VND	**Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND**	Giá trị ghi sổ trái phiếu repo VND
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	3.084.197.927.696	4.069.612.300.000	(3.202.359.160.000)	186.433.120.112	4.137.884.187.808	2.452.044.053.577
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	3.950.659.752.161	7.958.444.490.000	(5.602.028.800.000)	228.090.665.805	6.535.166.107.966	4.232.981.403.457
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	3.181.088.122.453	1.914.510.890.000	(3.206.224.040.000)	25.246.074.030	1.914.621.046.483	1.355.375.666.245
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	5.178.482.967.160	627.659.150.000	(6.008.509.220.000)	202.367.102.840	-	-
Khác	-	1.385.706.900.000	(301.608.000.000)	12.179.373.811	1.096.278.273.811	852.856.031.478
	15.394.428.769.470	**15.955.933.730.000**	**(18.320.729.220.000)**	**654.316.336.598**	**13.683.949.616.068**	**8.893.257.154.757**

(*) Bao gồm khoản phải trả hợp đồng repo với đối với các trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp mà Tập đoàn đã bán và cam kết sẽ mua lại trong thời gian dưới 12 tháng và chịu lãi suất từ 0,9%/năm đến 5,10%/năm.

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Ký quỹ đại lý bảo hiểm	228.758.495.113	203.694.760.615
Phải trả khác	22.833.292.378	18.756.990.105
	251.591.787.491	**222.451.750.720**

24. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

	Dự phòng toán học VND	Dự phòng phí chưa được hưởng VND	Dự phòng bồi thường VND	Dự phòng chia lãi VND	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu VND	Dự phòng đảm bảo cân đối VND	Dự phòng dao động lớn VND	**Tổng cộng VND**
Bảo hiểm nhân thọ								
Ngày 31/12/2019	75.546.683.412.605	181.343.409.045	99.178.054.641	1.813.623.023.450	1.128.629.366.429	95.648.400.780	-	78.865.105.666.950
Thay đổi trong năm	17.544.035.787.158	19.831.401.229	(33.269.202.638)	121.723.538.646	1.419.369.122.647	10.887.296.320	-	19.082.577.943.362
Ngày 31/12/2020	93.090.719.199.763	201.174.810.274	65.908.852.003	1.935.346.562.096	2.547.998.489.076	106.535.697.100	-	97.947.683.610.312
Bảo hiểm phi nhân thọ								
Ngày 31/12/2019	-	5.087.942.673.015	2.819.503.256.634	-	-	-	42.564.972	7.907.488.494.621
Thay đổi trong năm	-	(318.502.071.082)	(309.658.509.508)	-	-	27.185.006.695	16.165.184.013	(584.810.389.882)
Ngày 31/12/2020	-	4.769.440.601.933	2.509.844.747.126	-	-	27.185.006.695	16.207.748.985	7.322.678.104.739
Ngày 31/12/2019	**75.546.683.412.605**	**5.269.286.082.060**	**2.918.681.311.275**	**1.813.623.023.450**	**1.128.629.366.429**	**95.648.400.780**	**42.564.972**	**86.772.594.161.571**
Thay đổi trong năm	**17.544.035.787.158**	**(298.670.669.853)**	**(342.927.712.146)**	**121.723.538.646**	**1.419.369.122.647**	**38.072.303.015**	**16.165.184.013**	**18.497.767.553.480**
Ngày 31/12/2020	**93.090.719.199.763**	**4.970.615.412.207**	**2.575.753.599.129**	**1.935.346.562.096**	**2.547.998.489.076**	**133.720.703.795**	**16.207.748.985**	**105.270.361.715.051**

Chi tiết thay đổi dự phòng nghiệp vụ hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ như sau:

	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái VND	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (tài sản tái bảo hiểm) VND	**Dự phòng bảo hiểm thuần VND**
Ngày 31/12/2019			
Dự phòng phí chưa được hưởng	5.087.942.673.015	(1.701.325.224.944)	3.386.617.448.071
Dự phòng bồi thường	2.819.503.256.634	(1.340.049.750.169)	1.479.453.506.465
Dự phòng dao động lớn	42.564.972	-	42.564.972
Tổng cộng	**7.907.488.494.621**	**(3.041.374.975.113)**	**4.866.113.519.508**
Ngày 31/12/2020			
Dự phòng phí chưa được hưởng	4.769.440.601.933	(1.059.460.785.355)	3.709.979.816.578
Dự phòng bồi thường	2.509.844.747.126	(1.187.235.382.389)	1.322.609.364.737
Dự phòng dao động lớn	16.207.748.985	-	16.207.748.985
Dự phòng đảm bảo cân đối	27.185.006.695	-	27.185.006.695
Tổng cộng	**7.322.678.104.739**	**(2.246.696.167.744)**	**5.075.981.936.995**

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (**) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	**Tổng cộng VND**
Tại ngày 01/01/2020	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**801.321.408.999**	**103.568.802.818**	**3.037.187.232.453**	**476.227.833.633**	**735.171.665.904**	**19.902.608.518.614**
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	-	-	-	(593.858.211.200)	-	-	(593.858.211.200)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(89.588.815.986)	-	(3.638.144.521)	(93.226.960.507)
Của công ty mẹ (***)	-	-	-	-	-	*(33.203.549.136)*	-	-	*(33.203.549.136)*
Của các công ty con	-	-	-	-	-	*(56.385.266.850)*	-	*(3.638.144.521)*	*(60.023.411.371)*
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội	-	-	-	-	-	(10.843.169.505)	-	-	(10.843.169.505)
Của công ty mẹ (***)	-	-	-	-	-	*(10.843.169.505)*	-	-	*(10.843.169.505)*
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	157.888.424.020	-	(157.888.424.020)	-	-	-
Của công ty mẹ (***)	-	-	-	*162.648.000.000*	-	*(162.648.000.000)*	-	-	-
Của các công ty con	-	-	-	*(4.759.575.980)*	-	*4.759.575.980*	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.597.588.285.269	-	52.258.687.656	1.649.846.972.925
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Tập đoàn và các Công ty con	-	-	-	-	-	(3.036.636.015)	-	-	(3.036.636.015)
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	-	8.148.552.601	-	(55.444.625.802)	47.296.073.201	-	-
Cổ tức chia cho các cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(28.918.952.000)	(28.918.952.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(805.521.468)	-	-	(805.521.468)
Tại ngày 31/12/2020	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**967.358.385.620**	**103.568.802.818**	**3.723.310.113.726**	**523.523.906.834**	**754.873.257.039**	**20.821.766.040.844**

(*) Quỹ chênh lệch tỷ giá thể hiện chênh lệch do chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Tokio Marine Việt Nam từ USD sang VND từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

(**) Số dư Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu thể hiện phần lợi ích còn lại của Tập đoàn trong thặng dư vốn cổ phần của BVSC phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 29 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn trích 1% lợi nhuận sau thuế 2019 (tương đương với số tiền 10.843.169.505 VND) cho Quỹ Phục vụ hoạt động An sinh xã hội, 15% lợi nhuận sau thuế 2019 (tương đương với số tiền 162.648.000.000 VND) cho Quỹ Đầu tư phát triển và 3,06% lợi nhuận sau thuế 2019 (tương đương với số tiền 33.203.549.136 VND) cho Quỹ Khen thưởng phúc lợi cho người lao động và Quỹ thưởng cho người quản lý của Tập đoàn.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)*

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (**) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	**Tổng cộng VND**
Tại ngày 01/01/2019	**7.008.864.340.000**	**3.713.080.881.197**	**15.445.192.000**	**631.338.501.669**	**103.568.802.818**	**2.882.690.188.748**	**428.207.527.672**	**692.776.454.627**	**15.475.971.888.731**
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	-	-	-	(700.886.434.000)	-	-	(700.886.434.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(89.584.007.817)	-	(2.849.500.389)	(92.433.508.206)
Của công ty mẹ	-	-	-	-	-	*(32.760.910.000)*	-	-	*(32.760.910.000)*
Của các công ty con	-	-	-	-	-	*(56.823.097.817)*	-	*(2.849.500.389)*	*(59.672.598.206)*
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội	-	-	-	-	-	(10.519.000.000)	-	-	(10.519.000.000)
Của công ty mẹ	-	-	-	-	-	*(10.519.000.000)*	-	-	*(10.519.000.000)*
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	158.266.176.902	-	(158.266.176.902)	-	-	-
Của công ty mẹ	-	-	-	*157.780.000.000*	-	*(157.780.000.000)*	-	-	-
Của các công ty con	-	-	-	*486.176.902*	-	*(486.176.902)*	-	-	-
Tăng vốn trong năm	414.363.300.000	3.597.377.861.610	-	-	-	-	-	-	4.011.741.161.610
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.188.459.508.500	-	54.245.111.082	1.242.704.619.582
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Tập đoàn và các Công ty con	-	-	-	-	-	(3.402.222.240)	-	-	(3.402.222.240)
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	-	11.716.730.428	-	(59.737.036.389)	48.020.305.961	-	-
Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(8.675.685.600)	(8.675.685.600)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(11.567.587.447)	-	(324.713.816)	(11.892.301.263)
Tại ngày 31/12/2019	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**801.321.408.999**	**103.568.802.818**	**3.037.187.232.453**	**476.227.833.633**	**735.171.665.904**	**19.902.608.518.614**

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Cổ phiếu thường VND	**Tổng số VND**	Cổ phiếu thường VND	Tổng số VND
Số vốn góp của cổ đông	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807
TỔNG CỘNG	**14.733.686.382.807**	**14.733.686.382.807**	**14.733.686.382.807**	**14.733.686.382.807**

25.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Ngày 01 tháng 01	**7.423.227.640.000**	**7.008.864.340.000**
Vốn góp tăng trong năm	-	414.363.300.000
Ngày 31 tháng 12	**7.423.227.640.000**	**7.423.227.640.000**
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**593.858.211.200**	**700.886.434.000**

25.4 Cổ tức

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	593.858.211.200	700.886.434.000
- Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông (cổ tức cho năm 2019: 800VND/cổ phiếu,cổ tức cho năm 2018: 1.000VND/cổ phiếu)	*593.858.211.200*	*700.886.434.000*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 29 tháng 06 năm 2020, Tập đoàn Bảo Việt đã chi trả cổ tức cho năm tài chính 2019 là 8% (800 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 VND, tương đương với số tiền 593.858.211.200 VND. Việc chi trả cổ tức đã được thực hiện vào tháng 11 năm 2020.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 29 tháng 06 năm 2021, Tập đoàn Bảo Việt sẽ chi trả cổ tức cho năm tài chính 2020 là 8,985% (898,5 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 VND, tương đương với số tiền 666.977.003.454 VND. Việc chi trả cổ tức sẽ được thực hiện sau khi có Nghị quyết phê duyệt của Hội đồng Quản trị theo quy định.

25.5 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Số lượng	**Giá trị VND**	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**
Cổ phiếu phổ thông	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*
Cổ phiếu đang lưu hành	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**
Cổ phiếu phổ thông	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*

26. DOANH THU VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM

26.1 *Phí bảo hiểm gốc*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	7.905.465.382.063	8.293.354.253.804
Bảo hiểm liên kết chung	18.709.816.640.956	15.745.858.271.912
Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ khác	1.422.365.215.821	1.412.343.191.696
Tổng doanh thu bảo hiểm nhân thọ	**28.037.647.238.840**	**25.451.555.717.412**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	1.046.875.784.644	889.863.307.007
Bảo hiểm tài sản	4.251.635.290.776	5.081.982.341.941
Bảo hiểm con người	4.390.842.096.726	4.324.771.244.692
Tổng doanh thu bảo hiểm phi nhân thọ	**9.689.353.172.146**	**10.296.616.893.640**
Tổng doanh thu bảo hiểm	**37.727.000.410.986**	**35.748.172.611.052**

26.2 *Phí nhận tái bảo hiểm*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Bảo hiểm trách nhiệm	15.227.092.347	16.127.117.941
Bảo hiểm tài sản	157.054.577.545	191.172.789.054
Bảo hiểm con người	6.938.972.094	21.618.345.108
	179.220.641.986	**228.918.252.103**

27. TỔNG PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	358.178.035	472.286.870
Bảo hiểm liên kết chung	10.690.831.445	9.443.461.141
Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ khác	4.381.770.078	3.782.071.677
	15.430.779.558	**13.697.819.688**
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	336.370.029.771	83.639.452.402
Bảo hiểm tài sản	3.063.674.809.756	3.029.895.746.414
Bảo hiểm con người	703.875.205.005	247.155.912.201
	4.103.920.044.532	**3.360.691.111.017**
	4.119.350.824.090	**3.374.388.930.705**

28. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

28.1 *Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Chi trả đáo hạn	1.952.395.201.219	1.870.037.734.330
Chi giá trị hoàn lại	3.913.649.673.687	2.255.747.286.945
Chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro và chi trả khác theo hợp đồng bảo hiểm	1.629.710.259.893	3.332.054.656.376
	7.495.755.134.799	**7.457.839.677.651**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	327.072.625.688	324.740.583.778
Bảo hiểm tài sản	2.712.609.157.063	3.750.326.438.564
Bảo hiểm con người	2.265.387.016.799	2.461.146.738.795
	5.305.068.799.550	**6.536.213.761.137**
	12.800.823.934.349	**13.994.053.438.788**

28.2 *Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	12.289.741.960	6.254.299.987
Bảo hiểm tài sản	105.418.417.038	213.148.440.031
Bảo hiểm con người	14.944.971.241	20.571.127.963
	132.653.130.239	**239.973.867.981**

28.3 *Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Thu từ nhượng tái bảo hiểm	5.323.422.286	726.166.967
	5.323.422.286	**726.166.967**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	66.192.344.112	537.623.636
Bảo hiểm tài sản	1.677.101.052.170	2.118.840.584.256
Bảo hiểm con người	409.391.852.151	218.504.701.764
	2.152.685.248.433	**2.337.882.909.656**
	2.158.008.670.719	**2.338.609.076.623**

29. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Chi dề phòng hạn chế tổn thất	71.498.861.679	66.540.368.466
Chi giám định, chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm, chi khác	142.241.201.876	145.258.706.531
Chi nhận tái bảo hiểm khác	3.245.813.421	4.253.768.495
Chi đại lý bảo hiểm và các khoản chi khác	279.280.204.786	330.924.875.651
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm phân bổ từ chi quản lý	873.424.503.908	1.169.542.598.277
- Chi phí nhân công	*487.372.686.639*	*536.428.439.949*
- Chi phí nguyên liệu vật liệu	*35.522.044.788*	*53.054.498.665*
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	*21.362.493.611*	*26.476.027.714*
- Thuế và chi phí, lệ phí	*9.200.584.434*	*10.219.185.397*
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*21.537.443.358*	*248.426.222.226*
- Chi phí khác	*298.429.251.078*	*294.938.224.326*
Chi nộp quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	12.718.928.949	32.242.361.038
	1.382.409.514.619	**1.748.762.678.458**

30. THU NHẬP THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Thu nhập từ các hoạt động khác		
Hoạt động môi giới chứng khoán và bảo lãnh phát hành	165.982.093.674	126.457.121.411
Dịch vụ tư vấn đầu tư	8.499.895.454	10.782.045.453
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	5.470.747.111	4.851.597.302
Quản lý danh mục đầu tư	4.200.494.321	4.205.497.943
Cho thuê và quản lý bất động sản	55.505.332.365	63.922.557.436
Dịch vụ đào tạo	32.815.153.234	28.733.853.773
Hoạt động xây dựng và kinh doanh thương mại	146.478.451.722	90.117.494.426
Các dịch vụ khác	14.334.984.770	7.660.717.781
	433.287.152.651	**336.730.885.525**
Chi phí từ các hoạt động khác		
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán và bảo lãnh phát hành	(117.933.887.676)	(115.339.334.556)
Dịch vụ tư vấn đầu tư	(15.947.095.197)	(11.888.057.092)
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	(16.078.708.610)	(14.920.127.758)
Quản lý danh mục đầu tư	(1.922.383.360)	(4.632.349.226)
Quản lý bất động sản	(72.402.808.894)	(33.390.694.255)
Hoạt động xây dựng và kinh doanh thương mại	(147.910.744.550)	(121.056.323.952)
Các dịch vụ khác	(45.738.640.199)	(39.510.843.827)
	(417.934.268.486)	**(340.737.730.666)**
	15.352.884.165	**(4.006.845.141)**

31. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

31.1 *Doanh thu hoạt động tài chính*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	5.718.119.483.622	4.595.692.187.825
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	2.494.064.231.788	2.531.713.114.844
Thu nhập từ tạm ứng giá trị hoàn lại	212.234.336.424	189.104.315.895
Cổ tức được chia	216.172.780.230	172.208.659.092
Lãi chênh lệch tỷ giá	19.541.571.046	10.041.848.168
Lãi đầu tư, kinh doanh chứng khoán	661.437.392.467	178.285.468.456
Doanh thu hoạt động tài chính khác	174.088.891.756	193.702.056.566
	9.495.658.687.333	**7.870.747.650.846**

31.2 *Chi phí hoạt động tài chính*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Chênh lệch tỷ giá	15.709.408.008	13.912.213.149
Chi phí repo và lãi vay	702.373.401.785	982.499.854.551
Trả lãi cho chủ hợp đồng	295.764.143.348	314.583.069.516
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	97.575.840.347	127.185.664.656
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	(196.734.887.759)	139.280.647.927
Các chi phí khác	927.224.696.878	606.727.810.432
	1.841.912.602.607	**2.184.189.260.231**

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Chi phí tuyển dụng	4.809.311.811	3.171.029.082
Chi đào tạo đại lý	48.311.504.149	45.064.262.017
Chi thù lao đại lý	1.168.716.092.781	758.430.770.062
Chi phúc lợi đại lý	99.964.137.913	55.821.049.824
Chi khen thưởng đại lý	734.836.829.520	554.005.305.001
Chi hỗ trợ đại lý	220.436.829.556	208.595.996.065
Chi khác	89.083.237.065	73.570.983.212
	2.366.157.942.795	**1.698.659.395.263**

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		
Chi phí nhân công	1.821.319.917.044	1.829.717.320.756
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	230.251.922.035	228.206.782.027
Chi phí khấu hao tài và hao mòn sản cố định	66.870.434.546	78.386.968.124
Thuế và chi phí lệ phí	20.281.754.340	20.761.595.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	657.232.125.145	431.853.054.198
Chi phí dự phòng	23.414.810.127	16.178.303.826
Chi phí khác	358.000.582.404	336.547.162.304
	3.177.371.545.641	**2.941.651.186.792**
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		
Chi phí nhân công	227.941.153.988	231.188.455.855
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	109.655.787.532	69.883.685.173
Thuế và chi phí lệ phí	15.322.486.862	20.436.187.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.977.704.145	163.818.844.992
Chi phí dự phòng	456.733.500	14.008.735.610
Chi phí khác	69.792.062.940	76.039.259.218
	579.145.928.967	**575.375.168.789**
	3.756.517.474.608	**3.517.026.355.581**

34. LỢI NHUẬN KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 202 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	1.181.349.087	843.741.819
Thu nhập khác	12.336.408.565	5.792.569.169
	13.517.757.652	**6.636.310.988**
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản	(50.757.567)	(22.007.037)
Chi phí khác	(1.860.178.054)	(3.070.007.729)
	(1.910.935.621)	**(3.092.014.766)**
Lợi nhuận khác	**11.606.822.031**	**3.544.296.222**

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bao gồm:

Các bên liên quan	Quan hệ
Bộ Tài chính	Cổ đông sáng lập
SCIC	Cổ đông sáng lập
Sumitomo Life	Cổ đông chiến lược
Tokio Marine Việt Nam	Công ty liên doanh
Bảo Việt Bank	Công ty liên kết
Bảo Việt SCIC	Công ty liên kết
Long Việt	Công ty liên kết
Trung Nam Phú Quốc	Công ty liên kết
PLT	Công ty liên kết
Hòn Tằm Biển Nha Trang	Công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 gồm:

Các bên liên quan	Giao dịch	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Cổ đông sáng lập			
Bộ Tài chính	Cổ tức đã trả	(386.007.840.000)	(482.509.800.000)
SCIC	Cổ tức đã trả	(17.723.520.000)	(22.154.400.000)
Cổ đông chiến lược			
Sumitomo Life	Tiền mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ để tăng vốn điều lệ	-	4.011.741.161.610
	Cổ tức đã trả	(131.156.336.800)	(122.509.091.000)
	Doanh thu cho thuê văn phòng	577.039.680	577.039.680
	Chi phí dự án Hỗ trợ và Chuyển giao Năng lực Kỹ thuật	(2.028.308.286)	(3.853.171.523)
Công ty liên doanh, liên kết			
Tokio Marine Việt Nam	Cổ tức được chia	38.098.894.254	21.600.874.075
	Phí quản lý quỹ	410.270.277	411.786.177
Bảo Việt Bank	Doanh thu dịch vụ CNTT	3.504.469.437	3.508.950.418
	Doanh thu lãi tiền gửi	972.548.380.432	579.037.972.781
	Doanh thu lãi trái phiếu	110.617.012.004	110.779.290.061
	Doanh thu cho thuê trụ sở làm việc, phí quản lý tòa nhà, phí giữ xe	9.492.719.625	8.295.462.723
	Chi phí repo và lãi vay	(203.943.551.484)	(50.997.717.264)

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

		Phải thu/(Phải trả)	
Các bên liên quan	Giao dịch	**Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND**	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Công ty liên kết			
Bảo Việt Bank	Số dư tiền gửi thanh toán, ký quỹ	158.768.384.872	3.197.248.375.823
	Tiền đang chuyển	80.453.716.295	25.053.311.102
	Số dư tiền gửi có kỳ hạn và lãi dự thu	8.187.911.121.581	11.279.720.579.880
	Số dư trái phiếu và lãi dự thu	1.316.600.746.871	1.309.111.868.378
	Số dư các hợp đồng mua bán lại trái phiếu Chính phủ	(4.137.884.187.807)	(3.084.197.927.697)
	Phải thu phí CNTT, dịch vụ đào tạo	940.364.220	937.940.854
	Số dư trái phiếu BVSC phát hành và lãi dự trả	-	(200.193.848.717)
	Các khoản vay	-	(5.026.868.613)
Cổ đông chiến lược			
Sumitomo Life	Phải trả tiền đặt cọc thuê văn phòng, trả trước tiền thuê văn phòng	(317.371.824)	(317.371.824)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương sau thuế TNCN của Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác của Tập đoàn, trong năm 2020, như sau:

	Năm 2020 VND
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	
Ông Kenji Yoneda	228.000.000
Ông Teruo Shimmen	228.000.000
Ông Nguyễn Đình An	114.000.000
Bà Thân Hiền Anh	228.000.000
Ông Đỗ Trường Minh	228.000.000
Bà Trần Thị Diệu Hằng	228.000.000
Ông Nguyễn Minh Hoàng	32.413.793
Ông Nguyễn Xuân Việt	228.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác	
Ông Đào Đình Thi	1.188.203.387
Ông Đỗ Trường Minh	1.037.109.208
Ông Ông Tiến Hùng	778.413.905
Ông Nguyễn Xuân Hòa	939.102.524

36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 (trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**1.597.588.285.269**	**1.188.459.508.500**
Điều chỉnh giảm do:		
- Chi thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	*-*	*(2.040.000.000)*
- Trích quỹ (*)	*(41.190.589.002)*	*(44.046.718.641)*
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.556.397.696.267**	**1.142.372.789.859**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	742.322.764	702.475.773
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.097**	**1.626**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	**2.097**	**1.626**

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cùng kỳ để phản ánh khoản thực trích từ lợi nhuận để lại của năm 2019 theo Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 06 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh để phản ánh khoản thực trích từ lợi nhuận để lại của năm 2020 theo Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 06 năm 2021.

(**) Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Ban Điều hành theo dõi kết quả hoạt động của từng đơn vị kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho quá trình ra quyết định về việc phân bổ nguồn lực và đánh giá hoạt động.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì phạm vi hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lời.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm mục đích quản trị, Tập đoàn được tổ chức theo từng đơn vị kinh doanh dựa trên sản phẩm và dịch vụ mà các đơn vị này cung cấp. Tập đoàn thực hiện báo cáo theo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

- Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ, cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm trọn đời; bảo hiểm sinh kỳ; bảo hiểm tử kỳ; bảo hiểm hỗn hợp; bảo hiểm liên kết ngân hàng; bảo hiểm trả tiền định kỳ; bảo hiểm liên kết chung; bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người bổ trợ cho bảo hiểm nhân thọ; các loại hình bảo hiểm nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người.

- Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người; bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm chung; bảo hiểm hàng không; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm nông nghiệp và các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

- Dịch vụ tài chính bao gồm các dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư, môi giới và kinh doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, v.v... BVF cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho chủ hợp đồng bảo hiểm. BVSC cung cấp các dịch vụ môi giới, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và kinh doanh chứng khoán.

- Các hoạt động về bất động sản và các hoạt động khác bao gồm các dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan đối với các tòa nhà Bảo Việt. Ngoài ra, Tập đoàn đang tiến hành xây dựng các dự án bất động sản như xây dựng tòa nhà Bảo hiểm Bảo Việt ở Hà Nội, dự án ở thành phố Hồ Chí Minh và các dự án bất động sản khác trong nước.

Giá cả giao dịch giữa các bộ phận kinh doanh được quyết định dựa trên giá thị trường tương tự như giao dịch với bên thứ ba khác. Doanh thu bộ phận, chi phí bộ phận và kết quả kinh doanh bộ phận bao gồm doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động chuyển giao giữa các bộ phận với nhau được loại bỏ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các bảng biểu sau trình bày thông tin về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, doanh thu và lợi nhuận liên quan đến các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, cụ thể như sau:

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Đơn vị: triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
Doanh thu phí bảo hiểm	28.017.816	10.189.932	-	-	(2.857)	38.204.891
Phí nhượng tái bảo hiểm	(15.431)	(4.745.784)	-	-	-	(4.761.215)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	8.656	1.071.712	-	-	-	1.080.368
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**28.011.041**	**6.515.860**	**-**	**-**	**(2.857)**	**34.524.044**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(7.495.755)	(5.305.069)	-	-	-	(12.800.824)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(132.653)	-	-	-	(132.653)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	-	3.180	-	-	-	3.180
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	5.323	2.152.686	-	-	-	2.158.009
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	(19.096.016)	-	-	-	(27.185)	(19.123.201)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	33.269	309.659	-	-	-	342.928
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	(152.814)	-	-	-	(152.814)
Trích dự phòng dao động lớn	-	(115.350)	-	-	73.878	(41.472)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	72.000	-	-	(46.693)	25.307
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.998.176)	(2.569.358)	-	-	90.273	(4.477.261)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(28.551.355)**	**(5.737.719)**	**-**	**-**	**90.273**	**(34.198.801)**
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	461.762	20.842	(467.251)	15.353
Chi phí bán hàng	(2.366.263)	-	-	-	105	(2.366.158)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.307.985)	(1.153.870)	(578.627)	(19.455)	303.420	(3.756.517)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	6.265.488	453.260	1.514.315	7.956	(587.273)	7.653.746
Lợi nhuận khác	26.915	10.248	894	707	(27.157)	11.607
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	70.012	70.012
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.077.841**	**87.779**	**1.398.344**	**10.050**	**(620.728)**	**1.953.286**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Đơn vị: triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
Doanh thu phí bảo hiểm	25.428.251	10.386.718	-	-	(425)	35.814.544
Phí nhượng tái bảo hiểm	(13.698)	(3.070.511)	-	-	-	(3.084.209)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.136	577.665	-	-	-	578.801
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**25.415.689**	**7.893.872**	**-**	**-**	**(425)**	**33.309.136**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(7.457.840)	(6.536.213)	-	-	-	(13.994.053)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(239.974)	-	-	-	(239.974)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	-	4.092	-	-	-	4.092
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	726	2.337.883	-	-	-	2.338.609
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	(15.642.077)	-	-	-	31.184	(15.610.893)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(58.959)	248.350	-	-	-	189.391
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	(272.989)	-	-	(123.615)	(396.604)
Trích dự phòng dao động lớn	-	(143.305)	-	-	-	(143.305)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	143.305	-	-	71.691	214.996
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.905.585)	(2.927.544)	-	-	95.298	(4.737.831)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(25.063.735)**	**(7.386.395)**	**-**	**-**	**74.558**	**(32.375.572)**
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	350.379	12.534	(366.920)	(4.007)
Chi phí bán hàng	(1.698.659)	-	-	-	-	(1.698.659)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.258.443)	(873.204)	(569.234)	(25.496)	209.351	(3.517.026)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	4.682.267	438.499	1.596.755	7.387	(1.038.350)	5.686.558
Lợi nhuận khác	27.298	8.578	543	16.329	(49.204)	3.544
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	107.754	107.754
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.104.417**	**81.350**	**1.378.443**	**10.754**	**(1.063.236)**	**1.511.728**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Đơn vị: triệu đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	384.396	142.711	493.393	24.017	5.736.225	6.780.742
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	2.608	701.458	-	-	-	704.066
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	119.416	931.662	-	-	(280)	1.050.798
Tài sản tái bảo hiểm	-	2.246.696	-	-	-	2.246.696
Các khoản phải thu khác	3.935.086	241.394	927.835	79.185	(806.873)	4.376.627
Đầu tư tài chính	115.015.974	7.191.133	18.764.545	106.138	(15.485.401)	125.592.389
Phải thu về cho vay	-	-	2.216.794	-	20.687	2.237.481
Tài sản cố định hữu hình	234.768	205.394	361.651	32.469	25.366	859.648
Tài sản cố định vô hình	251.973	375.976	286.419	14.639	-	929.007
Các tài sản khác	229.261	941.655	401.746	100.080	(37.395)	1.635.347
TỔNG TÀI SẢN	**120.173.482**	**12.978.079**	**23.452.383**	**356.528**	**(10.547.671)**	**146.412.801**
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ ngắn hạn	15.753.058	2.496.715	1.626.742	47.931	(177.008)	19.747.438
Nợ dài hạn	98.176.442	7.329.914	331.800	24.304	(18.863)	105.843.597
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**113.929.500**	**9.826.629**	**1.958.542**	**72.235**	**(195.871)**	**125.591.035**
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**6.243.982**	**3.151.450**	**21.493.841**	**284.293**	**(10.351.800)**	**20.821.766**
TỔNG NGUỒN VỐN	**120.173.482**	**12.978.079**	**23.452.383**	**356.528**	**(10.547.671)**	**146.412.801**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Đơn vị: triệu đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	982.444	347.797	2.751.806	59.758	600.797	4.742.602
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	651	908.979	-	-	-	909.630
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	133.586	1.702.222	-	-	-	1.835.808
Tài sản tái bảo hiểm	-	3.041.375	-	-	-	3.041.375
Các khoản phải thu khác	3.488.139	285.615	850.721	69.188	(857.062)	3.836.601
Đầu tư tài chính	95.806.417	6.735.197	15.650.389	93.793	(9.525.247)	108.760.549
Phải thu về cho vay	-	-	1.525.362	-	20.771	1.546.133
Tài sản cố định hữu hình	245.671	232.493	406.474	35.729	(55)	920.312
Tài sản cố định vô hình	255.802	392.881	314.464	14.640	-	977.787
Các tài sản khác	251.357	897.447	433.080	104.027	(18.470)	1.667.441
TỔNG TÀI SẢN	**101.164.067**	**14.544.006**	**21.932.296**	**377.135**	**(9.779.266)**	**128.238.238**
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ ngắn hạn	16.875.806	3.487.989	369.839	52.940	(79.399)	20.707.175
Nợ dài hạn	79.069.004	7.910.157	640.999	27.996	(19.701)	87.628.455
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**95.944.810**	**11.398.146**	**1.010.838**	**80.936**	**(99.100)**	**108.335.630**
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**5.219.257**	**3.145.860**	**20.921.458**	**296.199**	**(9.680.166)**	**19.902.608**
TỔNG NGUỒN VỐN	**101.164.067**	**14.544.006**	**21.932.296**	**377.135**	**(9.779.266)**	**128.238.238**

38. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

38.1 *Tài sản thuê ngoài*

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động khác bao gồm các tài sản là văn phòng, trụ sở làm việc không hủy ngang như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
- Từ 1 năm trở xuống	78.302.512.182	91.194.703.484
- Từ trên 1 năm đến 5 năm	113.038.054.387	150.477.799.031
- Trên 5 năm	70.062.124.605	87.426.402.141
	261.402.691.174	**329.098.904.656**

38.2 *Các khoản tranh chấp kiện tụng*

Trong hai năm 2008 và 2009, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con đã ký các hợp đồng tiền gửi với Công ty Cho thuê tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("ALCII"), kỳ hạn từ 06 tháng đến 01 năm và lãi suất tiền gửi từ 10,5% đến 17,5%/năm. Bắt đầu từ năm 2009, do tình hình tài chính khó khăn, ALCII đã không thực hiện việc chi trả gốc và lãi của một số hợp đồng tiền gửi cho Tập đoàn. Do đó, năm 2016, Tập đoàn đã thực hiện khởi kiện ALCII theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc không thực hiện các nghĩa vụ quy định trong các hợp đồng tiền gửi đã giao kết. Theo quyết định của Bản án số 1009/2016/KDTM-PT ngày 05 tháng 09 năm 2016 và Bản án số 1158/2016/HDTM-PT ngày 30 tháng 09 năm 2016 của Tòa phúc thẩm - Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ALCII có trách nhiệm phải thanh toán cho Tập đoàn khoản tiền còn nợ Tập đoàn tính đến ngày 31 tháng 05 năm 2016, bao gồm 326.600.000.000 VND nợ gốc tiền gửi chưa thanh toán, 52.990.388.887 VND nợ lãi trong hạn chưa thanh toán, 421.212.752.500 VND nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn chưa thanh toán và 69.068.967.356 VND nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ lãi trong hạn chưa thanh toán và tiền lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 06 năm 2016 cho đến khi trả hết nợ tính trên số dư nợ gốc và nợ lãi trong hạn còn lại theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tiền gửi đã ký. Hiện nay, Tập đoàn đang tiếp tục thực hiện công tác thu đòi công nợ đối với các khoản đầu tư này, theo dõi tình hình thực hiện các thủ tục phá sản tại ALCII.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Bảo hiểm Bảo Việt có các vụ tranh chấp, kiện tụng với khách hàng liên quan đến các khoản yêu cầu đòi bồi thường từ phía khách hàng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt không chấp nhận toàn phần, hoặc chỉ chấp nhận một phần trách nhiệm bảo hiểm. Tổng số yêu cầu đòi bồi thường từ phía khách hàng liên quan đến các vụ việc nêu trên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 154,1 tỷ VND, trong đó phần ước tính thuộc trách nhiệm của Bảo hiểm Bảo Việt là 19,9 tỷ VND. Ảnh hưởng cuối cùng của các vụ tranh chấp, kiện tụng nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên kết quả cuối cùng của các Ủy ban hòa giải hay của Tòa án và do đó, Bảo hiểm Bảo Việt hiện chưa trích lập dự phòng nợ phải trả cho các yêu cầu đòi bồi thường này.

39. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm (VND)	215.722.244.159	263.903.326.567
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	7.436.521.813	7.046.121.813
3. Ngoại tệ (USD)	941.499	2.203.667
4. Chứng khoán lưu ký (VND)	29.420.061.882.810	26.472.274.208.189
5. Chứng khoán chưa lưu ký (VND)	2.767.950.787.600	2.667.009.170.000
6. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (VND)	1.175.873.185.276	589.451.865.603
7. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (VND)	247.873.383.596	290.697.748.025
8. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác (VND)	7.034.397.261	7.776.055.464
9. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác (VND)	(1.176.118.011.151)	(591.556.462.418)
10. Phải thu lãi tiền gửi, trái phiếu, cho vay ủy thác (VND)	2.424.552.722.009	2.196.508.157.957

40. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

Hoạt động Quản lý rủi ro ("QLRR") tại Tập đoàn và các Công ty con nhằm phòng ngừa, giảm thiểu những rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra để góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả; góp phần tạo ra môi trường quản lý minh bạch; bảo vệ tài sản và uy tín của Tập đoàn và các Công ty con.

Hoạt động QLRR được thực hiện thống nhất từ Ban Lãnh đạo Tập đoàn đến từng bộ phận chức năng, cán bộ tại Tập đoàn và các Công ty con theo một nguyên tắc chung nhằm chủ động phát hiện, đánh giá và kiểm soát tác động của các loại rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn ("HĐQT") chịu trách nhiệm quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản lý rủi ro Tập đoàn; ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt và thực hiện giám sát hoạt động QLRR toàn Tập đoàn.

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn quản lý rủi ro nội bộ, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro đã được HĐQT phê duyệt. Các chính sách và hệ thống QLRR được rà soát định kỳ nhằm phản ánh kịp thời những biến động của thị trường và các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn ("HĐQLRR") là cơ quan giúp việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro. Các cuộc họp của HĐQLRR được tổ chức định kỳ nhằm đánh giá mức độ rủi ro tập trung toàn Tập đoàn, đánh giá nhận dạng các rủi ro mới và biện pháp phòng ngừa; phê duyệt mô hình, công cụ đo lường, hạn mức các loại rủi ro; giám sát việc thực hiện các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt.

Tại thuyết minh này, Tập đoàn trình bày cách thức cơ bản về hoạt động QLRR nói chung và các mục tiêu, chính sách, quy trình, phương pháp quản lý, đo lường các loại rủi ro cụ thể liên quan tới việc sử dụng các công cụ tài chính nói riêng.

Quản lý vốn

Mục tiêu ưu tiên của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh doanh và bù đắp các rủi ro cố hữu. Ngoài ra, việc quản lý vốn tuân theo các yêu cầu về biên khả năng thanh toán theo luật định và các yêu cầu chiến lược của Tập đoàn.

Tập đoàn và các công ty con nhận thức được những tác động của mức độ vốn đã góp đối với lợi nhuận của cổ đông. Các Công ty con quản lý vốn của mình để phát triển hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu luật định đồng thời phù hợp với kế hoạch vốn của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn và các Công ty con đều đáp ứng tất cả các yêu cầu về vốn để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam.

Các cơ quan quản lý chủ yếu quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của chủ hợp đồng bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả vì lợi ích của các chủ hợp đồng này. Các cơ quan quản lý đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự kiến do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ:

	Biên khả năng thanh toán (triệu VND)	Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VND)	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán (%)
Bảo hiểm Bảo Việt			
Tại ngày 31/12/2020	2.069.190	1.441.877	144
Tại ngày 31/12/2019	1.939.933	1.791.317	108
Bảo Việt Nhân thọ			
Tại ngày 31/12/2020	5.656.346	5.287.750	107
Tại ngày 31/12/2019	4.659.661	4.351.385	107

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của các công ty con kinh doanh bảo hiểm là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính toán theo các hướng dẫn tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 05 năm 2017 và Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:

- Rủi ro bảo hiểm;
- Rủi ro tài chính, bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu trong các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Ban Điều hành Tập đoàn liên tục theo dõi hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa thiệt hại do rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm là rủi ro liên quan đến tổn thất mà công ty bảo hiểm có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các sự kiện bảo hiểm. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện bởi hai công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ.

41.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu quản lý rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt là kiểm soát phạm vi và mức độ tổn thất phát sinh nhằm đảm bảo phạm vi và mức độ này nằm trong giới hạn chấp nhận rủi ro đã thiết lập.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Bảo Việt Nhân thọ là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến sinh mạng, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính của người được bảo hiểm hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện bảo hiểm. Theo đó, Bảo Việt Nhân thọ chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm, tần suất cũng như mức độ. Công tác quản trị rủi ro bảo hiểm luôn được chú trọng nhằm mục tiêu quản lý các rủi ro bảo hiểm nói trên, đảm bảo thanh toán trách nhiệm theo hợp đồng bảo hiểm cũng như đảm bảo lợi nhuận hợp lý của Bảo Việt Nhân thọ.

Bảo Việt Nhân thọ áp dụng đầy đủ các biện pháp quản lý rủi ro trong thiết kế sản phẩm bảo hiểm mới/điều chỉnh thiết kế sản phẩm hiện tại, khai thác, xây dựng các quy định sản phẩm, theo dõi kinh nghiệm, giám định và trả tiền hoặc bồi thường bảo hiểm nhằm đảm bảo thanh toán trách nhiệm theo hợp đồng bảo hiểm và kết quả kinh doanh bảo hiểm theo dự kiến. Bảo Việt Nhân thọ thường xuyên rà soát các giả định quan trọng (như bảng tỷ lệ tử vong, lãi suất kỹ thuật, chi phí, các thông số về tổn thất, mức chia lãi/bảo tức), rà soát các rủi ro nhận bảo hiểm và đối tượng bảo hiểm hợp lý; đảm bảo việc áp dụng đầy đủ các nguyên tắc trong khai thác, giám định, trả tiền hoặc bồi thường bảo hiểm; chú trọng rà soát các rủi ro có khả năng xảy ra cao, nguy cơ trục lợi bảo hiểm; thường xuyên đánh giá các rủi ro tích tụ, bảo đảm trích lập đầy đủ các khoản dự phòng nghiệp vụ.

Công tác quản lý rủi ro bảo hiểm luôn được chú trọng trong tất cả các khâu liên quan của quá trình hoạt động kinh doanh. Trước hết, rủi ro bảo hiểm được giám sát chặt chẽ thông qua việc xây dựng những giả định phù hợp về tổn thất dự kiến liên quan đến đối tượng được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm. Bảo Việt Nhân thọ có thể chịu rủi ro về các khoản bồi thường chưa xác định rõ thời điểm, tần suất và mức độ bồi thường liên quan đến những tổn thất do tai nạn, sức khỏe, trục lợi hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện bảo hiểm. Do vậy, Bảo Việt Nhân thọ đã đưa ra và thực hiện quy định, quy trình chặt chẽ về: thiết kế và quản lý sản phẩm; theo dõi kinh nghiệm triển khai; định kỳ đánh giá lợi nhuận sản phẩm, doanh số; phân tích kịch bản; kịp thời hoàn thiện sản phẩm, định phí lại khi thực tế khác với giả định.

Bên cạnh đó, Bảo Việt Nhân thọ còn quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến hợp đồng mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm đối với các loại rủi ro cụ thể và rủi ro chung. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp stress testing. Các lý thuyết xác suất được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp. Rủi ro chủ yếu là tần suất xảy ra tổn thất bảo hiểm lớn hơn dự kiến. Theo bản chất, các tổn thất bảo hiểm xảy ra mang tính ngẫu nhiên và các con số thực tế của các sự kiện bảo hiểm có thể diễn ra trong thời gian một năm bất kỳ có thể khác nhiều so với con số ước tính bằng các phương pháp thống kê thông dụng.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ (tiếp theo)

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được đảm bảo bằng việc áp dụng giả định tương đối thận trọng để tránh các biến động bất lợi trong thực tiễn hoạt động. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

Đối với các sản phẩm bảo hiểm truyền thống, dự phòng bảo hiểm được tính chung trên cơ sở phí điều chỉnh bảo hiểm thuần, phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh bởi hệ số điều chỉnh Zillmer hoặc phí bảo hiểm gộp điều chỉnh. Phí bảo hiểm thuần là mức phí phải trả trong thời gian đóng phí mà giá trị hiện tại tại thời điểm bắt đầu hợp đồng đủ bù đắp cho giá trị hiện tại của các quyền lợi bảo hiểm được đảm bảo tại thời điểm đáo hạn hay khi xảy ra rủi ro bảo hiểm. Dự phòng bảo hiểm khi đó sẽ được tính bằng cách trừ giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần điều chỉnh trong tương lai khỏi giá trị hiện tại của các nghĩa vụ được đảm bảo đã đáo hạn hoặc trong trường hợp xảy ra rủi ro được bảo hiểm (như tử vong, thương tật) tính đến ngày báo cáo. Trong khi với bảo hiểm sức khỏe, phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần hoặc phương pháp 1/8 hay phương pháp kết hợp của hai phương pháp này được sử dụng.

Theo phương pháp phí bảo hiểm gộp điều chỉnh, phí danh nghĩa sẽ được sử dụng trong tính toán dự phòng. Các khoản dự phòng cho việc dừng hợp đồng tự nguyện từ phía bên mua bảo hiểm không được tính đến vì điều này phù hợp với các quy định bảo hiểm ở Việt Nam.

Trong mọi trường hợp, dự phòng công bố không thấp hơn dự phòng tối thiểu theo luật định.

Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và hưu trí tự nguyện, dự phòng bảo hiểm được xác định bằng giá trị sổ sách của tất cả các hợp đồng còn hiệu lực, cộng thêm phần dự phòng rủi ro bảo hiểm (dự phòng theo phương pháp dòng tiền), dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết và dự phòng cho quyền lợi và khoản thưởng duy trì hợp đồng cũng như dự phòng cho các quyền lợi bảo hiểm khác theo hợp đồng.

Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được áp dụng với các rủi ro của các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một (01) năm trở xuống.

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn bao gồm:

(i) Bảng tỷ lệ tử vong

Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bảo Việt Nhân thọ đang sử dụng Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 để tham chiếu và so sánh.

Riêng với các sản phẩm niên kim nhân thọ, bảng tỷ lệ riêng biệt được sử dụng nhằm đảm bảo trích lập dự phòng thận trọng và đầy đủ.

(ii) Bảng phân loại bệnh tật, thương tật, nằm viện

Tỷ lệ xảy ra bệnh tật, thương tật, nằm viện trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật, thương tật chủ yếu bao gồm các bệnh và thương tật được tính toán từ thống kê về thanh toán quyền lợi được chi trả và phí bảo hiểm bình quân năm.

Thêm vào đó, với những hợp đồng người được bảo hiểm có rủi ro lớn hơn mức tiêu chuẩn (tức có phí bảo hiểm phụ trội), dự phòng bổ sung được trích lập tương ứng với rủi ro tăng thêm.

(iii) Lãi suất

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng cùng tỷ lệ lãi suất cho nhóm sản phẩm bảo hiểm truyền thống tương đồng. Đồng thời, để đảm bảo tuân thủ quy định của luật về dự phòng tối thiểu, kết quả tính toán dự phòng theo phương pháp và cơ sở dự phòng công bố sẽ được so sánh với dự phòng tối thiểu theo luật định (theo phương pháp và cơ sở dự phòng tối thiểu theo luật định) nhằm đảm bảo dự phòng công bố không thấp hơn dự phòng tối thiểu theo luật định. Cụ thể, nếu kết quả tính toán theo phương pháp và cơ sở dự phòng công bố thấp hơn dự phòng tối thiểu theo luật định thì dự phòng tối thiểu theo luật định sẽ được sử dụng để xác định dự phòng công bố.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ (tiếp theo)

Bảo Việt Nhân thọ đã đưa ra các quy định chặt chẽ, đặc biệt là trong hoạt động thiết kế sản phẩm và các quy định loại trừ nhằm hạn chế tối đa rủi ro trục lợi bảo hiểm và lựa chọn đối nghịch. Đồng thời, Bảo Việt Nhân thọ đưa ra các quy định về triển khai sản phẩm như quy định đối tượng được chấp nhận bảo hiểm, đánh giá rủi ro và chấp nhận bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối đa, sản phẩm được bảo hiểm, bệnh viện được chấp nhận thanh toán quyền lợi bảo hiểm...; thực hiện định phí bảo hiểm đầy đủ, đảm bảo lợi nhuận và khả năng thanh toán trong tình huống bồi thường thực tế khác với giả định trong một giới hạn nhất định. Các phương pháp, công cụ được Bảo Việt Nhân thọ sử dụng để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm như mô hình đo lường rủi ro, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phân tích kịch bản. Các phương pháp actuary tiên tiến được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các sản phẩm bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm có thể cung cấp.

Công tác đánh giá rủi ro, chấp nhận bảo hiểm, giám định và giải quyết quyền lợi bảo hiểm đã được tăng cường thông qua việc hoàn thiện các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể, đào tạo cán bộ và xây dựng mối quan hệ hợp tác hiệu quả với đối tác liên quan... Đặc biệt, các công việc này đã được thực hiện tập trung và được quản lý thống nhất trong toàn hệ thống

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt

Để đạt mục tiêu mà hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm đặt ra, Bảo hiểm Bảo Việt đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, ngoài việc chủ động đa dạng hóa loại hình rủi ro bảo hiểm hướng về khách hàng cá nhân và qua kênh bán lẻ, Bảo hiểm Bảo Việt cũng áp dụng các tiêu chí lựa chọn rủi ro, cụ thể là không chấp nhận bảo hiểm đối với các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao. Bảo hiểm Bảo Việt cũng tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ và đưa ra các quy định về chấp nhận bảo hiểm đối với các nghiệp vụ khác nhau, các địa phương khác nhau để phân tán rủi ro, tránh tích tụ rủi ro ở cấp độ toàn Bảo hiểm Bảo Việt.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, năm 2020, Bảo hiểm Bảo Việt đã xác định lại tỉ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên kinh nghiệm tổn thất và dự báo, xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Bảo hiểm Bảo Việt chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, gia tăng dòng tiền vào để sinh lợi ở hoạt động đầu tư tài chính.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực, nếu phát sinh thêm rủi ro tín dụng, tức người tham gia bảo hiểm mất khả năng nộp phí bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ chủ động chấm dứt hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm để chấm dứt nghĩa vụ phát sinh về phí tái bảo hiểm, thuế, hay về bồi thường nếu xảy ra tổn thất.

Bảo hiểm Bảo Việt cũng áp dụng triệt để các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác và với chính người tham gia bảo hiểm như đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, áp dụng miễn thường, đối với các nghiệp vụ bảo hiểm không trực tiếp mua tái bảo hiểm. Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm còn lại, Bảo hiểm Bảo Việt yêu cầu thu xếp tái bảo hiểm theo vụ trước khi cấp đơn bảo hiểm gốc cũng như mua các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường theo vụ và theo nghiệp vụ.

Việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã được thực hiện theo 2 cấp. Những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại Bảo hiểm Bảo Việt. Những vụ tổn thất nhỏ mà các đơn vị thành viên đã có kinh nghiệm tiếp nhận và giải quyết được xử lý tại các công ty thành viên. Bảo hiểm Bảo Việt cũng chủ trương đẩy nhanh tốc độ xử lý khiếu nại và giải quyết bồi thường để tránh các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình giám định và bồi thường như rủi ro tỉ giá tăng, lạm phát, tổn thất gia tăng, các rủi ro đạo đức,...

Bảo hiểm Bảo Việt đã xây dựng và đưa vào phục vụ kinh doanh thành công Trung tâm dịch vụ khách hàng để hoàn thiện thêm một bước quy trình khai thác bảo hiểm và đặc biệt là quy trình tiếp nhận thông báo tai nạn, giám định tổn thất và giải quyết bồi thường. Bảo hiểm Bảo Việt cũng đã triển khai phần mềm InsureJ và xây dựng mô hình Trung tâm cấp đơn và giám định bồi thường để đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường tập trung tới cấp Công ty thành viên. Phần mềm cũng cho phép ghi nhận thông tin khách hàng, thông tin hợp đồng bảo hiểm, thông tin tổn thất một cách chính xác và kịp thời nhất, phục vụ phân tích, đánh giá và ra quyết định quản lý rủi ro.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 *Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)*

41.1.2 *Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm*

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ là đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và dựa trên một danh mục đủ lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm bảo hiểm chính của Bảo Việt Nhân thọ và cách thức Bảo Việt Nhân thọ quản lý các rủi ro liên quan:

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống

Các đặc tính sản phẩm - Đặc điểm cơ bản của hoạt động bảo hiểm truyền thống dài hạn là cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong được đảm bảo xác định từ thời điểm phát hành hợp đồng. Các sản phẩm bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm đều được đảm bảo quyền lợi đáo hạn, quyền lợi nhận giá trị hoàn lại, số tiền bảo hiểm giảm khi dừng đóng phí bảo hiểm và quyền lợi định kỳ (đối với một số sản phẩm). Đối với một số sản phẩm (như sản phẩm dành cho trẻ em), bên mua bảo hiểm sẽ được hưởng quyền lợi miễn nộp phí bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm chết, trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn, hoặc khi người được bảo hiểm trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn cũng được chi trả trong trường hợp người được bảo hiểm bị lâm vào tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn đối với sản phẩm dành cho trẻ em và các sản phẩm khác. Bên cạnh đó, trong một số sản phẩm quyền lợi bảo hiểm thương tật nghiêm trọng do tai nạn hoặc quyền lợi bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng được cung cấp trong trường hợp sự kiện bảo hiểm tương ứng xảy ra với người được bảo hiểm.

Các sản phẩm nhân thọ truyền thống với cấu phần không đảm bảo cho phép bên mua bảo hiểm được tham gia chia lãi trên cơ sở quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ chia lãi của các sản phẩm này hoặc bảo tức. Các quỹ này đưa ra mức lãi chia hàng năm dưới dạng lãi chia bằng tiền mặt tích lũy vào cuối năm tài chính và phải trả các chủ hợp đồng bảo hiểm tại ngày kỷ niệm hợp đồng cho mỗi giai đoạn năm (05) năm. Với sản phẩm chia lãi dưới hình thức bảo tức, bảo tức hàng năm và lãi chia cuối hợp đồng được cung cấp.

Các nguyên tắc phân chia lợi nhuận giữa các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ:

(i) Phản ánh tình hình tài chính của quỹ chủ hợp đồng chia lãi tương ứng của Bảo Việt Nhân thọ;

(ii) Xem xét kỳ vọng thích đáng của các chủ hợp đồng bảo hiểm;

(iii) Cân bằng lợi ích giữa chủ hợp đồng bảo hiểm và chủ sở hữu; và

(iv) Tuân thủ các quy định liên quan.

Quản trị rủi ro - Bảo Việt Nhân thọ được toàn quyền quyết định mức lãi chia, bảo tức công bố theo hợp đồng trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ quy định hiện hành. Trên thực tế, Bảo Việt Nhân thọ sẽ xem xét các kỳ vọng thích đáng khi đặt ra mức lãi chia/bảo tức. Mục đích của Bảo Việt Nhân thọ là duy trì tỷ lệ lãi chia/bảo tức ổn định và hợp lý dựa trên tỷ suất lợi tức dài hạn. Công việc soát xét hàng năm sẽ được thực hiện để đảm bảo tỷ lệ lãi chia/bảo tức là hợp lý khi xem xét kinh nghiệm tổng thể về các khoản đầu tư, bồi thường, chi phí hoạt động và hủy hợp đồng.

Rủi ro đầu tư được quản lý thông qua việc cân đối giữa tài sản và các khoản nợ. Các chiến lược đầu tư được xây dựng nhằm đáp ứng hợp lý mức lợi suất đầu tư kỳ vọng của các chủ hợp đồng bảo hiểm trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành. Rủi ro tử vong, thương tật, bệnh tật được quản lý thông qua việc thực hiện đúng quy trình bán hàng, phát hành hợp đồng bảo hiểm, giám định xác minh và bồi thường bảo hiểm, theo dõi kinh nghiệm.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Các đặc tính sản phẩm - Bảo Việt Nhân thọ hiện đang cung cấp các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung với cả hai yếu tố bảo vệ và đầu tư trong quỹ liên kết chung bao gồm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung hỗn hợp có thời hạn bảo hiểm mười lăm, hai mươi hoặc hai mươi lăm (15, 20 hoặc 25) năm, sản phẩm bảo hiểm liên kết chung dành cho trẻ em và sản phẩm bảo hiểm liên kết chung trọn đời.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung (tiếp theo)

Bên mua bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung có thể lựa chọn quyền lợi bảo hiểm rủi ro (tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn) là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm gia tăng hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm gia tăng và quyền lợi đáo hạn là giá trị tài khoản của người tham gia hợp đồng bảo hiểm. Thêm vào đó, với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung dành cho trẻ em bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn mức Quyền lợi hỗ trợ tài chính tại thời điểm tham gia hợp đồng.

Hợp đồng liên kết chung cung cấp lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu trong trường hợp xảy ra tử vong, hủy hợp đồng và khi hợp đồng đáo hạn.

Sản phẩm liên kết chung còn cung cấp quyền lợi Duy trì hợp đồng và Quyền lợi gia tăng giá trị tài khoản nhằm gia tăng giá trị cho những hợp đồng có giá trị tài khoản lớn và/hoặc đóng phí đều đặn.

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ sau khi trừ đi phí ban đầu. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản hợp đồng.

Các sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện

Các đặc tính sản phẩm - Bảo Việt Nhân thọ triển khai 02 sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bao gồm sản phẩm hưu trí nhóm và sản phẩm hưu trí cá nhân cung cấp kế hoạch tài chính cho tuổi nghỉ hưu bên cạnh yếu tố bảo vệ cho các đối tượng khách hàng khác nhau. Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn tuổi nghỉ hưu cho Người được bảo hiểm và lựa chọn hình thức đóng góp (một lần hoặc định kỳ đến tuổi nghỉ hưu). Đối với sản phẩm hưu trí nhóm, khoản đóng góp có thể đến từ cả hai đối tượng Bên mua bảo hiểm và Thành viên được bảo hiểm.

Các quyền lợi chính của các sản phẩm bao gồm quyền lợi hưu trí, quyền lợi bảo hiểm tử vong, quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn, quyền lợi trợ cấp mai táng, quyền lợi rút tài khoản, quyền lợi duy trì tài khoản. Khi Người được bảo hiểm đạt tuổi nghỉ hưu, quyền lợi hưu trí sẽ được trích ra từ Giá trị tài khoản hưu trí để chi trả định kỳ trong một khoảng thời gian xác định hoặc đến khi Người được bảo hiểm tử vong, tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm. Quyền lợi tử vong và quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn có thể được lựa chọn là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm. Quyền lợi trợ cấp mai táng được chi trả ngay lập tức khi Người được bảo hiểm tử vong theo mọi nguyên nhân, và sẽ được đối trừ khi chi trả quyền lợi tử vong hoặc bất kỳ khoản chi trả nào sau đó. Tùy theo điều khoản của từng sản phẩm, Người được bảo hiểm rút tài khoản hoặc chuyển giao tài khoản trong một số trường hợp. Các sản phẩm hưu trí còn cung cấp quyền lợi duy trì tài khoản nhằm gia tăng giá trị cho những tài khoản hưu trí lớn và/hoặc có đóng góp đều đặn.

Lãi suất đầu tư tối thiểu đối với sản phẩm hưu trí tự nguyện được cam kết cho từng năm tài khoản bảo hiểm hưu trí (cam kết "cứng").

Khoản đóng góp thu được sẽ được chuyển vào Quỹ hưu trí tự nguyện của Bảo Việt Nhân thọ sau khi trừ đi Phí ban đầu. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý Tài khoản bảo hiểm hưu trí và phí quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện sẽ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản hưu trí. Đối với sản phẩm hưu trí nhóm, các loại phí có thể được áp dụng khác nhau tùy theo đặc điểm của từng nhóm.

Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe

Các đặc tính sản phẩm - Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đều được đảm bảo quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm rủi ro nhưng không có quyền lợi đáo hạn và giá trị hoàn lại. Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe không tham gia chia lãi.

Về thời hạn bảo hiểm, Bảo Việt Nhân thọ đang cung cấp hai loại thời hạn đối với sản phẩm bảo hiểm sức khỏe: tái tục hàng năm (thời hạn bảo hiểm bằng 01 năm) và dài hạn (thời hạn bảo hiểm trên 01 năm).

Quản trị rủi ro - Rủi ro thương tật, bệnh tật, nằm viện... được quản lý thông qua việc thiết kế sản phẩm, định phí, thực hiện đúng quy trình bán hàng, phát hành hợp đồng bảo hiểm, giám định xác minh và bồi thường, theo dõi kinh nghiệm.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 *Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)*

41.1.2 *Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)*

Các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

Bảo hiểm Bảo Việt tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ Tài chính về nợ phí bảo hiểm và xử lý nợ phí bảo hiểm để đảm bảo hạn chế việc bị chiếm dụng dòng tiền.

Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục duy trì chính sách quản lý dòng tiền, đảm bảo duy trì được thanh khoản, đáp ứng nhu cầu chi bồi thường và tận dụng tối đa nguồn tiền nhàn rỗi để sinh lợi trong năm 2020.

41.1.3 *Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm*

Bảng tổng hợp số liệu về tình hình bồi thường

Bảng dưới đây thể hiện các ước tính về bồi thường thuần phát sinh dồn tích, cùng với các khoản thanh toán dồn tích tính đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị tính: triệu VND

CHỈ TIÊU		Năm tổn thất					
		2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
	Năm bồi thường	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**
I.	**Số ước tính chi bồi thường luỹ kế**						
	1	2.434.993	2.954.365	4.034.625	3.751.268	3.088.899	
	2	2.605.523	3.718.676	4.210.835	4.406.726	-	
	3	2.450.660	3.532.364	4.069.402	-	-	
	4	2.596.553	3.583.345	-	-	-	
	5	2.495.666	-	-	-	-	
	Số ước tính chi bồi thường luỹ kế đến năm hiện tại (1)	**2.495.666**	**3.583.345**	**4.069.402**	**4.406.726**	**3.088.899**	**17.644.038**
II.	**Số đã chi trả bồi thường luỹ kế**						
	1	1.992.373	2.424.100	2.757.013	3.146.324	1.407.772	-
	2	2.364.512	3.294.708	3.811.575	3.720.755	-	-
	3	2.409.102	3.415.379	3.929.080	-	-	-
	4	2.470.259	3.491.930	-	-	-	-
	5	2.481.838	-	-	-	-	-
	Số đã chi trả bồi thường luỹ kế đến năm hiện tại (2)	**2.481.838**	**3.491.930**	**3.929.080**	**3.720.755**	**1.407.772**	**15.031.374**
III.	**Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3) = (1) – (2)**	**13.828**	**91.415**	**140.322**	**685.971**	**1.681.127**	**2.612.664**
IV.	**Ước thâm hụt dự phòng bồi thường (4)**	**(60.673)**	**(628.979)**	**(34.777)**	**(655.458)**	**-**	
V.	**Tỷ lệ % thâm hụt dự phòng trên số ước tính chi bồi thường (5) = (4)/(1)*100%**	**-2%**	**-18%**	**-1%**	**-15%**	**0%**	

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Các yếu tố tác động đến lợi nhuận báo cáo và vốn chủ sở hữu

Hoạt động bảo hiểm, cùng với hoạt động đầu tư là hai hoạt động sinh lợi chính của Bảo hiểm Bảo Việt, trong đó lợi nhuận của hoạt động bảo hiểm đóng góp một phần nhỏ vào lợi nhuận chung của Bảo hiểm Bảo Việt.

Đối với Bảo Việt Nhân thọ, lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm phụ thuộc rất lớn vào các rủi ro như rủi ro lãi suất chiết khấu, tỷ lệ tử vong. Bảo Việt Nhân thọ đã thực hiện thử nghiệm các mô hình định giá dựa trên các giả định khác nhau. Việc phân tích độ nhạy với từng tình huống cho thấy cái nhìn rõ hơn với các rủi ro chính mà Bảo Việt Nhân thọ có thể gặp phải. Bảng trình bày dưới đây chỉ ra độ nhạy của các ước tính trách nhiệm bảo hiểm đối với từng thay đổi cụ thể trong các giả định sử dụng trong quá trình ước tính. Một số biến nhất định dự kiến sẽ ảnh hưởng đến các trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm lớn hơn các biến khác, và vì vậy dự kiến sẽ có độ nhạy lớn hơn đối với các biến này.

Ảnh hưởng tới lợi nhuận báo cáo do ảnh hưởng của các biến số chính:

Đơn vị: triệu VND

	Thay đổi biến (%)	Thay đổi trách nhiệm bảo hiểm	Ảnh hưởng đến nguồn vốn chủ sở hữu
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Tỷ lệ chiết khấu	+0,25	(1.110.687)	888.550
Tỷ lệ chiết khấu	-0,25	1.230.826	(984.661)
Tỷ lệ tử vong	+10	201.596	(161.277)
Tỷ lệ tử vong	-10	(198.934)	159.147
Tỷ lệ tử vong	+20	409.519	(327.615)
Tỷ lệ tử vong	-20	(393.475)	314.780
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Tỷ lệ chiết khấu	+0,25	(933.366)	746.693
Tỷ lệ chiết khấu	-0,25	1.078.789	(863.031)
Tỷ lệ tử vong	+10	212.853	(170.282)
Tỷ lệ tử vong	-10	(173.814)	139.051
Tỷ lệ tử vong	+20	464.880	(371.904)
Tỷ lệ tử vong	-20	(309.546)	247.637

Phân tích trên được lập với giả định các giả định khác không đổi khi thay đổi một biến số và bỏ qua thay đổi về giá trị của các tài sản liên quan.

Tích tụ rủi ro

Rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm hầu hết các loại rủi ro bảo hiểm phi nhân thọ như rủi ro bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, rủi ro bảo hiểm tàu thủy, rủi ro bảo hiểm hàng không, rủi ro bảo hiểm dầu khí, rủi ro bảo hiểm tài sản, rủi ro bảo hiểm con người, rủi ro bảo hiểm kỹ thuật,... Do vậy ngoài rủi ro tích tụ cùng loại rủi ro, Bảo hiểm Bảo Việt còn đối mặt với rủi ro tích tụ các loại rủi ro liên quan, chẳng hạn như bảo hiểm đồng thời tàu và hàng, bảo hiểm đồng thời tài sản và con người,... Năm 2020, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục thực hiện các chính sách, quy trình khai thác để quản lý rủi ro tích tụ và duy trì các các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm khi xảy ra sự kiện rủi ro tích tụ hoặc thảm họa.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Tích tụ rủi ro (tiếp theo)

Những rủi ro chính đối với Bảo Việt Nhân thọ như rủi ro tử vong, rủi ro bệnh tật, rủi ro tuổi thọ, rủi ro từ hoạt động đầu tư, rủi ro chi phí, rủi ro từ việc ra quyết định của người được bảo hiểm không có khác biệt lớn giữa các vùng miền, theo loại hình được bảo hiểm hay theo ngành.

Chiến lược khai thác bảo hiểm nhân thọ của Bảo Việt Nhân thọ được thiết kế nhằm đảm bảo rằng những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và mức độ của các quyền lợi bảo hiểm. Điều này phần lớn đạt được thông qua việc khai thác bảo hiểm trên tất cả ngành, vùng lãnh thổ địa lý, sử dụng các chương trình y tế để đảm bảo rằng việc định giá sản phẩm đã tính đến các điều kiện sức khỏe hiện tại và tiền sử sức khỏe của gia đình, đặc thù nghề nghiệp những người làm việc trong từng ngành, rà soát thường xuyên các vụ bồi thường thực tế và quy trình định giá các sản phẩm cũng như quy trình giải quyết bồi thường. Các hạn mức khai thác được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp. Ví dụ, Bảo Việt Nhân thọ có quyền không tái tục các hợp đồng riêng lẻ, có thể áp dụng các mức khấu trừ và có quyền từ chối thanh toán các khiếu nại gian lận. Hợp đồng bảo hiểm cũng cho phép Bảo Việt Nhân thọ có quyền thu đòi các bên thứ ba một phần hoặc toàn bộ các chi phí. Bảo Việt Nhân thọ củng cố chính sách chủ động quản lý và thu đòi bồi thường để giảm các rủi ro không dự đoán trước được trong tương lai có thể ảnh hưởng không tốt trực tiếp đến Bảo Việt Nhân thọ.

Tái bảo hiểm

Tái bảo hiểm là một công cụ quản lý rủi ro quan trọng và hữu hiệu tại Bảo hiểm Bảo Việt. Chương trình tái bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm các hợp đồng tái bảo hiểm cố định được thực hiện với thời hạn 1 năm và tái bảo hiểm tạm thời được thực hiện theo từng dịch vụ. Các đối tác tái bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt đều là các công ty bảo hiểm lớn trên thế giới có xếp hạng tín nhiệm cao và đã có quan hệ hợp tác lâu dài với Bảo hiểm Bảo Việt như Munich Re, Swiss Re. Chương trình tái bảo hiểm đã được xây dựng đã tăng khả năng bảo hiểm cho Bảo hiểm Bảo Việt, bảo vệ Bảo hiểm Bảo Việt trước các rủi ro và tổn thất lớn, đồng thời hỗ trợ tích cực cho Bảo hiểm Bảo Việt trong việc đảm bảo biên khả năng thanh toán.

Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính, mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, kinh nghiệm của Bảo Việt Nhân thọ. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm hoặc theo thỏa thuận, bên nhận tái bảo hiểm đồng ý chi trả số tiền tương ứng đã nhận tái bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm. Trong mọi trường hợp, Bảo Việt Nhân thọ phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với chủ hợp đồng kể cả khi bên nhận tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ. Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro đối tác/tín dụng, để giảm thiểu rủi ro, Bảo Việt Nhân thọ chỉ thiết lập thỏa thuận tái bảo hiểm với những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Ước tính quyền lợi bảo hiểm

Bảng dưới đây thể hiện mức độ tập trung của các khoản phải trả hợp đồng bảo hiểm nhân thọ theo loại hình hợp đồng:

Đơn vị: triệu VND

	Trách nhiệm theo các hợp đồng bảo hiểm và đầu tư có cấu phần không đảm bảo	Trách nhiệm theo các hợp đồng bảo hiểm không có cấu phần không đảm bảo	Tổng
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Điều khoản riêng	439	535.593	536.032
Trọn đời	89.177	-	89.177
Tử kỳ	-	11.177	11.177
Hỗn hợp	19.089.556	23.879.914	42.969.470
Liên kết chung	-	52.312.900	52.312.900
Niên kim	1.180.743	-	1.180.743
Hưu trí	-	738.757	738.757
Bảo hiểm sức khỏe	-	2.892	2.892
	20.359.914	**77.481.234**	**97.841.148**
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Điều khoản riêng	1.551	440.256	441.808
Trọn đời	88.321	-	88.321
Tử kỳ	-	10.656	10.656
Hỗn hợp	15.776.858	20.727.431	36.504.288
Liên kết chung	-	39.850.603	39.850.603
Niên kim	1.172.793	-	1.172.793
Hưu trí	-	604.564	604.564
Khác	96.425	-	96.425
	17.135.947	**61.633.510**	**78.769.457**

Ước tính bồi thường

Để quản lý hiệu quả rủi ro bảo hiểm, quy trình tiếp nhận thông tin tổn thất, ước tính, thống kê và quản lý dữ liệu bồi thường là một công tác được Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện thêm quy trình thống kê và quản lý bồi thường để ước tính và trích vào chi phí đúng kỳ các khoản chi trả bồi thường có thể phát sinh. Đồng thời, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục áp dụng quản lý tập trung hoạt động giám định và bồi thường bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm chi phí y tế trên địa bàn trọng điểm tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh nhằm kiểm soát và nâng cao chất lượng giám định, bồi thường xe cơ giới.

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm hoặc cuối kỳ báo cáo chưa được giải quyết; dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh, thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường. Thông tin tổn thất sẽ được cập nhật vào hệ thống quản lý nghiệp vụ khi Bảo hiểm Bảo Việt nhận được thông báo từ phía khách hàng. Số tiền bồi thường ước tính thường không chênh lệch lớn so với chi bồi thường thực trả do tổn thất ước tính được xác định dựa trên thông tin tổn thất và tỷ lệ bồi thường quy định theo từng loại sản phẩm bảo hiểm.

Đại dịch Covid-19 đã gây sụt giảm doanh thu bảo hiểm do lệnh cách ly xã hội và thu nhập của khách hàng bị giảm sút. Tuy nhiên, do Chính phủ đang tài trợ toàn bộ chi phí liên quan đến xét nghiệm và điều trị bệnh, dịch bệnh chưa làm gia tăng chi phí bồi thường của các công ty con kinh doanh bảo hiểm. Về dài hạn, các công ty con kinh doanh bảo hiểm tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến của dịch bệnh và phân tích tác động của đại dịch Covid-19 tới tỷ lệ tử vong, bệnh tật trên đối tượng khách hàng được bảo hiểm. Trong trường hợp có ảnh hưởng trọng yếu, Tập đoàn sẽ xem xét điều chỉnh giả định tính toán trong thiết kế sản phẩm mới cũng như trích lập dự phòng bổ sung đối với các sản phẩm hiện hành để đảm bảo trách nhiệm với khách hàng.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 *Quản lý rủi ro tài chính*

Các giao dịch công cụ tài chính có thể mang rủi ro tài chính cho Tập đoàn và các công ty con. Những rủi ro này bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Điều hành Tập đoàn xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

41.2.1 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng được định nghĩa là nguy cơ xảy ra tổn thất do khả năng trả nợ của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi khi khoản vay đến hạn.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn có thể phát sinh từ hoạt động tín dụng bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác) và hoạt động kinh doanh khác. Ban Điều hành đã ban hành khung quản lý rủi ro tín dụng để quản lý chất lượng tín dụng và rủi ro tập trung.

Tín dụng bảo hiểm

Rủi ro tín dụng bảo hiểm là nguy cơ người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm theo các điều kiện và điều khoản được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Rủi ro này phát sinh chủ yếu tại Bảo hiểm Bảo Việt, khi Bảo hiểm Bảo Việt chưa thu được phí bảo hiểm nhưng do hợp đồng bảo hiểm đã phát sinh hiệu lực nên vẫn phải nộp thuế GTGT, phát sinh chi phí phát hành và quản lý hợp đồng, chuyển phí nhượng tái bảo hiểm và nếu tổn thất phát sinh Bảo hiểm Bảo Việt vẫn phải thanh toán bồi thường.

Để giảm thiểu rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành các quy định và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về nợ phí bảo hiểm.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm đối với tổn thất cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt cũng phải đối mặt với rủi ro tín dụng khi các nhà nhận tái bảo hiểm này không thanh toán được phần trách nhiệm của họ cho Bảo hiểm Bảo Việt. Bảo hiểm Bảo Việt đã rất chú trọng việc kiểm soát rủi ro này khi tập trung nhượng tái bảo hiểm cho các công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư tiền gửi

Rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi được hiểu là nguy cơ không thu hồi được cả gốc và lãi theo thời hạn đã ấn định trong hợp đồng xảy ra do tổ chức tín dụng phá sản, bị tụt hạng tín dụng hoặc mất khả năng thanh khoản.

Tập đoàn đã ban hành Quy định về việc chấm điểm, phân loại và xác định hạn mức đầu tư tiền gửi đối với ngân hàng thương mại và công ty tài chính kèm theo Quyết định số 1018/2020/QĐ-TĐBV ngày 03 tháng 08 năm 2020. Quy định này được xây dựng trên cơ sở Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhằm chuẩn hóa mô hình phân tích tín dụng nội bộ áp dụng tại Tập đoàn và các công ty con. Hội đồng QLRR Tập đoàn Bảo Việt xác định hạn mức tín dụng tại các ngân hàng mà Tập đoàn được phép gửi tiền và các hạn mức này được rà soát định kỳ. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Hội đồng QLRR Tập đoàn rà soát mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp.

Đầu tư trái phiếu

Rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư trái phiếu là nguy cơ không thu hồi được mệnh giá trái phiếu và lãi trái phiếu của bên phát hành trái phiếu khi đến hạn thanh toán. Để quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu, Tập đoàn xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản; ban hành Quy định của Tập đoàn về quản lý rủi ro trong đầu tư trái phiếu doanh nghiệp kèm theo Quyết định số 1129/2020/QĐ-TĐBV ngày 27 tháng 08 năm 2020 (thay thế Quy định về Quản lý rủi ro trong đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp của Tập đoàn kèm theo Quyết định số 1762/2019/QĐ-TĐBV ngày 26 tháng 12 năm 2019) nhằm quản lý chặt hơn tình hình tài chính, phi tài chính của tổ chức phát hành và biến động giá trị tài sản đảm bảo.

Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con sẽ tiến hành thành lập Hội đồng xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi và tiến hành xử lý tài sản đảm bảo (nếu có).

Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn trái phiếu doanh nghiệp và đang chiếm tỷ trọng lớn trong tổng danh mục đầu tư trái phiếu nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp. Tập đoàn chưa nhận thấy ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến rủi ro tín dụng của danh mục đầu tư trái phiếu của toàn Tập đoàn.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Rủi ro tín dụng trong hoạt động giao dịch ký quỹ xảy ra khi khách hàng không thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của khoản vay ký quỹ dù đã bán hết chứng khoán là tài sản đảm bảo. BVSC tiếp tục duy trì các chính sách quản trị mà tính hiệu quả đã được kiểm chứng:

- Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát nhóm các khách hàng có rủi ro tích tụ, tuân thủ theo hạn mức rủi ro BVSC đã ban hành.
- Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch chứng khoán. Thường xuyên cập nhật thông tin cổ phiếu trên thị trường để sớm nhận diện và đưa ra cảnh báo sớm các mã có dấu hiệu mất thanh khoản, giảm giá kéo dài.
- Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, thực hiện công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và tiến hành công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho BVSC trong quá trình cho vay ký quỹ.

Rủi ro tín dụng đối với hoạt động giao dịch ký quỹ được đánh giá ở mức trung bình.

Phải thu khách hàng khác

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Do các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến các khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định. Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng dựa trên tổn thất ước tính khi có bằng chứng các khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng lẻ	Bị giảm giá trị riêng lẻ (*)	Tổng
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.780.742	-	-	6.780.742
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	732.123	41.409	15.784	789.316
Phải thu tái bảo hiểm	704.066	-	-	704.066
Tài sản tái bảo hiểm	2.246.696	-	-	2.246.696
Các khoản phải thu khác	77.855	-	-	77.855
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*71.586*	-	-	*71.586*
- Phải thu cổ tức	*6.269*	-	-	*6.269*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	121.507.403	-	-	121.507.403
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*85.165.335*	-	-	*85.165.335*
- Trái phiếu	*36.342.068*	-	-	*36.342.068*
Chứng khoán kinh doanh	365.575	-	-	365.575
- Trái phiếu	*365.575*	-	-	*365.575*
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	4.608.567	802	1.286	4.610.655
Các tài sản khác	173.831	3.053	3.136	180.020
TỔNG CỘNG	**137.196.858**	**45.264**	**20.206**	**137.262.328**

(*) Số liệu trình bày bao gồm các khoản dự phòng đã trích lập.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng lẻ	Bị giảm giá trị riêng lẻ (*)	Tổng
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.742.602	-	-	4.742.602
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	1.528.120	51.583	11.404	1.591.107
Phải thu tái bảo hiểm	909.630	-	-	909.630
Tài sản tái bảo hiểm	3.041.375	-	-	3.041.375
Các khoản phải thu khác	68.012	-	-	68.012
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*64.044*	-	-	*64.044*
- Phải thu cổ tức	*3.968*	-	-	*3.968*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	104.479.624	-	-	104.479.624
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*70.779.138*	-	-	*70.779.138*
- Trái phiếu	*33.700.486*	-	-	*33.700.486*
Chứng khoán kinh doanh	250.402	-	-	250.402
- Trái phiếu	*250.402*	-	-	*250.402*
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	3.482.161	2.015	1.457	3.485.633
Các tài sản khác	243.942	4.212	2.730	250.884
TỔNG CỘNG	**118.745.868**	**57.810**	**15.591**	**118.819.269**

(*) Số liệu trình bày bao gồm các khoản dự phòng đã trích lập

Các tài sản của Tập đoàn chưa quá hạn và không giảm giá trị bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác chưa quá hạn và không giảm giá trị theo Thông tư 48.

Trong đó:

- ***Chưa quá hạn và không giảm giá trị:*** các tài sản hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.
- ***Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng lẻ:*** các tài sản với lãi suất và nợ gốc đã quá hạn nhưng Tập đoàn tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.
- ***Bị giảm giá trị riêng lẻ:*** các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà Tập đoàn cho rằng không thể thu hồi đầy đủ lãi và nợ gốc theo các điều khoản của hợp đồng.

Tập đoàn trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản phải thu theo quy định tại Thông tư 48. Trong tổng tài sản quá hạn, Tập đoàn đang làm thủ tục xóa nợ đối với những khoản nợ đã đủ cơ sở xóa nợ nhưng không thu được. Đối với những khoản nợ không thu được nhưng chưa đủ cơ sở xóa nợ, Tập đoàn đang làm các thủ tục khởi kiện. Đối với những khoản nợ mà bên nợ vẫn có khả năng trả nợ, Tập đoàn đã làm các thủ tục xác nhận nợ và xúc tiến việc thu nợ.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và nợ phải trả trong ngắn hạn.

Mục tiêu của Tập đoàn là đảm bảo cân đối các luồng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn tiếp tục tiến hành phân tích thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính và thông tin về luồng tiền ước tính. Phân tích các nhu cầu thanh khoản trong quá khứ để thấy những biến động về nhu cầu này và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét và báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO). Ủy ban sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp.

Mặc dù đại dịch Covid-19 làm sụt giảm nhẹ doanh thu đối với một số nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, dịch bệnh cũng đồng thời làm giảm chi phí bồi thường trong thời gian giãn cách xã hội, do đó thanh khoản toàn Tập đoàn không bị ảnh hưởng.

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	6.780.742	-	-	6.780.742
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	57.193	-	732.123	-	-	789.316
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	704.066	-	-	704.066
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	2.246.696	-	-	2.246.696
Các khoản phải thu khác	-	-	77.855	-	-	77.855
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	*71.586*	-	-	*71.586*
- Phải thu cổ tức	-	-	*6.269*	-	-	*6.269*
Đầu tư tài chính	-	2.681.635	76.817.790	27.691.448	57.506.110	164.696.983
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	76.444.345	27.691.448	57.506.110	161.641.903
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-	-	*72.911.395*	*15.191.301*	-	*88.102.696*
- Trái phiếu	-	-	*3.532.950*	*12.500.147*	*57.506.110*	*73.539.207*
Chứng khoán kinh doanh	-	1.927.850	373.445	-	-	2.301.295
- Cổ phiếu niêm yết	-	*1.453.086*	-	-	-	*1.453.086*
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	*198.892*	-	-	-	*198.892*
- Chứng chỉ quỹ	-	*275.872*	-	-	-	*275.872*
- Trái phiếu	-	-	*373.445*	-	-	*373.445*
Đầu tư tài chính khác	-	753.785	-	-	-	753.785
Cho vay và tạm ứng khách hàng	2.088	-	4.608.567	-	-	4.610.655
Các tài sản khác	6.189	-	173.831	-	-	180.020
TỔNG CỘNG	**65.470**	**2.681.635**	**92.141.670**	**27.691.448**	**57.506.110**	**180.086.333**

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	13.778	-	(11.514.011)	(33.239.317)	168.262.091	123.522.541
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	1.328.277	-	-	1.328.277
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	1.338.293	-	-	1.338.293
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	15.292.402	-	-	15.292.402
- Nhận ký quỹ	-	-	*246.647*	-	-	*246.647*
- Khác	-	-	*15.045.755*	-	-	*15.045.755*
TỔNG CỘNG	**13.778**	**-**	**6.444.961**	**(33.239.317)**	**168.262.091**	**141.481.513**

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	4.742.602	-	-	4.742.602
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	62.987	-	1.528.120	-	-	1.591.107
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	909.630	-	-	909.630
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	3.041.375	-	-	3.041.375
Các khoản phải thu khác	-	-	68.012	-	-	68.012
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	*64.044*	-	-	*64.044*
- Phải thu cổ tức	-	-	*3.968*	-	-	*3.968*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	67.499.226	22.559.513	54.169.486	144.228.225
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-	-	*63.169.049*	*10.885.258*	*150.500*	*74.204.807*
- Trái phiếu	-	-	*4.330.177*	*11.674.255*	*54.018.986*	*70.023.418*
Chứng khoán kinh doanh	-	2.318.679	268.454	-	-	2.587.133
- Cổ phiếu niêm yết	-	*1.531.584*	-	-	-	*1.531.584*
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	*541.299*	-	-	-	*541.299*
- Chứng chỉ quỹ	-	*245.796*	-	-	-	*245.796*
- Trái phiếu	-	-	*268.454*	-	-	*268.454*
Đầu tư tài chính khác	-	598.177	-	-	-	598.177
Cho vay và tạm ứng khách hàng	3.472	-	3.482.161	-	-	3.485.633
Các tài sản khác	6.942	-	243.942	-	-	250.884
TỔNG CỘNG	**73.401**	**2.916.856**	**81.783.522**	**22.559.513**	**54.169.486**	**161.502.778**

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	10.641	-	(7.908.665)	(23.549.138)	185.755.155	154.307.993
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	1.313.143	-	-	1.313.143
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	1.934.910	-	-	1.934.910
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	16.496.708	-	-	16.496.708
- Nhận ký quỹ	-	-	*222.129*	-	-	*222.129*
- Khác	-	-	*16.274.579*	-	-	*16.274.579*
TỔNG CỘNG	**10.641**	**-**	**11.836.096**	**(23.549.138)**	**185.755.155**	**174.052.754**

41.2.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái hay giá cả hàng hóa.

Mục tiêu của Tập đoàn là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với chiến lược đầu tư của Tập đoàn.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Bảng sau minh họa ảnh hưởng của biến động tỷ giá ngoại tệ giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với giả định là các yếu tố khác không đổi:

Đơn vị: triệu VND

Biến động	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế
Năm nay	
+10%	6.002
- 10%	(6.002)
Năm trước	
+10%	21.941
- 10%	(21.941)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư trái phiếu và tiền gửi có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp để đáp ứng các khoản phải trả trong tương lai. Việc cắt giảm lãi suất ngân hàng theo điều hành của Ngân hàng Nhà nước để kích thích nền kinh tế trong năm 2020 đã làm ảnh hưởng đến doanh thu tái đầu tư của danh mục lãi suất cố định. Tập đoàn thực hiện cân đối dòng tiền, danh mục đầu tư, thực hiện đầu tư với kỳ hạn phù hợp để đảm bảo hiệu quả đầu tư.

Đối với các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là nguy cơ xảy ra giá cổ phiếu niêm yết, giá cổ phiếu chưa niêm yết biến động mạnh trên thị trường chứng khoán. Rủi ro giá cổ phiếu có nguy cơ khi đầu tư quá nhiều vào một ngành, một công ty hoặc một nhóm công ty có chung chủ sở hữu. Tập đoàn quản lý rủi ro này bằng việc xây dựng quy định hạn mức vào một ngành, một công ty hoặc nhóm công ty; phân tích rủi ro hệ thống đến danh mục khi có biến động lớn của thị trường.

Dịch Covid-19 được kiểm soát chặt chẽ bởi Chính phủ.Tập đoàn thực hiện chiến lược thận trọng trong đầu tư cổ phiếu và duy trì tỷ trọng ở mức hợp lý trong toàn danh mục đầu tư.

Tập đoàn sử dụng công cụ Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro giá cổ phiếu niêm yết. VaR là phương pháp ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động của thị trường và giá trong khoảng thời gian nhất định, với mức độ tin cậy cho trước.

Đơn vị: triệu VND

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2020	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	1.511.560	476.298	1.987.858
Giá trị thị trường	2.255.994	565.152	2.821.146
VaR (95%, 1 ngày)	(52.015)	(19.736)	(71.751)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	51.162	4.658	55.820
VaR (95%, 1 tuần)	(116.310)	(44.132)	(160.441)
VaR (95%, 1 tháng)	(243.97)	(92.571)	(336.545)
VaR (95%, 1 năm)	(825.717)	(313.304)	(1.139.021)
Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2019			
Giá trị sổ sách	1.589.979	486.575	2.076.554
Giá trị thị trường	1.813.409	620.077	2.433.485
VaR (95%, 1 ngày)	(28.832)	(20.417)	(49.249)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	27.268	4.401	31.669
VaR (95%, 1 tuần)	(64.471)	(45.654)	(110.125)
VaR (95%, 1 tháng)	(135.236)	(95.764)	(231.000)
VaR (95%, 1 năm)	(457.701)	(324.109)	(781.810)

Giá trị rủi ro VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 71,75 tỷ đồng, nghĩa là với xác suất 95%, mức tổn thất tối đa của danh mục cổ phiếu niêm yết trong một ngày là 71,75 tỷ đồng.

VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cao hơn VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019; tỷ lệ phần trăm của VaR (95%, 1 ngày) so với giá thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (2,54%) cao hơn tỷ lệ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (2,13%).

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu (tiếp theo)

Tập đoàn còn sử dụng phương pháp phân tích kịch bản "stress testing" để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy, khi có sự biến động của chỉ số thị trường (chỉ số VN-Index hoặc HNX Index), các yếu tố còn lại không đổi, lợi nhuận trước thuế sẽ bị ảnh hưởng. Mối tương quan của các biến số cũng tác động đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro về giá:

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của danh mục cổ phiếu niêm yết (*) triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
Kịch bản 1	+10%	16.347
Kịch bản 2	-10%	(36.168)
Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
Kịch bản 1	+10%	42.583
Kịch bản 2	-10%	(68.652)

(*) Số liệu được tính toán áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định tại Thông tư 48 do đó ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của việc biến động giá cổ phiếu chỉ tính tới các cổ phiếu niêm yết mà giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính giảm xuống dưới giá gốc.

Rủi ro giá chứng chỉ quỹ

Biến động giá chứng chỉ quỹ mà Tập đoàn và các công ty con đầu tư và quản lý cũng được Tập đoàn và BVF xem xét, rà soát và đánh giá thường xuyên. Giá trị Tài sản ròng ("NAV") trên mỗi chứng chỉ quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào Giá trị Tài sản và những khoản thanh toán của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động của Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại chứng khoán như trái phiếu, cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà Quỹ đầu tư, khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thị giá của chứng chỉ quỹ.

Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện thông qua quá trình nghiên cứu thẩm định theo tiêu chí hoạt động của quỹ nhằm lựa chọn cơ hội đầu tư hiệu quả, tăng trưởng cao với mức rủi ro phù hợp. Bên cạnh đó, BVF theo dõi chặt chẽ về những biến động và xu hướng của nền kinh tế cũng như cập nhật thường xuyên về kết quả kinh doanh và đánh giá triển vọng trong tương lai để có những chiến lược đầu tư hợp lý.

Dịch bệnh Covid đã có những tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán Việt Nam. Nhằm giảm thiểu các tác động do thay đổi bất lợi của thị trường và lĩnh vực đầu tư, danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn được đa dạng hóa và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu được duy trì ở mức phù hợp trong toàn danh mục đầu tư.

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Tập đoàn vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan.

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các công cụ kỳ hạn cố định, công cụ vốn niêm yết và không niêm yết, các khoản cho vay và phải thu khách hàng, và các khoản phải thu tài chính khác. Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

  Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

  a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

     (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;

     (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

     (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

  b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

  Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

  a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

  b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và

  c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- ***Các khoản cho vay và phải thu:***

  Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

  a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

  b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

  c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- ***Tài sản sẵn sàng để bán:***

  Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

  a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;

  b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc

  c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay. Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ***Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

  Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

  a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

     (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;

     (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

     (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

  b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:***

  Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Đơn vị: triệu VND

	Giá trị ghi sổ			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Nguyên giá	Dự phòng giảm giá trị	Giá trị thuần	**Giá trị hợp lý**
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122.624.756	(1.117.352)	121.507.404	142.103.925
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*85.607.936*	*(442.600)*	*85.165.336*	*88.102.697*
- Trái phiếu	*37.016.820*	*(674.752)*	*36.342.068*	*54.001.228*
Chứng khoán kinh doanh	2.449.646	(156.221)	2.293.425	3.191.633
- Cổ phiếu niêm yết	*1.563.800*	*(110.714)*	*1.453.086*	*2.180.487*
- Cổ phiếu chưa niêm yết	*244.399*	*(45.507)*	*198.892*	*221.054*
- Chứng chỉ quỹ	*275.872*	-	*275.872*	*416.647*
- Trái phiếu	*365.575*	-	*365.575*	*373.445*
Đầu tư tài chính khác	874.538	(120.753)	753.785	1.218.309
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	4.603.098	(75.402)	4.527.696	4.527.696
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	1.050.798	(261.483)	789.315	799.790
Phải thu tái bảo hiểm	704.066	-	704.066	700.958
Tài sản tái bảo hiểm	2.246.696	-	2.246.696	2.246.696
Phải thu khác	341.618	(83.743)	257.875	257.875
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*71.586*	-	*71.586*	*71.586*
- Phải thu cổ tức	*6.269*	-	*6.269*	*6.269*
- Khác	*263.763*	*(83.743)*	*180.020*	*180.020*
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.780.742	-	6.780.742	6.780.742
TỔNG CỘNG	**141.675.958**	**(1.814.954)**	**139.861.004**	**161.827.624**

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Đơn vị: triệu VND

	Giá trị ghi sổ			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Nguyên giá	Dự phòng giảm giá trị	Giá trị thuần	**Giá trị hợp lý**
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	105.596.976	(1.117.352)	104.479.624	117.137.536
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*71.221.738*	*(442.600)*	*70.779.138*	*71.290.767*
- Trái phiếu	*34.375.238*	*(674.752)*	*33.700.486*	*45.846.769*
Chứng khoán kinh doanh	2.831.287	(262.206)	2.569.081	3.065.724
- Cổ phiếu niêm yết	*1.740.427*	*(208.843)*	*1.531.584*	*1.898.412*
- Cổ phiếu chưa niêm yết	*594.221*	*(52.922)*	*541.299*	*566.537*
- Chứng chỉ quỹ	*246.238*	*(441)*	*245.796*	*342.074*
- Trái phiếu	*250.402*	-	*250.402*	*258.701*
Đầu tư tài chính khác	809.596	(211.419)	598.177	992.849
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	3.488.848	(74.703)	3.414.145	3.414.145
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	1.835.808	(244.701)	1.591.107	1.603.811
Phải thu tái bảo hiểm	909.630	-	909.630	906.518
Tài sản tái bảo hiểm	3.041.375	-	3.041.375	3.041.375
Phải thu khác	396.333	(77.436)	318.897	318.897
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*64.044*	-	*64.044*	*64.044*
- Phải thu cổ tức	*3.968*	-	*3.968*	*3.968*
- Khác	*328.320*	*(77.436)*	*250.884*	*250.884*
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.742.602	-	4.742.602	4.742.602
TỔNG CỘNG	**123.652.455**	**(1.987.817)**	**121.664.638**	**135.223.457**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

Đơn vị: triệu VND

	Giá trị ghi sổ	**Giá trị hợp lý**
Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	100.166.026	100.166.026
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	1.313.552	1.313.552
Phải trả tái bảo hiểm	1.338.293	1.338.293
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	15.292.402	15.292.402
- Nhận ký quỹ	*246.647*	*246.647*
- Khác	*15.045.755*	*15.045.755*
Tổng cộng	**118.110.273**	**118.110.273**

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị: triệu VND

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	81.407.660	81.407.660
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	1.313.143	1.313.143
Phải trả tái bảo hiểm	1.934.910	1.934.910
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	16.496.708	16.496.708
- Nhận ký quỹ	*222.129*	*222.129*
- Khác	*16.274.579*	*16.274.579*
Tổng cộng	**101.152.420**	**101.152.420**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư kỳ hạn cố định có lãi suất cố định hay thả nổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, độ rủi ro của dự án được tài trợ và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Tập đoàn ước tính giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai bằng cách chiết khấu theo lãi suất thị trường.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá công bố, nếu có, tại ngày lập báo cáo.

- Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp. Các phương pháp này bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, giá trị tài sản ròng và các mô hình định giá liên quan.

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị của từng tài sản tài chính riêng biệt trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ đó là đáng kể, hoặc đánh giá chung các tài sản tài chính trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ không đáng kể.

- Đối với các tài sản bị suy giảm giá trị riêng lẻ, lỗ do suy giảm giá trị được xác định là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính trong tương lai chiết khấu theo lãi suất thực tế ban đầu.

- Đối với đánh giá suy giảm giá trị chung, các tài sản được phân nhóm dựa trên đặc tính rủi ro tín dụng. Lỗ do giảm giá trị được đánh giá tổng thể dựa trên kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính tương tự.

- Đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

43. THÔNG TIN KHÁC

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Tập đoàn và Công ty con đang hoạt động. Tập đoàn vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

44. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TẾ TOÁN NĂM

Ngoài những sự kiện đã thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	**Ông Nguyễn Xuân Hòa**	**Ông Đỗ Trường Minh**
Người lập	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 08 năm 2021

BAOVIET

| 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
| (+84 24) 3928 9999 / 3928 9898
| (+84 24) 3928 9609 / 3928 9610
| www.baoviet.com.vn

SCAN ĐỂ XEM
PHIÊN BẢN TRỰC TUYẾN

Designed by Value+ 0963 974 479